
Thắp sáng
Hành trình
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024

Thắp sáng Hành trình

Năm 2024 là một năm đầy thử thách đối với các doanh nghiệp Ngành điện, khi tiếp tục phải đối mặt với những trở ngại về chính sách. Tuy nhiên, với sự đồng lòng và nỗ lực không ngừng toàn thể CBNV dưới sự định hướng tận tâm của HĐQT, sự kiểm soát chặt chẽ từ UBKT và sự vận hành hiệu quả của BĐH, GEC đã duy trì sự phát triển ổn định nhờ vào danh mục 24 NM NLTT đang vận hành và phát triển với tổng công suất 769 MWp.

Dưới sự dẫn dắt với tầm nhìn chiến lược và quyết tâm mạnh mẽ, BLĐ GEC đã đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời để thích ứng với những biến động của thị trường. Sự linh hoạt trong điều hành và khả năng ứng phó hiệu quả trước khó khăn đã tạo nên nền tảng vững chắc cho sự ổn định của công ty.

Khoảng thời gian này cũng là cơ hội để GEC tiếp tục rà soát, không ngừng cải thiện và nâng cao việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về PTBV - một yếu tố cốt lõi trong chiến lược dài hạn. Công ty luôn cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn cao nhất về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), cũng như QTDN, nhằm tích cực giảm phát thải Carbon, tham gia các sáng kiến bảo vệ môi trường và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng.

Với tinh thần nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhân sự, GEC tiếp tục "Thắp sáng hành trình" cung cấp năng lượng xanh, góp phần giảm thiểu phát thải Carbon và xây dựng một tương lai bền vững hơn.

Mục lục

- Giới thiệu về Báo cáo thường niên 2
- Thuật ngữ viết tắt 4
- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 6
- Thông điệp của Ban Tổng Giám đốc 8
- Dấu ấn nổi bật 2024 10
- Tiêu chuẩn áp dụng 12

Chương 1 - Những tia sáng

- Lịch sử hình thành và phát triển 18
- Thông tin tổng quan về GEC 20
- Thông tin Hội đồng Quản trị 24
- Thông tin Ban Điều hành 30
- Danh mục Dự án 36
- Đối tác và Nhà cung cấp 38
- Các hoạt động nổi bật trong năm 2024 40
- Bức tranh tài chính 42

Chương 2 - Dòng chảy Năng lượng

- Tổng quan về Ngành Năng lượng 50
- Thành quả hoạt động 2024 64
- Đánh giá của Ban Điều hành đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 70
- Hệ thống Công ty thành viên 74
- Hoạt động Kỹ thuật 80
- Công nghệ nâng tầm hiệu quả 86
- Phát triển Dự án 90

Chương 3 - Bến bỉ Hành trình

- Mô hình Quản trị Công ty 96
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 102
- Hoạt động Quản trị Công ty tại GEC 104
- Quản trị độc lập 136
- Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng 142
- Ủy ban kiểm toán 145
- Quản trị rủi ro 151
- Bộ Quy chế ứng xử và Cơ chế tố giác sai phạm 161
- Tuân thủ pháp luật 166
- Quan hệ Nhà đầu tư 172

Chương 4 - Vun đắp Giá trị

- Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo 182
- Sơ đồ quản trị bền vững 184
- Gắn kết với các bên liên quan 186
- Chiến lược Phát triển bền vững đến 2030 190
- Thân thiện với Môi trường 197
- Trách nhiệm với Xã hội 210
- Đóng góp vào Kinh tế 219
- Hoạt động Phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế 228
- Cam kết tuân thủ EHSS 234
- Chỉ số về Môi trường và Lao động 241

Chương 5 - Tinh tấn Tương lai

- Báo cáo tài chính hợp nhất 246
- Báo cáo tài chính riêng lẻ rút gọn 306

Thuật ngữ viết tắt

STT	Nội dung
ACBS	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán ACB
BCT	Bộ Công thương
BCTC	Báo cáo tài chính
BCTN	Báo cáo thường niên
BĐH	Ban Điều hành
BLĐ	Ban Lãnh đạo
BLQ	Bên Liên quan
BSQH	Bổ sung quy hoạch
BTC	Bộ Tài chính
CBNV	Cán bộ nhân viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBTT	Công bố thông tin
CĐ	Cổ đông
CNTT	Công nghệ thông tin
COD	Vận hành thương mại
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
CTCP	Công ty Cổ phần
CTTV	Công ty Thành viên
CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
CV	Công văn
DA	Dự án
DTT	Doanh thu thuần

STT	Nội dung
DPPA	Cơ chế mua bán Điện trực tiếp
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EBIT	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
EBITDA	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao
E&S	Môi trường & Xã hội
EHSS	Môi trường, Sức khỏe, An toàn và Xã hội
FIT	Biểu giá Điện hỗ trợ
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GECG	GEC Group
GDP	Tổng sản phẩm Quốc nội
GĐ	Giám đốc
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE/ HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IFC	International Finance Corporation
KBSV	Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTNB	Kiểm toán nội bộ
LNG	Lợi nhuận gộp
LNST	Lợi nhuận sau thuế

STT	Nội dung
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MAS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
M&A	Mua bán và sáp nhập
MTV	Một Thành viên
NĐ	Nghị định
NĐT	Nhà đầu tư
NLTT	Năng lượng tái tạo
NM	Nhà máy
NQ	Nghị quyết
O&M	Vận hành và Bảo trì
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
PPA	Hợp đồng mua bán điện
PTBV	Phát triển bền vững
QCƯX	Quy chế ứng xử
QĐ	Quyết định
QLRR	Quản lý rủi ro
QTRR	Quản trị rủi ro
QTCT	Quản trị Công ty
QTDN	Quản trị Doanh nghiệp
ROAA	Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân
ROEA	Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân

STT	Nội dung
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGĐ	Tổng Giám đốc
TPDN	Trái phiếu Doanh nghiệp
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TT	Thông tư
TTS	Tổng Tài sản
TTCK	Thị trường chứng khoán
TTCP	Thủ tướng Chính phủ
UB	Ủy ban
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBKT	Ủy ban Kiểm toán
UBND	Ủy ban Nhân dân
VBLQ	Văn bản lập quy
VCBS	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam
VCSH	Vốn Chủ sở hữu
VDSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
VĐL	Vốn Điều lệ
VIOD	Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

Thông điệp Chủ tịch HĐQT



2024 Củng cố nền tảng, sẵn sàng bứt phá

Năm 2024, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm lạm phát gia tăng, xung đột địa chính trị và biến đổi khí hậu. Theo dự báo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế thế giới đạt khoảng 3,2%, với khu vực châu Á tiếp tục duy trì đà phát triển mạnh mẽ.

Tổng đầu tư năng lượng toàn cầu năm 2024 dự kiến vượt 3 nghìn tỷ USD, trong đó hơn 2 nghìn tỷ USD dành cho NLTT và công nghệ sạch. Theo số liệu từ Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), NLTT chiếm 30% tổng sản lượng điện toàn cầu, với công suất mới dự kiến tăng 5.500 GW giai đoạn 2024-2030 - gần gấp 3 lần so với giai đoạn 2017-2023.

Tại Việt Nam, GDP tăng trưởng 7,09%, trong đó ngành Sản xuất và phân phối điện tăng 10,05%, đóng góp quan trọng vào nền kinh tế. Năm 2024 cũng chứng kiến hàng loạt chính sách quan trọng cho ngành điện như NĐ 80/2024/NĐ-CP về cơ chế mua bán điện trực tiếp và NĐ 135/2024/NĐ-CP về Điện Mặt trời Mái nhà. Tuy nhiên, nhiều cơ chế phát triển NLTT vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, đòi hỏi sự tháo gỡ nhanh chóng để đảm bảo an ninh năng lượng và đạt mục tiêu Net Zero 2050.

Với bối cảnh đó, GEC tự hào là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực NLTT tại Việt Nam, sở hữu 24 NM và Hệ thống Điện Mặt trời mái nhà tại 15 tỉnh thành với tổng công suất 769 MWp. Chúng tôi cũng là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam có khung Tài chính Xanh (Green Finance Framework) được CBI chứng nhận. Trong năm 2024, GEC đã phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu xanh, đảm bảo thanh khoản và ổn định tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi đã gặt hái 7 giải thưởng lớn từ các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế, tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường NLTT.

Bước qua một năm đầy thử thách nhưng cũng đầy cơ hội, GEC đang tích cực triển khai các DA chiến lược tại Đồng bằng sông Cửu Long và các nước Đông dương. Đây sẽ là những bước tiến vững chắc, giúp chúng tôi không chỉ giữ vững vị thế mà còn đóng góp vào mục tiêu PTBV của quốc gia.

2025 Kiến tạo nền tảng vững chắc cho Tương lai

Bước sang năm 2025, OECD và IMF dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 3,3%, trong khi đó, các nền kinh tế đang phát triển khu vực châu Á được ADB dự báo sẽ duy trì ở mức 4,8%. Việt Nam đặt mục tiêu GDP trên 8%, với dòng vốn FDI được kỳ vọng tăng mạnh nhờ lợi thế vị trí chiến lược và môi trường kinh doanh ngày càng hoàn thiện.

Nhu cầu điện tại Đông Nam Á được dự báo sẽ tăng 4%/năm, trong đó Việt Nam tiếp tục dẫn đầu khu vực về phát triển NLTT, hướng đến mục tiêu 30% tổng sản lượng điện từ gió/mặt trời vào năm 2030.

Với tiềm lực tài chính giai đoạn 2030-2050 vào khoảng 500 tỷ USD, thị trường NLTT tại Việt Nam tiếp tục mở rộng, đòi hỏi chính sách phải linh hoạt để đáp ứng nhu cầu phát triển.

GEC sẽ tiếp tục mở rộng danh mục DA NLTT, bao gồm Điện Mặt trời, Điện Gió, Thuỷ điện, Thuỷ điện tích năng, nhập khẩu điện từ Lào, Hydrogen, lưu trữ năng lượng và Điện Rác. Đồng thời, GEC sẽ hợp tác chặt chẽ với các đối tác FDI để đón đầu cơ chế DPPA, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh đó, GEC sẽ tiếp tục tối ưu hóa nguồn vốn, tìm kiếm đối tác chiến lược quốc tế, tận dụng các cơ chế tài chính xanh, đảm bảo nguồn lực phát triển dài hạn.

Lời tri ân và kêu gọi hành động

Kính thưa Quý vị,

Năm 2024 đã khép lại, đánh dấu một hành trình nhiều thách thức nhưng cũng đầy ý nghĩa. Chúng tôi trân trọng sự đồng hành quý báu từ Quý CĐ, Quý Đối tác và toàn thể CBNV - những người đã góp phần quan trọng giúp GEC vượt qua khó khăn và đạt được những thành tựu đáng tự hào.

Bước vào năm 2025, với tinh thần đoàn kết, sáng tạo và cam kết mạnh mẽ, tôi tin tưởng rằng GEC sẽ tiếp tục PTBV, mang lại giá trị thiết thực cho cộng đồng và từng CĐ.

Tôi kêu gọi toàn thể CBNV, các đối tác và CĐ đồng lòng - sáng tạo - đột phá, biến khát vọng thành hiện thực, đưa GEC vươn xa hơn nữa trong năm 2025!

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TÂN XUÂN HIẾN

Thông điệp của Ban Tổng giám đốc

Năm 2023 và 2024 được xem là thời gian đầy thách thức trong hành trình phát triển của GEC và các doanh nghiệp NLTT trong nước... Chờ đợi những rà soát về việc đã đảm bảo đáp ứng các quy định ngành và chờ đợi cả cơ chế, kết quả đàm phán giá điện chuyển tiếp của DA Điện Gió GEC.

Thắp sáng hành trình

Theo đó, kết quả kinh doanh GEC 2024 dừng ở số liệu khiêm tốn là 181,5 tỷ đồng và 50% giá trị Doanh thu/Lợi nhuận DA Điện Gió đang đàm phán được mang từ năm 2023, 2024 qua sẽ ghi nhận vào năm 2025.

Trong thời gian này, hiểu được bối cảnh chung và tự tin vào nhu cầu sử dụng điện đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế thời gian tới, GEC tiếp tục chủ động tìm kiếm và xây dựng danh mục đa dạng các DA NLTT - từ Điện Mặt trời Mái nhà, Điện Mặt trời, Điện Gió trong nước và nhập khẩu từ Lào, đến Thuỷ điện nhỏ, Thuỷ điện tích năng, DA tích trữ năng lượng, Hydrogen, cũng như nghiên cứu Điện Rác và đồng hành cùng các đối tác FDI đón đầu cơ chế DPPA... Sự tích luỹ này đang làm dày thêm danh mục DA và tạo giá trị bền vững cho sự phát triển GEC trong tương lai.

Các giải pháp củng cố năng lực tài chính và nâng cao chất lượng đội ngũ cũng đã được tập trung thực hiện trong năm vừa qua. Với việc đáo hạn thành công gói trái phiếu 1.000 tỷ đồng với kì hạn 3 năm, dư nợ GEC hiện nay tập trung vào các gói vay DA trung dài hạn với bình quân lãi suất dưới 8%/năm. Đội ngũ nhân sự được đào tạo, đáp ứng việc nghiên cứu và tìm kiếm giải pháp cho các xu hướng phát triển kỹ thuật ngành Năng lượng, cho việc tương tác hiệu quả với các CĐ lớn Jera, các đối tác DEG, SK, Vestas và các đơn vị tư vấn quốc tế uy tín...

Bước qua 2025, đón đầu Quy hoạch Điện 8 điều chỉnh với danh mục DA đa dạng đã tích luỹ và gầy dựng, GEC tiếp tục cân đối kế hoạch triển khai phù hợp, trên cơ sở phải cơ bản khắc phục được thách thức về giá điện đàm phán trong bối cảnh mới và giá thành phát triển DA, về công nghệ và chi phí sử dụng vốn. Đây là mục tiêu then chốt để nâng cao công suất phát điện hiệu quả và bền vững, mang lại giá trị thiết thực cho GEC, CĐ và đối tác...

Hiểu bối cảnh chung, đối diện với hạn chế về năng lực vốn chưa theo kịp tốc độ phát triển, và kiên định với các mục tiêu cốt lõi, Ban TGĐ GEC vững tin triển khai các kế hoạch nhiệm vụ năm 2025. Với sự ủng hộ của Quý CĐ, sự chỉ đạo định hướng của HĐQT, sự đồng hành của các Đối tác, và sự mẫn cãn của đội ngũ, tất cả đã, đang và sẽ luôn luôn **THẮP SÁNG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA GEC**.

Dấu ấn nổi bật 2024

DẤU ẤN LỊCH SỬ

35 năm
Hình thành và PTBV trong lĩnh vực NLTT

17 lần
Tăng vốn điều lệ mở rộng quy mô kể từ khi cổ phần hóa, bao gồm hoạt động chào bán ra công chúng và chi trả cổ tức cho CĐ

15 Tỉnh thành
Quy mô hoạt động trải dài khắp các tỉnh thành

SẢN XUẤT ỔN ĐỊNH

24 NM
Danh mục đầu tư rộng khắp với 24 NM và 35 Hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà trải rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước

769 MWp
Công suất đã và đang phát triển, tăng gấp 7,6 lần so với thời điểm cổ phần hóa

1,4 tỷ kWh
Sản lượng NLTT năm 2024 cung cấp vào lưới điện Quốc gia, tăng gấp 1,9 so với năm 2020

5,1 tỷ kWh
Sản lượng NLTT lũy kế 2020-2024 cung cấp vào hệ thống lưới điện Quốc gia

TÀI CHÍNH BỀN VỮNG

15.174 tỷ đồng
TTS năm 2024, tăng gấp 2 lần so với năm 2020

4.225 tỷ đồng
VĐL năm 2024, tăng gấp 1,7 lần so với năm 2020

2.325 tỷ đồng
DTT năm 2024, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2020

1.073 tỷ đồng
LNG năm 2024, tăng gấp 1,4 lần so với năm 2020

1.772 tỷ đồng
EBITDA năm 2024, tăng gấp 1,7 lần so với năm 2020

46 %
Biên LNG năm 2024

76 %
Biên EBITDA năm 2024

8 %
Biên LNTT năm 2024

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

511.960 Hộ gia đình
Số lượng hộ gia đình GEC cung cấp điện ước tính trong năm 2024, tăng 1,9 lần so với năm 2020

1,28 triệu tấn CO_2
Tổng số giảm phát thải CO_2 so với điện than năm 2024, góp phần vào chiến dịch Net-Zero toàn cầu

715.765 chứng chỉ
Tổng số chứng chỉ REC được phát hành 2024

117.519 chứng chỉ
Tổng số chứng chỉ VER được phát hành 2024

80 cây xanh
Tổng số lượng cây trồng 2024

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

1,9 tỷ đồng
Đóng góp vào các hoạt động xã hội, cộng đồng 2024

279 tỷ đồng
Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước 2024

397 triệu đồng/người/tháng
Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước 2024

31 triệu đồng/người/tháng
Năng suất lao động theo LNTT 2024

TỐI ĐA LỢI ÍCH CHO CĐ

5 %
Cổ tức 2023 bằng cổ phiếu được chi trả cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông

6,2424 %
Cổ tức 2023 bằng tiền mặt được chi trả cho CĐ sở hữu cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi

35,1 %
Tỷ lệ cổ phần thường, CĐ JERA - Nhật Bản đồng hành cùng phát triển

64,2 triệu cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi đã phát hành cho DEG

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU

A-
Năm thứ 2 liên tiếp được FiinRatings xếp hạng tín nhiệm "A-" với triển vọng "Ổn định"

Khung Tài chính Xanh
Doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam được Chứng nhận bởi Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI)

7
Giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế

Tiêu chuẩn áp dụng

STT	Nội dung	Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC	Trang
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG			
1	**Ma trận ESG**		
(E) MÔI TRƯỜNG	E1. Biến đổi khí hậu E2. Quản lý phát thải khí nhà kính E3. Cạn kiệt tài nguyên E4. Sự ô nhiễm E5. Tiêu thụ năng lượng E6. Sử dụng đất đai E7. Mất đa dạng sinh học E8. Hệ sinh thái E9. Sự khai thác và tiêu thụ nước E10. Quản lý chất thải	Chương 4 ❖ Chiến lược PTBV đến 2030 ❖ Thân thiện với Môi trường ❖ Cam kết tuân thủ EHSS ❖ Chỉ số về Môi trường và Lao động	 190 197 234 241
(S) XÃ HỘI	S1. Cơ hội bình đẳng S2. Đa dạng giới S3. Đào tạo S4. An toàn, an ninh cộng đồng S5. Sức khỏe và sự an toàn S6. Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức S7. Cơ chế khiếu nại S8. Quyền con người S9. Quản lý chuỗi cung ứng S10. Tác động xã hội của sản phẩm, dịch vụ S11. Bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới	Chương 4 ❖ Chiến lược PTBV đến 2030 ❖ Trách nhiệm với Xã hội ❖ Cam kết tuân thủ EHSS ❖ Chỉ số về Môi trường và Lao động	 190 210 234 241
(G) QUẢN TRỊ CÔNG TY	G1. Tầm nhìn, giá trị và văn hóa G2. Sự đa dạng, cơ cấu và giám sát của HĐQT G3. Kế hoạch, chiến lược kinh doanh G4. Thù lao HĐQT G5. KSNB G6. QTRR và kinh doanh liên tục G7. Đạo đức và tuân thủ G8. Quyền của CĐ G9. Quản trị sự tham gia của các BLQ G10. Công khai và minh bạch	Chương 3: ❖ Mô hình QTCT ❖ Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động SXKD năm 2024 ❖ Hoạt động QTCT tại GEC ❖ Hoạt động của thành viên độc lập ❖ UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng ❖ UBKT ❖ QTRR ❖ Bộ QCUX và Cơ chế tố giác sai phạm ❖ Tuân thủ pháp luật ❖ Quan hệ NĐT	 96 102 104 136 142 145 151 161 166 172
2	**Nhóm nhiệm vụ liên quan đến khí hậu - TCFD**		
1	Quản trị	Chương 4: ❖ Hoạt động PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế	228
2	Chiến lược		
3	QTRR		
4	Chỉ số và mục tiêu		
3	**Báo cáo theo tiêu chuẩn GRI**		
GRI 201	**Hiệu quả hoạt động Kinh tế**		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Chương 4: ❖ Đóng góp vào Kinh tế	219
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu		
201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ		
GRI 202	**Sự hiện diện trên thị trường**		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng		

STT	Nội dung	Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC	Trang
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG			
3	**Báo cáo theo tiêu chuẩn GRI**		
GRI 203	**Tác động kinh tế gián tiếp**		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ		
GRI 301	**Vật liệu**		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng		
GRI 302	**Năng lượng**		
302-1	Tiêu thụ Năng lượng trong tổ chức		
302-4	Giảm tiêu hao Năng lượng		
GRI 303	**Nước và nước thải**		
303-1	Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên chung		
303-3	Nước đầu vào		
303-4	Nước thải		
303-5	Nước tiêu thụ		
GRI 304	**Đa dạng sinh học**		
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học		
304-3	Các Môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi		
GRI 305	**Phát thải**		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	Chương 4 ❖ Chiến lược PTBV đến 2030 ❖ Thân thiện với Môi trường ❖ Cam kết tuân thủ EHSS ❖ Chỉ số về Môi trường và Lao động	 190 196 234 241
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ Năng lượng (Phạm vi 2)		
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)		
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)		
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)		
305-7	Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX) và các phát thải khí đáng kể khác		
GRI 306	**Chất thải**		
306-3	Chất thải phát sinh		
306-4	Chất thải được chuyển hướng khỏi phương pháp xử lý cuối cùng		
306-5	Chất thải được xử lý		
GRI 307	**Tuân thủ về Môi trường**		
307-1	Không tuân thủ Pháp luật và các quy định về Môi trường		
GRI 308	**Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường**		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá hồ sơ bằng cách sử dụng các tiêu chí về Môi trường		
308-2	Các tác động Môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện		
GRI 401	**Việc làm**		
401-1	Số lượng nhân viên tuyển dụng mới và tỷ lệ thôi việc		
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian		
401-3	Nghỉ thai sản		

STT	Nội dung	Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC	Trang
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG			
3	**Báo cáo theo tiêu chuẩn GRI**		
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	Chương 4 ❖ Chiến lược PTBV đến 2030 ❖ Trách nhiệm với Xã hội ❖ Cam kết tuân thủ EHSS ❖ Chỉ số về Môi trường và Lao động	 190 210 234 241
401-3	Nghỉ thai sản		
GRI 403	**An toàn và sức khỏe nghề nghiệp**		
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		
403-2	Nhận dạng mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố		
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp		
403-5	Huấn luyện nhân viên về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		
GRI 404	**Giáo dục và đào tạo**		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên		
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp		
GRI 405	**Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng**		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên		
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới		
GRI 413	**Cộng đồng địa phương**		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của Cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển		
4	**17 Mục tiêu PTBV của LHQ**		
1	Xóa nghèo	Chương 4: ❖ Hoạt động PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế	 228
2	Không còn nạn đói		
3	Sức khỏe và có cuộc sống tốt		
4	Giáo dục có chất lượng		
5	Bình đẳng giới		
6	Nước sạch và vệ sinh		
7	Năng lượng sạch với giá thành hợp lý		
8	Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế		
9	Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng		
10	Giảm bất bình đẳng		
11	Các thành phố và cộng đồng bền vững		
12	Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm		
13	Hành động về khí hậu		
14	Tài nguyên và môi trường biển		
15	Tài nguyên và môi trường trên đất liền		
16	Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ		
17	Quan hệ đối tác vì các mục tiêu		
MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI (E&S)			
1	**Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 về Môi trường**	**Chương 4:** **❖ Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo** **❖ Cam kết tuân thủ EHSS**	**182** **234**
2	**Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 về An toàn sức khỏe nghề nghiệp**	**Chương 4:** **❖ Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo**	**182**
3	**Tiêu chuẩn ISO 26000:2010 về Trách nhiệm xã hội**	**❖ Trách nhiệm với xã hội** **❖ Cam kết tuân thủ EHSS**	**210** **234**
4	**E&S theo Tiêu chuẩn IFC**		
PS1	Tiêu chuẩn hoạt động 1: Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến Môi trường và Xã hội	Chương 4: ❖ Hoạt động PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế	 228
PS2	Tiêu chuẩn hoạt động 2: Điều kiện làm việc và lao động		
PS3	Tiêu chuẩn hoạt động 3: Tiết kiệm tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm		
PS4	Tiêu chuẩn hoạt động 4: Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng		
PS5	Tiêu chuẩn hoạt động 5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện		

STT	Nội dung	Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC	Trang
MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI (E&S)			
4	**E&S theo Tiêu chuẩn IFC**		
PS6	Tiêu chuẩn hoạt động 6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững	Chương 4: ❖ Hoạt động PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế	 228
PS7	Tiêu chuẩn hoạt động 7: Người thiểu số bản địa		
PS8	Tiêu chuẩn hoạt động 8: Di sản văn hóa		
5	**E&S theo Tiêu chuẩn ADB**		
SPS1	Các biện pháp bảo vệ Môi trường		
SPS2	Các biện pháp bảo vệ tái định cư không tự nguyện		
SPS3	Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân bản địa		
SPS4	Yêu cầu đặc biệt đối với các phương thức tài chính khác nhau		
6	**Tiêu chuẩn môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới (World Bank)**	**Chương 4:** **❖ Cam kết tuân thủ EHSS**	**234**
7	**Tiêu chuẩn lao động cốt lõi của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)**	**Chương 4:** **❖ Cam kết tuân thủ EHSS**	**234**
QUẢN TRỊ CÔNG TY			
1	**Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất**		
1	Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất	Chương 3: ❖ Mô hình QTCT ❖ Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động SXKD năm 2024 ❖ Hoạt động QTCT tại GEC ❖ Hoạt động của thành viên độc lập ❖ UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng ❖ UBKT ❖ QTRR ❖ Bộ QCƯX và Cơ chế tố giác sai phạm ❖ Tuân thủ pháp luật ❖ Quan hệ NĐT	 96 102 104 136 142 145 151 161 166 172
1	Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT		
2	Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp		
3	Nguyên tắc 3: Bảo đảm vai trò Lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT		
4	Nguyên tắc 4: Thiết lập các UB trực thuộc HĐQT		
5	Nguyên tắc 5: Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT		
6	Nguyên tắc 6: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty		
7	Nguyên tắc 7: Thiết lập khung QLRR và môi trường kiểm soát vững mạnh		
8	Nguyên tắc 8: Tăng cường hoạt động CBTT của Công ty		
9	Nguyên tắc 9: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của CĐ		
10	Nguyên tắc 10: Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan		
2	**Asean Scorecard**		
1	Quyền và đối xử công bằng với CĐ		
2	Bền vững và năng lực chống chịu		
3	CBTT và minh bạch		
4	Trách nhiệm của HĐQT		
5	Thẻ điểm thưởng		
6	Thẻ điểm phạt		
3	**G20/OECD các Nguyên tắc QTCT**		
1	Đảm bảo cơ sở cho một Khuôn khổ QTCT hiệu quả		
2	Quyền của CĐ, đối xử công bằng với CĐ và các chức năng sở hữu cơ bản		
3	NĐT tổ chức, TTCK và các trung gian khác		
4	CBTT và minh bạch		
5	Trách nhiệm của HĐQT		
6	Bền vững và năng lực chống chịu		
TÍN DỤNG XANH			
1	Xếp hạng tín nhiệm Tổ chức phát hành của FiinRatings	Chương 3: ❖ Quan hệ NĐT	 172
2	Khung Tài chính Xanh		
TIÊU CHUẨN BÁO CÁO			
1	Báo cáo Tích hợp Quốc tế IIRC	❖ Áp dụng tất cả các Chương	
2	Tiêu chuẩn LACP		
3	Bộ Tiêu chí đánh giá BCTN - VLCA		

CHƯƠNG 1

Những Tia Sáng

Lịch sử Hình thành và phát triển

1989

- Thành lập Công ty Thủy điện Gia Lai - Kon Tum thuộc UBND Tỉnh Gia Lai
- NM Thủy điện Ia Đrăng 2 với công suất 1,2 MW

1995

- Đổi tên thành Công ty Điện Gia Lai

2010

- Cổ phần hóa - CTCP Điện Gia Lai
- VĐL: **262 tỷ đồng**
- **14 NM** Thủy điện
- Tổng công suất: **84 MW**

2013

- Gia nhập tập đoàn TTC và là Đơn vị hạt nhân trong lĩnh vực Năng lượng của Tập đoàn

2016

- VĐL: **745 tỷ đồng**
- IFC - Ngân hàng Thế giới và Quỹ Năng lượng sạch Amstrong - Singapore, CĐ chiến lược
- Niêm yết UPCOM

2018

- Vận hành 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam - 117 MWp
- **16 NM** Thủy điện và NM Điện Mặt trời

2019

- Niêm yết 204 triệu cổ phiếu tại HOSE
- **19 NM** Thủy điện và Điện Mặt trời.
- Tổng công suất: **344 MWp**

2020

- **18 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái
- Tổng công suất: **398 MWp**
- VĐL: **2.712 tỷ đồng**
- Rổ chỉ số VN100

2021

- COD 3 NM Điện Gió **~130 MW**
- **21 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái
- Tổng công suất: **545 MWp**
- VĐL: **3.037 tỷ đồng**
- Rổ chỉ số VN100 và VNSI20
- **6 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước

2022

- JERA - CĐ chiến lược với **35,1%** số lượng Cổ phần đang lưu hành
- VĐL: **3.861 tỷ đồng**
- Huy động **900 tỷ đồng** vốn xanh từ DEG và SYMBIOTICS
- **8 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước
- Rổ chỉ số VN100 và VNSI20

2023

- COD NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 - **100 MW**
- **21 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và các hệ thống Điện Mặt trời Áp mái
- Tổng công suất: **665 MWp**
- VĐL: **4.054 tỷ đồng**
- Rổ chỉ số VN100 và VNSI20
- **12 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước
- Xếp hạng tín nhiệm **"A-"** với triển vọng "Ổn định" bởi FiinRatings

2024

- Tổng công suất vận hành và phát triển: **769 MWp**
- VĐL: **4.225 tỷ đồng**
- DTT: **2.325 tỷ đồng**
- TTS: **15.174 tỷ đồng**
- Phát hành thành công **500 tỷ đồng** Trái phiếu thông qua các Tổ chức phát hành CTS và VCBS
- Doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam sở hữu Khung Tài chính Xanh (Green Finance Framework) được Chứng nhận bởi Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI)
- Năm thứ 2 liên tiếp được FiinRatings xếp hạng tín nhiệm **"A-"** với triển vọng "Ổn định"
- Top 50 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả
- Top 5 Doanh nghiệp Đổi mới, Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả - Nhóm Sản xuất, phân phối và truyền tải điện
- Giải Bạch kim BCTN Quốc tế - Ngành Năng lượng và Tiện ích
- Top 5 BCTN Quốc tế - Nhóm Quốc gia Việt Nam
- Top 100 BCTN Quốc tế - Nhóm Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Hạng 5)
- Giải Thành tựu kỹ thuật - BCTN Quốc tế
- Top 3 Doanh nghiệp có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất - Mid cap.

Thông tin tổng quan về GEC

TỔNG QUAN CÔNG TY

Kể từ khi thành lập năm 1989 và cổ phần hóa năm 2010, vượt qua giới hạn của một doanh nghiệp khai thác Thủy điện truyền thống, GEC không ngừng đổi mới và chuyển mình mạnh mẽ để trở thành đơn vị tiên phong trong lĩnh vực NLTT tại Việt Nam, GEC mở rộng đầu tư sang các lĩnh vực khác như Điện Mặt trời, Điện Gió và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái, xây dựng một danh mục năng lượng đa dạng, tiên tiến với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng hiệu quả những yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường điện trong bối cảnh biến động hiện nay. Đặc biệt, với tầm nhìn chiến lược dài hạn, GEC đang đẩy mạnh hoạt động vào các lĩnh vực năng lượng xanh tiềm năng như Thủy điện tích năng, DA tích trữ Năng lượng, Hydrogen cũng như nghiên cứu Điện Rác đón đầu cơ chế DPPA. Những bước tiến này không chỉ khẳng định vị thế dẫn đầu mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của chúng tôi trong việc thực hiện các mục tiêu PTBV và nỗ lực chống biến đổi khí hậu toàn cầu.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

3511 | Sản xuất Điện (chính)

2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3512	Truyền tải và phân phối điện
3811	Thu gom rác thải không độc hại
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
3830	Tái chế phế liệu
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
7710	Cho thuê xe có động cơ

TỔNG QUAN CÔNG TY

Tên giao dịch
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Tên tiếng Anh
GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt
GEC

Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp
Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/9/2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 17/09/2024

Người đại diện pháp luật
Ông Tân Xuân Hiến
Chủ tịch HĐQT

Ngày thành lập
1/6/1989

Trụ sở
114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Website
https://geccom.vn

Vốn Điều lệ
4.225 tỷ đồng

Mã chứng khoán
GEG

Sàn giao dịch
HOSE

Cổ phiếu phổ thông
358.308.371 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi cổ tức
64.200.000 cổ phiếu

THÔNG TIN LIÊN LẠC

MẠNG LƯỚI 4 VĂN PHÒNG:

	TRỤ SỞ CHÍNH	VĂN PHÒNG TẠI TP.HCM	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TTC HÀ NỘI	VĂN PHÒNG KHU VỰC MIỀN TÂY
Địa chỉ	114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tầng 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM	Số 9, Ngõ 310, Ngách 22, Đường Nghi Tàm, P. Tứ Liên, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	C32 Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, P. 6, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Người đại diện	**Ông Hồ Quí Tri Thức** GĐ Khu vực Lào	**Ông Phạm Thành Tuấn Anh** GĐ Văn phòng Đại diện	**Ông Ngô Trường Thạnh** GĐ Kinh doanh	**Ông Hà Quốc Kiệt** GĐ Khu vực Miền Tây
Điện thoại	026 9382 3604	028 3999 8822 - 6012	0939724455	0984 441 777
Email	info@geccom.vn	com-off.dep-mgr@geccom.vn	business.mgr@geccom.vn	western.cro@geccom.vn

MẠNG LƯỚI 5 CHI NHÁNH:

	TTC THỪA THIÊN HUẾ TTC ĐĂK PI HAO	TTC ĐĂK PI HAO	TTC CHƯ PRÔNG	TTC MANG YANG	TTC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ	189 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai	268 Hùng Vương, Thị trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai	Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng
Người đại diện	**Ông Trần Nguyễn Quốc Huy** GĐ	**Ông Lê Hoàng Khanh** GĐ	**Ông Phạm Văn Hiệp** GĐ	**Ông Lê Quang Quốc Dũng** GĐ	**Ông Nguyễn Mạnh Hùng** GĐ
Điện thoại	0234 3933 913	0914 060 747	0269 6275 190	0357 777 779	0263 3615 091
Email	phongdien.dir@geccom.vn	iabang.dir@geccom.vn	cp.dir@geccom.vn	my.dir@geccom.vn	ld.dir@geccom.vn

THÔNG TIN LIÊN HỆ DÀNH CHO BLQ TRỌNG YẾU:

	NGƯỜI PHỤ TRÁCH CBTT	ĐƯỜNG DÂY CHÍNH TRỰC
Người đại diện	**Ông Phạm Thành Tuấn Anh** Chánh Văn phòng Công ty	**Ông Lê Thái Bình** Trưởng KTNB
Điện thoại	028 3999 8822 - 6012	028 3999 8822
Email	tbvpct@geccom.vn	ia.mgr@geccom.vn

	BỘ PHẬN QUAN HỆ NĐT	PHÒNG PTDA
Người đại diện	**Bà Trịnh Khánh Linh** Bộ phận Quan hệ NĐT	**Ông Phạm Minh Dương** Trưởng phòng PTDA
Điện thoại	028 3999 8822 - 6035	028 3999 8822 - 6073
Email	ir.dir@geccom.vn	projectdev.dep-mgr@geccom.vn

	PHÒNG EHSS	PHÒNG KINH DOANH
Người đại diện	**Bà Bùi Thị Thúy Hằng** Phụ trách Phòng EHSS	**Ông Ngô Trường Thạnh** GĐ Kinh doanh
Điện thoại	028 3999 8822 - 6051	0939724455
Email	ehss.dep@geccom.vn	business.mgr@geccom.vn

	PHÒNG NHÂN SỰ	PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ
Người đại diện	**Bà Nguyễn Thị Hồng Vân** GĐ Nhân sự	**Bà Châu Tiểu Phụng** GĐ Hành chính Quản trị
Điện thoại	028 3999 8822 - 106	028 3999 8822
Email	hr.mgr@geccom.vn	ciao.mgr@geccom.vn

Thông tin Hội đồng quản trị



Ông TÂN XUÂN HIẾN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - 1961 - VIỆT NAM

Thành tựu nổi bật: 32 năm Lãnh đạo cấp cao - Quản trị Điều hành thuộc Ngành Năng lượng TTC và GEC, Ông Tân Xuân Hiến là một nhà lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm trong ngành năng lượng. Ông là người có công lớn trong việc xây dựng đưa GEC trở thành Doanh nghiệp phát triển đa dạng NLTT xanh, sạch, thân thiện Môi trường tại Việt Nam gồm Thủy điện nhỏ, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và Điện Gió. Đặc biệt là nhà tiên phong cho việc phát triển Điện Mặt trời trang trại tại Việt Nam.

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 3/2018 (tái bổ nhiệm tháng 6/2020), 6 năm 10 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 676.615 cổ phiếu - 0,160%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Chủ tịch UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú

Quá Trình Công tác:
- 3/2018 - nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2013 - nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- 3/2017 - 2/2018
  Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2015 - 2/2017
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 9/2010 - 12/2014
  Thành viên HĐQT, TGĐ - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 1998 - 8/2010
  GĐ - Công ty Điện Gia Lai
- 1992 - 1997
  Phó GĐ - Công ty Điện Gia Lai

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:
- Định hướng chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn
- Quản trị và giám sát tái cấu trúc
- Quản trị và giám sát đầu tư Tài chính, đầu tư DA
- Quản trị và giám sát Tài chính, Kế toán, điều tiết nguồn lực tài chính, tín dụng và thanh khoản
- Quản trị và giám sát mua sắm, thanh lý tài sản cố định
- Quản trị và giám sát các hoạt động liên quan đến CĐ và Cổ phần
- Quản trị và giám sát hoạt động Nhân sự liên quan CBQL cấp cao; chính sách chế độ cho người lao động
- Quản trị và giám sát VBLQ
- Đại diện HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại các CTTV, Quản trị và Giám sát hoạt động của CTTV
- Thay mặt HĐQT ký NQ, QĐ và các Văn bản khác đã được sự thống nhất của HĐQT hoặc đã được HĐQT phân công/ủy quyền
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT
- Người đại diện phát ngôn của Công ty.



Bà NGUYỄN THÙY VÂN
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP - 1980 - VIỆT NAM

Thành tựu nổi bật: 20 năm - Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán, Bà đóng góp quan trọng trong việc duy trì văn hóa tuân thủ và hoàn thiện hệ thống QTCT theo các chuẩn mực quốc tế. Giám sát và chuẩn hóa hệ thống QTRR đồng thời duy trì tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB, góp phần giảm thiểu rủi ro và đạt mục tiêu chiến lược trong dài hạn. Ngoài ra, Bà cũng đảm nhiệm việc giám sát thực thi các chính sách bảo vệ người tố giác, giúp xây dựng một môi trường làm việc minh bạch, công bằng và đáng tin cậy. Trong cương vị Chủ tịch UBKT, Bà đã thiết lập, chuẩn hóa hệ thống kiểm soát và nâng cao hiệu suất hoạt động KTNB nhằm giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty, đồng thời thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm trong công tác quản trị và điều hành. Những nỗ lực này không chỉ đảm bảo quyền lợi của CĐ mà còn củng cố vị thế của Công ty trên TTCK. Với những thành tựu nổi bật này, bà Nguyễn Thùy Vân không chỉ khẳng định năng lực chuyên môn sâu sắc, mà còn góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp, thúc đẩy mục tiêu PTBV và xây dựng nền tảng quản trị hiện đại, hiệu quả.

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 9/2018 (tái bổ nhiệm tháng 4/2023) 6 năm 4 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 235.956 cổ phiếu - 0,055%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang đảm nhiệm:
- Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Chủ tịch UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Khu Công nghiệp Thành Thành Công
- Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch UBKT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)

Quá Trình Công tác:
- 9/2018 - nay
  Thành viên HĐQT độc lập; Chủ tịch UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 4/2022 - nay
  Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch UBKT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- 4/2022 - nay
  Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công
- 2012 - nay
  Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 9/2020 - 2/2024
  Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Toàn Hải Vân

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:
- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác QTDN được thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo tính tuân thủ của Công ty đối với các chuẩn mực QTDN Quốc tế
- Quản trị và giám sát thực hiện các công cụ QTRR và giám sát tính hiệu quả của hệ thống KSNB, PTBV gắn liền tính tuân thủ cao và giảm thiểu rủi ro
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả
- Kiểm tra các hợp đồng và các giao dịch liên quan đến các hoạt động NLTT của Công ty để đảm bảo tính hợp lệ và chính xác
- Thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo và phát triển nhân viên để nâng cao năng lực và hiệu suất làm việc của nhân viên
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT.



Thành tựu nổi bật: 9 năm Quản lý, Điều hành trong Lĩnh vực Du lịch và Năng lượng, Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn có những đóng góp quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động QTCT phù hợp thông lệ quốc tế, đặc biệt là các chuẩn mực ESG. Tháng 10/2024 ông đã vinh dự được đón nhận giải thưởng Doanh nhân trẻ ASEAN 2024 - The ASEAN Young Entrepreneurs Carnival Award 2024, cùng với đại diện của các quốc gia: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philipppines, Singapore, Thái Lan. Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành Năng lượng, đồng thời cũng đóng góp tích cực vào việc PTBV và quản trị tốt trong doanh nghiệp.

Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN

THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH - 1991 - VIỆT NAM

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 4/2021, 3 năm 9 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 471.912 cổ phiếu - 0,111%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Thành viên UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- Thành viên HĐQT - CTCP Bò Kobe Việt Nam
- Cố vấn Cấp cao - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- Trợ lý Chủ tịch - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- GĐ Đầu tư - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (SBT)

Quá Trình Công tác:

- 1/2024 - nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- 2023 - nay
  Cố vấn cấp cao - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
  Trợ lý Chủ tịch - Tập đoàn TTC
  GĐ Đầu tư - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 4/2021 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 8/2020 - 01/2024
  Chủ tịch HĐQT kiêm GĐ - CTCP Năng lượng TTC
- 12/2019 - 8/2020
  Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- 2018 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Bò Kobe Việt Nam
- 2/2017 - 2023
  Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:

- Phụ trách các mối quan hệ tại thị trường Việt Nam để phát triển danh mục DA NLTT liên quan Điện Mặt trời Áp mái
- Quản trị và giám sát các giải pháp QTDN theo thông lệ tốt trên thế giới
- Quản trị và giám sát các vấn đề phát sinh liên quan đến Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) chuẩn quốc tế theo yêu cầu của NĐT nước ngoài
- Tham gia vào các hoạt động giám sát và đánh giá của các tổ chức và cơ quan liên quan đến ESG đảm bảo tính đáp ứng và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định Ngành và cam kết với NĐT nước ngoài
- Thực hiện các hoạt động liên quan đến Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG), bao gồm các hoạt động tình nguyện và các chương trình xã hội hóa
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT.



Thành tựu nổi bật: Với 28 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành tại các tập đoàn năng lượng hàng đầu Nhật Bản, ông Toshihiro Oki đã đóng góp vào nhiều DA quan trọng trong ngành năng lượng, đặc biệt là trong việc kết nối và giới thiệu các chương trình hỗ trợ phát triển NLTT của Chính phủ Nhật Bản cho GEC tại các quốc gia Đông Dương. Ông cũng chia sẻ những kinh nghiệm quý báu liên quan đến việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực Năng lượng Gió, Mặt trời, Thủy điện; đặc biệt là Ammonia Xanh - một công nghệ mới đầy hứa hẹn trong việc phát triển năng lượng sạch. Những đóng góp của ông trong việc chuyển giao công nghệ và kiến thức chuyên môn đã hỗ trợ sự PTBV của GEC, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu đang hướng đến việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và phát triển các nguồn NLTT. Những thành tựu và đóng góp của ông Toshihiro Oki không chỉ nâng cao giá trị của GEC mà còn giúp GEC có thêm cơ hội phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực NLTT tại khu vực Đông Dương.

Ông TOSHIHIRO OKI

THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH - 1970 - NHẬT BẢN

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 12/2022, 2 năm 1 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu - 0%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- GĐ Điều hành Ban NLTT Toàn cầu - JERA Co., Inc. Nhật Bản

Quá Trình Công tác:

- 12/2022 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2021 - nay
  GĐ Điều hành Ban NLTT toàn cầu - JERA Co, Inc. Nhật Bản
- 2019 - 2021
  GĐ điều hành - JERA Power UK Ltd.
- 2018 - 2019
  GĐ - Business Development Group, Engineering Service Centre, Thermal Power Dep. CEPCO
- 2015 - 2018
  Quản lý cấp cao - Business Development Div. JERA Co. Inc.
- 2013 - 2015
  Quản lý cấp cao - International Business Dep. CEPCO
- 2012 - 2013
  Quản lý cấp cao - Engineering Group, Shin-Nagoya Thermal Power Station CEPCO
- 2011 - 2012
  Quản lý cấp cao - Engineering Group, Joetsu Thermal Power Station, CEPCO

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:

- Phụ trách kết nối và giới thiệu các chương trình hỗ trợ phát triển DA NLTT của Chính phủ Nhật Bản cho các DA của GEC tại các Nước Đông Dương
- Phụ trách mối quan hệ với Công ty phát triển NLTT tại thị trường Nhật Bản, Anh, Mỹ và Châu Á để phát triển Danh mục của GEC
- Tìm kiếm nguồn vốn cho DA NLTT mới hoặc tái tài trợ cho DA hiện hữu của GEC
- Đề xuất và phát triển các DA nghiên cứu và phát triển công nghệ NLTT mới để tăng cường năng suất và hiệu quả trong việc sản xuất NLTT
- Tìm kiếm và phân tích các công nghệ NLTT mới, giải pháp sáng tạo trong lĩnh vực Năng lượng Gió, Mặt trời, Thủy điện; đặc biệt là Ammonia Xanh, Hydrogen Xanh, Pin lưu trữ, Thủy điện tích năng, Năng lượng sóng biển, Năng lượng thuỷ triều..., hỗ trợ PTBV của GEC
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT.



Ông SIMON MARK WILSON

THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH - 1972 - ÚC

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 12/2022, 2 năm 1 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu - 0%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Cử nhân Luật

Thành tựu nổi bật: Với 26 năm kinh nghiệm Quản trị, Điều hành trong lĩnh vực Tài chính và NLTT tại các Tập đoàn lớn trên thế giới, Ông Simon Mark Wilson những đóng góp quan trọng trong việc phát triển các mối quan hệ chiến lược cho GEC.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Thành viên UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Thành viên HĐQT- Aboitiz Renewables, Inc. (ARI)
- GĐ mảng NLTT - JERA Asia Pte Ltd. Singapore
- GĐ - JERA Asia Vietnam Holdings Pte. Ltd.
- GĐ - JERA India Holdings Pte. Ltd.

Quá Trình Công tác:

- 12/2022 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
  Thành viên UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2023 - nay
  Thành viên HĐQT - Aboitiz Renewables, Inc. (ARI)
- 2022 - nay
  GĐ mảng NLTT - JERA Asia Pte Ltd. Singapore
- 2019 - 2022
  Phó Chủ tịch cấp cao, Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Ngành Tiện ích - NLTT, Đông Nam Á - Sembcorp Industries Limited, Singapore
- 2016 - 2019
  Cố vấn - CT TNHH Điện Nam Theun 2
- 1998 - 2015
  GĐ Điều hành - Macquarie Capital

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:

- Đưa ra các phản hồi và xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các NĐT và tổ chức tài chính trong khu vực về xu hướng và công nghệ mới trong lĩnh vực NLTT
- Phối hợp với UBKT để nâng cao năng lực nội bộ và tối ưu hóa quy trình vận hành tại GEC
- Tham gia vào các cộng đồng liên quan đến nghiên cứu và sử dụng các nguồn NLTT mới
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT



Ông NGUYỄN THẾ VINH

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP - 1976 - VIỆT NAM

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 4/2021, 3 năm 9 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 58.989 cổ phiếu - 0,013%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thành tựu nổi bật: Với 26 năm kinh nghiệm Quản trị, Điều hành trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Bất động sản và Du lịch, Ông Nguyễn Thế Vinh có vai trò quan trọng trong việc giám sát các hoạt động QTDN của GEC, đảm bảo các hoạt động của Công ty diễn ra một cách minh bạch và hiệu quả. Bên cạnh đó, ông cũng hỗ trợ kết nối và hợp tác với các ngành nghề khác, đặc biệt là bất động sản và du lịch, nhằm mở rộng cơ hội kinh doanh và tăng cường hiệu quả hoạt động của GEC. Sự kết nối này giúp GEC tận dụng được các cơ hội phát triển từ các ngành nghề khác, từ đó tạo ra giá trị gia tăng và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Với những thành tựu này, ông Nguyễn Thế Vinh đã chứng tỏ được khả năng quản trị, giám sát và kết nối đa ngành nghề, đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của GEC.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)

Quá Trình Công tác:

- 4/2021 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 9/2020 - 2021
  Phó TGĐ Thường trực - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 9/2020 - 04/2021
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- 2014 - 2018
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
- 2014 - 2018
  Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công
- 2014 - 2018
  Thành viên HĐQT - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)
- 2009 - 2014
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Kho vận Thiên Sơn
- 2009 - 2014
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Giao dịch hàng hóa Sơn Tín
- 2009 - 2014
  Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên - CT TNHH Thành Tín
- 2006 - 2009
  TGĐ - CT TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- 1999 - 2006
  Trưởng phòng tín dụng - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:

- Phụ trách các mối quan hệ để phát triển danh mục các loại hình NLTT trong lĩnh vực du lịch, bất động sản và các lĩnh vực khác phù hợp
- Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT và QTRR
- Quản trị và giám sát việc triển khai giải pháp công nghệ và quản lý hệ thống tại Công ty
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT.



Bà PHẠM THỊ KHUÊ

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP - 1983 - VIỆT NAM

Thời điểm được bổ nhiệm: tháng 6/2020, 4 năm 7 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 298.305 cổ phiếu - 0,07%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Châu Á học

Thành tựu nổi bật: Với 19 năm kinh nghiệm trong quản lý và vận hành các lĩnh vực đa dạng như truyền thông, tiếp thị, bất động sản, thương mại, dịch vụ, xe hơi và y tế, bà Phạm Thị Khuê đã có những đóng góp lớn trong việc phát triển và điều hành các HĐKD của GEC. Bà phụ trách cân bằng và ngăn chặn xung đột lợi ích, bảo vệ lợi ích hợp pháp của CĐ và đảm bảo công bằng, minh bạch trong công tác quản trị và điều hành Công ty. Điều này giúp duy trì sự ổn định và tăng cường niềm tin của các NĐT vào GEC. Sự chuyên nghiệp và cam kết của bà trong việc quản lý các vấn đề nhạy cảm và phức tạp đã giúp Công ty duy trì môi trường làm việc trong sạch, có trách nhiệm và hiệu quả. Với các thành tựu và đóng góp của mình, bà Phạm Thị Khuê đã chứng tỏ được vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự PTBV và hiệu quả của GEC, đồng thời nâng cao tính minh bạch và sự công bằng trong QTDN.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- GĐ Khối Hỗ trợ - CTCP Y Tế Việt Anh
- GĐ Khối Hỗ trợ - CTCP Y Tế DHA

Quá Trình Công tác:

- 6/2020 - nay
  Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 4/2020 - 4/2024
  Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm GĐ - CT TNHH dịch vụ quản lý bất động sản Sài Gòn Thương Tín (TTC LAND M)
- 1/2020 - 12/2023
  Phó TGĐ - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)
- 9/2019 - 1/2020
  Chánh Văn Phòng kiêm GĐ Khối Hỗ Trợ - CTCP Y Tế DHA (DHA Healthcare)
- 8/2018 - 9/2019
  Chánh Văn Phòng kiêm GĐ Khối Hỗ Trợ - CTCP Y Tế Việt Anh (DHA Medic)
- 5/2016 - 1/2020
  Phó TGĐ vận hành - CTCP Thương Mại Thành Thành Công (TTC Trading)
- 8/2012 - 4/2016
  Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại CTCP Thương Mại Thành Thành Công (TTC Trading)

Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:

- Phụ trách các mối quan hệ để phát triển các loại hình NLTT trong lĩnh vực BĐS nhằm tìm kiếm, mở rộng quỹ đất phát triển Năng lượng
- Giám sát độc lập các chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD đảm bảo các rủi ro được kiểm soát
- Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT của HĐQT và các hoạt động của BĐH
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT

Thông tin Ban điều hành





Bà NGUYỄN THÁI HÀ
TỔNG GIÁM ĐỐC - 1980

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 10 năm 2018, 6 năm 3 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 571.524 cổ phiếu - 0,135%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế phát triển

Thành tựu nổi bật:

Bà Nguyễn Thái Hà là một nhà lãnh đạo giàu kinh nghiệm với hơn 23 năm hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, ngân hàng và kiểm toán. Với vai trò TGĐ, Bà đã dẫn dắt GEC đạt nhiều cột mốc quan trọng trong ngành NLTT, đặc biệt là thúc đẩy hợp tác quốc tế và đa dạng hóa danh mục năng lượng như Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió. Sự lãnh đạo của bà không chỉ đảm bảo tăng trưởng ổn định về tài chính mà còn nâng cao hình ảnh GEC trên thị trường trong và ngoài nước.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Thành Thành Công

Quá Trình Công tác:

- 10/2022 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
- 2/2022 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
- 5/2020 - nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gió Ia Bang
- 4/2019 - nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- 10/2018 - nay
  TGĐ - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2012 - nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 2012 - 2022
  Phó TGĐ - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 2016 - 4/2017
  Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Điện Gia Lai
- 2002 - 2012
  Chánh văn phòng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (TPHCM)
- 2001 - 2002
  Kiểm toán viên Công ty Kế toán - Kiểm toán A&C (TPHCM)



Ông LÊ THANH VINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC - 1975

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 3 năm 2017, 7 năm 10 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 416.878 cổ phiếu - 0,098%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cao học Hà Lan - Kinh tế Công nghiệp

Thành tựu nổi bật:

Với hơn 22 năm kinh nghiệm, ông Lê Thanh Vinh đã chỉ đạo thành công nhiều DA NLTT quy mô lớn, đảm bảo tiến độ và hiệu quả vận hành. Dưới sự lãnh đạo của ông, các NM Điện Mặt trời và Điện Gió của GEC đã vận hành ổn định, hiệu quả, góp phần đáng kể vào KQKD của công ty. Ông cũng đặc biệt nổi bật trong việc xây dựng các mối quan hệ chiến lược với đối tác quốc tế, tạo nền tảng PTBV và mở rộng tầm ảnh hưởng của GEC trên thị trường NLTT.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Không có

Quá Trình Công tác:

- 4/2024 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP NLTT Tân Thành
- 2023 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
  Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng Solwind
- 2022 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Xanh Cà Mau
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện gió LAVI
- 2021 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng VPL
- 2020 - Nay
  Thành viên HĐQT kiêm GĐ - CTCP Điện Gió Ia Bang
  Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác phát triển NLTT Vi-Ja
  Chủ tịch HĐQT - CTCP NLTT Tiền Giang
- 6/2020 - 04/2021
  Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- 3/2017 - Nay
  Phó TGĐ thường trực - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 8/2017 - 2019
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- 2016 - 2017
  Phó TGĐ - Tập đoàn Đầu tư KN; TGĐ - CTCP Đầu tư LDG
- 2013 - 2015
  Phó TGĐ Phụ trách DA bất động sản - CTCP Hoa Lâm
- 2009 - 2012
  Phó TGĐ - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)
- 2007 - 2009
  TGĐ - CTCP Bất động sản Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital
- 2005 - 2007
  GĐ Đầu tư và Phát triển kinh doanh - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt và Công ty NAI Việt Nam
- 2003 - 2005
  Phó GĐ Kinh doanh - CT TNHH Nam Long
- 2000 - 2003
  Giảng viên Khoa Tài chính - Trường Cao Đẳng Tài chính Kế toán IV - TPHCM



Ông NGUYỄN PHONG PHÚ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - 1984

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 4 năm 2021, 3 năm 9 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 296.255 cổ phiếu - 0,069%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Thành tựu nổi bật:

Với hơn 12 năm kinh nghiệm trong quản trị và điều hành, ông Nguyễn Phong Phú đã góp phần thúc đẩy các DA chiến lược như các DA NLTT Tiền Giang và Lào. Ông cũng dẫn dắt thành công các thương vụ M&A quan trọng, mở rộng danh mục NLTT của GEC tại cả thị trường nội địa và quốc tế. Các sáng kiến của ông giúp đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Không có

Quá Trình Công tác:

- 4/2024 - Nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
  Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
- 3/2023 - Nay
  TGĐ - CTCP Năng lượng Solwind
- 4/2022 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Hợp tác Phát triển NLTT VI-JA,
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
- 5/2021 - Nay
  Phó TGĐ - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2/2021 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP NM Điện Mặt Trời Trúc Sơn
- 2022 - 4/2024
  Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng VPL
- 3/2021 - 4/2024
  Chủ tịch HĐQT kiêm GĐ - CTCP NLTT Tân Thành
- 7/2019 - 4/2021
  GĐ Khối phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 1/2019 - 6/2019
  Phó GĐ Khối Phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 3/2018 - 11/2018
  Phó GĐ CTCP Mía đường Tây Ninh
- 3/2018 - 11/2018
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Cao su Nước Trong
- 6/2014 - 5/2016
  Thành viên HĐQT, Phó TGĐ - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)



Bà TRẦN THỊ HỒNG THẮM
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - 1983

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 11 năm 2016, 8 năm 2 tháng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 176.081 cổ phiếu - 0,041%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Tài chính - Kế toán

Thành tựu nổi bật:

Bà Trần Thị Hồng Thắm với 11 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán. Bà là người đứng sau hệ thống tài chính minh bạch và hiệu quả của GEC. Bà đã huy động thành công nguồn vốn từ các ngân hàng trong và ngoài nước, đảm bảo các DA NLTT được triển khai đúng tiến độ. Ngoài ra, bà còn đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS), giúp nâng cao uy tín của công ty trên thị trường tài chính.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Không có

Quá Trình Công tác:

- 5/2021 - Nay
  Phó GĐ - CTCP Năng lượng VPL
- 5/2020 - Nay
  Kế toán trưởng - CTCP Điện Gió Ia Bang
- 5/2019 - Nay
  GĐ Tài chính - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 11/2016 - Nay
  Kế toán trưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 1/2019 - 2022
  Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- 11/2016 - 05/2017
  Quyền Kế toán trưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 5/2014 - 10/2016
  Kế toán trưởng - CT TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
- 8/2007 - 4/2014
  Kế toán trưởng - CTCP Ayun Thượng



Bà TRẦN THIỆN THANH THÙY
GIÁM ĐỐC KHỐI VẬN HÀNH - 1982

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Phó TGĐ phụ trách Tài chính - CTCT Đầu tư Thành Thành Công
- Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)

Thành tựu nổi bật:

Với 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị và Điều hành, bà Trần Thiện Thanh Thùy đã cải tiến quy trình hoạt động, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn và xây dựng các mối quan hệ chiến lược với NĐT quốc tế. Bà cũng tích cực tham mưu để áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến, thúc đẩy PTBV và tăng cường uy tín của GEC trên TTCK.

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 7 năm 2020, 4 năm 6 tháng
Số lượng cổ phiếu sở hữu: không có
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Quá Trình Công tác:

- 2/2024 - Nay
  Phó TGĐ phụ trách Tài chính - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 4/2024 - Nay
  Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- 8/2023 - Nay
  Trợ lý Chủ tịch - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 7/2020 - Nay
  GĐ Khối Vận hành - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 4/2019 - 4/2021
  Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)
- 3/2018 - 3/2020
  GĐ Quan hệ NĐT - CTCP Đầu tư Thành Thành Công (GEG, SBT, SCR)
- 6/2016 - 3/2018
  Trưởng phòng Cao cấp Quan hệ NĐT - Tập đoàn Novaland (NVL)
- 4/2012 - 6/2016
  GĐ Quan hệ Khách hàng - Ngân hàng HSBC Việt Nam
- 4/2011 - 4/2012
  Trưởng Phòng Quan hệ NĐT - CTCP Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH)



Ông HỒ QUÍ TRI THỨC
GIÁM ĐỐC KHU VỰC LÀO - 1973

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Không có

Thành tựu nổi bật:

Ông Hồ Quí Tri Thức là một chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM NLTT với 10 năm kinh nghiệm. Ông đã điều hành các DA NLTT tại khu vực Tây Nguyên và Lào, từ việc tìm kiếm cơ hội đầu tư đến quản lý vận hành. Với sự dẫn dắt và kinh nghiệm của ông, GEC đã ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng, đồng thời mở rộng hoạt động sang các thị trường mới đầy tiềm năng, tạo tiền đề cho sự PTBV của công ty.

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 10 năm 2022 , 2 năm 3 tháng
Số lượng cổ phiếu sở hữu: không có
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng

Quá Trình Công tác:

- 10/2022 - Nay
  GĐ Khu vực Lào - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 9/2020 - Nay
  Phó GĐ Khối Phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 5/2020 - Nay
  Phó GĐ - CTCP Điện Gió la Bang
- 4/2018 - 1/2024
  Trưởng phòng Phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 6/2018 - 11/2019
  Phó GĐ - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- 1/2014 - 4/2018
  Phó Phòng Kỹ thuật - Sản xuất, Quản lý DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)



Ông HÀ QUỐC KIỆT
GIÁM ĐỐC KHU VỰC MIỀN TÂY - 1976

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Không có

Thành tựu nổi bật:

Ông Hà Quốc Kiệt là một nhà quản lý dày dặn kinh nghiệm với 18 năm hoạt động trong lĩnh vực Quản lý đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM NLTT bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió. Ông đã lãnh đạo các DA NLTT tại khu vực miền Tây từ giai đoạn pháp lý đến COD. Ông còn tiên phong phát triển các DA mới như điện rác và hydrogen, đồng thời xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho các DA của GEC.

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 12 năm 2021, 3 năm 1 tháng
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 251.053 cổ phiếu - 0,059%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá Trình Công tác:

- 4/2024 - Nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng VPL
  Thành viên HĐQT - CTCP NLTT Tiền Giang
- 1/2024 - Nay
  GĐ - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
- 1/2022 - Nay
  Thành viên HĐQT kiêm GĐ - CTCP Năng lượng Xanh Cà Mau
- 1/2022 - Nay
  Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gió LaVi
- 12/2021 - Nay
  GĐ Khu vực Miền Tây - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 11/2020 - Nay
  Chủ tịch kiêm GĐ - CT TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai
- 11/2019 - 12/2021
  Phó GĐ Khối phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 3/2018 - 4/2021
  Chủ tịch, Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)



Ông TRẦN DANH BẢO
GIÁM ĐỐC KHỐI THỦY ĐIỆN - 1980

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):

- Không có

Thành tựu nổi bật:

Ông Trần Danh Bảo với hơn 11 năm kinh nghiệm trong Quản lý đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM. Ông đã quản lý hiệu quả các NM Thủy điện với tổng công suất gần 130 MW, đồng thời trực tiếp tham gia vào việc triển khai và vận hành thành công các NM Điện Mặt trời và Điện Gió. Sự đóng góp của ông đã giúp GEC nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng danh mục NLTT một cách bền vững

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 1 năm 2023, 2 năm
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 22.855 cổ phiếu - 0,005%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển học kỹ thuật

Quá Trình Công tác:

- 1/2024 - Nay
  GĐ - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- 8/2023 - Nay
  Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Cao Nguyên
- 7/2023 - Nay
  Trưởng ban Quản lý DA - NM Thủy điện Ea Tih
- 1/2023 - Nay
  GĐ Khối Thủy điện - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2018 - Nay
  GĐ - NM Điện Mặt trời Krông Pa

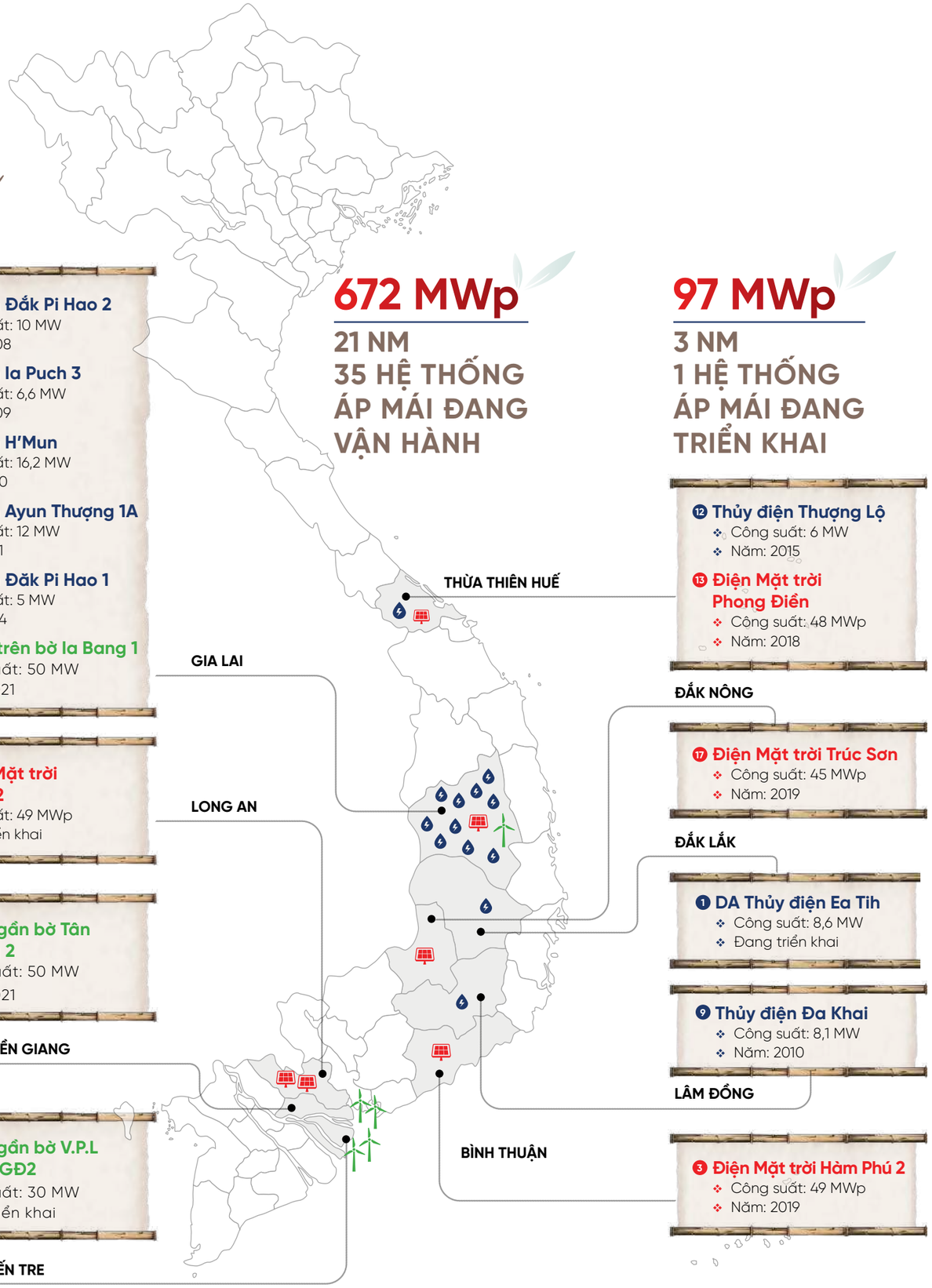
Danh mục Dự án

672 MWp

21 NM
35 HỆ THỐNG ÁP MÁI ĐANG VẬN HÀNH

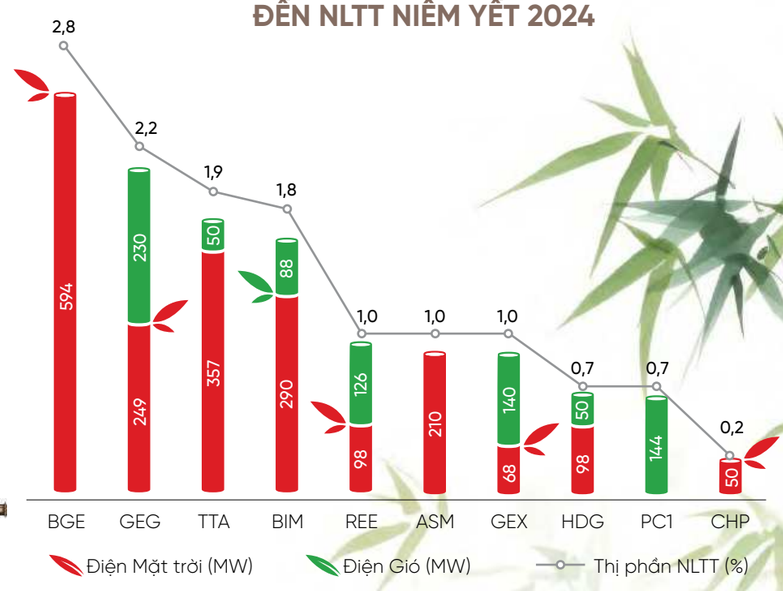
97 MWp

3 NM
1 HỆ THỐNG ÁP MÁI ĐANG TRIỂN KHAI



1. **Thủy điện Ia Đrăng 1**
   - Công suất: 1,2 MW
   - Năm: 1989
2. **Thủy điện Ia Đrăng 2**
   - Công suất: 0,6 MW
   - Năm: 2002
3. **Thủy điện Ia Đrăng 3**
   - Công suất: 1,6 MW
   - Năm: 2005
4. **Thủy điện Ia Muer 3**
   - Công suất: 1,8 MW
   - Năm: 2005
5. **Thủy điện H'Chan**
   - Công suất: 12 MW
   - Năm: 2006
6. **Thủy điện Đắk Pi Hao 2**
   - Công suất: 10 MW
   - Năm: 2008
7. **Thủy điện Ia Puch 3**
   - Công suất: 6,6 MW
   - Năm: 2009
8. **Thủy điện H'Mun**
   - Công suất: 16,2 MW
   - Năm: 2010
10. **Thủy điện Ayun Thượng 1A**
    - Công suất: 12 MW
    - Năm: 2011
11. **Thủy điện Đăk Pi Hao 1**
    - Công suất: 5 MW
    - Năm: 2014
14. **Điện Mặt trời Krông Pa**
    - Công suất: 69 MWp
    - Năm: 2018
18. **Điện Gió trên bờ Ia Bang 1**
    - Công suất: 50 MW
    - Năm: 2021
16. **Điện Mặt trời Đức Huệ 1**
    - Công suất: 49 MWp
    - Năm: 2019
2. **DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2**
    - Công suất: 49 MWp
    - Đang triển khai
21. **Điện Gió gần bờ Tân Phú Đông 1**
    - Công suất: 100 MW
    - Năm: 2023
19. **Điện Gió gần bờ Tân Phú Đông 2**
    - Công suất: 50 MW
    - Năm: 2021
20. **Điện Gió gần bờ V.P.L Bến Tre - GĐ1**
    - Công suất: 30 MW
    - Năm: 2021
3. **Điện Gió gần bờ V.P.L Bến Tre - GĐ2**
    - Công suất: 30 MW
    - Đang triển khai
12. **Thủy điện Thượng Lộ**
    - Công suất: 6 MW
    - Năm: 2015
13. **Điện Mặt trời Phong Điền**
    - Công suất: 48 MWp
    - Năm: 2018
17. **Điện Mặt trời Trúc Sơn**
    - Công suất: 45 MWp
    - Năm: 2019
1. **DA Thủy điện Ea Tih**
    - Công suất: 8,6 MW
    - Đang triển khai
9. **Thủy điện Đa Khai**
    - Công suất: 8,1 MW
    - Năm: 2010
3. **Điện Mặt trời Hàm Phú 2**
    - Công suất: 49 MWp
    - Năm: 2019

CÔNG SUẤT CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NLTT NIÊM YẾT 2024



Nguồn: MBS

TOP 3
CÔNG SUẤT CÔNG TY NLTT NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

TOP 3
CÔNG SUẤT ĐIỆN GIÓ TẠI VIỆT NAM

TOP 10
CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI TẠI VIỆT NAM

2,2%
THỊ PHẦN CÔNG SUẤT NLTT (ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ) TẠI VIỆT NAM

0,7%
THỊ PHẦN CÔNG SUẤT TẠI VIỆT NAM

15
TỈNH THÀNH

Đối tác và Nhà cung cấp

NHÀ ĐẦU TƯ - ĐỐI TÁC TÀI CHÍNH

- JERA ASIA VIETNAM HOLDINGS PTE. LTD
- SK E&S CO., LTD.
- DEUTSCHE INVESTITIONS - UND ENTWICKLUNGSGESELLSCHAFT MBH DEG
- NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
- NGÂN HÀNG TNHH MTV WOORI VIỆT NAM
- CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
- SYMBIOTICS INVESTMENTS
- NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH E.SUN
- CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS
- VIỆN TĂNG TRƯỞNG XANH TOÀN CẦU
- TỔ CHỨC SÁNG KIẾN TRÁI PHIẾU KHÍ HẬU
- CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

NHÀ THẦU EPC

- CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1
- CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
- SHARP ENERGY SOLUTIONS CORPORATION
  SHARP SOLAR SOLUTION ASIA COMPANY LIMITED
- Liên doanh
  CHINA ENERGY ENGINEERING GROUP PLANNING & ENGINEERING CO., LTD
  và CHINA POWER CONSTRUCTION ENGINEERING CONSULTING CO.,LTD

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

- FICHTNER GMBH & CO.KG
- TRACTEBEL ENGINEERING LTD
- CÔNG TY TNHH BUREAU VERITAS VIETNAM
- CÔNG TY TNHH TƯ VẤN NĂNG LƯỢNG VATEC
- CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 5

NHÀ CUNG CẤP

- TOSHIBA MITSUBISHI-ELECTRIC INDUSTRIAL SYSTEMS CORPORATION
- CÔNG TY TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY VIỆT NAM
  VESTAS ASIA PACIFIC A/S
- SHARP SOLAR SOLUTION ASIA CO., LTD
- CÔNG TY TNHH SIEMENS
- TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM - CÔNG TY THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM
- TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH
- CTCP TỔ HỢP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
- TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
- TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
- VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG (BOA)

Các hoạt động nổi bật trong năm 2024

3/2024 — TÀI CHÍNH

BCTC Hợp nhất kiểm toán 2023:

- DTT: **2.163** tỷ đồng
- LNST: **143** tỷ đồng
- Biên LNG: **52%**, Biên LNST: **7%**

4/2024 — XÃ HỘI

Học bổng tiếp sức đến trường cho con em CBNV hiếu học.

TÀI CHÍNH

BCTC Hợp nhất Quý 1/2024:

- DTT: **739** tỷ đồng
- LNST: **126** tỷ đồng
- Biên LNG: **57%**, Biên LNST: **17%**

1/2024 — XÃ HỘI

Tài trợ 50 trẻ em mồ côi do ảnh hưởng của Dịch Covid-19.

TÀI CHÍNH

BCTC Hợp nhất Quý 4/2023:

- DTT: **569** tỷ đồng
- LNST: **32** tỷ đồng
- Biên LNG: **44%**, Biên LNST: **6%**

Tổ chức **Hội nghị Tổng kết hoạt động** năm 2023 và triển khai nhiệm vụ - kế hoạch năm 2024

Xếp hạng tín nhiệm dài hạn ở mức "A-" với triển vọng "Ổn định" được công bố bởi FiinRatings

5/2024 — XÃ HỘI

Đồng hành tài trợ nước sạch đến các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long bị ngập mặn.

Chương trình **"Hiến máu tình nguyện"** thường niên góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu máu điều trị cho nhiều người bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn TP.HCM

6/2024 — XÃ HỘI

Chương trình **"Áo trắng yêu thương cùng em đến trường"** quyên góp các em có hoàn cảnh khó khăn.

TÀI CHÍNH

Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023 (sau gia hạn).

Hoàn tất phát hành các gói trái phiếu nhằm cơ cấu lại một phần nợ trái phiếu GEGB2124003 đáo hạn vào tháng 8/2024:

Mã Trái phiếu: GEGH2429001

- Số lượng phát hành: **1.000** trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu: **100** triệu đồng/ trái phiếu
- Kỳ hạn: **60** tháng kể từ ngày phát hành
- Đơn vị tư vấn: CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Mã Trái phiếu: GEGH2427002

- Số lượng phát hành: **2.000** trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu: **100** triệu đồng/ trái phiếu
- Kỳ hạn: **36** tháng kể từ ngày phát hành
- Đơn vị tư vấn: CTCP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Chứng nhận "Khung Tài chính Xanh đầu tiên tại Việt Nam" của Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu ("CBI")

7/2024 — TÀI CHÍNH

BCTC Hợp nhất Quý 2/2024:

- DTT: **488** tỷ đồng
- LNST: **1** tỷ đồng
- Biên LNG: **43%**

Hoàn tất mua lại trái phiếu trước hạn theo thỏa thuận với Trái chủ

- Mã Trái phiếu: GEG_BOND_2018_1
- Ngày phát hành: 29/6/2018
- Ngày đáo hạn: 29/6/2028
- Khối lượng đang lưu hành: **195** tỷ đồng
- Khối lượng mua lại: **30** tỷ đồng
- Ngày thực hiện mua lại: 27/6/2024
- Khối lượng còn lại sau khi mua lại: **165** tỷ đồng

Tiếp tục lựa chọn CT TNHH PWC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024.

Triển khai phương án phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:5
- Nguồn vốn thực hiện: LNST chưa phân phối theo BCTC Kiểm toán năm 2023

8/2024 — TÀI CHÍNH

BCTC Soát xét 6 tháng đầu năm 2024:

- DTT: **1.227** tỷ đồng
- LNST: **128** tỷ đồng
- Biên LNG: **51%**, Biên LNST: **10%**

Hoàn tất đáo hạn Trái phiếu GEGB2124003 được HNX và VSDC xác nhận:

- Mã Trái phiếu: GEGB2124003 - GEG12101
- Ngày đáo hạn: 23/8/2024
- Giá trị đáo hạn: **300** tỷ đồng
- Ngày hủy đăng ký giao dịch tại HNX: 9/8/2024
- Ngày hủy đăng ký tại VSDC: 6/9/2024

Hoàn tất phát hành trái phiếu nhằm cơ cấu lại một phần nợ trái phiếu GEGB2124002 đáo hạn vào tháng 10/2024:

Mã Trái phiếu: GEGH2429003

- Số lượng phát hành: **2.000** trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu: **100** triệu đồng/ trái phiếu
- Kỳ hạn: **60** tháng kể từ ngày phát hành
- Đơn vị tư vấn: CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

9/2024 — XÃ HỘI

Ủng hộ **278,6** triệu đồng đến đồng bào miền Bắc bị ảnh hưởng do Cơn bão số 3 (Bão YAGI)

TÀI CHÍNH

UBCK chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho CĐ phổ thông năm 2023 và HOSE xác nhận về việc giao dịch chứng khoán thay đổi niêm yết:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: **17.058.970** cổ phiếu
- Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực: 2/10/2024
- Ngày giao dịch của chứng khoán thay đổi niêm yết: 10/10/2024
- VĐL mới: **4.225** tỷ đồng, trong đó cổ phần phổ thông là **3.583** tỷ đồng và cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi là **642** tỷ đồng

10/2024 — XÃ HỘI

Trồng 80 cây xanh tại NM Đắk Pi Hao 2, nâng tổng số cây lũy kế giai đoạn 2019-2024 lên **1.357** cây xanh

TÀI CHÍNH

Hoàn tất đáo hạn Trái phiếu GEGB2124002 được HNX và VSDC xác nhận:

- Mã chứng khoán: GEG121022
- Giá trị đáo hạn: **521.422.000.000** đồng
- Ngày đáo hạn: 11/10/2024
- Ngày hủy niêm yết tại HNX: 27/9/2024
- Ngày hủy đăng ký tại VSDC: 25/10/2024

BCTC Hợp nhất 9 tháng 2024:

- DTT: **1.770** tỷ đồng
- LNST: **80** tỷ đồng
- Biên LNG: **49%**, Biên LNST: **5%**

11/2024 — XÃ HỘI

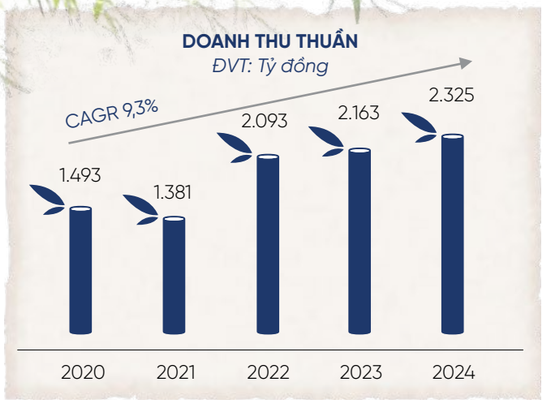
Chương trình **"Nâng bước thành công"** trao học bổng cho các em học sinh hiếu học tại Tỉnh Gia Lai

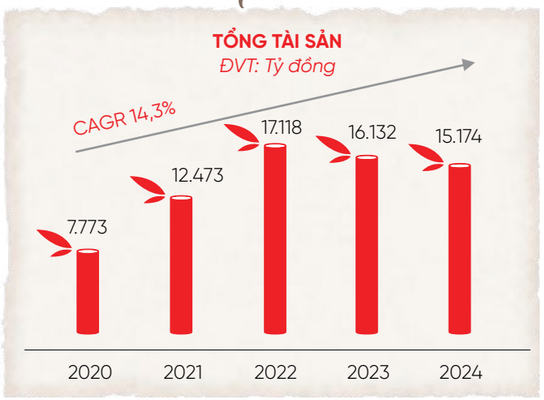
12/2024 — TÀI CHÍNH

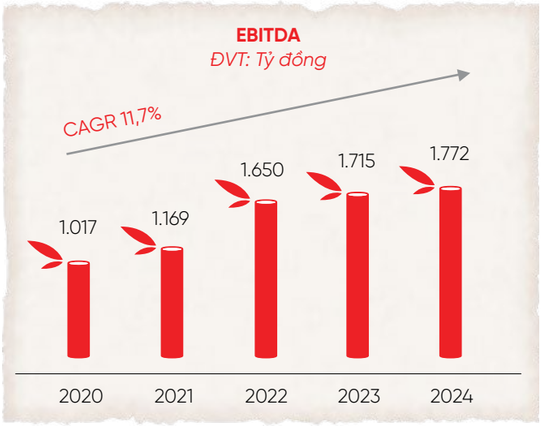
Hoàn tất chi trả cổ tức 2024 bằng tiền mặt cho CĐ sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi:

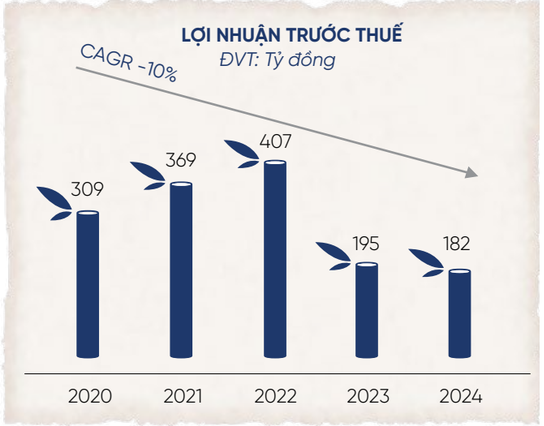
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi: **6,2424%** giá trị phát hành/năm
- Thời điểm chi trả: 16/12/2024
- Tổng số tiền chi trả: **40** tỷ đồng

Bức tranh Tài chính



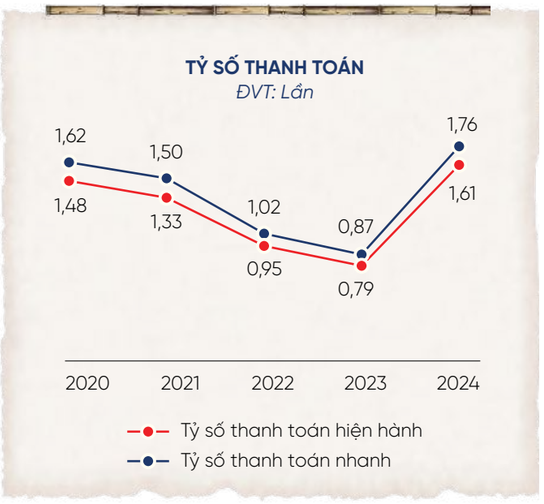








CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN: TỐT

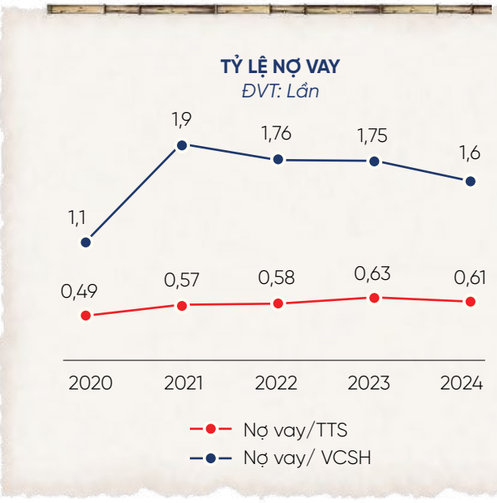


Hoạt động SXKD của GEC luôn được đảm bảo vận hành hiệu quả, duy trì dòng tiền ổn định, đảm bảo khả năng thanh toán với hệ số thanh toán ≥ 1.

Tình hình tài chính của GEC vào cuối năm 2023 cho thấy một thách thức lớn khi tỷ số thanh toán hiện hành giảm xuống còn 0,87 lần, chủ yếu do khoản nợ trái phiếu đến hạn lên đến 821 tỷ đồng. Tuy nhiên nhờ vào việc sắp xếp có kế hoạch, chuẩn bị nguồn vốn kịp thời và ưu tiên quan tâm từ BLĐ với mục tiêu tối ưu chi phí sử dụng vốn, GEC đã hoàn thành tất toán gói Trái phiếu nêu trên lần lượt vào tháng 8/2024 và tháng 10/2024. Điều này không chỉ giúp GEC giảm bớt áp lực tài chính mà còn đóng góp vào việc phục hồi mạnh mẽ của tỷ số thanh toán lên mức 1,76 lần.

Đây là một minh chứng cho thấy BLĐ luôn đánh giá cao cấu trúc tài chính và đảm bảo nguyên tắc PTBV thông qua việc duy trì hệ số thanh toán lớn hơn 1 trong hiện tại và tương tai. Đồng thời, điều đó cũng thể hiện cam kết của GEC trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các tổ chức đã đồng hành và phát triển.

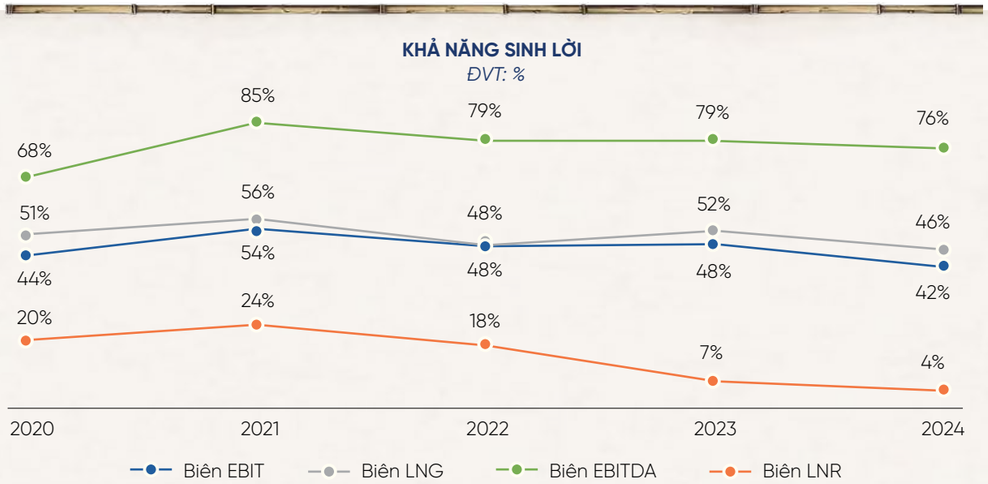
CHỈ SỐ NỢ VAY: AN TOÀN



Trong giai đoạn 2020-2023, với việc mở rộng đầu tư vào các DA NLTT như Điện Mặt trời và Điện Gió đòi hỏi nguồn lực tài chính đáng kể. Mặc dù, Công ty gia tăng nợ vay để đáp ứng yêu cầu mở rộng và phát triển, GEC vẫn duy trì được hệ số Nợ vay/TTS ở mức an toàn và tối ưu, phù hợp với đặc thù của ngành năng lượng.

Với hệ số Nợ vay/TTS năm 2023 là 0,63 lần, GEC tiếp tục cải thiện hệ số này vào năm 2024, giảm xuống còn 0,61 lần. Năm 2024, GEC cũng phát hành thêm hai gói Trái phiếu lần lượt vào tháng 06/2024 và tháng 08/2024 với lãi suất và chi phí tối ưu. Năm 2024 được xem là giai đoạn chuẩn bị từ công tác khảo sát, đánh giá tính khả thi các DA đến ổn định tài chính để sẵn sàng bức phá và phát triển mạnh mẽ cho giai đoạn sắp tới.

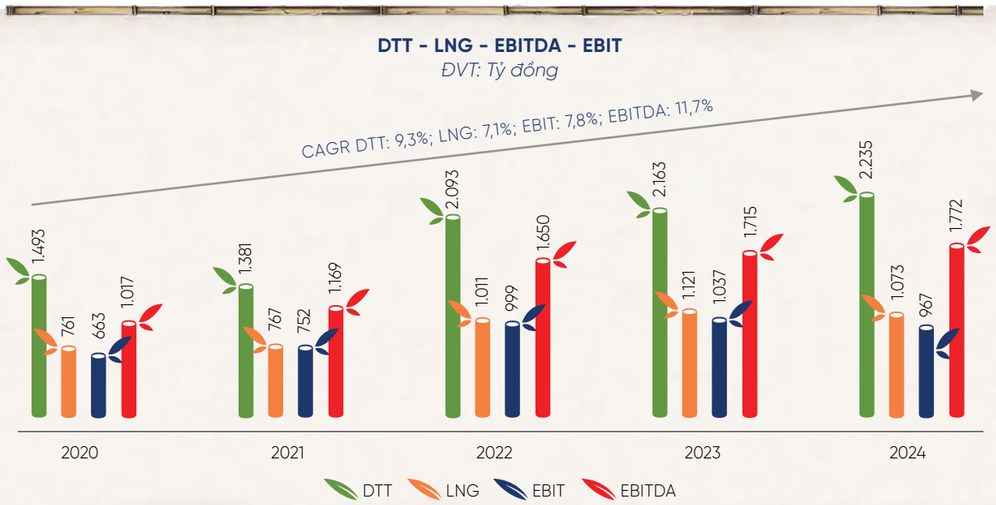
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI: ỔN ĐỊNH



Nhìn chung, nhóm chỉ số sinh lời có xu hướng sụt giảm, đặc biệt là giai đoạn 2023 - 2024, chủ yếu do NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 (100 MW) chỉ mới ghi nhận giá bán điện bằng 50% mức giá trần (theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của BCT). Giá trị chưa ghi nhận doanh thu năm 2023 - 2024 dự kiến sẽ được bổ sung vào kết quả kinh doanh năm 2025 với kế hoạch lợi nhuận vượt trội do NM Tân Phú Đông 1 đang trong giai đoạn hoàn tất đàm phán giá điện.

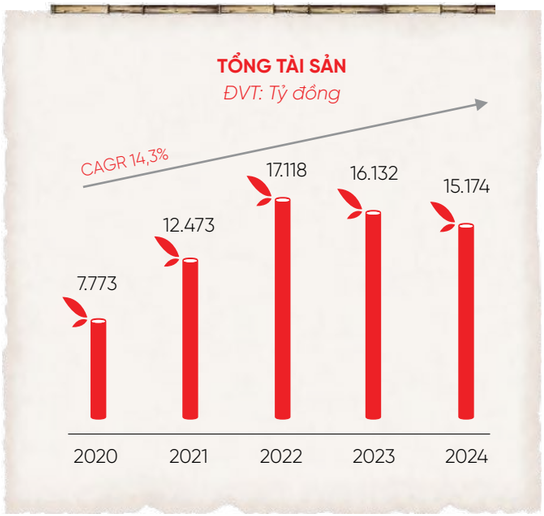
Cùng với đó, khi NM vận hành ổn định và đạt được hiệu quả tối đa, GEC sẽ có cơ hội khai thác nguồn NLTT một cách hiệu quả hơn, góp phần thúc đẩy sự PTBV và gia tăng lợi nhuận trong tương lai.

KẾT QUẢ KINH DOANH: TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG



Năm 2024, DTT và EBITDA lần lượt ghi nhận 2.325 tỷ đồng và 1.772 tỷ đồng nhờ vào sự đóng góp chủ yếu của các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Hệ thống Áp mái với tổng công suất đang vận hành và phát triển là 769 MWp.

Mặc dù đạt được kết quả tích cực trong việc gia tăng DTT, các chỉ tiêu LNG và EBIT năm 2024 có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2023, lần lượt ghi nhận 1.073 tỷ đồng và 967 tỷ đồng do NM Tân Phú Đông 1 đang ghi nhận Doanh thu với giá bán điện bằng 50% mức giá trần nhưng Chi phí vẫn phải ghi nhận đầy đủ giá trị trong năm 2024. Tuy nhiên, đây chỉ là yếu tố tạm thời và được kỳ vọng sẽ cải thiện sau khi quá trình đàm phán giá bán điện hoàn tất, giúp GEC nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai.

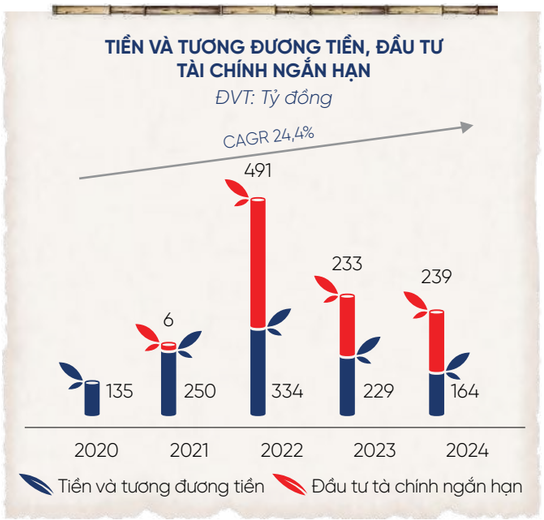


TỔNG TÀI SẢN: TĂNG TRƯỞNG GẮN LIỀN VỚI GIA TĂNG QUY MÔ CÔNG SUẤT

TTS của GEC có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2020-2022 với việc Công ty mở rộng quy mô hoạt động và đầu tư vào các DA NLTT. Tính đến cuối 2024, tổng công suất đang vận hành và phát triển của GEC là 769 MWp. Đồng thời, GEC cũng tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai các DA mới trong giai đoạn kế tiếp.

TTS năm 2024 giảm nhẹ chủ yếu do giảm các khoản nợ vay đến hạn. Việc giảm nợ vay không chỉ giúp Công ty giảm bớt áp lực tài chính mà còn góp phần làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản, thể hiện qua Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản DTT/TTS được cải thiện so với năm 2023, tăng từ 13% lên 15%.

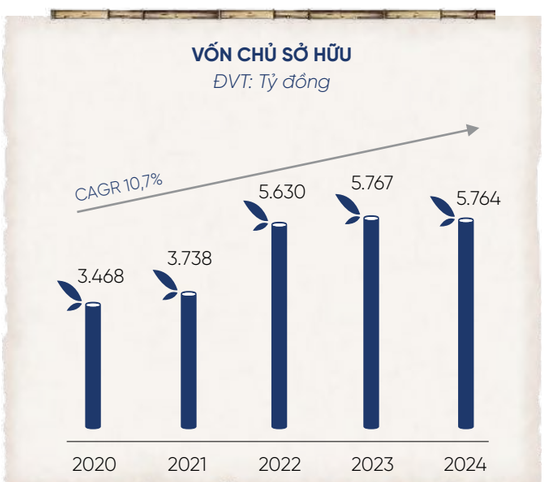
Việc quản lý hiệu quả tài sản, đầu tư hợp lý và duy trì cơ cấu tài sản hợp lý là chìa khóa giúp GEC duy trì sự ổn định và PTBV trong tương lai.



TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN: ĐẢM BẢO THANH KHOẢN

Tiền và tương đương tiền duy trì ở ngưỡng an toàn, đặc biệt ở giai đoạn 2021-2022. Trong giai đoạn 2023-2024 Công ty sử dụng tiền để đầu tư vào các DA mới, thanh toán các khoản vay đến hạn. Đây là chiến lược quan trọng giúp GEC duy trì sự phát triển liên tục và đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính kịp thời.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn rất chú trọng tập trung vào các khoản tích lũy đảm bảo thanh khoản ngắn hạn nhằm giảm tối thiểu rủi ro và bổ sung dòng vốn đầu tư các DA trong giai đoạn tới. Việc quản lý chặt chẽ dòng tiền và duy trì mức thanh khoản hợp lý là một trong những yếu tố then chốt giúp GEC duy trì sự ổn định tài chính và triển khai các chiến lược mở rộng dài hạn.



VỐN CHỦ SỞ HỮU: TIẾP TỤC GHI NHẬN SỰ TĂNG TRƯỞNG

Trong giai đoạn 2020-2024, GEC đã có 3 năm liên tiếp triển khai tăng vốn thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho CĐ hiện hữu để đảm bảo nguồn vốn tích lũy cho chiến lược phát triển dài hạn.

Đặc biệt năm 2022, sau khi hoàn tất phát hành 64,2 triệu Cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi và ghi nhận hợp tác đầu tư với tổ chức có cùng mục tiêu phát triển các DA Năng lượng, song song với việc vận hành thành công 2 NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 và Tân Phú Đông 2 với tổng công suất 150 MW tại Tiền Giang đã nâng VCSH lên mức 5.630 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ.

Năm 2023 tiếp tục là năm ghi nhận sự tăng tưởng trong giai đoạn 2020-2024 với VCSH đạt 5.767 tỷ đồng, tăng hơn gấp 1,6 lần so với năm 2020 và duy trì trong năm 2024 là 5.764 tỷ đồng.

TÓM TẮT BCTC HỢP NHẤT 2020-2024

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2020	2021	2022	2023	2024	TĂNG/GIẢM CÙNG KỲ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
TÀI SẢN	**7.773**	**12.473**	**17.118**	**16.132**	**15.174**	**-6%**
Tài sản ngắn hạn	**1.779**	**1.316**	**2.118**	**1.458**	**1.382**	**-5%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	135	250	334	229	164	-29%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	6	491	233	239	3%
Khoản phải thu ngắn hạn	1.434	772	750	829	823	-1%
Hàng tồn kho	152	146	155	127	119	-6%
Tài sản ngắn hạn khác	58	142	389	40	36	-9%
Tài sản dài hạn	**5.994**	**11.156**	**15.000**	**14.674**	**13.792**	**-6%**
Khoản phải thu dài hạn	26	9	2	41	29	-28%
Tài sản cố định	5.375	10.495	9.965	14.068	13.296	-5%
Tài sản dở dang dài hạn	541	499	4.877	359	268	-25%
Đầu tư tài chính dài hạn	-	100	113	168	174	3%
Tài sản dài hạn khác	52	54	42	38	24	-37%
NGUỒN VỐN	**7.773**	**12.473**	**17.118**	**16.132**	**15.174**	**-6%**
Nợ phải trả	**4.305**	**8.735**	**11.488**	**10.365**	**9.409**	**-9%**
Nợ phải trả ngắn hạn	1.101	878	2.071	1.679	785	-53%
Nợ phải trả dài hạn	3.204	7.857	9.418	8.686	8.624	-1%
Vốn chủ sở hữu	**3.468**	**3.738**	**5.630**	**5.767**	**5.764**	**0%**
KẾT QUẢ HĐKD						
Doanh thu thuần	**1.493**	**1.381**	**2.093**	**2.163**	**2.325**	**7%**
Giá vốn hàng bán	733	614	1.082	1.043	1.252	20%
Lợi nhuận gộp	**761**	**767**	**1.011**	**1.121**	**1.073**	**-4%**
Doanh thu tài chính	**31**	**38**	**214**	**101**	**38**	**-62%**
Chi phí tài chính	**371**	**409**	**657**	**871**	**801**	**-8%**
Chi phí lãi vay	*354*	*384*	*592*	*842*	*786*	*-7%*
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	-	6	13	5	5	3%
Chi phí Bán hàng và QLDN	116	114	161	159	136	-15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**304**	**288**	**420**	**197**	**180**	**-8%**
Lợi nhuận khác	5	81	(14)	(2)	2	-203%
Lợi nhuận trước thuế	**309**	**369**	**407**	**195**	**182**	**-7%**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	43	36	52	89	73%
Lợi nhuận ròng sau thuế	**295**	**325**	**371**	**143**	**92**	**-36%**
EBIT	*663*	*752*	*999*	*1.037*	*967*	*-7%*
EBITDA	*1.017*	*1.169*	*1.650*	*1.715*	*1.772*	*3%*

CHỈ TIÊU	2020	2021	2022	2023	2024	TĂNG/GIẢM CÙNG KỲ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ						
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận trước thuế	309	369	407	195	182	-7%
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	421	2.542	496	1.063	913	-14%
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(937)	(5.883)	(4.405)	(1.363)	12	-101%
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	547	3.456	3.993	195	(990)	-609%
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ	**30**	**115**	**84**	**(105)**	**(65)**	**-38%**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**135**	**250**	**334**	**229**	**164**	**-29%**

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Tốt hơn cùng kỳ · Tương đương cùng kỳ · Chưa tốt bằng cùng kỳ

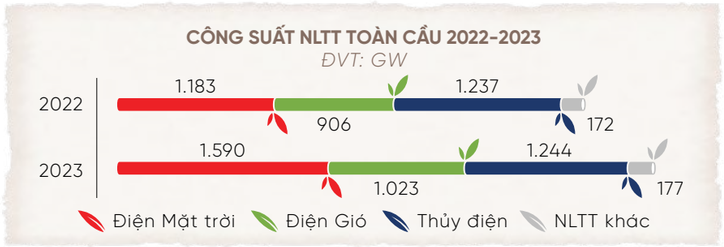
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024	ĐÁNH GIÁ SO VỚI CÙNG KỲ
Chỉ số thanh toán							
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,62	1,50	1,02	0,87	**1,76**	
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,48	1,33	0,95	0,79	**1,61**	
Tỷ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,12	0,28	0,16	0,14	**0,21**	
Chỉ số cấu trúc vốn							
Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,70	0,67	0,64	**0,62**	
Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,49	0,57	0,58	0,63	**0,61**	
Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,24	2,34	2,04	1,8	**1,63**	
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,10	1,90	1,76	1,75	**1,60**	
Chỉ số hoạt động							
Vòng quay khoản phải thu	Số lần	5,59	4,35	6,22	5,19	**5,23**	
Vòng quay khoản phải thu	Số ngày	65,33	83,98	58,73	70,28	**69,76**	
Vòng quay khoản phải trả	Số lần	2,50	0,66	0,44	1,45	**23,21**	
Vòng quay khoản phải trả	Số ngày	145,86	554,75	835,07	251,36	**15,73**	
Chỉ số sinh lợi							
Biên EBITDA	%	68	85	79	79	**76**	
Biên LNG	%	51	56	48	52	**46**	
Biên EBIT	%	44	54	48	48	**42**	
Biên Lợi nhuận từ HĐKD	%	20	21	20	9	**8**	
Biên Lợi nhuận ròng	%	20	24	18	7	**4**	

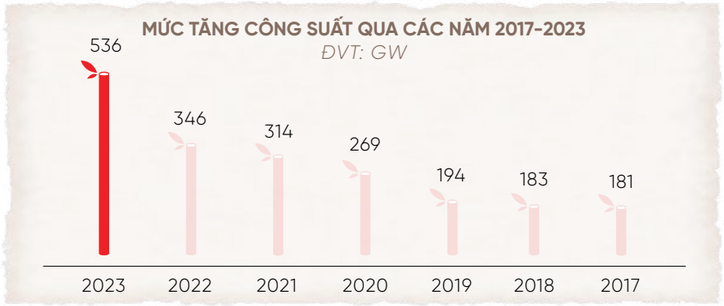
Dòng chảy Năng lượng

Tổng quan về Ngành Năng lượng

TỔNG CÔNG SUẤT TOÀN CẦU TIẾP TỤC GHI NHẬN SỰ TĂNG TRƯỞNG LIÊN TIẾP TRONG NHIỀU NĂM VỚI MỨC TĂNG KỶ LỤC 536 GW

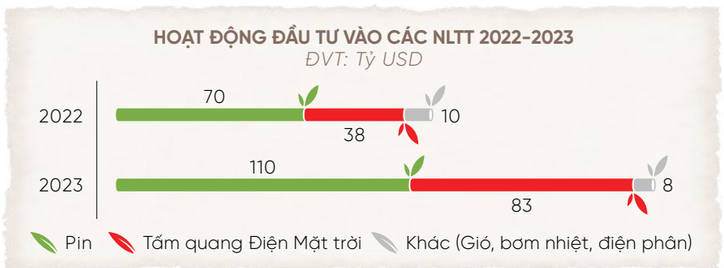
Ngành NLTT toàn cầu tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2023, ghi nhận 4.034 GW, tăng 536 GW - gấp 1,6 lần so với năm 2022 và tăng gấp 2 lần so với năm 2017 là 2.011 GW. Trong đó sự tăng trưởng vượt trội đến từ Điện Mặt trời, ghi nhận 1.590 GW năm 2023 với mức tăng 407 GW so với cùng kỳ, tiếp đến là Điện Gió ghi nhận 1.023 GW, tăng 117 GW so với năm 2022. Thủy Điện cũng có mức tăng nhẹ 7 GW, ghi nhận 1.244 GW, còn lại các loại NLTT khác (Năng lượng sinh học, Địa nhiệt, Năng lượng đại dương, Công nghệ tập trung Năng lượng nhiệt mặt trời) tăng 5 GW, đạt 177 GW.

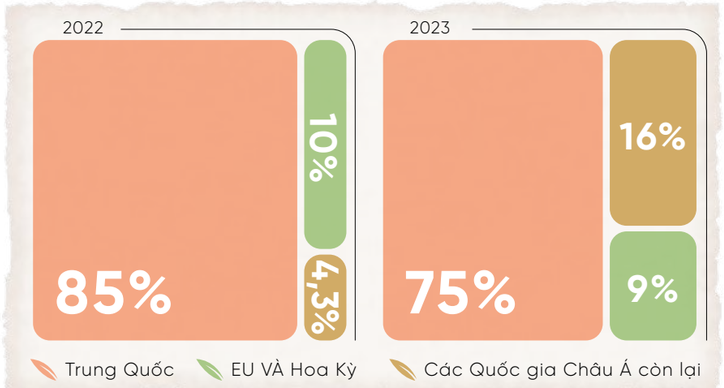




Nguồn: Báo cáo hiện trạng NLTT toàn cầu năm 2024 xuất bản bởi REN21

Cùng với sự tăng trưởng công suất, giá trị đầu tư vào hoạt động sản xuất NLTT cũng đã tăng trưởng vượt trội trong năm 2023 đạt 201 tỷ USD, tăng hơn 70% - 118 tỷ USD so với năm 2022. Hoạt động sản xuất pin và tấm quang Điện Mặt trời chiếm ưu thế với tổng đầu năm trong năm 2023 gần 193 tỷ USD, tăng gần 79% - 108 tỷ USD so với năm 2022. Đầu tư vào các công nghệ Năng lượng sạch khác như Năng lượng gió, bơm nhiệt và thiết bị Điện phân - chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng đầu tư, đạt giá trị 8 tỷ USD tương ứng với 4% tổng đầu tư năm 2023, giảm khoảng 2 tỷ USD so với năm 2022. Năm 2023, hoạt động đầu tư vào NLTT và các công nghệ hỗ trợ diễn ra chủ yếu tại Trung Quốc, chiếm ba phần tư tỷ trọng tổng đầu tư toàn cầu, EU và Hoa Kỳ với tỷ trọng khoảng 9% tổng đầu tư, còn lại là các Quốc gia thuộc khu vực Châu Á với tỷ trọng 16% trong tổng đầu tư.





Nguồn: Báo cáo hiện trạng NLTT toàn cầu năm 2024 xuất bản bởi REN21

Hòa mình vào mục tiêu cam kết Net-zero vào năm 2050, nhiều Quốc gia đã tái đánh giá các mục tiêu NLTT và đưa ra nhiều chính sách nhằm tích hợp NLTT vào hệ thống cung cấp Năng lượng hiện có bao gồm từ thúc đẩy Điện tái tạo đến tập trung vào nhiệt và nhiên liệu tái tạo. Các chính sách này bao gồm mục tiêu ở cấp bang/tỉnh và Quốc gia về đấu thầu, ưu đãi tài chính và thuế, cùng các quy định như các tiêu chuẩn danh mục NLTT (RPS), cơ chế giá mua Điện ưu đãi (FITs), quy định yêu cầu lắp đặt bộ thu nhiệt mặt trời và pha trộn nhiên liệu sinh học. Các Quốc gia phát triển tiếp tục giảm dần các quy định như đo đếm ròng (net metering) và FITs sau khi đạt được các mục tiêu ban đầu về NLTT, trong khi các biện pháp này vẫn phổ biến ở các Quốc gia đang phát triển. Đồng thời, các cuộc đấu thầu cạnh tranh về giá phát Điện ở nhiều thị trường gặp khó khăn trong việc thu hút người tham gia, khiến một số Quốc gia phải nâng trần giá để khuyến khích thêm nhà thầu.

Đến cuối năm 2023, có 182 Quốc gia đã đặt mục tiêu về NLTT, nhưng chỉ có 7 Quốc gia đặt mục tiêu sử dụng 100% NLTT, phần lớn hướng đến các mốc thời gian hoàn thành trong tương lai. Chỉ thị NLTT mới của EU đã nâng mục tiêu NLTT vào năm 2030 trong tổng tiêu thụ Năng lượng cuối cùng từ 32% lên 42,5%. Tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu năm 2023 (COP 28) tại Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, hơn 130 Quốc gia đã cam kết tăng gấp ba lần công suất lắp đặt NLTT toàn cầu vào năm 2030, đạt ít nhất 11 TW, đồng thời tăng gấp đôi tốc độ cải thiện hiệu quả Năng lượng toàn cầu hàng năm từ 2% lên 4%.

CHÍNH SÁCH	2023
Quốc gia có mục tiêu NLTT	182
Quốc gia có mục tiêu sử dụng 100% NLTT	7
Quốc gia có chính sách NLTT	101
Quốc gia có mục tiêu sử dụng 100% NLTT để sưởi ấm và làm mát	2
Quốc gia có mục tiêu sử dụng 100% NLTT trong vận tải	2
Quốc gia có mục tiêu 100% sử dụng Điện NLTT	44
Quốc gia có chính sách về quy định xây dựng (Điện, sưởi ấm, làm mát và vận tải)	30
Quốc gia có quy định bắt buộc sử dụng nhiên liệu sinh học	60
Quốc gia có chính sách cấp nguồn (Feed-in)	63
Quốc gia có chính sách đo lường ròng	92

Nguồn: Báo cáo hiện trạng NLTT toàn cầu năm 2024 xuất bản bởi REN21

Cũng theo Báo cáo hiện trạng NLTT toàn cầu xuất bản bởi REN21, sự thay đổi về điều kiện kinh tế vĩ mô và địa chính trị đã tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho việc sử dụng NLTT trong giai đoạn mới.

THÁCH THỨC

- Chi phí vốn cao và lãi suất tăng, đặc biệt ở các thị trường mới nổi, đã gây thách thức cho việc tài trợ các DA NLTT, làm chậm quá trình chuyển đổi NLTT trên toàn cầu và làm gia tăng bất bình đẳng về Năng lượng.
- Xung đột địa chính trị đang diễn ra và căng thẳng quốc tế tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu khiến Ngành NLTT dễ bị ảnh hưởng trước các tranh chấp quốc tế và hạn chế về hậu cần. Sự phụ thuộc lớn vào một số khu vực đối với các thành phần NLTT và khoáng sản quan trọng gây nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng và phụ thuộc địa chính trị.
- Mặc dù đã đặt ra mục tiêu Năng lượng sạch đầy tham vọng, nhiều Quốc gia vẫn chưa đạt được mục tiêu của mình, điều này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa tham vọng trong việc xây dựng các chính sách và thành tựu thực tế trong việc triển khai NLTT.
- Trợ cấp nhiên liệu hóa thạch tiếp tục tăng trên toàn cầu, trái ngược với các cam kết toàn cầu về giảm phát thải carbon.
- Ngành NLTT đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động lành nghề, trong khi nhu cầu về nhân sự có trình độ cao đang nhiều hơn so với nhu cầu triển khai các công nghệ NLTT.
- NLTT không được triển khai đủ nhanh để đáp ứng các mục tiêu về khí hậu và các cam kết quốc tế.
- Việc triển khai NLTT bị chậm trễ do thủ tục cấp phép chậm và quy hoạch lưới Điện tốn kém.
- Các nguồn nhiệt và nhiên liệu tái tạo cũng như công nghệ vẫn chưa được nhận thức đầy đủ để mở rộng quy mô và chưa nhận được sự hỗ trợ chính sách toàn diện và thích hợp.
- Tốc độ phát triển NLTT không đồng đều giữa các khu vực, công nghệ và nhà cung cấp.

CƠ HỘI

- Thỏa thuận toàn cầu tại COP28 nhằm tăng gấp ba công suất NLTT, với 130 Quốc gia cam kết đạt mục tiêu chung ít nhất 11 TW vào năm 2030, chứng tỏ cam kết quốc tế mạnh mẽ đối với NLTT.
- Các Quốc gia liên tục cập nhật chính sách và mục tiêu NLTT của mình. Các chính sách NLTT mới và được cập nhật trong các lĩnh vực cung và cầu là cơ hội thúc đẩy mạnh việc sử dụng NLTT trong ngành công nghiệp nặng và vận tải hạng nặng.
- Sự bùng nổ đồng thời của Điện Mặt trời và xe Điện tạo ra cơ hội để tạo ra các hệ sinh thái Năng lượng tích hợp, nơi Điện Mặt trời cấp Năng lượng cho các trạm sạc xe Điện, thúc đẩy chu trình Năng lượng sạch tự duy trì. Sự kết hợp này tăng cường tính độc lập về Năng lượng và thúc đẩy sự đổi mới trong công nghệ lưới Điện thông minh và lưu trữ.
- NLTT có thể làm giảm thiểu biến đổi khí hậu, cải thiện an ninh Năng lượng, tạo việc làm và thúc đẩy nền kinh tế địa phương và Quốc gia.
- Nguồn NLTT đa dạng có thể đáp ứng nhu cầu của nhiều ứng dụng khác nhau ngay cả trong ngành công nghiệp và vận tải sử dụng nhiều Năng lượng.
- Các giải pháp về kết nối khu vực, quy hoạch lưới Điện và giải pháp lưu trữ cải tiến có thể giúp tích hợp tỷ lệ NLTT cao hơn vào hệ thống Năng lượng.
- 30 Quốc gia có hơn 50% NLTT trong cơ cấu Điện năng và 12 Quốc gia có hơn 30% Điện Mặt trời và Điện Gió trong cơ cấu Điện năng.
- Các Quốc gia đang thực hiện các bước cụ thể để cải thiện chuỗi cung ứng NLTT nhằm tối đa hóa giá trị kinh tế xã hội từ NLTT.
- Năm 2023, Ngành Điện tái tạo chứng kiến mức tăng công suất kỷ lục với 536 GW mới được lắp đặt.

THÁCH THỨC VỀ CÔNG NGHỆ

Năng lượng sinh học	Sự thiếu sót trong các quy định nhất quán và mang tính dự báo cùng với việc thiết lập tiêu chuẩn để hài hòa giữa các khu vực địa lý đang cản trở sự tăng trưởng của các khoản đầu tư vào lĩnh vực Năng lượng sinh học.
Năng lượng địa nhiệt và nhiệt	Rủi ro cao trong việc thăm dò và phát triển loại hình Năng lượng này, có sự hạn chế về nguồn tài nguyên và tính tiếp cận. Công nghệ địa nhiệt chỉ diễn ra ở một số ít khu vực và mang tính cục bộ cao trên toàn thế giới.
Thủy Điện	Hạn hán ở các Quốc gia sản xuất Thủy Điện hàng đầu đã khiến sản lượng giảm 5% vào năm 2023 và hệ số công suất ròng toàn cầu giảm 39%.
Điện Mặt trời	Các nhà hoạch định chính sách ở nhiều Quốc gia đang ngày càng tập trung vào lĩnh vực nhiệt, các chính sách có xu hướng ủng hộ việc Điện khí hóa hệ thống sưởi ấm (và làm mát) và bỏ qua tiềm năng to lớn của việc sử dụng trực tiếp Năng lượng mặt trời.
Điện Gió	Đối với các quốc gia phương Tây, áp lực chuỗi cung ứng và lạm phát đã đẩy giá tua bin gió và chi phí DA lên cao, trong khi lãi suất cao hơn cũng làm chậm việc lắp đặt mới.

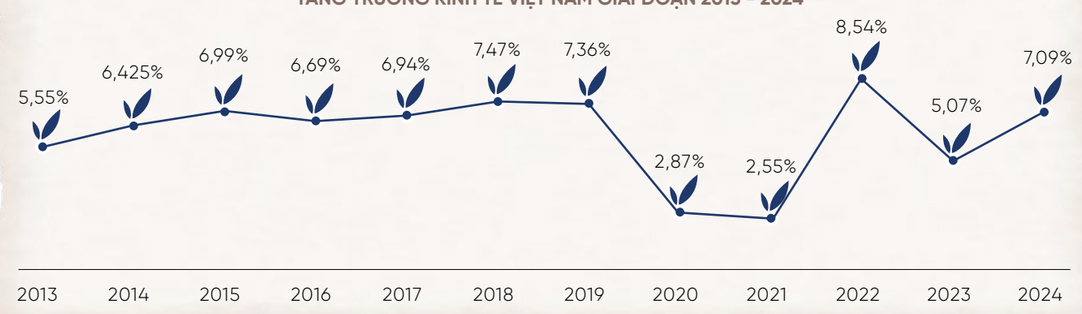
CƠ HỘI VỀ CÔNG NGHỆ

Năng lượng sinh học	Sự sẵn có của nhiều nguồn nguyên liệu sinh khối đa dạng, bao gồm chất thải nông nghiệp, sản phẩm phụ từ lâm nghiệp, cây trồng Năng lượng và chất thải hữu cơ, giúp Năng lượng sinh học có thể thích ứng với nhiều thị trường và khu vực khác nhau.
Năng lượng địa nhiệt và nhiệt	Với sự tiến bộ không ngừng, hệ thống địa nhiệt nâng cao (EGS) và hệ thống vòng kín (closed-loop systems) có thể mở rộng đáng kể tại các khu vực trên thế giới, nơi Năng lượng địa nhiệt có thể được khai thác một cách kinh tế cho các ứng dụng nhiệt và Điện.
Bơm nhiệt	Máy bơm nhiệt có tiềm năng lớn và dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong hệ thống Năng lượng thông minh hơn, số hóa hơn và Điện khí hóa hơn. Mặc dù vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển, máy bơm nhiệt công nghiệp đại diện cho một công nghệ đầy hứa hẹn và mới nổi trong lĩnh vực này.
Điện Mặt trời	Thị trường Điện Mặt trời trên mái nhà đã tăng trưởng đều đặn kể từ năm 2018 và đạt mức kỷ lục 180 GW vào năm 2023 khi thị trường trở nên hấp dẫn hơn đối với cả khách hàng dân dụng và thương mại.
Điện Gió	Trên khắp thế giới, các Quốc gia đã tăng mục tiêu về công suất và sản lượng Điện Gió, do biến đổi khí hậu, an ninh Năng lượng và mục tiêu tăng trưởng kinh tế, cũng như khả năng cạnh tranh về chi phí của Năng lượng gió.

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, KINH TẾ VĨ MÔ ỔN ĐỊNH, LẠM PHÁT TRONG TẦM KIỂM SOÁT

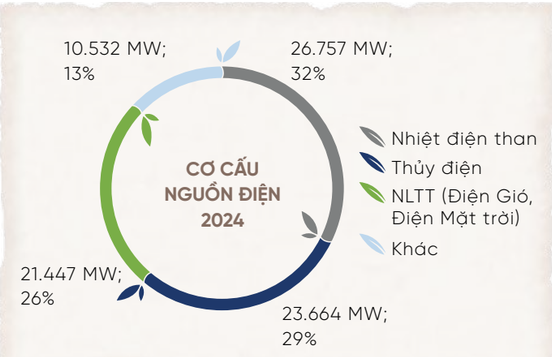
Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cả về nội tại và bên ngoài. Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới trải qua một năm nhiều biến động khó lường, những khó khăn, thách thức trong nước đầu tiên có thể kể đến là xử lý những vướng mắc, bất cập trong nội tại nền kinh tế đã tồn đọng, tích tụ nhiều năm qua; đồng thời phải ứng phó với các vấn đề bất ngờ phát sinh, đặc biệt là hậu quả của bão số 3 (Yagi). Song, Việt Nam đã bền bỉ, nỗ lực vượt qua từng khó khăn để phấn đấu đưa nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng. Năm 2024, GDP tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu 6 - 6,5% đã đề ra và chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 - 2024. Đây là mức tăng trưởng rất tích cực, thể hiện sự quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của cả hệ thống chính trị trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trước những biến động nhanh, bất thường trong khu vực và trên thế giới, cũng như trước những thiệt hại do thiên tai, bão lũ gây thiệt hại lớn cho SXKD và đời sống của nhân dân ở nước ta. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, thể hiện qua chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và năng suất lao động. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Thu nhập bình quân của lao động tính chung cả năm 2024 đạt 7,7 triệu đồng/tháng, tăng 610 nghìn đồng so với năm 2023.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013 - 2024

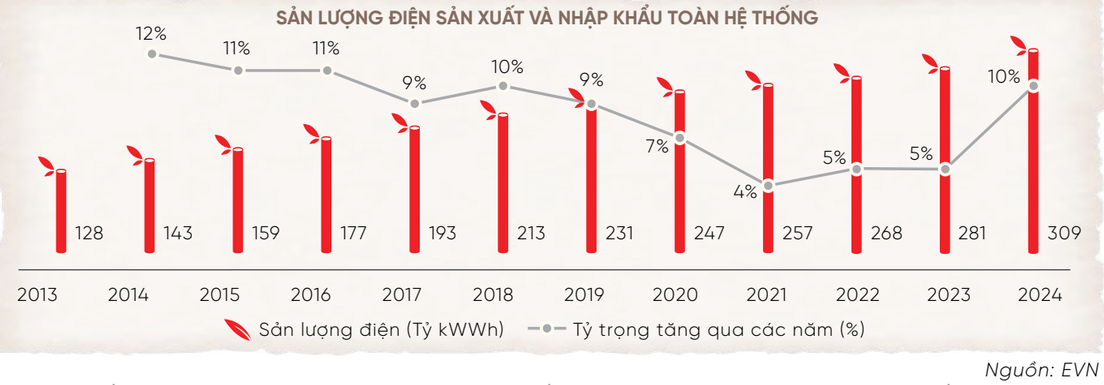


Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Tính đến cuối năm 2024, tổng công suất lắp đặt nguồn Điện (đã được công nhận ngày COD) toàn hệ thống đạt khoảng 82.400 MW, tăng khoảng 1.500 MW so với năm 2023. Trong số này, các nguồn Điện NLTT (Điện Gió, Điện Mặt trời) là 21.447 MW, chiếm tỷ trọng 26%; Nhiệt Điện than là 26.757 MW, chiếm tỷ trọng 32%; Thủy Điện là 23.664 MW, chiếm tỷ trọng 29%. Quy mô hệ thống Điện Việt Nam đứng đầu khu vực ASEAN về công suất nguồn Điện. Năm 2024, sản lượng Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống năm 2024 đạt 308,73 tỷ kWh, tăng 9,9% so năm 2023. Trong đó sản lượng Điện sản xuất các NM Điện thuộc Công ty EVN là 50,0 tỷ kWh (chiếm 16,2%); các NM Điện thuộc các Tổng Công ty Phát Điện là 74,5 tỷ kWh (chiếm 24,1%) và các NM Điện ngoài EVN là 184,3 tỷ kWh (chiếm 59,7%).



SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT VÀ NHẬP KHẨU TOÀN HỆ THỐNG



Nguồn: EVN

Dựa trên kết quả nghiên cứu, đánh giá độc lập từ thông tin, báo cáo của Chính phủ, các bộ, ngành, doanh nghiệp; cũng như các tiêu chí bình chọn (tính đột phá, sự khác biệt, nổi bật, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và phù hợp với xu thế phát triển) của các phân ngành Năng lượng, Hội đồng Khoa học Tạp chí Năng lượng Việt Nam đã bình chọn 10 sự kiện tiêu biểu, nổi bật trong năm 2024 của ngành Năng lượng Việt Nam, cụ thể:



1. Tái khởi động lại kế hoạch phát triển Điện Hạt nhân Việt Nam.
2. Quốc hội thông qua Luật Điện lực (sửa đổi), có hiệu lực kể từ ngày 1/2/2025.
3. Ban hành một số NĐ quan trọng hỗ trợ NLTT: NĐ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển Điện Mặt trời Mái nhà (tự sản xuất, tự tiêu thụ); NĐ về cơ chế mua bán Điện trực tiếp (DPPA) giữa đơn vị phát Điện NLTT với khách hàng sử dụng Điện lớn.
4. Thi công kỷ lục DA đường dây 500 kV mạch 3 (Quảng Trạch - Phố Nối) và lần đầu tiên một doanh nghiệp trong nước làm chủ thiết kế, chế tạo thành công máy biến áp 500 kV có công suất lớn nhất trên lưới Điện truyền tải Việt Nam.
5. Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia (Petrovietnam - PVN) hạ thủy, bàn giao 33 chân đế Điện Gió ngoài khơi cho NĐT Điện Gió số một thế giới và khởi công chế tạo 4 trạm biến áp ngoài khơi (OSS) cho một trong những DA Điện Gió lớn nhất trên thế giới.
6. Đoàn tàu mang theo 16 bồn ISO chứa LNG nhiên liệu đã hoàn thành hành trình 1.700 km trên tuyến đường sắt từ Nam ra Bắc an toàn.
7. Khởi công DA NM đốt rác phát Điện lớn nhất thế giới (khi hoàn thành cả 3 giai đoạn) tại Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
8. Sau hơn 10 năm chậm tiến độ, DA mỏ khí Lô B chính thức được khởi công.
9. Năm thứ 2 liên tiếp, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) ghi nhận doanh thu kỷ lục (kể từ khi thành lập) và khánh thành tuyến băng tải (hai chiều) đầu tiên ở Việt Nam.
10. Chuyển Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia (A0) từ EVN về BCT

Đặc biệt năm 2024 đã chứng kiến nhiều sự kiện thay đổi về mặt chính sách và các cơ chế mới cho Ngành Điện: Ban hành QĐ số 5/2024/QĐ-TTg ngày 26/3/2024 EVN được phép điều chỉnh giá Điện 3 tháng/lần kể từ lần điều chỉnh giá Điện gần nhất theo, TT 7/2024/TT-BCT ngày 12/4/2024 Quy định phương pháp xác định giá Điện, hợp đồng mua bán Điện, NĐ 80/2024/NĐ-CP ngày 3/7/2024 Quy định về cơ chế mua bán Điện trực tiếp giữa đơn vị phát Điện NLTT với Khách hàng sử dụng Điện lớn, NĐ 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ, đặc biệt phải kể đến Luật Điện lực số 61/2024/QH15 do Quốc Hội thông qua ngày 30/11/2024 có hiệu lực từ ngày 01/02/2025, trong đó, có những nội dung được nhấn mạnh là "hoàn toàn mới" về phát triển Điện NLTT, Điện Năng lượng mới, Điện Gió ngoài khơi.

NỘI DUNG HOÀN TOÀN MỚI TẠI LUẬT ĐIỆN LỰC NĂM 2024:

Chương III: Phát triển Điện NLTT, Điện Năng lượng mới, gồm 02 mục và 10 Điều.

Mục 1. Quy định về Điện NLTT, Điện Năng lượng mới, gồm 6 Điều (từ Điều 20 đến Điều 25): quy định các nội dung về Quy định chung trong phát triển Điện NLTT, Điện Năng lượng mới; điều tra cơ bản về tài nguyên Điện NLTT, Điện Năng lượng mới; Phát triển Điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn NLTT, Năng lượng mới; cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị NM Điện NLTT, Điện Năng lượng mới; tháo dỡ công trình thuộc DA Điện NLTT, Điện Năng lượng mới.

Mục 2. Quy định về phát triển Điện Gió ngoài khơi, gồm 4 Điều (từ Điều 26 đến Điều 29), trong đó quy định chung về phát triển Điện Gió ngoài khơi; khảo sát DA; chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư DA Điện Gió ngoài khơi, lựa chọn NĐT DA Điện Gió ngoài khơi.

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC VẬN HÀNH THỦY ĐIỆN TRÊN CẢ NƯỚC

Hiện tượng El Nino kéo dài dẫn tới sản lượng Điện của NM Thủy Điện liên tục suy giảm, sau khi đạt đỉnh năm 2022. Dữ liệu của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI) cho thấy, hiện tượng La Nina thường kéo dài từ 9-12 tháng, hoặc thậm chí lên đến 2 năm. La Nina kéo dài sẽ giúp các doanh nghiệp Thủy Điện hưởng lợi sau khi liên tục suy giảm sản lượng.

Năm 2024, với điều kiện thủy văn thuận lợi hơn năm 2023, các NM Thủy Điện đã phát huy được vai trò của mình là vận hành linh hoạt với sản lượng cao để cấp Điện cho nền kinh tế. Tuy nhiên, trong năm qua đã xuất hiện những cơn bão, lũ lớn bất thường, các NM Thủy Điện trên sông Đà, sông Chảy, sông Gâm đã không thể cắt lũ, hay làm chậm lũ cho vùng hạ lưu công trình (dù đã thực hiện theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng). Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt và hiện tượng thời tiết dị thường xuất hiện không theo quy luật là mối đe dọa thường xuyên, trực tiếp đến công tác vận hành an toàn các công trình Thủy Điện. Siêu bão Yagi tuy xuất hiện cuối mùa mưa bão năm 2024, nhưng với cường độ mạnh đã gây những thiệt hại rất lớn đối với nền kinh tế nước ta. Các NM Thủy Điện trong lưu vực sông Đà, sông Gâm, sông Chảy đã vận hành an toàn công trình, không để mực nước trong hồ vượt quá mực nước thiết kế lớn nhất. Nhưng vai trò cắt lũ, hoặc làm chậm lũ cho hạ lưu đồng bằng sông Hồng, cũng như khu vực Hà Nội đã chưa đạt yêu cầu so với nhiệm vụ và khả năng công trình.

3.399,41 MW CÔNG SUẤT NM NLTT CHUYỂN TIẾP ĐÃ HOÀN TẤT ĐÀM PHÁN VÀ KÝ TẮT HỢP ĐỒNG PPA VỚI GIÁ TẠM 50% GIÁ TRẦN

Sau khi kết thúc thời gian hưởng cơ chế giá FiT của các DA Điện Gió (theo QĐ số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018) và các DA Điện Mặt trời (theo QĐ số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020) có 85 DA NLTT với tổng công suất là 4.734,56 MW không kịp đưa vào COD đúng tiến độ và bây giờ đang chờ cơ chế giá mới để đưa vào vận hành. Các DA này được tạm gọi là DA "chuyển tiếp".

Tính đến ngày 31/12/2024, số lượng DA NLTT chuyển tiếp đã gửi hồ sơ đàm phán giá Điện, hợp đồng mua bán Điện vẫn là 81/85 DA, với tổng công suất 4.597,86 MW. Trong đó, 72 DA NLTT chuyển tiếp với tổng công suất 4.128,01 MW đề nghị giá tạm bằng 50% giá trần của khung giá theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 7/1/2023 của BCT. EVN và chủ đầu tư đã hoàn thành đàm phán giá và ký tắt hợp đồng PPA với 64/72 DA. BCT đã phê duyệt giá tạm cho 63 DA, với tổng công suất 3.429,41 MW. Có 29 NM/phần NM NLTT chuyển tiếp với tổng công suất 1.577,65 MW đã hoàn thành thủ tục công nhận COD, phát Điện thương mại lên lưới. Hiện vẫn còn 4 DA với tổng công suất 136,7 MW chưa gửi hồ sơ đàm phán giá Điện.

HÀNH LANG PHÁP LÝ CHO ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG THÔNG QUA NĐ SỐ 135/2024/NĐ-CP SAU HƠN 4 NĂM CHỜ ĐỢI

Sau hơn bốn năm chờ đợi hành lang pháp lý, cơ chế mới cho Điện Mặt trời Mái nhà đã chính thức được Chính Phủ ban hành vào ngày 22/10/2024 thông qua NĐ số 135/2024/NĐ-CP về việc Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. Các đối tượng áp dụng đối với mái nhà của công trình xây dựng gồm: Nhà ở, cơ quan công sở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

9 CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH TRONG ĐIỀU 8 CỦA NĐ 135:

1. Tổ chức, cá nhân lắp đặt Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ **được miễn trừ giấy phép hoạt động Điện lực và không giới hạn công suất lắp đặt** trong các trường hợp sau: (i) Không đấu nối với hệ thống Điện quốc gia, (ii) Lắp đặt hệ thống thiết bị chống phát ngược Điện vào hệ thống Điện quốc gia, (iii) Hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ phát triển Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có công suất dưới 100 kW.

2. Tổ chức, cá nhân **có công suất lắp đặt từ 1.000 kW trở lên** và bán Điện dư vào hệ thống Điện Quốc gia, **thực hiện thủ tục về quy hoạch Điện lực và đề nghị cấp giấy phép hoạt động Điện lực** theo quy định của pháp luật.

3. Được **hưởng chính sách ưu đãi về thuế** theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

4. Được **rút gọn các thủ tục hành chính** theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành.

5. Công trình xây dựng có lắp đặt Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ không phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung đất Năng lượng và công năng theo quy định của pháp luật.

6. Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ của hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ; công sở và công trình được xác định là tài sản công được xác định là thiết bị công nghệ gắn vào công trình xây dựng.

7. Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống Điện quốc gia thuộc quy mô công suất theo quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống Điện quốc gia thuộc **hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ có công suất dưới 100 kW nếu không dùng hết được bán lên hệ thống Điện quốc gia nhưng không quá 20% công suất lắp đặt thực tế** như sau:
   - (i) EVN thanh toán cho tổ chức, cá nhân phần sản lượng Điện dư phát lên hệ thống Điện quốc gia nhưng không quá 20% công suất lắp đặt thực tế;
   - (ii) Giá mua bán Điện dư phát lên hệ thống Điện quốc gia bằng giá Điện năng thị trường bình quân trong năm trước liền kề do đơn vị vận hành hệ thống Điện và thị trường Điện công bố nhằm bảo đảm khuyến khích phù hợp trong từng thời kỳ phát triển của hệ thống Điện quốc gia;
   - (iii) Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ lắp đặt trên mái công trình xây dựng là công sở hoặc công trình được xác định là tài sản công không thực hiện mua bán sản lượng Điện dư.

8. **Hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ** phát triển Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ **được miễn hoặc không phải điều chỉnh giấy phép kinh doanh**.

9. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tự quyết định lắp đặt hệ thống lưu trữ Điện (BESS) để bảo đảm vận hành an toàn, ổn định hệ thống Điện.



NĐ ra đời đã phản ánh được phần lớn kiến nghị của cộng đồng phát triển Điện Mặt trời Mái nhà và tạo điều kiện cho đầu tư, phát triển Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ, phục vụ nhu cầu chuyển đổi xanh, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp xuất khẩu và mục tiêu PTBV của các NĐT trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều ý kiến cho rằng các hướng dẫn trong NĐ chưa cụ thể, dễ gây tranh cãi trong quá trình triển khai. Đồng thời trong NĐ cũng chưa cụ thể quy trình triển khai được bán Điện dư lên hệ thống Điện quốc gia nhưng không quá 20% công suất lắp đặt. Vì vậy khi đầu tư hệ thống Điện Mặt trời Áp mái tự sản, tự tiêu và có bán Điện dư lên hệ thống Điện quốc gia, doanh nghiệp vẫn cần phải đạt được những thỏa thuận thống nhất trong từng trường hợp cụ thể.

Mặc dù Điện Mặt trời Áp mái ở Việt Nam không mới nhưng mô hình, cơ chế phát triển Điện Mặt trời Áp mái tự sản tự tiêu lần này lại là cơ chế mới, do vậy thực tế vẫn cần chờ những hướng dẫn của BCT hoặc EVN. Trong tương lai, nếu có những điều chỉnh, bổ sung về gia tăng mục tiêu phát triển NLTT nói chung và Điện Mặt trời Mái nhà tự sản tự tiêu nói riêng thì có thể góp phần tích cực trong thực hiện các mục tiêu chuyển dịch Năng lượng và PTBV của Việt Nam.

BẢNG TÓM TẮT NĐ 135/2024/NĐ-CP

LOẠI HÌNH	CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT	BÁN ĐIỆN DƯ LÊN LƯỚI ĐIỆN			GIỚI HẠN QUỐC GIA VỀ CÔNG SUẤT PHÁT TRIỂN			YÊU CẦU KẾT NỐI SCADA			YÊU CẦU KẾT NỐI AMI/AMR			ĐĂNG KÍ			THÔNG BÁO			GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC		
		HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN	HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN	HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN	HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN	HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN	HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN	HGĐ	CÔNG SỞ	TM& CN
Không nối lưới	Không giới hạn	Không			Không giới hạn			Không			Không			Không			Có			Không		
Nối lưới	<100 kW	Có (20%)	-	Có (20%)	Không giới hạn	-	Giới hạn QHĐ8	Không	-	Không	Có	-	Có	Không	-	Không	Có	-	Có	Không	-	Không
	100 kW – 1.000 kW	Có (20%)	-	Có (20%)	Giới hạn QHĐ8	-	Giới hạn QHĐ8	Có	-	Có	Có	-	Có	Không	-	Không	Có	-	Có	Không	-	Không
	≥ 1.000 kW	Có (20%)	-	Có (20%)	Giới hạn QHĐ8	-	Giới hạn QHĐ8	Có	-	Có	Có	-	Có	Có	-	Có	Không	-	Không	Có	-	Có
	<100 kW + Zero Export	Không			Không giới hạn			Không			Không			Không			Có			Không		
	100 kW- 1.000 kW + Zero Export	Không			Không giới hạn			Có			Không			Không			Có			Không		
	≥ 1.000 kW + Zero Export	Không			Không giới hạn			Có			Không			Có			Không			Không		

HGĐ chuyển thành: Hộ Gia đình, TM&CN chuyển thành: Thương mại và công nghiệp

Nguồn: GIZ-ESP, tổng hợp dựa trên NĐ 135/2024/NĐ-CP



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐIỆN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

Năm 2024, TTCP ký ban hành QĐ 215/QĐ-TTg ngày 1/3/2024 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 ("gọi tắt là Chiến lược phát triển Năng lượng") với các mục tiêu cụ thể liên quan đến NLTT bao gồm:

- Tỷ trọng NLTT trong tổng Năng lượng sơ cấp 15-20% năm 2030 và 65-70% năm 2045.
- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động Năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15-35% vào năm 2030, lên mức 70-80% vào năm 2045.

Cũng theo QĐ 215/QĐ-TTg, Việt Nam sẽ phát triển 4 Phân ngành Năng lượng gồm: Phân ngành dầu khí, Phân ngành công nghiệp than, Phân ngành Điện, Phân ngành Năng lượng mới và tái tạo và đẩy mạnh sử dụng Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Các nhóm Phân ngành đều cùng chung Mục tiêu:

- Bảo đảm vững chắc an ninh Năng lượng quốc gia; cung cấp đầy đủ Năng lượng ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.
- Tiến hành chuyển đổi Năng lượng góp phần quan trọng **đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050**. Ngành Năng lượng phát triển hài hoà giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN.
- Xây dựng thị trường Năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên Năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu Năng lượng hợp lý; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả Năng lượng.
- Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành Năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới Điện truyền tải, phân phối Điện tiên tiến, hiện đại.

PHÂN NGÀNH ĐIỆN

MỘT SỐ ĐIỂM CHÍNH ĐÁNG LƯU Ý:

a) Về phát triển nguồn điện

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nguồn NLTT (Thủy điện, Điện Gió trên bờ và ngoài khơi, Điện Mặt trời, Điện Sinh khối...), Năng lượng mới, Năng lượng sạch (Hydro, Amoniac xanh...) phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, Điện Mặt trời Mái nhà.

Phát triển nguồn điện mới với công nghệ hiện đại đi đôi với đổi mới công nghệ các NM đang vận hành. Tiến tới dừng hoạt động với các NM không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.

b) Về phát triển lưới điện

Định hướng sau năm 2030 sẽ phát triển các đường dây truyền tải siêu cao áp một chiều kết nối khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Bắc Bộ để khai thác mạnh tiềm năng điện gió ngoài khơi. Nghiên cứu các kết nối xuyên châu Á - Thái Bình Dương.

c) Về liên kết lưới điện khu vực

Thực hiện liên kết lưới điện với Lào bằng các tuyến đường dây 500 kV, 220 kV để nhập khẩu điện từ các NM Điện tại Lào theo biên bản ghi nhớ hợp tác đã ký kết giữa hai Chính phủ.

PHÂN NGÀNH NĂNG LƯỢNG MỚI VÀ TÁI TẠO

MỘT SỐ ĐIỂM CHÍNH ĐÁNG LƯU Ý:

Khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn NLTT nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. **Ưu tiên sử dụng Năng lượng Gió và Mặt trời cho phát điện**.

Khuyến khích đầu tư xây dựng các NM Điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn.

Hình thành và phát triển một số trung tâm NLTT tại các vùng và các địa phương có lợi thế. Sớm nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tiềm năng và xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thuỷ triều, hải lưu; triển khai một số mô hình ứng dụng, tiến hành khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả.

Nghiên cứu công nghệ, xây dựng một số đề án thử nghiệm sản xuất và khuyến khích sử dụng Năng lượng Hydro phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Thúc đẩy việc phát triển của các dạng NLTT bao gồm nhiên liệu sinh học, Hydro, Amoniac và các nhiên liệu tổng hợp có nguồn gốc từ Hydro sử dụng trong sản xuất điện, giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không), công nghiệp (thép xanh, hóa chất, lọc hóa dầu), tòa nhà dân dụng và thương mại (nhiệt) nhằm góp phần đẩy mạnh chuyển dịch năng lượng và từng bước phi các-bon hóa nền kinh tế. Xây dựng lộ trình công nghệ cho sản xuất, sử dụng nhiên liệu hydro và các nhiên liệu có nguồn gốc từ Hydro; pin nhiên liệu (fuel cell) sử dụng cho hoạt động giao thông vận tải và các mục đích khác.

Nghiên cứu các dạng Năng lượng mới, như Năng lượng Sóng biển, Địa nhiệt,...

CHUỖI GIÁ TRỊ VỀ NLTT TẠI GEC

Để đáp ứng được nhu cầu Năng lượng tăng cao và cơ cấu nguồn Điện thay đổi, cần có sự phát triển đồng bộ cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong đó, phát triển chuỗi giá trị ngành Điện là một giải pháp quan trọng. Chuỗi giá trị ngành Điện bao gồm các hoạt động từ khâu tìm kiếm, thăm dò, khai thác, sản xuất, truyền tải, phân phối đến tiêu thụ Điện. Việc phát triển chuỗi giá trị ngành Điện sẽ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Tại GEC, chuỗi giá trị trong mảng NLTT được phát triển từ khâu Phát triển DA và M&A, Pháp lý, Thiết kế và Thi công Xây dựng đến Vận hành NM Điện bao gồm Dịch vụ mảng NLTT và Kinh doanh thương mại. GEC tiếp tục hoàn thiện Mô hình kinh doanh để thích nghi với điều kiện thị trường luôn thay đổi, vừa để đa dạng hóa nguồn thu, đảm bảo tăng trưởng bền vững các Chỉ tiêu Kinh doanh, đặc biệt là phát huy các Chỉ số Sinh lời vốn đang là thế mạnh trong HĐKD của GEC.

GIÁ TRỊ ĐẦU VÀO

TÀI CHÍNH

- VĐL: **4.225 tỷ đồng**
- VCSH: **5.764 tỷ đồng**
- TTS: **15.174 tỷ đồng**
- Tổng Nợ vay: **9.193 tỷ đồng**

Rủi ro

- Rủi ro tài chính

SẢN XUẤT

- Công suất đang vận hành: **672 MWp**
- Hợp đồng mua bán Điện: **56 hợp đồng**
- **96 tỷ đồng** Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Rủi ro

- Rủi ro thiết bị
- Rủi ro vận hành

NHÂN SỰ

- **488** CBNV
- **76** Khóa đào tạo
- **22-61** độ tuổi lao động

Rủi ro

- An toàn sức khỏe
- Rủi ro nhân sự

TÀI NGUYÊN

- **41.807** lít dầu Diesel tiêu thụ
- **2,2** tỷ m^3 lượng nước khai thác
- **6,4** m/s vận tốc gió trung bình
- **1.739** kWh/m^2/ngày bức xạ trung bình
- **416** giờ nắng trung bình

Rủi ro:

- Thay đổi khí hậu

MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

- Cam kết với môi trường
- Hoạt động xã hội bảo vệ môi trường
- **8** Tiêu chuẩn IFC
- **2** Tiêu chuẩn GRI 300, 400
- **17** Mục tiêu PTBV (SDGs)
- **4** Tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội (SPS)
- SASB
- TCFD

Rủi ro:

- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro môi trường xã hội

HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH

CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT ĐIỆN

TÌM KIẾM VÀ PHÁT TRIỂN DA NLTT TIỀM NĂNG | PHÁT ĐIỆN VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN | TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI | CUNG CẤP NGUỒN ĐIỆN CHO KHÁCH HÀNG

Phát triển DA & M&A:
BSQH - Tự triển khai và tìm kiếm/tư vấn M&A DA NLTT

PHÁP LÝ & THIẾT KẾ & QUẢN LÝ THI CÔNG XÂY DỰNG:
Tư vấn thiết kế, Tư vấn chuyên ngành điện, Tư vấn ký kết PPA, Cung cấp thiết bị, Tổng thầu lắp đặt các hệ thống Năng lượng...

VẬN HÀNH NM & KINH DOANH THƯƠNG MẠI:
Quản lý vận hành, Thí nghiệm dịch vụ và kỹ thuật, Cung cấp máy móc thiết bị NM Năng lượng, Bán chứng chỉ Năng lượng sạch RECs

12 NM THỦY ĐIỆN

5 NM ĐIỆN MẶT TRỜI

4 NM ĐIỆN GIÓ

35 HỆ THỐNG ÁP MÁI

DỊCH VỤ:
Quản lý vận hành, Thí nghiệm Dịch vụ, Dịch vụ Kỹ thuật,...

CUNG CẤP HÀNG HÓA THIẾT BỊ:
Robot lau pin, inverter, chứng chỉ REC/TIGR/GOLD STANDARD

Cung cấp điện trực tiếp cho EVN theo PPA 20 năm.
Đối với NM Điện Mặt trời và Điện Gió: theo cơ chế giá FiT ưu đãi, riêng NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 theo cơ chế giá điện chuyển tiếp

Đối với NM Thủy điện: theo Biểu giá Chi phí tránh được

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, hàng hóa thuộc lĩnh vực NLTT cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực NLTT

Khách hàng tiềm năng khác khi áp dụng cơ chế DPPA hoặc thị trường đang dần dịch chuyển sang thị trường bán lẻ điện cạnh tranh

GIÁ TRỊ MANG LẠI

TÀI CHÍNH

- LNTT hợp nhất: **181,5 tỷ đồng**
- Mức cổ tức ổn định qua các năm: **5%** cổ tức bằng cổ phiếu cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông, 6,2424% cổ tức bằng tiền mặt đối với CĐ sở hữu cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi
- Đảm bảo thực thi nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng với tổng chi phí lãi vay 2024: **786 tỷ đồng**
- Tăng cường mở rộng mối quan hệ với các Định chế tài chính trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn vốn huy động đa dạng từ cả kênh Thị trường tiền tệ và Thị trường vốn, phục vụ nhu cầu vốn phát triển DA

SẢN XUẤT

- Tổng sản lượng Điện đóng góp vào lưới Điện Quốc gia 2024: **1,4 tỷ kWh**
- Cộng hưởng vào sự phát triển cùng các đối tác đồng hành: tổng chi phí nguyên vật liệu cung cấp cho Nhà cung cấp và nhà thầu: **43 tỷ đồng**
- Duy trì hoạt động ổn định, liên tục, bất chấp những thách thức về điều kiện thời tiết, lạm phát
- Tăng cường nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật cao nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của NM, tối ưu hóa sản lượng và đa dạng hóa Nguồn thu ra thị trường

NHÂN SỰ

- Đảm bảo đời sống cho CBNV: mức lương bình quân: **20,3 triệu đồng/tháng**
- Đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm chuyên môn cao
- Tập trung chủ yếu là trong Ngành NLTT, phát triển DA, Tài chính đến Vận hành.

TÀI NGUYÊN

- Góp phần vào các mục tiêu chống biến đổi khí hậu, cam kết Net-zero: năm 2024 cung cấp hơn **716 nghìn** chứng chỉ NLTT giảm thải môi trường
- Tìm kiếm và mở rộng các danh mục NLTT tiềm năng khác (Điện Rác, Hydrogen...) để mở rộng quy mô đầu tư, giảm thiểu bớt các rủi ro tác động bởi thời tiết
- Các DA NLTT của GEC trước khi thi công đều được khảo sát kỹ càng để đảm bảo hiệu suất và hiệu quả hoạt động tối ưu

QUAN HỆ XÃ HỘI

- Đáp ứng Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam, Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội theo tiêu chuẩn Quốc tế IFC và Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo PTBV Quốc tế GRI Hợp nhất gồm Kinh tế, Môi trường và Xã hội
- Tăng cường kết nối với cộng đồng thông qua hoạt động tình nguyện, bảo vệ môi trường
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước tới tổng giá trị năm 2024 là **279 tỷ đồng** và đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động CSR với tổng giá trị **1,9 tỷ đồng**

ĐÓNG GÓP VÀO MỤC TIÊU PTBV











PHÂN TÍCH SWOT

STRENGTH - ƯU ĐIỂM

Chiến lược rõ ràng về phát triển đồng bộ các loại hình NLTT

- Danh mục tiềm năng và đa dạng đến năm 2026 gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái, Điện Gió, Điện Rác và Hydro Xanh
- Danh mục DA tiềm năng đang phát triển tại các địa điểm có điều kiện tự nhiên và đường truyền tải thuận lợi cho việc phát triển từng loại hình NLTT
- Các NM đã và đang triển khai ~769 MWp được phân bổ rộng khắp khu vực Tây Nguyên, miền Trung và Nam bộ nên hạn chế tối đa việc cắt giảm công suất

Tiên phong trong việc phát triển Điện Mặt trời trang trại tại Việt Nam

- Vận hành 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên của Việt Nam vào năm 2018 với tổng công suất 117 MWp
- Nhiều kinh nghiệm trong việc triển khai các NM NLTT được đúc kết từ việc tự triển khai thi công
- Chi phí đầu tư được tiết giảm nhờ vào tích lũy kinh nghiệm và việc cập nhật các xu hướng phát triển khoa học và kỹ thuật

Dòng tiền ổn định từ các NM NLTT đang vận hành

- Luôn duy trì mối quan hệ và có điểm tín nhiệm cao từ với các Ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam
- Xây dựng mức độ uy tín với các định chế tài chính nước ngoài để hợp tác cùng đầu tư các DA đủ tiêu chuẩn xanh
- Gia tăng khả năng huy động vốn trên Thị trường với chi phí hợp lý
- Suất đầu tư hiệu quả các loại hình Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió

Đội ngũ Nhân sự/CBNV nhiều kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực NLTT

- Hợp tác với các Nhà thầu EPC và Nhà cung cấp uy tín như PC1, Sharp, JGC, Vestas...
- Hợp với với các Công ty Tư vấn nước ngoài để triển khai DA như K2M, Tractebel, Bureau Veritas, Fichtner...
- Đội ngũ CBNV Công ty có khả năng triển khai tốt, nhanh và hiệu quả

CĐ chiến lược Quốc tế Jera - Công ty lớn nhất Nhật Bản và là Top 3 Công ty Năng lượng Nhật Bản

- Nền tảng để phát triển trên thị trường vốn quốc tế, tiếp cận các công nghệ, khoa học kĩ thuật tiên tiến, hiện đại, mở rộng và phát triển các loại hình NLTT tiềm năng khác; tiếp cận nguồn vốn đa dạng ưu đãi của các đối tác quốc tế.
- Cổ tức nhiều năm ổn định và hấp dẫn so với các Công ty cùng Ngành

Tiềm năng giá trị Công ty

- Được xếp hạng tín nhiệm "A-" Triển vọng "Ổn định" bởi FiinRatings - Đơn vị xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay
- Gặt hái nhiều Giải thưởng danh giá trong và ngoài nước về BCTN

WEAKNESS - NHƯỢC ĐIỂM

Nhiều NM Thủy điện có quy mô nhỏ

- So với các Doanh nghiệp Nhà nước, quy mô công suất Thủy điện tương đối nhỏ
- Một số NM Thủy điện đóng góp Doanh thu với tỷ trọng thấp
- Chi phí nâng cấp và bảo dưỡng định kỳ tăng dần khi một số NM vận hành gần 20 năm

Danh mục NLTT vẫn đang tiếp tục đa dạng hóa

- Doanh thu chủ yếu đến từ Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió
- Nhiều DA NLTT mới đang trong giai đoạn hoàn thiện pháp lý
- Hạn chế kinh nghiệm trong việc xây dựng, quản lý và vận hành DA NLTT mới (Hydrogen, Thủy điện tích năng...)

Lĩnh vực Kỹ thuật:

- Đáp ứng nhu cầu nội bộ, chưa xây dựng thương hiệu trên thị trường
- Chưa tối ưu nguồn thu thông qua việc thương mại hóa Dịch vụ Kỹ thuật, Bảo trì, Bảo dưỡng và Thí nghiệm Dịch vụ

Chỉ số Tài chính

- Hệ số ROA, ROE chưa cạnh tranh so với hệ số trung bình của Ngành do Công ty đang trong giai đoạn phát triển

OPPORTUNITIES - CƠ HỘI

Xu thế chuyển dịch Năng lượng toàn cầu

- Xu hướng phát triển NLTT trên thế giới và Việt Nam: giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, phát triển các công nghệ năng lượng sạch
- Phát triển công nghệ sản xuất Hydrogen, Amoniac,...
- Cam kết Net Zero của Chính phủ Việt Nam tại COP26, cam kết làm mát toàn cầu tại COP28, COP29

Vị thế của Việt Nam trên thị trường Năng lượng

- Việt Nam là nước sử dụng Điện lớn thứ 2 Đông Nam Á
- Quy mô công suất nguồn điện của Việt Nam giữ vững vị thế đứng đầu ASEAN
- Ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực và thế giới về phát triển NLTT

Điều kiện thuận lợi để phát triển NLTT tại Việt Nam

- Định hướng chiến lược của Chính phủ hỗ trợ trực tiếp lĩnh vực NLTT Tuyên bố JETP được TTCP ban hành theo QĐ số 1009/QĐ-TTg ngày 31/8/2023 - một trong những giải pháp giúp Việt Nam tiếp cận các nguồn lực cần thiết để triển khai hiệu quả lộ trình phát triển các-bon thấp, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu trong nỗ lực chung chuyển đổi năng lượng toàn cầu; đồng thời phát triển các cơ hội kinh tế mới để hỗ trợ Việt Nam thực hiện mục tiêu chuyển đổi xanh, hướng tới tương lai phát thải ròng bằng 0
- Tiềm năng lớn về NLTT. Theo QHĐ8, ước tính công suất NLTT tại Việt Nam đến năm 2030 lần lượt là Thủy điện (31.746 MW), Điện Gió (27.880 MW), Điện Mặt trời (12.836 MW - không bao gồm Điện Mặt trời Mái nhà hiện hữu)
- Chính sách khuyến khích phát triển NLTT: ban hành nhiều chính sách khuyến khích phát triển NLTT như giá mua điện ưu đãi, ưu đãi về thuế, phí và tín dụng
- Công nghệ phát triển nhanh chóng: giảm chi phí đầu tư và tăng hiệu quả sản xuất điện

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư

- Những ưu đãi về Thuế TNDN: Những NM NLTT được áp dụng theo thuế suất ưu đãi (4 năm đầu - 0%, 9 năm tiếp theo - 5%, 2 năm tiếp theo - 10%, các năm sau - 20%)
- Thuế Nhập khẩu: Miễn Thuế Nhập khẩu đối với hàng hoá tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được để thi công DA
- Ưu đãi về phí và lệ phí: Miễn phí trước bạ đối với nhà, đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh NLTT. Hầu hết các DA NLTT của GEC đều được miễn tiền thuê đất do ở Khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép xây dựng,...
- Tiếp cận nguồn tài chính ưu đãi để phục vụ cho việc phát triển các DA NLTT mới
- Cho thuê đất thời hạn 50 năm đối với các DA NLTT

Tích lũy kinh nghiệm triển khai và vận hành các NM NLTT

- Nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ vào SXKD
- Đa dạng hóa nguồn thu từ đội ngũ Kỹ thuật chuyên nghiệp thông qua việc cung cấp dịch vụ Năng lượng cho các NM NLTT
- Tự triển khai EPC các DA Điện Mặt trời và hướng đến là các DA NLTT mới để tối ưu chi phí đầu tư

Chiến lược PTBV theo chuẩn Quốc tế

- QTCT hướng đến tuân thủ các thông lệ Quốc tế
- Tuân thủ các tiêu chuẩn Quốc tế về E&S
- CĐ chiến lược nước ngoài đồng hành phát triển

THREAT - THÁCH THỨC

Chính sách chưa ổn định dẫn đến sự bị động trong phát triển DA

- Khung giá phát điện cho DA Điện Mặt trời, Điện Gió chuyển tiếp chưa thực hiện hấp dẫn đối với NĐT: Điện Mặt trời Mặt đất: 1.184,9 đồng/kWh, Điện Mặt trời nổi 1.508,27 đồng/kWh, Điện Gió trong đất liền: 1.587,12 đồng/kWh và Điện Gió trên biển: 1.815,95 đồng/kWh theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 7/1/2023
- Công nghệ phát triển nhanh sẽ tác động đáng kể đến chính sách mua điện của EVN
- Chi phí đầu tư ban đầu khá cao đối với các DA NLTT

Cơ sở hạ tầng Ngành Điện chưa được đồng bộ

- Quá tải và mất ổn định lưới Điện Quốc Gia
- Rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động
- Cắt giảm công suất

Số lượng lớn DA NLTT đang chờ để duyệt BSQH

- Nhiều DA đã được và chờ phê duyệt BSQH
- Nhiều đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước có kinh nghiệm trên thị trường

ENSO - Các hiện tượng thời tiết bất thường ảnh hưởng đến tài nguyên nước, bức xạ, vận tốc gió

- Hiện tượng thời tiết EL NINO và LA Nina ảnh hưởng đến hoạt động các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió
- Vận tốc quay của các Tuabin gió tạo ra tiếng ồn có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em

Thành quả hoạt động 2024

THỦY ĐIỆN

Là một trong những hoạt động cốt lõi, công tác vận hành NM Thủy Điện luôn được GEC chú trọng. Điều tiết nguồn nước hiệu quả, đảm bảo vận hành liên tục và giảm thiểu tối đa thời gian xử lý sự cố là mục tiêu trọng tâm của GEC suốt nhiều năm qua.

Tính đến cuối năm 2024, GEC đã/đang xây dựng và đưa vào vận hành các NM Thủy điện với tổng công suất đạt 90 MW chiếm tỷ lệ 14% tổng công suất toàn hệ thống GEC. Sở hữu 13 NM Thủy điện đã và đang phát triển tại các tỉnh Gia Lai, Huế, Lâm Đồng, Đắk Lắk, thị phần Thủy điện của GEC hiện tại đang chiếm 0,4% tổng công suất cả nước.

Năm 2024, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. tình hình thủy văn trên cả nước diễn biến phức tạp với lượng mưa giảm và nắng nóng kéo dài. Điểm nhấn của mùa Đông 2023-2024 là tình trạng nắng nóng bất thường và đến sớm trên cả nước. Bắt đầu từ các tỉnh Nam Bộ nắng nóng gần như liên tục từ ngày 9/2 đến giữa tháng 5. Sau tháng 4 nắng nóng kỷ lục và dị thường, nhìn chung các tháng còn lại của mùa hè 2024 không quá nóng ở miền Bắc, đặc biệt là tình trạng mưa nhiều trong các tháng 5-6-7 cũng như không có nhiều ngày nắng nóng tại khu vực này. Trung Bộ trong tháng 8 vẫn xảy ra một đợt nắng nóng kéo dài từ 5-31/8, góp phần làm nền nhiệt trung bình cả nước tháng 8/2024 đạt 28,3°C - cao nhất trong chuỗi số liệu lịch sử quan trắc được của tháng 8. Việc hiện tượng La Nina không xuất hiện sớm như dự báo cũng khiến cho Trung Bộ trải qua một mùa mưa bão lũ tương đối ôn hòa và không quá khốc liệt như dự báo ban đầu. Cả năm chỉ có hai cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Trung Bộ là bão số 4 và bão số 6, nhưng chúng đều có cường độ không lớn. Lượng mưa nhiều nơi tại Trung Bộ trong các tháng cuối năm 2024 thậm chí thiếu hụt so với trung bình nhiều năm. Trên hết, các NM Thủy điện tại GEC phân bố chủ yếu tại Trung Bộ, chính vì vậy điều này gây ảnh hưởng đến nguồn nước của thủy điện, tác động trực tiếp đến sản lượng điện của các NM Thủy Điện của GEC dẫn đến tổng sản lượng năm 2024 đạt 316 triệu kWh, bằng 89% so với thời điểm cùng kỳ.

DOANH THU THỦY ĐIỆN 2020-2024

2.062
Tỷ đồng

SẢN LƯỢNG THỦY ĐIỆN 2020-2024

1,7
Tỷ kWh

DOANH THU THỦY ĐIỆN 2024

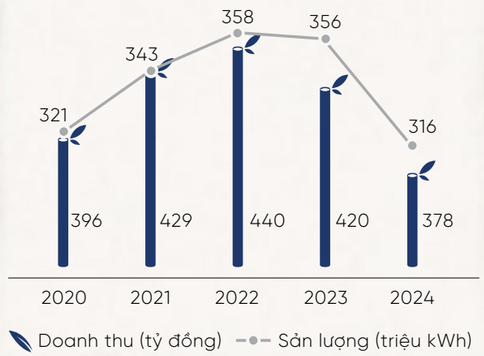
378
Tỷ đồng

SẢN LƯỢNG THỦY ĐIỆN 2024

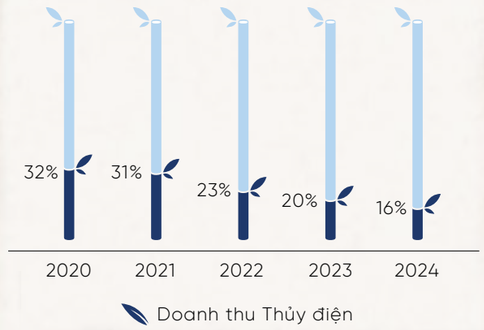
316
Triệu kWh



SẢN LƯỢNG - DOANH THU THỦY ĐIỆN 2020-2024



TỶ TRỌNG DOANH THU THỦY ĐIỆN 2020-2024



Nguồn: GEC

Trong những năm qua, GEC đã nỗ lực đa dạng hóa nguồn thu để giảm thiểu rủi ro về thời tiết. Điều này thể hiện rõ qua cơ cấu Doanh thu Thủy điện của GEC. Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết không thuận lợi, Doanh thu Thủy điện của GEC khiêm tốn với 378 tỷ đồng, chiếm 16% tỷ trọng Doanh thu điện toàn GECG. Dù cơ cấu Doanh thu Thủy điện giảm, các NM của GEC vẫn duy trì tỷ lệ sẵn sàng phát điện 100%. Điều này là nhờ GEC luôn chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, chủ động thực hiện theo kế hoạch dựa trên cơ sở kiểm soát chi phí.

Bên cạnh việc đảm bảo công tác vận hành hiệu quả các NM hiện hữu, GEC vẫn sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược tìm kiếm các DA Thủy điện hiệu quả để M&A trong các năm tới. Chiến lược này nhằm mục tiêu tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất Thủy điện của GEC, đồng thời mở rộng thị phần trên thị trường năng lượng. GEC sẽ ưu tiên lựa chọn các DA Thủy điện có tiềm năng, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. GEC tiếp tục nghiên cứu và phát triển các DA Thủy điện tiềm năng, mở rộng quy mô để nâng cao sản lượng điện quốc gia.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỦY ĐIỆN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI:

VỚI MỤC TIÊU SẢN LƯỢNG ĐIỆN GẦN 344 TRIỆU KWH TRONG NĂM 2025, BĐH ĐÃ VÀ ĐANG NỖ LỰC TRIỂN KHAI HÀNG LOẠT CÁC GIẢI PHÁP NHẰM TỐI ĐA HÓA SẢN LƯỢNG:

TỐI ƯU CÁC CÔNG TÁC DUY TU, BẢO TRÌ, SỬA CHỮA

- Xây dựng quy trình, kế hoạch duy tu, bảo trì, sửa chữa các NM Thủy điện theo định kỳ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, giám sát công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa.
- Tối ưu chi phí, giảm thiểu tổn thất về Doanh thu.

ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ VẬT CHẤT, HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, MÁY MÓC THIẾT BỊ

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro liên quan đến việc vận hành NM Thủy điện.
- Đề xuất các giải pháp xử lý hợp lý, đảm bảo an toàn vận hành, giảm thiểu rủi ro.

XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN VẬN HÀNH TỐI ƯU

- Xây dựng phương án vận hành tối ưu cho từng NM Thủy điện, đảm bảo gia tăng hiệu quả hoạt động, đồng thời vẫn phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của pháp luật và đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- Tăng cường ứng dụng CNTT trong vận hành, điều khiển NM Thủy điện.

MỞ RỘNG THỊ PHẦN

- Tổ chức triển khai các thủ tục pháp lý và thi công DA NM Thủy điện Ea Tih – 8,9 MW tại Đắk Lắk, đảm bảo tiến độ đưa vào COD và kiểm soát chi phí đầu tư.
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển và M&A các DA Thủy điện mới, có tiềm năng phát triển.
- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác để mở rộng thị trường.

ĐIỆN MẶT TRỜI

Với vai trò là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực Điện Mặt trời tại Việt Nam, GEC đã tạo được những thành tựu đáng kể, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành NLTT nước nhà. Năm 2018, GEC đã vận hành thành công 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam tọa lạc tại Huế và Gia Lai. Đây là một trong những NM Điện Mặt trời thương mại đầu tiên được hòa lưới điện quốc gia, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của ngành Điện Mặt trời Việt Nam. Năm 2019, GEC tiếp tục đóng điện thêm 3 NM Điện Mặt trời, nâng tổng công suất Điện Mặt trời đang vận hành của GEC lên 260 MWp. Các NM Điện Mặt trời của GEC đều được xây dựng trên những vùng đất có tiềm năng bức xạ mặt trời cao, đảm bảo hiệu suất phát điện tốt. Cả 5 DA Điện Mặt trời đều được hưởng ưu đãi giá FIT 9,35 UScents/kWh có hiệu lực trong vòng 20 năm kể từ ngày COD theo QĐ số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 do TTCP ban hành.

Ngoài các NM Điện Mặt trời nối lưới, GEC cũng không ngừng mở rộng hệ thống Điện Mặt trời Áp mái trên toàn quốc. Tính đến cuối năm 2024, GEC đã phát triển với tổng công suất hơn 39 MWp Điện Mặt trời Áp mái trên khắp 15 tỉnh thành Việt Nam. Các hệ thống Điện Mặt trời Áp mái của GEC được lắp đặt trên các mái nhà lớn của các hộ gia đình, doanh nghiệp, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

Năm 2024, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết tại Việt Nam diễn biến phức tạp, mặc dù không thuận lợi đối với Thủy điện nhưng thuận lợi cho hoạt động của các NM Điện Mặt trời. Tổng sản lượng Điện Mặt trời thực hiện của GEC trong năm 2024 đạt 389 triệu kWh (bao gồm Điện Mặt trời Mặt đất và Điện Mặt trời Áp mái), cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây và tăng nhẹ 6% so với năm 2023, đóng góp 29% vào sản lượng điện toàn hệ thống GEC. Trong đó, sản lượng điện các NM nối lưới ghi nhận gần 343 triệu kWh, đóng góp 25% cơ cấu sản lượng điện, sản lượng Điện Mặt trời Áp mái ghi nhận gần 47 triệu kWh, đóng góp 3% vào cơ cấu sản lượng điện toàn hệ thống.

DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI 2020-2024

4.151
Tỷ đồng

SẢN LƯỢNG ĐIỆN MẶT TRỜI 2020-2024

1,9
Tỷ kWh

DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI 2024

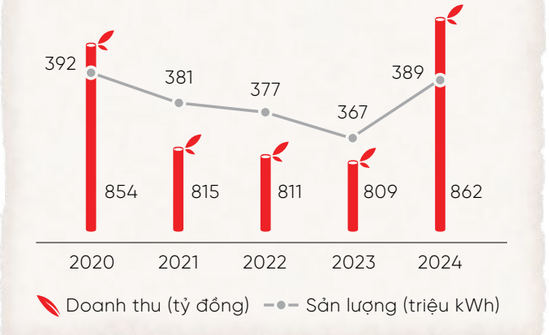
862
Tỷ đồng

SẢN LƯỢNG ĐIỆN MẶT TRỜI 2024

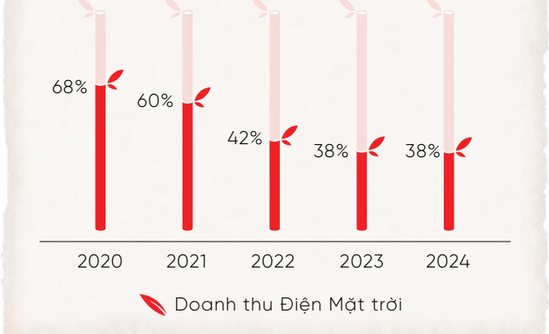
389
Triệu kWh

GEC tiếp tục triển khai các chiến lược PTBV thông qua việc phát triển đồng bộ các loại hình NLTT. Điều này được thể hiện rõ nét thông qua việc chuyển dịch cơ cấu Doanh thu, giảm thiểu tối đa các rủi ro gây ra bởi thời tiết. Tỷ trọng Doanh thu điện của toàn hệ thống Điện Mặt trời đã có xu hướng giảm dần vào giai đoạn 2021 - 2023 do GEC nỗ lực đưa vào vận hành 4 NM Điện Gió với tổng công suất 230 MW. Năm 2024 tỷ trọng Doanh thu Điện Mặt trời 38% trong cơ cấu Doanh thu điện, ghi nhận 862 tỷ đồng. Trong đó, Doanh thu các NM Điện Mặt trời ghi nhận gần 776 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 34% trong cơ cấu Doanh thu điện và Doanh thu từ hệ thống Điện Mặt trời Áp mái ghi nhận gần 87 tỷ đồng, chiếm 4% tỷ trọng Doanh thu điện.

SẢN LƯỢNG - DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI 2020-2024



TỶ TRỌNG DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI 2020-2024



Nguồn: GEC



Dựa trên những kinh nghiệm đúc kết từ công tác vận hành qua các năm, cũng như những nỗ lực không ngừng của GEC trong việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ, chủ động kiểm soát vận hành thiết bị trong lĩnh vực Điện Mặt trời nhằm tối ưu công tác bảo trì, bão dưỡng NM để mang lại hiệu quả vận hành tốt nhất. Biên LNG lĩnh vực Điện Mặt trời luôn được duy trì ở ngưỡng ổn định với mức trên 50%, đặc biệt năm 2024, Biên LNG của toàn hệ thống Điện Mặt trời ghi nhận 62% - đây cũng là mức Biên Lợi nhuận cao nhất trong ba lĩnh vực Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI:

TIẾP NỐI NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, BĐH SẼ NỖ LỰC ĐẢM BẢO PHẤN ĐẤU SẢN LƯỢNG TOÀN HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI TRONG 2025 ĐẠT KHOẢNG 387 TRIỆU KWH, TRONG ĐÓ CÁC NM NỖ LỰC ĐẠT GẦN 345 TRIỆU KWH VÀ HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI ĐẠT 42 TRIỆU KWH THÔNG QUA CÁC GIẢI PHÁP SAU:

DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO SẢN LƯỢNG ĐIỆN MẶT TRỜI

- Duy tu, bảo trì, sửa chữa, tối ưu hóa các hoạt động tại hệ thống Điện Mặt trời hiện hữu trên cơ sở cân đối chi phí phù hợp để giảm thiểu tối đa rủi ro.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy trình, quy định, sổ tay hướng dẫn nội bộ… trong hoạt động quản lý vận hành tại các hệ thống Điện Mặt trời.
- Tăng cường công tác kiểm tra, dự báo nhằm giảm tối thiểu các sự cố bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan, đảm bảo hiệu suất hoạt động của toàn hệ thống
- Đào tạo nội bộ, làm chủ kiến thức về công nghệ, thiết bị, đồng thời triển khai thực hiện công tác EHSS đầy đủ và đúng yêu cầu của Pháp luật hiện hành.

TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI

- Bám sát theo cơ chế, chính sách hướng dẫn chương trình thí điểm mua bán điện trực tiếp để tìm kiếm các DA NLTT tiềm năng, đồng thời xây dựng chính sách NLTT nội bộ để đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển của Quốc gia.
- Phấn đấu đưa NM Điện Mặt trời Đức Huệ 2 đi vào vận hành ngay sau khi có cơ chế hướng dẫn của TTCP, song song đó, GEC cũng đang bám sát các chủ trương, chính sách của Chính phủ về áp dụng cơ chế DPPA cho DA trong điều kiện khả thi nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất bằng các kinh nghiệm đã đúc kết, đồng thời tối ưu hóa chi phí, nguồn lực nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư của DA.

PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ TỰ SẢN TỰ TIÊU

- Bám sát cơ chế chính sách hướng dẫn liên quan đến Điện Mặt trời Áp mái tự sản tự tiêu để tổ chức triển khai nhằm mở rộng quy mô hoạt động, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu và điều độ công suất.

NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MỚI, PHÙ HỢP CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH NGÀNH ĐỂ ĐẢM BẢO TỐI ƯU CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CÁC DA NLTT TIỀM NĂNG KHÁC.



ĐIỆN GIÓ

Năm 2021, các DA Điện Gió trên toàn quốc được tập trung mọi nguồn lực để phát triển nhằm hưởng cơ chế giá FIT1 ưu đãi với mức giá 9,8 UScents/kWh gần bờ và 8,5 UScents/kWh trên bờ theo QĐ số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, GEC đã nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch đề ra, đưa vào COD 3 NM Điện Gió tại 3 địa phương khác nhau, gồm: NM Điện Gió V.P.L 1 (30 MW) tại tỉnh Bến Tre; NM Điện Gió la Bang 1 (50 MW) tại tỉnh Gia Lai; NM Điện Gió Tân Phú Đông 2 (50 MW) tại tỉnh Tiền Giang. Việc đưa vào COD 3 NM Điện Gió này đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động của công ty đồng thời khẳng định vị thế của GEC trong lĩnh vực NLTT tại Việt Nam.

Vào cuối tháng 5/2023, GEC chính thức đưa vào vận hành NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 (100 MW) với giá phát điện bằng 50% giá trần theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 7/1/2023. Đây là DA Điện Gió thứ 4 của GEC được đưa vào vận hành, nâng tổng công suất Điện Gió đang vận hành của GEC lên 230 MW. Thành công này không chỉ khẳng định năng lực phát triển DA Điện Gió của GEC, mà còn giúp GEC nâng cao năng lực sản xuất điện, nâng cao uy tín trong lĩnh vực phát triển NLTT. Với đà phát triển hiện tại, GEC dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng thị phần Điện Gió trong thời gian tới tại các tỉnh thành trên cả nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

DOANH THU ĐIỆN GIÓ 2020-2024

2.791
Tỷ đồng

SẢN LƯỢNG ĐIỆN GIÓ 2020-2024

1,5
Tỷ kWh

DOANH THU ĐIỆN GIÓ 2024

1.058
Tỷ đồng

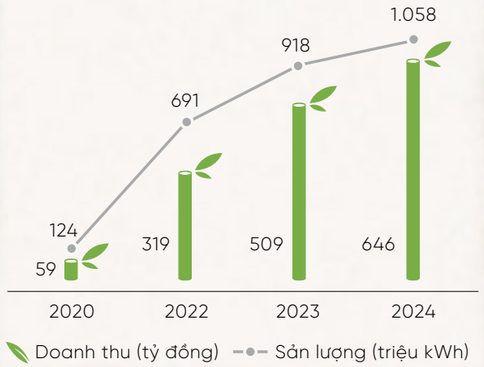
SẢN LƯỢNG ĐIỆN GIÓ 2024

646
Triệu kWh

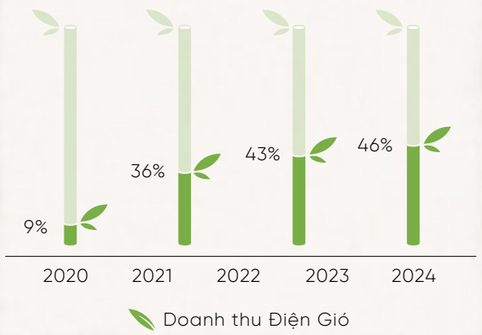
Trong năm 2024, sản lượng Điện Gió của GEC đã đạt 646 triệu kWh, chiếm tỷ trọng 48% trong cơ cấu sản lượng điện của toàn hệ thống GEC với tỷ lệ sẵn sàng phát điện của các NM Điện Gió luôn ở ngưỡng cao đảm bảo cung cấp điện ổn định cho hệ thống điện quốc gia. Doanh thu Điện Gió năm 2024 đạt 1.058 tỷ đồng, chiếm 46% tổng Doanh thu điện của GEC. Mức Doanh thu này chỉ đang ứng với 50% mức giá trần của khung phát điện tại QĐ 21/BCT của BCT ngày 7/1/2023 của giá bán điện NM Tân Phú Đông 1. Dự kiến, khi NM Tân Phú Đông 1 hoàn tất đàm phán giá điện chính thức, Doanh thu điện của mảng Điện Gió sẽ có sự gia tăng đáng kể nói riêng và đối với Doanh thu điện toàn hệ thống nói chung.

Tỷ trọng Doanh thu điện của toàn hệ thống Điện Gió đã có xu hướng dịch chuyển rõ rệt kể từ khi các NM Điện Gió đi vào vận hành đến nay nhờ vào phát triển đồng bộ các loại hình NLTT. Kể từ khi vận hành vào 2 tháng cuối năm 2021, tỷ trọng Doanh thu Điện Gió chỉ chiếm vỏn vẹn 9% trong cơ cấu Doanh thu điện với 124 tỷ đồng thì đến nay đã chiếm 46% tỷ trọng Doanh thu điện với 1.058 tỷ đồng. Dự kiến, cơ cấu Doanh thu sẽ tiếp tục có sự dịch chuyển trong tương lai khi Tân Phú Đông 1 hoàn tất đàm phán giá điện.

SẢN LƯỢNG - DOANH THU ĐIỆN GIÓ 2021-2024



TỶ TRỌNG DOANH THU ĐIỆN GIÓ 2021-2024



Nguồn: GEC

Với tiềm năng phát triển Điện Gió lớn của Việt Nam, GEC tiếp tục đặt mục tiêu phát triển năng lượng Gió trong những năm tới, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN GIÓ TRONG GIAI ĐOẠN TỚI:

NĂM 2025, 4 NM ĐIỆN GIÓ ĐƯỢC KÌ VỌNG SẼ CUNG CẤP MỨC SẢN LƯỢNG 645 TRIỆU KWH THÔNG QUA CÁC GIẢI PHÁP SAU:

ĐỐI VỚI CÁC NM ĐÃ ĐI VÀO VẬN HÀNH

- Vận hành ổn định các NM Điện Gió với mục tiêu tối ưu hoạt động nhằm đảm bảo kế hoạch về sản lượng và Doanh thu
- Thực hiện duy tu, bảo trì, sửa chữa để tối ưu hóa công tác vận hành trên cơ sở cân đối chi phí phù hợp, giảm thiểu tối đa các thiệt hại
- Đối với NM Tân Phú Đông 1: bám sát các cơ chế, chính sách hướng dẫn về giá để hoàn tất công tác đàm phán giá điện
- Triển khai đào tạo nội bộ để nâng cao và tự chủ kiến thức các thiết bị Điện Gió.
- Triển khai đúng đủ, tuân thủ các quy định về môi trường để đảm bảo PTBV.

ĐỐI VỚI CÁC DA ĐANG PHÁT TRIỂN

- Đối với các DA đã được BSQH: Bám sát cơ chế hướng dẫn tính toán giá bán điện cho các DA Điện Gió, đảm bảo tuân thủ theo quy định Pháp luật đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế DA để triển khai xây dựng DA.
- Theo dõi và bám sát danh mục DA tiềm năng, đồng thời thực hiện hồ sơ BSQH các DA tại Khu vực do GEC phát triển.
- Tiếp tục Nghiên cứu mở rộng và phát triển DA Điện Gió và NLTT khác tại các địa phương phù hợp với chủ trương của GEC và quy hoạch phát triển của Tỉnh.
- Chủ động công tác kiểm soát chi phí đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính cho các DA.

TIẾP TỤC TÌM KIẾM CÁC DA NLTT TIỀM NĂNG KHÁC NHƯ ĐIỆN RÁC, HYDROGEN,…. ĐỂ MỞ RỘNG QUY MÔ ĐẦU TƯ, TỐI ĐA HÓA NGUỒN THU.

Đánh giá của BĐH đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

THUẬN LỢI

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, điều hành trách nhiệm của BĐH cùng sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CBNV có nhiều kinh nghiệm, chuyên môn cao trong lĩnh vực NLTT đã đảm bảo quản lý vận hành các NM đang hoạt động cũng như tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

Trong năm qua Công ty đã huy động được nguồn vốn từ các định chế tài chính và ngân hàng lớn với lãi suất ưu đãi. Đồng thời cũng tiếp tục nhận được sự quan tâm của nhiều Tổ chức Tài chính, Quỹ Đầu tư, Quỹ tác động của Các Chính phủ Châu Âu.

KHÓ KHĂN

"Khung giá phát điện NM Điện Mặt trời, Điện Gió chuyển tiếp" đã được ban hành từ tháng 01/2023 với mức giá trần cho các DA Điện Gió chuyển tiếp là 1.816 đồng/kWh. Tuy nhiên đến hiện tại việc đàm phán mức giá điện chính thức vẫn chưa hoàn tất, các NM vẫn đang tạm thời áp dụng mức giá 50% giá trần.

Cơ sở hạ tầng Ngành Điện chưa được đồng bộ, vẫn còn diễn ra tình trạng quá tải và cắt giảm công suất vào giờ cao điểm ở một số khu vực.

Môi trường pháp lý, chính sách chưa đồng bộ; công tác thanh, kiểm tra của Cơ quan Nhà nước đối với các DA năng lượng ảnh hưởng đến hoạt động của Doanh nghiệp trong xây dựng chiến lược phát triển và quá trình tương tác với các Cơ quan liên quan. Do nhiều nội dung trong Kết luận thanh tra số 1027/KL-TTCP ngày 28/4/2023 vẫn đang trong quá trình giải quyết, nên thủ tục triển khai các DA còn chậm, gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và làm hạn chế cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Việc đẩy nhanh tiến độ xử lý sẽ góp phần tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Theo kết quả khảo sát của hãng tin Reuters, kinh tế toàn cầu sẽ duy trì đà tăng tưởng mạnh trong năm 2025 khi các ngân hàng trung ương lớn thực hiện một loạt đợt cắt giảm lãi suất trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ vững mạnh. Khả năng phục hồi của nền kinh tế lớn nhất thế giới này đã liên tục gây bất ngờ cho các nhà kinh tế và thị trường. Trong khi Việt Nam là nước có nền kinh tế hội nhập sâu rộng với toàn cầu, diễn biến của nền kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kinh tế Việt Nam năm 2025.

Nhằm chủ động ứng biến trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thị trường, Quốc hội đã ban hành NQ số 192/2025/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, đánh dấu thời điểm đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, góp phần tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030. Năm 2025, tập trung thúc đẩy tăng trưởng với mục tiêu đạt 8% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề để tăng trưởng cao hơn trong các năm sau. Trong đó, NQ đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP DỰ KIẾN 2025	TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CPI DỰ KIẾN 2025
8%	4,5%-5%
QUY MÔ GDP DỰ KIẾN 2025	**GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI DỰ KIẾN 2025**
500 USD	5.000 USD





Trước đó tại Thông báo số 500/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ, với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2025 dự kiến là 7,0% và để đảm bảo đủ điện phục vụ sản xuất, kinh doanh, đời sống nhân dân, tăng trưởng điện phải đạt 12%-13%. Theo báo cáo, dự kiến tổng công suất cần tăng thêm để đáp ứng nhu cầu khoảng 2.297 MW. Trong đó, một số giải pháp được đề nghị triển khai để đảm bảo bù đắp tổng công suất thiếu hụt:

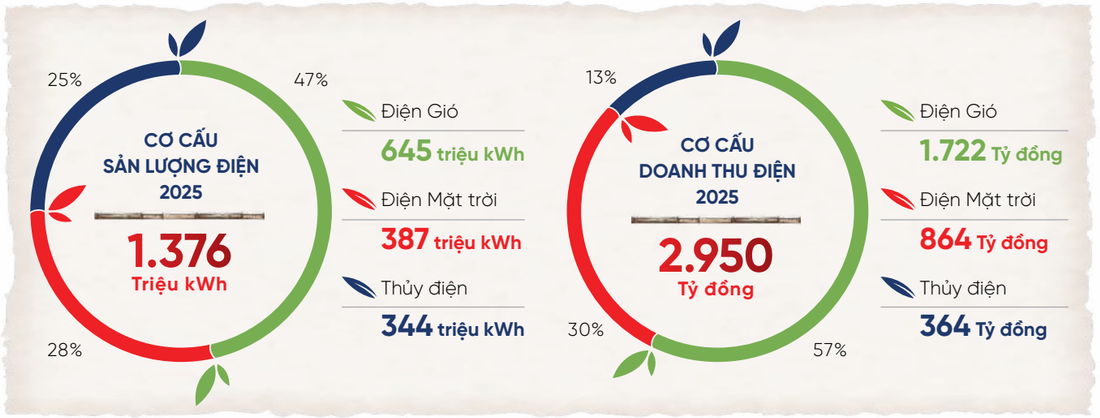
- Triển khai có hiệu quả NĐ số 80/2024/NĐ-CP ngày 3/7/2024 của Chính phủ quy định về Cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện NLTT với khách hàng sử dụng điện lớn.
- BCT nghiên cứu thúc đẩy việc mua điện từ Lào, hỗ trợ Lào bằng cách khuyến khích nhập khẩu điện từ Lào để Lào thu ngân sách. Thống nhất mua cho cả giai đoạn 5 năm và điều chỉnh giá điện nhập khẩu phù hợp. Bên cạnh đó cũng xem xét khả năng tăng cường nhập khẩu điện từ Trung Quốc để bổ sung điện cho hệ thống nếu cần.

EVN cũng đang phối hợp với CT TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) để xây dựng Kế hoạch vận hành hệ thống điện và cung ứng điện năm 2025 với các kịch bản:

Kịch bản cơ sở	Kịch bản kiểm tra (để chuẩn bị các giải pháp đảm bảo điện trong trường hợp nền kinh tế tiếp tục hồi phục mạnh mẽ)
Nhu cầu phụ tải khoảng 339,17 tỷ kWh, tăng 9,4% so với năm 2024	Nhu cầu phụ tải khoảng 350,97 tỷ kWh, tăng 13,2% so với năm 2024

Trong bối cảnh ngành điện đang có những chuyển đổi quan trọng, bao gồm xu hướng chuyển dịch năng lượng, gia tăng tỷ trọng NLTT, áp lực giảm phát thải theo cam kết Net Zero, cũng như sự biến động của giá nhiên liệu và chính sách điều tiết thị trường điện, Kế hoạch SXKD năm 2025 của GEC được xây dựng dựa trên cơ sở vận hành thực tế các NM điện, cũng như các tính toán kỹ thuật của NM với mục tiêu tối ưu quá hiệu suất hoạt động, đảm bảo hiệu quả kinh tế. Bên cạnh đó, Kế hoạch sản xuất năm 2025 cũng được thiết kế để thích ứng với các yếu tố vĩ mô, đồng thời nâng cao tính bền vững và cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của hệ thống điện Quốc gia.

TỔNG DOANH THU DỰ KIẾN 2025	LNTT DỰ KIẾN 2025
3.399 Tỷ đồng	777 Tỷ đồng
+43% so với năm 2024	Gấp 4,3 lần so với năm 2024



(*) Số liệu Doanh thu Điện Gió dự kiến trong năm 2025 đã bao gồm doanh thu hồi tố khi NM Tân Phú Đông 1 hoàn tất đàm phán giá điện chính thức

Nhằm đảm bảo lợi nhuận dự kiến năm 2025 đạt kế hoạch đề ra, GEC triển khai hàng loạt giải pháp liên quan đến vận hành, tài chính cũng như tham vọng không ngừng mở rộng quy mô đầu tư, từng bước phát triển các dạng NLTT mới, để tối đa hóa giá trị cũng như góp phần cuộc chiến giảm phát thải nhà kính, chống biến đổi khí hậu:

1 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

- Tiếp tục củng cố công tác vận hành tối ưu các NM Điện. Chủ động thực hiện công tác kiểm tra tình hình vận hành, thiết bị tại các cơ sở sản xuất để phát hiện, xử lý kịp thời ngăn ngừa, giảm thiểu sự cố. Nghiên cứu thiết kế, cải tiến, thực hiện các giải pháp kỹ thuật hợp lý hóa, tối ưu và nâng cao tính an toàn và tin cậy trong sản xuất.
- Thực hiện và kiểm soát tốt Kế hoạch sửa chữa năm 2025 trên cơ sở đảm bảo cho SXKD và tối ưu chi phí. Xem xét đánh giá các hạng mục bảo trì, bảo dưỡng chưa thực sự cần thiết trên cơ sở cân đối ngân sách phù hợp với tình hình thực tế.
- Phân tích, đánh giá hiệu suất vận hành đồng thời đảm bảo hệ số hoạt động như: Hệ số an toàn thiết bị, hệ số sẵn sàng… luôn duy trì mức cao nhất. Chủ động rà soát và dự báo khả năng phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành nhằm giảm thiểu thời gian dừng máy do dự cố ở mức thấp nhất.
- Đàm phán giá điện cho các NM Thủy điện thuộc Chi nhánh Chư Prông và chuẩn bị đàm phán cho các NM Thủy điện khác sắp hết hạn PPA đồng thời tìm kiếm DA hiệu quả để M&A, tìm kiếm các cơ hội phát triển Thủy điện tích năng để tận dụng chính sách ưu đãi của Chính phủ và bổ sung Doanh thu cho Công ty.

2 HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Đẩy mạnh triển khai Dịch vụ Kỹ thuật, Thí nghiệm, Quản lý vận hành, Cung cấp thiết bị cho các khách hàng nội bộ đồng thời mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ hướng tới các Đơn vị bên ngoài.
- Đảm bảo công tác vận hành hiệu quả cho toàn bộ các NM Điện, tiếp tục thực hiện chương trình kiểm tra định kỳ tình trạng vận hành các NM. Nghiên cứu thêm các phương án kiểm soát việc tuân thủ thực hiện theo Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ của các NM.
- Hoàn thành các giải pháp công nghệ và hợp lý hoá sản xuất mang lại lợi ích cho các NM.
- Tiếp tục phát huy vai trò quản lý kỹ thuật Năng lượng tại các NM/DA, đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả, không để phát sinh sự cố do chủ quan.

3 HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Bám sát các chính sách/quy định về kế toán/thuế hiện hành để đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật, chủ động trong công tác Kế hoạch, định hướng hoạt động tài chính để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu chiến lược 2025, tầm nhìn đến 2030.
- Tối ưu hóa công tác quản lý dòng tiền nhằm tiết giảm chi phí vận hành của GEC và CTTV.

4 HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DA

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các loại hình NLTT mới như Điện Rác, Hydrogen, Thủy điện tích năng... tại các Tỉnh, thực hiện phân kỳ đầu tư cũng như áp dụng công nghệ phù hợp, đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Phát triển DA mới phù hợp với QH8 và Kế hoạch Quy hoạch tại các Tỉnh.
- Hoàn tất các thủ tục Pháp lý còn lại của DA Ea Tih để sẵn sàng thi công trong năm 2025.
- Bám sát Chương trình Thí điểm Cơ chế DPPA, Cơ chế Đấu giá/Đấu thầu lựa chọn NĐT,... do BCT ban hành để triển khai cho DA Điện Mặt trời được BSQH. Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý của DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 trên cơ sở nghiên cứu áp dụng chính sách phù hợp (giá đàm phán, DPPA,...). Theo dõi, cập nhật các chính sách để đàm phán với EVN, đưa DA vào vận hành.
- Tiếp tục tìm kiếm mở rộng quan hệ với các Đơn vị/Tổ chức có năng lực tài chính, kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực NLTT để hợp tác phát triển các DA mới.

5 CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Tiếp tục rà soát, củng cố và xây dựng thêm các chính sách về nhân sự đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng hoạt động của Công ty; phù hợp với tình hình chung của thị trường theo ngành nghề.
- Tiếp tục chuẩn hóa hệ thống đánh giá Hiệu quả công việc với mục tiêu công bằng - công khai.
- Quan tâm các chính sách đảm bảo sức khỏe cho CBNV, An toàn lao động.
- Thực hiện rà soát và điều chỉnh các Chế độ Phúc lợi dành cho Người lao động đầy đủ và kịp thời.
- Chú trọng, đầu tư cho công tác đào tạo nhằm đảm bảo điều kiện hoạt động cũng như nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có khả năng thích nghi với sự thay đổi và chấp nhận những thách thức, luôn nỗ lực hoàn thiện để cải tiến năng suất lao động mang lại hiệu quả trong kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự phát triển của Công ty.

6 CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

- Triển khai các giải pháp huy động vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn giải ngân đáp ứng nhu cầu phát triển trong năm 2025 và các năm tiếp theo như VCSH, Vốn vay tại các Ngân hàng thương mại, huy động các Nguồn vốn Xanh quốc tế để gia tăng năng lực tài chính, đảm bảo thanh khoản, đầu tư vào các DA NLTT, hướng đến hoàn thành mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước để tối ưu nguồn vốn chi phí tốt cho các DA NLTT.
- Nâng cao kiểm tra, kiểm soát về Chi phí, giá thành theo hướng tối ưu và hiệu quả hơn.

Hệ thống Công ty thành viên

CTCP THỦY ĐIỆN GIA LAI

- Tên viết tắt: GHC
- VĐL: **477 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **1.493 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **62,53%**
- Quyền biểu quyết: **62,53%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Thủy điện: H'Chan, H'Mun
  - Điện Mặt trời: Hàm Phú 2
  - Điện Mặt trời Áp mái.

CT TNHH MTV THỦY ĐIỆN THƯỢNG LỘ

- Tên viết tắt: GTLC
- VĐL: **70 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **99 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **100%**
- Quyền biểu quyết: **100%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Thủy điện Thượng Lộ

CTCP THỦY ĐIỆN TRƯỜNG PHÚ (CÔNG TY LIÊN KẾT)

- Tên viết tắt: TPH
- Vốn thực góp: **534 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **25,09%**
- Quyền biểu quyết: **25,09%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Thủy điện

CTCP ĐIỆN TTC ĐỨC HUỆ - LONG AN

- Tên viết tắt: ĐH-LA
- VĐL: **935 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **1.313 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **99,92%**
- Quyền biểu quyết: **99,92%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Điện Mặt trời TTC Đức Huệ 1 và Điện Áp mái
- DA đang phát triển:
  - Điện Mặt trời TTC Đức Huệ 2

CTCP NM ĐIỆN MẶT TRỜI TRÚC SƠN

- Tên viết tắt: TSO
- VĐL: **349 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **709 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **99,96%**
- Quyền biểu quyết: **99,96%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Điện Mặt trời Trúc Sơn và Điện Mặt trời Áp mái

CTCP HỢP TÁC PHÁT TRIỂN NLTT VIJA

- Tên viết tắt: VIJA
- VĐL: **150 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **198 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **99%**
- Quyền biểu quyết: **99%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Điện Mặt trời Áp mái và hoạt động cung cấp dịch vụ EPC Điện Mặt trời

HỆ THỐNG CẤU TRÚC CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

GEC là một tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Con. GEC đóng vai trò là Công ty Mẹ, chịu trách nhiệm quản lý các CTTV. Các CTTV có trách nhiệm quản lý và vận hành từng DA hoặc lĩnh vực hoạt động riêng biệt, bao gồm 9 CTTV đang hoạt động, 2 Công ty liên kết và 4 Công ty đang triển khai DA. Các CTTV này được thể hiện chi tiết trong mô hình dưới đây và trong BCTC Hợp nhất năm 2024 của GEC được kiểm toán bởi PWC.

CTCP ĐIỆN GIA LAI – CÔNG TY MẸ

- Tên viết tắt: GEC
- VĐL: **4.225 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **6.541 tỷ đồng**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Thủy điện: Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Meur 3, Ia Puch 3, Đắk Pi Hao 1, Đắk Pi Hao 2, Ayun Thượng 1A, Đa Khai
  - Điện Mặt trời: Phong Điền, Krông Pa
  - Điện Mặt trời Áp mái.

CTCP NĂNG LƯỢNG ĐIỆN GIÓ TIỀN GIANG

- Tên viết tắt: TGE
- VĐL: **2.450 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **6.790 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **54,93%**
- Quyền biểu quyết: **54,93%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Điện Gió Tân Phú Đông 1 & 2

CTCP NĂNG LƯỢNG VPL

- Tên viết tắt: VPL
- VĐL: **841 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **1.896 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **88,84%**
- Quyền biểu quyết: **99,98%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Điện Gió V.P.L Bến Tre - Giai đoạn 1
- DA đang phát triển:
  - Điện Gió V.P.L Bến Tre - Giai đoạn 2

CTCP ĐIỆN GIÓ IA BANG

- Tên viết tắt: IBE
- VĐL: **430 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **1.576 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **84,72%**
- Quyền biểu quyết: **99,53%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Điện Gió Ia Bang 1

CT TNHH MTV TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG GIA LAI

- Tên viết tắt: TVNL
- VĐL: **1,5 tỷ đồng**
- Tổng tài sản: **3,1 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **100%**
- Quyền biểu quyết: **100%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện

CTCP NĂNG LƯỢNG SOLWIND (CÔNG TY LIÊN KẾT)

- Tên viết tắt: SWE
- Vốn thực góp: **100 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **49,99%**
- Quyền biểu quyết: **49,99%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Sản xuất và phân phối điện

Nguồn: GEC

NHÓM CÔNG TY SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP - ĐANG TRIỂN KHAI DA

CTCP NLTT TIỀN GIANG

- Tên viết tắt: TGR
- Vốn thực góp: **3,4 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **99,71%**
- Quyền biểu quyết: **99,71%**

CTCP NLTT TÂN THÀNH

- Tên viết tắt: TTR
- Vốn thực góp: **5 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **96,15%**
- Quyền biểu quyết: **96,15%**

CTCP NĂNG LƯỢNG XANH CÀ MAU

- Tên viết tắt: CME
- Vốn thực góp: **2 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **95%**
- Quyền biểu quyết: **95%**

CTCP NĂNG LƯỢNG ĐIỆN CAO NGUYÊN

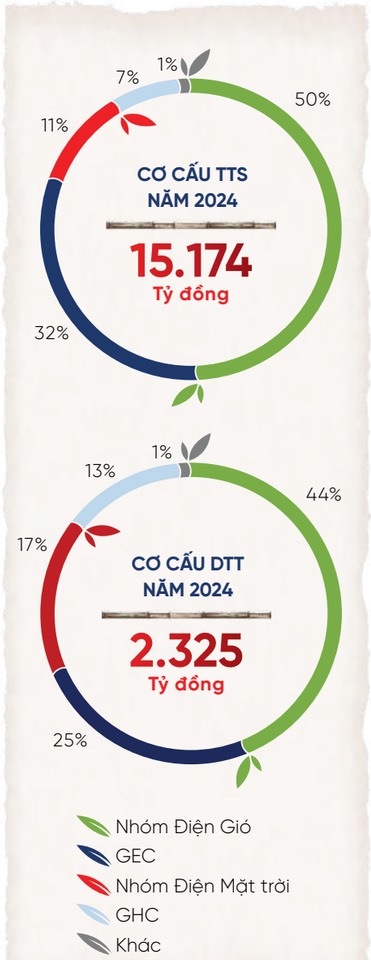
- Tên viết tắt: CNE
- Vốn thực góp: **93 tỷ đồng**
- Tỷ lệ lợi ích: **99%**
- Quyền biểu quyết: **99,99%**
- DA đang phát triển: Thủy điện Ea Tih

Để đối phó với biến đổi khí hậu, cộng đồng quốc tế đã có nhiều sáng kiến và cam kết hướng tới việc giảm phát thải khí nhà kính. Mục tiêu Net Zero, tức đạt mức phát thải ròng bằng 0, đã trở thành trọng tâm trong chiến lược của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam thông qua các cam kết tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu. Trong bối cảnh hiện tại, Việt Nam đã cam kết giảm thiểu sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch bằng cách phát triển và mở rộng sử dụng NLTT. GEC là một trong những doanh nghiệp năng lượng đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc mở rộng quy mô đầu tư và phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực NLTT trong nhiều năm trở lại đây. Tính đến cuối năm 2024, danh mục DA vận hành và đang phát triển của GEC đã bao gồm 13 NM Thủy điện, 6 NM Điện Mặt trời, 5 NM Điện Gió và Hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà được quản lý bởi GEC mẹ và các CTTV trực thuộc phân bố rộng khắp ở các khu vực Tây Nguyên, miền Trung và Nam Bộ, với tổng số 9 Công ty con và 2 Công ty liên kết và 4 Công ty đang phát triển DA với tổng công suất lắp đặt đạt 769 MWp. Ngoài ra, GEC cũng chú trọng đầu tư vào công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường năng lượng.

Tính đến ngày 31/12/2024, TTS của GEC hợp nhất đã đạt 15.174 tỷ đồng. Trong đó, nhóm Công ty Điện Gió (TGE, VPL, IBE) đóng góp vai trò chủ lực chiếm 50% tỷ trọng trong TTS, kế đến là GEC mẹ chiếm 31% tỷ trọng TTS khi đang vận hành và quản lý trực tiếp 9 NM Thủy điện, 2 NM Điện Mặt trời và Hệ thống Áp mái. Nhóm Công ty Điện Mặt trời (ĐH1, TSO, VIJA) tiếp tục phát triển ổn định, đóng góp 11% vào TTS. CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC) với việc quản lý 2 NM Thủy điện, 1 NM Điện Mặt trời và 3 Hệ thống Áp mái đang niêm yết trên UPCOM cũng góp phần nâng cao TTS của GEC với tỷ trọng 7%. Các khoản mục khác (TVNL, GTLC, TGR, CME, CNE) chiếm tỷ trọng 1%.

Về DTT, GEC hợp nhất đạt 2.325 tỷ đồng trong năm 2024. Nhóm Công ty Điện Gió tiếp tục là mảng kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất, chiếm tỷ trọng 44% tỷ trọng DTT, tiếp đến là GEC mẹ ghi nhận mức DTT chiếm 25% tỷ trọng DTT trong năm. Nhóm NM Điện Mặt trời và GHC đóng góp lần lượt 17% và 13% tỷ trọng DTT, các khoản mục khác đóng góp 1% vào DTT.

Kết quả kinh doanh của GEC trong năm 2024 là minh chứng cho chiến lược phát triển hiệu quả, tập trung vào mảng NLTT và đa dạng hóa danh mục đầu tư, khẳng định năng lực quản lý và điều hành hiệu quả. Nhóm Công ty Điện Mặt trời và GHC cũng đang phát triển ổn định, hứa hẹn sẽ đóng góp ngày càng lớn vào kết quả kinh doanh của GEC trong tương lai.



Nguồn: GEC

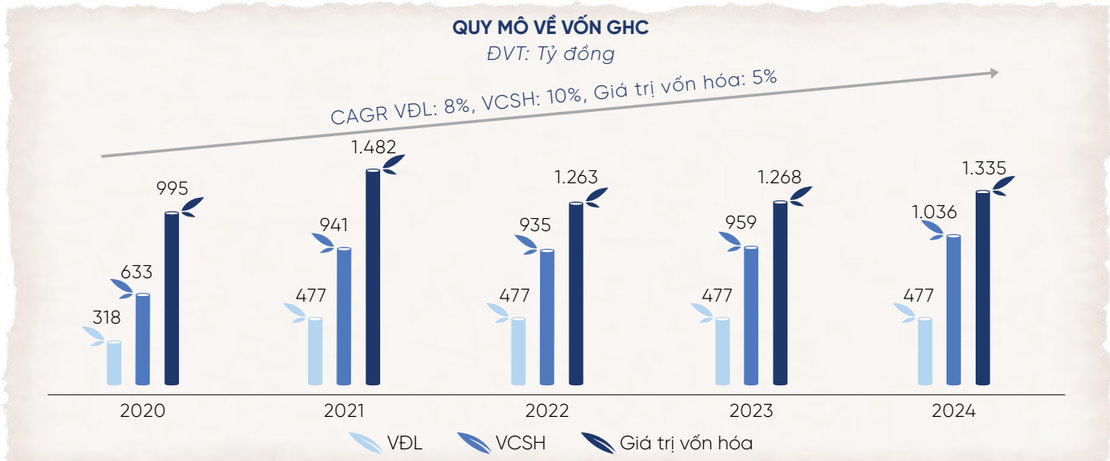
NHÓM CÔNG TY THỦY ĐIỆN

Là Công ty duy nhất trong hệ thống CTTV niêm yết cổ phần trên UPCOM, CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC) - một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, PTBV nhất trong lĩnh vực NLTT tại GEC. Trong 5 năm qua (2020-2024), GHC luôn phát triển ổn định về quy mô, lợi nhuận và giá trị vốn hóa, khẳng định vị thế là NĐT năng lượng uy tín và đáng tin cậy.

QUY MÔ VỐN

GHC đã mở rộng HĐKD và tăng cường năng lực tài chính một cách rõ rệt. VĐL của Công ty tăng từ 318 tỷ đồng (2020) lên 477 tỷ đồng (2024), với CAGR 5 năm đạt 8%. VCSH cũng tăng trưởng ấn tượng từ 633 tỷ đồng (2020) lên 1.036 tỷ đồng (2024), CAGR 5 năm đạt 10%. Giá trị vốn hóa của GHC cũng tăng từ 995 tỷ đồng (2019) lên 1.335 tỷ đồng (2024), CAGR 5 năm đạt 6%.

TTS GHC cuối năm 2024 ghi nhận 1.493 tỷ đồng, giảm nhẹ 3 tỷ đồng so với năm 2023.



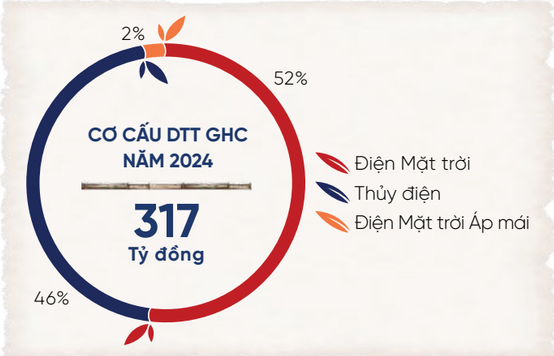
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

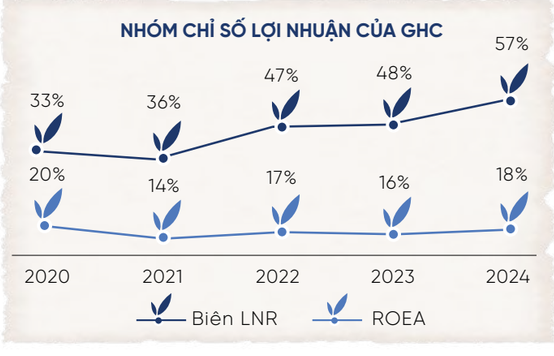
GHC tập trung vào 2 mảng chính: Thủy điện và Điện Mặt trời. Đối với mảng Thủy điện, GHC sở hữu và vận hành 2 NM H'Chan và H'Mun từ 2006 và 2010 trên sông Ayun với tổng công suất 28 MW. Nhờ vị trí địa lý thuận lợi và nguồn nước dồi dào, 2 NM này trở thành nguồn đóng góp Doanh thu lớn nhất cho GECG trong lĩnh vực Thủy điện. Cuối năm 2024, Doanh thu điện từ 2 NM đạt 144 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 46% Doanh thu tại GHC.

Đối với mảng Điện Mặt trời, GHC bắt đầu vận hành NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2 từ tháng 4/2019 với công suất 49 MWp tại Bình Thuận. Đây là khu vực có tiềm năng năng lượng mặt trời cao nhất cả nước với lượng bức xạ mặt trời tốt nhất cả nước. Doanh thu từ NM Hàm Phú 2 trong năm 2024 đạt 165 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 52% tại GHC. Ngoài ra, GHC còn sở hữu Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái với tổng công suất 2,6 MWp, hoạt động ổn định với nguồn thu hơn 6,6 tỷ đồng trong năm 2024, đóng góp 2% vào Doanh thu GHC.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

GHC liên tục đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong 5 năm qua. LNST của Công ty luôn duy trì ở mức cao, với ROE trung bình 11-18%. Biên LNR của GHC đạt 57% trong năm 2024, thể hiện hiệu quả hoạt động vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành. Nhờ vậy, GHC luôn có lịch sử chi trả cổ tức đều đặn và tỷ lệ chi trả cổ tức hấp dẫn với mức cổ tức từ 20% cho giai đoạn 2020-2024.





Nguồn: GEC

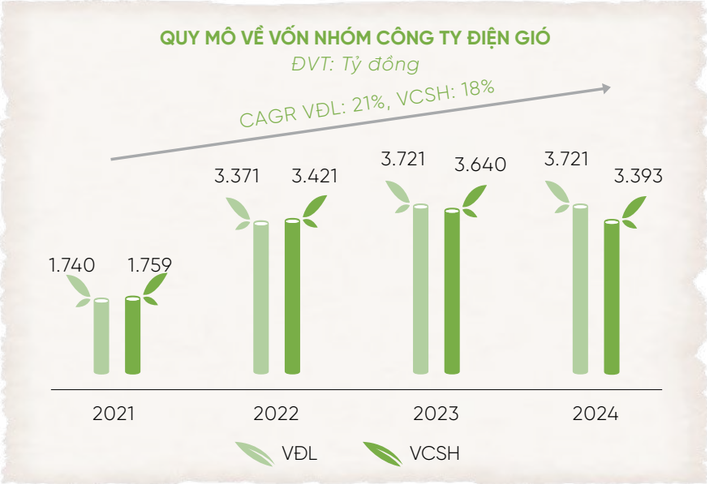
NHÓM CÔNG TY ĐIỆN GIÓ

GEC chính thức đặt chân vào lĩnh vực Điện Gió từ cuối năm 2021 khi COD 3 NM Điện Gió gồm la Bang 1 thuộc IBE, V.P.L Bến Tre Giai đoạn 1 (V.P.L 1) thuộc VPL và Tân Phú Đông 2 thuộc TGE với tổng công suất 130 MW, đóng điện giá FIT1 tại 3 Tỉnh Thành khác nhau trong 2021 trong bối cảnh Covid-19. Năm 2023, GEC tiếp tục đưa vào vận hành NM Tân Phú Đông 1 thuộc TGE với công suất 100 MW nâng công suất vận hành của các NM Điện Gió GEC lên 230 MW, NM Tân Phú Đông 1 cũng là một trong số ít các NM được đưa vào vận hành với giá bán điện 50% giá trần theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 7/1/2023. NM Tân Phú Đông 1 vẫn đang trong giai đoạn nỗ lực hoàn tất đàm phán giá bán điện chính thức với các cơ quan ban ngành.

QUY MÔ CỦA NHÓM CÔNG TY ĐIỆN GIÓ

Tổng VĐL của nhóm Công ty Điện Gió ghi nhận 3.721 tỷ đồng trong năm 2024, tăng gấp 2,14 lần so với năm 2021 và tiếp tục phát triển ổn định so với năm 2023. VCSH nhóm Điện Gió ghi nhận 3.393 tỷ đồng trong năm 2024 và tăng gấp 1,93 lần so với năm 2021.

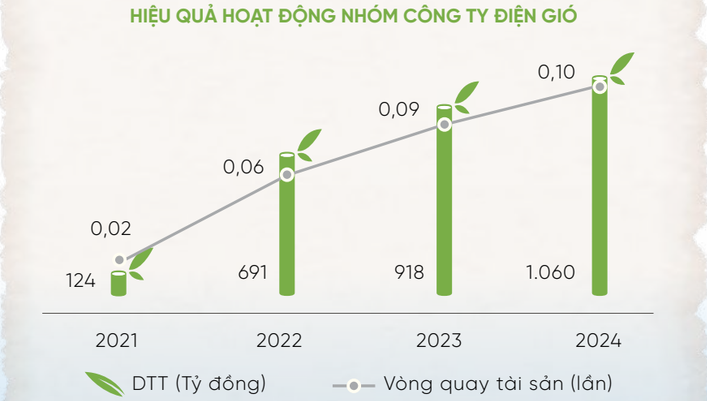
TTS nhóm Điện Gió cuối năm 2024 ghi nhận 10.262 tỷ đồng, tăng gấp 1,64 lần so với thời điểm mới bắt đầu vận hành.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY ĐIỆN GIÓ

NM Tân Phú Đông 1 vẫn còn trong giai đoạn đàm phán giá điện chính thức do đó Tổng DTT nhóm Công ty Điện Gió năm 2024 chỉ ghi nhận ở mức 1.060 tỷ đồng, tăng 142 tỷ đồng so với thời điểm cùng kỳ.

Hệ số vòng quay tài sản tăng qua các năm chứng tỏ sự nỗ lực của Công ty trong việc vận hành. Dự kiến trong các năm tới hiệu quả hoạt động của nhóm Công ty Điện Gió sẽ có cải thiện đáng kể sau khi Tân Phú Đông 1 hoàn tất đàm phán giá điện chính thức.



Nguồn: GEC

NHÓM CÔNG TY ĐIỆN MẶT TRỜI

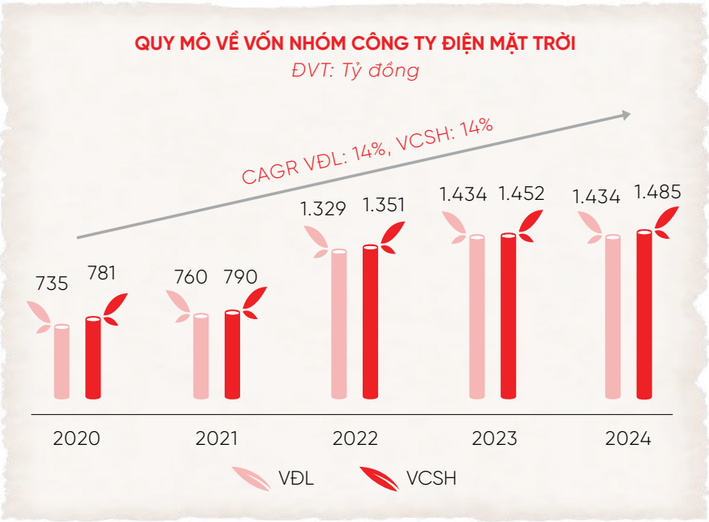
Kể từ khi Nhóm Công ty Điện Mặt trời (ĐHLA, TSO, VIJA) đi vào vận hành từ Quý 2/2019 đến nay, các Công ty cũng đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng thông qua các chỉ tiêu tài chính khả quan trong giai đoạn 2020-2024 nhờ vào việc quản lý vận hành hiệu quả NM Điện Mặt trời TTC Đức Huệ 1, NM Điện Mặt trời Trúc Sơn cùng với hàng loạt Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái tại cả 3 Công ty trải dài từ Tây Nguyên đến Nam Bộ.

QUY MÔ VỐN CỦA NHÓM CÔNG TY ĐIỆN MẶT TRỜI

Tổng VĐL của nhóm Công ty Điện Mặt trời ghi nhận 1.434 tỷ đồng trong năm 2024, tăng gấp 1,95 lần so với năm 2020.

VCSH nhóm Điện Mặt trời ghi nhận 1.485 tỷ đồng trong năm 2024, tăng gấp 1,9 lần so với năm 2020, tương ứng với tăng 33 tỷ đồng so với cùng kỳ.

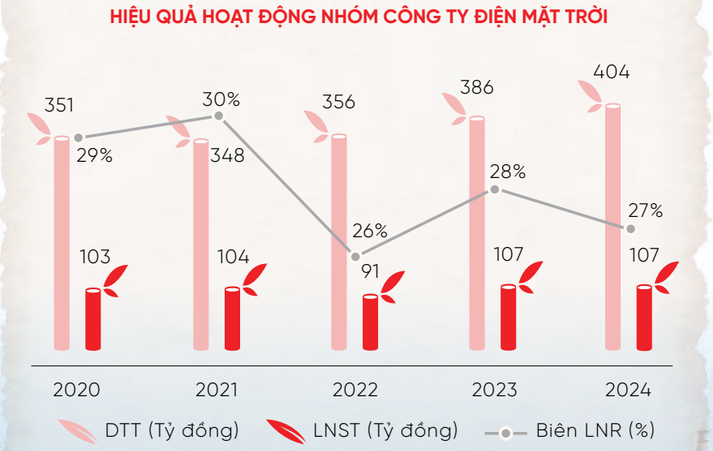
TTS nhóm Điện Mặt trời cuối năm 2024 ghi nhận gần 2.220 tỷ đồng, tăng gấp 1,07 lần so với năm 2020.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY ĐIỆN MẶT TRỜI

DTT của nhóm Công ty Điện Mặt trời tăng trưởng ổn định qua các năm nhờ vào việc vận hành hiệu quả NM Điện Mặt trời và Điện Mặt trời Áp mái. Bên cạnh đó tỷ giá gia tăng cũng góp phần vào sự tăng trưởng của DTT các NM Điện Mặt trời qua các năm khi giá bán điện được điều chỉnh theo sự biến động của tỷ giá. Tổng DTT năm 2024 ghi nhận 404 tỷ đồng, tăng gần 19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Tổng LNST của các Công ty ghi nhận 107 tỷ đồng, tăng nhẹ gần 500 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Biên LNR bình quân của Nhóm Công ty Điện Mặt trời luôn ở mức tăng trưởng ổn định với từ 26% trong giai đoạn 2020-2024.



Nguồn: GEC



Hoạt động Kỹ thuật

Để duy trì tình trạng vận hành tốt nhất của các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió cũng như hệ thống các Hệ thống Áp mái của GEC, trong suốt những năm qua, các đơn vị Khối Kỹ thuật đã luôn nỗ lực hết mình để đồng hành cùng các NM. Bên cạnh đó, Khối Kỹ thuật cũng không ngừng học hỏi, tiếp thu, nghiên cứu những công nghệ kỹ thuật mới để ứng dụng cho hoạt động của các NM. Để gia tăng doanh thu và khẳng định vị thế thương hiệu trong ngành, Khối Kỹ thuật cũng đã không ngừng cải thiện dịch vụ cung cấp đến khách hàng bên ngoài.

HOẠT ĐỘNG KỸ THUẬT

CÔNG TÁC KỸ THUẬT, BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA

- Tham mưu cho BLĐ các vấn đề liên quan đến công tác kỹ thuật của Công ty, đồng thời đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm tối ưu hóa chi phí bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành ở các NM Điện.
- Theo dõi và phối hợp công việc với các NM Điện để đảm bảo thiết bị sẵn sàng và vận hành xuyên suốt.
- Phối hợp, giám sát và thực hiện Kế hoạch sửa chữa hàng năm với chi phí tối ưu, linh hoạt thời gian nhằm giảm tổn thất về doanh thu và hoàn thành kế hoạch SXKD chung của Công ty
- Giám sát hoạt động sản xuất và vận hành các NM Điện của GEC đảm bảo tuân thủ các quy định của Công ty và quy định của Ngành Điện
- Công tác kỹ thuật, bảo dưỡng và sửa chữa ở các NM Điện năm 2024: **114 hạng mục**.

NỘI DUNG	ĐVT	2022	2023	2024
Công tác kỹ thuật, bảo dưỡng và sửa chữa	Hạng mục	86	92	114

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất: Trong năm 2024 thực hiện 6 giải pháp kỹ thuật (gồm: Cải tạo hệ thống DCS ở NM Thủy điện Đắk Pi Hao 2; Cải tạo hệ thống DCS ở NM Thủy điện Ia Puch 3; Cải tạo tuabin H2 tại NM Thủy điện Ia Đrăng 2; Chế tạo cơ cấu điều chỉnh/cải biến từ máy khoan sang máy doa ở Khu sản xuất Diên Phú; Cải tạo van đĩa H2 thuộc NM Thủy điện Ia Đrăng 2; Cải tạo 2 lò nung đúc bạc). Các giải pháp này giúp quá trình vận hành các tổ máy được thuận lợi hơn góp phần giảm chi phí bảo dưỡng và sửa chữa ở các NM Thủy điện. Đồng thời, để quá trình vận hành các tổ máy được thuận lợi hơn.
- Chủ động trong công tác sửa chữa các thiết bị dự phòng, đảm bảo thay thế trong trường hợp thiết bị hư hỏng, giảm thời gian dừng máy.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

- Đội ngũ Kỹ thuật được đào tạo hàng năm, để nắm bắt các công nghệ mới, được cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết, từng bước phát triển đội ngũ kỹ sư lành nghề đảm bảo công tác Quản lý Vận hành nội bộ và hướng đến cung cấp dịch vụ ra bên ngoài: **2 lần**
- Phối hợp thực hiện Đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành các NM về các kiến thức kỹ thuật, an toàn điện, xử lý sự cố, đảm bảo đội ngũ nhân sự chất lượng, sẵn sàng cho các NM Điện: **1 khóa**

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ MÁY MÓC

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	HIỆU QUẢ VẬN HÀNH	HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

- Kiểm tra và giám sát việc kiểm định các thiết bị điện, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn điện theo quy định của Pháp luật
- Thí nghiệm Dụng cụ an toàn nội bộ: **23 đợt thí nghiệm/20 NM**
- Thí nghiệm Thiết bị điện nội bộ: **22 đợt thí nghiệm/20 NM**
- Thí nghiệm và cung cấp dịch vụ Kỹ thuật **11 đợt** cho Khách hàng bên ngoài: Thí nghiệm máy phát điện NM Thủy điện Thác Ba - CTCP Thủy điện Thác Ba, Thí nghiệm thiết bị điện NM Thủy điện Đa Kai - CT TNHH Thủy điện Đa Kai, Thí nghiệm điện Ngăn xuất tuyến Trạm biến áp Đồng Lâm - CTCP Thủy điện Trường Phú, Thí nghiệm máy phát điện NM Thủy điện Đăk Re - CTCP Thủy điện Thiên Tân, Thí nghiệm MBA phụ tải - CT TNHH MTV Bao Bì Linh Khang, Thí nghiệm thiết bị điện NM Đường TTC ATTAPEU - CT TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu, Thí nghiệm thiết bị điện NM đường Biên Hòa - Ninh Hòa - CTCP Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa, Thí nghiệm thiết bị điện NM Nhiệt điện Bã mía Ninh Hòa - CT TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa, Thí nghiệm Hệ thống trạm Năng lượng Mặt trời Sạch - CT TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa, Thí nghiệm Hệ thống trạm Năng lượng Mặt trời PR-NHS - CTCP Mía đường Phan Rang, Thí nghiệm rơ le - CT TNHH MTV Thủy điện Thiên Tân.
- Hỗ trợ kiểm tra và xử lý 25 sự cố kỹ thuật cho các NM của GEC và Khách hàng.

- Hỗ trợ công tác chuyên môn cho các NM khi cần thiết
- Hỗ trợ xử lý sự cố kịp thời và hiệu quả
- Cung cấp dịch vụ Thí nghiệm cho các NM thuộc GEC và các khách hàng bên ngoài.

- Doanh thu 2024: **17,6 tỷ đồng**
- LNTT 2024: **13,6 tỷ đồng**

HOẠT ĐỘNG PHÁP LÝ, QUẢN LÝ HỆ THỐNG VÀ ĐÀO TẠO

- Hoàn thành xin cấp 02 giấy phép hoạt động gồm:
  - Giấy đăng ký hoạt động kiểm định số 2146/GCNHĐKĐ-BCT do BCT cấp ngày 14/8/2024 có hiệu lực 5 năm.
  - Giấy đăng ký hoạt động thử nghiệm số 490/GCN-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 17/10/2024 hiệu lực 5 năm.
- Hoạt động duy trì hệ thống quản lý phòng thí nghiệm:
  - Đã hoàn thành đánh giá chứng nhận Hệ Thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO9001:2015 số QMS124001 ngày 24/1/2024 cấp bởi Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 - UB Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ thời hạn 3 năm.
  - Đã hoàn thành đánh giá giám sát lần 1 Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 ngày 26/6/2024 duy trì tiếp giấy công nhận phòng thí nghiệm mã số VILAS 878 cấp bởi Văn phòng công nhận chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ theo QĐ số 1282/QĐ-VPCNCL ngày 29/6/2023 có thời hạn 3 năm.
- Hoàn thành khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn về ước lượng độ không đảm bảo đo ngày 16-18/10/2024 và khóa học An toàn điện tháng 12/2024.
- Hoàn thành ban hành VBLQ: ban hành 25 VBLQ theo kế hoạch.

- Đảm bảo duy trì hoạt động của Đơn vị theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế
- Nâng cao kiến thức chuyên môn cho nhân sự
- Đảm bảo nhân sự được đào tạo nắm rõ các quy định về an toàn điện khi làm việc tại các NM điện



HOẠT ĐỘNG O&M

O&M LĨNH VỰC ĐIỆN GIÓ

Độ sẵn sàng của các NM: Độ sẵn sàng của các NM Điện Gió luôn được nâng cao, với mức tốt ở NM Ia Bang +0,50%, và rất tốt ở NM V.P.L 1 +3,44%, tuy nhiên có sự sụt giảm tại NM Tân Phú Đông 2 và NM Tân Phú Đông 1 ở mức -0,60% và -0,10% liên quan đến công tác bảo trì và khắc phục sự cố như: Dừng WTG01 - NM Tân Phú Đông 1 để thực hiện sửa chữa cánh; Thực hiện kiểm tra cánh bằng thiết bị bay không người lái (drone) tại cả 2 NM; Các tuabin bị lỗi mã RtoP (lỗi không tự động chạy sau khi mất điện lưới) sau khi NM cắt điện vệ sinh trạm biến áp.

NM	2023			2024			SO SÁNH TỔNG	ĐÁNH GIÁ
	BOP	WT	TỔNG	BOP	WT	TỔNG		
Ia Bang	99,60%	99,00%	98,50%	99,70%	99,30%	99,00%	0,50%	Tốt
Tân Phú Đông 2	99,90%	98,90%	98,70%	99,40%	98,70%	98,10%	-0,60%	Chưa Tốt
V.P.L 1	99,40%	94,40%	93,83%	98,00%	99,30%	97,27%	3,44%	Rất tốt
Tân Phú Đông 1	99,90%	98,80%	98,70%	99,50%	99,10%	98,60%	-0,10%	Chưa Tốt

** BOP: Cân bằng của NM*

*** WT: Cánh quạt*

Độ sẵn sàng mục tiêu: BOP: 99%; WT 97% (Riêng Tân Phú Đông 1 là 98% cho 6 tháng đầu năm và 97% cho 6 tháng cuối năm 2024)

Hệ số đầy tải: Hệ số đầy tải phản ánh Tỷ lệ phát điện 100% công suất đặt thực tế so với kỳ vọng của NM, hệ số này càng cao càng tốt. Trong năm 2024, cả 4 NM đều có Hệ số đầy tải vượt kỳ vọng, trong đó 3 NM Tân Phú Đông 1, NM Ia Bang, và NM Tân Phú Đông 2 còn có Hệ số đầy tải cao hơn so với năm 2023, lần lượt tăng thêm: +8,93%, +5,36%, +4,27%; riêng NM V.P.L 1 tuy thấp hơn -1,44% so với năm trước tuy nhiên hệ số này của năm 2024 vẫn vượt kỳ vọng trong năm với mức đạt được 103,84%.

NM	2023			2024			CHÊNH LỆCH THỰC TẾ	ĐÁNH GIÁ
	THỰC TẾ	KỲ VỌNG	TỶ LỆ THỰC TẾ/KỲ VỌNG	THỰC TẾ	KỲ VỌNG	TỶ LỆ THỰC TẾ/KỲ VỌNG		
Ia Bang	30,09%	29,88%	100,71%	31,60%	29,79%	106,07%	5,36%	Tốt
Tân Phú Đông 2	32,27%	32,44%	99,48%	32,35%	31,18%	103,75%	4,27%	Tốt
V.P.L 1	31,91%	30,31%	105,28%	32,99%	31,77%	103,84%	-1,44%	Chưa Tốt
Tân Phú Đông 1 (*)	29,98%	29,61%	101,25%	32,35%	29,36%	110,18%	8,93%	Rất Tốt

Lưu ý: (*) NM Tân Phú Đông 1 đang được tính số liệu từ ngày 1/6/2023

Thời gian bảo trì Phòng ngừa của Tuabin: Sau 2 năm vận hành, thời gian cần để thực hiện bảo trì các trụ tuabin theo kế hoạch đã giảm khá nhiều so với năm đầu 2023: Ở NM Ia Bang là - 302,4 giờ, NM Tân Phú Đông 2 là - 119,2 giờ, NM V.P.L 1 là - 2.357,1 giờ. Riêng NM Tân Phú Đông 1 có số giờ bảo trì tăng cao do mới đi vào vận hành từ tháng 6/2023, đồng thời cuối năm 2023 do điều kiện thời tiết mùa gió chướng đến sớm, kế hoạch bảo trì được hoãn lại đến đầu năm 2024.

Thời gian được tính theo số giờ bảo trì của tất cả Tuabin tại NM.

Đơn vị tính: giờ

NM	2023	2024	TỶ LỆ	ĐÁNH GIÁ
Ia Bang	946,1	643,7	68,04%	Tốt
Tân Phú Đông 2	985,5	866,3	87,91%	Tốt
V.P.L 1	3.000,6	643,5	21,45%	Rất Tốt
Tân Phú Đông 1 (*)	1.051,6	2.280,6	210,02%	Chưa Tốt

Lưu ý: (*) NM Tân Phú Đông 1 đang được tính số liệu từ ngày 01/6/2023

O&M LĨNH VỰC ĐIỆN MẶT TRỜI

Độ sẵn sàng của NM: Sau hơn 5 năm vận hành, hầu hết NM Điện Mặt trời vẫn duy trì ổn định với Độ sẵn sàng cao. Riêng NM Phong Điền chỉ đạt 98,55% không đạt kỳ vọng 99% nhưng bình quân các NM vẫn đạt mức 99,63%. Bảo trì phòng ngừa luôn được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần phát hiện sớm các tồn tại những rủi ro có thể phát sinh của NM và tiến hành khắc phục trước khi xảy ra sự cố. Đối với các sự cố bất thường do thiên tai, các NM cũng đã chủ động cô lập khu vực sự cố và khôi phục vận hành ngay lập tức.

NM	KẾ HOẠCH	2023	2024	CHÊNH LỆCH	ĐÁNH GIÁ SO VỚI KẾ HOẠCH
Phong Điền	99%	99,77%	98,55%	-1,24%	Không đạt so với kế hoạch
Krông Pa	99%	99,82%	99,97%	0,15%	Rất tốt
Hàm Phú 2	99%	99,99%	99,99%	0,00%	Rất tốt
Đức Huệ 1	99%	99,99%	99,70%	-0,29%	Rất tốt
Trúc Sơn	99%	99,98%	99,97%	-0,01%	Rất tốt
Bình quân	**99%**	**99,91%**	**99,64%**	**-0,28%**	

Độ sẵn sàng kế hoạch là 99% và phấn đấu ở mức 99,5%

Tỷ lệ tổn thất sản lượng do sự cố của các NM Điện Mặt trời thấp: Bình Quân các NM duy trì tỉ lệ tổn thất do sự cố dưới 1%. Tổng tổn thất do sự cố trong năm 2024 của cả 5 NM là khoảng 1.050 MWh, tương đương 0,31% sản lượng đạt được.

Hệ số hiệu suất: Mặc dù các tấm năng lượng Mặt trời sẽ bị suy giảm qua các năm, các NM vẫn duy trì được hiệu suất vận hành ở mức tốt. Ngoài ra, việc chủ động thực hiện công tác rửa pin, bảo trì phòng ngừa tốt cũng góp phần nâng cao hiệu suất vận hành của các NM. So sánh với hiệu suất mục tiêu, các NM đạt được hiệu suất cao hơn từ 1-8%.

NM	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO SÁNH	ĐÁNH GIÁ
Phong Điền	73,43%	81,69%	8,26%	Tốt
Krông Pa	77,40%	79,24%	1,84%	Tốt
Hàm Phú 2	75,95%	79,99%	4,04%	Tốt
Đức Huệ 1	76,26%	81,94%	5,68%	Tốt
Trúc Sơn	77,95%	78,51%	0,56%	Tốt
Bình quân	**76,20%**	**80,27%**	**4,07%**	



O&M LĨNH VỰC THỦY ĐIỆN

Độ sẵn sàng của NM: Hệ số sẵn sàng của máy móc thiết bị tại các NM Thủy điện năm 2024 là 94,89% cao hơn mục tiêu là 90%, tuy nhiên có giảm so với năm 2023 (95,66%). Do ảnh hưởng của El Nino trong 6 tháng đầu năm 2024, các NM Thủy điện đã tập trung cho công tác sửa chữa lớn, đại tu nhiều tổ máy. Thời gian dừng máy để bảo trì sữa chữa lớn đều chủ động tập trung ở các thời điểm thuộc giờ giá bán điện thấp điểm, hoặc kiệt nước ở hồ chứa, nên ít ảnh hưởng tới tổn thất sản lượng và doanh thu. Tổng tổn thất sản lượng khoảng trong năm 2024 là: 0,81 GWh tương ứng tỉ lệ 0,26% ở mức thấp, tổng tổn thất doanh thu trong năm 2024 là: 0,78 tỉ đồng, tương ứng tỉ lệ 0,25% ở mức thấp (so với tổng tổn thất doanh thu năm 2023 là: 5,41 tỉ đồng, tương ứng tỉ lệ tổn thất doanh thu 1,46% ở mức cao).

NM	2023	2024	MỤC TIÊU 2024	TĂNG GIẢM	ĐÁNH GIÁ
Ia Đrăng 1	99,48%	98,50%	92,00%	-0,97%	Rất tốt
Ia Đrăng 2	97,28%	91,57%	86,00%	-5,72%	Rất tốt
Ia Đrăng 3	97,66%	97,83%	92,00%	0,18%	Rất tốt
Ia Meur 3	99,30%	96,66%	92,00%	-2,64%	Tốt
Ia Puch 3	92,24%	82,13%	86,00%	-10,12%	Chưa tốt
Đắk Pi Hao 1	92,90%	92,90%	88,00%	0,00%	Tốt
Đắk Pi Hao 2	97,92%	98,64%	94,00%	0,72%	Tốt
Đa Khai	94,23%	91,66%	93,00%	-2,57%	Chưa tốt
Ayun Thượng 1A	97,40%	94,83%	93,00%	-2,56%	Tốt
H'Chan	98,22%	98,04%	87,00%	-0,18%	Rất tốt
H'Mun	94,50%	97,04%	90,00%	2,54%	Rất tốt
Thượng Lộ	86,75%	98,82%	91,00%	12,07%	Rất tốt
Bình quân	**95,66%**	**94,89%**	**90,00%**	**-0,77%**	**Tốt**

Chỉ tiêu đánh giá vượt > 5%: Rất tốt; vượt 0-5%: Tốt; dưới 0,1-5%: Chưa tốt; dưới 5%: Kém

Hệ số đẩy tải: Mặc dù Hệ số đẩy tải giảm so với năm 2023 nhưng số giờ vận hành của các NM đều ở mức cao so với trung bình nhiều năm do hiện tượng thời tiết La Nina chỉ bắt đầu từ tháng 7 cho tới tháng 12.

NM	HỆ SỐ ĐẨY TẢI 2023 (GIỜ)	HỆ SỐ ĐẨY TẢI 2024 (GIỜ)	TĂNG GIẢM
Ia Đrăng 1	4.989	4.514	-475
Ia Đrăng 2	4.793	4.675	-118
Ia Đrăng 3	4.634	4.419	-215
Ia Meur 3	3.607	3.506	-101
Ia Puch 3	3.974	3.791	-183
Đắk Pi Hao 1	4.586	4.422	-164
Đắk Pi Hao 2	4.152	3.514	-638
Đa Khai	5.155	4.688	-467
Ayun Thượng 1A	4.771	3.995	-776
H'Chan	4.977	4.374	-603
H'Mun	4.605	4.092	-513
Thượng Lộ	2.926	2.526	-400

Công tác đào tạo:

- Hoàn thành thực hiện **8 buổi** chia sẻ kiến thức chuyên ngành giúp các nhân sự trong phòng và Khối Kỹ thuật cập nhất kiến thức mới và chuyên sâu về công nghệ mới và hệ thống thiết bị đang vận hành.
- Thực hiện các Bản tin công nghệ góp phần cập nhật công nghệ cho thành viên công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2025

THÍ NGHIỆM VÀ DỊCH VỤ

- Tiếp tục duy trì hoạt động thử nghiệm, kiểm định, xử lý sự cố kỹ thuật đảm bảo cho tất cả các NM thuộc GEC và CTTV hoạt động tốt.
- Nỗ lực cung cấp dịch vụ thử nghiệm và kiểm định cho khách hàng bên ngoài bao gồm các DA mới và các DA thí nghiệm định kỳ các lĩnh vực: Thủy điện, Điện Mặt trời, Hệ thống Áp mái, Điện Gió, Nhiệt Điện...
- Kiểm soát chi phí trong hạn mức theo Kế hoạch ngân sách của đơn vị và đảm bảo kiểm soát tốt chi phí giá vốn thực hiện hợp đồng để có hiệu quả lợi nhuận tốt.
- Không ngừng đào tạo, trau dồi kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ nhân sự, cập nhật và áp dụng tốt các VBLQ, đảm bảo hoạt động thử nghiệm và kiểm định đáp ứng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, ISO 9001 và các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.

KỸ THUẬT

- Kiểm soát và tối ưu chi phí hoạt động của Phòng Kỹ thuật và các hạng mục sửa chữa cơ điện ở các NM Thủy điện theo Kế hoạch nghân sách 2025.
- Kiểm soát và tối ưu chi phí hoạt động của Phòng Kỹ thuật và các hạng mục sửa chữa cơ điện ở các NM Thủy điện theo Kế hoạch nghân sách 2025.
- Hoàn thành các hạng mục sửa chữa trọng tâm ở các NM Thủy điện theo Kế hoạch sửa chữa năm 2025.
- Duy trì ổn định đội ngũ nhân sự hiện tại, tiếp tục thực hiện đào tạo nội bộ và tham gia các khóa đào tạo theo chương trình của Công ty.

QUẢN LÝ VẬN HÀNH

- Ổn định đội ngũ, đảm bảo công tác giám sát bảo trì bảo dưỡng nghiêm túc.
- Xây dựng kế hoạch bảo trì cho 5 năm tiếp theo của các DA Điện Mặt trời.
- Thường xuyên cập nhật các thay đổi của Ngành, đặc biệt khi Luật Điện lực 2024 có hiệu lực.
- Ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động Bảo trì bảo dưỡng như: bảo trì theo điều kiện, kiểm tra phóng điện nhằm phát hiện sớm các tồn tại trong hệ thống...

Công nghệ nâng tầm hiệu quả

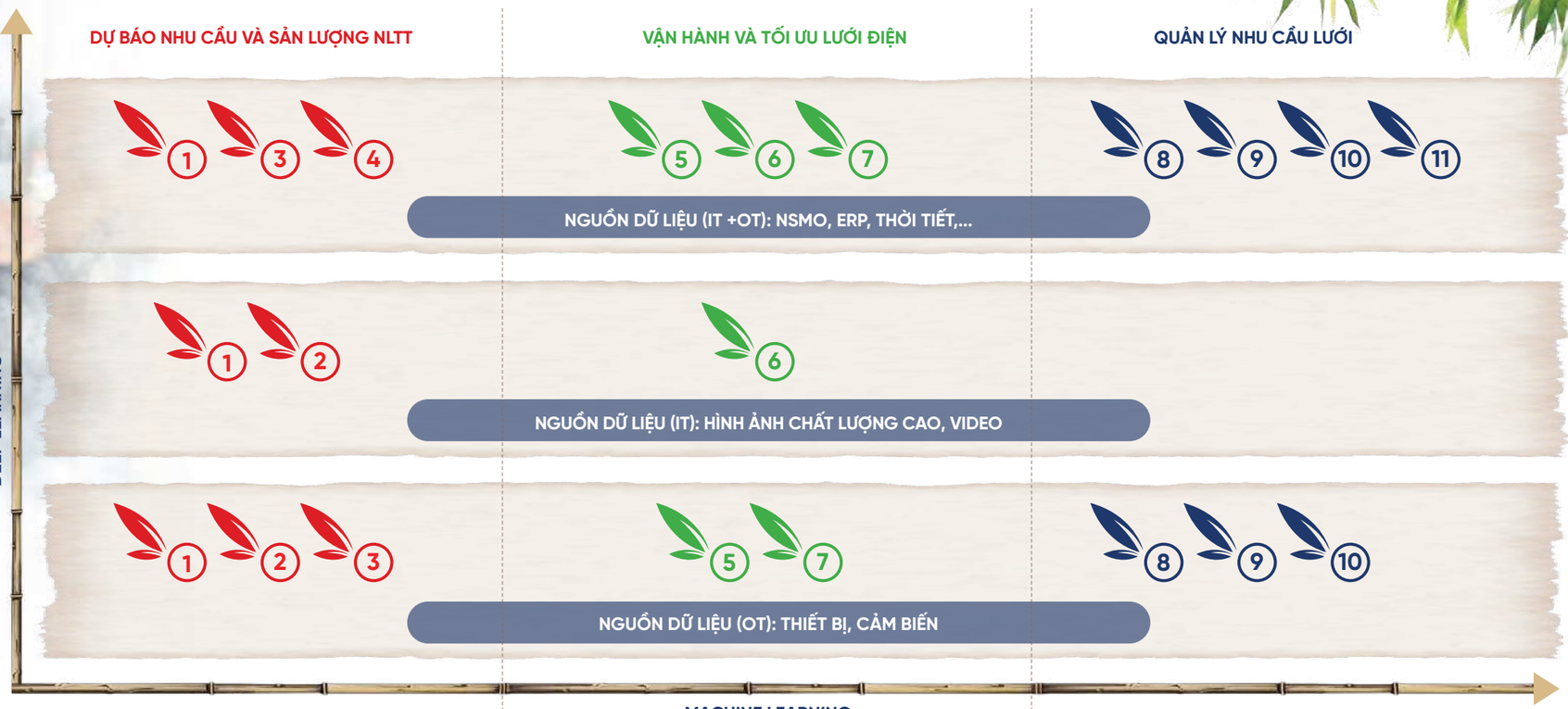


GIẢI PHÁP CNTT: ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Ngày nay, Trí tuệ nhân tạo - AI đã và đang áp dụng phổ biến trong mọi hoạt động đời sống xã hội như Y tế, Giao thông, Sản xuất,... mang lại nhiều lợi ích thiết thực như gia tăng năng lực sản xuất, tối ưu hiệu quả kinh doanh và giải quyết khối lượng lớn công việc. Đối với GEC, việc áp dụng Drone AI sẽ hứa hẹn giúp phát hiện sớm các lỗi liên quan đến thiết bị thông qua việc nhận dạng từ thư viện hình ảnh và video chất lượng cao, tối ưu chi phí bảo trì bảo dưỡng. Drone AI thông qua cơ chế điều khiển bay từ xa (remote), trang bị Camera ảnh nhiệt và hệ thống học hỏi và ra quyết định (Machine Learning - Học máy) giúp NM hạn chế tối đa các rủi ro, gia tăng mức độ an toàn trong lao động, ổn định hoạt động sản xuất Điện tại các NM Điện và tối đa hóa sản lượng điện.

Áp dụng kỹ thuật Deep Learning (Học sâu) trong AI giúp hoạt động sản xuất và kinh doanh Điện của GEC hiệu quả hơn và mang lại lợi nhuận cao hơn, đồng thời nâng cao giá trị thương hiệu. Deep Learning xử lý và phân tích lượng lớn thông tin và dữ liệu thu thập từ rất nhiều nguồn khác nhau như dữ liệu thời tiết, dữ liệu tài chính từ ERP, dữ liệu thiết bị OT tại các NM, dữ liệu Bảo trì bảo dưỡng từ Drone AI, sản lượng điện, nhu cầu lưới,... Với cơ chế học sâu và xử lý dữ liệu lớn, Deep Learning là công cụ đắc lực giúp đưa ra các quyết định hoặc áp dụng để dự đoán sản lượng điện, dự đoán giá điện và nhu cầu lưới, hỗ trợ Ban TGĐ kiểm soát mọi hoạt động của GEC bao gồm tình hình tài chính và hoạt động SXKD.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – AI



1. **Áp dụng AI cho Điện Gió, Điện Mặt trời, Thủy điện**
2. **Dự đoán sự cố và ngừng hoạt động của thiết bị**
3. **Tối ưu lịch bảo trì bảo dưỡng**
4. **Dự báo sản lượng điện**
5. **Thiết kế và quy hoạch lưới điện**
6. **Vận hành NM Điện và Bảo trì thiết bị**
7. **Giám sát hiệu suất sản xuất Điện**
8. **Dự báo giá thành Điện cạnh tranh**
9. **Dự báo chi phí và doanh thu**
10. **Thu thập thông tin phân phối điện**
11. **Dự báo nhu cầu điện**

Chú thích:

- *IT (Information Technology): Hệ thống CNTT phục vụ Người dùng văn phòng.*
- *OT (Operational Technology): Hệ thống CNTT phục vụ Vận hành tại NM.*
- *ERP: Hệ thống QTDN Microsoft Dynamics 365*
- *NSMO: Công ty vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia*
- *AI (Artificial Intelligence): Trí tuệ nhân tạo*
- *Machine Learning (ML): Học máy (kỹ thuật áp dụng trong AI)*
- *Deep Learning (DL): Học sâu (kỹ thuật áp dụng trong AI)*
- *Drone AI: Thiết bị bay không người lái tích hợp AI*
- *ITIL: Thư viện Cơ sở Hạ tầng CNTT*

CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM TRONG 2024

NỘI DUNG	HIỆU QUẢ	TIẾN ĐỘ	
		NĂM 2024	NĂM 2025
HẠ TẦNG			
Hạ tầng CNTT			
❖ Chuẩn hóa Hạ tầng CNTT bao gồm kết nối và quy hoạch hạ tầng mạng, quản trị tập trung hạ tầng tại 21 NM Điện, Văn phòng TP. HCM và Gia Lai ❖ Nâng cấp thống quản lý yêu cầu người dùng và chuẩn hóa dịch vụ hỗ trợ theo tiêu chuẩn ITIL ❖ Kiểm toán hệ thống CNTT bao gồm Hạ tầng CNTT, hệ thống ERP, hệ thống VBLQ	❖ Ổn định hệ thống CNTT như ngăn ngừa rủi ro do virus, tấn công mạng hoặc hư hỏng ❖ Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ người dùng CNTT ❖ Đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động ổn định, tuân thủ theo quy trình vận hành	Hoàn thành	Duy trì hệ thống CNTT hoạt động liên tục và ổn định
An toàn thông tin mạng			
❖ Lắp đặt mới 10 thiết bị tường lửa cho tại các NM Thủy điện ❖ Cập nhật phiên phần mềm tường lửa mới theo khuyến nghị Hãng sản xuất thiết bị nhằm gia tăng bảo mật CNTT ❖ Nâng cấp Hệ điều hành máy chủ và xây dựng hệ thống cập nhật bản vá lỗi Windows tập trung cho toàn bộ máy tính người dùng ❖ Đào tạo nhận thức An toàn thông tin mạng và thường xuyên gửi cảnh báo đến người dùng GEC chú ý trong quá trình sử dụng máy tính	❖ Giảm thiểu các rủi ro do tấn công mạng ❖ Bảo vệ tín hiệu kết nối hệ thống Scada đến Công ty Điện lực Tỉnh ❖ Người dùng cảnh giác và bảo mật dữ liệu trong quá trình sử dụng máy tính, sử dụng email hoặc truy cập internet trong và ngoài Công ty	Hoàn thành	Duy trì hệ thống mạng hoạt động ổn định và an toàn
Xây dựng Website			
❖ Xây dựng Website theo công nghệ mới	❖ Xây dựng Website theo công nghệ mới, nâng cao nhận dạng thương hiệu GEC trong lĩnh vực NLTT ❖ Tăng tính bảo mật và đáp ứng lượng lớn người dùng truy cập ❖ Tốc độ truy cập Website nhanh và độ trễ truy cập thấp nhất ❖ Giao diện và bố cục được thiết kế chuyên nghiệp, tương thích với nhiều loại trình duyệt và thiết bị thông minh	Hoàn thành	Duy trì hoạt động liên tục và ổn định
Thay thế thiết bị tường lửa			
❖ Thay thế thiết bị tường lửa hết hạn sử dụng tại 5 NM Điện Mặt trời và lắp đặt mới thiết bị tường hệ thống Scada NM Điện Mặt trời Đức Huệ 1	❖ Bảo vệ hệ thống CNTT tại 5 NM Điện Mặt trời hoạt động ổn định và an toàn ❖ Bảo vệ tín hiệu kết nối hệ thống Scada đến Trung tâm điều độ ổn định, an toàn và tuân thủ theo qui định của EVN	Lên kế hoạch	Tháng 6/2025

NỘI DUNG	HIỆU QUẢ	TIẾN ĐỘ	
		NĂM 2024	NĂM 2025
ERP			
Vận hành ERP			
❖ Vận hành hệ thống ERP cho tất cả các hoạt động SXKD bao gồm các hoạt động mua sắm, quản lý tồn kho, bán hàng, ngân sách, DA, tài chính, công tác bảo trì bảo dưỡng ❖ Thực hiện kiểm toán định kỳ các nghiệp vụ ghi nhận vào ERP ❖ Tổ chức các buổi hướng dẫn, đào tạo bổ sung hoặc đào tạo mới các nghiệp vụ ERP cho nhân sự đang sử dụng hoặc nhân sự mới	❖ Hệ thống ERP đang được áp dụng cho tất cả 13 Phòng ban, 21 NM Điện, 35 Hệ thống Áp mái, 11 CTTV (10 Công ty Con và 1 Công ty Liên kết). Toàn bộ nghiệp vụ liên quan vận hành NM Điện và các giao dịch tài chính đều ghi nhận kịp thời, chính xác trong ERP ❖ Lãnh đạo và các Phòng ban giám sát các hoạt động trong quá trình mua sắm, ghi nhận Doanh thu và quản lý Hàng tồn kho tại các Đơn vị, kiểm soát hiệu quả ngân sách. Nhân sự tại NM Điện ghi nhận đầy đủ và kịp thời hoạt động bảo trì bảo dưỡng tại tất cả 21 NM Điện ❖ Đảm bảo dữ liệu đồng nhất và chuẩn hóa, người dùng thao tác và vận hành đúng qui trình và nghiệp vụ ❖ Chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, đáp ứng các yêu cầu của thị trường và hội nhập quốc tế. Tạo nền tảng vững chắc cho GEC PTBV trong tương lai ❖ Đảm bảo và tăng cường số lượng người dùng có trang bị kiến thức, nghiệp vụ để thao tác và vận hành ERP ổn định và hiệu quả. Đến nay, số lượng nhân sự sử dụng ERP đạt 263/488 người (chiếm 54%) ❖ Nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí, tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường ❖ Nâng cao năng lực và chuyên môn cho đội ngũ CNTT trong quá trình hỗ trợ người dùng, vận hành và quản trị hệ thống ERP	Hoàn thành	Đảm bảo số liệu ghi nhận chính xác, kịp thời và tuân thủ quy trình vận hành hệ thống
Trí tuệ nhân tạo - AI			
❖ Áp dụng Trí tuệ nhân tạo vào công tác bảo trì bảo dưỡng trong quá trình vận hành NM Điện bằng công nghệ Drone AI	❖ Giảm thiểu tối đa các rủi ro, nâng cao An toàn lao động trong quá trình Bảo trì bảo dưỡng do Công nghệ hỗ trợ thay vì thực hiện bằng thủ công ❖ Phát hiện nhanh các lỗi thiết bị bởi sự hỗ trợ từ thư viện hình ảnh và video chất lượng cao và kỹ thuật Máy học của AI (Machine Learning). Công tác vận hành NM Điện ổn định và sản lượng Điện phát tối đa ❖ Tối ưu chi phí bảo trì bảo dưỡng do tiết kiệm thời gian, nguồn lực	Lên kế hoạch	Tháng 12/2025

Phát triển Dự án

Với tầm nhìn và hoài bão trở thành một trong những tổ chức tư nhân hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực phát triển NLTT, góp phần vào mục tiêu PTBV và đạt phát thải ròng bằng "0" trước năm 2050, GEC đã và đang nỗ lực trau dồi, phát huy các thế mạnh trong chuỗi giá trị khép kín từ phát triển DA và M&A, thi công và vận hành DA trong lĩnh vực NLTT để mở rộng quy mô cũng như đảm bảo tăng trưởng bền vững.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ GIÀU KINH NGHIỆM VÀ CHUYÊN MÔN VỀ NLTT

Trong 5 năm gần đây, ngoài lĩnh vực Thủy điện, GEC đã tiên phong đầu tư vào các DA Điện Gió và Điện Mặt trời nhằm mục đích phát triển đa dạng danh mục các loại hình NLTT và đã đạt được những thành công bước đầu. Bên cạnh các yếu tố quan trọng DA như công nghệ kỹ thuật và cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự có chuyên môn, nhiệt huyết và kinh nghiệm tích lũy từ nhiều DA đã đóng vai trò then chốt, đặc biệt trong bối cảnh cơ chế chính sách tại Việt Nam đòi hỏi các DA phải triển khai trong thời gian ngắn.

THƯƠNG HIỆU VÀ UY TÍN CỦA CÔNG TY

Trong 35 năm thành lập và phát triển, GEC đã từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu trên thị trường NLTT Việt Nam với tổng công suất vận hành và đang phát triển năm 2024 đạt 769 MWp. Các DA của GEC đều được đánh giá cao về chất lượng thi công và hiệu quả vận hành, đặc biệt, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường xã hội quốc tế khắt khe. Chính vì vậy, GEC là một trong số các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực NLTT đang niêm yết có tỷ lệ sở hữu của CĐ nước ngoài cao nhất, với sự tham gia của JERA - Tập đoàn lớn trong lĩnh vực NLTT tại Nhật Bản sau khi IFC và Amstrong thoái vốn.

Tận dụng thế mạnh đó, trong năm qua, mảng phát triển DA của GEC đã gặt hái được những thành quả nhất định.



TÍCH CỰC ĐÀM PHÁN GIÁ CHÍNH GIÁ CHÍNH THỨC CHO CÁC DA NLTT CHUYỂN TIẾP (ĐANG HƯỞNG GIÁ TẠM)

Sau khi cơ chế giá FIT Điện Gió kết thúc vào cuối tháng 10/2021, các DA chưa COD trước thời hạn giá FIT sẽ được hưởng cơ chế giá chuyển tiếp với giá bán điện dự kiến ưu đãi hơn so với các DA phát triển mới. DA Điện Gió Tân Phú Đông 1 - 100MW của GEC được xếp vào danh mục DA chuyển tiếp này. Để đưa Tân Phú Đông 1 đóng điện khi cơ chế giá chuyển tiếp ban hành và mang lại doanh thu sớm nhất có thể, các công tác thi công đã được triển khai từ đầu Quý 2/2022. Do đã có kinh nghiệm từ các DA trước, Tân Phú Đông 1 đã xuất sắc hoàn thành lắp dựng 24/24 trụ trong vòng hơn 7 tháng kể từ ngày khởi công DA, trước thời điểm thời tiết bất lợi.

Căn cứ vào TT số 15/2022/TT-BCT quy định về phương pháp xây dựng khung giá phát điện của NM Điện Mặt trời và Điện Gió chuyển tiếp ban hành ngày 3/10/2022, BCT ban hành QĐ 21/QĐ-BCT về khung giá phát điện NM Điện Mặt trời, Điện Gió chuyển tiếp vào ngày 7/1/2023. GEC đã nhanh chóng triển khai các thủ tục để Tân Phú Đông 1 được COD vào ngày 31/5/2023 - một trong những NM Điện Gió chuyển tiếp đầu tiên được COD với mức giá tạm bằng 50% mức trần khung giá của BCT.

Trong năm 2024, BCT chính thức ban hành TT 7/2024/TT-BCT, quy định về phương pháp xác định giá điện và PPA, tạo hành lang cho công tác đàm phán giá và PPA cho các DA điện nói chung và các DA NLTT chuyển tiếp như Tân Phú Đông 1 nói riêng. Đến thời điểm hiện tại, GEC đã đàm phán và cơ bản thông nhất được một số thông số chính trong việc xác định giá điện đang tiếp tục làm việc với Công ty mua bán điện và các cơ quan ban ngành để tiếp tục hoàn thiện phương án giá bán điện tiến tới ký kết PPA với giá chính thức trong năm 2025.

HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÁC ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI TRONG PHÁT TRIỂN DA

Kể từ năm 2022, GEC đã hợp tác thành công với SK E&S, công ty con trong lĩnh vực năng lượng của tập đoàn SK, một trong những tập đoàn lớn nhất của Hàn Quốc phát triển hoạt động trong nhiều lĩnh vực như hóa chất, chất bán dẫn, viễn thông và công nghệ sinh học. Tập đoàn SK đã và đang đẩy mạnh mở rộng hoạt động đầu tư tại Việt Nam bằng việc liên tiếp mua lại cổ phần của Masan Group (năm 2018), Vingroup (năm 2019), dược phẩm Imexpharm Corporation (năm 2020), VinCommerce (năm 2021). Trong lĩnh vực năng lượng, SK E&S hiện đang sở hữu 1 DA Điện Mặt trời tại Ninh Thuận. GEC và SK E&S tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác bằng việc liên doanh thành lập CTCP Năng lượng Solwind, tập trung hợp tác phát triển các DA NLTT mới tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng NLTT cho hoạt động SXKD của các tập đoàn lớn như Samsung, Apple, Heineken, Nike,..., ngày 3/7/2024, chính phủ đã chính thức ban hành NĐ số 80/2024/NĐ-CP quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện NLTT với Khách hàng sử dụng điện lớn. Đón đầu cơ chế này, từ những năm 2020, GEC đã tiếp xúc với nhiều đối tác lớn, ký kết các thoả thuận hợp tác, chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ các DA NLTT sẵn sàng tham gia cơ chế này khi các quy định chi tiết hướng dẫn về phí và cơ chế giao dịch được chính thức ban hành.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

Ngày 15/5/2023, QĐ 500/QĐ-TTg được TTCP phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho quá trình phát triển của GEC trong tương lai. Theo Quy hoạch, từ nay đến năm 2030, tổng công suất các nguồn Điện Mặt trời dự kiến tăng thêm 4.100 MW, trong đó, ưu tiên và có chính sách thúc đẩy phát triển Điện Mặt trời Mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, nhất là các khu vực có nguy cơ thiếu điện như miền Bắc và Điện Mặt trời tự sản, tự tiêu. Mặt khác, Điện Gió trên bờ và ngoài khơi vẫn tiếp tục được ưu tiên phát triển mạnh. Đến năm 2030, công suất Điện Gió trên bờ và ngoài khơi dự kiến lần lượt đạt 21.880 MW và 6.000 MW. Như vậy, với khoảng 8 GW Điện Gió đang vận hành, dư địa phát triển Điện Gió là khoảng hơn 20.000 MW.

Bên cạnh đó, Chính phủ ưu tiên (1) phát triển các DA Điện Gió, Điện Mặt trời phục vụ sản xuất Hydrogen, không bán điện lên lưới điện quốc gia, (2) các loại hình điện khác như Điện Sinh khối, Điện Rác... với công suất đạt 2.270 MW và (3) nhập khẩu điện khoảng 5.000 MW (chủ yếu từ Lào) đến năm 2030.

Dựa trên định hướng đó, công tác phát triển DA trong giai đoạn mới ưu tiên tối ưu việc phát triển các loại hình NLTT hiện hữu (Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió, Điện Mặt trời Mái nhà tự sản tự tiêu, Điện Rác, Điện Sinh khối,...), cụ thể:

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG M&A

Tập trung vào 3 nhóm DA: (1) các DA đã COD và Chủ đầu tư có nhu cầu hợp tác hoặc chuyển nhượng, (2) DA Điện Mặt trời ký PPA trước ngày 1/1/2021 và DA Điện Gió ký PPA trước ngày 1/11/2021, chưa COD, đây là những DA được xếp vào giai đoạn chuyển tiếp và có thể áp dụng cơ chế đàm phán giá điện mới, và (3) các DA Thủy điện vừa và nhỏ đã được BSQH, có thể triển khai các thủ tục pháp lý và thi công. Trong Quý 3/2023, GEC đã thành công mua lại CTCP Năng lượng Điện Cao Nguyên - sở hữu DA Thủy điện Ea Tih công suất 8,6 MW, tại tỉnh Đắk Lắk. GEC đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý DA, mục tiêu sẽ hoàn thành xây dựng và COD trong Quý 4/2026.

MỞ RỘNG PHÁT TRIỂN DA TẠI CÁC KHU VỰC LÁNG GIỀNG NHẰM NHẬP KHẨU ĐIỆN VỀ VIỆT NAM

Căn cứ vào cơ chế khuyến khích nhập khẩu điện của Việt Nam, trong giai đoạn tới, GEC sẽ ưu tiên khảo sát các khu vực có điều kiện tự nhiên tốt, gần biên giới Việt Nam để thuận lợi đấu nối, tiết giảm chi phí đường dây và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Sau thời gian nghiên cứu và tiếp cận, GEC đã ký Thỏa thuận ghi nhớ (MOU) với Chính phủ Lào vào ngày 18/6/2023 để chính thức triển khai các công tác khảo sát, nghiên cứu và phát triển DA Điện Gió mới, nhập khẩu điện về Việt Nam. DA này là DA trọng điểm của GEC trong thời gian tới, với mục tiêu mở rộng danh mục đầu tư ra nước ngoài cũng như đóng góp cho việc đảm bảo an toàn, ổn định ngành Điện quốc gia, GEC đặt mục tiêu DA có thể COD trong giai đoạn 2026-2030.

TIẾP TỤC ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ CÁC DA TIỀM NĂNG, THAM GIA ĐẤU THẦU NĐT TẠI CÁC TỈNH

GEC không ngừng nghiên cứu, tìm kiếm, cũng như đề xuất đầu tư các DA tiềm năng cho các loại hình thế mạnh của GEC như thủy điện vừa và nhỏ, Điện Gió tại các khu vực Tây Nguyên và Miền Tây. Song song đó, nhận thấy các tỉnh đang có nhu cầu tìm NĐT có kinh nghiệm và năng lực để tham gia đầu tư các DA điện rác, GEC đã nỗ lực kết nối và làm việc với các đối tác nước ngoài, có kinh nghiệm, năng lực và công nghệ phù hợp để có thể tham gia đấu thầu NĐT tại các tỉnh Miền Nam.

TIẾT GIẢM TỔNG MỨC ĐẦU TƯ KHI PHÁT TRIỂN CÁC DA MỚI ĐỂ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ DA TRONG BỐI CẢNH KHÔNG CÒN CHÍNH SÁCH GIÁ FIT

Cập nhật công nghệ mới

Đối với Điện Gió, GEC ưu tiên lựa chọn các dòng tuabin (1) có đường kính cánh lớn nhằm cải thiện đường cong công suất, tăng sản lượng điện sản xuất và doanh thu, (2) công suất lớn để giảm số lượng tuabin cần lắp đặt, vì vậy tiết giảm chi phí xây dựng móng, đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí vận hành. Một số dòng tuabin mới có thể kể đến như Vestas V163-4.5MW, V162-5.6MW V162-6MW, Goldwind V165-5.2MW/5.6MW/6.0MW. Tương tự, các dòng tấm pin mặt trời mới có công suất lớn 635-670Wp giúp tiết giảm quỹ đất, giảm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí cáp cũng như tăng hiệu suất chuyển đổi của tấm pin.

Tận dụng nguồn vốn của đối tác

Hiện nay, để đạt mục tiêu giảm phát thải ròng về mức "0" trước năm 2050, Chính phủ các nước trên thế giới đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn đối với các doanh nghiệp có danh mục đầu tư xanh. Vì vậy, các tập đoàn lớn ở các nước này đang nỗ lực chạy đua trên con đường đầu tư NLTT trong nước và các quốc gia khác.

Tận dụng thương hiệu và uy tín của GEC trên thị trường năng lượng Việt Nam, GEC sẽ tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, cùng thành lập liên doanh để phát triển DA mới nhằm giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả đầu tư DA. Ngoài ra, GEC cũng tìm kiếm các cơ hội từ các cơ chế tài trợ tín chỉ carbon được chính phủ các nước tài trợ như JCM của Nhật Bản, hay trao đổi chứng chỉ carbon theo thỏa thuận Paris và thỏa thuận song phương giữa Hàn Quốc và Việt Nam.

Tuy nhiên, nút thắt về cơ chế giá cần được tháo gỡ để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển NLTT, trong đó có GEC phát triển công suất mới, hướng tới mục tiêu cắt giảm phát thải của Việt Nam. Không bị ảnh hưởng bởi cơ chế giá, đối với mảng Điện Mặt trời, căn cứ vào đề xuất của BCT xem xét cho phép Điện Mặt trời Mái nhà tự sản tự tiêu phát triển không giới hạn công suất khi có DA khả thi, vì vậy GEC định hướng (1) đầu tư Điện Mặt trời Mái nhà và bán điện tại chỗ với giá thấp hơn giá bán điện của EVN từ 10-15% cho các khách hàng sử dụng điện sản xuất, phụ tải tiêu thụ ổn định, hoặc (2) làm nhà thầu EPC lắp đặt Hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà. Bên cạnh đó, GEC sẽ tập trung phát triển cơ hội đầu tư NM Điện Mặt trời Mặt đất hoặc Điện Mặt trời nổi quy mô lớn, đấu nối trực tiếp vào các NM/khu công nghiệp quy mô lớn, có khả năng tiêu thụ 100% sản lượng điện tạo ra từ NM.

KỶ NGUYÊN NĂNG LƯỢNG

Đây là những loại hình NLTT mới, có tiềm năng phát triển ở Việt Nam trong thời gian tới mà GEC đang nỗ lực làm việc với các đối tác và triển khai khảo sát tại các tỉnh để lựa chọn vị trí DA phù hợp.

THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các dạng NLTT tiên tiến khác, hiện nay trên thế giới đã hình thành nên một xu hướng khá phổ biến là Thủy điện tích năng nhằm giải quyết vấn đề thừa, thiếu trong biểu đồ phụ tải hệ thống điện.

Mô hình của Thủy điện tích năng gồm 2 hồ chứa nước ở hai cao độ khác nhau và 1 NM thủy điện với tuabin thuận nghịch nằm ở gần hồ chứa bên dưới, nối với hồ chứa bên trên bằng đường ống áp lực. NM Thủy điện tích năng là một dạng "hộ tiêu thụ điện đặc biệt" với công dụng chính là tích lũy năng lượng để bổ sung cho hệ thống vào những lúc cần thiết. Thủy điện tích năng vận hành dựa trên nguyên tắc cân bằng nhu cầu phụ tải của hệ thống điện. Trong giờ cao điểm, khi nhu cầu dùng điện cao, Thủy điện tích năng vận hành như NM thủy điện bình thường bằng cách lấy nước từ hồ chứa bên trên, chảy qua đường ống áp lực, làm quay tuabin để phát điện lên hệ thống, nước xả xuống hồ dưới. Vào giờ thấp điểm, phụ tải thừa thì lúc này Thủy điện tích năng làm việc như một trạm bơm, dùng điện bơm nước từ hồ dưới ngược lên hồ trên.

Trong thời gian tới, GEC định hướng nghiên cứu không chỉ tại Việt Nam mà các khu vực lân cận để phát triển loại hình này.

ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI

Với đường bờ biển dài, Việt Nam có tiềm năng phát triển năng lượng gió vô cùng lớn. Tốc độ gió tại các khu vực xa bờ thường cao hơn đáng kể so với khu vực gần bờ/trên bờ, hứa hẹn mang lại doanh thu lớn. Tuy nhiên, để phát triển Điện Gió ngoài khơi, những thách thức phải đối mặt không hề nhỏ. Điển hình, khung pháp lý cho lĩnh vực này vẫn còn vướng do còn liên quan đến các ngành như dầu khí, hàng hải, thủy sản và đặc biệt là an ninh quốc phòng, giá trị đầu tư vốn lớn, tính chất phức tạp về kỹ thuật và công nghệ. Nhận thấy tiềm năng lớn ở khu vực miền Tây, GEC đang đề xuất với tỉnh để được phê duyệt khảo sát DA Điện Gió xa bờ và nghiên cứu về mặt kỹ thuật để lựa chọn công nghệ phù hợp nhất.

CHƯƠNG 3

Bến bỉ Hành trình

Mô hình Quản trị công ty

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QTCT TẠI GEC

Tại GEC, nhận thức việc QTCT hiệu quả là một trong nền tảng cốt lõi giúp Công ty vận hành ổn định, PTBV, nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường và GEC được đánh giá là Doanh nghiệp có kiến thức và năng lực QTCT vững vàng. Để đạt được điều đó, GEC luôn chú trọng việc áp dụng tiêu chuẩn về QTCT từ các quy định trong nước cũng như sớm chủ động áp dụng, cập nhật thường xuyên các Thông lệ tốt mang tính quốc tế, cụ thể như sau:

	TIÊU CHUẨN VỀ QTCT ÁP DỤNG	NỘI DUNG
	Quy định và Bộ chỉ số trong nước:	
1	NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán	Quy định các hoạt động về chứng khoán và TTCK; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức TTCK; quản lý Nhà nước về chứng khoán và TTCK.
2	TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng tại NĐ 155	Quy định về Mẫu Điều lệ, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và UBKT.
3	Luật 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính	Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán
	Thông lệ Quốc tế:	
1	Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất 2019	Khuyến nghị về thông lệ QTCT tốt nhất với 10 nguyên tắc về các thông lệ tốt nhất, tập trung giải quyết các vấn đề ưu tiên trong thực thi QTCT: 6 nguyên tắc tập trung vào chức năng hoạt động của HĐQT, 4 nguyên tắc của Môi trường kiểm soát, CBTT và minh bạch, Quyền của CĐ và quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan. Bộ Nguyên tắc cũng gồm các điều khoản liên quan tới kinh doanh có trách nhiệm, như thúc đẩy đa dạng giới và khuyến khích sự tập trung mạnh mẽ hơn vào các vấn đề môi trường và xã hội trong HĐQT.
2	Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN 2024	Đánh giá quản trị cấp độ Doanh nghiệp dựa trên các nội dung trọng yếu: (1) Quyền và sự đối xử công bằng với các CĐ; (2) PTBV và khả năng phục hồi; (3) Minh bạch và CBTT; (4) Trách nhiệm của HĐQT.
3	Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD 2023	Là tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu về QTCT. Mục tiêu của Bộ Nguyên tắc là giúp các nhà hoạch định chính sách và nhà quản lý đánh giá và cải thiện các khuôn khổ pháp lý, quy định, và thể chế về QTCT nhằm hỗ trợ niềm tin và sự toàn vẹn của thị trường, hiệu quả kinh tế, tăng trưởng bền vững, và ổn định tài chính.



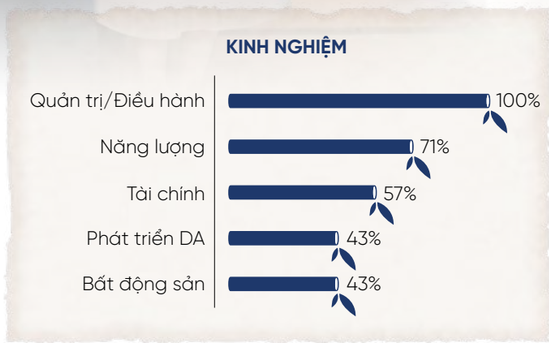
Mục tiêu QTCT là bảo đảm quyền lợi dài hạn của CĐ và các BLQ, đồng thời kịp thời thích ứng với những biến động kinh doanh. Đây cũng là một trong những nền tảng quan trọng của PTBV.

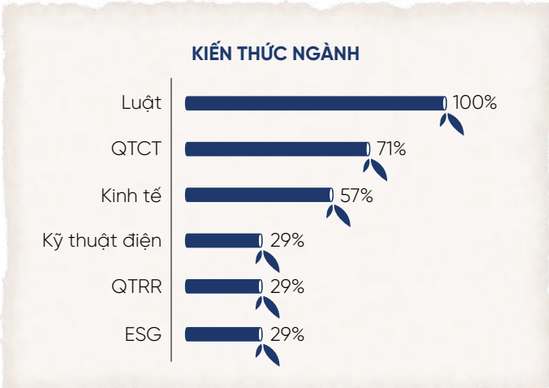
Do đó, Công ty luôn đặt ra các nguyên tắc trong hoạt động QTCT:

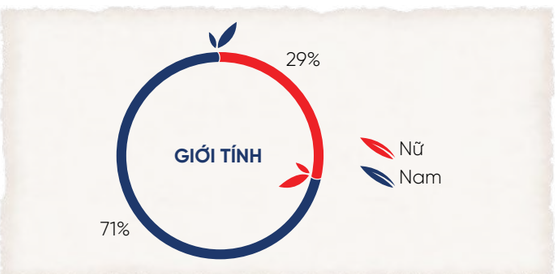
- Tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
- Vận dụng linh hoạt các thông lệ tốt trên thị trường và chuẩn mực quốc tế.
- Đảm bảo cơ cấu QTCT hợp lý, hoạt động hiệu quả.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của CĐ và các BLQ, đảm bảo đối xử công bằng giữa các CĐ.
- Tăng cường tính công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty.

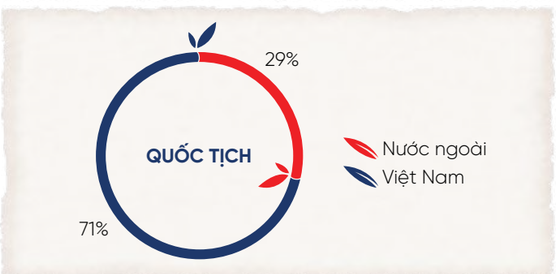
Để đạt được mục tiêu, vận hành các nguyên tắc, HĐQT và BĐH - những Người giữ trọng trách quản trị, quản lý, xây dựng chiến lược, cơ cấu tổ chức và vận hành hoạt động Công ty được tổ chức một cách hợp lý cả về cơ cấu, thành phần, kinh nghiệm, kỹ năng, cũng như liên tục nỗ lực nâng cao chuyên môn để đáp ứng sự phát triển; đồng thời các thành viên HĐQT, BĐH có trình độ am hiểu chuyên nghiệp, nhiều năm kinh nghiệm không chỉ về ngành mà còn trong cả nhiều lĩnh vực liên quan đến HĐKD của Công ty, thể hiện qua ma trận kỹ năng HĐQT, BĐH như sau:

MA TRẬN KỸ NĂNG HĐQT





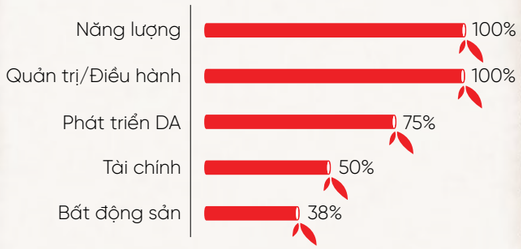




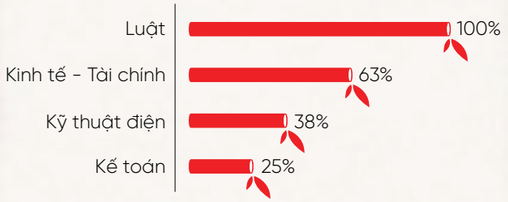
Nguồn: GEC

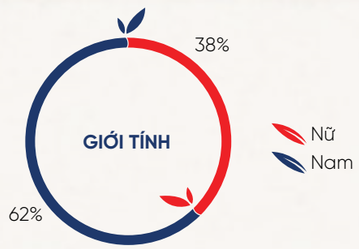
MA TRẬN KỸ NĂNG BĐH

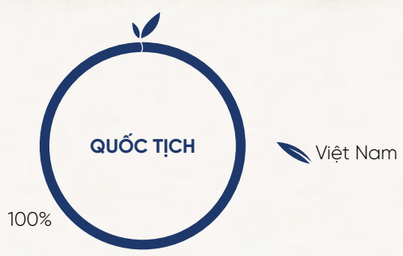
KINH NGHIỆM



KIẾN THỨC NGÀNH







Nguồn: GEC

Cùng với quy mô Công ty ngày càng lớn, hệ thống Công ty con và mức độ phức tạp, tầm quan trọng của các vấn đề cần HĐQT ra quyết định ngày càng nhiều, do đó HĐQT cũng đã thành lập các UB trực thuộc HĐQT để xử lý hiệu quả, chuyên trách từng lĩnh vực, giám sát, kiểm soát hiệu quả hoạt động của BĐH, cũng như tăng cường tính khách quan và độc lập trong các phán quyết của mình, đặc biệt trong các lĩnh vực lương thưởng, đề cử thành viên HĐQT, Đầu tư, Phát triển DA như: UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng; UB Đầu tư bên cạnh UBKT.

UBKT có đầy đủ tính độc lập và chuyên môn. Chủ tịch UBKT là Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập. Hai Thành viên còn lại là Ông Simon Mark Wilson và Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn, đều là Thành viên HĐQT không điều hành.

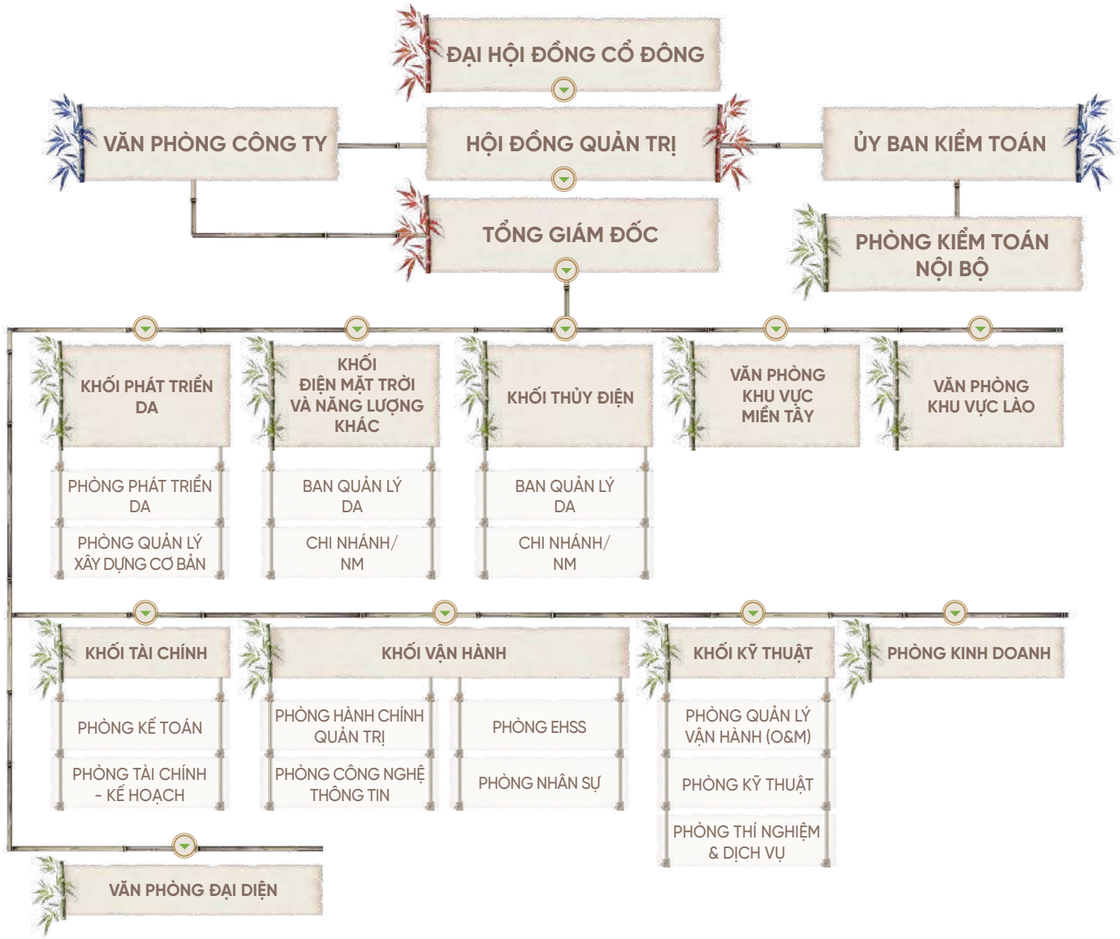
UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng đảm bảo các chính sách được thiết kế phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu minh bạch, công bằng và tạo động lực cho đội ngũ nhân sự. Chủ tịch UB là Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch HĐQT. Hai Thành viên còn lại là: Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập và Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành.

UB Đầu tư đảm bảo hiệu quả tư vấn chiến lược đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và hiệu quả các DA đầu tư của Công ty. Chủ tịch UB cũng chính là Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT không điều hành. Một Phó Chủ tịch là Ông Simon Mark Wilson - Thành viên HĐQT không điều hành. Ba Thành viên còn lại là: Bà Nguyễn Thái Hà - TGĐ, Ông Nguyễn Phong Phú - Phó TGĐ và Ông Hiroshi Minamikawa.

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập được phân công phụ trách về QTRR. Về hoạt động ESG, HĐQT đã phân công phụ trách cho Thành viên là: Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập, Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, vai trò của HĐQT trong bối cảnh các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ứng phó với biến đổi khí hậu và quản lý các yếu tố ESG.

Nhận thức được việc ESG không còn là phong trào mà còn là chìa khóa để PTBV, đặc biệt trong lĩnh vực Năng lượng - một trong những tiêu chí quan trọng thuộc khía cạnh Môi trường, Công ty thực hiện ESG bằng cách khai thác và sử dụng năng lượng hiệu quả. Đồng thời, Công ty khuyến khích phát triển các nguồn NLTT như mặt trời và gió. Điều này giúp Công ty duy trì hoạt động bền vững, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng hữu hạn, tối ưu hóa quy trình sản xuất và góp phần thực hiện các cam kết của Chính phủ về PTBV.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÁC NQ/QĐ CỦA HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành tổng cộng 27 NQ với tỷ lệ thông qua tuyệt đối 100%, đảm bảo công tác quản trị được thực hiện chặt chẽ, minh bạch tập trung vào các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm chiến lược phát triển, quản lý tài chính, huy động vốn, tái cấu trúc doanh nghiệp, và các giao dịch quan trọng.

	SỐ NQ/QĐ	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	1/2024/NQ-HĐQT	7/2/2024	Về việc Thành lập Tiểu ban tham mưu HĐQT về giao dịch M&A TPH và TTCE (Tiểu ban M&A)	100%
2	2/2024/NQ-HĐQT	7/2/2024	Về việc Phê duyệt lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn CT TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) để thực hiện dịch vụ tư vấn giao dịch M&A liên quan TPH	100%
3	3/2024/NQ-HĐQT	7/2/2024	Về việc Phê duyệt lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn CT TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) để thực hiện dịch vụ tư vấn giao dịch M&A liên quan TTCE	100%
4	4/2024/NQ-HĐQT	16/2/2024	Về việc Phê duyệt khoản vay ngắn hạn tại Vietcombank Gia Lai	100%

	SỐ NQ/QĐ	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
5	5/2024/NQ-HĐQT	8/3/2024	Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý IV và cả năm 2023; kế hoạch kinh doanh Quý I năm 2024	100%
6	6/2024/NQ-HĐQT	8/3/2024	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm Tài chính 2023	100%
7	7/2024/NQ-HĐQT	8/3/2024	Phê duyệt chủ trương mua ký kết các hợp đồng giao dịch với BLQ	100%
8	8/2024/NQ-HĐQT	8/3/2024	Phê duyệt chủ trương mua lại CTCP Thủy điện Trường Phú	100%
9	9/2024/NQ-HĐQT	8/4/2024	Về việc Phê duyệt Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ Thường Niên 2024	100%
10	10/2024/NQ-HĐQT	6/5/2024	Về việc Phê duyệt phương án tổng thể tái cấu trúc gói Trái phiếu TCBS đến hạn	100%
11	11/2024/NQ-HĐQT	6/5/2024	Về việc Phê duyệt chủ trương thực hiện giải chấp 9 triệu cổ phiếu GHC từ gói Trái phiếu GEGB2124002 và thực hiện thế chấp/vay vốn/nhận nợ tại Vietcombank	100%
12	12/2024/NQ-HĐQT	6/5/2024	Phê duyệt việc xin ý kiến người sở hữu trái phiếu liên quan đến trái phiếu GEGB2124002 mã niêm yết GEG121022	100%
13	13/2024/NQ-HĐQT	9/5/2024	Về việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ Thường niên năm tài chính 2023 (sau gia hạn)	100%
14	14/2024/NQ-HĐQT	21/5/2024	Phê duyệt các nội dung đã thống nhất tại cuộc họp HĐQT Quý I năm 2024	100%
15	15/2024/NQ-HĐQT	30/5/2024	Phê duyệt phương án tổng thể phát hành trái phiếu dự kiến năm 2024	100%
16	16/2024/NQ-HĐQT	30/5/2024	Thông qua việc phát hành trái phiếu riêng lẻ, Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai năm 2024 (Mã Trái phiếu dự kiến GEGH249001 và GEGH249002) và Đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch TPDN chào bán riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	100%
17	17/2024/NQ-HĐQT	12/6/2024	Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ (Mã trái phiếu dự kiến GEGH2427002)	100%
18	18/2024/NQ-HĐQT	21/6/2024	Phê duyệt việc điều chỉnh Tài liệu ĐHĐCĐ năm tài chính 2023	100%
19	19/2024/NQ-HĐQT	10/7/2024	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024	100%
20	20/2024/NQ-HĐQT	26/7/2024	Triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	100%
21	20A/2024/NQ-HĐQT	16/9/2024	Tăng vốn điều lệ của CTCP Điện Gia Lai	100%
22	21/2024/NQ-HĐQT	17/9/2024	Thông qua Báo cáo của BĐH tại cuộc họp HĐQT Quý II năm 2024	100%
23	22/2024/NQ-HĐQT	17/9/2024	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Gia Định (tái cấp hạn mức)	100%
24	23/2024/NQ-HĐQT	10/10/2024	Tái bổ nhiệm chức vụ TGĐ với Bà Nguyễn Thái Hà	100%
25	24/2024/NQ-HĐQT	10/10/2024	Tái bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ với Ông Nguyễn Phong Phú	100%
26	25/2024/NQ-HĐQT	15/11/2024	Phê duyệt chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho CĐ sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi	100%
27	26/2024/NQ-HĐQT	11/12/2024	Phê duyệt các nội dung đã thống nhất tại cuộc họp HĐQT Quý III năm 2024	100%

CÁC NQ/QĐ CỦA HĐQT

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong năm 2024, HĐQT duy trì 4 cuộc họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động của quý trước, thảo luận và thông qua các kế hoạch SXKD của quý tiếp theo. Bên cạnh đó, HĐQT cũng tiến hành 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản, đảm bảo tính linh hoạt trong quá trình quản trị, kịp thời xem xét, phê duyệt các vấn đề quan trọng, đáp ứng yêu cầu vận hành và chiến lược phát triển.

CUỘC HỌP HĐQT ĐỊNH KỲ	NGÀY GỬI TÀI LIỆU	NGÀY TỔ CHỨC HỌP	NỘI DUNG THẢO LUẬN	TỶ LỆ VẤN ĐỀ ĐƯỢC THÔNG QUA
Cuộc họp HĐQT Quý IV/2023	23/2/2024	8/3/2024	Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý IV và cả năm 2023; kế hoạch kinh doanh Quý I năm 2024 Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm Tài chính 2023 Phê duyệt chủ trương mua ký kết các hợp đồng giao dịch với BLQ Phê duyệt chủ trương mua lại CTCP Thủy điện Trường Phú	100%
Cuộc họp HĐQT Quý I/2024	6/5/2024	21/5/2024	Phê duyệt các nội dung đã thống nhất tại cuộc họp HĐQT Quý I năm 2024	100%
Cuộc họp HĐQT Quý II/2024	30/8/2024	17/9/2024	Thông qua Báo cáo của BĐH tại cuộc họp HĐQT Quý II năm 2024 Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Gia Định (tái cấp hạn mức)	100%
Cuộc họp HĐQT Quý III/2024	27/11/2024	11/12/2024	Phê duyệt các nội dung đã thống nhất tại cuộc họp HĐQT Quý III năm 2024	100%

NỘI DUNG		ĐƠN VỊ	2022	2023	2024
Cuộc họp HĐQT định kỳ	Số lần họp/năm	Cuộc họp	4	4	4
	Tỷ lệ tham dự họp + ủy quyền	%	100%	100%	100%
	Tỷ lệ thông qua	%	100%	100%	100%
Lấy ý kiến HĐQT	Số lần lấy ý kiến/năm	Lần	16	14	15
	Tỷ lệ phản hồi	%	100%	100%	100%
Tổng số NQ HĐQT ban hành	NQ HĐQT đã ban hành	NQ	57	32	27

ĐÀO TẠO VỀ QTCT

Với mục tiêu nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy sự PTBV của GEC, trong năm qua các Thành viên HĐQT, BĐH đã tham gia 10 khóa đào tạo chuyên sâu theo quy định về QTCT. Các chương trình đào tạo tập trung vào tối ưu hóa hoạt động ĐHĐCĐ, quản trị bền vững và tuân thủ quy định về CBTT, cụ thể:

- Vì một Đại hội CĐ đổi mới và hiệu quả
- Hội thảo Khởi động "Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2024"
- Hội nghị tập huấn về Hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán
- Những vấn đề trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và TTCK của công ty đại chúng, công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày BCTC của công ty đại chúng, công ty niêm yết
- Tăng cường Năng lực QTCT cho các Doanh nghiệp Niêm yết
- Chương trình CSI và một số vấn đề về QTDN bền vững
- Đào tạo và thảo luận mở về QTCT
- Sổ tay về triển khai và CBTT ESG
- Khóa đào tạo Sử dụng các bộ Công cụ trực tuyến về Bình đẳng và Phát triển bao trùm
- Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết.



Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

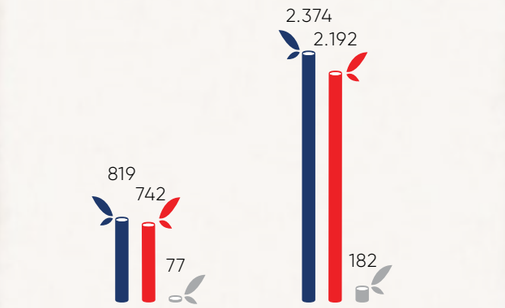
Trong năm 2024, HĐQT hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty; đặc biệt hướng tới phù hợp với thông lệ Quản trị quốc tế, hoàn thiện mô hình QTCT theo tiêu chuẩn ESG, E&S của IFC. Các Thành viên HĐQT hoạt động tích cực, mẫn cán; giải quyết công việc một cách trách nhiệm và chuyên nghiệp. Mỗi Thành viên đều phát huy tốt khả năng, đáp ứng được sự tin tưởng của các CĐ tin tưởng, giao phó. Kết quả hoạt động của HĐQT thể hiện qua các yếu tố:

- Tất cả Thành viên HĐQT tham gia hầu hết các cuộc họp HĐQT
- Đưa ra các quyết sách kịp thời trong công tác tìm kiếm, xúc tiến hoạt động M&A và triển khai các DA NLTT
- Phát hành thành công trái phiếu huy động vốn, tái cấu trúc gói trái phiếu TCBS
- Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phần cho CĐ sở hữu Cổ phần phổ thông và chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho CĐ sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi
- Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng/giao dịch với BLQ
- Tổ chức CBTT đầy đủ theo quy định
- Hoàn thành công việc theo phân công nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm vì sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với UBKT để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

Về công tác SXKD, kết thúc năm tài chính 2024, sau khi hoàn thành phát hành cổ phần để chi trả cổ tức cho CĐ hiện hữu năm 2023, VĐL Công ty đạt 4.225 tỷ đồng. Do công tác đàm phán giá điện cho các DA NM Điện Gió chuyển tiếp chưa hoàn tất nên Tổng Doanh thu hợp nhất năm 2024 chỉ đạt 2.374 tỷ đồng, cao hơn 4% so với cùng kỳ 2023. LNTT hợp nhất đạt 182 tỷ đồng.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

ĐVT: Tỷ đồng



Nguồn: GEC

Các NM Điện luôn được nỗ lực kiểm soát để đảm bảo công tác vận hành hiệu quả. Công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các NM Điện được thực hiện theo kế hoạch, góp phần đảm bảo vận hành liên tục thông suốt, thời gian khắc phục sự cố được rút ngắn để hạn chế tối đa thiệt hại do dừng máy. Chi phí quản lý vận hành, sửa chữa theo kế hoạch được kiểm soát và thực hiện ở mức tối ưu.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BĐH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2024, ngoài các phiên họp định kỳ, các nội dung được trao đổi theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các Thành viên HĐQT còn tham dự các phiên họp giao ban mở rộng với BĐH, thông qua các báo cáo, nhằm kịp thời hỗ trợ và đưa ra các chính sách, chủ trương đáp ứng cho công tác Quản trị, Điều hành của Công ty.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

- BĐH Công ty đứng đầu là TGĐ, 1 Phó TGĐ thường trực, 1 Phó TGĐ, GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng, GĐ Khối Vận hành, GĐ Khối Thủy điện, GĐ Khu vực Miền Tây và GĐ Khu vực Lào. Trong năm qua, HĐQT đã thông qua các NQ tái bổ nhiệm chức vụ TGĐ và Phó TGĐ. BĐH tổ chức điều hành hoạt động SXKD, các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên Năm Tài chính 2023 của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; thực hiện theo chủ trương, NQ được HĐQT thông qua.
- Các Thành viên BĐH đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo đúng chủ trương và quyền hạn được giao, đồng thời khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty. Các quyết định của BĐH được đưa ra một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và đúng thời điểm.
- BĐH duy trì lịch họp định kỳ hàng quý để báo cáo việc thực hiện kế hoạch và các chỉ đạo đã được đưa ra bởi HĐQT trong từng giai đoạn, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả; đồng thời, chủ động, kịp thời lấy ý kiến các Thành viên HĐQT đối với các nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đánh giá sự tuân thủ của BĐH trong hoạt động điều hành liên tục của Công ty dựa trên các báo cáo kiểm tra của UBKT. BĐH thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho UBKT tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Năm 2025 là năm cuối cùng trong chiến lược 2021-2025 và là nền tảng quan trọng cho chiến lược 2026-2030, GEC tập trung:

- Tối ưu hóa vận hành tại các NM hiện hữu, hoàn thiện công tác đàm phán giá điện, hoàn tất các thủ tục pháp lý và triển khai thi công DA Thủy điện Ea Tih, đồng thời, xúc tiến các thủ tục pháp lý cho các DA NM Điện Gió tại nhiều khu vực...
- Tiếp tục mở rộng danh mục DA NLTT, đa dạng loại hình năng lượng
- Tiếp tục tối ưu hóa nguồn vốn, tìm kiếm các đối tác hợp tác đầu tư, và khai thác tiềm năng từ các cơ chế tài chính xanh để đảm bảo nguồn lực phát triển các DA tiềm năng
- Tiếp tục cam kết cung cấp các giải pháp Năng lượng bền vững để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng phục vụ sản xuất và đời sống bằng cách tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường năng lực kỹ thuật
- Tập trung phát huy nguồn nhân lực trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, bất cập; Chú trọng nâng cao chuyên môn của CBNV, phát huy tinh thần trách nhiệm, nỗ lực hoàn thành các mục tiêu do ĐHĐCĐ giao phó
- Chủ động phát triển và cung cấp các dịch vụ thử nghiệm mới cho khách hàng, nghiên cứu đầu tư công nghệ, thiết bị mới để nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật.

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường định hướng và giám sát chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch được ĐHĐCĐ giao phó và cải thiện đãi ngộ của CBNV.

Hoạt động Quản trị Công ty Tại GEC

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

GEC tham chiếu Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất 2019 dành cho Công ty Đại chúng tại Việt Nam do UBCKNN và IFC phối hợp thực hiện và có những đánh giá thực tế công tác QTCT hiện tại đang được áp dụng tại GEC

Thực hiện tốt | Thực hiện khá | Thực hiện trung bình | Không xảy ra trường hợp này tại GEC

TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

NGUYÊN TẮC 1 - THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
1.1 **HĐQT xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình**	1 **HĐQT có Quy chế hoạt động riêng, xác định rõ vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của HĐQT, được công bố trên trang Web Công ty:** ❖ 6/5/2021, HĐQT đã ban hành NQ 12/2021/NQ-HĐQT, có quy định rõ nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT ❖ 8/3/2023, HĐQT tiếp tục ban hành mới NQ 3/2023/NQ-HĐQT, có quy định rõ nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT sau khi 2 Thành viên đại diện JERA tham gia HĐQT ❖ UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng tham mưu HĐQT về việc phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT mới, thiết lập KPI công việc, xác định vai trò và trách nhiệm của từng Thành viên HĐQT ❖ Vai trò và trách nhiệm của HĐQT còn được quy định trong các văn bản nội bộ như Quy chế tổ chức hoạt động UBKT 18/6/2021, Quy chế hoạt động của HĐQT 26/4/2022, Quy chế nội bộ QTCT 26/4/2022, Quy chế Tổ chức và Hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng 7/12/2022, Điều lệ Công ty 16/9/2024	
	2 **HĐQT định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động lớn, chính sách QLRR, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra mục tiêu hoạt động; theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động và giám sát các hoạt động đầu tư dự án, M&A, đầu tư tài chính... theo thẩm quyền của HĐQT:** ❖ BĐH thực hiện kế hoạch Ngân sách phiên bản đầu tiên tháng 10, đệ trình HĐQT chính thức vào kỳ họp HĐQT định kỳ Quý 4/2023 ngày 08/03/2024 và được HĐQT chấp thuận và trình ĐHĐCĐ phê duyệt vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2023 ngày 25/6/2024 ❖ HĐQT thành lập UB Đầu tư từ tháng 3/2023 nhằm hỗ trợ HĐQT trong công tác Quản trị các hoạt động đầu tư, phát triển, vận hành và thoái vốn của Công ty	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	3 **HĐQT theo dõi tính hiệu quả của Quản trị, chính sách và hoạt động E&S và việc tuân thủ luật pháp hiện hành:** ❖ HĐQT phân công Thành viên HĐQT không điều hành - Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn chịu trách nhiệm giám sát hoạt động và tuân thủ của Công ty về ESG Quốc tế và Tiêu chuẩn E&S IFC ❖ HĐQT thông qua UBKT thực hiện giám sát ESG và E&S, được báo cáo trong các Báo cáo tổng hợp của KTNB và UBKT ❖ Thông tin hoạt động ESG được công bố hàng năm trên BCTN, Báo cáo PTBV, bài thuyết trình tóm tắt và ngắn gọn về Công ty	
	4 **HĐQT thực hiện và thúc đẩy các chuẩn mực cao về đạo đức kinh doanh và giám sát việc thực hiện Bộ QCƯX mang lại văn hoá liêm chính cho Công ty:** ❖ Bộ QCƯX ban hành lần đầu 1/1/2015, chỉnh sửa 1 lần, ban hành sửa đổi mới nhất 20/5/2020 để sát với thực tế hoạt động ❖ Cùng với BĐH, UBKT, HĐQT đã nghiêm túc triển khai, thực hiện, giám sát đối với thực thi Bộ QCƯX theo quy định chi tiết trong Bộ QCƯX ❖ Chính sách giao dịch BLQ được ban hành làn đầu tháng 7/2018 và cập nhật điều chỉnh vào tháng 8/2019 và được áp dụng theo chuẩn mực BCTC Quốc tế IFRS và định nghĩa IAS24	
	5 **HĐQT đánh giá những rủi ro lớn Công ty đối diện và các bước BĐH thực hiện để theo dõi và kiểm soát những rủi ro đó:** ❖ Áp dụng "Mô hình 3 Tuyến" với 4 Cấp độ tham gia. HĐQT xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp với từng thời kỳ khác nhau ❖ Giám sát, đánh giá độc lập của KTNB và UBKT nhằm đánh giá hiệu quả QTRR và đưa ra các khuyến nghị cải thiện phù hợp với môi trường và sự biến động của rủi ro ❖ Năm 2024, GEC nhận diện 8 nhóm rủi ro sơ cấp có tác động chính yếu đến hoạt động của Công ty: Rủi ro Chiến lược, Rủi ro Thị trường, Rủi ro Tài chính, Rủi ro Truyền thông và BLQ, Rủi ro Vận hành và Kỹ thuật, Rủi ro Tuân thủ và Pháp lý, Rủi ro Môi trường Xã hội và An toàn Sức khỏe, Rủi ro Quản trị nội bộ. Tương ứng với các rủi ro sơ cấp, GEC cũng nhận diện ra 20 rủi ro thứ cấp đồng thời thực hiện phân tích tác động cũng như đưa ra các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa thích hợp. Chi tiết tại bài Quản trị rủi ro	
	6 **HĐQT giám sát để bảo đảm tính liêm chính của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính, bao gồm Kiểm toán độc lập và đảm bảo có các hệ thống kiểm soát phù hợp:** ❖ BCTC được xây dựng hàng Quý, soát xét giữa năm và kiểm toán cuối năm bởi Công ty Kiểm toán Big 4 - PwC ❖ HĐQT với UBKT trực thuộc đã xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo thông tin số liệu về tài chính minh bạch và chính xác trước khi CBTT	
	7 **Đối với CBQL then chốt, HĐQT tuyển lựa, đưa ra mức đãi ngộ và thay đổi, đồng thời giám sát kế hoạch kế nhiệm của các vị trí này:** ❖ Trong năm 2024, GEC đã tái bổ nhiệm các vị trí CBQL: • Tái bổ nhiệm chức vụ TGĐ đối với Bà Nguyễn Thái Hà - NQ HĐQT số 23/2024/NQ-HĐQT ngày 10/10/2024 • Tái bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ đối với Ông Nguyễn Phong Phú - NQ HĐQT số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 10/10/2024 • Tái bổ nhiệm Nhân sự Bà Trần Thiện Thanh Thùy (Chức danh: GĐ Khối Vận hành) - QĐ số 5/2024/QĐ-TGĐ ngày 10/1/2024 ❖ Tất cả các vị trí thuộc BĐH đều có KPI và được giám sát thực hiện với HĐQT hàng Quý thông qua UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	8 HĐQT gắn mức thù lao CBQL cấp cao và Thành viên HĐQT phù hợp với thị trường và vì lợi ích lâu dài của Công ty và CĐ: ❖ Tổng lương và thù lao của HĐQT 2024 là 2,99 tỷ đồng, Bình quân thu nhập năm 2024 là 427 triệu/người/năm, tương đương năm 2023 ❖ Tổng lương của BĐH 2024 là 9,2 tỷ đồng, Bình quân thu nhập năm 2024 là 1,85 tỷ đồng/người/năm, tương đương với năm 2023 ❖ Lương được chi trả theo đúng trách nhiệm của từng Thành viên và được rà soát hàng năm theo đúng Quy chế và Quy trình	
	9 HĐQT theo dõi và quản lý các xung đột lợi ích tiềm tàng của các Thành viên trong BĐH, HĐQT, UBKT và các CĐ, gồm giao dịch BLQ: ❖ Chính sách giao dịch BLQ ban hành tháng 8/2019 duyệt thuận bởi IFC và được áp dụng theo chuẩn mực BCTC Quốc tế IFRS và định nghĩa IAS24 ❖ Thành viên BĐH, UBKT, HĐQT và các CĐ Công ty tuân thủ đầy đủ về việc báo cáo các xung đột lợi ích tiềm năng ❖ Giao dịch BLQ được ghi nhận và báo cáo đầy đủ tại kỳ họp HĐQT Quý 4/2023 ngày 8/3/2024, đảm bảo tuân thủ theo Chính sách giao dịch BLQ và các quy định theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các chuẩn mực về QTCT ❖ Công ty thực hiện CBTT về giao dịch BLQ trong Báo cáo QTCT bán niên và thường niên trên trang Web Công ty, mục QTCT ❖ KTNB thực hiện việc giám sát các giao dịch với BLQ và báo cáo trực tiếp cho UBKT	
	10 HĐQT cần phải giám sát quá trình CBTT và truyền thông: ❖ HĐQT chú trọng công tác CBTT đầy đủ, minh bạch ❖ Bộ phận Quan hệ NĐT thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ truyền thông, cầu nối giữa GEC và CĐ/NĐT cũng như các BLQ ❖ GEC lần thứ 2 đạt giải thưởng "Top 3 Doanh nghiệp có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất - Mid cap" do Vietstock phối hợp với Hiệp hội VAFE và Tạp chí điện tử FiLi trao tặng	
1.2 **Thành viên HĐQT hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ, trách nhiệm ủy thác, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, trung thành, mẫn cán, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của CĐ và Công ty, đồng thời quan tâm đến các BLQ**	**1 Thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của Công ty và tất cả CĐ, tránh xung đột lợi ích:** ❖ Quyền và nhiệm vụ HĐQT được quy định rõ trong Quy chế hoạt động của HĐQT trong đó có những quyền trọng yếu để thể hiện trách nhiệm cao nhất của HĐQT: QĐ chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm; Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; Xây dựng và thực hiện cơ chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng... ❖ Tháng 9/2018, Công ty thành lập UBKT với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động được quy định cụ thể trong Điều lệ UBKT ban hành 08/3/2023. Năm 2024, UB này đã thực hiện 2 cuộc họp ❖ 13/9/2021, Công ty thành lập bổ sung UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động ngày 7/12/2022. Năm 2024, UB này đã thực hiện 2 cuộc họp và thông qua 6 vấn đề về Nhân sự ❖ GEC ban hành 27 NQ HĐQT trong năm 2024 nhằm thực hiện 9 NQ ĐHĐCĐ ❖ Trách nhiệm trung thành của Thành viên HĐQT chỉ liên quan đến Công ty và CĐ ❖ Thành viên HĐQT không tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào trong quá trình làm việc, không sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	2 Thành viên HĐQT áp dụng mức độ cẩn trọng tối đa trong khi thực hiện trách nhiệm theo chuẩn mực được kỳ vọng: ❖ UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng tham mưu HĐQT về việc phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT mới, thiết lập KPI công việc, xác định vai trò, trách nhiệm của từng Thành viên HĐQT và đánh giá hiệu quả sau 1 năm hoạt động ❖ Thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình theo đúng phân công công việc của từng Thành viên HĐQT trong 2024 ❖ Họp HĐQT 4 lần 1 năm để nắm bắt hoạt động và đưa ra những quyết sách phù hợp với chiến lược phát triển Công ty ❖ Triển khai 15 Thư lấy ý kiến các Thành viên HĐQT theo đúng thẩm quyền đối với các NQ HĐQT	
	3 Thành viên HĐQT hiểu biết đầy đủ vai trò và trách nhiệm trong HĐQT theo quy định của Luật và chính sách Công ty: ❖ HĐQT được yêu cầu nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm Quản trị, Kiểm soát theo KPI của từng Thành viên, phù hợp quy định của Luật pháp Việt Nam và bảng phân công nhiệm vụ của Thành viên HĐQT ❖ HĐQT chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những vấn đề ra quyết định không đúng với Pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế UBKT, Quy chế UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng và Bộ QCUX ❖ HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ cho Thành viên theo nhu cầu phát triển của Công ty và theo năng lực chuyên môn và sự đồng thuận của Thành viên HĐQT, CĐ và các BLQ	
	4 Thành viên HĐQT có nhiều kinh nghiệm & kiến thức phù hợp về QTCT và các yêu cầu về mặt đạo đức, bảo đảm Công ty liên tục hành động trên cơ sở tuân thủ các chính sách về Quản trị tốt và đạo đức ứng xử: ❖ Thành viên HĐQT có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm về QTCT, liên tục cập nhật và nâng cao năng lực QTCT nhằm đảm bảo yêu cầu và sự phát triển của Ngành và Công ty ❖ Bộ QCUX quy định rõ trách nhiệm của HĐQT trong việc làm gương thực hiện và liên tục giám sát tính hiệu quả của việc triển khai, giải quyết các vấn đề được trình báo lên HĐQT - thông qua số đường dây nóng của UBKT được cung cấp rõ ràng và chi tiết, góp phần vào việc thúc đẩy văn hóa QTCT ❖ HĐQT tham gia 10 buổi hội thảo và huấn luyện về QTCT cũng như chuyên môn trong 2024, tương đương với năm 2023	
	5 Thành viên HĐQT chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, thảo luận để có được thông tin liên quan đến các vấn đề được thảo luận. Thành viên HĐQT xem trước tất cả các tài liệu được cung cấp trước cuộc họp HĐQT cuộc họp HĐQT hiệu quả: ❖ Tài liệu họp HĐQT định kỳ hàng Quý và 4 lần trong năm 2024 vào tháng 3, 5, 9, 12 năm 2024 được gửi đến HĐQT trước 15 ngày họp ❖ 15 vấn đề lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, HĐQT có 15 ngày để ra quyết định từ từng Thành viên	
	6 Mỗi Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty trong năm 2024: ❖ Mặc dù một số Thành viên HĐQT không thường trực tại Việt Nam, nhưng tỷ lệ dự họp trực tiếp, trực tuyến và ủy quyền của các Thành viên đều đạt 100%	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	❖ Trong 2024, Công ty tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia hầu hết của các Thành viên HĐQT (Tỷ lệ tham dự của Thành viên HĐQT tại các cuộc họp như sau: Quý 4/2023: 5/7 , Quý 1/2024: 5/7, Quý 2/2024: 6/7, Quý 3/2024: 6/7), tỷ lệ thông qua các nội dung xin ý kiến tại cuộc họp đạt 100% ❖ Trong 15 lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, hầu hết các Thành viên đều có ý kiến đồng thuận	
	7 **Khi Thành viên HĐQT từ nhiệm hoặc không thể hoàn thành nhiệm vụ, HĐQT thực hiện ngay các bước cần thiết để bảo đảm có sự thay thế:** ❖ Trong 2024, HĐQT GEC không có sự thay đổi Thành viên HĐQT	
1.3 **Cùng BĐH, HĐQT thúc đẩy văn hóa QTCT tốt và liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hóa đó**	1 **HĐQT có vị trí trung tâm trong hệ thống QTCT và đóng vai trò giám sát quan trọng:** ❖ Được thực hiện thông qua Thành viên HĐQT Độc lập, UBKT trực thuộc HĐQT và KTNB trực thuộc UBKT ❖ Đây là những kênh trọng yếu hỗ trợ HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động Quản trị tại GEC từ Tài chính, Phi Tài chính đến E&S ❖ Dưới sự điều hành của HĐQT, UBKT luôn chủ động rà soát, cập nhật và cải thiện quy trình QTDN và QTRR đóng góp một phần vào những thành quả mà GEC đạt được thông qua phương pháp tiếp cận có hệ thống, có nguyên tắc nhằm rà soát, đánh giá và cải thiện tính hiệu quả của quy trình quản lý, hoạt động Kiểm toán và Kiểm soát. 2 **HĐQT bảo đảm việc ban hành Quy chế nội bộ về QTCT được xây dựng dựa trên các nguyên tắc về minh bạch, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình và công bằng, phù hợp với thông lệ tốt nhất và quy định hiện hành:** ❖ Quy chế nội bộ về QTCT không dừng ở mức tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ QTCT tốt nhất trong nước và quốc tế ❖ Ngoài việc tuân thủ Pháp luật Việt Nam, HĐQT còn đặt mục tiêu thúc đẩy văn hóa QTCT theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành như Bộ Nguyên tắc QTCT 2019, GRI 2021, OECD 2023, ASEAN SCORECARD 2024. ❖ Quy chế Nội bộ về QTCT được GEC ban hành lần đầu vào ngày 18/9/2018, hiệu chỉnh và sửa đổi 4 lần, cập nhật mới nhất vào ngày 26/4/2022, phù hợp với Pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành 3 **HĐQT chủ động đánh giá thường xuyên việc thực hiện QTCT để bảo đảm phân định rõ phạm vi trách nhiệm giải trình của các Cấp Quản lý:** ❖ HĐQT có nhiệm vụ nghiên cứu mô hình tổ chức Bộ máy Điều hành tinh gọn, bố trí Cán bộ Điều hành hợp lý, có theo dõi, chỉ đạo, giám sát khoa học, áp dụng quy định, quy chế và chế tài cụ thể để Quản trị và Giám sát ❖ Điều lệ Công ty: Ban hành và liên tục được cập nhật, sửa đổi 27 lần và cập nhật mới nhất 16/9/2024 ❖ CBTT trên trang Web: • Quy chế nội bộ về QTCT: Ban hành lần 1 ngày 18/9/2018, sửa đổi 4 lần và cập nhật mới nhất 26/4/2022 • Quy chế hoạt động HĐQT: Ban hành lần 1 ngày 23/7/2019, sửa đổi 4 lần và cập nhật mới nhất 26/4/2022 • Quy chế tổ chức hoạt động UBKT: Ban hành lần 1 ngày 18/6/2021, sửa đổi 2 lần và cập nhật mới nhất 08/3/2023 • Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng: Ban hành lần 1 ngày 7/12/2022	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
1.4 **HĐQT bảo đảm và thông qua chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho Thành viên HĐQT, TGĐ và Thành viên BĐH chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị CĐ**	1 **HĐQT có trách nhiệm thực hiện quá trình để bổ nhiệm các CBQL chủ chốt có năng lực, chuyên môn, trung thực và nhiệt tình, có thể gia tăng giá trị cho Công ty:** ❖ HĐQT có 7/7 Thành viên không điều hành, thực hiện nghĩa vụ Quản trị và Giám sát hoạt động của BĐH ❖ UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng được thành lập và phụ trách tuyển chọn, đánh giá các CBQL chủ chốt phù hợp với vị trí đặc thù sau đó tiến hành đề xuất lên BĐH, HĐQT nhằm đánh giá ứng viên trước khi tổ chức họp ra quyết định bổ nhiệm theo quy định về tổ chức bộ máy Công ty ❖ BĐH có 8 Thành viên: 1 TGĐ phụ trách điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty; 1 Phó TGĐ thường trực phụ trách điều hành Khối Điện Mặt trời và NLTT khác, Khối Kỹ thuật gồm Phòng O&M, Phòng Kỹ thuật và Phòng Thí nghiệm Dịch vụ và Lĩnh vực Kinh doanh; 1 Phó TGĐ phụ trách Khối Phát triển DA gồm Phòng Phát triển DA và Phòng EHSS; 1 GĐ Tài chính phụ trách Khối Tài chính gồm Phòng Kế toán và Phòng Tài chính Kế hoạch; 1 GĐ Vận hành phụ trách Khối Vận hành gồm Văn phòng Công ty, Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Thị trường vốn, Bộ phận Quan hệ NĐT, Phòng Nhân sự, Phòng EHSS, Phòng CNTT; 1 GĐ Khu vực Miền Tây phụ trách toàn bộ hoạt động thuộc Khu vực Miền Tây; 1 GĐ Khu vực Lào phụ trách toàn bộ hoạt động thuộc Khu vực Lào; 1 GĐ Khối Thủy điện phụ trách xây dựng và vận hành các NM Thủy điện 2 **Quy hoạch kế cận gắn liền với việc những vai trò và trách nhiệm được quy định bằng văn bản đối với từng vị trí, bằng cách xác định kiến thức, kỹ năng và năng lực chính cần phải có:** ❖ Các vị trí CBQL đều được thực hiện tuyển chọn kỹ lưỡng trong những nhân sự làm việc lâu năm tại Công ty và được thăng tiến sau khi được thử thách phù hợp với vị trí được chọn theo đúng tiêu chuẩn về Mô tả công việc và có KPIs để hoàn thành công việc ❖ Trình độ chuyên môn của các CBQL cấp cao với kinh nghiệm đa dạng Quản trị - Điều hành (100%), Năng lượng (100%), Tài chính (50%), Phát triển DA (75%), Bất động sản (38%), Nữ giới (38%) ❖ Toàn bộ BĐH tốt nghiệp Đại học trở lên, 63% Thành viên BĐH có trình độ Thạc sĩ và nắm vai trò Lãnh đạo từ 10-23 năm, đảm bảo năng lực Điều hành và Lãnh đạo Công ty ❖ Những hoạt động liên quan đến đào tạo được chú trọng và thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ CBNV và CBQL. Trong 2024, Công ty tổ chức 76 khóa học với sự tham gia của 2.349 lượt học viên, 1.326 giờ học để cập nhật các điểm mới của Pháp luật, chia sẻ nội bộ về kiến thức, kinh nghiệm, đào tạo kỹ năng mềm. Có 3 Nhóm Chương trình chính gồm Năng lực Chuyên môn, Năng lực Cốt lõi và Năng lực Quản lý Lãnh đạo 3 **Đối với mỗi ứng cử viên tiềm năng đã xác định, có kế hoạch phát triển chuyên môn để giúp cá nhân đó chuẩn bị tốt cho công việc:** ❖ Kế hoạch đào tạo Nhân sự kế thừa bao gồm 3 phần chính: Nền tảng Quản trị và Điều hành doanh nghiệp, Nâng cao kỹ năng quản lý, Phát triển năng lực cá nhân ❖ Bên cạnh việc được tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, Nhân sự kế thừa được tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý chuyên môn đối với lĩnh vực tham gia phụ trách: Đào tạo vận hành Điện Gió (15 khóa), Điện Mặt trời (4 khóa), Đào tạo vận hành Thủy điện (19 khóa).	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024

2.1 HĐQT sở hữu quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả

1 Sự đa dạng của HĐQT cho phép Công ty tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn. Cơ cấu của HĐQT cũng phải tính đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, hành vi, khía cạnh văn hóa, tuổi, giới tính, quy hoạch kế cận tương lai, sự liêm chính, kỹ năng, chuyên môn, bề dày kinh nghiệm, kiến thức về Ngành Năng lượng. HĐQT cũng đã bảo đảm BĐH ban hành và thúc đẩy các chính sách để tạo cơ hội công bằng cho phụ nữ được tiếp cận các vị trí Lãnh đạo trong Công ty:

- HĐQT GEC bao gồm 7/7 Thành viên không điều hành (100%) - duy trì mô hình hoạt động phù hợp thông lệ tốt kể từ 2017, 3/7 tương đương 43% Thành viên Độc lập - trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6-8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập) là 1/5 (20%), trên mức yêu cầu 33% của chuẩn mực QTCT IFC
- 2 Thành viên HĐQT từ nhóm CĐ lớn trong nước và 2 Thành viên từ CĐ lớn nước ngoài: Ông Toshihiro Oki và Ông Simon Mark Wilson là Thành viên không Điều hành, đại diện CĐ chiến lược nước ngoài JERA
- Cấu trúc Thành viên HĐQT đáp ứng kiến nghị về số lượng Thành viên HĐQT là số lẻ, 7 người
- Việc bổ nhiệm 2 Thành viên HĐQT là người nước ngoài - đại diện của Tập đoàn JERA Nhật Bản, trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Điều hành, Quản lý cấp cao tại các Công ty, Tập đoàn Năng lượng lớn trên thế giới, góp phần tăng tính đa dạng trong cơ cấu HĐQT, đem đến những góc nhìn đa diện, kinh nghiệm kỹ thuật từ việc quản lý vận hành các NM Điện hàng đầu, tận dụng được lợi thế của các Thành viên mới để ra quyết định chính xác và đáng tin cậy hơn
- HĐQT với trên 5 năm kinh nghiệm Quản trị Điều hành (100%); Thành viên Độc lập (43%); Nữ (29%); Nước ngoài (29%)
- Tất cả Thành viên HĐQT đều tốt nghiệp Cử nhân Đại học, 43% Thành viên HĐQT có bằng Thạc sĩ và nắm giữ vai trò Quản trị Điều hành từ 8-27 năm
- HĐQT với năng lực chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực Quản trị Điều hành (100%), Năng lượng (71%), Tài chính (57%), Phát triển DA (43%), Bất động sản (43%) đảm bảo sự đa dạng về kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của HĐQT
- Với 29% nữ, GEC đã đáp ứng kiến nghị tối thiểu 2 Thành viên nữ tham gia vào HĐQT theo các thông lệ QTCT tốt nhất để tối ưu hóa lợi ích của sự đa dạng về giới trong HĐQT. Với những thế mạnh của nữ và thành công được ghi nhận từ các vị trí Lãnh đạo, sự cân bằng tương đối về mặt giới tính đã hỗ trợ các hoạt động của HĐQT có tính cẩn trọng, chu đáo và hài hòa hơn

2 HĐQT, với sự hỗ trợ của UB QTCT Thù lao và Lương thưởng đã để cử nhân sự, lựa chọn và đề xuất ứng cử viên HĐQT để CĐ bầu chọn:

- GEC đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng 7/12/2022 để hướng dẫn tổ chức, hoạt động của UB
- UB đề cử nhân sự thuộc HĐQT giám sát việc xây dựng và thực hiện quy trình đề cử HĐQT chính thức

3 Tất cả các CĐ đều phải có cơ hội để cử ứng cử viên cho HĐQT:

- CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 1 ứng viên
- CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 2 ứng viên
- CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 3 ứng viên
- CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 4 ứng viên
- CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 5 ứng viên
- CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng viên
- Quy định này được nêu rõ trong Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT và những VBLQ này được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất tháng 4/2022

2.2 HĐQT cần tối thiểu 2/3 Thành viên không điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia hiệu quả và giúp HĐQT có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp

1 Cơ cấu hiện nay của GEC là phù hợp và vượt chuẩn mực QTCT theo thông lệ tốt:

- Thành viên điều hành 0% và không điều hành 100% - yêu cầu của QTCT tốt là tối thiểu 2/3 không điều hành (67%)
- Thành viên Độc lập 43% - vượt yêu cầu của QTCT tốt 33%, trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6-8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập)
- Bảo đảm để không có một hoặc một nhóm Thành viên nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của HĐQT và bảo đảm lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của các CĐ cá nhân

2 Công ty quy định rõ tiêu chuẩn phù hợp cần thiết đối với các Thành viên không điều hành để bảo đảm việc những Thành viên này có thể tham gia hiệu quả vào thảo luận của HĐQT đồng thời thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình:

- Tất cả những quy định này được quy định rõ trong Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế UBKT để đảm bảo tính minh bạch của hoạt động HĐQT
- 100% Thành viên HĐQT là Thành viên không điều hành

2.3 HĐQT bổ nhiệm Thư ký Công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT

1 Người phụ trách QTCT hiện đang là Chánh Văn phòng HĐQT được phân công nhiệm vụ tư vấn chuyên môn cho CĐ, HĐQT, BĐH và các BLQ về các khía cạnh QTCT có liên quan đến các quyết định chiến lược:

- Ông Phạm Thành Tuấn Anh đảm nhiệm vai trò Người phụ trách QTCT 6 năm dựa trên kiến thức Quản trị - Tài chính, cùng 9 năm kinh nghiệm công tác Văn phòng trong Lĩnh vực Năng lượng
- Ông có kiến thức về môi trường kinh doanh của Ngành cũng như luật pháp, quy tắc và quy định điều chỉnh hoạt động của Công ty
- Ông báo cáo trực tiếp cho GĐ Khối Vận hành để cùng phối hợp hiệu quả với Bộ phận Quan hệ NĐT đảm bảo hành động một cách độc lập với sự liêm chính cao nhất để bảo vệ lợi ích của Công ty, CĐ và các BLQ
- Ông phụ trách các công việc liên quan đến BĐH, HĐQT, ĐHĐCĐ, tư vấn cho HĐQT và các UB trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng

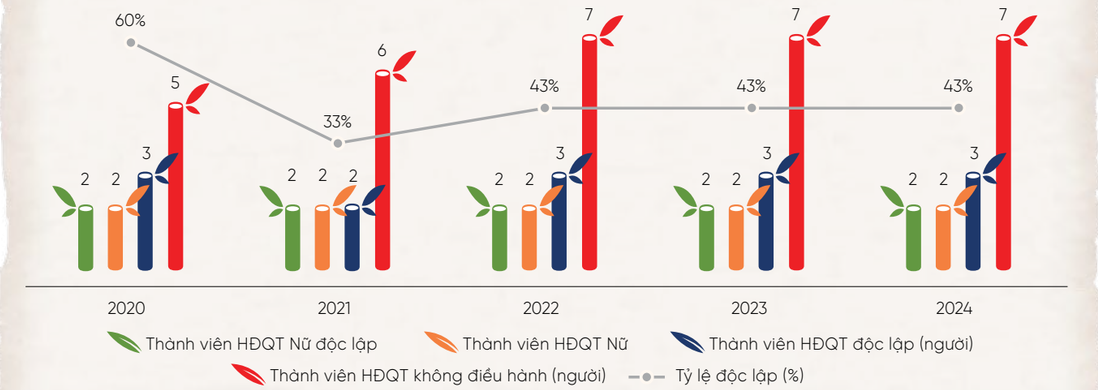
2 Bộ phận Quan hệ NĐT đóng vai trò cầu nối về thông tin, truyền thông, cố vấn và trọng tài giữa HĐQT và BĐH; đồng thời là cầu nối giữa Công ty với CĐ và các BLQ:

- Bộ phận này được thành lập cách đây 8 năm và do Nhân sự có chuyên môn Tài chính - Chứng khoán đảm nhiệm, phụ trách toàn bộ các công việc liên quan đến QTCT, Chứng khoán, CĐ, Cổ phần và NĐT
- Quản lý trực tiếp của Bộ phận là GĐ Vận hành để thực hiện báo cáo cho TGĐ
- Bộ phận Pháp chế cố vấn HĐQT về CBTT một cách đầy đủ, minh bạch, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán đối với Công ty niêm yết; đề xuất các phương án theo dõi, đánh giá, cải thiện chất lượng QTCT theo các nguyên tắc QTCT tốt nhất hiện hành, đáp ứng kỳ vọng của các BLQ, tham gia giải quyết các vấn đề về QTCT

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
2.4 **Công ty quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về QTCT chính sách phát triển liên tục đối với HĐQT, bao gồm chương trình định hướng cho Thành viên mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các Thành viên HĐQT**	1 **Tất cả các Thành viên mới được định hướng phù hợp khi gia nhập HĐQT để bảo đảm nắm bắt được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình đối với Công ty:** ❖ Người phụ trách QTCT và Văn phòng Công ty sẽ hỗ trợ Thành viên mới thực hiện vấn đề này từ khi mới gia nhập và trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Công ty 2 **Chương trình định hướng được HĐQT xây dựng với sự hỗ trợ của UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng cùng với Người phụ trách QTCT:** ❖ Các chủ đề quan trọng về QTCT được thực hiện như giới thiệu về Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế UBKT, Quy chế UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, Bộ QCƯX, bức tranh hoạt động của Công ty để hỗ trợ Thành viên mới trong việc thực hiện hiệu quả vai trò chức năng của mình 3 **Thành viên HĐQT có nguồn lực và mạng lưới cần thiết để nâng cao và duy trì kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nhằm thúc đẩy hiệu quả công việc của HĐQT và duy trì tiêu chuẩn của các Thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm:** ❖ Năm 2024, Thành viên HĐQT đã tham gia 10 hội thảo và khóa học đào tạo trực tuyến chuyên sâu về QTCT đối với Công ty đại chúng, các quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, tiếp cận với các xu hướng Quản trị hiện hành và các quy định mới của Nhà nước đối với Công ty niêm yết. Các chương trình đào tạo trong năm 2024 đem đến cho HĐQT các kỹ năng mới, tính chuyên nghiệp, nhận thức vấn đề của các BLQ, tiếp cận các chuẩn mực QTCT tốt ❖ 10 hội thảo và khóa học HĐQT đã tham gia năm 2024: • Vì một mùa Đại hội CĐ đổi mới và hiệu quả • Hội thảo Khởi động "Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2024" • Hội nghị tập huấn về Hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán • Những vấn đề trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và TTCK của Công ty đại chúng, Công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày BCTC của Công ty đại chúng, Công ty niêm yết • Tăng cường Năng lực QTCT cho các Doanh nghiệp Niêm yết • Chương trình CSI và một số vấn đề về QTDN bền vững • Đào tạo và thảo luận mở về QTCT • Sổ tay về triển khai và CBTT ESG • Khóa đào tạo Sử dụng các bộ Công cụ trực tuyến về Bình đẳng và Phát triển bao trùm • Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết 4 **Công ty công bố tại Mục QTCT trong BCTN về chính sách và thông lệ cho việc phát triển và đào tạo chuyên môn cho Thành viên HĐQT, cả trong quá trình định hướng và một cách thường xuyên:** ❖ BCTN GEC 7 năm liên tục đều có 1 Chương riêng mô tả toàn bộ hoạt động QTCT của GEC theo Luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế bao gồm số liệu các năm, so sánh thực hiện, so sánh với các tiêu chuẩn được yêu cầu để nhận biết khả năng thực hiện của GEC và những thay đổi phù hợp cũng như kế hoạch cải tiến cho năm sau	
3.1 **Sau khi được bầu chọn, tất cả Thành viên phải có trách nhiệm với Công ty, dù được bổ nhiệm bởi CĐ, nhóm CĐ, quản tài viên hay các BLQ**	1 **Thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ dựa trên kiến thức và năng lực chuyên môn, khách quan và không chịu tác động của bất kỳ mối quan hệ cá nhân hay chuyên môn nào. Thành viên HĐQT khi có xung đột về một vấn đề cụ thể thì không tham gia thảo luận và quyết định về vấn đề đó:** ❖ Tính độc lập và khách quan của HĐQT được quy định rõ trong Điều lệ Công ty Điều 24-28, Quy chế tổ chức HĐQT Điều 9, Quy chế Nội bộ về QTCT Điều 16-18 ❖ Năm 2024, 100% HĐQT là Thành viên không Điều hành và 43% là Thành viên Độc lập. Sau khi được bầu chọn, tất cả Thành viên đều có quyền và nghĩa vụ để đưa ý kiến đối với tất cả các đề xuất của BĐH qua các các Thư lấy ý kiến hoặc tại cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc bất thường nếu có trên nguyên tắc thượng tôn Pháp luật và các tiêu chuẩn đạo đức phù hợp ❖ Tất cả các chủ trương, NQ của HĐQT đã ban hành đều được lưu trữ thành bộ đầy đủ, bao gồm các Tài liệu họp HĐQT, Thư lấy ý kiến và Biên bản họp HĐQT ❖ Trường hợp Thành viên HĐQT có liên quan đến vấn đề được lấy ý kiến HĐQT không tiến hành cho ý kiến và tham gia biểu quyết cho ý kiến, quy định rõ trong Quy chế tổ chức HĐQT ❖ Quy định nhằm giảm thiểu xung đột lợi ích, giao dịch BLQ, đảm bảo sự độc lập của Thành viên HĐQT cũng được quy định rõ trong Quy chế HĐQT, Quy định về giao dịch BLQ 2 **Thành viên HĐQT không làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Công ty:** ❖ Thành viên HĐQT không tham gia cố vấn hay cung cấp dịch vụ tư vấn được trả phí cho Công ty, Công ty Con trực thuộc hay Công ty Liên kết, đảm bảo tính liêm chính và độc lập với vai trò điều hành của các Thành viên HĐQT	
3.2 **Để thúc đẩy nhận định độc lập của Thành viên và sự liêm chính của hệ thống Quản trị, Công ty cần 1/3 Thành viên độc lập**	1 **Thành viên độc lập bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của BĐH, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau:** ❖ Thành viên HĐQT thực hiện việc ra quyết định đối với các nội dung được quy định theo Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức HĐQT ❖ Thành viên Độc lập mỗi năm đều có báo cáo hoạt động trong BCTN. Nội dung chính bao gồm cơ cấu và hoạt động chính của Thành viên Độc lập; đánh giá công tác QTCT; đánh giá công tác giám sát của HĐQT với BĐH; đánh giá chung về hoạt động của HĐQT; định hướng hoạt động năm tiếp theo ❖ Thành viên Độc lập sẽ trình bày báo cáo hằng năm tại ĐHĐCĐ 2 **Về số lượng lý tưởng của Thành viên độc lập trong HĐQT là ở mức tối thiểu 1/3 tới đa số:** ❖ Số lượng Thành viên Độc lập tại GEC năm 2024 là 3 người - 43%, đảm bảo các quy định về QTCT của IFC (33%) ❖ 2/3 - 67% Thành viên Độc lập tại GEC là nữ và có kinh nghiệm trên 15 năm về Quản trị và Điều hành ❖ Các Thành viên này cũng đảm bảo không sở hữu gián tiếp và trực tiếp trên 1% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty ngoài những yêu cầu của Thành viên độc lập theo Luật Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
3.3 **Thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để đóng góp cho HĐQT**	1 **Thành viên HĐQT độc lập có hiểu biết chung tốt về Ngành Năng lượng, có đầy đủ các tiêu chuẩn và vị thế để tham gia hiệu quả và khách quan vào thảo luận của HĐQT:** ❖ Thành viên Độc lập là trung gian giữa Chủ tịch và các Thành viên HĐQT khác khi cần thiết và góp phần đánh giá hiệu quả công việc của Chủ tịch theo yêu cầu ❖ Bà Nguyễn Thùy Vân: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán Kiểm toán ❖ Ông Nguyễn Thế Vinh: Cử nhân Kinh tế, 26 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Bất động sản và Du lịch ❖ Bà Phạm Thị Khuê: Thạc sĩ Châu Á học, 19 năm Quản lý Vận hành lĩnh vực Truyền thông - Tiếp thị, Bất động sản, Thương mại - Dịch vụ, Xe hơi, Y tế 2 **Tối thiểu 1 Thành viên độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính để tham gia và lãnh đạo UBKT:** ❖ Bà Nguyễn Thùy Vân, Thành viên Độc lập, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán giữ chức Chủ tịch UBKT, báo cáo trực tiếp cho HĐQT	
3.4 **Thành viên độc lập tham gia HĐQT tối đa 9 năm liền**	1 **Việc tham gia là Thành viên độc lập trong thời gian dài có thể gây ảnh hưởng đến khả năng hành động độc lập và khách quan của Thành viên HĐQT đó:** ❖ Bà Nguyễn Thùy Vân, Thành viên HĐQT Độc lập tham gia HĐQT GEC từ tháng 9/2018 đến nay - 6 năm 4 tháng ❖ Bà Phạm Thị Khuê, Thành viên HĐQT Độc lập tham gia HĐQT GEC từ tháng 6/2020 đến nay - 4 năm 7 tháng ❖ Ông Nguyễn Thế Vinh, Thành viên HĐQT GEC từ tháng 4/2021 đến nay và trở thành Thành viên Độc lập từ tháng 3/2022 đến nay - 3 năm 9 tháng	
3.5 **HĐQT cần phải chỉ định 1 Thành viên đứng đầu trong số các Thành viên độc lập nếu Chủ tịch không phải là Thành viên độc lập**	1 **Chủ tịch và TGĐ tách bạch để bảo đảm có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập:** ❖ GEC chưa bao giờ có trường hợp kiêm nhiệm Chủ tịch và TGĐ từ ngày đầu thành lập năm 1989 cho đến nay ❖ Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch HĐQT là Thành viên không điều hành và tham gia vào GEC 26 năm bao gồm 12 năm làm GĐ Công ty khi chưa Cổ phần hóa và lần đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch mới nhất là từ 2018 đến nay. Ông là Kỹ sư Điện, Cử nhân Kinh tế; 32 năm Lãnh đạo cấp cao - Quản trị Điều hành thuộc lĩnh vực Năng lượng và tại GEC. Tuy nhiên, GEC chưa đáp ứng thông lệ tốt nhất khi Chủ tịch HĐQT được khuyến khích là Thành viên Độc lập ❖ Bà Nguyễn Thái Hà - TGĐ đảm nhiệm chức vụ này 6 năm liên tục từ 10/10/2018 đến nay. Bà là Thạc sĩ Kinh tế phát triển, 23 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành tại Tập đoàn TTC và Ngân hàng thương mại 2 **Theo thông lệ tốt nhất trong trường hợp Chủ tịch không phải là Thành viên độc lập thì HĐQT nên bao gồm đa số các Thành viên độc lập:** ❖ Tuy Chủ tịch không phải là Thành viên độc lập nhưng 100% các Thành viên HĐQT đều là không điều hành và 43% là Thành viên Độc lập. ❖ Cơ cấu này đảm bảo được tính khách quan, minh bạch khi đưa ra QĐ và không gây xung đột lợi ích.	

SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT THEO GIỚI TÍNH



Nguồn: GEC

NGUYÊN TẮC 4 - THÀNH LẬP CÁC UB THUỘC HĐQT

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
4.1 **HĐQT thành lập UBKT và bảo đảm UB có đủ nguồn lực và thẩm quyền. UBKT bảo đảm các KSNB phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan**	1 **UBKT bao gồm các Thành viên không Điều hành, Chủ tịch UBKT là Thành viên Độc lập:** ❖ UBKT GEC bao gồm 3 Thành viên HĐQT - 100% là Thành viên không điều hành - đáp ứng chuẩn mực, 33% là Thành viên độc lập - chưa đáp ứng chuẩn mực yêu cầu đa số là Thành viên độc lập ❖ Bà Nguyễn Thuỳ Vân, Chủ tịch UBKT là Thành viên Độc lập - đáp ứng chuẩn mực 2 **UBKT trực thuộc HĐQT thực hiện chức năng giám sát và đánh giá độc lập đối với các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ luật pháp, các quy định của Công ty:** ❖ UBKT được thành lập từ tháng 9/2018 với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động được quy định cụ thể trong Điều lệ UBKT ban hành 8/3/2023 và được đăng trên trang Web Công ty ❖ Từ 2018, BCTN có riêng Báo cáo về hoạt động của UBKT trong năm liên quan đến các vấn đề cơ chế hoạt động của UBKT, hoạt động trọng yếu của UBKT trong năm và kế hoạch trọng tâm của UBKT trong năm tiếp theo ❖ Tại ĐHĐCĐ thường niên Năm tài chính 2018 đến nay, UBKT có báo cáo riêng trình bày hoạt động giám sát cũng như định hướng hoạt động năm tiếp theo đến toàn bộ CĐ của Công ty 3 **Thành viên trong UB đều có kiến thức về KTNB, kế toán theo chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, BCTC và kiểm soát. Chủ tịch của UBKT có chuyên môn về tài chính:** ❖ Bà Nguyễn Thùy Vân là Chủ tịch UBKT có chuyên môn về Tài chính và Kế toán - Kiểm toán, KTNB với trên 20 năm kinh nghiệm ❖ Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn là Cử nhân Quản trị Du lịch, 9 năm kinh nghiệm Quản lý, Điều hành trong lĩnh vực Du lịch và Năng lượng ❖ Ông Simon Mark Wilson là Cử nhân Kinh tế và Cử nhân Luật, hơn 26 năm kinh nghiệm Quản trị, Điều hành trong lĩnh vực Tài chính và NLTT tại các Tập đoàn lớn trên thế giới	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
4.2 **HĐQT thành lập UB QLRR có năng lực để bảo đảm rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của Công ty được quản lý phù hợp**	1 **Đối với quy mô của GEC cũng như hoạt động đặc thù của Ngành Năng lượng, Công ty chưa cần thiết thành lập riêng UB QLRR. Hiện nay, UBKT kết hợp trách nhiệm giám sát kiểm toán và QLRR:** ❖ GEC áp dụng "Mô hình 3 Tuyến" và ISO 31000:2018: Nguyên tắc, hướng dẫn QTRR trong hoạt động QTRR tại Công ty ❖ HĐQT - Xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp; BĐH và QTRR - Xây dựng môi trường Kiểm soát, cấu trúc QTRR và phối hợp các BLQ; Quản lý nghiệp vụ và Nhân viên - Thực thi, hành động theo chuẩn mực, giám sát sự thay đổi của danh mục rủi ro đặc thù và phối hợp trong hoạt động QTRR ❖ KTNB thực hiện các công việc trọng yếu: Kiểm tra, giám sát độc lập đối với BĐH và QTRR; Thực hiện hoạt động KTNB, báo cáo trực tiếp cho UBKT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro; Cung cấp sự đảm bảo và khuyến nghị một cách khách quan đối với tất cả vấn đề liên quan đến việc đạt được mục tiêu của Công ty	
4.3 **HĐQT thành lập UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung QTCT và bảo đảm chính sách và hoạt động bổ nhiệm và lương thưởng của Công ty hỗ trợ việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các Thành viên HĐQT và BĐH tiềm năng**	1 **GEC thành lập UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng vào tháng 9/2021 bao gồm 100% Thành viên HĐQT không điều hành có năng lực chuyên môn - đáp ứng chuẩn mực, 33% là Thành viên Độc lập - chưa đáp ứng chuẩn đa số Thành viên độc lập, Chủ tịch UB là Thành viên không điều hành - chưa đáp ứng chuẩn là Thành viên Độc lập:** ❖ 3 Thành viên gồm Chủ tịch Ông Tân Xuân Hiến - Thành viên không điều hành, Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên Độc lập và Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên không điều hành ❖ Trong 2024, UB đã tiến hành họp, trao đổi các nội dung liên quan việc giám sát, rà soát thù lao của HĐQT và các UB; giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty với tỷ lệ tham dự 100% 2 **7/12/2022, HĐQT đã ban hành Quy chế hoạt động của UB với 8 nhiệm vụ chính:** ❖ Xây dựng, kiến nghị và đánh giá hàng năm chính sách QTCT và giám sát các vấn đề QTCT ❖ Xác định các ứng cử viên có đủ năng lực trở thành Thành viên HĐQT ❖ Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các UB liên quan ❖ Điều phối việc đánh giá hàng năm đối với HĐQT, Thành viên HĐQT và các UB ❖ Bảo đảm việc tuân thủ chính sách QTCT và Bộ QCUX ❖ Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng của Thành viên HĐQT, TGĐ, BĐH, Người phụ trách QTCT và Thành viên khác thuộc BĐH khi được trình lên HĐQT xem xét ❖ Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty ❖ Báo cáo về chính sách và hoạt động lương thưởng trong năm của Công ty trong BCTN	

NGUYÊN TẮC 5 - BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
5.1 **HĐQT thực hiện tự đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng Thành viên và các UB. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài**	1 **Đánh giá HĐQT giúp các Thành viên rà soát lại kỹ lưỡng kết quả công việc và hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của mình, đây là cách để từng Thành viên thực hiện trách nhiệm một cách hiệu quả. Ngoài ra, hoạt động này sẽ cung cấp phương tiện để đánh giá sự tham gia của Thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT và UB, sự tham gia vào thảo luận của HĐQT và cách thức biểu quyết những vấn đề trọng yếu:** ❖ HĐQT hàng năm đều đánh giá từng Thành viên vào cuối năm và có báo cáo cụ thể trong tài liệu của kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên cũng như trong BCTN - chuyên mục QTCT ❖ UBKT cũng sẽ báo cáo cụ thể công việc từng Thành viên trong tài liệu ĐHĐCĐ thường niên và BCTN ❖ UB QTCT, Thù lao và Lương thưởng có báo cáo công việc từng Thành viên được tích hợp trong Báo cáo HĐQT tại ĐHĐCĐ và BCTN	
5.2 **HĐQT thiết lập hệ thống để quy định ở mức tối thiểu, các tiêu chí, quy trình để xác định hiệu quả công việc của từng Thành viên và UB. Hệ thống này cho phép cơ chế phản hồi từ CĐ**	1 **Công bố các tiêu chí, quy trình và kết quả đánh giá chung sẽ bảo đảm sự minh bạch và cho phép CĐ và các BLQ đánh giá tính hiệu quả của Thành viên HĐQT:** ❖ Hiện nay các VBLQ tại GEC để thực hiện việc này gồm có Điều lệ Điều 33-37, Quy chế nội bộ về QTCT Điều 31, 32, 38, Quy chế hoạt động HĐQT Điều 33-40, Quy chế tổ chức hoạt động UBKT Điều 7-12, Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng Điều 5, 11, 12. 2 **UB QTCT, Thù lao và Lương thưởng giám sát quy trình đánh giá này:** ❖ UB hiện đang hoạt động dựa theo Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng ❖ Trong 2024, UB đã tổ chức 2 cuộc họp định kỳ 6 tháng một lần vào ngày 15/7 và 6/12 với tỷ lệ các Thành viên tham dự họp đạt 100%. Nội dung họp gồm: Bảo đảm việc tuân thủ chính sách QTCT, QCUX; Rà soát, đánh giá năng lực của các Thành viên HĐQT nhằm đảm bảo đủ điều kiện để tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ trong HĐQT, BĐH; Triển khai và tổng hợp các ý kiến tham mưu từ các Phòng Ban/Công ty thành viên trong việc Xây dựng Kế hoạch hành động, Kế hoạch ngân sách về nguồn nhân lực cho năm sau; Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty. Chế độ lương thưởng phù hợp với công việc, loại hình kinh doanh, khu vực làm việc, hiệu quả công việc và tuân thủ đầy đủ pháp luật và các quy định về chính sách lương thưởng	
5.3 **Khi đề xuất mức thù lao chi trả cho Thành viên lên ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT cân nhắc cơ cấu thù lao có phù hợp với vai trò và trách nhiệm tương ứng từng Thành viên, có gắn kết quả hoạt động của cá nhân và Công ty, tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty và cá nhân hiệu quả trong ngắn và dài hạn**	1 **UB QTCT, Lương thưởng và Thù lao chịu trách nhiệm thiết lập chính sách lương thưởng:** ❖ Lương thưởng của HĐQT phải phù hợp với chiến lược và mục tiêu dài hạn của Công ty và phản ánh kinh nghiệm, nghĩa vụ, phạm vi công việc, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm thực thi, đóng góp của mỗi Thành viên HĐQT 2 **CĐ phê duyệt cơ cấu thù lao HĐQT, bao gồm mức và loại thù lao tại ĐHĐCĐ thường niên:** ❖ Trước khi trình ĐHĐCĐ, UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng đánh giá thận trọng dựa trên kinh nghiệm, vai trò trách nhiệm, phạm vi công việc và đóng góp của từng Thành viên HĐQT vào sự phát triển của Công ty; cân nhắc sự phù hợp của mỗi loại thù lao, cả về tỷ lệ cố định - thù lao hàng tháng; phụ cấp và thù lao trả theo kết quả hoạt động của Công ty - tiền thưởng, phúc lợi ❖ Mức thù lao hiện nay của GEC là hợp lý với trung bình 50 triệu/người/tháng cho Chủ tịch và 30 triệu/người/tháng cho Thành viên HĐQT, chưa bao gồm tháng 13 (tương đương với mức thù lao năm 2023) ❖ Mức thù lao không quá cao để đảm bảo HĐQT tập trung vào kết quả của Công ty trong dài hạn thay vì ngắn hạn.	

THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BĐH TRONG 2024 DỰA TRÊN ĐÁNH GIÁ KPI CỦA MỖI THÀNH VIÊN

QUẢN TRỊ

Thành quả HĐQT

- Tất cả Thành viên tham gia hoặc ủy quyền tham gia 100% các cuộc họp HĐQT trong quá trình giữ chức vụ; giám sát, đảm bảo tính trách nhiệm và hoàn thành công việc của từng Thành viên
- Kiện toàn bộ máy Quản trị theo thông lệ tốt trên thị trường: Điều lệ, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế Tổ chức và Hoạt động Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng
- Trao đổi với CĐ chiến lược nước ngoài để xúc tiến thành lập UB Đầu tư trực thuộc HĐQT để tham mưu HĐQT các hoạt động liên quan đến đầu tư hoặc M&A DA mới, đảm bảo yêu cầu của CĐ lớn nước ngoài JERA
- Rà soát định kỳ hàng năm và lên kế hoạch cải tiến các Nguyên tắc QTCT theo chuẩn mực
- Thực hiện nghiêm túc các quy tắc Quản trị theo Điều lệ, Quy chế, Chính sách Giao dịch BLQ, CBTT, Luật pháp Việt Nam
- Tiếp tục cải thiện về thực hành các nguyên tắc đã triển khai theo khuyến nghị quốc tế trong Bộ Nguyên tắc QTCT thông lệ tốt như Thiết lập các UB trực thuộc HĐQT, Thiết lập HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp...
- Thành viên HĐQT tham gia 10 Hội thảo trực tuyến và trực tiếp về QTCT

Thành quả BĐH

- Nỗ lực thực hiện theo đúng kế hoạch và định hướng của HĐQT trong công tác điều hành hoạt động liên tục của Công ty
- Tham gia cuộc họp HĐQT định kỳ hàng Quý để báo cáo và giải trình các công việc Điều hành Công ty
- BĐH xây dựng và trình HĐQT về các quyết sách theo thẩm quyền, các vấn đề trọng yếu sẽ được thảo luận ở HĐQT và đưa ra các quyết sách phù hợp với chiến lược của Công ty theo từng thời kỳ
- BĐH thực hiện nghiêm túc các quy định ESG đối với tất cả các hoạt động hàng ngày, đặc biệt là đảm bảo đáp ứng chuẩn mực môi trường, sức khỏe và an toàn theo tiêu chuẩn IFC cho toàn bộ DA, NM NLTT tại GEC
- Thực hiện nghiêm túc các NQ của HĐQT đề ra, phân bổ các mục tiêu, lên kế hoạch hành động
- Báo cáo QTCT, BCTN và công tác CBTT được thực hiện đầy đủ, minh bạch, đúng thời gian theo chuẩn mực thông lệ tốt

TÀI CHÍNH

Thành quả HĐQT

- Tạo điều kiện, chủ động hỗ trợ ngay khi cần sự phối hợp để BĐH thực hiện tốt công tác đầu tư, tìm kiếm DA tiềm năng
- Định hướng chiến lược huy động nguồn vốn từ thị trường nợ và thị trường vốn theo đúng định hướng của HĐQT đặc biệt là các nguồn vốn xanh
- Đưa ra những quyết sách hợp lý và kịp thời khi nhận được đệ trình của BĐH trong việc phê duyệt chủ trương thực hiện DA, chủ trương vay vốn, bảo lãnh cho Công ty Con thực hiện DA
- Đảm bảo tính thanh khoản cho các CTTV thuộc GEC

Thành quả BĐH

- Ký kết các hợp đồng tài trợ ngắn hạn với các tổ chức tín dụng đảm bảo nguồn Vốn lưu động cho Công ty
- Phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2024 - 300 tỷ theo NQ HĐQT số 16/2024/NQ-HDQT ngày 30/5/2024. Trong đó, đợt 1 - 100 tỷ tháng 6/2024, đợt 2 - 200 tỷ tháng 8/2024
- Phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2024 - 200 tỷ trong tháng 6/2024 theo NQ HĐQT số 17/2024/NQ-HDQT ngày 12/6/2024
- Hoàn tất chia cổ tức năm 2023 tỷ lệ 5% cho CĐ hiện hữu bằng cổ phiếu
- Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2024 cho CĐ sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi tỷ lệ 6,24%

DA

Thành quả HĐQT

- Tiếp tục định hướng Công ty đầu tư vào các loại hình NLTT có tiềm năng trong tương lai như Điện Rác, Hydrogen và các DA hợp tác quốc tế nhằm mở rộng danh mục đầu tư và gia tăng năng lực phát điện NLTT
- 1 Thành viên HĐQT được phân công phụ trách về ESG để đảm bảo giám sát BĐH thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn E&S đối với các DA đưa vào danh mục triển khai của Công ty. Theo đó không xuất hiện bất cứ khiếu nại nào từ Cộng đồng trong năm 2024 cũng như 5 năm trở lại đây

Thành quả BĐH

- Tích cực thực hiện tìm kiếm và phát triển mới các DA NLTT Hydrogen, Điện Rác, Điện Gió ngoài khơi
- Tập trung hoạt động M&A khoanh vùng các DA Thủy điện và nâng công suất các NM Thủy điện hiện hữu để phù hợp với tình hình tài chính, đảm bảo mục tiêu phát triển công suất, tạo ra dòng tiền đều và ổn định trong dài hạn
- Đánh giá tác động E&S đầy đủ với các DA đang thực hiện theo quy định ESG theo tiêu chuẩn IFC và quy định Pháp luật

NHÂN SỰ

Thành quả HĐQT

- Đề xuất, lựa chọn và bổ nhiệm các vị trí quan trọng trong HĐQT và BĐH, đảm bảo hoạt động liên tục cho Công ty. Trong năm 2024 , đã thực hiện Tái bổ nhiệm Chức danh TGĐ - Bà Nguyễn Thái Hà, Phó TGĐ - Ông Nguyễn Phong Phú theo đề cử của UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng
- Đảm bảo sự đa dạng trong cơ cấu Thành viên HĐQT và BĐH ở nhiều khía cạnh khác nhau, tận dụng thế mạnh của từng Thành viên, duy trì hiệu quả hoạt động của Công ty - vượt những tiêu chuẩn của Việt Nam, đáp ứng thông lệ tốt
- Định hướng, giám sát thực thi các cơ chế Lương, Thưởng, Thù lao, Chế độ phúc lợi để gìn giữ nguồn nhân sự cấp cao có chất lượng và kinh nghiệm trên thị trường Năng lượng và Tài chính

Thành quả BĐH

- Tái bổ nhiệm GĐ Vận hành - Bà Trần Thiện Thanh Thùy theo đề cử của UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng
- Tổ chức 76 khóa học với sự tham gia của 2.349 lượt học viên, 1.326 giờ học bao gồm các khóa học về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo theo luật định, đào tạo cho CBQL và nhân sự kế thừa
- Đảm bảo chế độ lương thưởng phù hợp với công việc, loại hình kinh doanh, khu vực làm việc và tuân thủ đầy đủ Pháp luật và các quy định của Nhà nước về chính sách lương thưởng đối với đội ngũ CBNV.

NGUYÊN TẮC 6 - THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
6.1 **HĐQT đảm bảo việc áp dụng Bộ Đạo đức kinh doanh để thiết lập một văn hóa kinh doanh với chuẩn mực cao. Bộ Quy tắc sẽ cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy tắc được phổ biến cho HĐQT, BĐH và CBNV, công bố trên trang Web Công ty**	1 **Bộ QCƯX quy định chính thức các giá trị văn hoá, là một công cụ quan trọng để văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh được triển khai áp dụng trên toàn GEC:** - Bộ QCƯX được ban hành lần đầu ngày 22/1/2019 và được sửa đổi, cập nhật 1 lần vào ngày 20/5/2020 - HĐQT và UBKT thực hiện xây dựng, cải thiện và giám sát thực hiện Bộ QCƯX - Trước khi được đưa vào thực hiện, HĐQT đã chỉ đạo định hướng về việc đào tạo phù hợp cho HĐQT, BĐH và CBNV - Trong quá trình áp dụng, GEC đã không ngừng tìm hiểu và thay đổi các quy định nhằm phù hợp với tình hình thực tế và học hỏi cả những thông lệ quốc tế - Bộ QCƯX có 3 nội dung chính về Cam kết: Của Công ty, Đạo đức nghề nghiệp của CBNV, Quy tắc giao tiếp ứng xử của CBNV; 4 Nguyên tắc trong Tuyên bố về Quyền Lao động Cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO - Nội dung chính được công bố trên trang Web Công ty, đảm bảo sự tiếp cận thông tin và minh bạch	
6.2 **HĐQT đảm bảo triển khai phù hợp, hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh và các chính sách nội bộ**	1 **HĐQT và UBKT bảo đảm các chốt KSNB được thiết lập để bảo đảm việc Công ty tuân thủ Bộ Quy tắc và các chính sách và quy trình nội bộ:** - Xây dựng các kênh truyền thông hiệu quả trong nội bộ Công ty, các Phòng Ban chức năng, CBNV và BĐH cũng như với các BLQ - Hỗ trợ và khuyến khích BLQ lên tiếng về những lo ngại về hành vi phi đạo đức, vi phạm luật pháp tới kênh truyền thông phù hợp của HĐQT, không lo ngại bị trả thù - 1 năm 2 lần vào tháng 7 và tháng 12, việc đào tạo sẽ được thực hiện cho toàn bộ CBNV, cùng với định kỳ hàng tháng nhắc nhở, hướng dẫn bởi Ban 5S - Trong 5 năm, không có trường hợp nào vi phạm Bộ QCƯX	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	❖ Mỗi nhân sự mới sau khi được tuyển dụng sẽ được tham gia các khóa đào tạo hội nhập trong tháng đầu tiên làm việc để được phổ biến văn hóa ứng xử của Công ty ❖ Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về ngành cũng như lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cho toàn thể CBNV nhằm nâng cao nhận thức, đào tạo liên tục kiến thức ngành, hình thành nét văn hóa của Công ty ❖ Khi phát hiện sai phạm, CBNV có nghĩa vụ báo cáo lên CBQL trực tiếp hoặc UBKT hoặc Phòng Nhân sự. Quy trình xử lý vi phạm theo nội dung tương ứng sẽ được thực hiện nhằm xử lý và đưa ra những biện pháp cải thiện, ngăn ngừa sai phạm tiếp tục xảy ra	
6.3 **HĐQT là đầu mối chịu trách nhiệm tập thể về Quản trị, thành công trong dài hạn, mang lại giá trị bền vững cho các BLQ. HĐQT là tấm gương cho BĐH và CBNV**	1 **HĐQT và BĐH hành động một cách đạo đức, trung thực và liêm chính trong mọi quan hệ đã được quy định trong Bộ QCƯX và các VBLQ có liên quan:** ❖ HĐQT và BĐH của Công ty bảo đảm để mọi thảo luận, quyết định và hành động đều dựa trên các giá trị nòng cốt là nền tảng của Quản trị tốt - trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, công bằng và minh bạch ❖ HĐQT và BĐH tuân thủ Chính sách Giao dịch các BLQ, tránh xung đột lợi ích, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong trường hợp phát sinh giao dịch ❖ Trong 2024, không ghi nhận trường hợp vi phạm nào. CBNV, BĐH và HĐQT tuân thủ đầy đủ chính sách Công ty một cách có đạo đức, trung thực và liêm chính 2 **HĐQT và BĐH bảo đảm Công ty tuân thủ mọi luật pháp, quy định, chuẩn mực và chính sách nội bộ hiện hành:** ❖ Trong 2024, không có bất kỳ hành vi vi phạm Bộ QCƯX cũng như vi phạm pháp luật của bất kỳ CBNV nào trong Công ty ❖ UBKT trực thuộc HĐQT thực hiện hoạt động giám sát và báo cáo theo định kỳ cũng như bất thường nếu có.	

NGUYÊN TẮC 7 - THIẾT LẬP KHUNG QLRR VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
7.1 **HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống KSNB**	1 **HĐQT có trách nhiệm tối hậu trong giám sát khung KSNB và QLRR của Công ty thông qua phân nhiệm rõ ràng cho UBKT:** ❖ Môi trường kiểm soát: Công tác báo cáo, tham vấn và giám sát được duy trì xuyên suốt giữa Trưởng Đơn vị - BĐH - HĐQT. Các hoạt động đảm bảo được thực hiện một cách liên tục nhằm đảm bảo sự hiệu quả của QTRR và đưa ra những điều chỉnh phù hợp trước sự biến động của rủi ro ❖ Đánh giá rủi ro: BĐH ý thức cao về việc QTRR, tối ưu các cơ hội để đề ra các quyết sách phát triển Công ty một cách bền vững. Việc nhận diện, phân tích, đánh giá rủi ro tác động đến các mục tiêu hoạt động của Công ty để có các phương án ứng phó phù hợp thể hiện thông qua công tác tổ chức thực hiện kế hoạch mục tiêu cũng như các hoạt động điều hành, kiểm soát trước biến động của rủi ro ❖ Hoạt động kiểm soát: Kiểm soát được thực hiện ở tất cả các cấp độ trong Công ty và trong tất cả các giai đoạn. Hoạt động kiểm soát được thiết lập thông qua các chính sách, quy trình, quy định, phân quyền, ủy quyền, cơ chế kiểm tra, kiểm soát, phê duyệt để đảm bảo giảm thiểu rủi ro ❖ Thông tin và truyền thông: Các hoạt động tham vấn và hỗ trợ về chuyên môn cũng như báo cáo, thông tin giữa các cấp được đảm bảo nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời và đầy đủ về biến động của môi trường rủi ro. Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về rủi ro cũng được chú trọng nhằm nâng cao năng lực và nhận thức về rủi ro của đội ngũ nhân sự Công ty và các BLQ	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	❖ Hoạt động giám sát: Các cuộc đánh giá thường xuyên, định kỳ ở tất cả các cấp độ HĐQT, BĐH, Phòng Ban chuyên môn như hoạt động giám sát của Phòng KTNB; Phòng Kỹ thuật đối với Thủy điện, Phòng O&M đối với Điện Mặt trời, Điện Gió; Phòng EHSS đối với lĩnh vực an toàn, sức khỏe, môi trường, xã hội... và cả hoạt động giám sát định kỳ của các BLQ ❖ Hoạt động phối hợp và điều phối của QTRR đóng vai trò xây dựng và tích hợp hoạt động QTRR, điều phối các BLQ trong hoạt động tổng hợp của Công ty liên quan đến QTRR, giám sát hiệu quả và định kỳ báo cáo lên BĐH, UBKT và HĐQT về hoạt động và hiệu quả của QTRR ❖ Báo cáo về QTRR: Định kỳ hàng năm, HĐQT và UBKT nhận báo cáo về hiệu quả QTRR từ BĐH và KTNB, đồng thời đánh giá lại Danh mục rủi ro, Khẩu vị rủi ro, Khung QTRR và các quyết sách liên quan đến QTRR ❖ Quy trình QTRR tại GEC được xây dựng theo Nguyên tắc và Hướng dẫn ISO 31000:2018 bao gồm các bước: (i) Thiết lập bối cảnh, (ii) Xác định và Phân tích các yếu tố của rủi ro, (iii) Đánh giá rủi ro, (iv) Ứng phó và xử lý rủi ro 2 **HĐQT phê duyệt các kế hoạch chiến lược và theo dõi giám sát việc BĐH thực hiện các chiến lược một cách hiệu quả:** ❖ Với hỗ trợ của UBKT, HĐQT rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống KSNB của Công ty và thực hiện báo cáo trong cuộc họp định kỳ UBKT 2 lần trong năm 2024 ❖ BĐH có các cơ chế và thiết lập được các chốt kiểm soát để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. KTNB dưới sự chỉ đạo của UBKT dự báo được các rủi ro tiềm tàng ❖ UBKT tổ chức họp trực tiếp với BĐH để tìm hiểu các vấn đề về KSNB ❖ Thông qua Bộ QCUX, HĐQT và UBKT xây dựng cơ chế báo cáo sai phạm để cho phép CBNV và các BLQ báo cáo sớm các sai phạm để nhận biết và xử lý kịp thời. Nhân viên phải được bảo vệ để không bị trả thù và không phải đối mặt với rủi ro mất việc hoặc bất kỳ hình thức trừng phạt nào do báo cáo sai phạm ❖ Hệ thống KSNB của GEC được thiết kế theo tiêu chuẩn COSO 2013 - Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission - 1 trong các chuẩn mực của thế giới trong lĩnh vực KSNB được IFC khuyến nghị sử dụng	
7.2 **HĐQT cần phải thành lập chức năng KTNB để có đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động Công ty**	1 **Phòng KTNB độc lập đứng đầu là Trưởng KTNB, báo cáo trực tiếp cho UBKT, đảm bảo cho HĐQT về hiệu quả và hiệu lực của các hệ thống KSNB, khung QLRR và QTCT:** ❖ HĐQT phê duyệt chủ trương thành lập Phòng KTNB tháng 9/2018, hoạt động liên tục 6 năm cho đến nay ❖ Trưởng KTNB là Quản lý Cấp trung và không thuộc BĐH ❖ Việc bổ nhiệm Trưởng KTNB - Ông Lê Thái Bình là do UBKT đề xuất và được HĐQT phê duyệt. Ông được bổ nhiệm lần đầu vào 26/2/2022. Từ 2018, KTNB ghi nhận 2 lần thay đổi Trưởng KTNB, nhân sự thay thế được lựa chọn và đề cử bởi UBKT ❖ Quyền hạn, nhiệm vụ, mục tiêu, phạm vi hoạt động cũng như cụ thể hóa các tiêu chí, tỷ trọng, phương pháp đo lường, thang điểm và kết quả đánh giá tương ứng với từng tiêu chí đánh giá hoạt động tại các Đơn vị trong Công ty của KTNB được quy định trong Quy chế của KTNB ban hành vào tháng 6/2021 và Quy chế Đánh giá tuân thủ ngày 13/5/2024 ❖ Cẩm nang KTNB mới nhất được ban hành tháng 12/2022, cung cấp hướng dẫn cụ thể cho đội ngũ KTNB cũng như các BLQ trong việc phối hợp và thực thi chức năng của KTNB, hướng tới kiện toàn và cải thiện hiệu quả của hoạt động KTNB 1 **Chức năng KTNB cần được thành lập theo qui định hiện hành và các chuẩn mực quốc tế được công nhận rộng rãi của Viện Kiểm toán viên Nội bộ:** ❖ KTNB thực hiện đánh giá và tham mưu cho UBKT về tính đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hệ thống KSNB trong việc thiết lập, kiểm soát và giám sát các hoạt động về tài chính, kinh doanh, kỹ thuật, vận hành NM cũng như Công ty ❖ UBKT nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các Báo cáo KTNB, kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của Phòng KTNB, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của KTNB và đưa ra hướng dẫn cần thiết	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
7.3 **HĐQT thành lập chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí và quyền hạn cần thiết**	1 **Theo đặc thù Ngành Năng lượng không phức tạp như hoạt động các Ngành Ngân hàng, Dầu khí, Dược phẩm, Khai mỏ…; chức năng tuân thủ được giám sát bởi KTNB và báo cáo trực tiếp lên cho UBKT trực thuộc HĐQT:** ❖ Đảm bảo tuân thủ với các quy định của Pháp luật cũng như các chính sách nội bộ ❖ Chức năng giám sát tuân thủ một cách độc lập các hoạt động của Công ty và nhân viên, định kỳ báo cáo lên UBKT, HĐQT về các kết quả giám sát , đánh giá tuân thủ ❖ Trưởng KTNB tư vấn cho BĐH và HĐQT về các quy định của luật pháp, các quy tắc và chuẩn mực hiện hành bao gồm việc cập nhật các thay đổi; đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ; nhận dạng, ghi nhận, đánh giá, đo lường, giám sát và báo cáo các rủi ro tuân thủ liên quan đến HĐKD	
7.4 **HĐQT giám sát hệ thống QLRR toàn Công ty và bảo đảm hoạt động QLRR hỗ trợ Công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro. HĐQT QLRR của Công ty trong phạm vi khẩu vị rủi ro**	1 **HĐQT theo dõi giám sát việc thực hiện chiến lược của Công ty và thường xuyên thảo luận về các rủi ro kinh doanh của Công ty, các đánh giá của BĐH về hệ thống KSNB, QLRR và bất cứ thay đổi đáng kể nào đối với các hệ thống này:** ❖ Trong các cuộc họp HĐQT đều thực hiện trao đổi chiến lược, các hoạt động và kết quả QTRR bao gồm cả các Rủi ro E&S ❖ HĐQT đề cử và phân công Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên không Điều hành chịu trách nhiệm về các Rủi ro E&S, các vấn đề liên quan đến ESG tại GEC ❖ Khung QTRR của Công ty được HĐQT và UBKT phối hợp cùng Bộ phận QTRR của BĐH rà soát ít nhất 1 lần/năm ❖ Bộ phận QTRR và BĐH báo cáo hiệu quả hoạt động QTRR, đánh giá lại Danh mục rủi ro và các đề xuất cải thiện lên UBKT ít nhất 1 lần/năm ❖ KTNB giám sát và đánh giá hiệu quả QTRR trong Công ty và gửi báo cáo độc lập định kỳ hàng năm lên UBKT ❖ UBKT rà soát báo cáo của KTNB, hiệu quả hoạt động kiểm soát, biến động trong danh mục rủi ro, hiệu quả của khung QTRR và báo cáo lên HĐQT 2 **HĐQT thiết lập và công bố chính sách QLRR với khung và cơ cấu QLRR rõ ràng:** ❖ Khung QTRR phù hợp với mô hình 3 Tuyến với HĐQT vai trò thiết lập nền tảng và giám sát hoạt động QTRR. Phòng Ban chức năng và nhân sự cơ sở ở tuyến 1, BĐH và chức năng QTRR ở tuyến 2, KTNB là tuyến 3 giám sát độc lập ❖ HĐQT bảo đảm khẩu vị rủi ro được thiết lập phù hợp với lợi ích bền vững của Công ty và được điều chỉnh để phù hợp tất cả các rủi ro trong danh mục ❖ Mô hình này cho phép việc giám sát của UBKT được thực hiện cả trước, trong và sau khi BĐH và HĐQT ra quyết định quản lý trọng yếu ❖ Công ty đang xây dựng chức năng QTRR độc lập và phù hợp với đặc thù Công ty và các nhu cầu về hoạt động QTRR tại GEC	
7.5 **HĐQT bảo đảm việc Công ty thiết lập một khung quản lý an ninh mạng phù hợp**	1 **HĐQT hiểu được các rủi ro an ninh mạng và các ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này có thể mang lại:** ❖ Rủi ro an ninh mạng được quản lý như là một phần của hệ thống QTRR tổng thể của Công ty. Bộ phận QTRR phối hợp Phòng CNTT trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến an ninh mạng, đảm bảo quản lý hiệu quả các rủi ro tiềm năng. Định kỳ hàng năm, QTRR đánh giá lại danh mục rủi ro an ninh mạng và báo cáo lên UBKT ❖ KTNB đánh giá độc lập về chương trình an ninh mạng của Công ty, các rủi ro an ninh mạng tiềm năng hoặc gia tăng trong năm và báo cáo lên UBKT và HĐQT ❖ GEC tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ, mua và sử dụng các phần mềm bản quyền như MS Office, MS Project, MS Dynamic và các phân hệ ERP phục vụ công tác SXKD để tránh rủi ro về bản quyền	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	2 **HĐQT phê duyệt chiến lược của Công ty có tính đến đến việc giảm thiểu các rủi ro an ninh mạng kể cả việc mua bảo hiểm để hạn chế các rủi ro:** ❖ Chiến lược QTRR có cân nhắc đến các rủi ro an ninh mạng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa một cách chủ động và các biện pháp giảm thiểu rủi ro an ninh thông tin, rủi ro an ninh mạng ❖ Công ty ban hành hơn 14 văn bản hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và đảm bảo an ninh thông tin, bảo mật thông tin nhằm tăng cường nhận thức của đội ngũ nhân sự trong sử dụng và vận hành hệ thống CNTT ❖ Các hệ thống dự phòng, tường lửa, khóa bảo mật và phân cấp, phân quyền hệ thống nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục của hệ thống trước các rủi ro an ninh thông tin và các sự cố tiềm năng ❖ Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nhận thức về an ninh thông tin cũng như sử dụng hệ thống CNTT cho CBNV nhằm gia tăng nhận thức người dùng và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến an ninh thông tin, CNTT	
7.6 **HĐQT thiết lập các tiêu chí lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của Kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà Kiểm toán độc lập đưa ra**	1 **Công ty Kiểm toán độc lập PwC - 1 trong 4 Công ty kiểm toán uy tín nhất trên thị trường là đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2024 được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ:** ❖ UBKT báo cáo lên HĐQT và ĐHĐCĐ về các khuyến nghị của UB liên quan đến việc lựa chọn Công ty Kiểm toán, Phi Kiểm toán và các điều khoản dịch vụ do Công ty Kiểm toán cung cấp ❖ UBKT xác định và giám sát các chỉ số đo lường chất lượng của Công ty Kiểm toán và giám sát hoạt động kiểm toán của Công ty Kiểm toán cũng như tính hiệu quả của quy trình Kiểm toán ❖ UBKT rà soát các chính sách của Công ty đối với Công ty Kiểm toán và báo cáo lên HĐQT nếu có các khuyến nghị cần thiết để điều chỉnh các chính sách này phù hợp 2 **Công ty Kiểm toán PwC có đầy đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ mà không bị vướng vào các xung đột lợi ích:** ❖ BCTC được kiểm toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về BCTC và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ❖ PwC ra ý kiến kiểm toán một cách độc lập với ý kiến kiểm toán trong các năm trước đó là trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, kết quả HĐKD, lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các Chuẩn mực VAS, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan ❖ Công ty luôn nhận được ý kiến Kiểm toán là "Chấp nhận toàn phần". Công ty chưa bao giờ nhận được ý kiến Kiểm toán là "Ý kiến loại trừ" "Ý kiến trái ngược" và "Từ chối đưa ra ý kiến" trong Báo cáo Kiểm toán độc lập các năm ❖ UBKT rà soát số liệu kế toán và thẩm tra BCTC hàng quý, bán niên và cuối niên độ, đóng góp ý kiến hoàn thiện BCTC riêng và BCTC hợp nhất trước khi CBTT ❖ GEC tiến tới áp dụng Chuẩn mực BCTC quốc tế IFRS với lộ trình triển khai đến 2025 nhằm phù hợp với các thông lệ quốc tế, tuân thủ các quy tắc chung để BCTC đáp ứng yêu cầu của các NĐT và CĐ nước ngoài. 3 **GEC công bố tất cả các loại phí trả cho Công ty Kiểm toán một cách chi tiết theo từng loại phí:** ❖ Phí Kiểm toán GEC thanh toán cho PwC năm 2024 là 440 triệu đồng, giảm 4% so với 2023 ❖ PwC không cung cấp các dịch vụ Phi Kiểm toán cho Công ty trong năm 2024 ❖ GEC không phát sinh Chi phí Phi Kiểm toán trong năm giai đoạn 2020-2024.	

NGUYÊN TẮC 8 - TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CBTT CỦA CÔNG TY

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
8.1 **HĐQT thiết lập các nguyên tắc và quy trình để CBTT cho CĐ và các BLQ khác và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này**	1 **HĐQT phê duyệt chính sách CBTT để bảo đảm thông tin liên quan về hoạt động của Công ty được công bố một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo quy định. Những thông tin công bố cần phải được cung cấp cho tất cả các CĐ và các BLQ:** ❖ Công ty thực hiện 35 đợt CBTT bao gồm CBTT định kỳ, bất thường, 24h, 10 ngày, theo yêu cầu, CBTT của các đối tượng liên quan, sở hữu Cổ phiếu của CĐ lớn, giao dịch Cổ phiếu quỹ, phát hành Trái phiếu riêng lẻ và Trái phiếu ra công chúng ❖ Công ty công bố đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời mọi sự việc hoặc sự kiện trọng yếu xảy ra, đặc biệt là về việc mua hoặc bán những tài sản quan trọng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng phát triển hoặc lợi ích của CĐ và các BLQ ❖ Hệ thống CBTT bảo đảm để CĐ/NĐT và các BLQ tiếp cận được thông tin một cách công bằng. Quy chế CBTT được ban hành lần đầu tháng 7/2018. HĐQT phê duyệt sửa đổi tháng 1/2022 đảm bảo cập nhật các quy định mới của Luật Chứng khoán 2019, TT 96 hướng dẫn CBTT trên TTCK, QĐ 21 về Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam, NĐ 153 quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và TPDN ra thị trường quốc tế. Các Phòng, Ban, Đơn vị liên quan đến hoạt động CBTT có trách nhiệm thực hiện đầy đủ theo quy định ❖ Không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián. Tại GEC không xảy ra bất kỳ tình huống vi phạm nào ❖ UBKT giám sát BCTC và Phi Tài chính theo đúng quy định của chính sách CBTT ❖ UBKT thực thi giám sát việc CBTT theo quy định, đảm bảo tuân thủ và CBTT đầy đủ, minh bạch ❖ HĐQT có chính sách yêu cầu mọi Thành viên HĐQT và Lãnh đạo cấp cao phải báo cáo cho Công ty tất cả các giao dịch Cổ phiếu của Công ty trong 3 ngày làm việc 2 **Công ty đã có Bộ phận Quan hệ NĐT chuyên nghiệp, chịu trách nhiệm giám sát truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định của Pháp luật:** ❖ Là đầu mối làm việc với các CQBN liên quan chứng khoán (UBCKNN, VNX, HOSE, HNX, VSD), CĐ/NĐT, Quỹ Đầu tư, Định chế Tài chính, CTCK… ❖ Đảm bảo việc truyền đạt thông tin chính xác, kịp thời ❖ Xử lý các vấn đề liên quan đến khủng hoảng truyền thông có ảnh hưởng đến thương hiệu Cổ phiếu GEG ❖ Thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với CĐ/NĐT. Giải đáp các thắc mắc của NĐT những vấn đề liên quan đến Cổ phiếu, Công ty ❖ Lên kế hoạch và biên soạn các ấn phẩm như BCTN, Báo cáo PTBV đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới ❖ Biên soạn các tài liệu phục vụ cho NĐT song ngữ ❖ Kết hợp với các CTCK/Quỹ đầu tư tổ chức các hội thảo NĐT, hội thảo phân tích về Công ty và Cổ phiếu GEG ❖ Cung cấp thông tin và làm việc với bộ phận phân tích của các CTCK để ban hành các Báo cáo Ngành, Báo cáo phân tích chuyên sâu về Công ty, Báo cáo nhanh ❖ Cập nhật, lựa chọn và tham gia các giải thưởng trong và ngoài nước để gia tăng giá trị thương hiệu Công ty và Cổ phiếu GEG.	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	3 **Công ty công bố chi tiết có kèm theo giải thích tình hình tuân thủ Bộ Quy tắc QTCT trong mục Báo cáo QTCT thuộc BCTN và trên trang Web của Công ty:** ❖ BCTN 7 năm liên tiếp (2018-2024) đều thực hiện đầy đủ Chương mục QTCT và PTBV để đảm bảo cung cấp đủ thông tin về tình hình thực hiện các nguyên tắc QTCT theo Luật và các thông lệ tốt trên thế giới ❖ Chương 3 trong BCTN trình bày hiệu quả thực hiện QTCT tại GEC trong năm và các cải thiện liên quan đến QTCT mà Công ty thực hiện, hướng tới tuân thủ tốt hơn với các hướng dẫn QTCT: (i) Mô hình QTCT, (ii) Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động SXKD năm 2024, (iii) Hoạt động QTCT tại GEC, (iv) Hoạt động của thành viên độc lập (v) Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng (vi) UBKT (vii) Quản trị rủi ro (viii) Bộ QCƯX và Cơ chế tố giác sai phạm (ix) Tuân thủ pháp luật, (x) Quan hệ NĐT ❖ Chương 4 trong BCTN trình bày về sự tuân thủ của Công ty theo các nguyên tắc ESG, E&S của IFC: (i) Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo, (ii) Sơ đồ quản trị bền vững, (iii) Gắn kết với các BLQ, (iv) Chiến lược PTBV đến 2030, (v) Thân thiện với Môi trường, (vi) Trách nhiệm với Xã hội (vii), Đóng góp vào Kinh tế, (viii) Hoạt động PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế, (ix) Cam kết tuân thủ EHSS, (x) Chỉ số về Môi trường và Lao động	
8.2 **Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng**	1 **HĐQT bảo đảm để thông tin liên quan của Công ty được công bố đầy đủ và đúng thời hạn, vì vậy CBTT thực hiện theo phương thức điện tử:** ❖ Công ty cập nhật liên tục và đầy đủ các nội dung thông tin công bố trên Công thống tin UBCKNN, HOSE, HNX và trang Web tiếng Việt, tiếng Anh (3 ngày sau khi công bố tiếng Việt) ❖ CBTT tuân thủ các quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt để không hạn chế quyền lợi của CĐ nhỏ lẻ và nước ngoài 2 **Công ty có Bộ phận Quan hệ NĐT chuyên trách để các NĐT và Nhà phân tích đặt ra các câu hỏi liên quan đến hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp, gặp gỡ, thực hiện Báo cáo phân tích…** ❖ Bộ phận Quan hệ NĐT được thành lập 2018 chịu trách nhiệm các công việc liên quan đến Quan hệ với Cơ quan ban ngành, CĐ/NĐT, Định chế tài chính, CTCK và các hoạt động liên quan đến BLQ ❖ Phân tích tính minh bạch về tất cả mọi hoạt động của Công ty trong BCTN, đăng tải trên Công thống tin UBCKNN, HOSE, HNX, Web Công ty và công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông liên quan Quan hệ NĐT như email cho các CĐ/CTCK/NĐT, các diễn đàn chứng khoán ❖ Đối với thông cáo báo chí, diễn giải BCTC định kỳ từng Quý, tài liệu thuyết trình đăng tải trên trang Web Công ty và công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông liên quan Quan hệ NĐT cũng như các cuộc họp NĐT, họp CĐ, họp Nhà Phân tích… ❖ Chi tiết các hoạt động Quan hệ NĐT trong thời gian qua được thể hiện đầy đủ 6 năm liên tiếp trong BCTN (2018-2024). Riêng hoạt động Thị trường vốn thể hiện 5 năm liên tiếp trong BCTN (2020-2024) ❖ Tương tác trực tiếp với GĐ phân tích, Chuyên viên Phân tích các CTCK để thực hiện các Báo cáo phân tích Công ty, Cổ phiếu GEG ❖ Tổ chức/tham gia trực tiếp các sự kiện gặp mặt NĐT/Quỹ đầu tư, CĐ, bộ phận phân tích CTCK	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
8.3 **HĐQT đảm bảo việc công bố các thông tin Phi Tài chính bao gồm các Báo cáo E&S**	1 **HĐQT CBTT liên quan và cập nhật về hoạt động và cấu trúc QTCT trên trang Web và trong BCTN:** ❖ HĐQT công bố mức độ và lộ trình Công ty tuân thủ các chuẩn mực QTCT thông lệ tốt từ năm 2018 đến nay trong mục QTCT của BCTN ❖ Các hoạt động liên quan đến QTCT được công bố cụ thể trên trang Web Công ty, Báo cáo Quản trị, BCTN mục QTCT từ 2018-2024, CBTT thường lệ hoặc bất thường theo quy định ❖ Các thông tin được công bố theo quy định về CBTT và QTCT cũng như các thông lệ tốt, đảm bảo thông tin một cách đầy đủ và minh bạch ❖ BCTN hàng năm có đánh giá mức độ cải thiện về QTCT qua các năm nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác và đầy đủ đến CĐ/NĐT và các BLQ 2 **HĐQT CBTT về tác động E&S và phương pháp QLRR E&S của Công ty:** ❖ Thông tin được chuẩn bị theo các chuẩn mực được chấp nhận chung trên toàn cầu, như chuẩn mực do Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC), Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Hội đồng Chuẩn mực Đảm bảo Bền vững (SASB) ❖ HĐQT bảo đảm thiết lập các chính sách và quy trình Quản trị phù hợp để theo dõi chất lượng của thông tin E&S. Thông tin được gắn với chiến lược, quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty, thúc đẩy thành công bền vững trong dài hạn ❖ Công ty thực hiện 8 Tiêu chuẩn E&S của IFC, 17 Mục tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc, 36 tiêu chí của Tiêu chuẩn lập Báo cáo PTBV GRI, E&S theo Tiêu chuẩn ADB, Tiêu chuẩn E&S của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Tiêu chuẩn lao động cốt lõi của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Nhóm nhiệm vụ liên quan đến khí hậu (TCFD) và đạt được Chứng nhận ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO 26000:2010 ❖ Công ty thực hiện khuôn khổ các yêu cầu về Hệ thống quản lý Môi trường, đảm bảo công tác E&S luôn đồng hành trong những giai đoạn triển khai DA và vận hành NM ❖ CBTT trên các phương tiện truyền thông đến các BLQ và nhận được sự thuận duyệt từ các Bên để cùng nhau thực hiện ❖ GEC công bố minh bạch Chiến lược PTBV, mô hình E&S và Báo cáo E&S theo chuẩn mực GRI tại BCTN 2024 - Chương 4 cũng như trong BCTN 6 năm liên tiếp trước đó (2018-2023) ❖ BCTN tích hợp Báo cáo PTBV của GEC luôn được đánh giá rất cao, nhiều năm liên tiếp đạt các giải thưởng uy tín trong và ngoài nước	
8.4 **HĐQT đảm bảo thù lao của các Thành viên HĐQT và BĐH được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu của CĐ liên quan đến thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị**	1 **HĐQT công bố trong BCTN từ 2018 đến nay về chính sách và tiêu chí xác định lương thưởng/thù lao, cũng như tên, số tiền và chi tiết lương thưởng/thù lao của từng Thành viên HĐQT, TGĐ và BĐH thực hiện CBTT:** ❖ HĐQT công bố mọi hình thức lương thưởng/thù lao và các khoản chi và lợi ích khác, do Công ty và các Công ty Con chi trả ❖ Chế độ thù lao, lương, thưởng của HĐQT và BĐH được quy định trong Quy chế hoạt động của HĐQT và công bố rộng rãi trong tài liệu ĐHĐCĐ, BCTN và BCTC tự lập cũng như Soát xét và Kiểm toán trong vòng 7 năm từ 2018 đến nay ❖ Lương thưởng và các chế độ khác của BĐH được đánh giá và chi trả dựa trên thành quả hoạt động trong năm và được sự thuận duyệt của HĐQT thông qua lương hàng tháng, thưởng tháng 13, thưởng KPI, thưởng vượt kế hoạch và thưởng ESOP ❖ Từ 2021, UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng là đơn vị tham mưu cho HĐQT về chính sách lương thưởng và thù lao của các Thành viên HĐQT.	

CÁC QUYỀN CỦA CĐ

NGUYÊN TẮC 9 - THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CĐ

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
9.1 **HĐQT lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của CĐ và giám sát việc thực hiện các chính sách này**	1 **HĐQT có chính sách toàn diện mô tả cụ thể các quyền của CĐ và những yêu cầu về quyền, các thủ tục chuẩn bị, tiến hành và đưa ra quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ:** ❖ Công ty công bố chính sách dành cho CĐ, quy tắc và thủ tục tham gia họp ĐHĐCĐ trên trang Web Công ty, trong thư mời gửi tới CĐ và trong thông tin gửi tới UBCKNN, HOSE, HNX ❖ Điều lệ Công ty - Điều 11-23 quy định rõ Quyền CĐ, ĐHĐCĐ, Quy trình triệu tập và làm việc của ĐHĐCĐ, Thẩm quyền và thể thức Lấy ý kiến CĐ bằng văn bản, Cơ chế yêu cầu hủy bỏ NQ ĐHĐCĐ 2 **Những CĐ lớn sở hữu trên 5% luôn được CBTT trên các phương tiện Quan hệ NĐT để CĐ nắm bắt thông tin để thực hiện quyền lợi:** ❖ CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 5% trở lên tổng số Cổ phần phổ thông trở lên sẽ được quyền xem xét, tra cứu, trích lục các tài liệu ảnh hưởng đến quyền lợi CĐ; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền CĐ, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền; yêu cầu UBKT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Tính đến 31/12/2024, GEC có 5 CĐ lớn sở hữu trên 5%, tương đương năm 2023 ❖ CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. GEC có 2 CĐ nắm giữ trên 10% Cổ phần là JERA và Tập đoàn TTC ❖ Điều lệ quy định về quyền ưu tiên cho CĐ để cho phép CĐ hiện hữu duy trì tỷ lệ sở hữu Cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành Cổ phần mới. Giá mua Cổ phần và điều khoản mua được áp dụng với các CĐ hiện hữu không kém ưu đãi hơn so với giá và điều khoản chào bán cho bên thứ 3 ❖ Cơ cấu CĐ được công bố cụ thể trong bài Quan hệ NĐT của BCTN 2018-2024, trình bày chi tiết các CĐ chiến lược, CĐ lớn trong nước và nước ngoài theo nhiều cấu trúc khác nhau	
9.2 **HĐQT tổ chức họp ĐHĐCĐ hiệu quả**	1 **HĐQT gửi thông báo về các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường với các thông tin đầy đủ và có liên quan 21 ngày trước cuộc họp từ năm 2018 đến nay:** ❖ Mỗi CĐ nhận được thông báo họp, chương trình họp, cũng như thông tin chính xác, khách quan và kịp thời ❖ GEC tiến hành CBTT họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2023 ngày 09/5/2024; ngày đăng ký cuối cùng 28/5/2024 (trước ngày họp 29 ngày), ngày gửi tài liệu cho CĐ là 04/06/2024 (trước 21 ngày ĐHĐCĐ được tổ chức 25/6/2024) ❖ HĐQT công bố cho CĐ thông tin đầy đủ về kinh nghiệm và lý lịch của các ứng cử viên Thành viên HĐQT, CBTT cùng với Bộ tài liệu ĐHĐCĐ đảm bảo quy trình đề cử và bổ nhiệm vào HĐQT 2 **HĐQT khuyến khích và tạo điều kiện cho các CĐ bỏ phiếu điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính và tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến:** ❖ CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền: yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường, kiến nghị bổ sung các vấn đề đưa vào chương trình họp ❖ CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ 10% cổ phần phổ thông của Công ty có quyền cử người vào HĐQT ❖ Các cuộc họp được tổ chức vào thời gian và địa điểm thuận tiện nhất cho các CĐ. Từ năm 2020 đến nay, Công ty tổ chức ĐHĐCĐ tại Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. HCM, cùng toà nhà với Văn phòng TP. HCM của Công ty	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	3 **Biên bản họp được công bố trên trang Web trong 24 tiếng kể từ thời điểm Đại hội kết thúc:** ❖ Ngoài các yêu cầu theo quy định, Biên bản có thêm các nội dung (1) thủ tục biểu quyết; (2) các ghi chép chứng minh CĐ có cơ hội để đưa ra các câu hỏi, cũng như trình bày cụ thể các câu hỏi và câu trả lời nhận được tại cuộc họp; (3) các vấn đề được thảo luận và nội dung NQ thông qua; (4) kết quả bỏ phiếu cho từng nội dung; (5) danh sách các Thành viên HĐQT, BĐH, đại diện của Công ty Kiểm toán và các CĐ tham dự cuộc họp; (6) ý kiến không tán thành đối với mọi nội dung trong chương trình họp	
9.3 **HĐQT xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán**	1 **HĐQT áp dụng chính sách rõ ràng và minh bạch về quy trình phân phối và chi trả cổ tức, đảm bảo công bằng giữa các CĐ:** ❖ Cổ tức 5% bằng cổ phiếu theo NQ 20/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/7/2024 thông qua phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2023 ❖ Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 30/8/2024 chốt danh sách CĐ và hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức vào ngày 9/9/2024 ❖ HĐQT CBTT trả cổ tức thông qua NQ được đăng tải trên trang Web Công ty, BCTN cũng như các cuộc họp với CĐ/NĐT và Chuyên gia phân tích	
9.4 **Đối xử bình đẳng với CĐ**	1 **Tất cả các quyền của CĐ được HĐQT công nhận, tôn trọng và bảo vệ:** ❖ Việc bỏ phiếu của CĐ sẽ dựa trên cơ sở "1 cổ phiếu phổ thông, 1 quyền biểu quyết" ❖ Tất cả các quyền liên quan đến từng loại cổ phần được công bố công khai ❖ CĐ trong và ngoài nước tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ ❖ Tài liệu họp bao gồm tài liệu, NQ và Biên bản được cung cấp bằng tiếng Anh và Việt nhằm tạo điều kiện cho các CĐ nước ngoài tham gia cuộc họp hiệu quả ❖ Công ty công bố trên trang Web và BCTN Chính sách và cơ chế Khiếu nại hiệu quả cho phép CĐ và những người khác thực hiện khiếu nại và đảm bảo các khiếu nại này được điều tra và xử lý	
9.5 **Giao dịch BLQ được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của Công ty và CĐ**	1 **HĐQT đảm bảo các giao dịch BLQ được thực hiện theo thông lệ thị trường ở tất cả các khía cạnh từ giá cả, thời hạn, bảo lãnh đến các điều khoản chung:** ❖ GEC đã ban hành và áp dụng Chính sách Giao dịch với BLQ nhằm tránh xung đột và đảm bảo quyền lợi của Công ty. Ban hành đầu tiên 18/7/2018 và được chỉnh sửa 1 lần 5/8/2019 theo chuẩn IFC và đảm bảo tuân thủ Pháp luật Việt Nam ❖ Chính sách cũng tuân thủ yêu cầu của NĐT Chiến lược mới JERA để nâng cao tính minh bạch trong QTCT ❖ Chính sách quy định về ngưỡng trọng yếu - bắt buộc phải được sự rà soát và đánh giá của UBKT, báo cáo cho HĐQT về vấn đề quan trọng ❖ Trước khi chấp thuận bất kỳ giao dịch với BLQ nào, UBKT phải xem xét các yếu tố điều khoản của giao dịch có theo điều khoản HĐKD bình thường, công bằng với Công ty và tuân thủ nguyên tắc khách quan thị trường; Có lý do bắt buộc về kinh doanh để Công ty thực hiện giao dịch và sự sẵn có, tính chất, và chi phí cơ hội của giao dịch thay thế; Rủi ro danh tiếng tiềm tàng có thể phát sinh cho Công ty; Giao dịch đó có ảnh hưởng đến tính độc lập của Thành viên Độc lập; Có gây xung đột lợi ích cho bất kỳ Thành viên HĐQT hoặc BĐH ❖ Tất cả các giao dịch phát sinh được xem xét và phê duyệt/phủ quyết nghiêm ngặt bởi UBKT theo Chính sách giao dịch BLQ chuẩn IFC đang áp dụng tại GEC ❖ Thành viên HĐQT và CBQL cấp cao công khai cho HĐQT biết lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ giao dịch	

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
	❖ Danh sách các BLQ của GEC được trình thông qua tại ĐHĐCĐ Năm Tài chính 2023 ❖ Tất cả các giao dịch với các BLQ của GEC thực hiện trong năm đều được công bố cụ thể trong Báo cáo QTCT định kỳ được công bố, cũng như được nêu chi tiết tại BCTC Kiểm toán 2024 tại mục Thuyết minh BCTC	

QUAN HỆ VỚI CÁC BLQ

NGUYÊN TẮC 10 - TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BLQ

KHUYẾN NGHỊ	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
10.1 **HĐQT thiết lập các quy tắc để bảo vệ và thúc đẩy sự tham gia của BLQ**	1 **HĐQT có một quy trình chính thức để xác định 6 BLQ của Công ty được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng lẫn nhau từ phía GEC và từ phía BLQ:** ❖ HĐQT áp dụng các chính sách rõ ràng, minh bạch đối với BLQ theo mức độ ưu tiên được xác định cho từng nhóm ❖ Các BLQ được xác định định kỳ hàng năm trong Báo cáo PTBV của Công ty, Mức độ tác động và Mức độ ảnh hưởng cũng được phân tích nhằm đưa ra phương pháp tương tác phù hợp ❖ Danh mục các BLQ được báo cáo và tham vấn với HĐQT, BĐH và các Phòng Ban có liên quan nhằm lập kế hoạch và tương tác tốt hơn với các BLQ. Danh mục BLQ, Mức độ ảnh hưởng, Mức độ quan tâm và Ma trận các BLQ Công ty được rà soát và đánh giá định kỳ hàng năm trong Chương PTBV nhằm cập nhật so với thực tế và hỗ trợ cho việc lập kế hoạch Quản lý BLQ hiệu quả hơn ❖ Công ty tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các BLQ trong Bộ QCƯX ❖ Chính sách E&S, An toàn và Sức khoẻ được ban hành và áp dụng đối với các nhà thầu thực hiện các DA NLTT cho GEC nhằm đảm bảo yêu cầu của IFC và tuân thủ các chính sách EHSS tại GEC	
10.2 **HĐQT đảm bảo và giám sát các cuộc đối thoại phù hợp giữa Công ty và các BLQ**	1 **HĐQT thiết lập và giám sát cơ chế chính thức dành cho người lao động và các BLQ đưa ra các câu hỏi và khiếu nại:** ❖ HĐQT áp dụng quy trình giao tiếp minh bạch và dễ dàng tiếp cận để cho phép thông qua danh sách liên lạc dành cho các BLQ được công bố rộng rãi để (1) tiếp nhận và đăng ký những thông tin từ các BLQ; (2) đánh giá các vấn đề được nêu ra và xác định các thức phản hồi từ các vấn đề về Kinh tế, Môi trường đến Xã hội ❖ BCTN hàng năm, các đầu mối liên hệ cho các BLQ trong yếu bao gồm CĐ/NĐT tiềm năng, Cơ quan Nhà nước, Cộng đồng Xã hội, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA và Người lao động được công khai bao gồm chức vụ, địa chỉ và số di động để các BLQ liên lạc khi có nhu cầu về công việc cũng như giải quyết khiếu nại ❖ BLQ, Mức độ ảnh hưởng, Mức độ quan tâm được xác định rõ để Công ty có khả năng xác định mức độ ưu tiên, phương pháp tương tác và quản lý các BLQ. Kế hoạch Quản lý BLQ cũng được lập và tương tác với các đơn vị phụ trách nhằm đảm bảo việc thực thi và quản lý BLQ đầy đủ và hiệu quả.	



PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA GEC THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD 2023

Bộ nguyên tắc QTCT G20/OECD được phê chuẩn lần đầu vào năm 1999 và được liên tục sửa đổi để bao quát các diễn biến và vấn đề QTCT mới. Đây là chuẩn mực quốc tế về QTCT nhận được sự tín nhiệm của các nhà hoạch định chính sách, các NĐT, Công ty và các BLQ khác trên toàn thế giới.

Năm 2023, Bộ nguyên tắc QTCT mới của OECD được cập nhật phiên bản mới nhất với nội dung Bền vững và năng lực chống chịu, tập trung vào các yếu tố liên quan đến PTBV, bao gồm sự minh bạch về thông tin Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), QLRR liên quan đến biến đổi khí hậu và thúc đẩy trách nhiệm của BLĐ trong việc đảm bảo tính công bằng và trách nhiệm.

Các nguyên tắc QTCT tại GEC năm 2024 được hệ thống và đánh giá như sau:

Thực hiện tốt | Thực hiện khá | Thực hiện trung bình | Không xảy ra trường hợp này tại GEC

NGUYÊN TẮC		GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ QTCT hiệu quả	1	Xây dựng Khuôn khổ QTCT cần đảm bảo tài chính bền vững, hiệu quả kinh tế, minh bạch và thúc đẩy thị trường phát triển.	
	2	Tôn trọng, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và nguyên tắc QTDN, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong mọi hoạt động.	
	3	Hệ thống quản trị của GEC được thiết lập với cơ chế phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và BĐH, đảm bảo minh bạch và hiệu quả trong quản lý.	
	4	Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về Luật Chứng khoán, Công ty niêm yết, giao dịch các BLQ...	
	5	UBKT hoạt động độc lập, khách quan và minh bạch, thực hiện kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và KSNB.	
	6	Ứng dụng công nghệ số trong giám sát và QTDN, giúp tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường QLRR.	
	7	Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các thỏa thuận song phương và đa phương, nhằm trao đổi thông tin và phối hợp giám sát hiệu quả.	
	8	Tuân thủ các quy định về giao dịch các BLQ: Chính sách Giao dịch với BLQ nhằm tránh xung đột và đảm bảo quyền lợi của Công ty được ban hành đầu tiên vào ngày 18/7/2018 và được rà soát cập nhật lần 2 ngày 10/2/2025 theo chuẩn IFC và đảm bảo tuân thủ Pháp luật Việt Nam hiện hành.	
Quyền lợi và đối xử công bằng với CĐ và các chức năng sở hữu cơ bản	1	CĐ được đảm bảo quyền lợi theo quy định pháp luật và chuẩn mực quản trị, bao gồm quyền sở hữu và chuyển nhượng cổ phần, tiếp cận thông tin minh bạch, tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bầu và bãi miễn thành viên HĐQT, hưởng lợi nhuận Công ty, cũng như phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập.	
	2	Đảm bảo thông tin đầy đủ và có quyền tham gia phê duyệt hoặc quyết định các thay đổi quan trọng về sự sửa đổi Quy chế, Điều lệ Công ty, Phát hành cổ phiếu, trái phiếu và giao dịch chuyển nhượng tài sản theo quy định: Công ty thực hiện CBTT đầy đủ theo Luật Chứng khoán, TT 96, NĐ 153, 155 và 156.	
	3	Đảm bảo quyền lợi và sự tham gia của CĐ trong các cuộc họp ĐHĐCĐ: quy định rõ trong Điều lệ Công ty.	
	4	Đảm bảo quyền thảo luận và chất vấn của CĐ với HĐQT và UBKT tại ĐHĐCĐ, đồng thời duy trì Bộ phận Quan hệ NĐT, hoạt động suốt 8 năm qua, như cầu nối thông tin giữa HĐQT, BĐH, CĐ và các BLQ, nhằm tăng cường minh bạch và hiệu quả quản trị.	
	5	Tất cả CĐ được đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ thông tin về quyền gắn với từng đợt phát hành và loại cổ phiếu trước khi giao dịch.	
	6	Các giao dịch với BLQ được phê duyệt/phủ quyết và thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt bởi UBKT, đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của Công ty cũng như CĐ.	
	7	Đảm bảo quyền lợi của CĐ thiểu số theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.	
	8	Thực hiện nhất quán các giao dịch với BLQ theo nguyên tắc thị trường, đảm bảo minh bạch, công bằng và tuân thủ các quy định pháp luật	
Các nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian khác	1	Không đánh giá vì nội dung này không liên quan tới GEC.	
CBTT và tính minh bạch	1	Công bố đầy đủ và trung thực BCTC kiểm toán, kế hoạch sản xuất, chiến lược kinh doanh, thông tin đầu tư và phát triển DA.	
	2	GEC nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam trong việc CBTT, đảm bảo tính minh bạch và chính xác.	
	3	BCTC được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế.	
	4	Kiểm toán độc lập đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao độ tin cậy và minh bạch của BCTC, bảo vệ quyền lợi CĐ và NĐT.	
	5	Sử dụng đa dạng kênh truyền thông như website, Facebook, YouTube, email và các diễn đàn tài chính để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho CĐ và NĐT.	

NGUYÊN TẮC	GEC THỰC HIỆN TRONG 2024	ĐÁNH GIÁ 2024
Trách nhiệm của HĐQT	1 Thành viên HĐQT được phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, hành động với tinh thần trách nhiệm, minh bạch và cẩn trọng, đảm bảo lợi ích tốt nhất của Công ty và CĐ.	
	2 GEC đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập đạt 3/7 (43%) trong năm 2024, phù hợp với các tiêu chuẩn QTDN.	
	3 Thành viên HĐQT có đầy đủ đạo đức và chuyên môn trong ba lĩnh vực trọng yếu: Quản trị - Điều hành, Tài chính và Năng lượng, nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo.	
	4 HĐQT thực hiện quản lý chiến lược, đánh giá rủi ro và giám sát hoạt động của BĐH, đảm bảo vận hành hiệu quả và bền vững.	
	5 Chủ tịch HĐQT hoàn thành trách nhiệm điều hành, duy trì sự độc lập và tách biệt với TGĐ, đảm bảo tính minh bạch trong QTCT.	
	6 Thành viên HĐQT độc lập được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề quan trọng và tình hình hoạt động sản xuất của Công ty để thực hiện vai trò giám sát hiệu quả.	
	7 Xây dựng quy trình KTNB hiệu quả, đảm bảo chức năng KTNB hoạt động dưới sự giám sát chặt chẽ của HĐQT và UBKT.	
	8 GEC thành lập UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng từ năm 2021, nhằm đảm bảo chính sách thu hút, phát triển và giữ chân nhân sự Lãnh đạo có năng lực.	
	9 GEC cam kết thực hiện HĐKD có trách nhiệm, giải quyết các vấn đề Môi trường - Xã hội (E&S), đồng thời củng cố chiến lược hướng đến **Net Zero 2050**.	
Bền vững và năng lực chống chịu	1 GEC công bố đầy đủ và minh bạch các thông tin liên quan đến PTBV, đảm bảo tính nhất quán, dễ hiểu và dễ tiếp cận.	
	2 Công ty tạo điều kiện để CĐ và các BLQ trao đổi quan điểm về các vấn đề PTBV gắn liền với chiến lược kinh doanh.	
	3 GEC chủ động xác định, phân tích rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV nhằm tối ưu hóa chiến lược PTBV.	
	4 Công ty xây dựng chiến lược, mục tiêu và chính sách cụ thể, triển khai các chương trình hành động nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính.	
	5 GEC cam kết duy trì và thực hiện quyền lợi của các BLQ một cách công bằng, minh bạch, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng.	

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA GEC THEO THẺ ĐIỂM QTCT ASEAN SCORECARD 2024

Trong năm 2024, GEC tiếp tục bám sát các nguyên tắc QTCT của G20/OECD, đặc biệt là các tiêu chí quan trọng như tính bền vững và khả năng phục hồi, quyền và đối xử công bằng với CĐ, CBTT minh bạch, cũng như vai trò và trách nhiệm của HĐQT. Việc triển khai các tiêu chí này giúp GEC hoàn thiện hơn trong quản lý doanh nghiệp, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự PTBV trong dài hạn.

Kể từ năm 2023, Thẻ điểm QTCT khu vực ASEAN đã được cập nhật liên tục và công bố phiên bản mới nhất vào tháng 3/2024, nhấn mạnh hơn vào tính bền vững, tính minh bạch trong quản trị và việc tích hợp các yếu tố Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào thực tiễn. Đồng thời, Thẻ điểm ASEAN Scorecard 2024 cũng cải tiến các tiêu chí đánh giá để phù hợp với Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD 2023 với 149 câu hỏi của Thẻ điểm tiêu chuẩn, 18 câu hỏi của Thẻ điểm Thưởng và 26 câu hỏi của Thẻ điểm Phạt. Năm 2024, GEC tiếp tục duy trì sự ổn định trong hoạt động QTCT nhằm đảm bảo tuân thủ các thông lệ quốc tế, nâng cao tính minh bạch và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Việc đánh giá QTCT theo Thẻ điểm ASEAN Scorecard (ACGS) là một phần quan trọng giúp GEC đo lường mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế cũng như cải thiện khung QTCT nội bộ theo hướng hiện đại và bền vững.

ASEAN CORPORATE GOVERNANCE

TỔNG ĐIỂM QTCT CỦA GEC

141 Điểm

CÂU HỎI CẤP 1 (GỒM 149 TIÊU CHÍ)

131 Điểm

CÂU HỎI CẤP 2

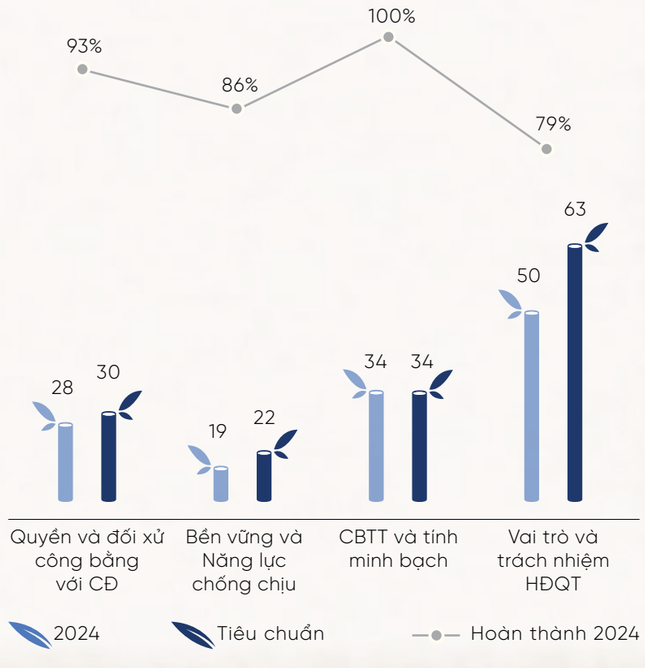
THẺ ĐIỂM THƯỞNG (GỒM 18 TIÊU CHÍ)

+11 Điểm

THẺ ĐIỂM PHẠT (GỒM 26 TIÊU CHÍ)

-1 Điểm

CẤP 1 - ĐIỂM VÀ TỶ LỆ HOÀN THÀNH



Nguồn: GEC

PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM THƯỞNG

	TIÊU CHÍ	HOẠT ĐỘNG TRONG 2024	2024
1	Công ty thực hành bỏ phiếu điện tử vắng mặt an toàn theo thời gian thực tại ĐHĐCĐ?	Hướng dẫn ĐHĐCĐ trực tuyến theo Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.	+1
2	Công ty công bố thông báo về ĐHĐCĐ thường niên (bộ tài liệu họp chi tiết và TT giải thích), thông báo cho SGDCK ít nhất 28 ngày trước ngày họp?	Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2023 được Công bố ngày 3/6/2024, trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 22 ngày theo Điều lệ	0
3	Công ty công bố cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu?	Phòng EHSS quản lý các rủi ro, cơ hội liên quan đến khí hậu	+1
4	Công ty công bố Báo cáo PTBV có được đảm bảo bởi 1 tổ chức bên ngoài không?	Báo cáo PTBV được trình bày dưới sự hướng dẫn và đào tạo của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu - GRI Việt Nam. Bên cạnh đó Báo cáo cũng tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm 17 mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc, 8 Tiêu chuẩn hoạt động (PS) Môi trường - Xã hội của IFC, 4 Tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội (SPS) của ADB, SASB và TCFD. Tuy nhiên, chưa có bên bảo đảm bên ngoài nào thực hiện đánh giá Báo cáo PTBV của GEC	0
5	Công ty công bố kênh tương tác với các nhóm BLQ và cách thức phản hồi các mối quan ngại về ESG của BLQ?	Tương tác với các BLQ thông qua nhiều kênh như website, email, hotline,...	+1
6	Công ty có Đơn vị chịu trách nhiệm cụ thể về quản lý các vấn đề bền vững?	Phòng EHSS phụ trách các vấn đề về E&S, tuân thủ Luật Việt Nam, tiêu chuẩn IFC và tối ưu hóa hoạt động của NM	+1
7	Công ty công bố hoạt động giám sát của HĐQT/ Thành viên HĐQT đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững?	Thể hiện trong phần Báo cáo hoạt động của các Thành viên HĐQT trong BCTN	+1

	TIÊU CHÍ	HOẠT ĐỘNG TRONG 2024	2024
8	Công ty công bố mối liên hệ giữa thù lao của GĐ điều hành với quản lý cấp cao năm trước không?	Thù lao, lương thưởng HĐQT, TGĐ, BĐH trong BCTN và BCTC Kiểm toán phần thuyết minh BCTC.	+1
9	Hệ thống tiếp nhận khiếu nại và tố giác hành vi sai phạm có được quản lý bởi các bên độc lập?	Phòng KTNB độc lập đảm nhận tiếp nhận, giám sát giải quyết khiếu nại, đảm bảo tính khách quan, công bằng.	+1
10	BCTC năm đã được kiểm toán có được công bố trong 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	BCTC hợp nhất và BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2023 được CBTT ngày 30/3/2024, 90 ngày sau khi kết thúc năm Tài chính theo TT 96/2020/TT-BTC.	0
11	Công ty có ít nhất 1 nữ Thành viên HĐQT Độc lập?	GEC có 2 Nữ Thành viên HĐQT Độc lập, chiếm 29%.	+1
12	Công ty có chính sách và công bố các mục tiêu có thể đo lường được để thực hiện sự đa dạng trong HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được các mục tiêu của mình?	Được công bố trong BCTN mục QTCT từ năm 2018 đến nay.	+1
13	UB Nhân sự có bao gồm toàn bộ Thành viên HĐQT Độc lập?	UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương Thưởng bao gồm 1/3 (33%) Thành viên Độc lập, 3/3 (100%) Thành viên không Điều hành.	0
14	UB Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các Thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty?	Quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các Thành viên HĐQT được nêu trong Điều lệ Công ty. UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng đóng vai trò tham mưu HĐQT về xây dựng tiêu chí và đánh giá Thành viên HĐQT.	+1
15	Công ty sử dụng Công ty tìm kiếm chuyên nghiệp hoặc các nguồn ứng viên bên ngoài khác (như cơ sở dữ liệu Quản trị được thiết lập bởi các tổ chức quản trị hoặc CĐ) khi tìm kiếm ứng viên cho HĐQT?	GEC công bố tiêu chuẩn ứng cử viên 21 ngày trước ĐHĐCĐ, tìm kiếm từ CĐ chiến lược và nguồn ứng viên chất lượng cao.	0
16	Thành viên HĐQT Độc lập không điều hành chiếm trên 50% số lượng Thành viên HĐQT với Chủ tịch của Công ty là Thành viên độc lập?	100% Thành viên không điều hành, 43% là Thành viên Độc lập, Chủ tịch không phải Thành viên Độc lập.	0
17	Công ty công bố HĐQT đã xác định rủi ro chính liên quan đến CNTT bao gồm gián đoạn, an ninh mạng và khắc phục thảm họa, để đảm bảo rằng những rủi ro đó được quản lý và tích hợp vào khung QLRR tổng thể?	GEC đã lồng ghép rủi ro CNTT vào chiến lược, có quy trình ứng phó sự cố, đảm bảo bảo mật và nâng cao nhận thức nhân viên.	+1
18	Công ty có UB QLRR riêng biệt thuộc HĐQT?	UBKT chịu trách nhiệm thực hiện chức năng QTRR, hỗ trợ HĐQT đánh giá và giám sát hiệu quả QTRR.	0
	TỔNG CỘNG		**11**

PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM PHẠT

	TIÊU CHÍ	HOẠT ĐỘNG TRONG 2024	2024
1	Công ty có thất bại hoặc sơ suất trong việc đối xử bình đẳng trong việc mua lại cổ phiếu cho tất cả CĐ?	Không có trường hợp vi phạm hoặc sơ suất nào phát sinh.	0
2	Có bằng chứng nào về rào cản ngăn cản CĐ trao đổi, tham khảo ý kiến với các CĐ khác?	Không có dấu hiệu hoặc báo cáo nào về việc cản trở CĐ trao đổi và tham khảo ý kiến với nhau.	0
3	Công ty có đưa nội dung chương trình nghị sự bổ sung và không được báo trước nào vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHCĐ bất thường?	CBTT trước 21 ngày theo đúng quy định. Nếu có thay đổi tài liệu, Công ty cập nhật thông tin trước 5 ngày để đảm bảo minh bạch và tuân thủ tiêu chuẩn QTCT.	0
4	Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch tất cả các UB HĐQT và GĐ điều hành có vắng mặt trong Đại hội đồng CĐ gần đây?	Tất cả các lãnh đạo đều tham gia đầy đủ, thể hiện trách nhiệm và sự minh bạch.	0
5	Công ty đã không tiết lộ sự tồn tại của Thỏa thuận CĐ?	1 CĐ chiến lược nước ngoài là Tập đoàn JERA, nắm giữ 35,1%.	0
6	Công ty đã không tiết lộ sự tồn tại của Cổ phiếu giới hạn biểu quyết?	64,2 triệu Cổ phiếu Ưu đãi không có quyền biểu quyết của DEG.	0
7	Công ty đã không tiết lộ sự tồn tại của Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	Không có cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết.	0
8	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có rõ ràng không?	Công ty có tồn tại mô hình sở hữu kim tự tháp nhưng đã được CBTT minh bạch.	-1
9	Có bất kỳ cáo buộc nào về giao dịch nội gián liên quan đến GĐ/ủy viên, BĐH và nhân viên trong 3 năm qua không?	Không vi phạm nào liên quan đến giao dịch nội gián.	0
10	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định không liên quan đến các giao dịch BLQ trọng yếu trong 3 năm qua?	Không có vi phạm, Công ty áp dụng chính sách giao dịch BLQ theo chuẩn IFC.	0
11	Có bất kỳ giao dịch BLQ nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (tức là không được thực hiện trực tiếp) cho các đơn vị không phải là Công ty con thuộc sở hữu toàn phần?	Không có giao dịch nào thuộc nhóm hỗ trợ tài chính không trực tiếp.	0
12	Có vi phạm pháp luật nào liên quan đến vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/vỡ nợ/thương mại/cạnh tranh hoặc Môi trường?	Không có vi phạm được ghi nhận trong các lĩnh vực này.	0
13	Công ty có đối mặt với bất kỳ lệnh trừng phạt nào của cơ quan quản lý do không đưa ra thông báo trong khoảng thời gian cần thiết cho các sự kiện quan trọng?	Không có trường hợp bị xử phạt hoặc nhắc nhở từ cơ quan quản lý.	0
14	Có bằng chứng nào cho thấy Công ty đang tham gia hoạt động "tẩy xanh" (cố gắng tạo ra vẻ ngoài bền vững trong khi trên thực tế không có sự cam kết và hành động tương ứng) không?	Không có dấu hiệu hoặc cáo buộc về hoạt động "tẩy xanh".	0
15	Công ty có nhận được "ý kiến ngoại trừ" trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	Báo cáo kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ.	0
16	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	Không có ý kiến bất lợi từ kiểm toán.	0
17	Công ty có nhận được "ý kiến từ chối trách nhiệm" trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	Không có ý kiến từ chối trách nhiệm từ kiểm toán.	0
18	Công ty có sửa đổi BCTC vì những lý do khác ngoài lý do thay đổi chính sách kế toán?	Không có chỉnh sửa nào ngoài lý do thay đổi chính sách kế toán theo quy định.	0
19	Có bằng chứng nào cho thấy Công ty đã không tuân thủ bất kỳ quy tắc và quy định niêm yết nào ngoài các quy định về CBTT?	Không có vi phạm nào được ghi nhận liên quan đến quy tắc và quy định niêm yết.	0
20	Có trường hợp nào Thành viên HĐQT không điều hành đã từ chức và nêu ra bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Quản trị?	Không có trường hợp từ chức nào liên quan đến vấn đề quản trị.	0
21	Công ty có Thành viên HĐQT/ủy viên độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hoặc 2 nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ 5 năm (tùy trường hợp nào cao hơn) với cùng chức vụ?	Không có Thành viên HĐQT độc lập nào phục vụ quá thời hạn quy định.	0
22	Có phải Công ty đã không xác định chính xác mô tả của Thành viên HĐQT Độc lập là độc lập, không điều hành và điều hành?	Công ty đã xác định rõ ràng vai trò của 3 Thành viên HĐQT Độc lập (43%) và 100% Thành viên Không điều hành.	0
23	Công ty có Thành viên HĐQT/không điều hành/ủy viên độc lập nào phục vụ trong tổng cộng hơn 5 HĐQT của các Công ty niêm yết?	Không có trường hợp nào vi phạm giới hạn số lượng HĐQT tham gia.	0
24	Có GĐ hoặc quản lý cấp cao nào từng là nhân viên hoặc đối tác cũ của kiểm toán viên bên ngoài hiện tại (trong 2 năm qua)?	Không có trường hợp nào thuộc diện này.	0
25	Chủ tịch có phải là TGĐ của Công ty trong 3 năm qua?	Chủ tịch là Thành viên HĐQT không điều hành.	0
26	Thành viên HĐQT không điều hành có nhận được quyền chọn, cổ phiếu hoặc tiền thưởng?	Không phát sinh trong năm 2024	0
	TỔNG CỘNG		**-1**

Quản trị Độc lập

THÔNG TIN THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Bà NGUYỄN THÙY VÂN
44 TUỔI - VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
(TỪ 18/9/2018 ĐẾN NAY)

Chức vụ kiêm nhiệm tại GEC:
- Chủ tịch UBKT (từ 18/9/2018 đến nay)
- Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng (từ 13/9/2021 đến nay)

Trình độ:
- Cử nhân Kinh tế
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chứng nhận Cao học Ban Kiểm toán

Kinh nghiệm:
- 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán

Trách nhiệm:
- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác QTDN được thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo tính tuân thủ của Công ty đối với các chuẩn mực QTCT theo chuẩn Quốc tế
- Quản trị và giám sát thực hiện các công cụ QTRR và giám sát tính hiệu quả của hệ thống KSNB, PTBV gắn liền tuân thủ cao và giảm thiểu rủi ro
- Xây dựng, duy trì tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả tại Công ty
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT

Ông NGUYỄN THẾ VINH
48 TUỔI - VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
(TỪ 3/3/2022 ĐẾN NAY)

Chức vụ kiêm nhiệm tại GEC:
- Không

Trình độ:
- Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm:
- 26 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Bất động sản và Du lịch

Trách nhiệm:
- Phụ trách các mối quan hệ để phát triển danh mục các loại hình NLTT trong lĩnh vực Du lịch, Bất động sản và các lĩnh vực khác phù hợp
- Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT và QTRR
- Quản trị và giám sát việc triển khai giải pháp công nghệ và quản lý hệ thống tại Công ty
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT

Bà PHẠM THỊ KHUÊ
41 TUỔI - VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
(TỪ 12/6/2020 ĐẾN NAY)

Chức vụ kiêm nhiệm tại GEC:
- Không

Trình độ:
- Thạc sỹ Châu Á học

Kinh nghiệm:
- 19 năm Quản lý Vận hành các lĩnh vực Truyền thông - Tiếp thị, Bất động sản, Thương mại - Dịch vụ, Xe hơi, Y tế

Trách nhiệm:
- Phụ trách các mối quan hệ để phát triển các loại hình NLTT trong lĩnh vực Bất động sản nhằm tìm kiếm, mở rộng quỹ đất phát triển Năng lượng
- Giám sát độc lập các chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD đảm bảo các rủi ro được kiểm soát
- Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT của HĐQT và các hoạt động của BĐH
- Thực hiện các công tác khác theo phân công của HĐQT

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Để đảm bảo tính độc lập, các Thành viên HĐQT độc lập tại GEC không những đạt tiêu chuẩn theo quy định Pháp luật Việt Nam mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn được khuyến nghị trong Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của IFC, gồm:

1. Không phải là nhân viên của Công ty hay nhân viên của các BLQ trong 5 năm gần nhất
2. Không phải là, và không liên quan tới doanh nghiệp đóng vai trò tư vấn cho Công ty hoặc các BLQ
3. Không liên quan tới một khách hàng hoặc một nhà cung cấp quan trọng của Công ty hoặc các BLQ
4. Không có hợp đồng dịch vụ cá nhân với Công ty, các BLQ hoặc các chức năng quản lý cấp cao của Công ty
5. Không liên quan tới một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Công ty hoặc các BLQ
6. Không phải là cán bộ điều hành của một Công ty khác mà một trong số cán bộ điều hành ở Công ty hiện tại cũng nắm trong HĐQT
7. Không phải là thành viên trong gia đình trực hệ của một cá nhân đang là, hoặc trong 5 năm gần nhất đã là, một cán bộ điều hành của Công ty hoặc các BLQ
8. Hiện tại, và trong 5 năm gần nhất, không có liên quan tới và không phải là nhân viên của một Công ty kiểm toán hiện nay hay trước kia của Công ty hoặc của các BLQ
8. Không phải là cá nhân/thành viên của một nhóm/pháp nhân kiểm soát của Công ty hoặc có quan hệ nhân thân/họ hàng/thừa kế hoặc là nhà điều hành, nhà quản lý hoặc đại diện cá nhân của cá nhân được nêu trên hiện đã chết hoặc mất năng lực hành vi.

Việc đáp ứng các tiêu chí nêu trên nhằm nâng cao tính độc lập của thành viên độc lập HĐQT thông qua việc ngăn chặn xung đột lợi ích, quan hệ sở hữu cũng như quan hệ cá nhân có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm.

CƠ CẤU THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Hoạt động QTCT tốt sẽ thúc đẩy HĐKD hiệu quả, gia tăng giá trị Công ty và góp phần vào việc tăng trưởng đầu tư và PTBV. Hoạt động QTCT bao hàm việc xây dựng nền tảng chính sách, thiết lập khung hướng dẫn, quản lý và kiểm soát tốt các mối quan hệ giữa Ban GĐ, HĐQT, CĐ và các bên có quyền lợi liên quan, trong đó việc lựa chọn mô hình quản trị là yếu tố quan trọng chính yếu. Hiện nay trên thế giới có 2 mô hình QTCT bao gồm:

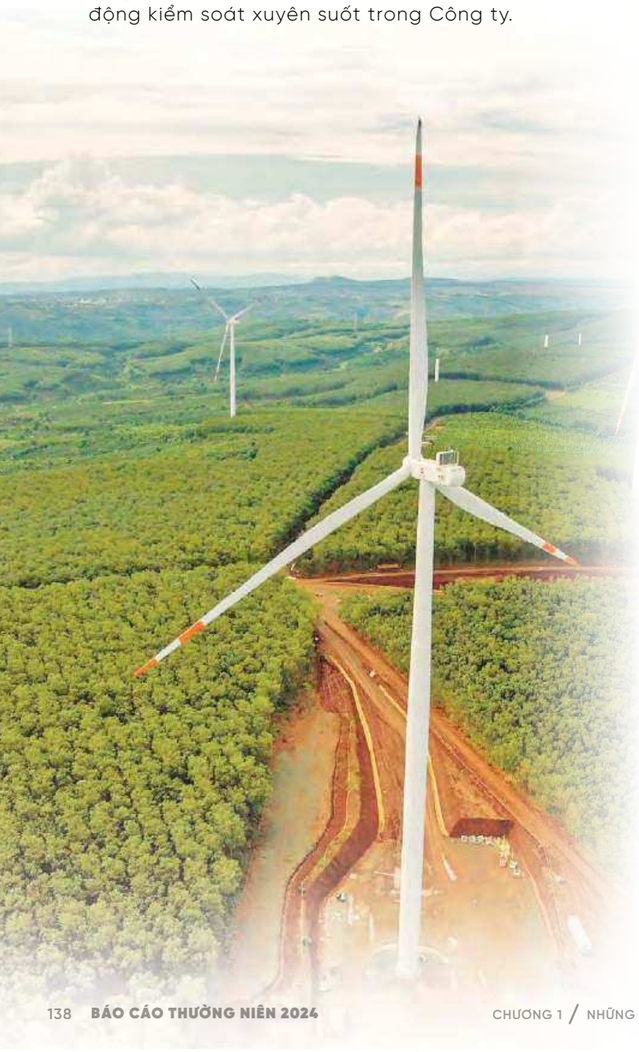
Mô hình một lớp (mô hình quản trị nhất nguyên hoặc mô hình Anglo - Saxon): chỉ có một HĐQT đóng vai trò trung tâm, định hướng chiến lược, điều hành Công ty đồng thời giám sát hiệu quả hoạt động của BĐH. Mô hình này tập trung vào lợi ích CĐ, tính minh bạch phù hợp với các Công ty niêm yết, vì các quyết định chiến lược, tài chính và điều hành đều tập trung vào HĐQT, giúp minh bạch hóa thông tin với NĐT.

Mô hình hai lớp (mô hình quản trị nhị nguyên hoặc mô hình German): phân tách hai cấp quản trị riêng biệt theo đó sẽ có Hội đồng Giám sát chịu trách nhiệm giám sát, bổ nhiệm BĐH và BĐH độc lập với Hội đồng Giám sát, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày. Mục tiêu của mô hình này hướng đến cân bằng lợi ích của nhiều BLQ bao gồm CĐ, nhân viên, khách hàng, và xã hội.

Theo khảo sát của OCED, số lượng các quốc gia ưa chuộng lựa chọn mô hình quản trị một lớp gấp đôi các quốc gia lựa chọn mô hình quản trị hai lớp, phổ biến tại các quốc gia như Mỹ, Anh, Canada, Úc,...; nhiều tập đoàn lớn như Apple, Microsoft, Tesla,... cũng đều chọn mô hình này, song song đó lại có yêu cầu và đề cao vai trò của Thành viên HĐQT độc lập để đảm bảo giám sát tốt.

Do chỉ tổ chức một HĐQT nên tính độc lập cũng như sự giám sát phụ thuộc vào sự hiện diện và quyền hạn của các Thành viên độc lập HĐQT. Tại Việt Nam, Luật Doanh nghiệp 2020 đã có các quy định bắt buộc về số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện với Thành viên độc lập HĐQT.

Tại GEC, Công ty đã xây dựng hệ thống QTCT theo mô hình quản trị 1 lớp và không ngừng nâng cấp để tiệm cận với các nguyên tắc, khuyến nghị Quốc tế không chỉ thông qua sự hiện diện mà cốt lõi còn xây dựng vai trò, chức năng và quyền hạn của các Thành viên HĐQT độc lập. Công ty hiểu rõ các Thành viên HĐQT độc lập giúp đảm bảo tính công bằng và độc lập trong các quyết định chiến lược dài hạn, cũng như nâng cao tính minh bạch, tăng cường niềm tin của CĐ và các BLQ. Hiện tại, GEC có 3/7 Thành viên HĐQT độc lập, chiếm 43% số lượng thành viên trong HĐQT. Việc tổ chức như hiện tại tạo nên cơ cấu quản trị hiện đại và linh hoạt, tập trung 1 tầng quản lý và chịu trách nhiệm rõ ràng, có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược phát triển và đổi mới kịp thời cho doanh nghiệp; thêm vào đó việc thành lập các UB thuộc HĐQT như: UBKT; UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng; UB Đầu tư, giúp đảm bảo tính minh bạch và thực thi các hoạt động kiểm soát xuyên suốt trong Công ty.



Công ty luôn duy trì tỷ lệ Thành viên độc lập ở mức cao hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế. Tỷ lệ thành viên độc lập trong HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 ít nhất là 20%; theo khuyến cáo của Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất cho các Công ty đại chúng được UBCKNN ban hành năm 2019 tối thiểu là 1/3 thì tại GEC, số lượng Thành viên HĐQT độc lập từ năm 2022 đến nay luôn duy trì 3/7 tương ứng 43% trong cơ cấu HĐQT, cao hơn so với quy định pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế nhưng đồng thời nằm trong ngưỡng tối ưu được khuyến nghị (từ 1/3 đến 50%). Đồng thời tỷ lệ này cũng cao đáng kể so với trung bình các Công ty niêm yết có vốn hóa vừa (trung bình 27,5%) và Công ty niêm yết cùng ngành (trung bình ngành Điện, nước & xăng dầu khí là 24%) theo Báo cáo khảo sát Thành viên Độc lập HĐQT tại các Công ty Đại chúng ở Việt Nam do Hội Thành viên Độc lập HĐQT Doanh nghiệp Việt Nam (VNIDA) phối hợp với CTCP FiinGroup Việt Nam (FiinGroup) công bố vào tháng 2/2024.

Ngoài ra, các Thành viên HĐQT độc lập cũng có sự đa dạng giới với tỷ lệ nữ giới chiếm 29% tổng số Thành viên HĐQT và đến 67% trên số lượng Thành viên HĐQT độc lập. Theo số liệu khảo sát dựa trên dữ liệu từ 10.493 Công ty ở 51 quốc gia được Deloitte thực hiện năm 2022, Báo cáo Women in the boardroom: A global perspective đã ghi nhận tỷ lệ nữ giới nắm giữ 19,7% và 11,7% số ghế trong HĐQT trên toàn cầu nói chung và khu vực Châu Á nói riêng; tỷ lệ này tại Việt Nam là 18% tại các Công ty niêm yết theo Báo cáo Đánh giá về QTCT cho Doanh nghiệp Niêm yết 2024. Như vậy, tỷ lệ nữ giới là Thành viên HĐQT tại GEC cao hơn nhiều so với trong nước, khu vực và toàn cầu theo khảo sát. Sự hiện diện của nữ giới trong HĐQT sẽ mang đến một bộ năng lực đa dạng và toàn diện hơn, tăng khả năng giám sát, linh hoạt trong quan điểm, ít xu hướng chỉ đạo hơn so với nam giới vì vậy tạo điều kiện cho các thảo luận cởi mở giữa các Thành viên. Thêm vào đó, nghiên cứu của IFC đã cho thấy phụ nữ quan tâm nhiều hơn đến việc tham gia vào các vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), từ đó giúp nâng cao uy tín và sức ảnh hưởng của Công ty. Theo xu thế thế giới, ESG là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên giá trị lâu dài của doanh nghiệp, thu hút NĐT. Đã có rất nhiều nghiên cứu chỉ ra mối tương quan giữa tính độc lập và sự đa dạng giới tính của HĐQT đến các vấn đề ESG. Các nghiên cứu của Kamaludin tại Malaysia công bố trên tạp chí International Journal of Corporate Social Responsibility tháng 9/2022 và nghiên cứu của Burcu Gurol tại các khu vực European công bố trên tạp chí Social Responsibility Journal tháng 2/2023 hay nghiên cứu Women directors and E&S performance: Evidence from board gender quotas được đăng tải vào tháng 12/2023 trên tạp chí Journal of Corporate Finance của Edith Ginglinger và Caroline Raskopf đều cho cùng kết quả rằng **"sự hiện diện của Thành viên HĐQT nữ sẽ tích cực thúc đẩy Công ty trong việc cải thiện các vấn đề về thực hành ESG và nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực này"**

Các Thành viên độc lập có kinh nghiệm đa dạng và năng lực chuyên môn cao khi đều có từ 19-26 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành thuộc nhiều Ngành nghề khác nhau như Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán, Bất động sản, Thương mại - Dịch vụ... đặc biệt là sự am hiểu và gắn bó với Ngành Năng lượng.

Ngoài những yếu tố trên, vai trò giám sát độc lập còn được thực thi hiệu quả hơn khi Bà Nguyễn Thùy Vân kiêm nhiệm Chủ tịch UBKT và Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng. Với sự kiêm nhiệm tại các UB trực thuộc HĐQT được thành lập và hoạt động theo chuẩn mực quốc tế và thông lệ tốt nhất về QTCT, Bà Nguyễn Thùy Vân đã thực hiện đầy đủ các chức năng giám sát công tác QLRR, kiểm soát, đảm bảo tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB, cũng như công tác quản trị, đánh giá hiệu suất nguồn nhân lực và thiết lập chính sách lương thưởng liên quan nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, góp phần tăng cường hiệu quả của khung QTCT.

Với việc bổ nhiệm và thực hiện chức năng theo quy định pháp luật trong nước và chú trọng hướng đến các khuyến nghị của thông lệ quốc tế, các Thành viên HĐQT độc lập có thể đảm bảo không có một hoặc một nhóm Thành viên HĐQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định tại Công ty, thực hiện vai trò, trách nhiệm ở mức cao nhất, cũng như có những đóng góp thiết thực cho việc điều hành và QTCT.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP TRONG NĂM 2024

Với mục tiêu chuẩn hóa công tác QTCT theo chuẩn mực quốc tế, hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện vai trò giám sát độc lập, gia tăng tính kiểm soát đối với công tác Quản trị và Điều hành Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích cho các CĐ, đặc biệt là CĐ thiểu số. Gắn liền với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Quy chế hoạt động của HĐQT, trong năm 2024, các Thành viên đã có những hoạt động điển hình trong công tác Quản trị, Giám sát, Kiểm soát và Kiểm toán như sau:

1 HỖ TRỢ HĐQT THỰC HIỆN QTCT HIỆU QUẢ VÀ MINH BẠCH

- Thực thi những biện pháp mạnh mẽ nhằm cải thiện chất lượng QTCT. Hỗ trợ xây dựng nền tảng QTCT hiệu quả tiệm cận thông lệ tốt nhất.
- Thúc đẩy tiến trình PTBV, chú trọng các phương hướng tăng trưởng Xanh với sự tích hợp giá trị của ba yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG).

2 GIÁM SÁT HĐQT, BĐH

- Giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra NQ của HĐQT. HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nội dung NQ của ĐHĐCĐ.
- Giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các NQ của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGĐ.
- Các NQ, Quyết định của HĐQT, TGĐ được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy định nội bộ có liên quan.

3 GIÁM SÁT CÔNG TÁC CBTT

- Giám sát việc công bố các thông tin, số liệu bao gồm thông tin Tài chính và Phi Tài chính.
- Đảm bảo thông tin số liệu chính xác trung thực và đầy đủ đáp ứng nhu cầu thông tin trọng yếu của các BLQ. Công tác CBTT được thực hiện kịp thời và phù hợp với quy định của Pháp luật.

4 GIÁM SÁT VÀ KIỂM SOÁT BCTC

- Giám sát việc lập và trình bày BCTC phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- Giám sát thực thi trách nhiệm giải trình đối với thông tin tài chính, và chất lượng của thông tin giải trình.

5 GIÁM SÁT GIAO DỊCH CÁC BLQ

- Giám sát tất cả các các giao dịch với BLQ, đưa ra các ý kiến, khuyến nghị trước khi thực hiện.
- Đảm bảo tính tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty và Chính sách giao dịch với BLQ được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Tất cả các giao dịch được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường, không thiên vị và tồn tại nguy cơ xảy ra xung đột lợi ích.

6 GIÁM SÁT HỆ THỐNG KSNB, QTRR

- Giám sát và thường xuyên đánh giá về tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB.
- Hệ thống VBLQ được Công ty cập nhật, hoàn thiện và tin học hóa qua E-Office hỗ trợ tích cực cho hoạt động kiểm soát.
- Xây dựng khung danh mục rủi ro và thúc đẩy quá trình hình thành văn hóa rủi ro, nâng cao khả năng phát hiện và ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro.

7 GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KTNB

- Giám sát hoạt động KTNB, đảm bảo tính độc lập và hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ KTNB.

8 GIÁM SÁT DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Đảm bảo tư cách pháp lý và tính độc lập của Đơn vị Kiểm toán độc lập.
- Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn của đội ngũ Kiểm toán viên, tiến độ và chất lượng của kết quả kiểm toán.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BĐH TRONG NĂM 2024

HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2024

HĐQT	BĐH
❖ Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ và 15 lần lấy ý kiến HĐQT đột xuất với sự tham gia của các Thành viên HĐQT, UBKT và BĐH. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã biểu quyết bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền mang tính cấp bách. Tính đến ngày 31/12/2024, HĐQT đã thông qua 27 NQ mang tính chất định hướng, chỉ đạo HĐKD theo chiến lược phát triển của Công ty.	❖ Do ảnh hưởng giá điện của NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 và trụ A7-VPL nên LNTT 2024 Hợp nhất đạt 182 tỷ đồng, bằng 54% kế hoạch. ❖ Hoàn tất tái cấu trúc gói Trái phiếu TCBS theo chủ trương đã được duyệt với lãi suất cạnh tranh nhằm tối ưu hóa chi phí lãi vay và cấu trúc nguồn vốn tối ưu cho DA.
❖ HĐQT hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty; đặc biệt hướng tới phù hợp với thông lệ Quản trị quốc tế, hoàn thiện mô hình QTCT theo tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) cũng như các Tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội (E&S) của IFC. Các Thành viên HĐQT hoạt động tích cực, mẫn cán; giải quyết công việc một cách trách nhiệm và chuyên nghiệp. Mỗi Thành viên đều phát huy tốt khả năng, đáp ứng được sự tin tưởng của các CĐ tin tưởng, giao phó.	❖ Tiếp tục mở rộng nghiên cứu phát triển các loại hình NLTT mới như Điện Rác, Hydrogen, Tích trữ năng lượng,... tại các Tỉnh có điều kiện thuận lợi đồng thời định hướng và vươn tầm phát triển ra bên ngoài Việt Nam như Lào và các nước lân cận. ❖ Duy trì hệ thống KSNB hữu hiệu và hiệu quả, tiếp tục triển khai các phương pháp, quy trình QTRR.
❖ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2024, ngoài các phiên họp định kỳ, các nội dung được trao đổi theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các Thành viên HĐQT còn tham dự các phiên họp giao ban mở rộng với BĐH, thông qua các báo cáo, nhằm kịp thời hỗ trợ và đưa ra các chính sách, chủ trương đáp ứng cho công tác Quản trị, Điều hành của Công ty	❖ Duy trì tuân thủ tốt các quy định của Pháp luật về EHSS tại các NM, đảm bảo quá trình vận hành các NM liên tục, hiệu quả. Hoàn thành đánh giá Tái chứng nhận ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng môi trường ❖ Rà soát, cập nhật hệ thống VBLQ và trong năm đã hoàn tất việc ban hành Sổ tay dành cho GĐ Chi nhánh/NM, áp dụng cho các loại hình Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió

ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

❖ Thành viên HĐQT độc lập đã phát huy tốt vai trò giám sát và kiểm soát, song hành cùng HĐQT đưa ra những quyết định công bằng, minh bạch trong công tác Quản trị, thận trọng và trách nhiệm, đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, không gây xung đột về lợi ích giữa các BLQ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm CĐ, đảm bảo trách nhiệm của HĐQT trong việc giám sát, hỗ trợ BĐH.	❖ Thành viên HĐQT độc lập cùng với HĐQT đã giám sát BĐH triển khai kịp thời các Chỉ thị, QĐ của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Quy chế tổ chức hoạt động Công ty và Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, Thành viên độc lập thực hiện giám sát, đảm bảo hoạt động KTNB, QLRR phát huy tối đa vai trò, chức năng giám sát và đánh giá hệ thống KSNB, giảm thiểu rủi ro tới mức thấp nhất cho Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Trong năm 2025, nhằm song hành cùng chiến lược phát triển của Công ty, tối ưu hóa các nguồn lực để gia tăng cơ hội tìm kiếm, M&A và phát triển DA... thực thi mục tiêu trở thành tổ chức tư nhân hàng đầu về phát triển đồng bộ, đa dạng hóa các loại hình NLTT và cung cấp các loại hình dịch vụ kỹ thuật kinh doanh điện tốt nhất tại Việt Nam và khu vực, gia tăng lợi ích cho CĐ và BLQ, các Thành viên độc lập đã đề ra các mục tiêu và kế hoạch hành động trọng tâm để thực hiện vai trò giám sát, kiểm soát và đáp ứng các nguyên tắc Quản trị tốt:

MỤC TIÊU CỦA NĂM 2025	ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM CỦA NĂM 2025	ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG ĐẾN
Thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ trong vai trò giám sát độc lập để duy trì sự minh bạch trong Quản trị và Điều hành, nhất quán trong mục tiêu tối đa hóa giá trị Công ty và bảo vệ lợi ích của CĐ	❖ Giám sát HĐQT và BĐH, sớm phát hiện, ngăn chặn và hòa giải các nguy cơ xung đột lợi ích của các BLQ	HĐQT và BĐH
Tạo ra giá trị gia tăng cho Công ty, nâng cao công tác Quản trị và Điều hành	❖ Đưa ra các ý kiến, phân tích, đánh giá, phản biện đối với các chiến lược, kế hoạch của HĐQT và BĐH đảm bảo tính đa chiều, thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong hoạt động Quản trị và Điều hành tại Công ty ❖ Là trung gian giữa Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT khác khi cần thiết	HĐQT và BĐH
Nâng cao hoạt động KTNB, hoàn thiện hệ thống QTRR để thiết lập môi trường kiểm soát vững mạnh cho Công ty	❖ Tiếp tục đề ra những định hướng, giải pháp hữu hiệu, giám sát hoạt động KTNB phát huy tốt vai trò là tuyến phòng vệ thứ 3 của Công ty ❖ Hoàn thiện khung QTRR để nhận diện kịp thời các rủi ro, thực hiện công tác QTRR là điều kiện tiên quyết trong mọi hoạt động	BĐH
Nâng cao vị thế HĐQT độc lập, duy trì tính liêm chính, tính độc lập và số lượng Thành viên HĐQT độc lập theo quy định hiện hành	Luôn đảm bảo đủ số lượng từ 2 Thành viên trở lên có kiến thức về kế toán, kiểm toán, sự hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty Thường xuyên chủ động rà soát tính độc lập của Thành viên HĐQT về quan hệ nhân thân, quan hệ kinh tế để đáp ứng yêu cầu của quy định hiện hành	HĐQT

Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng

UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng là cơ quan trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu cho HĐQT trong việc QTCT, chính sách bổ nhiệm và Lương thưởng. Vị trí, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UB được Công ty quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của UB, do HĐQT phê duyệt ngày 7/12/2022 và được công bố trên trang Web của Công ty để đảm bảo tính minh bạch cũng như là chuẩn đối sánh để dựa vào đó đánh giá được kết quả công việc của UB. Quy chế tổ chức và hoạt động của UB được ban hành phù hợp với Nguyên tắc 4.3 trong Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ tốt nhất do UBCKNN và IFC phối hợp ban hành.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tham mưu cho HĐQT các vấn đề về QTCT, vấn đề bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Lương thưởng.
2. Yêu cầu các Phòng Ban và Nhóm Công ty phối hợp, cung cấp các nội dung, thông tin liên quan phục vụ công tác tham mưu.
3. Xây dựng, kiến nghị, đánh giá hàng năm chính sách QTCT và giám sát các vấn đề QTCT.
4. Xác định các ứng viên có đủ năng lực trở thành Thành viên HĐQT và trình lên HĐQT để thông qua danh sách ứng cử.
5. Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các UB liên quan.
6. Điều phối việc đánh giá hàng năm đối với HĐQT, Thành viên HĐQT và các UB.
7. Bảo đảm việc tuân thủ chính sách QTCT và QCUX của Công ty.
8. Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty.
9. Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty.
10. Chuẩn bị BCTN về chính sách và hoạt động lương thưởng là 1 phần của BCTN.
11. Xây dựng các chính sách theo yêu cầu của HĐQT:
    - Tiêu chí, chất lượng các Thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.
    - Chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của Thành viên HĐQT và BĐH với lợi ích lâu dài của Công ty.
    - Các chính sách, quy định khác nhằm triển khai chức năng, nhiệm vụ của UB.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

	SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC	CHỨC DANH	THỜI GIAN ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ
1	Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	13/9/2021 đến nay
2	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	13/9/2021 đến nay
3	Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	13/9/2021 đến nay
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thư ký	

SỰ ĐA DẠNG CỦA THÀNH VIÊN ỦY BAN

Tuổi	Từ 33 tuổi đến 63 tuổi
Giới tính	Nữ chiếm 1/3 số lượng thành viên
Học vấn	Thạc sĩ, cử nhân về nhiều linh vực như kinh tế, du lịch, quản trị kinh doanh…
Kinh nghiệm	Kinh nghiệm đa dạng. Đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao khác nhau như Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBKT… tại nhiều lĩnh vực như Năng lượng, Tài chính…
Mô hình quản trị	3/3 Thành viên là Thành viên HĐQT không điều hành, 1/3 Thành viên HĐQT độc lập

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN TRONG NĂM 2024

Theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của UB QTCT, các cuộc họp của UB QTCT được tổ chức định kỳ ít nhất 6 tháng/lần và có thể phát sinh thêm theo chỉ đạo của Chủ tịch UB hoặc theo đề nghị của HĐQT. Trong năm 2024, UB đã tổ chức 2 cuộc họp chính thức vào ngày 15/7 và 6/12 dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các cuộc họp diễn ra với sự tham gia của 3/3 thành viên (100% thành viên) và tỷ lệ đồng thuận các nội dung cuộc họp là 100%. Các nội dung đề xuất HĐQT xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cụ thể như sau:

- Đánh giá việc thực hiện chính sách và giám sát các vấn đề về hoạt động QTCT.
- Bảo đảm việc tuân thủ QCUX của Công ty. Rà soát lại các quy định mới của Luật Việt Nam và chuẩn quốc tế về quy định QTCT, Bộ QCUX.
- Rà soát, đánh giá năng lực của các Thành viên HĐQT nhằm đảm bảo đủ điều kiện để tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ trong HĐQT.
- Đánh giá hoạt động của BĐH trong các vấn đề liên quan đến lĩnh vực QTCT và bổ nhiệm nhân sự.
- Triển khai và tổng hợp các ý kiến tham mưu từ các Phòng Ban/Công ty thành viên trong việc Xây dựng Kế hoạch hành động, Kế hoạch ngân sách về nguồn nhân lực cho năm sau.
- Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty. Chế độ lương thưởng phù hợp với công việc, loại hình kinh doanh, khu vực làm việc, hiệu quả công việc và tuân thủ đầy đủ pháp luật và các quy định về chính sách lương thưởng.

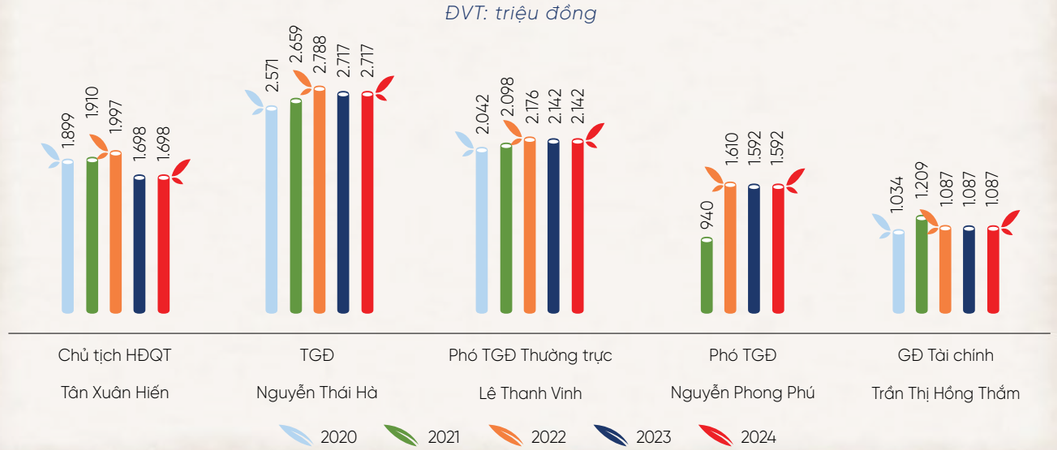
THÙ LAO HĐQT TỪ 2020-2024

ĐVT: triệu đồng



THU NHẬP CÁN BỘ CHỦ CHỐT TỪ 2020-2024

ĐVT: triệu đồng



Nguồn: GEC

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

UB QTCT tiếp tục quan tâm đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao, phát huy vai trò tham mưu cho HĐQT các vấn đề về QTCT, đề cử Thành viên HĐQT và Lương thưởng, tiếp tục triển khai các chức năng nhiệm vụ sau:

- Hoàn thiện các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân sự cấp cao. Xây dựng các chính sách về tiêu chí, chất lượng các Thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.
- Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các UB liên quan. Xây dựng các tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của Thành viên HĐQT và BĐH với lợi ích lâu dài của Công ty.
- Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến Thù lao và Lương thưởng của HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty.
- Điều phối việc đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm đối với HĐQT, Thành viên HĐQT, các UB và BĐH.
- Tuân thủ các điều kiện đào tạo chứng chỉ, nghiệp vụ bắt buộc cho công tác hoạt động sản xuất của Công ty, đồng thời nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo đội ngũ CBQL cấp trung và Nhân sự kế thừa.
- Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty, thực hiện Báo cáo hằng năm về chính sách và hoạt động lương thưởng.



Ủy ban Kiểm toán

CƠ CẤU UBKT

UBKT gồm 3 Thành viên HĐQT không điều hành, trong đó Chủ tịch UBKT là Thành viên HĐQT độc lập.

THÀNH VIÊN UBKT	BÀ NGUYỄN THÙY VÂN	ÔNG ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN	ÔNG SIMON MARK WILSON
Chức vụ tại UBKT	Chủ tịch	Thành viên	Thành viên
Chức vụ tại HĐQT	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Thành viên không điều hành
Thời gian đảm nhiệm	18/9/2018 đến nay	13/9/2021 đến nay	8/3/2023 đến nay

Các Thành viên thuộc UBKT đều có chuyên môn và kinh nghiệm về tài chính, kiểm toán, kế toán theo chuẩn mực VAS và IFRS cung cấp góc nhìn đa chiều, đảm bảo hệ thống KSNB luôn được duy trì hiệu quả và hoạt động công ty tuân thủ luật pháp, nguyên tắc đạo đức kinh doanh cũng như quy định nội bộ.

Cơ cấu UBKT của GEC không những được kiện toàn đáp ứng các yêu cầu của luật Việt Nam mà còn bám sát tiêu chuẩn QTCT theo thông lệ tốt nhất với tính độc lập được củng cố, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển và cải thiện chất lượng QTCT. Một trong những điểm nhấn của cơ cấu UBKT là sự đa dạng về giới, với tỷ lệ Thành viên nữ là 33% đồng thời là Chủ tịch. Điều này không chỉ tạo ra sự cân bằng mà còn phát huy những thế mạnh đặc trưng của nữ giới trong quản trị và kiểm soát, bao gồm tư duy thận trọng, tính kỷ luật cao và khả năng xây dựng môi trường làm việc cởi mở, dân chủ. Nhờ đó, Chủ tịch UBKT có mức độ độc lập cao trong việc đánh giá hoạt động KSNB của Công ty, yêu cầu các tiêu chuẩn đạo đức nghiêm ngặt; đồng thời quan tâm đến nâng cao vai trò, chức năng giám sát và tư vấn của UBKT và QTRR, từ đó cải thiện chất lượng BCTC thông qua việc giảm các sai phạm, theo nghiên cứu của Xiaochong Li và Yanxi Li được đăng tải trên Tạp chí Finance Research Letter năm 2020.

Trong một nghiên cứu khác được đăng trên Tạp chí European Research on Management and Business Economics 2023, sự hiện diện của nữ giới trong UBKT có liên hệ đến phí kiểm toán thấp hơn. Nguyên nhân được đánh giá do chất lượng BCTC được cải thiện, rủi ro được Công ty kiểm soát tốt hơn, dẫn đến các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập tiết giảm nguồn lực. Thực tế tại GEC cho thấy, quy mô doanh nghiệp tăng đáng kể trong giai đoạn 2020-2024, với Vốn điều lệ tăng từ 2.712 tỷ đồng lên 4.225 tỷ đồng tương ứng tăng 56%, TTS tăng từ 7.773 tỷ đồng lên 15.174 tỷ đồng tương ứng tăng 95%,... nhưng chi phí kiểm toán BCTC vẫn được duy trì ổn định qua từng năm và chỉ tăng 13% từ 310 triệu đồng lên 350 triệu đồng. Điều này phản ánh rằng dù công ty mở rộng quy mô đáng kể, chất lượng BCTC và hệ thống KSNB được củng cố đã giúp kiểm soát rủi ro tài chính hiệu quả, từ đó hạn chế sự gia tăng đột biến trong chi phí kiểm toán. Đây có thể xem là minh chứng cho mối liên hệ giữa việc nâng cao chất lượng quản trị, đặc biệt là sự tham gia của nữ giới trong UBKT, với việc tối ưu hóa chi phí kiểm toán theo kết quả nghiên cứu đã công bố.



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG UBKT

Thẩm quyền, nghĩa vụ, cơ cấu và quy trình hoạt động của UBKT được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động UBKT do HĐQT ban hành và được công bố trên Website của Công ty. Quy chế Tổ chức hoạt động của UBKT phù hợp với Điều lệ của Công ty, Điều lệ UBKT và các quy định của Pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, NĐ 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán, TT 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn NĐ 155/2020/NĐ-CP). Ngoài ra, hoạt động của UBKT đã đáp ứng hầu hết các chuẩn mực khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng được UBCKNN và IFC phối hợp thực hiện ban hành năm 2019, Nguyên tắc QTCT của G20/OECD 2023 và Thẻ điểm QTCT ASEAN SCORECARD 2024.

Bằng việc tổ chức và duy trì cơ chế hoạt động minh bạch, độc lập và khách quan, UBKT đã phát huy tích cực vai trò là cơ quan giám sát, hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong công tác QTDN. Trong các năm qua, với sự tham gia kiểm soát độc lập và khách quan của UBKT, hoạt động của GEC ngày càng minh bạch, giảm thiểu rủi ro gian lận và sai sót, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực thi mục tiêu tối đa hóa giá trị Công ty và đảm bảo quyền lợi các BLQ, trong đó có CĐ và NĐT.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA UBKT TRONG NĂM 2024

UBKT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, thảo luận, góp ý nội dung và cách thức đưa ra NQ của HĐQT; đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các NQ của HĐQT. Trên tinh thần phối hợp để đạt được mục tiêu chung, UBKT duy trì mối quan hệ tương tác tích cực với các Thành viên HĐQT, BĐH và các CBQL chuyên trách. Việc trao đổi thường xuyên và sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên giúp nâng cao hiệu quả giám sát và hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực hiện các chiến lược quản trị. Mặc dù UBKT đang hoạt động dựa trên các khuyến nghị trong hầu hết các thông lệ tốt nhất về QTCT, nhưng trong Báo cáo này, UBKT chọn lọc phân tích dựa trên Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của IFC và UBCKNN 2019 với 8 trách nhiệm chủ yếu:

TRÁCH NHIỆM	UBKT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
Giám sát tính trung thực của BCTC và tất cả công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.	❖ Thẩm định BCTC hàng quý, bán niên và cuối niên độ ❖ Giám sát CBTT trên TTCK đảm bảo tuân thủ các quy định tại TT 96/2020/TT-BTC hiệu lực ngày 1/1/2022 và Quy chế CBTT hiện hành của Công ty.	❖ BCTC phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. BCTC 2024 phản ánh trung thực tình hình tài chính và SXKD của Công ty ❖ Chính sách kế toán áp dụng nhất quán, thuyết minh đầy đủ các thông tin trọng yếu trên BCTC. Việc áp dụng các chính sách và nguyên tắc kế toán được đánh giá là phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty trong điều kiện SXKD trong năm vừa qua ❖ Thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT đến các CĐ, NĐT, Khách hàng, Đối tác, các BLQ khác... ❖ Không có vi phạm về CBTT
Rà soát KSNB về tài chính của Công ty, hệ thống KSNB và QLRR	❖ Rà soát, tư vấn hiệu chỉnh VBLQ hiện hành của Công ty ❖ Tham mưu, đề xuất cải thiện các chốt kiểm soát đảm bảo hoạt động, vận hành ổn định, hiệu quả, phòng tránh rủi ro ❖ Đánh giá tính tuân thủ trong công tác thực thi hệ thống KSNB và QLRR	❖ Công ty tiếp tục duy trì hệ thống KSNB và QLRR hữu hiệu và hiệu quả ❖ Hệ thống VBLQ được điều chỉnh, cập nhật toàn diện theo quy định Pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động. Các VBLQ được công khai trên các nền tảng E-Office đảm bảo CBNV tiếp cận đầy đủ, kịp thời và thuận tiện đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động vận hành cũng như tính tuân thủ trong toàn GEC ❖ Quy trình tác nghiệp được hoàn thiện và cải tiến liên tục, tăng tính kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, sai sót
Rà soát giao dịch BLQ trong ngưỡng phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về giao dịch cần phê duyệt của HĐQT hoặc CĐ	❖ Định kỳ rà soát giao dịch các BLQ, báo cáo kết quả đến HĐQT, đảm bảo tuân thủ các chủ trương về giao dịch BLQ được phê duyệt tại NQ ĐHĐCĐ. ❖ Đánh giá và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các BLQ	❖ Các giao dịch luôn được thực hiện công bằng, minh bạch trên cơ sở giá thị trường, không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các BLQ ❖ Các giao dịch tuân thủ và được CBTT theo quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, chính sách giao dịch với Người có liên quan ❖ Không phát hiện các trường hợp xung đột lợi ích trong giao dịch BLQ
Giám sát Phòng KTNB của Công ty	❖ Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch KTNB ❖ Đánh giá kết quả và chất lượng hoạt động của KTNB ❖ Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp	❖ Chức năng KTNB đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống KSNB và QLRR ❖ Hoạt động kiểm toán bám sát và hoàn thành theo kế hoạch đã được UBKT phê duyệt ❖ Hoạt động KTNB tuân thủ Chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB. ❖ Kết hợp kiểm toán tuân thủ, đồng thời hỗ trợ tư vấn tạo ra các giá trị gia tăng cho Công ty ❖ Đội ngũ kiểm toán viên nội bộ có chuyên môn và kinh nghiệm, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động kiểm toán

TRÁCH NHIỆM	UBKT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập cũng như mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty Kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ phê duyệt	UBKT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, đề xuất lên HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ phê duyệt theo tiêu chí: ❖ Đơn vị kiểm toán uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng ❖ Đơn vị kiểm toán độc lập có đội ngũ Kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm kiểm toán BCTC ❖ Đơn vị kiểm toán độc lập không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC ❖ Đơn vị kiểm toán có mức phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán theo yêu cầu	❖ ĐHĐCĐ thống nhất cao về việc lựa chọn PwC thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 ❖ PwC được chọn đảm bảo phù hợp về tư cách pháp lý, năng lực chuyên môn, tính độc lập và không có bất kỳ xung đột lợi ích với Công ty ❖ Kiểm toán viên hành nghề thực hiện đúng quy định của Luật kiểm toán độc lập, không ký báo cáo kiểm toán cho GEC quá 3 năm liên tục để đảm bảo tính độc lập, khách quan và minh bạch thông tin Năm 2024, tổng chi phí cho hoạt động kiểm toán là 440 triệu đồng - giảm 4% so với năm 2023. Trong đó, Chi phí kiểm toán BCTC có tăng 20 triệu đồng ~6% và chi phí kiểm toán Báo cáo Tình hình sử dụng vốn Trái phiếu năm nay giảm 38 triệu đồng ~30% so với năm trước.
Theo dõi và đánh giá sự độc lập và khách quan của Công ty Kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của Kiểm toán	❖ Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, đảm bảo công tác kiểm toán được thực hiện đúng quy định của chuẩn mực kiểm toán độc lập ❖ Trao đổi với Đơn vị kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán, các vấn đề trọng yếu và ý kiến tư vấn trong Thư quản lý ❖ Giám sát bất kỳ sự không thống nhất nào giữa Công ty kiểm toán độc lập và BĐH, báo cáo HĐQT khi có sự khác biệt đáng kể về quan điểm	❖ Hoạt động kiểm toán BCTC đảm bảo tính độc lập, khách quan tuân thủ các quy định về kiểm toán độc lập tại Việt Nam ❖ BCTC phản ánh trung thực, hợp lý. Các thông tin được trình bày, thuyết minh đầy đủ, gia tăng tính minh bạch và độ tin cậy cho người sử dụng ❖ Không có sự khác biệt trọng yếu về quan điểm trong việc lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán, cũng như các thông tin số liệu giữa Đơn vị Kiểm toán và Công ty. UBKT chất vấn kiểm toán độc lập và BĐH để làm rõ thêm những nội dung quan trọng mà UBKT quan tâm. Các câu hỏi và yêu cầu của UBKT trong quá trình xem xét BCTC đã được kiểm toán độc lập và BĐH làm rõ, phản hồi thỏa đáng
Xây dựng và thực hiện chính sách về tuyển dụng Công ty kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ phi kiểm toán	Tiêu chuẩn lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán được xác định như sau: ❖ Đơn vị kiểm toán quốc tế uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao ❖ Đơn vị kiểm toán độc lập không xung đột lợi ích khi thực hiện dịch vụ phi kiểm toán ❖ Mức phí dịch vụ phi kiểm toán phù hợp với phạm vi thực hiện	❖ Không phát sinh chi phí phi kiểm toán trong năm như các dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ thiết kế hệ thống, dịch vụ tư vấn thuế... cung cấp bởi Công ty kiểm toán độc lập
Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ mọi quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như các quy định nội bộ khác của Công ty.	❖ Giám sát tính tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ của Công ty ❖ Giám sát các hoạt động của HĐQT theo NQ ĐHĐCĐ ❖ Giám sát hoạt động của BĐH triển khai kế hoạch, hành động theo NQ HĐQT ❖ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT	❖ Hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ ❖ NQ ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đầy đủ và đúng định hướng, HĐQT và BĐH thực hiện tốt trách nhiệm, kế hoạch theo NQ ❖ Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của BĐH ❖ Duy trì hiệu quả hoạt động HĐQT thông qua việc kịp thời bổ sung Thành viên HĐQT không điều hành ❖ Thành viên HĐQT thực hiện đúng phân công nhiệm vụ.

NỘI DUNG/KỲ	2020	2021	2022	2023	2024
Chi phí kiểm toán	310	335	335	458	440
Trong đó: Chi phí kiểm toán BCTC	310	335	335	330	350

Trong năm 2024, UBKT đã tiến hành 2 lần họp chính thức và các phiên họp đều được lập Biên bản họp, thỏa điều kiện UBKT họp ít nhất 2 lần/năm theo quy định tại NĐ 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 do Bộ Tài chính ban hành. Tất cả cuộc họp đều được tổ chức phù hợp với quy định tại Quy chế Tổ chức hoạt động của UBKT đã được Công ty ban hành. Ngoài ra, các Thành viên UBKT cũng đã chủ động sử dụng linh hoạt các kênh trao đổi để giải quyết kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

CUỘC HỌP	NGÀY 1/8/2024	NGÀY 9/12/2024
Thành phần	Tất cả thành viên UBKT đều tham dự họp ❖ Bà Nguyễn Thùy Vân - Chủ tịch ❖ Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên ❖ Ông Simon Mark Wilson - Thành viên	Tất cả thành viên UBKT đều tham dự họp ❖ Bà Nguyễn Thùy Vân - Chủ tịch ❖ Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên ❖ Ông Simon Mark Wilson - Thành viên
Nội dung báo cáo	Báo cáo và thảo luận công tác KTNB trong Q1, Q2/2024. Chi tiết:	Báo cáo và thảo luận về công tác KTNB Q3, Q4/2024 và các công tác trọng tâm đến hết niên độ. Chi tiết:
• **Thẩm định BCTC và giám sát CBTT**	❖ Rà soát giao dịch BLQ phát sinh trong Q1, Q2/2024 ❖ Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất Q4/2023, Q1/2024 ❖ Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 ❖ Rà soát các bài viết BCTN 2023 ❖ Lập báo cáo UBKT/BKS và rà soát bộ tài liệu ĐHĐCĐ năm 2023 của các CTTV.	❖ Rà soát giao dịch BLQ phát sinh trong Q3, Q4/2024 ❖ Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất Q3/2024 ❖ Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất kiểm toán bán niên 2024, ❖ Rà soát các quy định hiện hành, xây dựng tích hợp Quy trình phê duyệt các giao dịch với Người có liên quan. ❖ Lập báo cáo UBKT và rà soát Báo cáo QTCT 6 tháng đầu năm 2024 trước khi CBTT
• **Kiểm toán hoạt động**	Các cuộc kiểm toán đã thực hiện đến thời điểm cuộc họp: ❖ Kiểm toán hoạt động Phòng EHSS ❖ Kiểm toán hoạt động Phòng Tài chính Kế hoạch ❖ Kiểm toán hoạt động Phòng Hành chính Quản trị ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP Hợp tác và Phát triển NLTT Vi-ja ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP NM Điện Mặt trời Trúc Sơn	Các cuộc kiểm toán đã và đang thực hiện đến thời điểm cuộc họp: ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP Điện Gió Ia Bang ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP Năng lượng Điện gió Tiền Giang ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP Năng lượng VPL ❖ Kiểm toán hoạt động NM Điện Mặt Trời TTC Krông Pa ❖ Kiểm toán hoạt động CT TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ ❖ Kiểm toán hoạt động Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế - NM Điện Mặt trời TTC Phong Điền ❖ Kiểm toán hoạt động Chi nhánh TTC Lâm Đồng - NM Thủy điện Đa Khai ❖ Kiểm toán hoạt động Phòng Nhân sự ❖ Kiểm toán hoạt động CTCP Thủy điện Gia Lai
• **Công tác khác**	❖ Giám sát hoạt động của các NM Điện qua hệ thống camera, trao đổi với Phòng O&M ❖ Lập Báo cáo công tác phòng ngừa tham nhũng gửi UBND Tỉnh Gia Lai và Báo cáo công tác phòng ngừa tham nhũng theo Bộ chỉ số của Thanh tra Chính Phủ.	❖ Giám sát hoạt động của các NM Điện qua hệ thống camera, trao đổi với Phòng O&M ❖ Lập Báo cáo Công tác phòng ngừa tham nhũng gửi UBND Tỉnh Gia Lai, giai đoạn từ ngày 01/07/2019 đến ngày 30/6/2024 theo yêu cầu của tỉnh ❖ Rà soát danh mục rủi ro hằng năm.
Nội dung thảo luận	UBKT thống nhất đề xuất danh sách Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 2024 để trình HĐQT.	Thảo luận và trao đổi về việc xây dựng và trình duyệt các kế hoạch năm 2025 của Phòng KTNB: Kế hoạch kiểm toán, Kế hoạch ngân sách, Kế hoạch nhân sự.

KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CỦA UBKT TRONG NĂM 2025

Nhằm thực hiện các mục tiêu của hoạt động kiểm toán và đáp ứng các nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất, thông qua các hoạt động hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá và tư vấn, đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan, bám sát với 6 mục tiêu chính theo Luật doanh nghiệp 2020, UBKT đề ra các kế hoạch hành động cho năm 2025:

MỤC TIÊU	THỰC HIỆN
Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và các quy định nội bộ	❖ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, BĐH theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch trong Quản trị Điều hành ❖ Hỗ trợ HĐQT bảo đảm QTDN phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất và chuẩn mực quốc tế ❖ Ngoài giám sát việc duy trì và thực thi tính tuân thủ trong các hoạt động của Công ty, tăng cường giao tiếp và trao đổi chặt chẽ với BĐH để giải quyết các vấn đề chưa chuẩn hóa, thúc đẩy quá trình khắc phục và hoàn thiện.
BCTC và các thông tin công bố trung thực, đúng quy định	❖ Thực hiện rà soát số liệu kế toán và thẩm tra BCTC hàng quý, bán niên và cuối niên độ, đóng góp ý kiến hoàn thiện BCTC riêng và hợp nhất nhằm đảm bảo việc lập và trình bày BCTC tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành ❖ Giám sát việc CBTT theo đúng quy định ❖ Giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời kết quả kiểm toán BCTC và có những tham mưu khi cần thiết, đồng thời duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập thường xuyên
Hoàn thiện hệ thống KSNB và QLRR	❖ Tăng cường công tác tiền kiểm trong vai trò tư vấn hoàn thiện các chốt kiểm soát, hiệu chỉnh hệ thống VBLQ phù hợp với tình hình thực tế hoạt động thông qua từng cuộc kiểm toán ❖ Duy trì hệ thống KSNB hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, khung QTRR được ban hành đầy đủ và phù hợp với khẩu vị rủi ro của HĐQT. Thực hiện tham mưu, tư vấn với HĐQT, BĐH về hệ thống KSNB và khung QTRR nhằm tăng cường tính hiệu quả, tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hoá lợi ích của Công ty ❖ Thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QLRR bao gồm các rủi ro về Chiến lược - Tài chính - Hoạt động - Tuân thủ pháp luật - Môi trường và Xã hội - An toàn và Sức khỏe. Đồng thời, khuyến khích môi trường giao tiếp cởi mở và sự chia sẻ từ các cấp quản lý, xây dựng cơ chế đánh giá và cải tiến liên tục, đáp ứng các yêu cầu thay đổi của tổ chức và môi trường hoạt động.
Giao dịch Người có liên quan được thực hiện đúng thẩm quyền phê duyệt	❖ Rà soát các giao dịch với Người có liên quan, đảm bảo việc trình bày và CBTT đầy đủ, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Chính sách giao dịch với Người có liên quan được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt ❖ Đánh giá giao dịch với các BLQ để xem xét liệu các giao dịch có được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường và không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các BLQ ❖ Giám sát việc thực hiện và đưa ra kiến nghị đối với những giao dịch cần sự phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ
KTNB của Công ty được giám sát và hoạt động hiệu quả	❖ Chỉ đạo và giám sát Phòng KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB tuân thủ chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB ❖ Giám sát và cải tiến chất lượng hoạt động KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB độc lập và hiệu quả, các tư vấn khách quan tạo ra các giá trị gia tăng cho Doanh nghiệp và các BLQ ❖ Kiện toàn đội ngũ nhân sự KTNB, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc tăng cường công tác đào tạo kiến thức kết hợp với tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm nội bộ. Đồng thời liên tục cập nhật để cải thiện sự thấu hiểu về môi trường kinh doanh và thực tiễn hoạt động của Ngành.
Kiểm toán độc lập được lựa chọn đáp ứng được tiêu chuẩn của Công ty về năng lực, chất lượng và tính độc lập, khách quan.	❖ Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để HĐQT thông qua trước khi trình ĐHĐCĐ phê duyệt trên cơ sở tư cách pháp lý và tính độc lập của Đơn vị kiểm toán, uy tín và năng lực chuyên môn của đội ngũ kiểm toán viên ❖ Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Đơn vị kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán, các vấn đề trọng yếu và ý kiến tư vấn trong Thư Quản lý, đảm bảo công tác kiểm toán được thực hiện đúng quy định của chuẩn mực kiểm toán độc lập, tăng tính minh bạch của thông tin và độ tin cậy cho người sử dụng.

CAM KẾT CỦA UBKT VỀ THÔNG TIN MINH BẠCH, TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ CỦA BCTC VÀ BCTN

Tính minh bạch, trung thực và hợp lý trong CBTT là nền tảng quan trọng nhằm đảm bảo quyền lợi của CĐ và các BLQ. Kể từ khi thành lập vào năm 2018, UBKT đã luôn thực hiện tốt chức năng giám sát, tuân thủ các quy định pháp luật và nguyên tắc QTCT. Chủ tịch UBKT cam kết không ngừng nâng cao tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của BCTC cũng như BCTN, tạo nền tảng vững chắc cho sự PTBV của Công ty.

BCTC	BCTN
Phản ánh trung thực tình hình tài chính và SXKD của Công ty	Trình bày một cách toàn diện, trung thực và minh bạch
Số liệu và thông tin được trình bày dựa trên các chính sách kế toán phù hợp, nhất quán	Cung cấp bức tranh toàn cảnh về hoạt động tài chính và phi tài chính, chiến lược, định hướng phát triển, hồ sơ ESG của Công ty cho các BLQ
Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam thông qua công tác tự kiểm tra rà soát và được kiểm toán bởi một trong những đơn vị kiểm toán hàng đầu thế giới	

Với sứ mệnh nâng cao chất lượng giám sát và tính minh bạch, UBKT cam kết tiếp tục đồng hành cùng HĐQT, BLĐ trong việc duy trì chuẩn mực cao về QTCT, góp phần tăng cường niềm tin của NĐT và tạo giá trị bền vững cho Công ty trong dài hạn.

THAY MẶT ỦY BAN KIỂM TOÁN

CHỦ TỊCH

BÀ NGUYỄN THÙY VÂN

Quản Trị Rủi ro

TẦM NHÌN

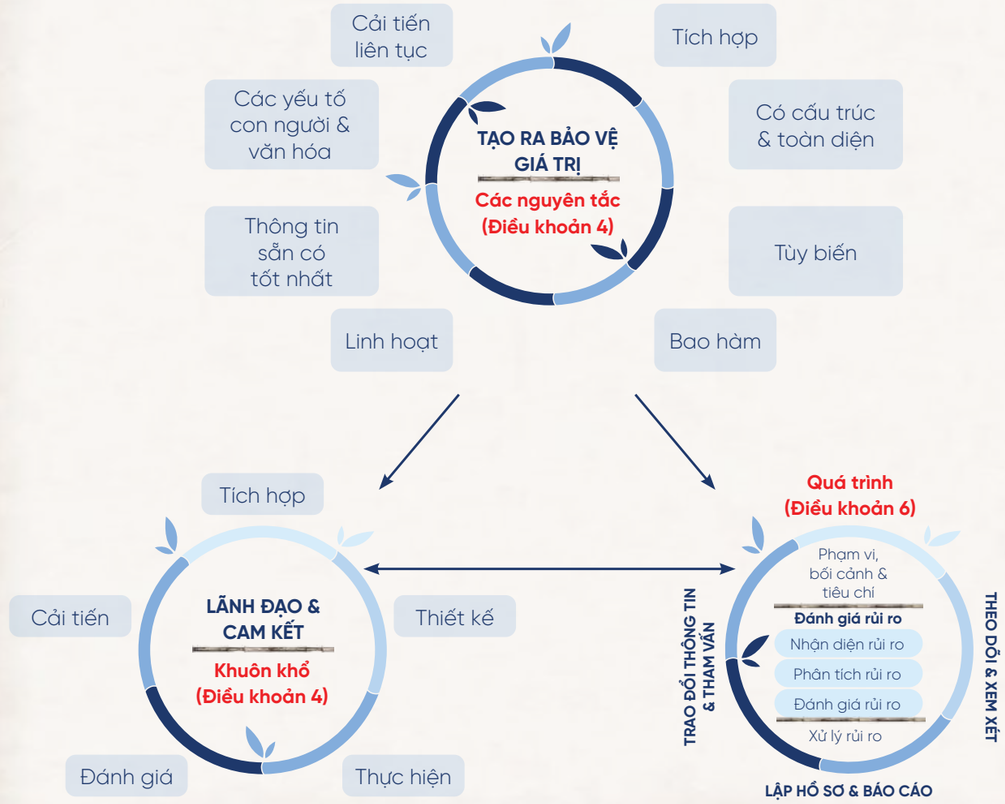
Đóng góp vào sự PTBV của Công ty trở thành Tổ chức hàng đầu về tối ưu các loại hình NLTT.

SỨ MỆNH

- **Hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra;**
- **Đảm bảo hoạt động SXKD ổn định và liên tục;**
- **Tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực.**

QTRR được xem là công cụ quan trọng để giúp Công ty đạt được mục tiêu và PTBV. GEC đã xây dựng và vận hành Hệ thống QTRR dựa trên khuôn khổ của ISO 31000:2018, hoàn thiện theo các thông lệ tốt và tiêu chuẩn QTCT Quốc tế. Các hoạt động triển khai QTRR hướng đến sự hiệu quả và đồng bộ trong phương pháp về QTRR đồng thời kiến tạo văn hóa rủi ro và tích hợp quy trình QTRR vào các hoạt động trọng yếu nhằm nâng cao khả năng hoàn thành các mục tiêu của Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực ứng phó trước những biến động của môi trường kinh doanh.

CÁC NGUYÊN TẮC KHUÔN KHỔ VÀ QUÁ TRÌNH THEO ISO 31000:2018



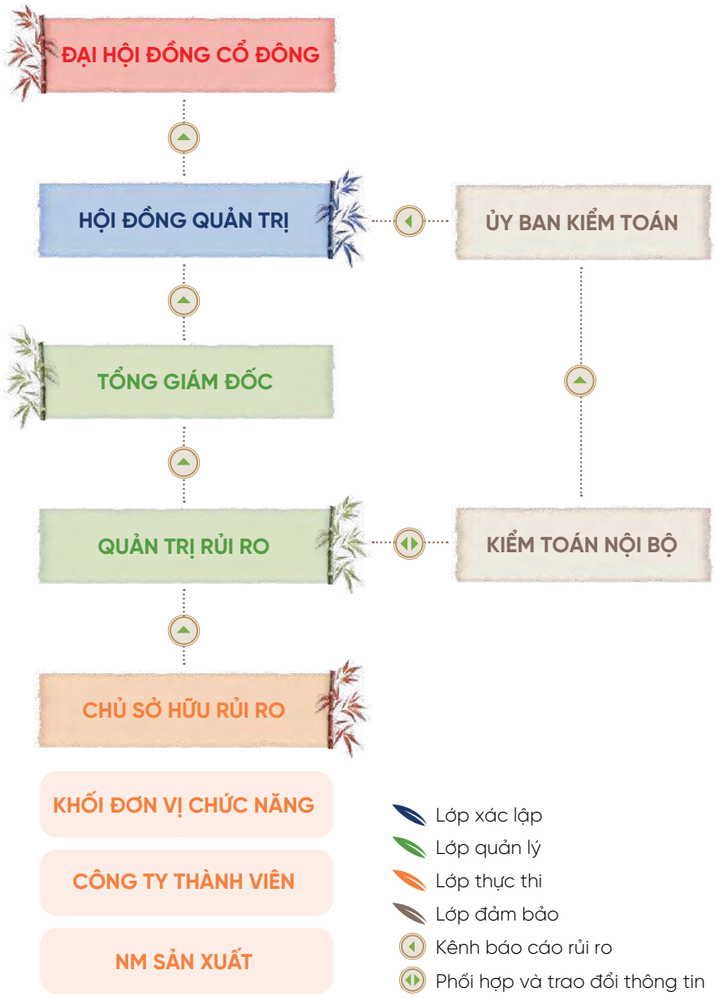
VAI TRÒ - TRÁCH NHIỆM

1. Kịp thời nhận diện các rủi ro, đánh giá các cơ hội, hỗ trợ chiến lược phát triển Công ty.
2. Phối hợp và điều phối các BLQ trong hoạt động QTRR.
3. Xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục và hiệu quả.
4. Cải thiện và tối ưu hệ thống QTRR phù hợp với sự phát triển, biến động môi trường kinh doanh.
5. Nâng cao văn hóa rủi ro, nhận thức về rủi ro và năng lực QTRR của các BLQ.

CHÍNH SÁCH QTRR

1. Đóng góp vào sự PTBV và gia tăng khả năng thực hiện các mục tiêu của Công ty.
2. Được thiết lập theo hướng phân tán về cấu trúc, tập trung và nhất quán về chính sách được xây dựng bởi Bộ phận QTRR.
3. Liên tục được cải thiện và tối ưu nhằm phù hợp với nhu cầu của Công ty và sự biến động liên tục trong môi trường kinh doanh.
4. Chú trọng vào hình thành văn hóa và nhận thức về rủi ro, mọi thành viên Công ty là một phần của hoạt động QTRR.

HỆ THỐNG QTRR VẬN HÀNH THEO 4 LỚP



Lớp xác lập - HĐQT

- Phê duyệt cấu trúc và chính sách QTRR.
- Giám sát hiệu quả của chức năng QTRR.
- Định hướng và phê duyệt mức chấp nhận rủi ro, khẩu vị rủi ro.

Lớp quản lý - BLĐ và QTRR

- Tổ chức, triển khai và điều phối các hoạt động của QTRR.
- Giám sát, đánh giá và kiểm soát hiệu quả của chức năng QTRR.
- Xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện các phương pháp, quy trình QTRR.
- Thực hiện các hoạt động đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức về QTRR.

Lớp thực thi - Đơn vị chức năng và Chuyên viên phụ trách

- Nhận diện, đánh giá và ứng phó với rủi ro theo đặc thù chuyên môn.
- Phối hợp, trao đổi và thực thi trong ứng phó rủi ro.
- Đề xuất, báo cáo và tham vấn về các rủi ro trong danh mục.
- Triển khai các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro.

Lớp đảm bảo - UBKT và KTNB

- Thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả của chức năng QTRR.
- Tham vấn và phối hợp cùng QTRR trong hoạt động cải thiện và nâng cao hiệu quả QTRR.
- Tham mưu HĐQT về hoạt động QTRR.

HỆ THỐNG QTRR ĐƯỢC KIỂM SOÁT THEO 3 TẦNG

PHÒNG NGỪA

Quan tâm vào việc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro thông qua việc đánh giá rủi ro liên tục, thận trọng và thiết lập các biện pháp kiểm soát phòng ngừa rủi ro.

PHÁT HIỆN

Chú trọng vào 2 tiêu chí của rủi ro:

- Giảm khả năng/xác suất xảy ra của rủi ro thông qua các chỉ báo, các cảnh báo sớm.
- Giảm thiểu mức độ tác động hoặc thiệt hại

KHẮC PHỤC/ ỨNG PHÓ

Tập trung vào giảm thiểu tác động, thiệt hại trong trường hợp rủi ro xảy ra thông qua các kế hoạch dự phòng, kế hoạch ứng phó sự cố, kiểm soát tổn thất.

ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI RỦI RO NĂM 2024

Bối cảnh quốc tế và trong nước năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: xung đột địa chính trị kéo dài, bầu cử tại các Quốc gia, kinh tế toàn cầu hồi phục chậm, lạm phát và lãi suất vẫn còn neo ở mức cao, ngành điện trong nước vẫn còn nhiều vướng mắc về pháp lý... Tất cả đã đem đến nhiều yếu tố rủi ro, bất định cho Doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của QTRR, ngay từ đầu năm GEC đã chủ động thực hiện nhận diện rủi ro và đề ra các biện pháp phòng ngừa/giảm thiểu nhằm hạn chế tác động của các yếu tố rủi ro đến hoạt động SXKD trong năm 2024

NHÓM RỦI RO

RỦI RO SƠ CẤP	RỦI RO THỨ CẤP
1 Rủi ro Chiến lược	❖ Căng thẳng địa chính trị và kinh tế toàn cầu bất ổn ❖ Cơ chế, chính sách phát triển NLTT chưa hoàn thiện ❖ Sự thay đổi Công nghệ và nguồn NLTT mới
2 Rủi ro Thị trường	❖ Hạ tầng lưới điện quốc gia chưa đáp ứng nhu cầu ❖ Gia tăng cạnh tranh từ các NĐT mới ❖ Giá điện thấp và đàm phán kéo dài
3 Rủi ro Tài chính	❖ Lãi suất neo cao ❖ Thiếu vốn đầu tư cho DA NLTT mới
4 Rủi ro truyền thông và BLQ	❖ Khủng hoảng thông tin và truyền thông sai lệch ❖ Xung đột với các BLQ
5 Rủi ro Vận hành và Kỹ thuật	❖ Thời tiết cực đoan ❖ Sự cố kỹ thuật và hiệu suất thiết bị thấp ❖ Chi phí bảo trì, bảo dưỡng cao và thời gian kéo dài
6 Rủi ro Tuân thủ và Pháp lý	❖ Tuân thủ quy định đầu tư và xây dựng DA ❖ Tranh chấp pháp lý trong hợp đồng
7 Rủi ro Môi trường, Xã hội và An toàn Sức khỏe	❖ Tác động đến môi trường, đa dạng sinh học ❖ Tác động đến cộng đồng địa phương ❖ Tác động đến an toàn lao động và sức khỏe
8 Rủi ro Quản trị nội bộ	❖ Thực hiện và duy trì văn hóa doanh nghiệp ❖ Phát triển và quản lý nguồn nhân lực

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ RỦI RO



CÁC LOẠI RỦI RO, TÁC ĐỘNG VÀ BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2024

Rủi ro có thể kiểm soát · Rủi ro đáng kể · Rủi ro cần được quan tâm · Rủi ro trọng yếu

RỦI RO SƠ CẤP	RỦI RO THỨ CẤP	TÁC ĐỘNG	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ RỦI RO
RỦI RO CHIẾN LƯỢC	**Căng thẳng địa chính trị và kinh tế toàn cầu bất ổn** Một số điểm chi tiết: ❖ Xung đột leo thang và lan rộng ở Trung Đông, chiến tranh Nga-Ukraine kéo dài; ❖ Năm 2024 là năm "Siêu bầu cử" và Kinh tế đã bị ảnh hưởng đáng kể bởi các thay đổi lớn về chính sách; ❖ Chính sách tài chính, tiền tệ vẫn thắt chặt ở nhiều quốc gia.	❖ Kinh tế phục hồi chậm và không đồng đều, chính sách mới làm gia tăng chủ nghĩa bảo hộ thương mại giảm khả năng hợp tác và phát triển kinh tế toàn cầu. ❖ Năng lượng điện là yếu tố đầu vào của hoạt động SXKD trong nền kinh tế và ngành điện có sự liên kết chặt chẽ với tình hình kinh tế vĩ mô.	❖ Công ty theo dõi và phân tích diễn biến tình hình kinh tế - chính trị Thế giới, điều kiện môi trường kinh doanh trong nước. ❖ Xây dựng chiến lược kinh doanh và kịch bản ứng phó phù hợp.	

RỦI RO SƠ CẤP	RỦI RO THỨ CẤP	TÁC ĐỘNG	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ RỦI RO
RỦI RO CHIẾN LƯỢC	**Cơ chế, chính sách phát triển NLTT chưa hoàn thiện** Một số điểm chi tiết: ❖ QHĐ8 đã ban hành và đang điều chỉnh ❖ Kế hoạch thực hiện QHĐ8 ban hành trễ (Tháng 4/2024) ❖ Các văn bản pháp lý hướng dẫn ban hành chậm trễ, các quy định chưa rõ ràng và thiếu tính đồng bộ ❖ Năm 2024, tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc tại các DA NLTT	❖ Các thủ tục phê duyệt, cấp phép của Cơ quan nhà nước bị chậm trễ do chưa có cơ sở pháp lý ❖ Khó khăn trong định hướng của Doanh nghiệp về phát triển các DA NLTT mới	❖ Công ty tích cực theo dõi và cập nhật quy hoạch, kế hoạch và chính sách pháp lý ngành NLTT ❖ Phân tích và nắm bắt các giai đoạn phát triển của ngành, lập kế hoạch chiến lược phù hợp, khai thác lợi thế cạnh tranh theo từng thời kỳ ❖ Thực hiện đa dạng loại hình, chuyển sang đón đầu các loại hình NLTT là xu hướng của thế giới	
	Sự thay đổi Công nghệ và nguồn NLTT mới	❖ Gây khó khăn trong việc dự báo xu hướng phát triển của thị trường NLTT của thế giới ❖ Nguy cơ lạc hậu công nghệ, ảnh hưởng đến hiệu suất và chi phí vận hành ❖ Gia tăng áp lực tài chính do chi phí nâng cấp hoặc thay thế công nghệ ❖ Giảm hiệu quả sản xuất và tính cạnh tranh của DA	❖ Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nắm bắt công nghệ tiên tiến ❖ Theo dõi, phân tích xu hướng công nghệ và thị trường NLTT trên phạm vi trong nước và quốc tế ❖ Đa dạng hóa danh mục đầu tư để giảm rủi ro từ một công nghệ duy nhất	
RỦI RO THỊ TRƯỜNG	**Hạ tầng lưới điện quốc gia chưa đáp ứng nhu cầu** ❖ Tình trạng quá tải lưới điện vẫn xảy ra cục bộ tại một số địa phương	❖ Cắt giảm công suất, gây tổn thất doanh thu ❖ Trì hoãn hoặc không thể kết nối các DA mới vào lưới điện	❖ Công ty thực hiện việc đa dạng vị trí các NM nhằm giảm thiểu tác động của hoạt động điều độ công suất ❖ Giám sát thường xuyên và báo cáo kịp thời các hoạt động điều độ ❖ Phối hợp tích cực và thường xuyên với Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0)	
	Gia tăng cạnh tranh từ các NĐT mới	❖ Giảm lợi nhuận do sự gia nhập của nhiều đối thủ cạnh tranh ❖ Khó khăn trong việc ký kết PPA với giá tối ưu	❖ Tăng cường hiệu quả đầu tư, sản xuất và giảm chi phí vận hành để duy trì lợi thế cạnh tranh	
	Giá điện thấp và đàm phán kéo dài Một số điểm chi tiết: ❖ Quy định phương pháp xác định giá phát điện ban hành trễ (hiệu lực 1/6/2024) ❖ Trình tự thủ tục đàm phán kéo dài và hiện chưa có giá điện đối với các DA chuyển tiếp	❖ Khung giá chuyển tiếp với mức giá thấp hơn khoảng 18%-28% giá FIT tùy từng loại hình, ghi nhận Doanh thu theo giá tạm bằng 50% khung giá trần trong giai đoạn đàm phán đã gây áp lực đến lợi nhuận và dòng tiền của Công ty ❖ Đàm phán kéo dài, hồ sơ, trình tự, thủ tục phức tạp tốn nhiều nguồn lực của Công ty ❖ Thay đổi cơ chế, chính sách giá điện gây khó khăn trong việc ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) và ảnh hưởng công tác dự báo doanh thu và lập kế hoạch tài chính dài hạn	❖ Nghiên cứu, áp dụng Quy định mới để xây dựng giá phù hợp và tối ưu, xúc tiến quá trình đàm phán giá với Cơ quan nhà nước ❖ Tìm kiếm các cơ hội thực hiện DPPA	

RỦI RO SƠ CẤP	RỦI RO THỨ CẤP	TÁC ĐỘNG	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ RỦI RO
RỦI RO TÀI CHÍNH	**Lãi suất neo cao**	❖ Lãi suất vẫn neo cao làm tăng chi phí vay vốn, giảm lợi nhuận và khả năng đầu tư vào các DA mới ❖ Gây khó khăn trong việc trả nợ, tăng rủi ro tài chính	❖ Tích cực đánh giá tình hình tài chính và biến động của thị trường, cân đối các nhu cầu tài chính và đảm bảo thanh khoản cho hoạt động SXKD ❖ Lập kế hoạch vay và trả cụ thể cho từng khoản vay, ký kết các hợp đồng tài trợ với giới hạn biên độ dao động của lãi suất cho vay trong tầm kiểm soát, đàm phán với các đối tác kịp thời điều chỉnh phương án vốn theo tình hình của thị trường tài chính ❖ Tái cấu trúc các khoản nợ có lãi suất cao bằng các khoản nợ có lãi tốt hợp và kỳ hạn thích hợp	
	Thiếu vốn đầu tư cho DA NLTT mới	❖ Mất cơ hội tham gia vào các thị trường hoặc DA tiềm năng làm giảm khả năng tăng trưởng ❖ Chậm trễ trong việc triển khai thi công DA	❖ Mở rộng tìm kiếm các đối tác tài trợ từ thị trường quốc tế ❖ Chú trọng hoạt động ESG đồng thời xây dựng mối quan hệ tốt với các tổ chức tài chính và NĐT để gia tăng khả năng thuyết phục huy động vốn ❖ Đa dạng hóa nguồn vốn bằng cách kết hợp vốn vay, VCSH và các hình thức tài trợ khác.	
RỦI RO TRUYỀN THÔNG VÀ BLQ	**Khủng hoảng thông tin và truyền thông sai lệch**	❖ Thông tin sai lệch có thể lan truyền nhanh chóng, gây hiểu lầm dẫn đến phản ứng tiêu cực từ công chúng, cộng đồng địa phương và các BLQ ❖ Khủng hoảng truyền thông có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của Công ty	❖ Ban hành và thường xuyên rà soát các VBLQ để hướng dẫn phương thức truyền thông bên trong và bên ngoài, cũng như xây dựng chiến lược truyền thông chủ động và kịp thời ❖ Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của việc CBTT theo quy định của Pháp luật. ❖ Xây dựng các kênh truyền thông chính thức (web, email, hotline) để cung cấp thông tin chính xác ❖ Theo dõi và phản hồi nhanh chóng các thông tin sai lệch trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông	
	Xung đột với các BLQ	❖ Xung đột hoặc thiếu sự hợp tác từ các BLQ có thể làm chậm tiến độ DA và HĐKD thông thường ❖ Các yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi từ các BLQ có thể làm tăng chi phí và thời gian thực hiện	❖ Thiết lập cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại tạo cơ sở cho việc tương tác hiệu quả, chính xác giữa Khách hàng - Nhà cung cấp - CBNV và các BLQ ❖ Xây dựng mối quan hệ đối tác tin cậy với các nhà thầu, nhà cung cấp và các tổ chức tài chính ❖ Đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong mọi giao dịch, bảo vệ lợi ích CĐ	
RỦI RO VẬN HÀNH VÀ KỸ THUẬT	**Thời tiết cực đoan**	❖ Biến đổi khí hậu gây ra những thay đổi khó lường về thời tiết, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng của từng loại hình NLTT ❖ Thiên tai (bão, lũ lụt, sét đánh) đe dọa nghiêm trọng đến cơ sở hạ tầng (trạm biến áp, đường dây truyền tải), thiết bị (tuabin, tấm pin), an toàn lao động và tính mạng con người, đồng thời gây gián đoạn kinh doanh và tổn thất doanh thu	❖ Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống thiên tai theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chức năng ❖ Thực hiện kiểm tra, nâng cấp hạ tầng và thiết bị thường xuyên, đặc biệt trước mùa mưa bão hoặc mùa gió mạnh; ❖ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như: Trang bị hệ thống chống va, kết nối dữ liệu với cơ quan hàng hải; lắp đặt hệ thống cảm biến cáp ngầm cho NM Điện Gió ❖ Mua bảo hiểm tài sản để chia sẻ rủi ro, giảm thiểu thiệt hại của tổn thất ❖ Ứng dụng CNTT để giám sát, phân tích dữ liệu và kịp thời phát hiện, cảnh báo nguy cơ.	

RỦI RO SƠ CẤP	RỦI RO THỨ CẤP	TÁC ĐỘNG	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ RỦI RO
	Sự cố kỹ thuật và hiệu suất thiết bị thấp	❖ Giảm sản lượng điện, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu ❖ Các sự cố vận hành tại NM (cháy nổ, rò rỉ) gây gián đoạn sản xuất, thậm chí ngừng hoạt động ❖ Các sự cố thiết bị, lỗi máy móc, hỏng hóc tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động sản xuất ❖ Các sự cố lưới điện truyền tải gây gián đoạn hoạt động sản xuất	❖ Lựa chọn thiết bị từ các nhà sản xuất uy tín, có chất lượng và điều khoản bảo hành tối ưu ❖ Ban hành đầy đủ các quy trình vận hành và bảo trì thiết bị chi tiết, rõ ràng, tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật ❖ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị định kỳ theo kế hoạch, sử dụng các thiết bị kiểm tra chuyên dụng ❖ Đào tạo đội ngũ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, có khả năng xử lý sự cố nhanh chóng và hiệu quả ❖ Nâng cao mức độ ứng dụng CNTT vào trong vận hành nhằm tăng cường hoạt động giám sát và phối hợp xử lý sự cố.	
	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng cao và thời gian kéo dài	❖ Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị có thể cao hơn dự kiến do biến động giá vật tư, nhân công ❖ Khó khăn trong việc đảm bảo nguồn cung thiết bị và vật tư kịp thời có thể làm kéo dài công tác bảo trì	❖ Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng chi tiết, dự trù kinh phí hợp lý ❖ Dự trữ vật tư, thiết bị quan trọng để đáp ứng nhu cầu bảo trì, sửa chữa đột xuất	
RỦI RO TUÂN THỦ VÀ PHÁP LÝ	**Tuân thủ quy định đầu tư và xây dựng DA**	❖ Thủ tục phức tạp hoặc yêu cầu bổ sung từ cơ quan quản lý có thể gây chậm trễ trong việc cấp phép đầu tư, xây dựng hoặc vận hành DA ❖ Tăng chi phí pháp lý và chi phí DA do phải tuân thủ các quy định mới hoặc thay đổi chính sách ❖ DA có thể bị kéo dài hoặc đình chỉ nếu không đáp ứng được các yêu cầu pháp lý	❖ Cập nhật và theo dõi các thay đổi của Pháp luật Việt Nam ❖ Hoàn thiện các hồ sơ và pháp lý DA một cách đầy đủ và phù hợp với quy định của Pháp luật ❖ Chủ động tham vấn từ các cơ quan chức năng để nắm rõ các yêu cầu và thủ tục pháp lý	
	Tranh chấp pháp lý trong hợp đồng	❖ Tranh chấp hợp đồng với nhà thầu, nhà cung cấp gây mất uy tín và thiệt hại về hình ảnh nếu xảy ra tranh chấp công khai ❖ Vi phạm hợp đồng, bị phạt hoặc bồi thường thiệt hại ảnh hưởng đến dòng tiền và lợi nhuận của Công ty	❖ Rà soát kỹ lưỡng các điều khoản hợp đồng trước khi ký kết, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật ❖ Đảm bảo các nghĩa vụ của các BLQ được hiểu và quy định rõ ràng ❖ Thiết lập cơ chế giám sát để đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ các bên ❖ Xây dựng hệ thống quản lý hợp đồng chặt chẽ, hồ sơ hợp đồng đầy đủ và khoa học	
RỦI RO MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ AN TOÀN SỨC KHỎE	**Ảnh hưởng đến môi trường, đa dạng sinh học**	❖ Ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học ❖ Nguy cơ vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội và các nghĩa vụ, cam kết với đối tác về giảm thiểu tác động môi trường	❖ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ❖ Thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường toàn diện trước khi triển khai DA và các báo cáo về PTBV ❖ Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sử dụng công nghệ xanh, thân thiện với môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành ❖ Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, theo dõi và xử lý kịp thời các sự cố.	

RỦI RO SƠ CẤP	RỦI RO THỨ CẤP	TÁC ĐỘNG	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ RỦI RO
RỦI RO QUẢN TRỊ NỘI BỘ	**Ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương**	❖ DA có thể thay đổi sinh kế và điều kiện sống của người dân địa phương, đặc biệt khi liên quan đến di dời, tái định cư hoặc thay đổi mục đích sử dụng đất ❖ DA có thể có tác động đến sức khỏe cộng đồng địa phương (tiếng ồn, khói bụi,...)	❖ Tham vấn cộng đồng địa phương ngay từ giai đoạn đầu của DA để lắng nghe và giải quyết các mối quan ngại ❖ Ban hành VBLQ để thiết lập cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại từ cộng đồng ❖ Xây dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng địa phương và thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) để hỗ trợ cộng đồng	
	Ảnh hưởng đến an toàn lao động và sức khỏe	❖ Các sự cố, tai nạn lao động trong quá trình xây dựng và vận hành DA ❖ Ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động	❖ Xây dựng quy trình hướng dẫn, các quy định về an toàn và thực hiện chính sách an toàn lao động nghiêm ngặt ❖ Trang bị đầy đủ thiết bị an toàn và dụng cụ bảo hộ lao động ❖ Thiết lập hệ thống giám sát và báo cáo sự cố an toàn lao động ❖ Thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động ❖ Đào tạo nâng cao nhận thức cho người lao động về an toàn lao động, PCCC và sơ cứu cơ bản.	
	Thực hiện và duy trì văn hóa doanh nghiệp	❖ Vi phạm đạo đức kinh doanh hoặc quy định nội bộ, gây tổn hại đến uy tín Công ty ❖ Xung đột nội bộ, thiếu sự phối hợp giữa các phòng ban	❖ Ban hành bộ QCƯX nhằm truyền thông các giá trị cốt lõi, đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp làm cơ sở áp dụng cho CBNV ❖ Xây dựng "Tiêu lệnh chức danh" cụ thể cho từng vị trí từ cấp Lãnh đạo cao nhất đến CBNV để đảm bảo mọi CBNV hiểu rõ được giá trị và trách nhiệm công việc trong Tổ chức ❖ Xây dựng môi trường làm việc cởi mở và tương tác hiệu quả đồng thời thiết lập cơ chế tố giác để đảm giải quyết xung đột kịp thời, công bằng và minh bạch ❖ Xây dựng và áp dụng cơ chế đánh giá thi đua khen thưởng thích hợp	
	Phát triển và quản lý nguồn nhân lực	❖ Thiếu nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật và quản lý ❖ Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc cao, ảnh hưởng đến hoạt động và chi phí đào tạo lại ❖ Hiệu suất làm việc không đạt yêu cầu do thiếu đào tạo hoặc động lực	❖ Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và hoạch định lộ trình phát triển nhân sự dài hạn ❖ Tổ chức chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên ❖ Áp dụng đánh giá KPI hàng quý để ghi nhận hiệu suất định kỳ có các phản hồi kịp thời để cải thiện hiệu quả làm việc ❖ Thiết lập chính sách đãi ngộ và phúc lợi cùng với đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm thích hợp	

CÔNG TÁC QTRR CHÍNH TRONG NĂM 2024

NỘI DUNG CHÍNH

THỰC HIỆN

1 — Cân đối và phân bổ các nguồn lực phù hợp nhằm thực hiện mục tiêu Công ty trong năm 2024

Các công tác lập và phân bổ kế hoạch được thực hiện một cách đồng bộ và cụ thể trong toàn Công ty, từ đơn vị NM, chi nhánh, Công ty thành viên, các phòng ban và các khối. Thiết lập các chỉ tiêu, kế hoạch hoạt động và phân bổ nguồn lực giúp Công ty đạt hiệu quả cao, kiểm soát tốt chi phí và tối đa hóa lợi nhuận

Các kế hoạch hoạt động, sửa chữa lớn, các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng được lập kế hoạch cụ thể và theo dõi, điều chỉnh kịp thời và phù hợp với điều kiện vận hành

Kế hoạch thi công, tiến độ DA và các hoạt động giám sát được báo cáo và cập nhật thường xuyên nhằm kịp thời quản lý và đưa ra các giải pháp xử lý sự cố tránh ảnh hưởng đến tiến độ DA

2 — Chủ động trong QTRR Tài chính, giảm thiểu tác động và đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn cho Chiến lược phát triển các loại hình NLTT

Công ty tích cực kiểm soát các rủi ro tài chính, các hoạt động dự báo, phân tích, đánh giá và ứng phó với các rủi ro Lãi suất, Thị trường vốn được cập nhật thường xuyên và tham vấn với các BLQ nhằm đưa ra chiến lược ứng phó kịp thời

Mở rộng thị trường huy động vốn ra quốc tế, sử dụng các công cụ tài chính có cấu trúc, đa dạng hóa kênh huy động vốn nhằm đảm bảo thu xếp và cân đối nguồn vốn cho phát triển các DA và nhu cầu tài chính của Công ty

3 — Cải thiện hoạt động QTCT, tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế như OECD, Asean Scorecard và các tiêu chuẩn ESG

Công ty đã thực hiện các hoạt động cải thiện QTCT theo các tiêu chuẩn Quốc tế, cải thiện mức độ tuân thủ qua các năm qua đó cải thiện hiệu quả quản trị, tăng cường tính tuân thủ, minh bạch và trách nhiệm giải trình

Cải thiện và tuân thủ tốt hơn với các tiêu chí ESG củng cố sự PTBV của Công ty, hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và đóng góp vào sự lành mạnh, bền vững của thị trường

Cải thiện hoạt động QTCT, QTRR giảm thiểu rủi ro tổng thể của Công ty và gia tăng khả năng tiếp cận vốn, cải thiện hình ảnh Công ty, thu hút NĐT

THỰC HIỆN

4 — Tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá, phòng ngừa và ứng phó rủi ro

Tăng cường hiệu quả của các hoạt động kiểm soát nội bộ, tuân thủ các quy định về an toàn lao động, PCCC, các quy định vận hành an toàn NM, an toàn kỹ thuật điện và an toàn tại công trường thi công

Tăng cường hoạt động đào tạo nghiệp vụ, phổ biến an toàn, diễn tập PCCC và các hoạt động nâng cao nhận thức về rui ro đối với đội ngũ cán bộ và nhân viên

Tích cực thực hiện các hoạt động phân tích, giám sát và tham vấn thường xuyên giữa các BLQ nhằm kịp thời phát hiện, ứng phó với rủi ro

5 — Kiện toàn hệ thống VBLQ, các Quy định nội bộ và các hoạt động đảm bảo tuân thủ

Tăng cường hoạt động cải thiện các VBLQ, Quy định nội bộ nhằm phù hợp với các quy định pháp luật, chuẩn mực quốc tế và các thông lệ tốt trên thị trường

Cải thiện và sửa đổi các VBLQ cũ cập nhật với sự phát triển của Công ty, tăng tính hiệu quả, minh bạch và dễ hiểu

Kiện toàn các Quy định nội bộ tăng tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát, gia tăng mức độ tuân thủ và giảm thiểu các rủi ro có thể kiểm soát

6 — Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động SXKD. Sử dụng các công cụ tổng hợp, phân tích dữ liệu hỗ trợ hoạt động quản trị

Vận hành các hệ thống ERP, tiến tới chuyển đổi số và ứng dụng CNTT vào hoạt động SXKD nhằm tự động hóa, giảm thiểu sự can thiệp của con người, tăng cường tính hiệu quả hoạt động

Các thông tin được giám sát, quản lý tập trung và dễ dàng tổng hợp, trích xuất báo cáo hỗ trợ cho hoạt động QTCT

Các hoạt động tự động hóa giúp giảm thiểu lỗi, sai sót có thể phòng ngừa được, giảm thời gian sử lý tác vụ và tăng tính hiệu quả, chính xác và tổng hợp của thông tin

Các hoạt động phòng ngừa rủi ro CNTT, an toàn thông tin cũng được chú trọng trong quá trình chuyển đổi số, giảm thiểu rủi ro mất mát thông tin, mất quyền điều khiển và mã hóa hệ thống



KẾ HOẠCH QTRR TRONG NĂM 2025

MỤC TIÊU CHÍNH

1. Duy trì tính hiệu quả của các hoạt động kiểm soát, cải thiện các hoạt động đảm bảo tuân thủ

- Triển khai kịp thời các giải pháp ứng phó với các rủi ro đã nhận diện, đặc biệt là các rủi ro có mức gia tăng vượt trội
- Chủ động rà soát và cập nhật các quy trình, thủ tục nội bộ phù hợp với các biến động thực tế, đảm bảo tuân thủ với các quy định pháp luật
- Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra đối với hoạt động thực hiện tại NM nhằm khắc phục các vấn đề về an toàn, hoạt động vận hành liên tục của các NM

2. Tăng cường ứng dụng CNTT, thu thập và phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định

- Mở rộng triển khai ứng dụng CNTT, ERP vào hoạt động SXKD, QTCT nhằm tăng cường hiệu quả quản trị
- Xây dựng các báo cáo quản trị, các mô hình dữ liệu, tổng hợp thông tin quản trị nhằm cung cấp thông tin cho BLĐ trong việc nắm bắt thông tin và hỗ trợ ra quyết định
- Xây dựng các mô hình dự báo, cảnh báo và báo lỗi trong trường hợp phát sinh nhằm giảm thiểu sai sót, hạn chế rủi ro, nhận diện sớm các nguy cơ và kịp thời ứng phó với các sự cố

3. Tăng cường hiệu quả hoạt động QTRR thông qua việc ban hành các khung QTRR và hệ thống hóa hoạt động QTRR

- Rà soát, xây dựng và ban hành mới các văn bản, quy định và hướng dẫn thực hiện liên quan đến QTRR
- Rà soát Khung QTRR bao gồm khẩu vị rủi ro, trách nhiệm và nghĩa vụ của các BLQ, quy trình thực hiện QTRR và các quy định chung về QTRR
- Phổ biến các hướng dẫn thực hiện, các phương pháp xác định rủi ro, các phương pháp phân tích tiêu chuẩn và các hoạt động ứng phó rủi ro phù hợp
- Tổ chức hoạt động QTRR độc lập và thống nhất trong cấu trúc Công ty, tích hợp từng phần chức năng QTRR và hoạt động chung của Công ty

4. Tổ chức các hoạt động đào tạo, hướng dẫn và phổ biến các phương pháp và quy trình QTRR

- Tổ chức các hoạt động đào tạo nâng cao nghiệp vụ về QTRR, phổ biến các kiến thức chung về rủi ro
- Hướng dẫn thực thi, sử dụng các công cụ báo cáo, phân tích và tổng hợp được ban hành bởi QTRR
- Phối hợp thực hiện và giám sát thực hiện trong hoạt động tích hợp chức năng QTRR vào trong cấu trúc hoạt động của Công ty
- Tham vấn và liên lạc thường xuyên với các BLQ nhằm tăng cường sự tương tác, giải đáp các thắc mắc và hỗ trợ thực thi cho các BLQ

5. Nâng cao nhận thức của các BLQ về QTRR và xây dựng văn hóa về rủi ro trong văn hóa Công ty

- Tổ chức các hoạt động phổ biến thông tin, tăng cường nhận thức của các bên về rủi ro, biến động của môi trường kinh doanh và sự cần thiết của các hoạt động QTRR
- Xây dựng văn hóa tích cực với hoạt động QTRR, chủ động trong các hoạt động phát hiện và phòng ngừa rủi ro
- Gia tăng sự cân nhắc và nhận thức về rủi ro của các BLQ trong hoạt động thông thường và hoạt động ra quyết định
- Xây dựng văn hóa rủi ro trong văn hóa Công ty, mọi cá nhân là một phần của hoạt động QTRR hợp nhất

6. Cải thiện liên tục hoạt động QTRR phù hợp với đặc thù và sự biến động của môi trường kinh doanh

- Thực hiện liên tục các hoạt động rà soát, đánh giá và cải thiện hiệu quả của QTRR phù hợp với đặc thù Công ty, biến động của môi trường và điều kiện kinh doanh
- Tham vấn và trao đổi với các BLQ nhằm tối ưu và cải thiện kịp thời hoạt động QTRR với sự thay đổi của các mục tiêu, ứng phó với sự biến động và thay đổi tại đơn vị chuyên môn
- Mở rộng sự đóng góp và tham gia của các BLQ trong việc xây dựng chức năng QTRR

CÔNG VIỆC DỰ KIẾN THỰC HIỆN

Bộ Quy chế ứng xử và Cơ chế Tố giác sai phạm

Đối với doanh nghiệp theo đuổi chiến lược PTBV, việc ban hành QCƯX và thiết lập Cơ chế tố giác hành vi sai phạm theo thông lệ tốt nhất về QTCT đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao danh tiếng, tạo giá trị cốt lõi, không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ triệt để quy định pháp luật mà còn xây dựng một nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững chắc.

QUY CHẾ ỨNG XỬ

Thông qua các quy chuẩn đạo đức cùng với sự liên kết với các văn phạm pháp luật - Bộ QCƯX của GEC được ban hành lần đầu ngày 1/1/2015, trải qua 2 lần soát xét (năm 2019, 2020) và hiện đang áp dụng văn bản có hiệu lực ngày 20/5/2020 cho toàn bộ CBNV. Quy chế này là văn bản thể hiện các cam kết của Công ty với các BLQ, các cam kết về đạo đức nghề nghiệp của CBNV trong quá trình làm việc, nhấn mạnh và yêu cầu CBNV tuân thủ nghiêm túc các quy tắc ứng xử. Các nội dung trọng yếu của QCƯX gồm:

CAM KẾT CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BLQ

ĐỐI VỚI CBNV

- Bảo vệ tối đa Quyền con người và tôn trọng những quyền lợi hợp pháp của CBNV.
- Đối xử công bằng, bình đẳng với CBNV.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết CBNV trên tinh thần đoàn kết - chia sẻ.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC - NHÀ CUNG CẤP - KHÁCH HÀNG

- Đối với NĐT, CĐ, Đối tác: Làm việc dựa trên tinh thần hợp tác chân thành, hướng đến lợi ích cao nhất của các Bên. Xem lợi ích của các bên như lợi ích của mình. Tạo cơ hội đầu tư ngang bằng, tạo môi trường kinh doanh minh bạch.
- Đối với Nhà cung cấp: Thiết lập quan hệ bền vững và hài hòa lợi ích với Nhà cung cấp ở mức tiêu chuẩn cao. Tạo dựng hình ảnh một công ty uy tín, tôn trọng và trung thực với các Nhà cung cấp.
- Đối với Khách hàng: Đôi bên cùng có lợi, tất cả hành động đều nhất quán dựa trên nền tảng là kinh doanh.

ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

- Cam kết không thu thập thông tin trái phép hoặc có hành vi che đậy thông tin nhằm mang lại lợi ích riêng cho Công ty.
- Cam kết không thực thực hiện những hành vi mang tính chất hối lộ để đạt được những ưu đãi đặc biệt về lợi ích.
- Cam kết không thực hiện bất kỳ hành động như tặng quà, hoạt động giải trí… cho các công chức Cơ quan Nhà nước để nhằm đạt được mục tiêu.

CAM KẾT ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT, XÃ HỘI

- Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Pháp luật.
- Đóng góp vật chất và tinh thần cho xã hội trên chủ trương "Vì cộng đồng, phát triển địa phương".

CAM KẾT VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA CBNV

- CBNV có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật và chính sách nội bộ của Công ty.
- Làm việc và đưa ra các quyết định trong công việc dựa trên lợi ích cao nhất của Công ty, luôn trung thực, khách quan và công bằng.
- Không được nhận bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần từ Đối tác, Khách hàng, Nhà cung cấp dưới mọi hình thức để liên kết thực hiện các giao dịch, kinh doanh của Công ty. Việc nhận bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần để đem lại lợi ích cho bên thứ 3 trong việc thực hiện hoặc có liên quan đến giao dịch, kinh doanh của Công ty cũng không được thực hiện.
- CBNV và Người thân trong gia đình không được đề nghị hoặc gợi ý về việc nhận các lợi ích vật chất hoặc tinh thần từ Đối tác, Khách hàng, Nhà cung cấp mà có thể ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh của Công ty.
- CBNV tuân thủ quy định về Bảo mật thông tin, không được phép tiếp cận, sử dụng hoặc tiết lộ các thông tin từ Đối tác, Khách hàng, Nhà cung cấp.

QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA CBNV

HÀNH VI VÀ THÁI ĐỘ KHI LÀM VIỆC:

- Tác phong chuyên nghiệp, văn minh
- Bảo vệ hình ảnh của Công ty

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ GIỮA CBQL VỚI CẤP DƯỚI:

- Tôn trọng, lắng nghe
- Tạo điều kiện phát triển
- Công tâm, trung thực, công bằng khi đánh giá
- Cư xử đúng mực, lịch sự

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ GIỮA CẤP DƯỚI VỚI CBQL:

- Nghiêm túc, lịch sự, tôn trọng
- Trung thực, thẳng thắn, thiện chí trong báo cáo
- Nghiêm túc chấp hành chỉ đạo
- Giữ gìn và bảo vệ uy tín, danh dự của cấp trên

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ QUA ĐIỆN THOẠI, EMAIL:

- Đảm bảo tính chỉn chu, chuyên nghiệp, hiệu quả về cả nội dung và hình thức

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ GIỮA ĐỒNG NGHIỆP CÙNG ĐƠN VỊ:

- Tôn trọng, bảo vệ uy tín, danh dự của đồng nghiệp
- Xây dựng đơn vị đoàn kết, môi trường thân thiện
- Học hỏi chia sẻ kinh nghiệm, chủ động phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ chung

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ GIỮA ĐỒNG NGHIỆP KHÁC ĐƠN VỊ:

- Sẵn sàng, nhanh chóng phối hợp công việc
- Đồng cảm, chia sẻ và hợp tác

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ VỚI ĐỐI TÁC - NHÀ CUNG CẤP - KHÁCH HÀNG

- Tuân thủ pháp luật
- Tôn trọng lợi ích các Bên
- Xây dựng mối quan hệ trên quy tắc hợp tác, bình đẳng, tôn trọng
- Thái độ giao tiếp lịch sự, thân thiện, đúng mực, cung cấp thông tin trung thực

CƠ CHẾ TỐ GIÁC HÀNH VI SAI PHẠM

Bên cạnh việc ban hành QCƯX làm định hướng cho CBNV, Công ty còn xây dựng Cơ chế tố giác hành vi sai phạm minh bạch, hướng dẫn các thủ tục và phân chia đầu mối phụ trách, kênh tiếp nhận thông tin rõ ràng. Cơ chế tố giác hành vi vi phạm được quy định tại các văn bản sau:

Quy trình cơ chế khiếu nại của người lao động liên quan đến EHSS mã số EHSS/QT-14 có hiệu lực từ ngày 27/12/2024: Quy trình này hướng dẫn giải quyết các khiếu nại của Người lao động liên quan đến các lĩnh vực Môi trường - An toàn - Sức khỏe - Xã hội.

→ Phòng EHSS

QCƯX mã số NSĐT/QC-1 hiệu lực từ ngày 20/5/2020 và Quy trình xử lý kỷ luật lao động mã số NSĐT/QT-6 có hiệu lực từ ngày 9/5/2022: Quy trình này tiếp nhận tất cả các khiếu nại còn lại như hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định nội bộ Công ty, phân biệt đối xử, quấy rối,....

→ Phòng Nhân sự, Phòng KTNB/UBKT

Cơ chế tố giác các hành vi vi phạm có thể hệ thống lại như sau:

CƠ CHẾ TỐ GIÁC	NGƯỜI TỐ GIÁC	ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN	NHÓM QUẢN LÝ	NHÓM KIỂM SOÁT
THÀNH PHẦN	CBNV	PHÒNG NHÂN SỰ/ PHÒNG KTNB/ PHÒNG EHSS	BĐH	HĐQT/UBKT
TRÁCH NHIỆM	❖ Khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc có cơ sở thích đáng nghi ngờ có hành vi vi phạm, CBNV báo cáo kịp thời với thông tin trung thực, đầy đủ, rõ ràng và chính xác cho Đơn vị tiếp nhận ❖ Trường hợp khẩn cấp có thể báo cáo vượt cấp. Đặc biệt nếu thấy không thuận tiện có thể báo cáo qua điện thoại, email đến kênh tiếp nhận của Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBKT với thời gian tiếp nhận 24/24 giờ.	❖ Phòng Nhân sự, Phòng EHSS tiếp nhận và giải quyết khiếu nại ❖ Phòng KTNB cũng là Đơn vị tiếp nhận và cũng là Cơ quan độc lập, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại và đưa ra ý kiến khách quan đảm bảo sự công bằng, trách nhiệm.	❖ Định hướng mẫu mực, quan tâm, lắng nghe và phản hồi các ý kiến của CBNV cũng như rà soát ý kiến, phản hồi của Đơn vị tiếp nhận ❖ Người quyết định áp dụng các hình thức kỷ luật thích đáng, kể cả hình thức cao nhất là sa thải đối với những hành vi vi phạm.	❖ UBKT - Cơ quan trực thuộc HĐQT tiếp nhận các thông tin từ BĐH; xem xét một cách bảo mật, kịp thời và công bằng; đề xuất các biện pháp xử lý hành vi vi phạm; giám sát quá trình thực hiện đồng thời báo cáo lên HĐQT.

Quy trình xử lý tố giác khiếu nại hành vi vi phạm từ các văn bản trên được tóm gọn theo lược đồ sau:



Cơ chế tố giác sai phạm của GEC đã cung cấp kênh tiếp nhận và giải quyết thông tin tố giác, đặc biệt chú trọng đến quyền lợi của người tố giác. Cơ chế cho phép sử dụng cả tên thật và ẩn danh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự tương tác thông tin. Cam kết của Công ty là bảo vệ danh tính và quyền lợi của người tố giác, với sự tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật và nội quy nội bộ đồng thời nghiêm cấm trả thù và/hoặc trừng phạt, bảo đảm rằng mọi người tố giác không bị đối diện với hành vi trừng phạt hay áp đặt do việc tố giác hành vi vi phạm.

Công ty kiên quyết xử lý mọi nhân viên có hành vi vi phạm nhưng cũng đặt ra tiêu chí cao đối với việc chứng minh rõ ràng và đầy đủ thông tin tố giác. Trong trường hợp người bị tố giác không vi phạm và thông tin tố giác không có bằng chứng rõ ràng, Công ty sẽ tiến hành xem xét cẩn trọng và không làm tổn hại danh tiếng của người bị tố giác. Bất kỳ sự thù ghét cá nhân hoặc mục đích xấu nào trong thông tin tố giác cũng được xem xét và đánh giá là vu cáo, có thể dẫn đến xử phạt theo quy định Pháp luật và/hoặc quy định nội bộ.

Năm 2024, GEC không có bất kỳ vi phạm nào về QCƯX cũng như không có khiếu nại nào phải xử lý theo cơ chế. Điều này là kết quả của sự hiểu biết sâu sắc của CBNV hiện hữu về QCƯX bao gồm các cam kết về giá trị đạo đức kinh doanh và các vấn đề tuân thủ.

Với nền tảng đã xây dựng và các kết quả tích cực đạt được, GEC cam kết không ngừng cải tiến và duy trì một môi trường làm việc minh bạch, nơi giá trị tuân thủ được đặt lên hàng đầu.

100%

NHÂN VIÊN TUÂN THỦ QCƯX NĂM 2024

0

SỰ VỤ KHIẾU NẠI NĂM 2024

TIÊU LỆNH CHỨC DANH – CẢI TIẾN MỚI TRONG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Con người là yếu tố cốt lõi trong việc định hình và phát triển văn hóa doanh nghiệp. Và Giá trị Tổ chức phải được xây dựng, gìn giữ và phát huy bởi chính CBNV. Hiểu rõ tầm quan trọng của yếu tố này, GEC đã áp dụng bộ **"Tiêu lệnh chức danh"** chi tiết cho từng vị trí, từ cấp Lãnh đạo cao nhất đến từng CBNV, nhằm đảm bảo rằng mọi thành viên trong tổ chức đều thấu hiểu giá trị cốt lõi, trách nhiệm công việc cũng như vai trò của mình trong sự phát triển chung.

Tiêu lệnh chức danh được hoàn thiện với cấu trúc gồm 10 điều, trong đó Điều 1 là nguyên tắc áp dụng chung cho toàn bộ CBNV với nội dung: **"Công ty tôi xây dựng - Tài sản tôi gìn giữ - Khách hàng tôi phụng sự"**. Đây không chỉ là một khẩu hiệu mà còn là kim chỉ nam định hướng tư duy và hành động trong công việc hàng ngày. Mọi CBNV đều có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ và phát triển Công ty tài sản của Công ty và phục vụ khách hàng của Công ty một cách tận tâm, xem những điều xây dựng được đều là "của mình", "của tôi" một cách tích cực, hiểu được nó để cùng nhau giữ gìn uy tín, vun đắp thương hiệu. Đây là nền tảng cho sự thành công lâu dài và phát triển vững mạnh của mọi Tổ chức.

Tiếp theo sau đó, 9 điều còn lại được thiết kế riêng theo từng vị trí công việc, giúp từng cá nhân trong tổ chức hiểu rõ trách nhiệm, quyền hạn và cách thức thực hiện công việc một cách hiệu quả. Việc cụ thể hóa trách nhiệm theo từng vị trí không chỉ giúp CBNV chủ động hơn trong công việc mà còn tạo ra sự thống nhất và phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động.

GEC tin rằng, chỉ khi toàn thể CBNV cùng chung tay xây dựng và bảo vệ giá trị của Tổ chức, công ty mới có thể PTBV, nâng cao vị thế vững chắc trên thị trường và mang lại những lợi ích lâu dài không chỉ cho doanh nghiệp mà còn cho từng cá nhân trong Tổ chức.

Tuân thủ Pháp luật

Tại GEC, tuân thủ pháp luật và thực thi QTDN hiệu quả là nền tảng cốt lõi giúp Công ty vận hành ổn định, PTBV và nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường. Trong bối cảnh ngành NLTT tại Việt Nam đang có những bước chuyển mình quan trọng, GEC xác định tuân thủ các quy định pháp luật không chỉ là trách nhiệm mà còn là lợi thế cạnh tranh, giúp Công ty mở rộng hoạt động và thu hút thêm nguồn vốn từ các NĐT trong và ngoài nước. Với tư cách là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực NLTT, GEC cam kết:

Đảm bảo hoạt động tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành, từ các chính sách ngành Năng lượng, Thị trường điện, Môi trường, đến các tiêu chuẩn QTDN và bảo vệ lợi ích của CĐ.

Tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật, đặc biệt là các cơ chế liên quan đến NLTT như DPPA, Chính sách giá phát điện, Quy hoạch phát triển Điện lực, và các quy định về **ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị)**.

Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ vững chắc, giúp kiểm soát chặt chẽ các rủi ro pháp lý và đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động của Doanh nghiệp.

Trong năm 2024, GEC tiếp tục thực hiện chiến lược nâng cao năng lực tuân thủ thông qua việc cập nhật các quy định mới, tăng cường đào tạo nhận thức pháp lý nội bộ, đồng thời ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa hệ thống quản trị.

Trong năm 2024, GEC tiếp tục triển khai công tác QTDN về pháp luật, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý trong nước, cập nhật các chuẩn mực quốc tế và thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn về EHSS. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động theo dõi và cập nhật các chính sách quy hoạch phát triển ngành, tận dụng các cơ hội đầu tư mới và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với định hướng PTBV.

HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NĂM 2024

ÁP DỤNG CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

Với sự tham gia của các CĐ, NĐT và đối tác chiến lược như JERA (Nhật Bản), DEG (Đức), SK E&S (Hàn Quốc) và SYMBIOTICS (Thụy Sĩ), GEC áp dụng các chuẩn mực quản trị quốc tế, đảm bảo HĐKD tuân theo các tiêu chuẩn minh bạch và bền vững. Công ty đã tích hợp **Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất 2019, Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD 2023 và Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN 2024** nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, thu hút vốn đầu tư quốc tế và gia tăng lợi ích cho CĐ.

Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này không chỉ giúp GEC nâng cao uy tín trên thị trường mà còn mở rộng khả năng hợp tác với các đối tác nước ngoài, tận dụng nguồn vốn ưu đãi và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực NLTT.

QTCT THEO PHÁP LUẬT TRONG NƯỚC

GEC luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến QTDN, TTCK, CBTT và phát hành trái phiếu. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các hướng dẫn QTCT đối với Công ty đại chúng, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ cao nhất. Đồng thời, GEC thường xuyên cập nhật, phổ biến các chính sách pháp luật mới, đảm bảo toàn bộ hệ thống quản trị và vận hành hoạt động theo đúng quy định. Ngoài việc tuân thủ, Công ty cũng chủ động tham gia góp ý xây dựng các chính sách pháp luật liên quan đến Ngành Năng lượng và Tài chính, bảo vệ quyền lợi Doanh nghiệp và thúc đẩy sự PTBV trong lĩnh vực NLTT.

LĨNH VỰC EHSS

GEC cam kết thực thi nghiêm túc các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và PTBV. Công ty đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình vận hành, nâng cao chất lượng an toàn lao động và thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động trọng tâm bao gồm:

- Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các DA Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.
- Tăng cường biện pháp an toàn lao động, nâng cao điều kiện làm việc cho nhân viên tại các NM và công trình NLTT.
- Thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) nhằm hỗ trợ cộng đồng địa phương, phát triển cơ sở hạ tầng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT

CÁC BẢN BẢN PHÁP LUẬT VỀ QUY HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH

Năm 2024, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm định hướng phát triển ngành Năng lượng, trong đó GEC đặc biệt quan tâm đến các văn bản quy hoạch và chiến lược dài hạn. Việc cập nhật kịp thời các văn bản này giúp Công ty điều chỉnh chiến lược đầu tư, mở rộng danh mục DA và tận dụng các cơ hội mới trong lĩnh vực NLTT. Các văn bản quan trọng bao gồm:

- QĐ 165/QĐ-TTg ngày 7/2/2024: Phê duyệt chiến lược phát triển Năng lượng Hydrogen của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mở ra cơ hội đầu tư vào lĩnh vực Hydrogen xanh.
- QĐ số 215/QĐ-TTg ngày 1/3/2024: Phê duyệt chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, nhấn mạnh sự chuyển dịch sang các nguồn NLTT.
- QĐ 338/QĐ-TTg ngày 24/4/2024: Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể về Năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đóng vai trò quan trọng trong việc xác định cơ hội đầu tư vào NLTT.
- NQ 241/NQ-CP ngày 19/12/2024: Ban hành kế hoạch thực hiện NQ số 937/NQ-UBTVQH15 về giám sát chuyên đề phát triển Năng lượng giai đoạn 2016-2021.
- QĐ số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024: Phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo cơ hội cho các NĐT trong lĩnh vực Năng lượng sạch.

CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP VÀ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Bên cạnh các quy hoạch dài hạn, GEC cũng cập nhật và triển khai các quy định liên quan đến hoạt động SXKD, thị trường điện và chính sách phát triển NLTT, bao gồm:

- TT 07/2024/TT-BCT ngày 12/4/2024: Quy định phương pháp xác định giá phát điện và hợp đồng mua bán điện, ảnh hưởng đến chiến lược định giá và thương thảo hợp đồng của Công ty.
- NĐ 80/2024/NĐ-CP ngày 3/7/2024: Cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA), mở ra cơ hội hợp tác giữa các đơn vị phát điện NLTT và khách hàng sử dụng điện lớn.
- Luật Đất đai 2024 ngày 18/1/2024: Điều chỉnh các quy định về quyền sử dụng đất, có tác động lớn đến việc triển khai các DA Điện Mặt trời và Điện Gió.
- TT 20/2024/TT-BCT ngày 10/10/2024: Phương pháp lập khung giá phát điện của NM Điện Chất thải rắn và NM Điện Sinh khối, ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư vào các mô hình NLTT mới.
- TT 21/2024/TT-BCT ngày 10/10/2024: Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh, điều chỉnh cơ chế chào giá, lập lịch huy động và xác định giá thị trường.
- NĐ 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024: Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển Điện Mặt trời Mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ, mở ra cơ hội đầu tư mới trong lĩnh vực Điện Mặt trời.
- TT 27/2024/TT-BCT ngày 21/11/2024: Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn NĐT thực hiện DA Năng lượng.
- Luật Điện lực 2024 ngày 30/11/2024: Điều chỉnh các quy định về đầu tư, vận hành và quản lý hệ thống điện, có tác động lớn đến chiến lược phát triển của GEC trong thời gian tới.

CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH NĂM 2024

Với phương châm VBLQ là công cụ hỗ trợ, quản lý, chuẩn hóa hoạt động của Công ty bảo đảm sự tuân thủ Pháp luật, định hướng Công ty và Chuẩn mực Quốc tế, Công ty tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định chính sách thông qua hệ thống VBLQ.

HỆ THỐNG VBLQ

Hệ thống VBLQ của Công ty được phân chia thành từng nhóm theo Lĩnh vực và Loại hình phù hợp với hoạt động của từng Khối Chức năng, Phòng Ban, Đơn vị trực thuộc, Công ty Con, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối Chức năng, Phòng Ban cũng như tương tác với các Đơn vị trực thuộc, Công ty Con. Hàng năm, Công ty luôn xây dựng các Kế hoạch triển khai hệ thống VBLQ, theo đó, Tổ Pháp chế phối hợp cùng các Đơn vị liên quan thực hiện soát xét, điều chỉnh, ban hành các VBLQ để đáp ứng nhu cầu tại từng giai đoạn.

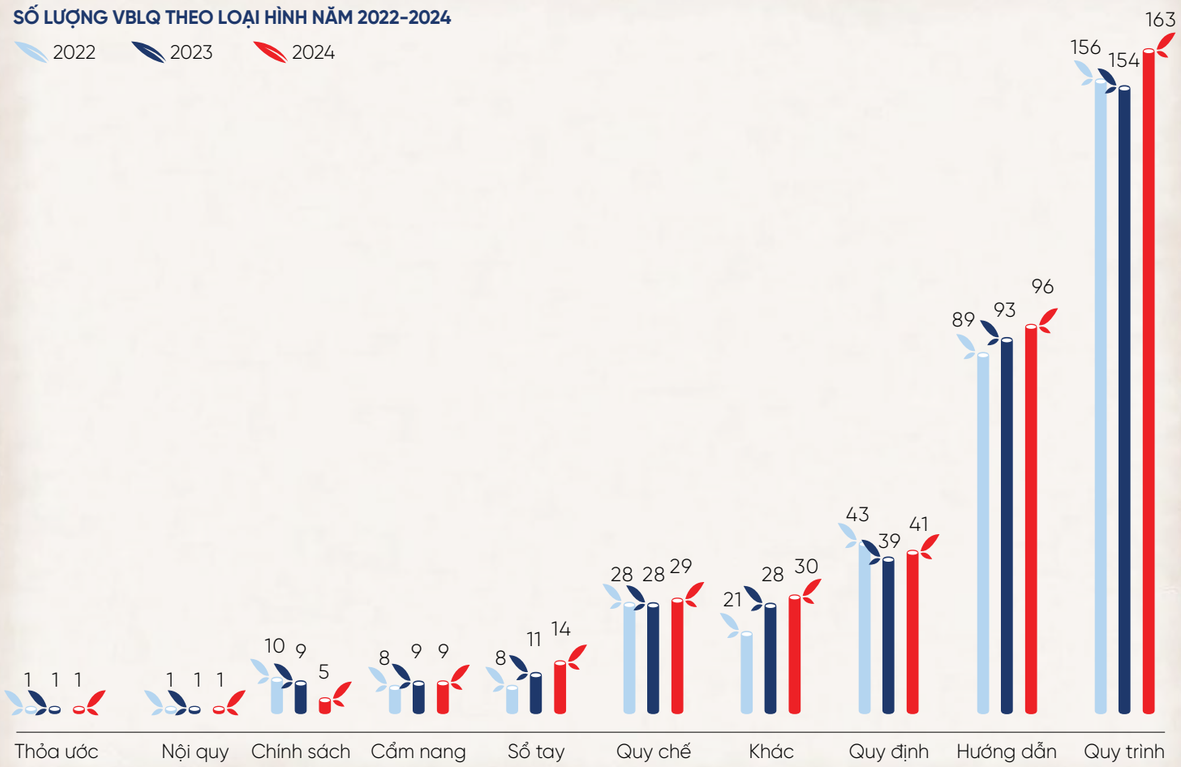
Về tổng quan, số lượng VBLQ có hiệu lực áp dụng trong năm 2024 là 389 văn bản, tăng 16 văn bản, tương ứng 4% so với năm 2023, trong đó:

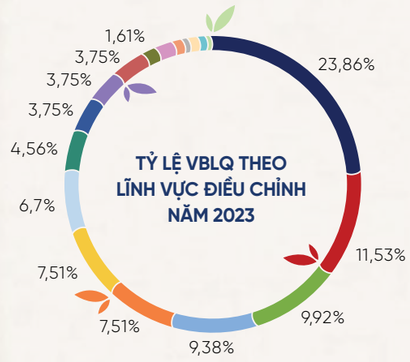
- Lĩnh vực và Loại hình tăng (Ban hành mới): 20 văn bản thuộc lĩnh vực: Quản lý vận hành (7 văn bản); Kinh doanh (3 văn bản); Tài chính - Kế hoạch (3 văn bản); Phát triển DA (2 văn bản); Thí nghiệm và Dịch vụ (2 văn bản); Kỹ thuật (1 văn bản); Nhân sự - Đào tạo (1 văn bản); Chính sách - Pháp chế (1 văn bản) và thuộc các Loại hình: Quy trình (9 văn bản); Hướng dẫn (3 văn bản); Sổ tay (3 văn bản); Quy định (2 văn bản); Khác (2 văn bản); Quy chế (1 văn bản).
- Lĩnh vực và Loại hình VBLQ giảm: Giảm 4 văn bản do tinh giảm các VBLQ cũ, không còn phù hợp áp dụng, gồm: 1 văn bản thuộc lĩnh vực Nhân sự - Đào tạo, 1 văn bản thuộc lĩnh vực Quản lý vận hành; 2 văn bản thuộc Chính sách - Pháp chế và thuộc Loại hình Chính sách (do điều chỉnh cho đúng Loại hình Quy trình, Hướng dẫn, khác).
- Về tỷ lệ biến động: So sánh trong hai năm 2023 và năm 2024, tỷ lệ VBLQ theo Lĩnh vực điều chỉnh và theo Loại hình không có sự biến động lớn, thể hiện qua 04 biểu đồ trình bày dưới đây.

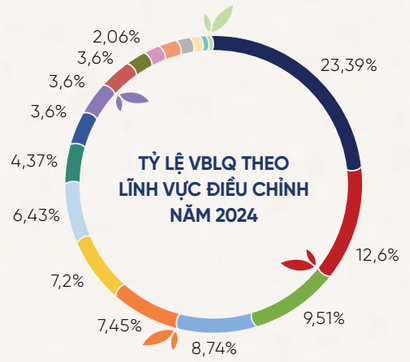
SỐ LƯỢNG VBLQ THEO LĨNH VỰC ĐIỀU CHỈNH NĂM 2022-2024

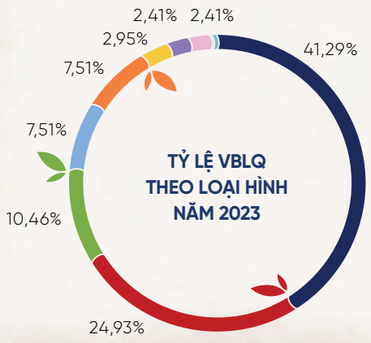


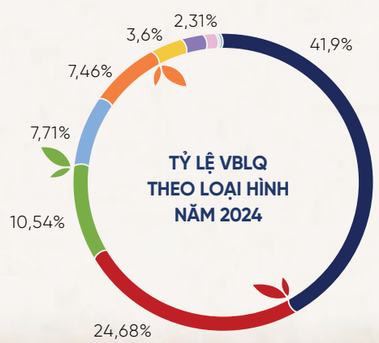
SỐ LƯỢNG VBLQ THEO LOẠI HÌNH NĂM 2022-2024













Nguồn: GEC

CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH NĂM 2025

Trong năm 2025, GEC tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển chính sách nhằm nâng cao hiệu quả QTDN, tối ưu hóa hệ thống VBLQ và đảm bảo tuân thủ pháp luật trong toàn bộ hệ thống. Kế hoạch này không chỉ giúp củng cố nền tảng quản lý mà còn tăng cường tính minh bạch, đồng bộ và hiệu quả trong hoạt động điều hành doanh nghiệp. Việc thực thi chính sách được định hướng phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, chuẩn mực quản trị hiện đại và nhu cầu PTBV của Công ty.

VIỆC BAN HÀNH MỚI VÀ SOÁT XÉT VBLQ NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện ban hành mới 20 văn bản như nêu trên và soát xét, ban hành lại 91 văn bản để cập nhật phù hợp quy định pháp luật, chính sách Công ty và Chuẩn mực quốc tế.

91 văn bản ban hành lại tập trung ở các Lĩnh vực: Thí nghiệm và dịch vụ (23 văn bản); Chính sách - Pháp chế (19 văn bản); Xây dựng cơ bản (15 văn bản); EHSS (7 văn bản); Hỗ trợ (7 văn bản); Nhân sự - Đào tạo (6 văn bản); Quản lý vận hành (6 văn bản); CNTT (2 văn bản); Văn phòng (2 văn bản); Tổ chức bộ máy (2 văn bản); KTNB (1 văn bản); Phát triển DA (1 văn bản); thuộc Loại hình văn bản: Quy trình (44 văn bản); Khác (18 văn bản); Quy định (11 văn bản); Quy chế (9 văn bản); Hướng dẫn (4 văn bản); Sổ tay (2 văn bản); Thỏa ước (1 văn bản); Chính sách (1 văn bản); Cẩm nang (1 văn bản).

VIỆC QUẢN LÝ, PHÂN PHỐI, LƯU TRỮ VBLQ TẠI HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐIỆN TỬ EO

Công ty thực hiện quản lý, phân phối, lưu trữ, cập nhật VBLQ phân loại theo từng Lĩnh vực tại hệ thống quản lý điện tử EO để toàn bộ CBNV có thể tra cứu, sử dụng tiện lợi, đáp ứng nhu cầu công việc.

CẬP NHẬT VÀ TỐI ƯU HÓA HỆ THỐNG VBLQ

GEC sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh hệ thống VBLQ để đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật mới và yêu cầu thực tế trong hoạt động QTDN. Việc tinh gọn và tối ưu hóa các quy chế, quy trình sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu chồng chéo và tăng cường tính nhất quán trong thực thi.

Bên cạnh đó, GEC sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành các VBLQ mới nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý vận hành, tài chính, nhân sự, kinh doanh và QTRR. Việc điều chỉnh này nhằm đảm bảo hệ thống chính sách có tính linh hoạt, hỗ trợ hiệu quả quá trình điều hành doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành.

KIỂM SOÁT TUÂN THỦ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO PHÁP LÝ

GEC tiếp tục nâng cao công tác kiểm soát tuân thủ chính sách nội bộ, đảm bảo mọi HĐKD và vận hành của Công ty được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Việc giám sát chặt chẽ công tác thực hiện chính sách giúp Công ty chủ động phòng ngừa các rủi ro phát sinh, hạn chế tranh chấp pháp lý và bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp trong các giao dịch thương mại, hợp đồng mua bán điện và phát triển DA.

ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Nhằm đảm bảo chính sách nội bộ được thực thi hiệu quả, GEC sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo và phổ biến kiến thức pháp luật cho CBNV. Việc đào tạo này giúp nâng cao nhận thức về QTDN, pháp luật và tuân thủ chính sách, đồng thời đảm bảo các đơn vị nắm rõ cách thức triển khai quy định trong thực tế.

Công ty cũng sẽ tăng cường hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc áp dụng chính sách, giúp tạo sự đồng bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con, đồng thời nâng cao chất lượng thực thi. Việc đào tạo này không chỉ giúp hạn chế rủi ro mà còn góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu suất hoạt động trong toàn hệ thống.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHÍNH SÁCH

GEC sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống VBLQ, đảm bảo các văn bản được quản lý chặt chẽ, phân loại khoa học và dễ dàng tra cứu. GEC xây dựng cơ chế phản hồi và điều chỉnh chính sách linh hoạt nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn và kịp thời cập nhật những thay đổi quan trọng. Việc này giúp đảm bảo các chính sách luôn phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, góp phần hỗ trợ quá trình vận hành doanh nghiệp một cách hiệu quả và nhất quán.

HỖ TRỢ VÀ PHỐI HỢP VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRONG GECG

GEC cam kết tiếp tục xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống quản trị và vận hành. Công ty sẽ hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc triển khai chính sách, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh và tăng cường sự liên kết giữa các bộ phận trong công tác quản lý.



Quan hệ Nhà đầu tư

Với lịch sử 35 năm hình thành và phát triển, GEC luôn bảo vệ quyền và lợi ích của CĐ, NĐT, coi đây là một trong những vấn đề cốt lõi trong QTDN. GEC luôn định hướng hoạt động Quan hệ NĐT hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền CĐ, tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo CBTT minh bạch và đối xử bình đẳng với các CĐ.

35
CUỘC HỌP TRỰC TIẾP/ TRỰC TUYẾN CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

10
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CỦA CTCK (MAS, KBSV, HSC, PHS, VDSC)

27
CUỘC GẶP ĐÓN TIẾP QUỸ ĐẦU TƯ VÀ CTCK

7
GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

16
BÀI THÔNG CÁO BÁO CHÍ VÀ BÀI VIẾT CHUYÊN MÔN ANH - VIỆT

2
BCTN TÍCH HỢP BÁO CÁO PTBV VIỆT - ANH

10
HỘI THẢO, BUỔI ĐÀO TẠO VỀ QTCT, ESG, LUẬT,...

0
VI PHẠM VỀ CBTT VÀ QTCT

ĐA DẠNG HÓA CÁC KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CĐ VÀ NĐT

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của thông tin trong quá trình ra quyết định đầu tư, GEC luôn chú trọng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm đảm bảo CĐ và NĐT được tiếp cận đầy đủ, chính xác và kịp thời các nội dung liên quan đến định hướng chiến lược, kết quả HĐKD, tình hình QTDN...

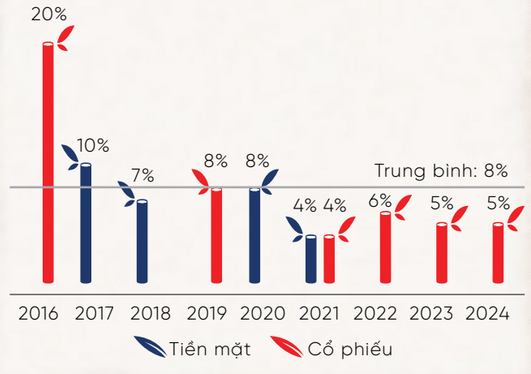
Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm túc quy định về CBTT theo TT số 96/2020/TT-BTC, GEC chủ động cung cấp các thông tin trọng yếu có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của NĐT một cách kịp thời và minh bạch. Đặc biệt, việc duy trì phát hành Thông cáo báo chí song ngữ Việt - Anh với nội dung phân tích chuyên sâu về các chỉ tiêu tài chính và nghiệp vụ đặc thù trong HĐKD của GEC đã nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng đầu tư và các chuyên gia phân tích. Điều này không chỉ nâng cao tính minh bạch trong hoạt động CBTT mà còn giúp các BLQ có góc nhìn toàn diện hơn về hoạt động của GEC và các đơn vị thành viên.

CHÍNH SÁCH CỔ TỨC - BẢO VỆ LỢI ÍCH CĐ SONG HÀNH CÙNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Năm 2024, GEC tiếp tục thực hiện cam kết tối ưu hóa lợi ích CĐ thông qua chính sách chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%. Trong giai đoạn 2016-2024, Công ty duy trì chính sách cổ tức ổn định với mức trung bình khoảng 8%/năm, cao hơn so với mặt bằng chung của Ngành NLTT (khoảng 6%).

Chính sách cổ tức của GEC được xây dựng trên nguyên tắc linh hoạt, hài hòa giữa cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu, phù hợp với kết quả kinh doanh và định hướng cân đối dòng tiền. Điều này không chỉ giúp Công ty đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư mở rộng mà còn bảo vệ lợi ích dài hạn của CĐ. Trong bối cảnh GEC tiếp tục đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực NLTT mới, đa dạng hóa danh mục đầu tư và gia tăng doanh thu bền vững, chính sách cổ tức linh hoạt sẽ góp phần duy trì biên lợi nhuận hấp dẫn, củng cố giá trị doanh nghiệp và tối ưu hóa lợi ích cho CĐ trong dài hạn.

TỶ LỆ CỔ TỨC 2016 - 2024



Nguồn: GEC

GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Năm 2024, GEC tiếp tục khẳng định uy tín và vị thế trên thị trường khi vinh dự nhận được 7 giải thưởng uy tín trong và ngoài nước.

Quốc tế Trong nước

GIẢI BẠCH KIM
BCTN QUỐC TẾ - NHÓM NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ TIỆN ÍCH

TOP 5
BCTN QUỐC TẾ - NHÓM QUỐC GIA VIỆT NAM

TOP 100
BCTN QUỐC TẾ - NHÓM KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (HẠNG 5)

GIẢI THÀNH TỰU KỸ THUẬT

Vượt qua hơn 1.000 Công ty từ 20 Quốc gia, GEC vinh dự nhận 4 giải thưởng quốc tế do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ - LACP (League of American Communication Professionals) trao tặng

- **Giải Bạch kim BCTN - Nhóm ngành Năng lượng và Tiện ích** - Lần thứ 6 liên tiếp. Chất lượng báo cáo của GEC đã nhận được đánh giá cao từ hội đồng thẩm định khi đạt điểm tuyệt đối 6/7 hạng mục quan trọng với tổng điểm 99/100. Xếp sau GEC là Giải vàng Grupo Rotoplas, S.A.B. de C.V. and Subsidiaries - Tập đoàn Năng lượng của Mexico, Giải bạc Rosseti Volga, PJSC - Công ty Năng lượng của Nga và Giải đồng JSW Energy Limited - Tập đoàn Năng lượng của Ấn Độ.
- **Top 5 BCTN Quốc tế - Nhóm Quốc gia Việt Nam** - Lần thứ 5 liên tiếp
- **Top 100 BCTN Quốc tế - Nhóm Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (hạng 5)** - Lần đầu tiên
- **Giải Thành tựu Kỹ thuật** - Lần thứ 2 liên tiếp

TOP 50
DOANH NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ

TOP 5
DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ 2024 - NHÓM SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI VÀ TRUYỀN TẢI ĐIỆN

- Giải thưởng nhằm đánh giá, nghiên cứu và tôn vinh doanh nghiệp sáng tạo, cách tân, HĐKD hiệu quả và tiềm năng tăng trưởng tốt do Viet Research phối hợp Báo Đầu tư trao tặng.
- GEC vinh dự Công ty NLTT duy nhất được trao tặng 2 Giải thưởng lần thứ 2 liên tiếp. Bên cạnh các doanh nghiệp niêm yết lớn cùng ngành: Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (PGV), CTCP Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW), Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK)

TOP 3
DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT - MID CAP

- Lễ Vinh danh IR Awards 2024 được tổ chức nhằm công bố kết quả Bình chọn IR và tôn vinh những doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR xuất sắc nhất do Vietstock phối hợp với Hiệp hội VAFE và Tạp chí điện tử FiLi tổ chức
- Các hạng mục được vinh danh bao gồm: Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được NĐT yêu thích nhất 2024 và Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất 2024 chia theo quy mô vốn hóa. Đây là những doanh nghiệp niêm yết tuân thủ hoạt động CBTT, có quản trị chiến lược, truyền thông tài chính minh bạch, đạt được hiệu quả giao tiếp giữa doanh nghiệp, cộng đồng tài chính cùng các thành phần khác, góp phần đưa chứng khoán công ty đạt được mức định giá hợp lý, giá trị doanh nghiệp được tối ưu.
- GEC vinh dự lần thứ 2 đạt giải **"Top 3 Doanh nghiệp có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất - Midcap"** cùng với Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR) và CTCP Tập đoàn PAN (PAN). Đặc biệt, GEC cũng là Công ty Năng lượng duy nhất được nhận giải thưởng này.



CỦNG CỐ UY TÍN VỚI XẾP HẠNG TÍN NHIỆM VÀ KHUNG TÀI CHÍNH XANH

Trong những năm gần đây, GEC đã chủ động định hướng chiến lược phát triển theo mô hình Tài chính Xanh, nhằm tối ưu hóa nguồn vốn và nâng cao tính bền vững trong hoạt động đầu tư. Các đánh giá khách quan, chuyên sâu từ các định chế tài chính uy tín đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ GEC tiếp cận các nguồn vốn xanh với chi phí cạnh tranh, góp phần củng cố vị thế của Công ty trong lĩnh vực NLTT.

Trong năm 2024, FiinRatings - Đơn vị xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay được hỗ trợ kỹ thuật bởi S&P Global Ratings - 1 trong 3 Công ty xếp hạng tín nhiệm lớn nhất thế giới và ADB đã thực hiện cập nhật kết quả đánh giá Xếp hạng Tín nhiệm dài hạn đối với GEC. Theo đó, GEC năm thứ 2 liên tiếp duy trì được **Kết quả Xếp hạng "A-" với triển vọng "Ổn định"** thuộc mức đầu tư (Investment Grade). Kết quả này phản ánh năng lực tài chính vững mạnh, chiến lược PTBV và khả năng QLRR hiệu quả của Công ty.

Bên cạnh đó, GEC cũng vinh dự là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đạt được **Chứng nhận Trái phiếu Khí hậu** do Climate Bonds Initiative (CBI) cấp. CBI là là một tổ chức quốc tế hoạt động nhằm huy động vốn toàn cầu cho các hành động khí hậu thông qua việc phát triển Hệ thống Chứng nhận và Tiêu chuẩn Trái phiếu Khí hậu, Cam kết Chính sách và Thông tin Thị trường. Hệ thống Chứng nhận và Tiêu chuẩn Trái phiếu Khí hậu của CBI được công nhận rộng rãi tại hơn 30 quốc gia, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính toàn vẹn, minh bạch và tác động tích cực đến môi trường của các khoản đầu tư. Chứng nhận này được cấp sau quá trình xác nhận khắt khe và toàn diện của FiinRatings. Chứng nhận uy tín này giúp GEC thu hút các NĐT quan tâm đến các vấn đề Môi trường, Xã hội và QTDN (ESG), hỗ trợ cho trái phiếu xanh của GEC dễ dàng tiếp cận thị trường quốc tế hơn, mở ra cơ hội hợp tác và huy động vốn từ các NĐT nước ngoài.

CHỦ ĐỘNG DẪN DẮT XU HƯỚNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Trong năm 2024, các CTCK đã phát hành 10 báo cáo phân tích về cổ phiếu GEG với giá mục tiêu cao nhất lên đến 18.800 đồng/cổ phiếu, cao hơn 31% so với giá cổ phiếu tại ngày ra báo cáo.

KB Securities

THÁNG 9

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **16.200 đồng/cp** (+40,3%)

THÁNG 12

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **14.300 đồng/cp** (+26,5%)

ACBS

THÁNG 11

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **12.400 đồng/cp** (+13,5%)

MIRAE ASSET Securities

THÁNG 8

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **15.500 đồng/cp** (+20,0%)

hsc

THÁNG 1

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **17.700 đồng/cp** (+35,1%)

THÁNG 6

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **17.700 đồng/cp** (+26,4%)

THÁNG 7

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **17.700 đồng/cp** (+21,2%)

THÁNG 8

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **17.700 đồng/cp** (+18,8%)

Phu Hung SECURITIES

THÁNG 6

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **18.800 đồng/cp** (+31%)

RONG VIET SECURITIES

THÁNG 9

- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: **12.200 đồng/cp** (+14,0%)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

Năm 2024 chứng kiến những biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế có cải thiện, nhưng sự phân hóa giữa các khu vực ngày càng rõ rệt. Trong khi các nền kinh tế phát triển thu hút dòng vốn mạnh mẽ, các nền kinh tế đang phát triển phải đối mặt với sự phục hồi chậm chạp và dòng vốn tháo chạy. Mặc dù chịu tác động lớn từ bối cảnh toàn cầu, TTCK Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.266,78 điểm vào ngày 31/12/2024, tăng 12,11% so với cuối năm 2023. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 7,2 triệu tỷ đồng, tăng 21,2% so với cuối năm 2023, tương đương 70,4% GDP ước tính năm 2023; giá trị giao dịch bình quân đạt 21,1 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 19,9% so với bình quân năm trước.

Theo thống kê của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD), đến cuối 2024, TTCK có gần 9,3 triệu tài khoản. Như vậy, chứng khoán Việt Nam đạt mục tiêu 9 triệu tài khoản trước thời hạn 2025. Theo đề án của Chính phủ, thị trường sẽ hướng tới 11 triệu tài khoản vào năm 2030, tập trung phát triển NĐT có tổ chức, NĐT chuyên nghiệp và thu hút sự tham gia của NĐT nước ngoài.

Về giao dịch của khối ngoại, năm 2024 tiếp tục ghi nhận xu hướng bán ròng mạnh của dòng vốn ngoại. Theo thống kê của HOSE, NĐT nước ngoài đã chi hơn 438.902 tỷ đồng để mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, ETF và chứng quyền trong năm 2024. Ở chiều ngược lại, khối ngoại bán ra gần 529.090 tỷ đồng. Như vậy, trên sàn HOSE, khối ngoại đã bán ròng hơn 90.311 tỷ đồng trên sàn HoSE, tương đương hơn 3,55 tỷ USD. Nếu tính toàn TTCK, con số xấp xỉ 94.450 tỷ đồng.

NĂM 2025 - BẢN LỀ CHO SỰ BỨT PHÁ CỦA TTCK VIỆT NAM VỚI LOẠT CHÍNH SÁCH VÀ CẢI CÁCH TRỌNG ĐIỂM

QUÝ 1/2025

Hoạt động chính:

Ra mắt hệ thống giao dịch KRX, hoàn thiện chuẩn hóa CBTT theo IFRS

QUÝ 2/2025

Hoạt động chính:

Hội nghị xúc tiến đầu tư quốc tế, quảng bá cơ hội đầu tư TTCK Việt Nam

QUÝ 3/2025

Hoạt động chính:

Báo cáo kết quả đánh giá nâng hạng FTSE & MSCI

QUÝ 4/2025

Hoạt động chính:

Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển TTCK 2021-2025 và công bố Chiến lược giai đoạn 2026-2030

Nâng cao tính minh bạch và chuẩn hóa CBTT theo thông lệ quốc tế

- Tiến tới áp dụng **chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS** cho doanh nghiệp niêm yết lớn - Nền tảng thu hút dòng vốn ngoại.
- Bắt buộc công bố **Báo cáo PTBV** theo chuẩn quốc tế như **GRI, TCFD,** nâng cao chất lượng thông tin cho NĐT.

Tối ưu hóa hạ tầng công nghệ và hệ sinh thái giao dịch

- Đẩy nhanh triển khai và vận hành **hệ thống giao dịch KRX** với năng lực xử lý lệnh vượt trội, sẵn sàng cho các sản phẩm mới như: **chứng quyền, bán khống** có kiểm soát, **giao dịch T+0**.
- Phát triển hệ sinh thái số hóa thông tin toàn diện, bao gồm cung cấp thông tin dữ liệu theo thời gian thực và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác giám sát giao dịch.

Cải thiện thanh khoản và nâng cao khả năng tiếp cận cho NĐT nước ngoài

- Xem xét **nới room ngoại** ở các ngành không nhạy cảm, tạo cơ hội thu hút dòng vốn lớn từ các quỹ toàn cầu.
- **Cải tiến quy trình** mở tài khoản và chuyển tiền cho NĐT nước ngoài, giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng tính thuận tiện.
- Thúc đẩy nghiên cứu và ra mắt các **sản phẩm tài chính xanh** như **quỹ ETF ESG, quỹ đầu tư xanh**, hướng tới tiêu chí đầu tư bền vững và phù hợp xu thế toàn cầu.

Phát triển thị trường trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững

- Khuyến khích doanh nghiệp phát hành **trái phiếu xanh với ưu đãi thuế** và cơ chế hỗ trợ CBTT minh bạch.
- Xây dựng kết nối dữ liệu giữa TTCK và thị trường tín chỉ carbon, từng bước hình thành kênh huy động vốn bền vững, phù hợp với mục tiêu **Net Zero** của Chính phủ.

Triển vọng nâng hạng thị trường - Cú hích dòng vốn ngoại

- Dòng vốn mới từ **4-5 tỷ USD**, theo ước tính của MSCI.
- Tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong **MSCI Emerging Markets** có thể đạt **0,8%-2%**, tương đương các thị trường mới nổi như Philippines và Indonesia.
- Sự tham gia của các quỹ đầu tư quy mô lớn vào các cổ phiếu bluechips sẽ tạo động lực tăng trưởng mạnh cho thị trường, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn quản trị và CBTT của doanh nghiệp niêm yết.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

THÔNG TIN CHUNG

Mã cổ phiếu	GEG
Sàn giao dịch	HOSE
Cổ phiếu đang lưu hành	358.308.371
Cổ phiếu Ưu đãi cổ tức	64.200.000
Trôi nổi	19%

THÔNG TIN GIÁ

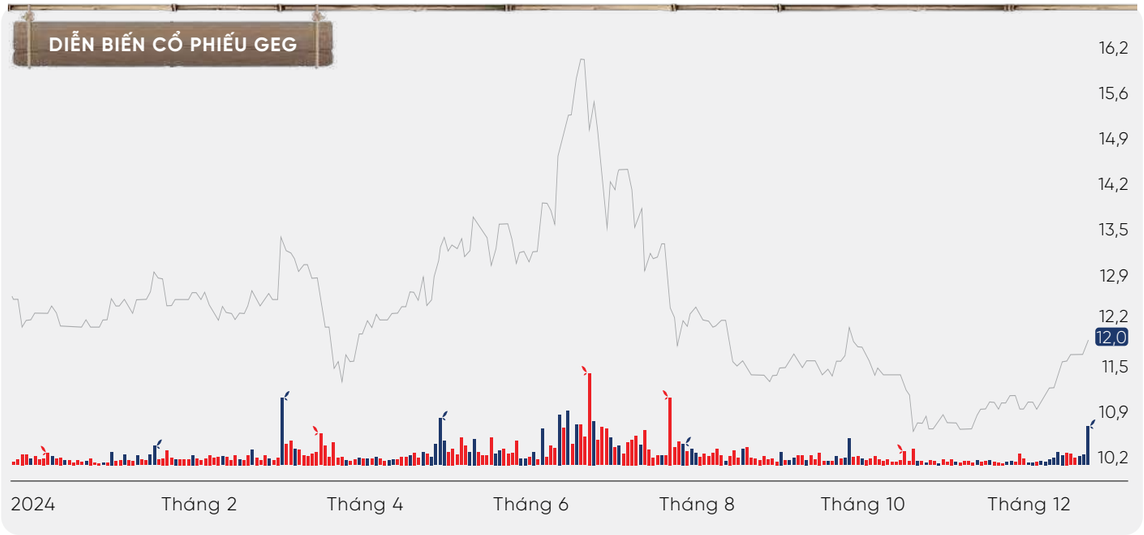
Giá trị sổ sách (đồng)	16.085
Giá Cổ phiếu tại 31/12/2024 (đồng)	12.000
Vốn hóa tại 31/12/2024 (tỷ đồng)	4.385
Giá cao nhất 2024 (đồng)	16.950
Giá thấp nhất 2024 (đồng)	10.650

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

EPS 12T (đồng)	278
P/E (lần)	36,2x
P/B (lần)	0,7x

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Giới hạn sở hữu NĐT nước ngoài	50%
Sở hữu CĐ nước ngoài	45,6%



Nguồn: Vietstock, GEC tổng hợp

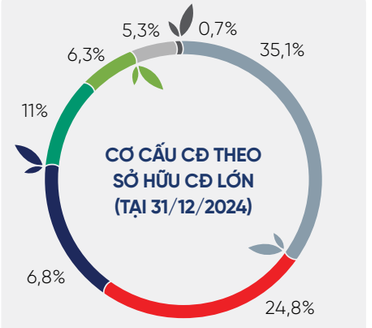
CƠ CẤU CĐ

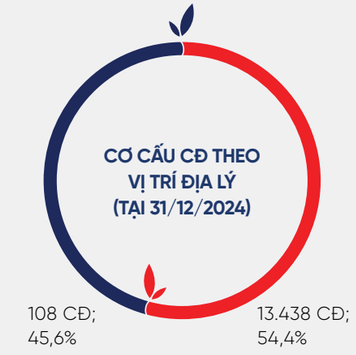
Tại thời điểm cuối năm 2024, GEC ghi nhận tổng số CĐ có quyền biểu quyết là 12.546 CĐ, giảm 4,8% so với năm 2023. Trong đó, CĐ nước ngoài chiếm tỷ lệ đáng kể với 108 CĐ, nắm giữ 192 triệu cổ phiếu, tương đương 45,6% tổng số cổ phiếu lưu hành.

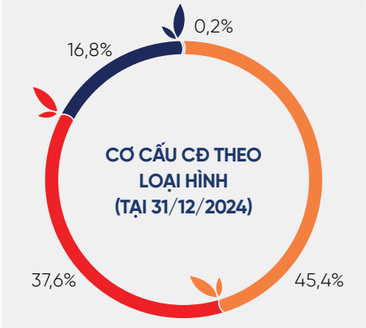
GEC hiện áp dụng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài ở mức 50%, nhằm đảm bảo yếu tố an ninh năng lượng quốc gia. Đáng chú ý, CĐ chiến lược nước ngoài lớn nhất của GEC là JERA ASIA, hiện sở hữu tới 35,1% vốn điều lệ. Ngoài ra, còn có 19 tổ chức nước ngoài khác với tỷ lệ sở hữu dao động quanh 1%.

Xét về tỷ trọng CĐ nước ngoài, GEC đang duy trì mức sở hữu nước ngoài nằm trong nhóm dẫn đầu so với các doanh nghiệp cùng ngành trong lĩnh vực NLTT. Đây cũng là điểm hấp dẫn, phản ánh niềm tin dài hạn của khối ngoại vào tiềm năng phát triển của GEC.

Cơ cấu CĐ của GEC không chỉ phản ánh sự đa dạng trong cơ cấu sở hữu, mà còn cho thấy sự hấp dẫn của cổ phiếu GEC đối với cả NĐT trong và ngoài nước, đặc biệt là các NĐT tổ chức có tầm nhìn dài hạn.







Nguồn: GEC

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Hoạt động tăng vốn, phát hành chứng khoán

- Trong năm 2024, GEC đã thực hiện trả cổ tức 5% bằng cổ phiếu, nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 422.508.371 cổ phiếu (358.308.371 cổ phiếu phổ thông và 64.200.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức)
- Tương ứng với VĐL đạt 4.225 tỷ đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- GEC không sở hữu và phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
NGƯỜI NỘI BỘ							
1	Tân Xuân Hiến	Chủ tịch HĐQT	644.396	0,16	676.615	0,16	Nhận cổ tức năm 2023
2	Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	449.440	0,11	471.912	0,11	Nhận cổ tức năm 2023
3	Nguyễn Thế Vinh	Thành viên HĐQT	56.180	0,01	58.989	0,01	Nhận cổ tức năm 2023
4	Nguyễn Thùy Vân	Thành viên HĐQT	224.720	0,06	235.956	0,06	Nhận cổ tức năm 2023
5	Phạm Thị Khuê	Thành viên HĐQT	284.100	0,07	298.305	0,07	Nhận cổ tức năm 2023, Bán
6	Nguyễn Thái Hà	TGĐ	582.576	0,14	566.624	0,13	Nhận cổ tức năm 2023, Bán
7	Lê Thanh Vinh	Phó TGĐ thường trực	379.027	0,10	416.878	0,10	Nhận cổ tức năm 2023
8	Nguyễn Phong Phú	Phó TGĐ	282.148	0,07	296.255	0,07	Nhận cổ tức năm 2023
9	Trần Thị Hồng Thắm	GĐ Tài chính	167.697	0,04	176.081	0,04	Nhận cổ tức năm 2023
10	Phạm Thành Tuấn Anh	Người phụ trách CBTT	179.578	0,05	186.456	0,05	Nhận cổ tức năm 2023
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ							
1	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	CĐ lớn	57.297.125	14,13	60.161.979	14,24	Nhận cổ tức năm 2023
2	Đặng Huỳnh Ức My	Người có liên quan đến Thành viên HĐQT	931.044	0,23	977.596	0,23	Nhận cổ tức năm 2023
3	Huỳnh Bích Ngọc	Người có liên quan đến Thành viên HĐQT	1.236.573	0,30	1.298.401	0,30	Nhận cổ tức năm 2023
4	Phan Vũ Hùng	Người có liên quan đến Thành viên HĐQT	6.040	0,001	11.342	0,002	Mua

LỊCH SỰ KIỆN QUAN HỆ NĐT DỰ KIẾN 2025

THÁNG 1

- **17/01: Báo cáo tình hình thanh toán gốc lãi định kỳ Trái phiếu ra công chúng**
- **21/01: Báo cáo Quản trị 2024**
- **24/01: BCTC Q4 2024**
- **24/01: Diễn giải BCTC Q4 2024**

THÁNG 2

- **14/2: Cập nhật KQKD Q4 2024 với các CTCK và Quỹ đầu tư**

THÁNG 3

- **11/3: Họp HĐQT Q4 2024**
- 31/3: BCTC Hợp nhất và Riêng lẻ 2024 kiểm toán
- 31/3: Báo cáo tình hình thanh toán gốc lãi định kỳ Trái phiếu riêng lẻ

THÁNG 4

- 2/4: Ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024
- 8/4: Tài liệu và thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024
- 8/4: TCBC Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024
- 19/4: BCTN 2024
- 29/4: BCTC Q1 2025
- 29/4: Diễn giải BCTC Q1 2025
- 29/4: Họp HĐQT Q1 2025
- 29/4: ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024
- 29/4: NQ ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024 và Thông cáo báo chí sau Đại hội

THÁNG 5

- 8/5: Cập nhật KQKD Q1 2025 với các CTCK và Quỹ đầu tư

THÁNG 6

- 20/6: Hội nghị NĐT - HSC Emerging Day 2025

THÁNG 7

- 30/7: Báo cáo Quản trị bán niên 2025
- 30/7: BCTC Q2 2025
- 31/7: Diễn giải BCTC Q2 2025

THÁNG 8

- 9/8: Họp HĐQT Q2 2025
- 21/8: BCTC bán niên soát xét
- 21/8: Báo cáo tình hình thanh toán gốc lãi định kỳ Trái phiếu riêng lẻ

THÁNG 9

- 30/9: Cập nhật tình hình HĐKD Q3 2025 với CĐ, CTCK và NĐT

THÁNG 10

- 30/10: BCTC Q3 2025
- 31/10: Diễn giải BCTC Q3 2025

THÁNG 11

- 10/11: Hội nghị Nhà Phân tích VDSC

THÁNG 12

- 15/12: Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết thường niên 2025

CỔNG THÔNG TIN GIAO TIẾP VỚI CĐ

CĐ có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Quan hệ NĐT trên website: www.geccom.vn hoặc liên hệ trực tiếp với Bộ phận Quan hệ NĐT:

- Địa chỉ liên hệ: Văn phòng đại diện TP.HCM, Tầng 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Điện thoại: 0283 999 8822
- Email: ir.dir@geccom.vn

CHƯƠNG 4

Vun đắp Giá trị

Nguyên tắc thiết lập và Phạm vi báo cáo

Báo cáo của GEC được xây dựng dựa trên các nguyên tắc quản trị bền vững, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch và chính xác về chiến lược, hoạt động và kết quả PTBV của Công ty. Luôn luôn duy trì tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế: **8 tiêu chuẩn thực hiện (PS) của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội (E&S) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Hệ thống Quản lý môi trường (ISO 14001:2015), Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015), Tiêu chuẩn lao động của tổ chức lao động quốc tế (ILO), Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc (SDGs), Công bố tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu (TCFD), Chuẩn mực kế toán bền vững (SASB), Sáng kiến mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học (SBTi); cải tiến liên tục: Hệ thống quản lý An toàn, sức khỏe nghề nghiệp (ISO 45001:2018), Trách nhiệm xã hội (ISO 26000:2010); đang xây dựng và áp dụng: NĐ thư về khí thải nhà kính (GHG)**. GEC không ngừng nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chính đáng từ các BLQ và thúc đẩy giá trị bền vững dài hạn.

Báo cáo này bao gồm các thông tin liên quan đến định hướng chiến lược, quản trị bền vững, kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng phát triển trong các năm tới.



NGUYÊN TẮC THIẾT LẬP BÁO CÁO

Báo cáo của GEC được lập định kỳ hằng năm. Báo cáo năm 2024 bao gồm dữ liệu được thu thập từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024, với mục tiêu cung cấp cái nhìn toàn diện và kịp thời về hiệu quả quản trị và thực hiện SDGs.

Để đảm bảo báo cáo phản ánh chính xác mối quan tâm của các BLQ và tác động đối với GEC, quy trình xây dựng báo cáo bao gồm: Thu thập ý kiến của các nhóm đối tượng liên quan, bao gồm nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, chính quyền địa phương và cộng đồng. Bên cạnh đó, GEC xác định các vấn đề trọng yếu dựa trên mối quan tâm của các BLQ và tác động của các vấn đề này đối với chiến lược và hoạt động của GEC.

Ngoài ra, báo cáo năm 2024 còn được lập theo **Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI Standards)**, do Hội đồng Tiêu chuẩn PTBV Toàn cầu (GSSB) ban hành. Việc tuân thủ chuẩn mực này giúp đảm bảo rằng báo cáo minh bạch, so sánh được, đáng tin cậy. Báo cáo đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh hoạt động của GEC và cam kết đối với SDGs, tập trung vào các lĩnh vực chính bao gồm quản trị bền vững, định hướng chiến lược cho tương lai và sự gắn kết với các BLQ.

QUẢN TRỊ BỀN VỮNG

Báo cáo nhấn mạnh cách thức quản trị và giám sát các mục tiêu PTBV, cũng như các chính sách và cam kết của GEC trong việc thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế. Trong năm 2024, tỷ lệ NLTT trong tổng công suất hệ thống điện quốc gia được nâng cao, đồng thời thị trường tín chỉ carbon được phát triển mạnh mẽ khi GEC cung cấp chứng chỉ NLTT I-REC, tín chỉ carbon theo tiêu chuẩn vàng (Gold Standards) cho các đối tác lớn, tạo ra nguồn doanh thu bền vững và thúc đẩy mục tiêu phát triển xanh toàn cầu.

Khi đã được biết đến là một trong những doanh nghiệp tiên phong kinh doanh tín chỉ carbon, đã giúp GEC được các đối tác quốc tế lựa chọn hợp tác về Hệ thống giao dịch phát thải (ETS) sắp thí điểm tại Việt Nam trong giai đoạn 2025-2027 và vận hành chính thức vào năm 2028.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Khi Luật điện lực 2024 đã được Quốc hội thông qua ngày 30/11/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/2/2025 càng giúp GEC vững tin thêm mục tiêu đầu tư vào NLTT, đồng thời tiếp tục phát triển mạnh thị trường tín chỉ carbon theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), Gold Standards, ETS bằng việc áp dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm phát thải. Sự gắn kết với các BLQ được thể hiện qua chính sách đối thoại và tham vấn với các nhóm liên quan, cùng với những kết quả đạt được trong các hoạt động hợp tác với cộng đồng và chính quyền địa phương.

QUY TRÌNH THU THẬP VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU

Báo cáo sử dụng các nguồn chính từ các báo cáo của các phòng ban và chi nhánh, nơi cung cấp thông tin chi tiết về tiến độ, kết quả thực hiện các chương trình PTBV và đã được UBKT tra soát tính chính xác, minh bạch của dữ liệu.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo bao gồm toàn bộ hoạt động của GEC bao gồm các đơn vị trực thuộc, các CTTV đang hoạt động:

Trụ sở

Văn phòng đại diện

21 NM đang vận hành:

12 NM Thủy điện

5 NM Điện Mặt trời

4 NM Điện Gió

3 NM đang phát triển:

1 NM Thủy điện

1 NM Điện Gió

1 NM Điện Mặt trời

NHÓM 9 CÔNG TY SỞ HỮU TRỰC TIẾP - CÔNG TY CON ĐANG VẬN HÀNH

- CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An (ĐHLA)
- CTCP NM Điện Mặt trời Trúc Sơn (TSO)
- CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- CT TNHH Một Thành viên Thủy điện Thượng Lộ (GTLC)
- CT TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai (TVNL)
- CTCP Điện Gió Ia Bang (IBE)
- CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang (TGE)
- CTCP Năng lượng VPL (VPL)
- CTCP Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi-Ja

NHÓM 5 CÔNG TY SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP - ĐANG PHÁT TRIỂN DA

- CTCP Năng lượng tái tạo Tiền Giang (TGR)
- CTCP Năng lượng tái tạo Tân Thành (TTR)
- CTCP Điện Gió LaVi (LaVi)
- CTCP Năng lượng Xanh Cà Mau (CME)
- CTCP Năng lượng Điện Cao Nguyên (CNE)

NHÓM 2 CÔNG TY LIÊN KẾT

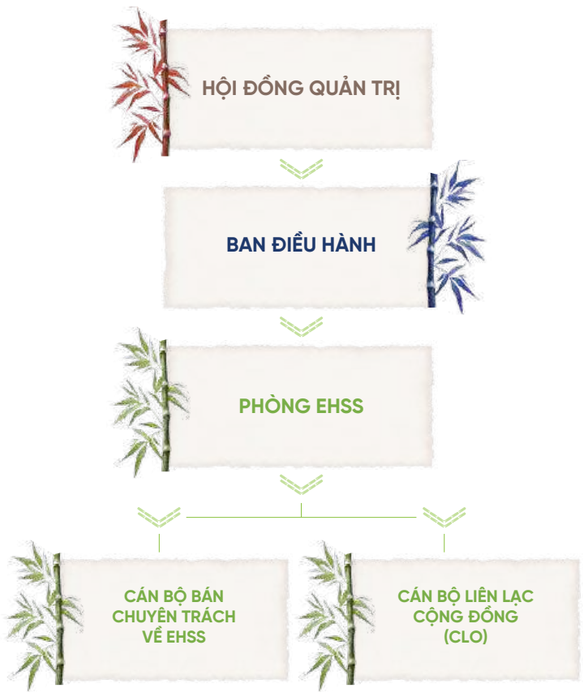
- CTCP Năng lượng SOLWIND (SOLWIND)
- CTCP Thủy điện Trường Phú (TPH)

Sơ đồ Quản trị bền vững

Việt Nam hiện đang là quốc gia gánh chịu tác động tiêu cực ngày càng lớn do biến đổi khí hậu như hạn hán, cháy rừng, lũ lụt, xoáy thuận nhiệt đới... và những tác động này đã và đang dần ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế của Việt Nam. Theo thống kê của Cục quản lý đê điều và phòng chống thiên tai - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ đầu năm đến giữa tháng 11/2024, tổng thiệt hại kinh tế do thiên tai của Việt Nam ước tính hơn 84.900 tỷ đồng, cao gấp hơn 9 lần so với năm 2023. Tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (COP 29) diễn ra tại Azerbaijan từ ngày 11-22/11/2024, Việt Nam đã trình bày báo cáo về biến đổi khí hậu nhằm khuyến nghị đối với quốc tế cần khai thông những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc trong đàm phán ứng phó với biến đổi khí hậu ở thời điểm hiện tại cũng như kỳ vọng mở ra kỷ nguyên hành động mới về biến đổi khí hậu. Sớm nhận diện tác động từ biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan đến kết quả SXKD, quản trị bền vững đã trở thành một phần không thể thiếu trong kế hoạch phát triển dài hạn của GEC, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), hướng tới một nền kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu và PTBV. Để làm được điều này, GEC đã xây dựng sơ đồ quản trị bền vững hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm.

Sơ đồ quản trị bền vững của GEC bao gồm HĐQT, BĐH, Phòng EHSS, Cán bộ bán chuyên trách về EHSS và Cán bộ liên lạc cộng đồng. Với nguồn lực được tối ưu hoá, quyền hạn và trách nhiệm được thể hiện rõ ràng để thúc đẩy sự hợp tác giữa các phòng ban, chi nhánh, NM và tạo điều kiện để tất cả các bên cùng tham gia tích cực vào quá trình quản trị bền vững.

SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ BỀN VỮNG TẠI GEC



Nguồn: GEC

XÁC LẬP VÀ ĐỊNH HƯỚNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông **Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành**, quản trị và giám sát các hoạt động ESG nhằm đảm bảo Công ty tích hợp các HĐKD bền vững và có trách nhiệm vào chiến lược và hoạt động chung. Trách nhiệm chính bao gồm:

- Cung cấp thông tin và tư vấn về chiến lược, chính sách và thực hành về ESG của Công ty và đánh giá mối quan hệ giữa các sáng kiến ESG và chiến lược, mục tiêu dài hạn.
- Xác định và phân tích các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty và làm việc với HĐQT để phát triển các chiến lược giảm thiểu rủi ro ESG.
- Rà soát và đóng góp vào việc phát triển hệ thống thông tin ESG, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Giám sát tính chính xác và cập nhật của thông tin ESG cung cấp cho các BLQ.
- Đóng góp vào việc phát triển và nâng cao các chính sách và tiêu chuẩn ESG và đảm bảo rằng các chính sách của Công ty đáp ứng với tiêu chuẩn, khung thực hành tốt nhất trong Ngành và xu hướng ESG đang phát triển.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động ESG của Công ty so với các chính sách và tiêu chuẩn đã ban hành và đánh giá hiệu quả của các chương trình và sáng kiến ESG.
- Hướng dẫn HĐQT và BĐH áp dụng các tiêu chuẩn, quy định ESG mới và các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất trong Công ty.
- Thúc đẩy sự liêm chính và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp và giữ cam kết về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các vấn đề ESG.



QUẢN LÝ

BAN ĐIỀU HÀNH:

Ông **Lê Thanh Vinh - Phó TGĐ thường trực** đảm nhận các trách nhiệm liên quan đến các vấn đề ESG, thể hiện cam kết đưa tính bền vững vào các chức năng hoạt động cốt lõi của GEC. Đóng vai trò chủ chốt trong việc tích hợp tính bền vững vào cấu trúc hoạt động của công ty, thúc đẩy tác động xã hội và thúc đẩy sự phục hồi dài hạn. Các trách nhiệm của BĐH đối với các vấn đề ESG bao gồm:

- Tích hợp các đề xuất về ESG với chiến lược và HĐKD tổng thể và đảm bảo rằng mục tiêu ESG phù hợp với chiến lược, tầm nhìn và mục tiêu dài hạn của Công ty.
- Xây dựng, thực thi và giám sát các chính sách, thủ tục, quy trình, quy định, hướng dẫn về ESG đảm bảo rằng các chính sách ESG phù hợp với các thông lệ tốt nhất của Ngành Năng lượng và các yêu cầu pháp lý, yêu cầu có liên quan.
- Đánh giá tác động ESG của hoạt động hàng ngày giữa các khối nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững trong phạm vi trách nhiệm của mình.
- Xác định và giải quyết các rủi ro liên quan đến ESG có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động và lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro hoạt động liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội.
- Thực hiện các hoạt động minh bạch và có trách nhiệm trong chuỗi cung ứng, phối hợp với các đối tác nhằm nâng cao tính minh bạch và thực hiện các nguyên tắc ESG.
- Thiết lập các KPI về hiệu suất ESG và thường xuyên đánh giá và theo dõi việc thực hiện các mục tiêu ESG của Doanh nghiệp.
- Thúc đẩy đổi mới nhằm nâng cao hiệu suất kinh doanh và giảm thiểu tác động đối với môi trường, xã hội.
- Tương tác với các BLQ bên trong và bên ngoài nhằm giải đáp các mối lo ngại của các BLQ liên quan đến ESG và thúc đẩy các sáng kiến ESG của Công ty.
- Giám sát việc chuẩn bị các báo cáo và CBTT ESG đảm bảo sự trung thực và độ chính xác trong báo cáo ESG, phù hợp với các quy định liên quan.
- Thường xuyên cập nhật về các quy tắc và tiêu chuẩn ESG đang áp dụng và đảm bảo tổ chức đáp ứng các yêu cầu ESG hiện hành.

THỰC THI

PHÒNG EHSS, CÁN BỘ BÁN CHUYÊN TRÁCH VỀ EHSS VÀ CLO TẠI CÁC NM, DA:

- Phòng EHSS kết hợp với đội ngũ Cán bộ bán chuyên trách về EHSS và CLO tại các NM và DA đóng vai trò then chốt trong công tác đảm bảo tuân thủ ESG. CBNV chuyên trách về EHSS và CLO phối hợp làm việc nhằm triển khai và thúc đẩy các hoạt động phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn ESG, đóng góp vào việc thúc đẩy ESG của GEC; thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tính minh bạch và tính bền vững trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.
- Phòng EHSS tập trung vào việc giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn và sức khoẻ cộng đồng cũng như thực hiện các sáng kiến bền vững, xây dựng và thực hiện các sáng kiến, tiến hành đánh giá rủi ro môi trường E&S và đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực, rủi ro về EHSS tại các NM, DA. Mục tiêu chủ yếu của Phòng EHSS là giúp hoạt động của NM hiệu quả hơn trên khía cạnh EHSS, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật VN về EHSS trong phát triển NLTT và nỗ lực thực hiện các khuyến nghị quốc tế của IFC, ADB về EHSS đảm bảo chuẩn mực huy động nguồn vốn xanh.
- Cán bộ bán chuyên trách về EHSS và CLO làm việc tại các NM, DA đóng vai trò là đại diện tại chỗ, đảm bảo rằng các biện pháp thực hành ESG được đưa vào hoạt động mỗi ngày. Họ tham gia với cộng đồng địa phương, chia sẻ các mối quan tâm cộng đồng và tham gia các mối quan hệ cộng đồng tích cực.

Gắn kết các Bên liên quan

Gắn kết các BLQ là một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm cho sự PTBV của GEC. Các hoạt động gắn kết được triển khai không những góp phần đáp ứng kỳ vọng của các BLQ, đồng thời góp phần gia tăng minh bạch, trách nhiệm giải trình và giảm thiểu tác động đối với Môi trường - Xã hội. GEC cam kết tiếp tục tăng cường gắn kết các bên tham gia, đảm bảo rằng tất cả các quyết định và hành động của Công ty luôn hướng về lợi ích của các bên và sự phồ hưởng lâu dài cho Môi trường, Xã hội và Kinh tế.

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG GẮN KẾT CÁC BLQ

NHẬN DIỆN CÁC BLQ

Các BLQ được xác định dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau và đóng góp của họ trong công việc kinh doanh của GEC.

Các BLQ bao gồm: Người lao động, Khách hàng - đối tác mua bán điện, Cộng đồng địa phương, Cơ quan Quản lý Nhà nước, CĐ và NĐT, Đối tác triển khai DA và Nhà cung ứng.

ĐỒNG HÀNH VỚI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

GEC xem xét các vấn đề ổn định nhất và có ảnh hưởng cao đối với lực lượng lao động, môi trường, an sinh xã hội.

MINH BẠCH THÔNG TIN

GEC cam kết cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời tới các BLQ; Đảm bảo phản hồi được xem xét kỹ lưỡng và tích hợp vào kế hoạch kinh doanh.

MA TRẬN SỰ GẮN KẾT CÁC BLQ



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CÁC BLQ CỦA GEC

Người lao động: Tăng cường giáo dục và phát triển kỹ năng chuyên môn cho nhân viên; tham gia các phong trào thi đua và tạo sự gắn kết trong công ty; tham gia các chương trình phúc lợi như bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp và các hỗ trợ khác.

Khách hàng - Đối tác mua bán điện: Nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Tăng cường sự hợp tác đồng bộ, cung cấp giải pháp linh hoạt và tích cực trong hợp tác kinh doanh.

Cộng đồng địa phương: Hợp tác với chính quyền địa phương; tăng cường sự hợp tác và đối thoại bình đẳng giữa doanh nghiệp và chính quyền, tham vấn cộng đồng thường xuyên nhằm lắng nghe ý kiến của cộng đồng.

Cơ quan Quản lý Nhà nước: Theo dõi các thay đổi trong pháp luật và chính sách, quy định để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, đảm bảo tuân thủ quy định nhà nước.

CĐ và NĐT: Duy trì minh bạch trong BCTC và xây dựng các kế hoạch kinh doanh dài hạn; tổ chức các cuộc gặp mặt, đối thoại trực tiếp với NĐT.

Đối tác triển khai DA, nhà cung ứng: Tạo mối quan hệ dựa trên sự minh bạch, hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Cam kết hợp tác lâu dài để nhà cung ứng có động lực đầu tư và nâng cao chất lượng.

KẾT QUẢ NỔI BẬT

BLQ	**Người lao động:** Người cùng tạo ra và vận hành DA, tạo thu nhập và công ăn việc làm ổn định để đảm bảo cuộc sống ❖ BLĐ ❖ CBNV
MỐI QUAN TÂM CỦA BLQ	❖ Chính sách lương, thưởng hấp dẫn, công bằng, chế độ phúc lợi đa dạng, cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác ❖ Môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, gắn kết, không phân biệt đối xử ❖ Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp, phát huy năng lực cá nhân ❖ Những thành tựu và đóng góp của cá nhân được ghi nhận
CHIẾN LƯỢC THAM GIA CỦA BLQ	❖ Thực hiện các chính sách ưu đãi, phúc lợi dành cho người lao động ❖ Lắng nghe và tiếp thu ý kiến người lao động tại hội nghị đối thoại
KÊNH TRAO ĐỔI VỚI BLQ	❖ Email, hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng, cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại ❖ Hội nghị người lao động ❖ Hội nghị Công đoàn ❖ Các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến
SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BLQ	❖ 488 Nhân sự - 100% Người lao động được tham dự các buổi tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ; nâng cao các chính sách phúc lợi về bảo hiểm hưu trí, phúc lợi sức khoẻ ❖ Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, tự do bình đẳng và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động ❖ Duy trì và không ngừng nâng cao chính sách phúc lợi và thu nhập tốt; trả lương theo năng lực, vị trí và hiệu quả công việc ❖ Chú trọng tổ chức các hoạt động tập thể, văn hóa thể thao nhằm tăng tính gắn kết giữa người lao động ❖ Phát động và khuyến khích CBNV tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng

BLQ	**Khách hàng - Đối tác mua bán điện:** ❖ BCT ❖ Cục Điện lực và NLTT ❖ Cục điều tiết điện lực ❖ EVN ❖ Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và khu vực ❖ Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, Trung và Nam
MỐI QUAN TÂM CỦA BLQ	❖ Tuyệt đối đảm bảo ung ứng điện, không để xảy ra mất cân đối cung-cầu điện trong mọi tình huống, không được để đứt gẫy nguồn cung ❖ Chủ động xây dựng kế hoạch nâng mức dự phòng vật tư, phương tiện, thiết bị để sẵn sàng đối phó với các tình huống bất trắc về kỹ thuật và đối phó với thiên tai, đáp ứng nhu cầu cung ứng điện năng
CHIẾN LƯỢC THAM GIA CỦA BLQ	❖ Thông báo về mọi thay đổi xảy ra của Công ty ❖ Tiếp tục tham vấn, thông tin thường xuyên ❖ Chia sẻ thông tin và minh bạch ❖ Thiết lập các kênh trao đổi thông tin rõ ràng
KÊNH TRAO ĐỔI VỚI BLQ	❖ Hợp đồng ❖ Công văn, báo cáo ❖ Biên bản làm việc ❖ Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tiếp hoặc trực tuyến
SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BLQ	❖ Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin, thực hiện theo đúng yêu cầu của Pháp luật

BLQ	**Cộng đồng địa phương:** ❖ Cộng đồng Địa phương xung quanh và có liên quan đến DA ❖ Hệ sinh thái xung quanh và có liên quan đến DA
MỐI QUAN TÂM CỦA BLQ	❖ Tạo dựng một môi trường xã hội cộng đồng bền vững ❖ Tạo ra giá trị gia tăng cho Xã hội
CHIẾN LƯỢC THAM GIA CỦA BLQ	❖ Cung cấp và chia sẻ thông tin minh bạch thông qua trao đổi trực tiếp, đối thoại công khai, minh bạch và trách nhiệm xã hội ❖ Thu hút sự tham gia của cộng đồng BLQ trong tất cả các giai đoạn của DA và đến khi vận hành NM ❖ Xác định và giải quyết các vấn đề của địa phương, tạo công ăn việc làm và tăng trưởng kinh tế tại địa phương ❖ Các chương trình xã hội và đầu tư cộng đồng, bảo vệ môi trường và tính bền vững
KÊNH TRAO ĐỔI VỚI BLQ	❖ Cán bộ liên lạc cộng đồng ❖ Cuộc họp, hội thảo, toạ đàm trực tiếp hoặc trực tuyến ❖ Thông báo thông tin qua website, niêm yết thông báo ở cơ sở ❖ Cung cấp và duy trì địa chỉ tiếp nhận thông tin (số điện thoại đường dây nóng, email, hộp thư)
SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BLQ	❖ Tăng cường quan hệ cộng đồng: tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đồng hành với cộng đồng trong việc thực hiện các mục tiêu PTBV ❖ Tuyên truyền, phổ biến thông tin về DA đến người dân địa phương ❖ Tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia vào quá trình thực hiện DA ❖ Lắng nghe và giải quyết các thắc mắc, lo ngại của người dân địa phương, đồng thuận các giải pháp, hài hòa lợi ích giữa các bên

BLQ	**Cơ quan Quản lý Nhà nước:** ❖ Chính phủ, BCT, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Ngoại giao… ❖ Hội đồng Nhân dân, UBND Tỉnh… ❖ Sở Công thương, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài Nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch… ❖ Chi cục Kiểm lâm, Cơ quan Quân đội, Công an, Cảnh sát…
MỐI QUAN TÂM CỦA BLQ	❖ Tuân thủ các quy định pháp luật nói chung và các quy định của cơ quan quản lý địa phương nói riêng ❖ Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước
CHIẾN LƯỢC THAM GIA CỦA BLQ	❖ Cung cấp thông tin công khai, chính xác các hoạt động của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng chính thống như trang Web, BCTN, BCTC, Báo cáo PTBV, các báo cáo định kỳ và đột xuất theo Luật định và theo yêu cầu ❖ Chủ động trao đổi với Cơ quan Nhà nước để tuân thủ theo quy định của Pháp luật ❖ Tiếp nhận và xử lý các CV, báo cáo của Cơ quan Ban Ngành ❖ Công văn đề xuất tháo gỡ, giải quyết vướng mắc của Doanh nghiệp gửi Cơ quan Nhà nước ❖ Tham gia các buổi làm việc, cuộc họp với Cơ quan Ban Ngành
KÊNH TRAO ĐỔI VỚI BLQ	❖ Công văn, báo cáo ❖ Biên bản làm việc ❖ Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tiếp hoặc trực tuyến
SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BLQ	❖ Tuân thủ các quy định của Pháp luật ❖ Tạo mối quan hệ hợp tác với các Cơ quan Nhà nước

BLQ	**CĐ và NĐT:** ❖ CĐ và NĐT: Cung cấp vốn phục vụ SXKD của Công ty. Cổ tức và khả năng sinh lãi trên mỗi cổ phần sở hữu ❖ CĐ liên kết: CĐ lớn trong và ngoài nước; CĐ đại chúng và cá nhân trên TTCK ❖ CĐ tiềm năng
MỐI QUAN TÂM CỦA BLQ	❖ Hiệu quả hoạt động kinh tế ❖ Thông tin công bố đầy đủ, minh bạch, chính xác và nhanh chóng ❖ Đảm bảo quyền và lợi ích công bằng giữa các CĐ và NĐT ❖ Năng lực QTDN của Công ty tốt ❖ Được trao đổi hai chiều với doanh nghiệp
CHIẾN LƯỢC THAM GIA CỦA BLQ	❖ Tổ chức các buổi họp CĐ thường niên và bất thường nhằm cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty, giải đáp các câu hỏi của CĐ, NĐT và lắng nghe góp ý ❖ Cung cấp thông tin công khai, minh bạch về tình hình kinh doanh của Công ty thông qua các kênh truyền thông chính thống như trang Web, BCTC, Báo cáo Quản trị và CBTT theo quy định đối với Công ty đại chúng… ❖ Cung cấp tài liệu về ESG cho các NĐT thông qua BCTN, các báo cáo, các cuộc họp với đại diện NĐT, Quỹ Đầu tư; fanpage, báo chí… ❖ Tổ chức các buổi họp, nhóm tập trung nhằm lấy ý kiến của CĐ, NĐT đối với các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty
KÊNH TRAO ĐỔI VỚI BLQ	❖ ĐHĐCĐ ❖ BCTC, BCTN, Báo cáo PTBV ❖ Các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến
SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BLQ	❖ GEC duy trì tuân thủ các quy định về EHSS tại DA, đảm bảo suất đầu tư trong mức độ rủi ro đã lường trước (thông qua các hoạt động đánh giá trước khi đầu tư về tài chính, kỹ thuật, môi trường…) ❖ Các hoạt động cung cấp thông tin về tình hình đầu tư ❖ Quan hệ trách nhiệm với NĐT: duy trì tỉ lệ phân chia lợi nhuận minh bạch và đáng tin cậy; cải thiện BCTC theo chuẩn mực quốc tế

BLQ	**Đối tác triển khai DA, nhà cung ứng:** ❖ Nhà cung ứng ❖ Nhà thầu EPC ❖ Đơn vị tư vấn giám sát ❖ Công ty cung cấp thiết bị, công cụ, dụng cụ, dịch vụ
MỐI QUAN TÂM CỦA BLQ	❖ Sự bình đẳng, công bằng, minh bạch và hợp tác trên tinh thần song phương cùng có lợi ❖ Sự cạnh tranh bình đẳng giữa các đối tác triển khai DA, nhà cung cấp ❖ Bảo mật thông tin của đối tác
CHIẾN LƯỢC THAM GIA CỦA BLQ	❖ Tạo cơ hội cho các đối tác triển khai DA tham gia vào quá trình triển khai DA ❖ Lắng nghe và giải đáp các băn khoăn, lo lắng của các đối tác triển khai DA ❖ Xây dựng các quy trình làm việc rõ ràng, cụ thể cho các đối tác triển khai DA ❖ Xây dựng tinh thần hợp tác, hỗ trợ giữa các đối tác triển khai DA ❖ QLRR EHSS đối với nhà thầu, nhà cung ứng: Xây dựng Quy trình đánh giá rủi ro Môi trường Xã hội đối với Nhà cung ứng, Hướng dẫn quản lý nhà thầu; thống nhất các điều khoản về EHSS trong Hợp đồng với Nhà thầu để QLRR
KÊNH TRAO ĐỔI VỚI BLQ	❖ Hợp đồng ❖ Email ❖ Các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến
SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BLQ	❖ GEC duy trì tuân thủ các quy định về EHSS tại DA, đảm bảo suất đầu tư trong mức độ rủi ro đã lường trước (thông qua các hoạt động đánh giá trước khi đầu tư về tài chính, kỹ thuật, môi trường…) ❖ Các hoạt động cung cấp thông tin về tình hình đầu tư ❖ Quan hệ trách nhiệm với NĐT: duy trì tỉ lệ phân chia lợi nhuận minh bạch và đáng tin cậy; cải thiện BCTC theo chuẩn mực quốc tế

Chiến lược Phát triển bền vững đến năm 2030

BỐI CẢNH VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA PTBV TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG

Ngành năng lượng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của mọi quốc gia. Tuy nhiên, sự lệ thuộc vào các nguồn năng lượng không tái tạo đã gây ra nhiều vấn đề cấp bách về biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và suy thoái môi trường. Theo số liệu của Liên Hợp Quốc, khoảng 75% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu bắt nguồn từ Ngành Năng lượng, khiến lĩnh vực này trở thành tâm điểm trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

Trước những thách thức trên, phát triển năng lượng sạch và cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng là các giải pháp không những cấp thiết mà còn có ý nghĩa chiến lược. Việc phát triển một nền kinh tế Carbon thấp, phù hợp với Hiệp định Paris và mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Net Zero), là điều kiện tiên quyết nhằm đạt tới sự PTBV.

TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU CỦA GEC ĐẾN 2030

TẦM NHÌN:

GEC cam kết trở thành một đơn vị tiên phong trong lĩnh vực NLTT, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và bảo đảm an ninh năng lượng cho tất cả mọi người dân với sự thực hiện đồng bộ, cải tiến liên tục các tiêu chuẩn ESG bao gồm: tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, an toàn lao động, và trách nhiệm xã hội (ISO 14001, 45001, 26000), 17 mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc (SDGs), hướng dẫn CBTT khí hậu (TCFD), tiêu chuẩn kế toán bền vững (SASB), tiêu chuẩn báo cáo bền vững GRI.

MỤC TIÊU:

KINH TẾ

Hiệu quả tài chính:

- Tối ưu hóa chi phí đầu tư và vận hành.
- Đảm bảo lợi nhuận bền vững thông qua việc xây dựng các mô hình kinh doanh linh hoạt.

Đa dạng hóa nguồn vốn:

- Huy động vốn từ các quỹ PTBV, tổ chức tài chính quốc tế, hoặc phát hành trái phiếu xanh.

Phát triển công nghệ:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng hiệu suất sản xuất và giảm chi phí vận hành.
- Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) năng lượng lưu trữ như pin hoặc hydrogen.

MÔI TRƯỜNG

Giảm phát thải khí nhà kính:

- Đặt mục tiêu đến 2050 giảm hoặc đạt mức phát thải ròng bằng 0 (Net Zero Carbon).

Quản lý tài nguyên:

- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hạn chế khai thác quá mức.
- Tăng cường tái chế và tái sử dụng thiết bị, giảm thiểu rác thải.

Giảm tác động đến hệ sinh thái:

- Lựa chọn vị trí xây dựng phù hợp để không làm ảnh hưởng đến các khu vực nhạy cảm sinh thái.
- Thực hiện đánh giá tác động môi trường (EIA) nghiêm ngặt và liên tục theo dõi.

XÃ HỘI

Đóng góp cho cộng đồng:

- Tạo việc làm tại địa phương.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội như đường sá, trường học, hoặc cơ sở y tế.

Bảo vệ quyền lợi người lao động:

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, công bằng, và không phân biệt đối xử.
- Tăng cường đào tạo nhân sự và nâng cao kỹ năng.

Tôn trọng văn hóa và lợi ích cộng đồng:

- Tham vấn cộng đồng địa phương để tránh xung đột.

ĐỐI TÁC VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

Tăng cường hợp tác:

- Xây dựng quan hệ đối tác với chính phủ và các NĐT.
- Ưu tiên nhà cung cấp tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và lao động.
- Giảm thiểu khí thải trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ

Minh bạch và báo cáo:

- Thực hiện báo cáo PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, SASB, hoặc TCFD.
- Công khai các số liệu và cam kết về PTBV.

Quản trị rủi ro:

- Xây dựng cơ chế đối phó với các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, biến động thị trường năng lượng.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn quốc tế.

GIÁO DỤC VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC

Đào tạo nội bộ:

- Tích hợp các chương trình đào tạo PTBV cho nhân viên.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

XÁC ĐỊNH NHỮNG TÁC ĐỘNG THỰC TẾ VÀ TIỀM ẨN CỦA CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

THỦY ĐIỆN

- Thay đổi nguồn nước: thay đổi lượng mưa và dòng chảy, dẫn đến nguy cơ cạn kiệt nguồn nước do lũ lụt; sản lượng thuỷ điện bị giảm vì nước không ổn định.
- Hiện tượng khí hậu cực đoan: gia tăng ngập lụt gây hư hỏng đê điều và các công trình thuỷ lợi.
- Gia tăng chi phí vận hành: nhu cầu bảo dưỡng gia tăng do ảnh hưởng của lũ lụt hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan.

ĐIỆN MẶT TRỜI

- Thay đổi bức xạ mặt trời: có thể thay đổi cường độ bức xạ mặt trời, tác động đến hiệu suất của tấm pin mặt trời.
- Nhiệt độ tăng cao: nhiệt độ quá cao sẽ phá huỷ hiệu suất của tấm pin mặt trời (hiệu suất tối ưu thường ở nhiệt độ thấp hơn).
- Gia tăng hiện tượng thời tiết cực đoan: Bão, mưa đá, và dông có thể gây hư hại cho hệ thống.

ĐIỆN GIÓ

- Thay đổi tốc độ gió: biến đổi khí hậu có thể làm thay đổi tốc độ và hướng gió, tác động đến năng suất của Tuabin gió; giảm sản lượng điện ở các khu vực có tốc độ gió giảm.
- Gia tăng hiện tượng thời tiết cực đoan: lốc xoáy, mưa đá, và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác gây thiệt hại nặng nề đối với các Tuabin; gia tăng chi phí bảo trì và sửa chữa.
- Xói mòn và suy thoái đất: gia tăng xói mòn tại các vị trí lắp đặt Tuabin trên đất liền do mưa to và lũ lụt.

CÁC YẾU TỐ ESG TRỌNG YẾU TẠI GEC

Việc xác định các vấn đề trọng yếu của ESG tại GEC liên quan đến đến hiệu suất kinh doanh và các BLQ. Tầm quan trọng của việc xác định vấn đề trọng yếu của ESG nằm ở việc tập trung vào hiệu quả kinh doanh, uy tín và việc tạo ra giá trị dài hạn của Doanh nghiệp. Các yếu tố ESG trọng yếu của GEC đo lường và giám sát tuân thủ bao gồm:

MÔI TRƯỜNG

- E1 Biến đổi Khí hậu
- E2 Quản lý phát thải khí Nhà kính
- E3 Cạn kiệt tài nguyên
- E4 Sự ô nhiễm
- E5 Tiêu thụ năng lượng
- E6 Sử dụng đất đai
- E7 Mất đa dạng sinh học
- E8 Hệ sinh thái
- E9 Sự khai thác và tiêu thụ nước
- E10 Quản lý chất thải

XÃ HỘI

- S1 Cơ hội bình đẳng
- S2 Đa dạng giới
- S3 Đào tạo
- S4 An toàn, an ninh cộng đồng
- S5 Sức khỏe và sự an toàn
- S6 Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức
- S7 Cơ chế khiếu nại
- S8 Quyền con người
- S9 Quản lý chuỗi cung ứng
- S10 Tác động văn hóa và xã hội
- S11 Bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới

QUẢN TRỊ

- G1 Tầm nhìn, giá trị và văn hóa
- G2 Sự đa dạng, cơ cấu và giám sát của HĐQT
- G3 Kế hoạch, chiến lược kinh doanh
- G4 Thù lao HĐQT
- G5 KSNB
- G6 QTRR và kinh doanh liên tục
- G7 Đạo đức và tuân thủ
- G8 Quyền của CĐ
- G9 Quản trị sự tham gia của các BLQ
- G10 Công khai và minh bạch

TUÂN THỦ ESG TẠI GEC

Môi trường - Bảo tồn đa dạng sinh học DA NLTT giảm phát thải GHG:

- Đánh giá tác động môi trường (EIA) kỹ lưỡng nhằm xác định và giảm thiểu dấu chân sinh thái của DA.
- Quản lý và khai thác tài nguyên đất.
- Thực hiện các biện pháp nhằm duy trì và bảo tồn hệ sinh thái, có xét đến tác hại của các hoạt động đối với môi trường.
- Quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.
- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, thiên nhiên.
- Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.
- Trồng cây xanh nhằm cải thiện môi trường và cung cấp lợi ích sinh thái.
- Phát triển các DA NLTT nhằm góp phần giảm phát thải GHG, thích ứng với các mục tiêu khí hậu toàn cầu đạt Net-zero 2050.
- Tiết kiệm điện năng, nhiên liệu.
- Định kỳ đánh giá, cải tiến công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng điện năng.

Xã hội - Thỏa mãn các BLQ, Thúc đẩy phát triển xã hội công bằng, văn minh:

- Ưu tiên sự hài lòng của các BLQ bằng việc lắng nghe và đáp ứng các mong muốn cũng như mối quan tâm của các BLQ khác nhau.
- Thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng, khách hàng, nhân viên và các BLQ khác.
- Tích cực đóng góp vào sự phát triển của một xã hội công bằng, văn minh.
- Triển khai các sáng kiến trách nhiệm xã hội có ảnh hưởng tích cực đối với cộng đồng nơi GEC hoạt động.
- Đảm bảo an toàn, an ninh cộng đồng.
- Gìn giữ di sản văn hóa.
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương.
- Đảm bảo bảo vệ nhân quyền, cả trong tổ chức và trong toàn bộ chuỗi cung ứng.
- Thực hiện các biện pháp lao động công bằng và đảm bảo lợi ích của người lao động.

Quản trị - Thỏa mãn các BLQ, Thúc đẩy phát triển xã hội công bằng, văn minh:

- Tuân thủ các quy tắc và thực hành kinh doanh có trách nhiệm.
- Thúc đẩy văn hoá Công ty coi trọng sự chính trực và hành vi đạo đức ở mọi cấp bậc.
- Thúc đẩy tính cởi mở và hoà nhập trong Công ty, thúc đẩy một môi trường làm việc coi trọng các giá trị và nền tảng khác nhau.
- Thực hiện các công cụ QLRR hiệu quả nhằm nhận diện, quản lý và kiểm soát rủi ro liên quan đến các yếu tố ESG.
- Thực hiện đánh giá và báo cáo định kỳ hiệu suất ESG.
- Đảm bảo khả năng phục hồi khi đối mặt với các rủi ro về môi trường, xã hội và kinh tế.
- Đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định và tiêu chuẩn chuyên ngành có liên quan.
- Liên tục đánh giá và sửa đổi các quy định nhằm thích ứng với các thách thức ngày càng gia tăng của ESG.
- Duy trì tính minh bạch trong quy trình ra quyết định và BCTC.
- Thực hiện các cơ chế minh bạch nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp độ.

CÁC TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN VÀ KHUNG BÁO CÁO ĐƯỢC ÁP DỤNG



CHIẾN LƯỢC ĐỒNG HÀNH GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

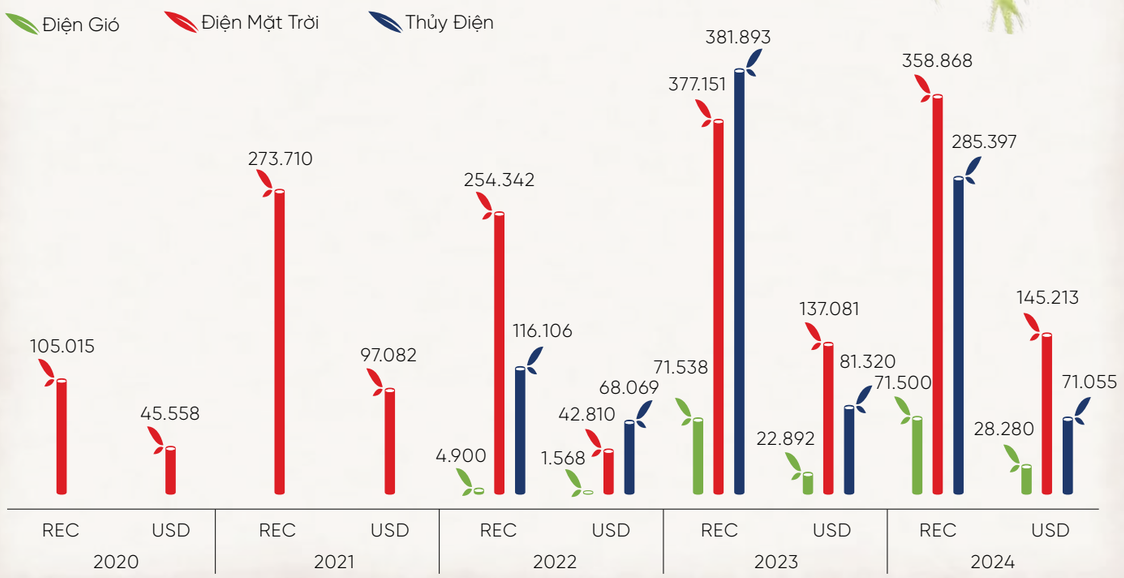
GEC duy trì thực hiện chiến lược PTBV phù hợp với mục tiêu thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu thông qua việc phát triển các DA NLTT, phát hành Chứng chỉ NLTT (Renewable Energy Certificate - REC), Tín chỉ Carbon để trao đổi với các tổ chức sử dụng điện từ nhiên liệu hóa thạch, phát thải khí nhà kính qua đó hỗ trợ các tổ chức phát thải GHG trong hành trình giảm phát thải GHG và đạt được mục tiêu trung hòa Carbon.

Trong những năm qua, GECG đã khẳng định vai trò tiên phong trong việc phát triển NLTT và thúc đẩy các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam. Với 21 NM NLTT đa dạng loại hình như Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió, và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái với tổng công suất đang vận hành 672 MWp, GECG đã nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

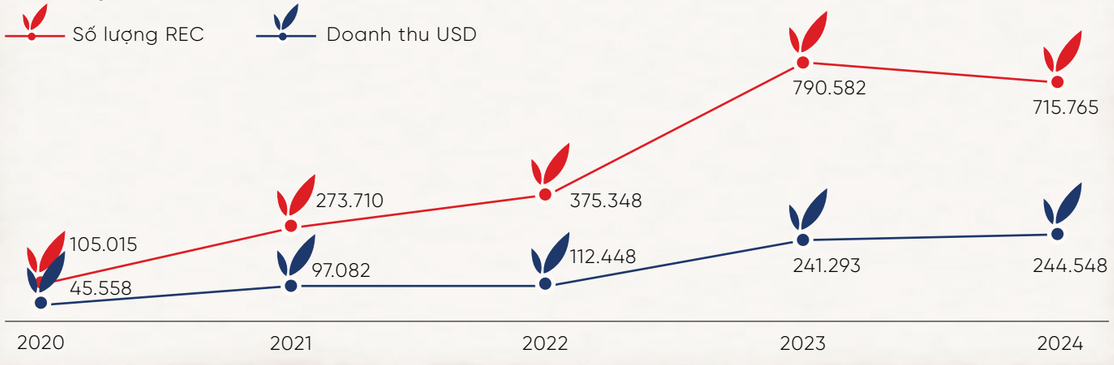
Từ năm 2018, GECG bắt đầu nghiên cứu và tham gia thị trường Tín chỉ Carbon và REC, với 14 NM bao gồm 8 NM Thủy điện, 5 NM Điện Mặt trời, 1 NM Điện Gió và 27 Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái được đưa vào HĐKD Chứng chỉ REC. Trong năm 2024, GECG đã bán thành công 715.765 Chứng chỉ REC, góp phần giảm phát thải 2.260.420 tấn CO_2. Đặc biệt, Công ty đã đăng ký và phát hành thành công Tín chỉ Carbon theo tiêu chuẩn Gold Standard cho NM Điện gió la Bang, với kết quả giảm phát thải 117.519 tấn CO_2 trong năm 2024.

Trong năm 2025, GECG dự kiến phát hành khoảng 700.000 Chứng chỉ REC và Carbon, đồng thời ước tính tiếp tục giảm phát thải khoảng 700.000 tấn CO_2. Với chiến lược PTBV, GECG cam kết không ngừng mở rộng quy mô và hiệu quả hoạt động, vươn lên trở thành đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp Chứng chỉ REC và Tín chỉ Carbon, đóng góp thiết thực vào công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam. Với những gì hiện có trong tương lai GECG sẽ phấn đấu trở thành Đơn vị đi đầu trong lĩnh vực cung cấp Chứng chỉ REC và Tín chỉ Carbon, góp phần trong công cuộc giảm phát thải bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam.

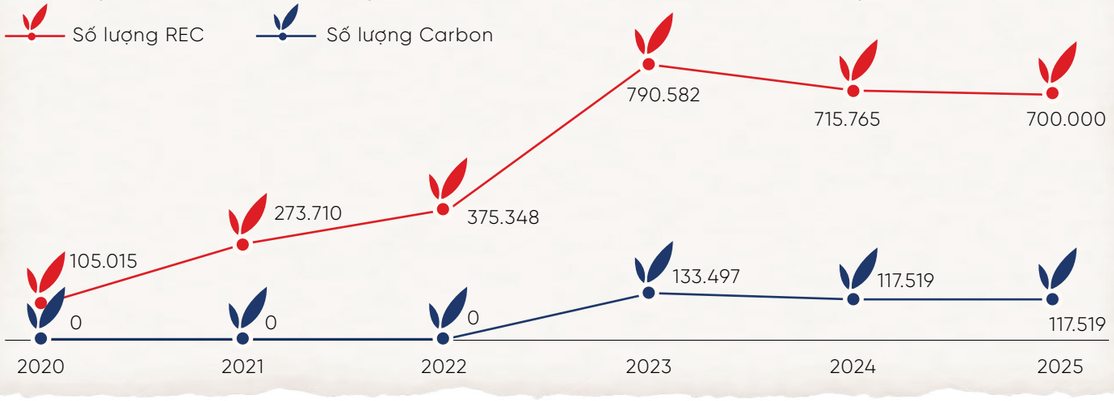
SỐ LƯỢNG VÀ DOANH THU REC THEO CÁC LOẠI HÌNH TỪ NĂM 2020-2024



SỐ LƯỢNG VÀ DOANH THU BÁN REC TỪ NĂM 2020-2024



SỐ LƯỢNG REC VÀ SỐ LƯỢNG CARBON ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ DỰ KIẾN PHÁT HÀNH



Nguồn: GEC



Với lợi thế từ hệ thống cơ sở hạ tầng năng lượng hiện đại, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và mạng lưới hợp tác quốc tế, GECG có điều kiện thuận lợi để tham gia vào các cơ chế thị trường Carbon và phát triển các DA NLTT. Ngoài ra, GECG có khả năng triển khai các DA giảm phát thải khí nhà kính, tạo Tín chỉ carbon để giao dịch trên thị trường quốc tế, mở ra cơ hội mới về kinh tế và gia tăng uy tín trên thị trường năng lượng. Đây là một lĩnh vực chiến lược mà GECG có thể phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, góp phần tích cực vào nỗ lực chống biến đổi khí hậu và PTBV tại Việt Nam.

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN MUA BÁN TÍN CHỈ CARBON

Việt Nam có nhiều tiềm năng trong việc phát triển các DA liên quan đến Carbon, nhờ vào nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và cam kết mạnh mẽ trong việc giảm phát thải khí nhà kính kể từ sau COP26. Với vị trí địa lý thuận lợi, Việt Nam sở hữu tiềm năng dồi dào để phát triển NLTT như Điện Gió, Điện Mặt trời và Thủy điện vừa và nhỏ, giúp giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và tạo ra Tín chỉ Carbon có giá trị trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang phát triển các chương trình quản lý rừng bền vững và phát triển nông nghiệp Carbon thấp, tư vấn hoạt động hấp thụ Carbon và cải thiện môi trường chất lượng. Việc tham gia vào các cơ chế thị trường Carbon, như cơ chế phát triển sạch (CDM) và thị trường Carbon tự nguyện, mở ra cơ hội để thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ xanh. Với sự hỗ trợ từ chính phủ, cộng đồng quốc tế và khu vực tư nhân, Việt Nam có thể khai thác hiệu quả tiềm năng này, đồng thời thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Tại Hội nghị COP29 diễn ra vào tháng 11/2024 tại Baku, Azerbaijan, gần 200 quốc gia đã đạt được thỏa thuận về các quy tắc cho thị trường Tín chỉ Carbon toàn cầu, mở đường cho việc giao dịch Tín chỉ Carbon giữa các quốc gia.

Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc thiết lập và vận hành thị trường Carbon. Theo lộ trình, Việt Nam dự kiến sẽ vận hành thị trường Carbon trong nước từ năm 2025 và kết nối với thị trường quốc tế vào năm 2028. Trong giai đoạn thí điểm từ năm 2025-2027, việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho một số lĩnh vực phát thải lớn và vận hành thử nghiệm thị trường sẽ được thực hiện. Đây là một trong những lần tái khẳng định của Việt Nam kiên trì đi theo đường lối chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và có trách nhiệm, thể hiện thái độ và tầm nhìn chiến lược để đóng góp cho thế hệ tương lai.

2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 | ...

Giai đoạn chuẩn bị:

- Xây dựng quy định quản lý tín chỉ Carbon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ Carbon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ Carbon;
- Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV);
- Thành lập sàn giao dịch tín chỉ Carbon;
- Xây dựng hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia;
- Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ Carbon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ Carbon trong nước và quốc tế;
- Xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường Carbon.

2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 | ...

Giai đoạn thí điểm:

- Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ Carbon kể từ năm 2025.

2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 | ...

Giai đoạn vận hành:

- Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ Carbon chính thức trong năm 2028.

Nguồn: NĐ 6/2022/NĐ-CP

Các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thực hiện tại Việt Nam.

TIỀM NĂNG	MÔ TẢ
Cam kết giảm phát thải khí nhà kính	Việt Nam đã cam kết giảm phát thải khí nhà kính và đang triển khai các chính sách để đạt được các mục tiêu quốc gia, phù hợp với cam kết tại COP26.
Nhiều tiềm năng phát triển các DA giảm phát thải	Các lĩnh vực như NLTT, nông nghiệp bền vững, quản lý rừng có tiềm năng lớn để phát triển các DA tạo Tín chỉ Carbon chất lượng cao.
Sự hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế	Việt Nam nhận được hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển thị trường Tín chỉ Carbon.

Mặc dù sở hữu tiềm năng lớn trong việc phát triển các DA liên quan đến Tín chỉ Carbon, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Một trong những rào cản chính là hệ thống khung pháp lý chưa hoàn thiện và thiếu cơ chế rõ ràng để phát triển thị trường Carbon trong nước. Điều này làm giảm khả năng thu hút đầu tư và hạn chế hiệu quả triển khai các DA giảm phát thải khí nhà kính.

Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ giám sát, báo cáo, thẩm định phát thải vẫn chưa được phát triển đồng bộ, gây khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Chi phí đầu tư ban đầu cao cho các DA NLTT và chuyển đổi công nghệ cũng là rào cản lớn, đặc biệt khi nhiều doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn về nguồn vốn và khả năng tiếp cận tài chính. Ngoài ra, nhận thức và sự tham gia của các BLQ, bao gồm doanh nghiệp và cộng đồng, trong việc phát triển và vận hành các cơ chế Carbon sáng tạo vẫn còn hạn chế.

Để khắc phục những thách thức này, Việt Nam cần hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế thị trường Carbon, thúc đẩy hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ xanh, đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng và công nghệ giám sát phát thải, nâng cao nhận thức cộng đồng và tăng cường sự tham gia của các BLQ. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ giúp Việt Nam khai thác hiệu quả tiềm năng của thị trường Tín chỉ Carbon, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 và PTBV trong tương lai.

Thân thiện với Môi trường



GRI 301 | GRI 302 | GRI 303 | GRI 304
GRI 305 | GRI 306 | GRI 307 | GRI 308

Ngành sản xuất điện đóng vai trò trọng yếu trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành này không thể tách rời khỏi trách nhiệm Bảo vệ Môi trường. Với những thách thức ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí và suy giảm tài nguyên thiên nhiên, việc chuyển đổi sang các nguồn NLTT như Điện Gió, Điện Mặt trời và Thủy điện đã trở thành xu thế. Tại GEC, chúng tôi không ngừng theo đuổi mục tiêu PTBV thông qua việc sử dụng tài nguyên hiệu quả và bảo vệ hệ sinh thái.

GEC thực hiện duy trì và tuân thủ chứng nhận ISO 14001: Hệ thống Quản lý Môi trường. Điều này khẳng định cam kết của chúng tôi trong việc quản lý các khía cạnh môi trường một cách có hệ thống và hiệu quả. Việc áp dụng hệ thống quản lý này giúp GEC tích hợp các tiêu chuẩn quốc tế vào quy trình vận hành, từ quản lý nước thải đến bảo tồn tài nguyên, đảm bảo giảm thiểu rủi ro môi trường và cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên. Chứng nhận ISO 14001 không chỉ đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý mà còn thúc đẩy văn hóa bền vững trong toàn bộ tổ chức, tạo giá trị lâu dài cho cộng đồng và môi trường.

Trong năm 2024, GEC không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về Môi trường.

SỬ DỤNG VẬT LIỆU

Với đặc thù sản xuất điện từ NLTT bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, sản phẩm của GEC không sử dụng đến các khâu như đóng gói, kho bãi chứa hàng hay các đơn vị vận chuyển sản phẩm. Trong quá trình xây dựng các DA, Công ty đều lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, có danh tiếng trên thị trường và đảm bảo các tiêu chuẩn về EHSS. Đối với vật liệu tái tạo mà Công ty sử dụng, đều được theo dõi, đánh giá và đưa ra các phương án SXKD phù hợp với từng thời kỳ.

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO

Năm 2024, hiện tượng El Nino gây khô hạn kéo dài trong 6 tháng đầu năm tại Việt Nam, đặc biệt ở miền Trung và Tây Nguyên, làm giảm lượng mưa và mực nước tại các hồ chứa Thủy điện. Điều này dẫn đến suy giảm sản lượng điện đối với loại hình Thủy điện tại GEC. Cụ thể, lượng nước đầu vào năm 2024 giảm 12,7% so với năm 2023 và giảm 13,7% so với năm 2022 dẫn đến số giờ chạy máy cũng giảm theo tương ứng. Điều này cho thấy xu thế nóng lên trên toàn cầu không có dấu hiệu chậm lại.

Ngoài ra, mưa cục bộ và bất thường ở một số khu vực có thể gây nguy cơ xả lũ khẩn cấp, làm gia tăng rủi ro lũ lụt cho vùng hạ lưu. El Nino năm 2024 nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý nước linh hoạt và dự phòng năng lượng thay thế để đảm bảo an ninh năng lượng.

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC	2022	2023	2024	SO SÁNH 2024/2023
Khối lượng nước khai thác của 12 NM Thủy điện (tỷ m^3)	2,55	2,48	2,20	-12,7%
Số giờ vận hành trung bình tại các NM (giờ)	4.551	4.551	4.043	-12,6%

NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Ngược lại hoàn toàn so với loại hình Thủy điện, El Nino năm 2024 với nắng nóng kéo dài tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác Điện Mặt trời, đặc biệt ở miền Trung và miền Nam Việt Nam. Lượng bức xạ mặt trời tăng cao giúp các NM Điện Mặt trời hoạt động với hiệu suất tối ưu. Tuy nhiên, nhiệt độ quá cao có thể gây quá tải cho hệ thống làm mát của thiết bị, ảnh hưởng đến tuổi thọ và hiệu quả vận hành.

Bên cạnh đó, như đã nói ở trên, vẫn có những diễn biến thời tiết cực đoan gây ra hiện tượng giông, sét vào các tháng chuyển mùa (tháng 4-5 hàng năm) có thể gây hư hại cho các tấm quang năng, đặc biệt ở các khu vực ven biển miền Trung và Nam Trung Bộ. Việc sửa chữa và thay thế thiết bị sau bão làm tăng chi phí vận hành và gián đoạn sản xuất.

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN MẶT TRỜI	2022	2023	2024	SO SÁNH 2024/2023
NM Điện Mặt trời Trúc Sơn	386	374	363	-3%
NM Điện Mặt trời Phong Điền	370	359	424	+15,3%
NM Điện Mặt trời Krông Pa	418	420	453	+7,2%
NM Điện Mặt trời Hàm Phú	464	460	462	+0,3%
NM Điện Mặt trời Đức Huệ	441	446	378	-18%
Số giờ nắng trung bình các NM Điện Mặt trời của GEC khai thác (kWh/kWp/năm)	**416**	**412**	**416**	**+1%**
NM Điện Mặt trời Trúc Sơn	1.637	1.599	1.517	-5,4%
NM Điện Mặt trời Phong Điền	1.541	1.510	1.796	+15,9%
NM Điện Mặt trời Krông Pa	1.762	1.771	1.866	+5,1%
NM Điện Mặt trời Hàm Phú	1.893	1.886	1.891	+0,3%
NM Điện Mặt trời Đức Huệ	1.809	1.825	1.627	-12,2%
Bức xạ trung bình tại các NM Điện Mặt trời (kWh/m²/năm)	**1.729**	**1.718**	**1.739**	**+1,2%**

NĂNG LƯỢNG GIÓ

Năm 2024, trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino tác động mạnh mẽ đến thời tiết toàn cầu, ngành điện gió tại Việt Nam cũng đối mặt với những thay đổi lớn trong mô hình gió và điều kiện thời tiết.

Trong khi El Nino có thể làm suy yếu gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam lại hoạt động mạnh hơn ở một số khu vực, đặc biệt là vùng ven biển miền Nam và Tây Nguyên. Điều này giúp tăng sản lượng điện gió trong các tháng có tốc độ gió cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp điện ổn định từ nguồn tái tạo.

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN GIÓ	2022	2023	2024	SO SÁNH 2024/2023
NM Điện Gió Ia Bang 1	6,00	6,13	6,16	+0,5%
NM Điện Gió Tân Phú Đông 1	-	6,13	6,35	+3,5%
NM Điện Gió Tân Phú Đông 2	6,00	6,28	6,37	+1,4%
NM Điện Gió V.P.L 1	6,45	6,81	6,74	-1%
Vận tốc gió trung bình các NM Điện Gió của GEC khai thác (m/s)	**6,15**	**6,34**	**6,41**	**1%**

Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi các DA điện gió phải có khả năng dự báo chính xác và điều chỉnh kịp thời để tận dụng tối đa tốc độ gió trong những giai đoạn cao điểm.

Là một đơn vị sản xuất điện năng thông qua việc sử dụng nước, bức xạ mặt trời và sức gió. Nhận thấy được sự bất thường của thời tiết đang ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD, năm 2024, GEC tăng cường hơn tính chủ động trong việc tiếp nhận, tổng hợp các thông tin dự báo khí tượng thủy văn đến từ các tổ chức dự báo khí tượng thủy văn tin cậy, uy tín của Việt Nam và quốc tế như Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Quốc Gia, Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (JMA), Cục quản lý Thiên văn, Địa vật lý và Khí quyển Philippines (FASAGA)... Từ những dữ liệu tổng hợp của những cơ quan này, GEC đưa ra Bản tin dự báo theo tuần, tháng, năm, nhận định xu thế thời tiết theo ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Từ đó, GEC đưa cảnh báo những diễn biến thời tiết cực đoan cho toàn bộ các Đơn vị sản xuất của Công ty, chủ động ứng phó các sự cố khẩn cấp, cả về người, tài sản cũng như điều tiết hoạt động sản xuất.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

GEC cam kết quản lý năng lượng một cách bền vững và minh bạch, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của GRI 302-1 về tiêu thụ năng lượng trong tổ chức. Trong quá trình vận hành các NM NLTT như Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, Công ty thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo tổng lượng năng lượng tiêu thụ, bao gồm cả năng lượng từ nguồn tái tạo và không tái tạo.

NĂM	TỔNG NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ (MWH)	TIÊU THỤ DẦU DIESEL (LÍT)	TIÊU THỤ XĂNG (LÍT)	SỬ DỤNG GAS (KG)	XĂNG SỬ DỤNG ĐỂ DI CHUYỂN CỦA CBNV (LÍT)
2022	6.400	-	-	-	-
2023	8.144	56.566	36.573	503	48.385
2024	**8.402**	**41.807**	**42.085**	**668**	**58.508**

NƯỚC

GEC tuân thủ sử dụng nguồn khai thác từ nước ngầm, nước mặt, nước máy và nước biển theo Luật Tài nguyên nước 2023 và các NĐ, TT có liên quan. Thực hiện hướng dẫn, đào tạo cho các NM thực hiện đúng quy định. Các NM do Công ty quản lý không nằm trong khu vực khan hiếm nước.

TƯƠNG TÁC VỚI NƯỚC NHƯ MỘT NGUỒN TÀI NGUYÊN

THỦY ĐIỆN:

Nguyên vật liệu chủ yếu để vận hành NM Thủy điện là nguồn nước thiên nhiên được dẫn từ các sông, suối về các hồ chứa. Nguồn nước được sử dụng để sản xuất điện từ hồ chứa thông qua đập tràn, đường ống dẫn nước, nước chảy làm quay cánh Tuabin, biến động năng của dòng nước trở thành điện năng. Nước sau khi đi qua cánh Tuabin được đưa trở lại hạ lưu, cung cấp nước tưới tiêu dưới hạ lưu.

NM	NGUỒN NƯỚC	THUỘC HỆ THỐNG SÔNG
Thủy điện Ia Đrăng 1	Suối Ia Đrăng	Sông Sêrêpôk
Thủy điện Ia Đrăng 2	Suối Ia Đrăng	Sông Sêrêpôk
Thủy điện Ia Đrăng 3	Suối Ia Đrăng	Sông Sêrêpôk
Thủy điện Ia Meur 3	Suối Ia Đrăng	Sông Sêrêpôk
Thủy điện Ia Puch 3	Sông Ia Puch	Sông Sêrêpôk
Thủy điện Đắk Pi Hao 1	Suối Đắk Pi Hao	Sông Ba
Thủy điện Đắk Pi Hao 2	Suối Đắk Pi Hao	Sông Ba
Thủy điện Ayun Thượng 1A	Sông Ayun	Sông Ba
Thủy điện H'Chan	Sông Ayun	Sông Ba
Thủy điện H'Mun	Sông Ayun	Phụ lưu cấp 1 Sông Ba
Thủy điện Đa Khai	Suối Đa Khai	Sông Đồng Nai
Thủy điện Thượng Lộ	Sông Ba Ran	Sông Hương

ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ:

Tại các khu vực chưa có nước máy, các NM sử dụng nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt và sử dụng trong NM với các mục đích tưới cây, rửa tấm pin, PCCC. Tất cả các giếng khoan đều xin cấp phép theo quy định.

ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ CÒN LẠI, BAO GỒM CẢ VĂN PHÒNG:

Sử dụng nước máy theo hệ thống nước máy tại khu vực.

QUẢN LÝ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Quản lý tài nguyên nước, đòi hỏi sự kết hợp giữa bảo tồn, giám sát, và sử dụng hợp lý để đảm bảo nguồn nước bền vững cho các nhu cầu hiện tại và tương lai. Quản lý tài nguyên nước hiệu quả không chỉ bảo vệ nguồn cung nước mà còn góp phần ổn định hệ sinh thái, hỗ trợ phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

NỘI DUNG QUẢN LÝ: Nước mặt, nước dưới đất, nước biển (trong sử dụng khu vực biển)

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ
Bảo vệ và kiểm soát khai thác	❖ **Kiểm soát chất lượng nước:** Thực hiện quan trắc định kỳ nước mặt hồ chứa và nước mặt sau hạ lưu (đối với nước mặt), quan trắc chất lượng nước giếng (đối với nước dưới đất) nhằm kiểm soát chất lượng nước, từ đó đánh giá được cần thêm các biện pháp quản lý chất lượng nước liên quan. ❖ **Duy trì dòng chảy tối thiểu:** Đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở các sông, suối để duy trì hệ sinh thái thủy sinh và cung cấp nước cho cộng đồng hạ lưu. Các DA Thủy điện hoặc hồ chứa cần tích hợp kế hoạch vận hành để không làm suy giảm nguồn nước. ❖ **Kiểm soát khai thác:** Quản lý việc khai thác nước từ sông suối, giếng khoan để phục vụ sản xuất, sinh hoạt theo Giấy phép khai thác nước mặt đã được cơ quan ban ngành cấp phép. Tuân thủ quy định về lưu lượng khai thác. ❖ **Kiểm soát xả thải:** Tất cả nước thải từ hoạt động sản xuất hoặc sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường, tránh gây ô nhiễm dầu, hóa chất, hoặc chất thải. Toàn bộ Chất thải nguy hại, chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành, bảo trì bảo dưỡng đều được thu gom, phân loại, lưu giữ trong kho chứa của NM, ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực xử lý. ❖ **Ứng phó sự cố tràn dầu hoặc hóa chất:** Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó nhanh với các sự cố tràn dầu, hóa chất để giảm thiểu thiệt hại cho môi trường biển.
Đánh giá rủi ro	❖ Các công trình xây dựng như đập, hồ chứa, hoặc khai thác nước ngầm cần đánh giá tác động (ĐTM, ESIA) chi tiết và áp dụng biện pháp giảm thiểu phù hợp để không gây suy thoái nguồn nước.
Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan	❖ **Phối hợp với ngư dân địa phương:** Đảm bảo các hoạt động của Công ty không gây xung đột về sử dụng không gian biển, đặc biệt với các cộng đồng dựa vào đánh bắt cá và sinh kế từ biển. ❖ **Tuân thủ quy hoạch và quy định:** Đảm bảo các hoạt động sử dụng khu vực biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, bao gồm việc tuân thủ các quy định liên quan đến quyền sử dụng, Bảo vệ Môi trường và an ninh hàng hải. ❖ **Phối hợp đa ngành:** Quản lý tài nguyên nước phối hợp giữa Sở công thương, Sở Tài nguyên môi trường các tỉnh, Cục quản lý tài nguyên nước.
Giám sát và báo cáo	❖ **Quan trắc môi trường:** Quan trắc môi trường định kỳ theo ĐTM đã được phê duyệt. ❖ **Báo cáo định kỳ:** Thực hiện báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, khu vực biển, đảm bảo minh bạch và đáp ứng các yêu cầu pháp lý.

KHAI THÁC NƯỚC VÀ TIÊU THỤ NƯỚC

GEC nhận ra tầm quan trọng của nước trong các NM Thủy điện, nơi mà Tuabin sử dụng năng lượng của nước để sản xuất ra điện. Việc sử dụng nguồn nước có trách nhiệm và bền vững là vô cùng quan trọng nhằm ngăn chặn những ảnh hưởng xấu đối với môi trường và cạn kiệt tài nguyên nước.

TIÊU THỤ NƯỚC	2022	2023	2024
Nước mặt (m^3)	2.555.000.000	2.481.162.494	2.203.438.334
Nước ngầm (m^3)	22.906	20.348	13.441
Nước máy (m^3)	1.426	8.656	8.788

Cam kết của GEC về sử dụng hiệu quả tài nguyên nước được thể hiện thông qua việc tuân thủ xin giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và giấy phép khai thác, sử dụng nước từ cơ quan có thẩm quyền đối với các NM có sử dụng nước, tuân thủ các điều khoản trong giấy phép, khai thác nước hợp lý, duy trì dòng chảy môi trường, quan trắc chất lượng nước hàng năm và báo cáo định kỳ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

XẢ THẢI NƯỚC

GEC cam kết quản lý nước thải một cách bền vững, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế theo hướng dẫn của GRI 303-4. Trong mọi hoạt động sản xuất và vận hành, bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, chúng tôi thực hiện các biện pháp xử lý nước thải nghiêm ngặt để đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng.

Chúng tôi đã tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, bao gồm việc hoàn thiện và duy trì giấy phép môi trường cũng như đăng ký môi trường đối với các DA và cơ sở hoạt động. Tất cả nước thải phát sinh, từ nước thải sinh hoạt đến nước thải công nghiệp, đều được thu gom và xử lý thông qua các hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn, trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý này được thiết kế và vận hành để đảm bảo các chỉ số quan trọng như nhu cầu oxy sinh hóa (BOD), nhu cầu oxy hóa học (COD), chất rắn lơ lửng (TSS), và các chất ô nhiễm nguy hại khác đều đạt tiêu chuẩn quy định trong giấy phép môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT Nước thải công nghiệp.

	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ CỦA THÔNG SỐ Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP	
			CỘT A	CỘT B
1	Nhiệt độ	^0C	40	40
2	pH		6-9	5,5-9
3	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD_5 (20^0C)	mg/l	30	50
4	Nhu cầu oxy hóa học COD	mg/l	75	150
5	Chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	50	100
6	Amoni tính theo Nitơ	mg/l	5	10
7	Tổng Nitơ	mg/l	20	40
8	Tổng Phot Pho	mg/l	4	6
9	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	3.000	5.000

Công ty cũng thực hiện giám sát định kỳ và báo cáo về lượng nước thải và chất lượng nước xả thải. Chúng tôi đặc biệt chú trọng đến các khu vực nhạy cảm về môi trường như sông ngòi, hồ chứa và các hệ sinh thái xung quanh khu vực DA. Điều này bao gồm đánh giá tác động môi trường thường xuyên và xây dựng các kế hoạch giảm thiểu rủi ro, đảm bảo dòng chảy tối thiểu và duy trì sức khỏe của các hệ sinh thái thủy sinh.

Để đảm bảo minh bạch và đáp ứng yêu cầu về CBTT, chúng tôi thực hiện báo cáo định kỳ với các cơ quan quản lý về quản lý nước thải và hiệu suất xử lý. Ngoài ra, Công ty còn chủ động áp dụng các giải pháp tiết kiệm nước và tái sử dụng nước thải đã xử lý trong các hoạt động vận hành, nhằm giảm thiểu khai thác nguồn nước tự nhiên.

Thông qua các nỗ lực này, Công ty không chỉ đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn khẳng định trách nhiệm trong việc Bảo vệ Môi trường và PTBV, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước cho các thế hệ tương lai.



ĐA DẠNG SINH HỌC

GEC chỉ đầu tư vào các DA thuộc loại B và C và tuân thủ theo "Danh sách loại trừ" khi đầu tư DA mới hoặc M&A DA. Các NM của GEC thực hành quản lý về E&S đã cam kết trong ESIA khi đầu tư DA mới hoặc theo ESAP cho DA M&A.

	NM ĐÁNH GIÁ E&S THEO TIÊU CHUẨN IFC	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN E&S	PHÂN LOẠI THEO IFC	TÌNH TRẠNG TUÂN THỦ VỀ E&S TẠI CÁC NM CỦA GEC
1	❖ **12 NM Thủy điện:** Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Muer 3, Ia Puch 3, H'Chan, H'Mun, Đắk Pi Hao 1, Đắk Pi Hao 2, Ayun Thượng 1A, Thượng Lộ, Đa Khai ❖ **1 DA Thủy điện:** Ea Tih	❖ Hệ sinh thái trên cạn (các loài chim quan trọng), dưới nước (các loài cá, sinh vật thủy sinh, động vật đáy...) ❖ Cộng đồng địa phương xung quanh NM, dưới hạ lưu	B	❖ Duy trì tuân thủ và thực hiện Hệ thống Quản lý E&S tại các NM ❖ Cập nhật liên tục sổ theo dõi khiếu nại cộng đồng tại các NM là tài liệu sống ❖ Đánh giá rủi ro về E&S định kỳ tại các NM và thực hiện các biện pháp, hành động giảm thiểu và kiểm soát rủi ro về E&S tại các NM ❖ Thực hiện kế hoạch hành động về E&S theo yêu cầu của DEG: • Khảo sát Chim, Dơi tại NM Điện Gió Ia Bang • Khảo sát Cá tại NM Thủy điện Thượng Lộ • Nâng cấp hệ thống ESMS • Kế hoạch hành động E&S - ESAP đã cam kết thực hiện • Báo cáo định kỳ hàng năm về E&S theo tiêu chuẩn của IFC • Đào tạo cán bộ liên lạc Cộng đồng - CLO • Đào tạo ESMS cho CBNV theo Tiêu chuẩn IFC sau khi nâng cấp • Đánh giá áp dụng tuân thủ về ESMS tại 2 NM: Thủy điện H'Chan và Điện Mặt trời Đức Huệ 1 trước khi nâng cấp ESMS • Đánh giá áp dụng tuân thủ về ESMS tại 1 DA đang triển khai: Thủy điện Ea Tih sau khi nâng cấp ESMS • Báo cáo sự cố E&S khi phát sinh.
2	❖ **5 NM Điện Mặt trời:** Phong Điền, Trúc Sơn, Hàm Phú 2, Krông Pa, Đức Huệ 1 ❖ **35 Hệ thống Áp mái**	❖ Hệ sinh thái trên cạn (các loài Chim quan trọng) ❖ Cộng đồng địa phương xung quanh NM	B	
3	❖ **3 NM Điện Gió:** Ia Bang 1, V.P.L 1, Tân Phú Đông 1 & 2	❖ Hệ sinh thái trên cạn (các loài Chim quan trọng), dưới nước (các loài cá, sinh vật thủy sinh, động vật đáy, các loài động vật giáp xác...) ❖ Hiện tượng văng cánh tua bin, bóng nhấp nháy ❖ Cộng đồng địa phương xung quanh NM, DA	B	

Phân loại DA theo Tiêu chuẩn IFC:

Loại A: Các DA tiềm ẩn những rủi ro và/ hoặc tác động xấu đáng kể, đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa từng có đến Môi trường hoặc Xã hội

Loại B: Các DA có thể gây ra tác động Xã hội hoặc Môi trường bất lợi nhưng các tác động này được giới hạn trong phạm vi của DA và có thể dễ dàng phục hồi và giải quyết được bằng các biện pháp quản lý và giảm thiểu

Loại C: Các DA ít hoặc không có rủi ro và/ hoặc tác động xấu đến Môi trường hoặc Xã hội.



CÁC BIỆN PHÁP BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái tại các NM của GEC (12 NM Thủy điện, 1 DA Thủy điện, 4 NM Điện Gió, 5 NM Điện Mặt trời và 35 Hệ thống Áp mái) có ý nghĩa quan trọng để duy trì cân bằng sinh thái và đảm bảo PTBV. GEC đã duy trì thực hiện các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái tại các NM, DA.

	NM, DA	BIỆN PHÁP BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ HỆ SINH THÁI	NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CÂN NHẮC TRONG TƯƠNG LAI
1	❖ **12 NM Thủy điện** ❖ **1 DA Thủy điện**	❖ Duy trì chế độ dòng chảy tối thiểu để hỗ trợ hệ sinh thái thủy sinh và đảm bảo sự phát triển đa dạng sinh học của khu vực hạ lưu ❖ Quản lý hồ chứa để giảm thiểu tác động đến hệ thực vật và động vật địa phương, bao gồm kiểm soát mực nước và ngăn chặn sự lây lan của các loài xâm lấn ❖ Thực hiện các biện pháp kiểm soát xói mòn để ngăn chặn tình trạng bồi lắng, có thể tác động tiêu cực đến chất lượng nước và môi trường sống của thủy sinh.	❖ Giải quyết các tác động gián tiếp tiềm ẩn, chẳng hạn như những thay đổi trong mô hình sử dụng đất và sự gia tăng hoạt động của con người ❖ Phát triển và áp dụng các công nghệ tiên tiến để giám sát và bảo vệ động vật hoang dã ❖ Phối hợp với các tổ chức bảo tồn và Cơ quan Nhà nước xây dựng và thực thi các quy định bảo vệ đa dạng sinh học.
2	❖ **5 NM Điện Mặt trời và 35 Hệ thống Áp mái**	❖ Kết hợp thảm thực vật thân thiện với côn trùng thụ phấn trong và xung quanh các mảng Năng lượng Mặt trời để hỗ trợ đa dạng sinh học địa phương ❖ Thực hiện các biện pháp quản lý nước mưa để ngăn chặn xói mòn đất và bảo vệ các vùng nước gần DA	
3	❖ **4 NM Điện Gió**	❖ Thực hiện giám sát chim, dơi theo mùa ❖ Thực hiện các biện pháp bảo vệ chim, dơi chẳng hạn như sử dụng hệ thống radar để phát hiện hoạt động của chim và dừng Tuabin trong những giai đoạn quan trọng ❖ Đầu tư vào các nỗ lực khôi phục môi trường sống xung quanh khu vực DA để bù đắp mọi xáo trộn gây ra trong quá trình xây dựng	

Năm 2024, Công ty triển khai DA Thủy điện Ea Tih - giai đoạn chuẩn bị, tất cả các hoạt động ESIA của DA phải thực hiện trước ngày khởi công. Chính vì vậy, DA đã thực hiện đánh giá tác động của DA đối với đa dạng sinh học trong khu vực ảnh hưởng của DA, chương trình đánh giá bao gồm:

Thời gian khảo sát: Tiến hành khảo sát hiện trường tại DA vào cả mùa khô và mùa mưa để nắm bắt sự thay đổi mùa vụ của đa dạng sinh học. Tiến hành khảo sát tại thực địa vào tháng 9/2023 và tháng 4/2024.

Địa điểm điều tra: Khu vực nghiên cứu bao gồm khu vực DA và vùng đệm xung quanh DA. Khu vực điều tra được chia thành các sinh cảnh đại diện (sinh cảnh ven sông; sinh cảnh cỏ cây bụi và gỗ rải rác; sinh cảnh canh tác) dựa trên bản đồ sử dụng đất và ảnh vệ tinh.

Phương pháp thu thập dữ liệu: Sử dụng các phương pháp tiêu chuẩn và được công nhận rộng rãi để điều tra từng nhóm sinh vật:

- **Thực vật:** Điều tra theo tuyến, ô tiêu chuẩn, thu thập mẫu vật để định danh.
- **Động vật không xương sống cỡ lớn:** Sử dụng vợt, bẫy, thu thập mẫu vật.
- **Cá:** Khảo sát bằng lưới, câu cá, đánh bắt thử nghiệm, phỏng vấn ngư dân.
- **Động vật có xương sống trên cạn:** Quan sát trực tiếp, sử dụng bẫy ảnh, dấu vết, ghi âm (đối với chim, dơi), phỏng vấn cộng đồng.

Ghi chép và lưu trữ dữ liệu một cách có hệ thống, bao gồm tọa độ GPS, sinh cảnh, số lượng cá thể, hình ảnh và mẫu vật.

Kết quả:

Khu bảo tồn thiên nhiên gần khu vực DA nhất là Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, cách địa điểm khoảng 3 km về phía bắc. Tuy nhiên, các sinh cảnh canh tác và nông nghiệp làm gián đoạn kết nối giữa khu vực DA và khu bảo tồn. Mặc dù có hai khu bảo tồn, Vườn quốc gia Chư Yang Sin và Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai, nằm trong bán kính 50 km từ địa điểm, nhưng khoảng cách khá xa, khoảng 40 km và thông tin về đa dạng sinh học của địa điểm và các khu bảo tồn đó là không thể so sánh được.

Giá trị đa dạng sinh học của địa điểm được đặc trưng bởi ba kiểu sinh cảnh chính, đó là (1) sinh cảnh ven sông, (2) sinh cảnh đồng cỏ, bụi cây và gỗ rải rác, và (3) sinh cảnh canh tác. Những kiểu sinh cảnh này là nơi sinh sống của 98 loài thực vật và 8 loài lưỡng cư, 5 loài bò sát, 30 loài chim và 2 loài thú.

Hệ sinh thái nước ngọt của khu vực DA đã được ghi nhận với 29 loài động vật không xương sống cỡ lớn và 17 loài cá. Không có loài cá di cư hoặc bị đe dọa nào được ghi nhận trong khu vực DA.

CÔNG BỐ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Tiêu chuẩn/khung áp dụng để tính toán phát thải Khí nhà kính: Tính toán phát thải Khí nhà kính tại GEC dựa trên những quy định trong NĐ thư về Khí nhà kính (GHG Protocol) do Viện Tài nguyên Thế giới (World Resources Institute - WRI) và Hội đồng kinh doanh Thế giới vì sự PTBV (World Business Council for Sustainable Development - WBCSD) phát triển và hướng dẫn của UB Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (Intergovernmental Panel on Climate Change - IPCC)

Phương pháp tính toán: Phát thải Khí nhà kính tại GEC được tính toán bằng phương pháp thống kê định lượng có xét đến phát thải từ mọi hoạt động SXKD. Điều này bao gồm hấp thụ Carbon tại nhiều cơ sở khác nhau, chẳng hạn như 12 NM Thủy điện, 5 NM Điện Mặt trời, 4 NM Điện Gió. Ngoài ra 35 Hệ thống Áp mái ứng dụng tại trụ sở Công ty tại 114 Trường Chinh, Văn phòng GEC tại TP.HCM, Nhà công vụ tại Gia Lai, Khu sản xuất Diên Phú và Nhà công vụ tại TP. HCM

- **Phạm vi phát thải 1:** Được tính cho các hoạt động liên quan đến việc mua nhiên liệu để vận hành máy móc, thiết bị và các phương tiện (xe, cano) thuộc sở hữu của Công ty, sử dụng môi chất làm lạnh, sử dụng khí cắt SF6, bình chữa cháy di động
- **Phạm vi phát thải 2:** Được tính cho các hoạt động liên quan đến mua điện từ lưới điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- **Phạm vi phát thải 3:** Được tính toán cho các hoạt động liên quan đến việc sử dụng nhiên liệu để vận chuyển nhân viên đi làm cũng như việc đi công tác của nhân viên bằng ô tô hoặc máy bay; chất thải phát sinh được bàn giao và xử lý; xử lý nước thải sinh hoạt
- **Hấp thụ Khí nhà kính:** Sự hấp thụ phát thải Khí nhà kính được tính toán dựa trên lượng CO_2e được hấp thụ từ các cây trồng được trồng tại các NM của GEC. Ngoài ra, tín chỉ từ Chứng chỉ NLTT (REC) và Tín chỉ Carbon phát hành từ các NM NLTT của GEC cũng được tính vào tính toán tổng thể.

Từ năm 2019 đến năm 2024, Công ty triển khai **"Ngày Trồng cây hàng năm của GECG"** với số lượng 1.357 cây. Việc trồng cây đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí nhà kính, góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Cây xanh hấp thụ CO_2 từ khí quyển thông qua quá trình quang hợp, chuyển hóa thành oxy và sinh khối, giúp giảm lượng khí nhà kính tích tụ trong không khí. Bên cạnh đó, việc trồng cây và phủ xanh các khu vực bị xói lở còn cải thiện chất lượng không khí, bảo vệ đa dạng sinh học và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. GEC cam kết triển khai các chương trình trồng cây, không chỉ nhằm mục tiêu PTBV mà còn góp phần tạo ra môi trường sống xanh, sạch và thân thiện hơn cho cộng đồng.

NĂM	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐỊA ĐIỂM TRỒNG	SỐ LƯỢNG
2019	Trắc thân gỗ	Ia Đrăng 2	45
2020	Trắc thân gỗ và trầm hương (gió bầu)	Đa Khai	250
		Đắk Pi Hao 2	250
2022	Mai anh đào	Đa Khai	260
	Trắc thân gỗ	H'Chan, H'Mun	50
	Trắc thân gỗ	Ia Đrăng 1, Đắk Pi Hao 2	72
2023	Hồng Lộc	Phong Điền	50
	Sao Đen	Thượng Lộ	100
	Hoa Mai Anh đào Đà lạt	Đa Khai	200
	Xà cừ	Đắk Pi Hao 2	10
	Bạch đàn		70
Tổng số cây giai đoạn 2019-2024			**1.357**

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH THEO 3 PHẠM VI	2022	2023	2024
1 Phạm vi 1 (tấn CO_2e)	Không thống kê	370,5	252,5
2 Phạm vi 2 (tấn CO_2e)	4.621	5.880,8	5.539,2
3 Phạm vi 3 (tấn CO_2e)	Không thống kê	395,9	239,5
4 Hấp thụ phát thải Khí nhà kính (tấn CO_2e)	Không thống kê	67,4	67,4
5 Bù trừ phát thải cho Phạm vi 2 bằng sản lượng điện không bán Tín chỉ REC	0	5.880,8	5.539,2
Tổng phát thải theo 3 Phạm vi (tấn CO_2e) (1+3-5)	**4.621**	**699,1**	**424,6**

Nguồn: GEC

Cường độ phát thải GHG

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024
Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	1.054	1.233	1.352
Mức phát thải Khí nhà kính theo 3 phạm vi (tấn CO_2e)	4.621	699	424,6
Cường độ phát thải GHG (tấn CO_2e/MWh Điện sản xuất)	**0,0044**	**0,0006**	**0,00028**

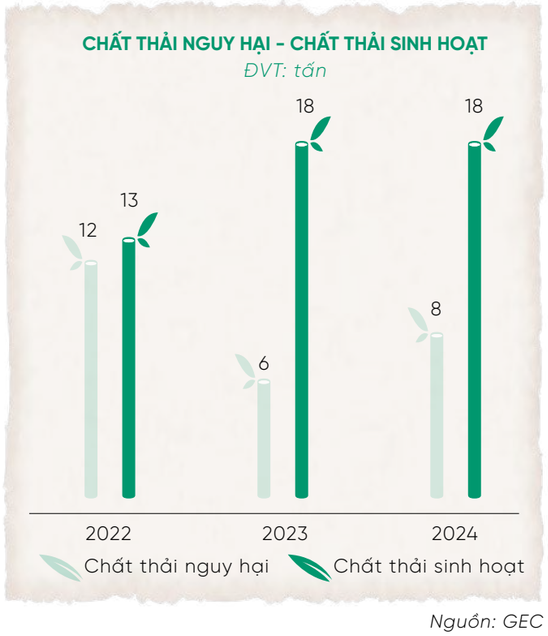
Nguồn: GEC

PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Xử lý chất thải là một phần không thể thiếu trong chiến lược PTBV của doanh nghiệp thông qua việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến xử lý chất thải, góp phần đảm bảo cho các doanh nghiệp không những Bảo vệ Môi trường mà còn đảm bảo trách nhiệm xã hội và uy tín thương hiệu.

CHẤT THẢI ĐƯỢC TẠO RA

GEC hiện đang duy trì xây dựng hệ thống quản lý chất thải nội bộ, đào tạo NLĐ về ý thức môi trường và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14001 về quản lý môi trường là những cách hiệu quả để nâng cao hiệu suất và giảm thiểu rủi ro pháp lý có liên quan các quy định pháp luật về Bảo vệ Môi trường, như Luật Bảo vệ Môi trường 2020 tại Việt Nam. Riêng đối với Chất thải nguy hại, Công ty đăng ký khối lượng trong giấy phép môi trường/đăng ký môi trường, quản lý từ nguồn phát sinh, lưu trữ đến vận chuyển và xử lý, đảm bảo không để rò rỉ hay gây nguy hại đến sức khỏe con người và hệ sinh thái.



Nguồn: GEC

Quy trình xử lý chất thải của Công ty bao gồm các bước: đăng ký các loại chất thải, phân loại chất thải tại nguồn, ký hợp đồng với các đơn vị có giấy phép vận chuyển và xử lý chất thải đến các cơ sở thu gom và vận chuyển theo tiêu chuẩn, và xử lý an toàn các loại chất thải không tái chế, đặc biệt là Chất thải nguy hại, đồng thời nghiêm túc tuân thủ báo cáo định kỳ về quản lý chất thải đến cơ quan chức năng.

Trong năm 2024, tổng khối lượng chất thải xử lý toàn Công ty là 25,9 tấn, tăng 8% khối lượng so với năm 2023 và 3% so với năm 2022. Trong đó, khối lượng Chất thải nguy hại năm 2024 tăng 42% so với năm 2023 nhưng giảm 30% so với năm 2022 và khối lượng chất thải không nguy hại tăng 15% so với năm 2023 và tăng 57% so với năm 2022.

CHẤT THẢI ĐƯỢC CHUYỂN HƯỚNG KHỎI XỬ LÝ CUỐI CÙNG

Tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu môi trường đã quy định trong giấy phép môi trường/đăng ký môi trường, các NM NLTT của GEC thực hiện các chiến lược quản lý chất thải toàn diện để giảm thiểu tác động đến môi trường. Các chất thải phát sinh tại NM, Văn phòng được phân loại, thu gom, lưu trữ, tái sử dụng và cuối cùng là bàn giao cho Đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Tại các NM của GEC, các hoạt động quản lý chất thải phản ánh trách nhiệm với môi trường.

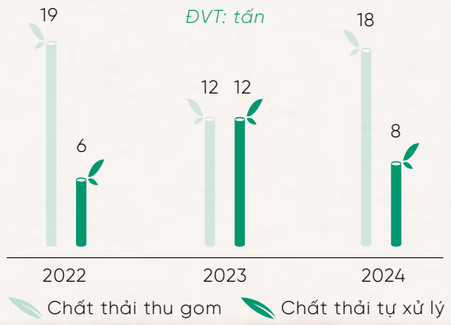
CÁC LOẠI CHẤT THẢI PHÁT SINH	QUẢN LÝ CHẤT THẢI	THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI	SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Chất thải không nguy hại ❖ Chất thải sinh hoạt hàng ngày của CBNV ❖ Chất thải sinh khối như lá, cành, gỗ ❖ Chất thải rắn công nghiệp **Chất thải nguy hại:** ❖ Giẻ lau nhiễm dầu ❖ Phin lọc dầu thải ❖ Pin tiểu và bóng đèn huỳnh quang. ❖ Bình ắc quy	**Phân tách chất thải tại nguồn:** ❖ Phân loại rác thải tại nguồn một cách nghiêm ngặt ❖ Thực hiện các biện pháp tái chế nhựa, kim loại và giấy **Tái chế, tái sử dụng chất thải:** ❖ Tái lọc và tái sử dụng dầu thủy lực trại các NM Thủy điện	❖ Chất thải sinh hoạt được thu gom bởi các đơn vị thu gom chất thải địa phương để xử lý đúng quy định ❖ Chất thải nguy hại được lưu giữ tại các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn và lưu trong kho chứa Chất thải nguy hại riêng ❖ Bàn giao Chất thải nguy hại cho Đơn vị được cấp phép thu gom, vận chuyển và xử lý	❖ Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức cho người lao động và cộng đồng địa phương ❖ Tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn pháp luật về xử lý Chất thải nguy hại mới nhất ❖ Tái chế, tái sử dụng chất thải để hạn chế lượng chất thải phải xử lý.

Về phương pháp xử lý, Công ty sử dụng 2 phương pháp:

Bàn giao cho đơn vị bên ngoài: Bàn giao cho đơn vị bên ngoài có 2 loại gồm (1) Chất thải nguy hại: Toàn bộ Chất thải nguy hại phát sinh tại các VP, NM đều được chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực xử lý theo quy định. Các chất thải này GEC không có chức năng tự xử lý vì đặc thù chất thải này có khả năng nguy hại đến môi trường cũng như sức khỏe người lao động. Các đơn vị xử lý phải có Giấy phép xử lý bao gồm trang thiết bị, phương tiện, máy móc, quy trình xử lý theo quy định và (2) Chất thải sinh hoạt: tại các VP, NM nơi có dịch vụ thu gom chất thải sinh hoạt của địa phương, Công ty đăng ký/ký hợp đồng với đơn vị thu gom nhằm tiến hành bàn giao chất thải sinh hoạt. Định kỳ các phương tiện thu gom sẽ đến lấy rác bằng phương tiện chuyên dụng.

BÀN GIAO VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

ĐVT: tấn



Nguồn: GEC

Tự xử lý: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại 1 số NM không có dịch vụ thu gom địa phương sẽ được tự xử lý bằng cách đốt/chôn lấp. Đối với rác thực vật phát sinh tại NM ví dụ như cành cây, lá cây phát sinh tại khuôn viên NM, từ khu vực hồ chứa (đặc biệt phát sinh nhiều trong mùa mưa khi nước cuốn gỗ vụn, cây vụn từ lòng sông về hồ chứa) sẽ được các NM gom lại, đợi khô và đốt. Đối với rác hữu cơ và vô cơ phát sinh, các NM chôn lấp tại khu vực khuôn viên NM. Công tác chôn lấp này tiến hành hợp vệ sinh bằng cách chôn xa giếng nước, khu vực sinh hoạt, đảm bảo không có côn trùng và mùi hôi. Đối với rác có thể tái chế, NM tận dụng lại bán lại cho các cơ sở tái chế.

VI PHẠM VỀ EHSS

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn và xã hội (EHSS). Trong kỳ báo cáo này, chúng tôi **không ghi nhận bất kỳ vi phạm nào liên quan đến luật pháp hoặc quy định môi trường hiện hành**. Đồng thời, không có khoản phạt tài chính hay biện pháp xử lý nào từ các cơ quan quản lý do vi phạm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đảm bảo thực hiện nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động và PCCC. Không có sự cố nghiêm trọng hay tai nạn lao động nào xảy ra tại các cơ sở của chúng tôi trong kỳ báo cáo này. Hệ thống PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy định, và nhân viên được đào tạo thường xuyên về kỹ năng ứng phó tình huống khẩn cấp. Chúng tôi tiếp tục duy trì hệ thống quản lý EHSS hiệu quả, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, tuân thủ pháp luật và các cam kết PTBV.

QUẢN TRỊ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Những rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu mà Công ty đã xác định trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

GEC xác định chiến lược theo các khung thời gian: ngắn hạn: 1-2 năm; trung hạn: 3-5 năm; dài hạn: 6-10 năm

CHIẾN LƯỢC THEO KHUNG THỜI GIAN	RỦI RO	CƠ HỘI
Ngắn hạn (1-2 năm)	❖ Rủi ro ngắn hạn bao gồm tác động của các sự kiện thời tiết khắc nghiệt như bão, lũ lụt, hạn hán có thể làm gián đoạn sản xuất, ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến công tác phát điện ❖ Những thay đổi trong chính sách quy định ngắn hạn liên quan đến NLTT, trợ cấp hoặc ưu đãi có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của các DA NLTT	❖ Các cơ hội ngắn hạn bao gồm các chính sách thuận lợi của Chính phủ và các ưu đãi hỗ trợ các DA NLTT ❖ Việc áp dụng các công nghệ và cải tiến mới trong thời gian ngắn có thể nâng cao hiệu quả và giảm chi phí ❖ Phát triển và đa dạng hóa các loại hình NLTT để cân bằng với biến động của thời tiết và tăng cường ổn định nguồn cung cấp Năng lượng ❖ Kết hợp giữa các nguồn NLTT như năng lượng Mặt trời, Gió, Thủy điện để tối ưu hóa khả năng hoạt động liên tục ❖ Phát triển thị trường NLTT bằng cách tìm kiếm và tạo ra các cơ hội kinh doanh mới liên quan đến nguồn Năng lượng sạch
Trung hạn (3-5 năm)	❖ Sự gián đoạn liên quan đến khí hậu trong chuỗi cung ứng thiết bị và linh kiện NLTT có thể ảnh hưởng đến tiến độ của DA ❖ Những thay đổi trong động lực thị trường Năng lượng và mô hình nhu cầu có thể ảnh hưởng đến khả năng tồn tại về mặt kinh tế của các DA NLTT	❖ Sự quan tâm ngày càng tăng từ các NĐT và tổ chức tài chính đối với các DA bền vững và tái tạo mang lại cơ hội tài trợ vốn và hợp tác ❖ Sự phát triển về công nghệ NLTT và các công nghệ về trí tuệ nhân tạo thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh và bền vững diễn ra nhanh hơn ❖ Việc tham gia vào thị trường Tín chỉ carbon và Tín chỉ REC mang lại cơ hội tạo DT từ các DA NLTT
Dài hạn (6-10 năm)	❖ Rủi ro dài hạn bao gồm khả năng khan hiếm các nguồn tài nguyên tái tạo (ví dụ: Đất thích hợp cho các DA Năng lượng Mặt trời hoặc Gió) do điều kiện khí hậu thay đổi ❖ Yêu cầu pháp lý, các tiêu chuẩn và khung thực hành về ESG ngày càng nghiêm ngặt và đòi hỏi tuân thủ khắt khe	❖ Định kỳ đánh giá và dự báo tình hình tài nguyên, thực hiện chiến lược đa dạng hóa và xác định vùng đất có tiềm năng cho DA tương lai ❖ Cơ hội dài hạn phát sinh từ quá trình chuyển đổi toàn cầu sang các nguồn Năng lượng sạch hơn, định vị các Công ty NLTT là những Công ty chủ chốt ❖ Những tiến bộ liên tục trong lĩnh vực lưu trữ Năng lượng, công nghệ lưới điện và hệ thống NLTT mang lại cơ hội lâu dài cho sự đổi mới và cải thiện hiệu suất ❖ Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý ESG mạnh mẽ, liên tục cập nhật và đảm bảo tuân thủ đầy đủ để đối mặt với thách thức pháp lý và tuân thủ.

Mô tả tác động tiềm tàng của các kịch bản khác nhau, bao gồm kịch bản 2°C, đối với HĐKD, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức

Là một Công ty sản xuất điện từ NLTT, GEC đã có vị thế thuận lợi trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp. Tuy nhiên, kịch bản 2°C vẫn mang đến cả cơ hội và thách thức, vì nó liên quan đến sự kết hợp giữa tác động vật lý của biến đổi khí hậu và áp lực chính sách toàn cầu.

KỊCH BẢN	TÁC ĐỘNG	MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG ĐẾN GEC	CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU RỦI RO	CƠ HỘI
Nhiệt độ Trái đất tăng lên 2°C	❖ Biến đổi khí hậu nghiêm trọng, thay đổi môi trường sống, tăng cường hiện tượng thời tiết cực đoan ❖ Nước biển dâng ❖ Môi trường axit hóa	Thấp	❖ Đầu tư vào công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường hệ thống chống ngập, phát triển DA xanh, bền vững ❖ Thiết kế DA tại các khu vực phù hợp, không bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng, hạn chế ảnh hưởng bởi thiên tai	❖ Nhu cầu về giải pháp xanh và công nghệ giảm khí nhà kính tăng cao, cơ hội phát huy kinh nghiệm của GEC trong lĩnh vực NLTT ❖ Đầu tư vào NLTT và nâng cao hiệu quả sử dụng Năng lượng
Nhiệt độ Trái đất tăng lên 1,5°C	❖ Tác động nhẹ hơn so với kịch bản 2°C nhưng vẫn gây biến đổi khí hậu đáng kể	Thấp	❖ Chú trọng vào bảo vệ đa dạng sinh học, sử dụng các nguồn NLTT hiệu quả ❖ Thiết kế DA tại các khu vực phù hợp, có tính đến sự ảnh hưởng của DA bởi nước biển dâng, hạn chế ảnh hưởng bởi thiên tai, môi trường đến các thiết bị và hoạt động của các DA	❖ Phát triển các DA bền vững, thúc đẩy quy trình sản xuất sạch hơn và thân thiện với môi trường

QLRR theo tiêu chuẩn TCFD là một phần quan trọng trong việc đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu

GEC thực hiện đánh giá toàn diện về việc giảm tối đa lượng khí thải GHG trong tất cả các hoạt động SXKD. Chiến lược giảm GHG bao gồm các tài sản hiện có, tài sản sẽ phát triển trong tương lai, các thương vụ mua bán và sáp nhập các NM, DA và chuỗi cung ứng. Việc xác định và đánh giá rủi ro liên quan đến khí hậu của GEC được tích hợp vào quy trình QLRR tổng thể, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế của UB các tổ chức tài trợ của UB Treadway (COSO) và Tiêu chuẩn ISO 31000. GEC tích hợp khuôn khổ QTRR doanh nghiệp xuyên suốt HĐKD thông qua một quy trình quản lý có cấu trúc nhằm thiết lập một phương pháp chung để xác định, đánh giá, quản lý và giám sát rủi ro nhằm ngăn chặn, giảm mọi tác động bất lợi có thể xảy ra đối với Công ty và nâng cao cơ hội kinh doanh, tạo ra giá trị lâu dài cho GEC. Để quá trình tích hợp đánh giá rủi ro liên quan đến khí hậu làm đầu vào cho chiến lược kinh doanh, GEC tiến hành đánh giá các rủi ro và cơ hội liên quan đến E&S và khí hậu với sự phối hợp của Phòng EHSS.

XÁC ĐỊNH RỦI RO

Đối với Công ty sản xuất điện từ NLTT như GEC, các rủi ro vật lý có thể bao gồm hạn hán, lũ lụt và bão. Hạn hán cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các nguồn nước dùng trong sản xuất điện của NM Thủy điện và các cơn bão mạnh có thể gây hư hại cho các NM Điện, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, gây ra tổn thất sản lượng và doanh thu. Vì vậy, việc xác định những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan và triển khai các biện pháp bảo vệ cơ sở hạ tầng là một phần quan trọng trong chiến lược QLRR.

Đối với rủi ro chuyển đổi, có thể bao gồm các thay đổi trong quy định pháp luật như việc tăng cường các yêu cầu về giảm phát thải carbon hoặc các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong bối cảnh các quy định về biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm ngặt hơn. Các doanh nghiệp có thể gặp rủi ro hoặc chịu trách nhiệm pháp lý nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường hoặc gây tổn hại đến cộng đồng do thiếu các biện pháp phòng ngừa. Do đó, việc tuân thủ các quy định khí hậu và bảo vệ môi trường không chỉ giúp GEC tránh các rủi ro pháp lý mà còn giúp xây dựng lòng tin với các BLQ và duy trì HĐKD bền vững trong dài hạn.

Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ mới, như các phương thức lưu trữ năng lượng tiên tiến, có thể tạo ra sự thay đổi trong mô hình kinh doanh của Công ty nếu không kịp thời cập nhật và áp dụng công nghệ mới. Thị trường năng lượng cũng có thể thay đổi mạnh mẽ khi có sự thay đổi trong nhu cầu của khách hàng đối với các nguồn năng lượng sạch hoặc các ưu đãi chính sách cho NLTT.

QUẢN TRỊ RỦI RO

QLRR toàn diện yêu cầu GEC thực hiện các bước như phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với mô hình kinh doanh, chiến lược dài hạn, và các yếu tố tài chính. GEC đã đánh giá khả năng đối phó với các rủi ro này và xây dựng các chiến lược thích ứng hoặc giảm thiểu.

Tích hợp rủi ro khí hậu vào các quyết định đầu tư và đánh giá rủi ro:

Rủi ro khí hậu không chỉ được xem xét độc lập mà cần phải tích hợp vào quá trình đánh giá rủi ro tổng thể của doanh nghiệp, bao gồm cả các quyết định đầu tư. Khi đánh giá một DA đầu tư mới, GEC luôn cân nhắc tác động của biến đổi khí hậu đối với DA đó, bao gồm các rủi ro vật lý và chuyển đổi có thể ảnh hưởng đến sự khả thi và lợi nhuận dài hạn. Đồng thời, các quyết định đầu tư cũng cần được xem xét trong bối cảnh các thay đổi chính sách liên quan đến khí hậu, cũng như các nhu cầu và yêu cầu của thị trường năng lượng sạch. Việc tích hợp này sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng chiến lược đầu tư bền vững và giảm thiểu các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu.

Để giảm thiểu rủi ro trách nhiệm pháp lý, GEC thường xuyên theo dõi các thay đổi trong các quy định pháp luật và chính sách về khí hậu, đồng thời đảm bảo rằng tất cả các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định này. Việc này sẽ giúp Công ty tránh được các khoản phạt và trách nhiệm pháp lý trong tương lai.

Thực hiện dự báo thời tiết hàng tháng:

Công tác định kỳ mà GEC đang thực hiện để đưa ra dự báo, cảnh báo cho toàn bộ CBNV, NM nhằm chủ động ứng phó với thời tiết trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. NM, Đơn vị Quản lý vận hành (Phòng Quản lý vận hành) và Đơn vị quản lý Môi trường, An toàn, Sức khỏe, Xã hội (Phòng EHSS) phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác này nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro về tính mạng, tài sản, sản lượng kinh doanh cũng như các rủi ro có thể ảnh hưởng đến cộng đồng. Có thể nói, Công ty đã đưa ra kế hoạch sản lượng điện có tính đến các rủi ro khí hậu.

Tham khảo ý kiến các BLQ:

Một yếu tố quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro khí hậu, đảm bảo rằng tất cả các quyết định liên quan đến khí hậu được xem xét một cách toàn diện và có sự tham gia của các BLQ quan trọng. Các BLQ, bao gồm NĐT, khách hàng, các chuyên gia, chính phủ và cộng đồng địa phương, có thể cung cấp những quan điểm và thông tin giá trị giúp doanh nghiệp đánh giá đầy đủ các tác động của biến đổi khí hậu. Việc tham khảo ý kiến này không chỉ giúp GEC hiểu rõ hơn về các yếu tố khí hậu có thể ảnh hưởng đến hoạt động của mình, mà còn giúp xây dựng chiến lược thích ứng và giảm thiểu rủi ro khí hậu phù hợp với nhu cầu và kỳ vọng của các BLQ.

Tăng cường đào tạo cho CBNV về các vấn đề liên quan đến khí hậu và biến đổi khí hậu:

Một bước quan trọng để đảm bảo rằng tất cả các cấp của Công ty đều nhận thức được tầm quan trọng của việc QLRR khí hậu. CBNV cần được trang bị kiến thức về các quy định khí hậu hiện hành, các chiến lược giảm thiểu rủi ro khí hậu và cách thức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong công việc hàng ngày. Đào tạo này không chỉ giúp tăng cường năng lực của tổ chức trong việc đối phó với các thách thức về khí hậu mà còn giúp xây dựng một văn hóa doanh nghiệp bền vững, nơi tất cả mọi người đều tham gia vào quá trình bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực của khí hậu.

Thông qua những hoạt động trên, GEC có thể nâng cao khả năng QLRR khí hậu, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc chủ động và sẵn sàng đối mặt với những thay đổi trong điều kiện khí hậu và các yêu cầu pháp lý.



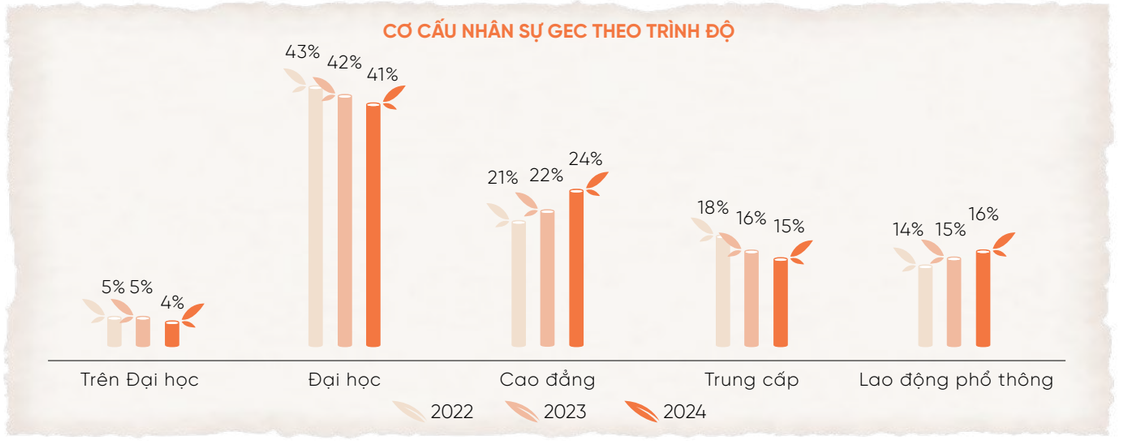
Trách nhiệm với Xã hội

GRI 401 GRI 403 GRI 404 GRI 405 GRI 413

TỔNG QUAN VỀ NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2024, GEC có 567 nhân sự bao gồm lao động chính thức, lao động thời vụ và cộng tác viên, giảm 15 người (2,6%) so với 2023 và giảm 33 người (5,5%) so với 2022. Về trình độ, Nhân sự từ Đại học và sau Đại học chiếm 45%, Cao đẳng 24%, Trung cấp 15% và còn lại là Lao động phổ thông 16%. Đội ngũ Nhân sự chất lượng cao của GEC được duy trì ở mức ổn định qua các năm mặc dù tỷ lệ có biến động nhưng không đáng kể.

CƠ CẤU NHÂN SỰ GEC THEO TRÌNH ĐỘ



Nguồn: GEC

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

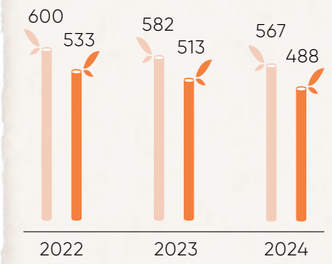
Để thu hút nhân tài và thúc đẩy CBNV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, GEC luôn chú trọng đến việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, duy trì các chính sách lương thưởng kịp thời, đặc biệt đối với các CBNV hoàn thành vượt chỉ tiêu được giao. Điều này không chỉ khuyến khích tinh thần chủ động mà còn nâng cao trách nhiệm của đội ngũ nhân sự đối với công việc được giao.

Song song đó, GEC cũng luôn chú trọng tạo điều kiện phát triển, tạo niềm tin cho người lao động gắn bó lâu dài cùng Công ty. Nhờ những nỗ lực này, tỷ lệ nghỉ việc chung trong năm 2024 duy trì ở mức 11%, tương đương năm 2023 và thấp hơn đáng kể so với năm 2022 (15%). Đây là một tỷ lệ khả quan trong bối cảnh thị trường lao động đầy biến động và Ngành Năng lượng đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm tỷ lệ thất nghiệp gia tăng trong năm 2024. Đáng chú ý, tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện tại GEC đã giảm xuống còn 5% trong năm 2024, mức thấp nhất trong ba năm gần đây (so với 7% năm 2023 và 11% năm 2022). Sự giảm thiểu này phản ánh thành công trong việc duy trì nguồn nhân lực ổn định, đồng thời đảm bảo các hoạt động SXKD không bị gián đoạn. Hơn nữa, quá trình này cũng hỗ trợ sàng lọc tự nhiên, giúp Công ty giữ lại những nhân sự phù hợp và tài năng.

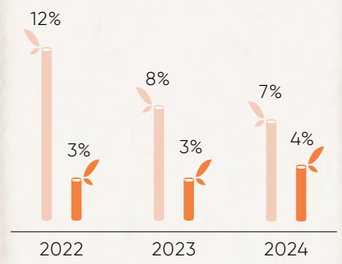
GEC luôn cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về chế độ lao động, đồng thời không ngừng nâng cao phúc lợi và thu nhập cho người lao động, đặc biệt trong giai đoạn kinh tế đầy thách thức. Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai nhiều chương trình đào tạo phát triển kỹ năng mềm, giúp nhân sự cải thiện năng lực và sẵn sàng đối mặt với những yêu cầu ngày càng cao của Ngành Năng lượng.

TỔNG SỐ NHÂN SỰ GEC 2022 - 2024

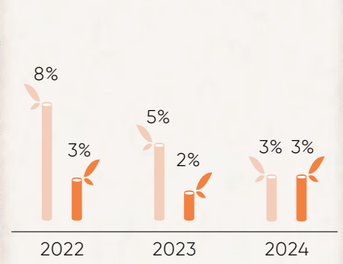
ĐVT: Người



TỶ LỆ NGHỈ VIỆC CHUNG 2022 - 2024



TỶ LỆ NGHỈ VIỆC TỰ NGUYỆN 2022 - 2024



Nguồn: GEC

ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Trong bối cảnh xã hội hiện đại không ngừng đổi mới và hội nhập, bình đẳng giới đã trở thành một trong những yếu tố cốt lõi thúc đẩy sự tiến bộ và PTBV. Phụ nữ ngày nay không chỉ đóng vai trò quan trọng trong gia đình mà còn góp mặt tích cực trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học và quản lý. Sự hiện diện và đóng góp của phụ nữ đã trở thành một phần không thể thiếu trong các doanh nghiệp, cơ quan và tổ chức xã hội, bao gồm cả lĩnh vực năng lượng mà GEC đang hoạt động. Tại GEC, bình đẳng giới luôn là giá trị cốt lõi trong mọi hoạt động. Công ty đảm bảo cơ hội tuyển dụng, đào tạo, thăng tiến và nắm giữ các vị trí quan trọng được chia đều cho mọi giới tính và độ tuổi lao động. Tính đa dạng và công bằng không chỉ thúc đẩy sự đổi mới mà còn là chìa khóa xây dựng các đội nhóm đa dạng, có năng lực cạnh tranh cao.

GEC cam kết đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính trong tất cả các hoạt động, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, phát triển và chế độ phúc lợi. Chính sách này không chỉ đảm bảo quyền lợi mà còn tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực và đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực năng lượng, tỷ lệ lao động nữ tại GEC vẫn ở mức tương đối thấp, chiếm 16% (79 người) trong tổng số nhân sự vào năm 2024, so với 84% (409 người) là nam giới. Tỷ lệ này đã có sự biến động qua các năm từ 2022 đến 2024. Phần lớn lao động nữ đảm nhiệm các vị trí tại văn phòng và hỗ trợ khối sản xuất, đóng góp quan trọng vào các hoạt động hậu cần và quản lý.

Tỷ lệ nữ trong HĐQT giữ nguyên so với năm 2023, với 2/7 thành viên, tương ứng với tỷ lệ 29%. Với 3/8 Thành viên là nữ trong BĐH, tỷ lệ nữ trong BĐH tăng từ 33% năm 2023 lên 38% năm 2024, nhờ sự giảm nhẹ số lượng nhân sự nam.

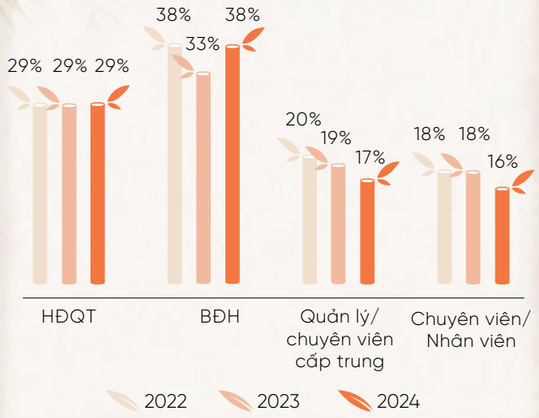
Ở cấp quản lý cấp trung, tỷ lệ nữ năm 2024 giảm 2% so với năm 2023, do số lượng nữ quản lý cấp trung giảm. Tương tự, nhóm chuyên viên và nhân viên cũng ghi nhận sự giảm nhẹ tỷ lệ nữ, với mức giảm 2% trong năm 2024, chủ yếu do sự biến động số lượng nhân sự nữ trong năm.

Là một Công ty có sự tham gia của nhiều CĐ và NĐT nước ngoài, GEC đối mặt với thách thức trong việc đảm bảo tính đa dạng và bình đẳng. Tuy nhiên, Công ty cam kết thực hiện các nguyên tắc đa dạng, bình đẳng và đối xử công bằng như một điều kiện tiên quyết để hướng tới PTBV trong lĩnh vực NLTT. Chính sách này không chỉ tối ưu hóa hoạt động quản trị và điều hành mà còn phân bổ trách nhiệm công việc một cách hiệu quả.

Tỷ lệ nhân sự trong độ tuổi từ 30-50 chiếm ưu thế, đạt 77% vào năm 2024, giữ mức ổn định qua giai đoạn 2022-2024. Đây là nhóm lao động giàu kinh nghiệm, chuyên môn giỏi và nhiệt huyết, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của Công ty. Nhân sự trên 50 tuổi, thuộc nhóm cận nghỉ hưu, chiếm 8% tổng số lao động và vẫn tích cực đóng góp vào các hoạt động của GEC. Độ tuổi đa dạng của đội ngũ CBNV không chỉ đảm bảo sự ổn định nguồn nhân lực mà còn tối ưu hóa quá trình truyền đạt kinh nghiệm và học hỏi giữa các thế hệ, giúp Công ty duy trì sức mạnh nhân sự bền vững.

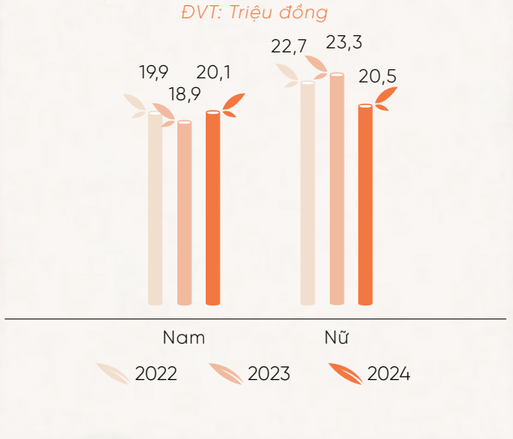
Do đặc thù ngành nghề kinh doanh mặc dù tỷ lệ nữ giới tại Công ty chiếm tỷ trọng thấp hơn nam giới, tuy nhiên lao động nữ luôn là lực lượng lao động được quan tâm hơn cả. Ban nữ công được thành lập để quan tâm và bảo vệ những quyền lợi chính đáng của lao động nữ, cơ hội phát triển được triển khai công bằng, các quy định nội bộ luôn chú trọng trong bình đẳng giới, đặc biệt tỷ lệ thu nhập giữa nam và nữ được duy trì ở mức cân bằng, bình quân thu nhập nam là 20,1 triệu đồng/người/tháng và nữ 20,5 triệu đồng/người/tháng.

TỶ LỆ NỮ CÁC CẤP 2022-2024

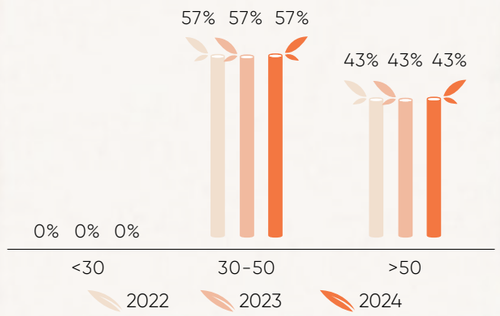


THU NHẬP BÌNH QUÂN THEO GIỚI TÍNH 2022-2024

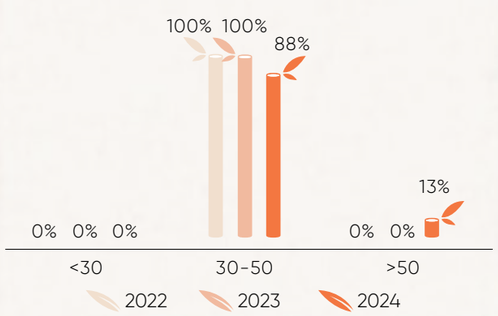
ĐVT: Triệu đồng



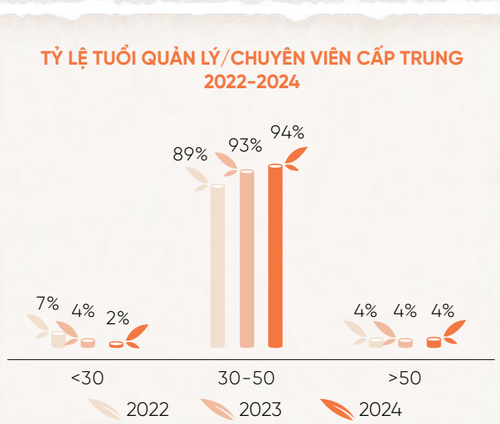
TỶ LỆ TUỔI TRONG HĐQT 2022-2024



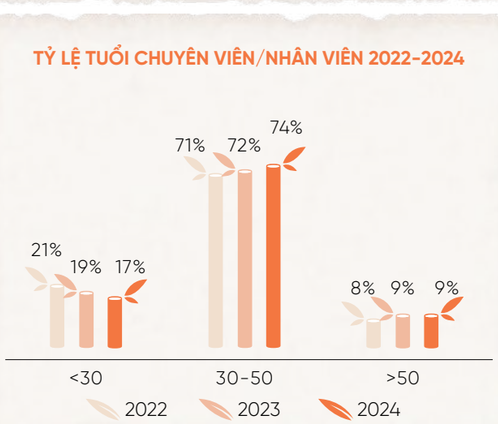
TỶ LỆ TUỔI TRONG BĐH 2022-2024



TỶ LỆ TUỔI QUẢN LÝ/CHUYÊN VIÊN CẤP TRUNG 2022-2024



TỶ LỆ TUỔI CHUYÊN VIÊN/NHÂN VIÊN 2022-2024



Nguồn: GEC



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG TUYỂN DỤNG NĂM 2024

Năm 2024, GEC đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho các Đơn vị. Tổng cộng trong năm vừa qua, Công ty đã tuyển dụng thành công 38 nhân sự. Trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ gần 74%. Đây là minh chứng cho sự chú trọng của Công ty trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đóng góp hiệu quả vào sự phát triển lâu dài.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG MINH BẠCH VÀ CÔNG BẰNG

GEC thực hiện đồng bộ nhiều chính sách Nhân sự như cơ chế tuyển dụng và sử dụng hiệu quả Nhân sự có trình độ cao; phát triển đội ngũ chuyên gia trong những lĩnh vực trọng điểm; tạo môi trường học tập, giao lưu văn hóa cho tất cả các Thành viên dù nhiều NM/đơn vị của GEC phân bố trên nhiều địa phương có khoảng cách địa lý khá xa.

Công ty luôn cam kết thực hiện các chính sách tuyển dụng công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử dựa trên các yếu tố như giới tính, tuổi tác, sắc tộc hay tôn giáo. Quy trình tuyển dụng được tổ chức theo các tiêu chí rõ ràng, đảm bảo:

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỰC SỰ

Mỗi ứng viên đều được đánh giá dựa trên năng lực, kinh nghiệm, và tiềm năng. Công ty không chỉ tìm kiếm những cá nhân có chuyên môn cao mà còn coi trọng đạo đức nghề nghiệp và khả năng hòa nhập với văn hóa doanh nghiệp.

TÔN TRỌNG QUYỀN LỢI CỦA ỨNG VIÊN

Tất cả các ứng viên tham gia quy trình tuyển dụng đều được đối xử công bằng và được thông tin rõ ràng về các yêu cầu, tiêu chí, và tiến trình xét tuyển.

BẢO MẬT THÔNG TIN

Công ty cam kết bảo mật tuyệt đối thông tin cá nhân của ứng viên trong suốt và sau quá trình tuyển dụng.

TRIẾT LÝ TUYỂN DỤNG: CON NGƯỜI LÀ TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN

Triết lý tuyển dụng của Công ty không chỉ tập trung vào việc tìm kiếm người tài mà còn đảm bảo lợi ích hài hòa giữa hai phía - Công ty và ứng viên. Chính sách này giúp Công ty không ngừng thu hút và giữ chân những nhân sự tài năng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và bền vững.

Những nguyên tắc tuyển dụng nổi bật gồm:

- Lựa chọn nhân sự phù hợp với giá trị và mục tiêu phát triển của Công ty.
- Ưu tiên phát triển tài năng nội bộ: Tạo cơ hội để nhân viên hiện tại được thăng tiến hoặc chuyển đổi công việc phù hợp hơn trong nội bộ doanh nghiệp.
- Khuyến khích sự đa dạng: Đội ngũ nhân sự của Công ty là sự kết hợp của nhiều nền tảng văn hóa, chuyên môn và kinh nghiệm, tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong tổ chức.

KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG 2025

Tiếp nối thành công của năm 2024, Công ty đặt mục tiêu tuyển dụng thêm các vị trí chiến lược, đảm bảo bổ sung nguồn lực cần thiết để PTBV. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì và cải tiến các chính sách tuyển dụng nhằm thu hút những nhân sự chất lượng cao.

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

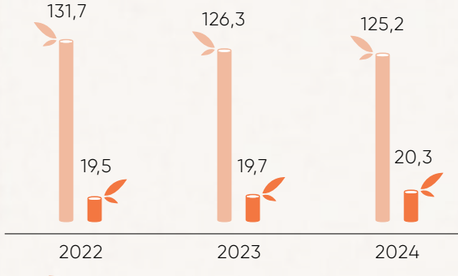
Năm 2024 là năm đầy thách thức, khó khăn với GEC và các CTTV trong việc quản lý, vận hành các NM Năng lượng vì điều kiện biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp. Mặc dù trong giai đoạn còn nhiều thách thức và khó khăn, GEC vẫn chú trọng chính sách tiền lương đảm bảo quyền lợi và đời sống cho CBNV.

GEC căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công, năng lực cũng như hiệu quả làm việc của CBNV làm nền tảng cơ bản để chi trả Tiền lương phù hợp. Dựa vào các Quy định của Pháp luật Tiền lương hiện hành và các Quy định nội bộ chặt chẽ Công ty thiết lập một hệ thống Chi trả Tiền lương cạnh tranh và linh hoạt. Công tác tham mưu BLĐ về lương thưởng theo hướng tiệm cận với chính sách đãi ngộ trên thị trường lao động, nhằm đảm bảo sức cạnh tranh trong tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân tài.

Quỹ lương 2024 đạt 125,2 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2023 (126,3 tỷ đồng) - Sự thay đổi Quỹ lương là do biến động nhân sự, tinh giảm cơ cấu nhằm hoàn thiện bộ máy hoạt động hiệu quả. Trong đó, Quỹ lương Khối Thủy điện là 25,5 tỷ đồng - 20% Quỹ lương, Khối Điện Mặt trời và Áp mái là 20,9 tỷ đồng - 17% Quỹ lương, Khối Điện Gió là 8,7 tỷ đồng - 7% Quỹ lương. Như vậy tổng Quỹ lương Khối Sản xuất tương đương 44% tổng Quỹ lương. Nhân sự tại các NM sản xuất đang được hưởng lương theo hình thức lương chức danh và lương doanh thu. Nhân sự được hưởng lương chức danh tùy thuộc vào vị trí công việc, đây là mức cố định hàng tháng để đảm bảo đời sống cơ bản. Phần lương khoán được tính căn cứ trên doanh thu phát điện nên khuyến khích tăng năng suất lao động tại các NM. Năm 2024 Công ty tiếp tục thường xuyên theo dõi đối chiếu Quỹ lương kế hoạch và thực tế thực hiện, đưa ra phương án điều chỉnh phù hợp đối với các đơn vị có sự chênh lệch lớn do các nguyên nhân khách quan như khống chế công suất, điều kiện thời tiết... Xây dựng chính sách tiền lương bổ sung do nguyên nhân khách quan để đảm bảo ổn định thu nhập cho CBNV.

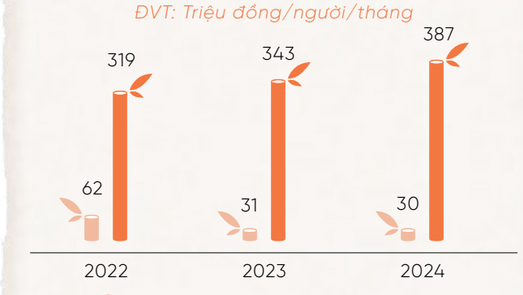
Lương bình quân Khối Điện Gió là 16,3 triệu đồng/người/tháng, Khối Điện Mặt trời là 15,9 triệu đồng/người/tháng, Khối Thủy điện là 12,8 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức lương cạnh tranh trên thị trường lao động. Tổng thu nhập bình quân năm 2024 toàn GEC đạt 20,3 triệu đồng/người/tháng. Năng suất lao động theo LNTT và DTT năm 2024 lần lượt đạt 30 triệu đồng/người/tháng và 387 triệu đồng/người/tháng.

QUỸ LƯƠNG VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN 2022-2024

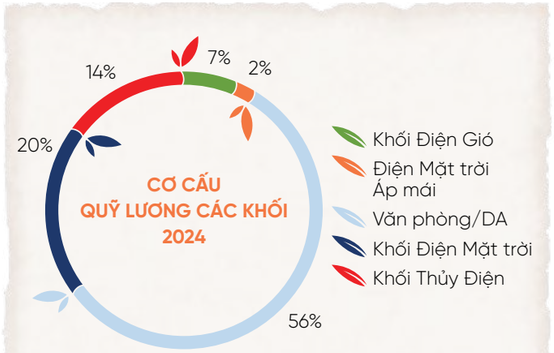


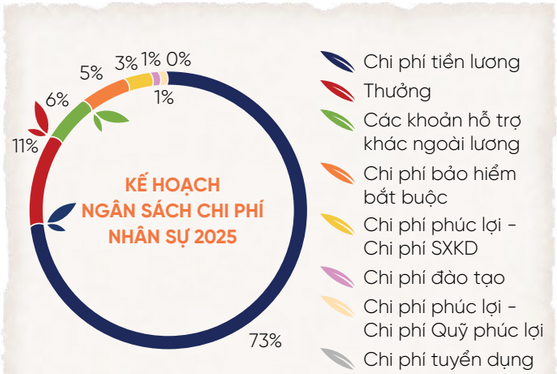
NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG THEO LNTT VÀ DTT 2022-2024

ĐVT: Triệu đồng/người/tháng



Nguồn: GEC





CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

GEC tiếp tục duy trì và cải thiện các chính sách phúc lợi để đảm bảo quyền lợi và đời sống cho Người lao động. Các chế độ cơ bản bao gồm bảo hiểm bắt buộc, ngày nghỉ hàng năm, ngày nghỉ Lễ theo quy định... được duy trì. Bên cạnh đó, GEC cũng không ngừng mở rộng các phúc lợi về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm nhân thọ cho CBQL và người thân CBQL cấp cao, hỗ trợ chính sách du lịch, thăm hỏi ốm đau và quà tặng những dịp đặc biệt đối với toàn thể CBNV.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI NĂM 2024

Trong năm 2024, tổng chi phí phúc lợi của GEC (không bao gồm bảo hiểm bắt buộc) là 6 tỷ đồng, thực hiện đạt 91% kế hoạch, trong đó chi phí khám sức khỏe là gần 1 tỷ đồng; chi phí bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn) là 0,93 tỷ đồng. Chi phí Bảo hiểm bắt buộc bao gồm Kinh phí và Phí Công đoàn lên đến gần 11 tỷ đồng. Những con số trên đã thể hiện sự nỗ lực và cam kết thực hiện của BLĐ trong việc chú trọng đến sức khỏe của đội ngũ CBNV, định hướng xây dựng tổ chức một cách bền vững với nguồn nhân lực ổn định.

Năm 2024, GEC đã ban hành điều chỉnh Quy định chế độ phúc lợi cho Người lao động ngày 28/5/2024 nhằm điều chỉnh hình thức thực hiện chế độ linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quyền lợi cho Người lao động. Chi tiết thực hiện như sau:

	HẠNG MỤC	ĐVT	ĐỊNH MỨC TỐI ĐA (ĐỒNG)	THỰC HIỆN NĂM 2024 (ĐỒNG)
1	Nghỉ mát định kỳ/ Teambuilding	Người/năm	Theo thực tế hàng năm	2.433.944.444
2	Khám sức khỏe định kỳ	Người/lần/năm	1.200.000 - 10.000.000	980.785.108
3	Thưởng thâm niên TTC	Người/năm	Theo Quy chế Thi đua khen thưởng từng thời kỳ	568.699.980
4	Quà Tết Cổ truyền	Người/lần/năm	1.000.000	464.552.477
5	Bảo hiểm sức khỏe	Người/gói/năm	3.000.000 - 4.000.000	442.011.646
6	Bảo hiểm Nhân thọ		Theo thực tế hàng năm	416.522.000
7	Quà Tết Trung thu	Người/năm	450.000	234.500.000
8	Quà sinh nhật	Lần/năm	300.000 - 1.500.000	167.700.000
9	Quà Tết Thiếu nhi	Người/năm	200.000	81.600.000
10	Tang chế	Lần	2.000.000 - 3.000.000 (bao gồm vòng hoa, lễ vật cúng)	77.640.000
11	Bảo hiểm tai nạn 24/24/ Bảo hiểm kết hợp Con người	Người/gói/năm	120.000 - 280.000	63.287.000
12	Quà 8/3	Người/năm	300.000	27.300.000
13	Lì xì đầu năm	Người/lần/năm	50.000	25.400.000
14	Quà 20/10	Người/năm	300.000	22.500.000
15	Thăm ốm đau	Lần	500.000	13.500.000
16	Quà sinh con	Lần	500.000	13.000.000
17	Quà kết hôn	Lần	1.000.000	6.000.000

TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Tổ chức Công đoàn tích cực công tác quản lý và chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người lao động tại nơi làm việc, giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể và tổ chức đối thoại lao động, hội nghị Người lao động hàng năm.

Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn quan tâm đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của CBNV Công ty, thăm hỏi kịp thời các trường hợp ốm đau, tang chế... bên cạnh đó Công đoàn cũng phát động công tác xây dựng tinh thần tập thể và tạo sự gắn kết giữa CBNV, Công đoàn bộ phận với nhau, đồng thời phát động phong trào Thể dục thể thao trong toàn Công ty, thực hiện thuê sân tập cho CBNV có địa điểm luyện tập, rèn luyện từ đó đẩy phong trào thể thao ngày càng đi lên.





CÁC CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI BỔ SUNG KHÁC

Chính sách thưởng và thu nhập khác ngoài lương cũng được chú trọng với chính sách thỏa đáng và tương xứng với mức độ cống hiến của từng CBNV, tăng thêm tính cạnh tranh trên thị trường lao động. Bên cạnh chi thưởng hiệu quả công việc còn khen thưởng kịp thời bằng hiện vật/hiện kim đối với các Tập thể, Cá nhân có thành tích nổi bật, có quá trình cống hiến cho sự phát triển Công ty: Khen thưởng đột xuất Tập thể/Cá nhân, Thưởng thâm niên, Thưởng xuất sắc nhiều năm liền, Thưởng Tập thể/Cá nhân đạt Danh hiệu thi đua Xuất sắc 3 năm liền hoặc 5 năm liền, CBNV có thâm niên làm việc đạt các mốc 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm...

Chế độ hỗ trợ đối với Cán bộ Trung kiên - CBNV ưu tú, tiêu biểu, có nhiều đóng góp thiết thực cho hoạt động và sự phát triển của Công ty, đồng thời đáp ứng được các tiêu chí quy định cụ thể tại Quy chế Cán bộ Trung kiên của Công ty: Được ưu tiên tuyển người thân là anh, chị, em ruột, vợ/chồng và con ruột hợp pháp của Cán bộ Trung kiên vào Công ty làm việc tại vị trí phù hợp với năng lực; được ưu tiên trong quá trình đánh giá bổ nhiệm/tái bổ nhiệm các vị trí quản lý tại Công ty; khi đến tuổi nghỉ hưu, nếu còn nguyện vọng làm việc sẽ tiếp tục được lưu dụng tại vị trí phù hợp trong Công ty, được hưởng chế độ nghỉ dưỡng đặc biệt dành riêng cho Cán bộ Trung kiên và người thân khi lưu trú, sử dụng các dịch vụ tại hệ thống resort, khách sạn... của Hệ thống theo chính sách trong từng thời kỳ; được hỗ trợ chi phí mua xe ô tô; được hỗ trợ chi phí điều trị đối với phần chi phí điều trị nội/ngoại trú vượt mức Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm sức khỏe...

Trợ cấp thôi việc: Công ty thực hiện đầy đủ việc chi trả trợ cấp thôi việc cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của Pháp luật

Lao động Nữ nghỉ thai sản theo đúng Quy định của Pháp luật và theo Chế độ cộng thêm của Công ty: Trong thời gian nghỉ thai sản, CBNV vẫn được hưởng đầy đủ các chính sách Nhân sự của Công ty như CBNV Nữ được nhận đủ tiền BHXH. Ngoài ra là chế độ lương thưởng, khám sức khỏe định kỳ và quà thăm hỏi với định mức cụ thể trong Quy định chế độ dành cho Người lao động.

AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÂN VIÊN

GEC đặc biệt chú trọng đến sức khỏe và sự an toàn của CBNV, do đó Công ty luôn tuân thủ một cách triệt để các quy định pháp luật về an toàn lao động cũng như quan tâm đặc biệt đến sức khỏe của CBNV. Công tác đo lường đánh giá các yếu tố nặng nhọc độc hại tại GEC được thực hiện định kỳ theo quy chuẩn khoa học, Công ty luôn chủ động triển khai các biện pháp để kiểm soát và giảm thiểu sự tác động.

Đối với nhóm lao động nằm trong điều kiện nặng nhọc độc hại theo quy định của Bộ y tế, GEC cũng xây dựng chính sách ưu tiên bằng việc bồi dưỡng cho CBNV để kịp thời tái tạo sức lao động. Ngoài ra, GEC tiến hành các khoá tập huấn định kỳ nhằm nâng cao hiểu biết của nhân viên về an toàn lao động và sức khoẻ nghề nghiệp. Các chương trình này nhấn mạnh các biện pháp phòng ngừa và trang bị cho người lao động những kỹ năng thiết yếu nhằm chủ động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ.

GEC thực hiện đầy đủ và luôn quan tâm cải thiện chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBNV cũng như tham gia các loại hình bảo hiểm bổ trợ như bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn.

Với những điều đã và đang thực hiện, GEC định hướng xây dựng một tổ chức xanh, khỏe mạnh và PTBV trong đó sức khỏe của Người lao động là một trong những giá trị cốt lõi.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đào tạo và phát triển nhân lực là một hoạt động quan trọng góp phần đảm bảo sự PTBV của GEC. Hoạt động này hỗ trợ nguồn nhân lực GEC có khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường và đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược của tổ chức, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội có nhiều biến động. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo cũng đáp ứng nhu cầu phát triển bản thân của Người lao động. Khi nhu cầu cơ bản của các Thành viên được thừa nhận và đảm bảo, Người lao động sẽ làm việc nhiệt thành, hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động. Đồng thời, đào tạo là một hoạt động đầu tư sinh lời bởi đây chính là phương tiện để tổ chức phát triển một cách hiệu quả nhất với nguồn nhân lực chất lượng cao, với những chuyên gia trong từng lĩnh vực, sẵn sàng đi đầu với những xu thế Năng lượng xanh mới.

Tại GEC, mục tiêu của việc đào tạo nhân viên và phát triển nhân lực là nhằm sử dụng tối đa nguồn nhân lực hiện có và nâng cao tính hiệu quả của Công ty, giúp Người lao động hiểu rõ hơn về công việc, nắm vững hơn nghề nghiệp của mình và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ một cách tốt hơn, hiệu quả cao hơn. GEC khuyến khích văn hóa học tập không ngừng thông qua lồng ghép học tập vào công việc, học tập thông qua kèm cặp từ Trưởng Đơn vị, tham gia đào tạo từ các Đơn vị uy tín bên ngoài.

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiếp nối năm 2023, năm 2024 GEC tiếp tục chủ trương tối ưu chi phí, hiệu quả - tiết kiệm, tìm kiếm các giải pháp mang lại giá trị để sẵn sàng ứng phó với mọi biến động của nền kinh tế, do đó công tác đào tạo cũng có sự thay đổi, cộng hưởng với chủ trương chung của Công ty.

Cụ thể, GEC tập trung cải tiến phương pháp/hình thức đào tạo hướng tới phát triển đào tạo nội bộ, phát huy khả năng nội tại; đồng thời, áp dụng quy tắc 70-30 trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cụ thể là 70% việc đào tạo thông qua trải nghiệm công việc, thông qua công việc thực tế và 30% là đào tạo chính thức qua các lớp học trực tiếp và trực tuyến. Do việc tập trung đào tạo thông qua làm việc, nên các số khóa đào tạo kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng của năm 2024 giảm so với năm 2023 và 2022, cụ thể như sau:

ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN	2022	2023	2024	SO SÁNH NĂM 2024 VỚI NĂM 2023 (+) TĂNG, (-) GIẢM
Số khóa đào tạo (Khóa)	145	103	**76**	-26%
Học viên (Lượt)	2.959	2.591	**2.349**	-9%
Chi phí đào tạo (Tỷ đồng)	1,6	0,32	**0,60**	+90%
Đào tạo (Giờ)	1.860	1.469	**1.326**	-10%
Nam giới (Giờ/lượt học viên)	3,6	3,0	**3,1**	+3%
Nữ giới (Giờ/lượt học viên)	8,2	7,2	**7,2**	
Quản lý (Giờ/lượt học viên)	12	10,4	**9,7**	-7%
Nhân viên (Giờ/lượt học viên)	3,8	3,14	**2,8**	-9%

Năm 2024, GEC ghi nhận 76 khóa học với sự tham gia của 2.349 lượt học viên, 1.326 giờ học và chi phí đào tạo là 0,60 tỷ đồng. Số lượng khóa học giảm 26%, số lượt học viên giảm 9% và số giờ đào tạo giảm 10% so với năm 2023. Số giờ đào tạo trung bình cho CBNV Nữ là 7,2 giờ/người - tương đương so với năm 2023 và Nam là 3,1 giờ/người - tăng 3% so với năm 2023. Số giờ đào tạo trung bình cho Cấp Quản lý là 9,7 giờ/người - giảm 7% và Nhân viên là 2,8 giờ/người - giảm 9% so với năm 2023.



CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VẬN HÀNH NM ĐIỆN

Với ngành nghề kinh doanh cốt lõi là sản xuất điện, nên công tác vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả là yếu tố sống còn đối với sự PTBV của NM cũng như Doanh nghiệp, không chỉ đảm bảo lợi ích kinh tế, mà còn bảo vệ con người, môi trường và duy trì uy tín của Doanh nghiệp. Do vậy, nhằm nâng cao kiến thức cho đội ngũ vận nhân sự vận hành, GEC đã xây dựng Chương trình kiểm tra kiến thức chuyên môn vận hành NM Điện, chi tiết như sau:

MỤC ĐÍCH

- Nhằm giúp CBNV các NM nắm vững các kiến thức liên quan công tác vận hành, xử lý sự cố
- Nắm vững các quy định về Pháp lý NM điện, hợp đồng mua bán điện, công tác EHSS, công tác An toàn điện
- Nắm vững nội dung Hợp đồng bảo hiểm, quy trình yêu cầu bảo hiểm và một số lưu ý trong công tác bồi thường.

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

- GĐ, Phó GĐ các Chi nhánh/ NM Điện
- Kỹ sư trưởng các NM Điện Mặt trời, Điện Gió; Trạm trưởng các NM Thủy điện
- Trưởng ca Vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió

THỜI GIAN TỔ CHỨC

- Quý 3 hằng năm

KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA 2024

LĨNH VỰC NM ĐIỆN	TỈ LỆ THAM GIA KIỂM TRA	KẾT QUẢ KIỂM TRA		THỜI GIAN ĐÀO TẠO LẠI ĐỐI VỚI CBNV KHÔNG ĐẠT	KẾT QUẢ KIỂM TRA SAU ĐÀO TẠO (ĐỐI VỚI CBNV KHÔNG ĐẠT LẦN ĐẦU)	
		TỈ LỆ ĐẠT	TỈ LỆ KHÔNG ĐẠT		TỈ LỆ ĐẠT	TỈ LỆ KHÔNG ĐẠT
Thủy điện	98%	89%	11%	Tháng 7/2024 - 9/2024	100%	0%
Điện Mặt trời	100%	86%	14%		100%	0%
Điện Gió	100%	89%	11%		100%	0%

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH SÁCH NGÀNH ĐIỆN

GEC đã và đang từng bước khẳng định thương hiệu trên thị trường NLTT Việt Nam với tổng công suất vận hành và đang phát triển tính đến năm 2024 khoảng 769 MWp, nằm trong Top 3 Công suất Công ty NLTT niêm yết tại Việt Nam. Tuy nhiên, GEC cũng đang gặp các thách thức khi một số NM điện chuẩn bị hết hạn PPA cần phải thực hiện đàm phán, xác định giá phát điện mới. Đồng thời, một số DA chuyển tiếp cũng đang thương thảo để đạt được giá điện chính thức. Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển GEC đến 2030, ngoài tối ưu các loại hình năng lượng hiện hữu, việc tìm kiếm cơ hội phát triển các DA Năng lượng mới, mở rộng danh mục hiện tại sang các loại hình Điện Rác, Điện Điện Sinh khối…cũng được quan tâm. Tuy nhiên, vấn đề Pháp lý, cơ chế chính sách của Nhà nước chưa thực sự rõ ràng, còn chờ nhiều văn bản hướng dẫn. Do vậy, việc nắm bắt thông tin, chính sách, quy định cũng như phân tích sự tác động của chính sách đến công tác phát triển DA là cực kỳ quan trọng, được coi là nền móng trong việc ra quyết định, xây dựng kế hoạch hành động.

Trong năm 2024, ngoài các buổi họp/trao đổi về các Văn vản pháp lý, GEC đã tổ chức Chương trình Workshop - Giải pháp triển khai TT 7/2024/TT-BCT về Quy định Phương pháp xác định Giá phát điện, Hợp đồng mua bán điện, để trao đổi, phân tích về TT 7/2024/TT-BCT ngay sau khi BCT ban hành với nội dung cụ thể:

PHẦN	NỘI DUNG
Phần 1	Những nội dung trọng yếu của TT 7/2024/TT-BCT về việc Quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện.
Phần 2	Các Phòng Ban, Chi nhánh, NM đưa ra góc độ liên quan của Đơn vị đến TT 7/2024/TT-BCT.
Phần 3	Trao đổi, đánh giá tác động, ảnh hưởng của TT 7/2024/TT-BCT đến GECG





Đóng góp vào Kinh tế

GRI 201 | GRI 202 | GRI 203 | GRI 207

GEC cam kết thực hiện trách nhiệm đối với các BLQ thông qua việc duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế theo các chỉ tiêu cụ thể BLQ

Chiến lược PTBV của GEC hướng tới lợi ích lâu dài cho Cơ quan Nhà nước, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CĐ/NĐT tiềm năng và Cộng đồng Địa phương. Hiệu quả Kinh tế được xác định là chủ đề trọng yếu. Qua đó, GEC chú trọng công tác vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái, Điện Gió để tạo ra nguồn thu ổn định, đảm bảo trách nhiệm với các BLQ thông qua các phương pháp:

- Tiết giảm chi phí hợp lý để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.
- Đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng hợp lý và ổn định.
- Đảm bảo quyền lợi tài chính cho Chính phủ, CĐ/NĐT, Người lao động và các Nhà cung cấp vốn
- Đa dạng chuyển đổi Năng lượng từ Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái, Điện Gió, tương lai là đến các NLTT tiềm năng khác như Điện Rác, Hydrogen,..

ĐA DẠNG HÓA NGUỒN THU TỪ NHIỀU LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG

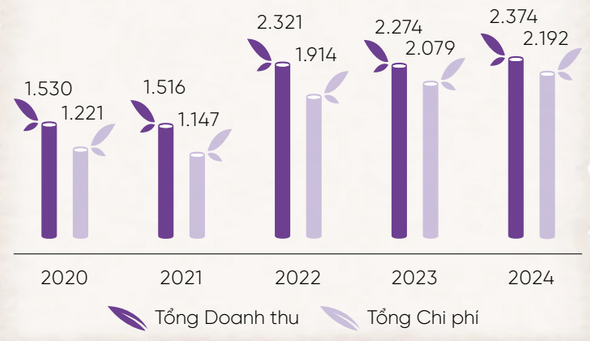
Tổng Doanh thu trong năm 2024 ghi nhận 2.374 tỷ đồng, tăng nhẹ 4% - tương ứng gần 100 tỷ đồng so với 2023, phần lớn đến từ sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất điện. Doanh thu bán Điện năm 2024 ghi nhận 2.298 tỷ đồng - tăng gần 150 tỷ đồng so với năm 2023, chiếm tỷ trọng 97% trong cơ cấu Tổng Doanh thu. Đây là mức Doanh thu điện tương ứng với giá bán điện của NM Điện gió Tân Phú Đông 1 đang được ghi nhận bằng 50% mức giá trần của khung phát điện theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 7/7/2023. Dự kiến khi NM hoàn tất đàm phán giá điện, Doanh thu điện sẽ tiếp tục tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

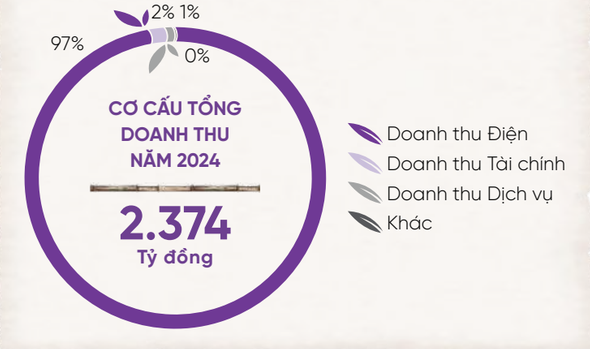
Năm 2024, Doanh thu đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ cũng tăng nhẹ 12 tỷ đồng so với năm 2023, ghi nhận 27 tỷ đồng, chiếm 1% trong cơ cấu Tổng Doanh thu. Doanh thu Tài chính ghi nhận 38 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2% trong cơ cấu Tổng Doanh thu, đồng thời có sự sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước do trong năm 2024 không phát sinh các hoạt động chuyển nhượng vốn cổ phần.

Nhìn chung, Tổng Doanh thu của toàn hệ thống có sự tăng trưởng chủ yếu nhờ vào các hoạt động SXKD cốt lõi với tỷ lệ CAGR Tổng Doanh thu đạt 9% và CAGR Doanh thu điện đạt 13% trong giai đoạn 2020-2024. Theo đó trong năm 2024, GEC ghi nhận mức EBITDA, LNG, EBIT và LNTT trong năm 2024 lần lượt đạt 1.772 tỷ đồng, 1.073 tỷ đồng, 967 tỷ đồng và 182 tỷ đồng, với Biên Lợi nhuận tương ứng là 76%, 46%, 42% và 8%.

TỔNG DOANH THU VÀ TỔNG CHI PHÍ 2020-2024

ĐVT: Tỷ đồng

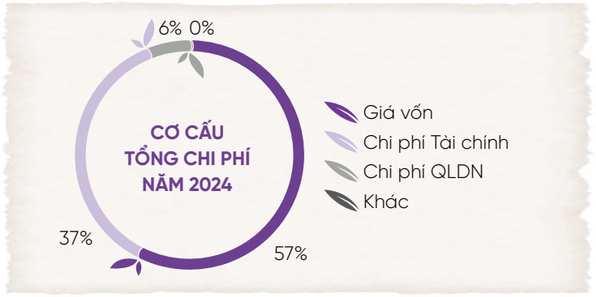




Nguồn: GEC

TÍCH CỰC KIỂM SOÁT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUA CÁC NĂM

Tổng chi phí của GEC năm 2024 đạt 2.192 tỷ đồng, tăng 113 tỷ đồng (tương ứng 5%) so với năm 2023. Mức tăng này tương đương với tốc độ tăng trưởng tổng Doanh thu, phản ánh nỗ lực kiểm soát chi phí của GEC. Nguyên nhân chính dẫn đến mức tăng này chủ yếu là do NM Tân Phú Đông 1 chưa hoàn tất đàm phán giá bán điện chính thức và chỉ mới ghi nhận 50% mức giá trần, trong khi giá vốn NM vẫn phải ghi nhận đầy đủ chi phí trong năm. Theo đó, tổng giá vốn năm 2024 toàn hệ thống ghi nhận 1.252 tỷ đồng, tăng gần 210 tỷ đồng so với năm 2023, chiếm tỷ trọng 57% trong cơ cấu tổng chi phí.



Nguồn: GEC

Ngoại trừ chi phí giá vốn tăng trong năm qua, các nhóm chi phí khác đều được GEC kiểm soát khá tốt. Cụ thể, chi phí tài chính ghi nhận 801 tỷ đồng chiếm tỷtrọng 37% trong cơ cấu tổng chi phí, giảm gần 70 tỷ đồng so với năm 2023 do chính sách lãi suất ổn định dưới sự điều phối của Ngân hàng Nhà nước và tối ưu lãi suất các gói vay vốn của GEC tại các tổ chức tín dụng. Chi phí QLDN ghi nhận 135 tỷ đồng, chiếm 6% tỷ trọng tổng chi phí, giảm gần 23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.Là một trong những đặc thù của các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực NLTT, Chi phí Bán hàng và Chi phí khác gần như không đáng kể trong cơ cấu Tổng Chi phí. Giá trị ghi nhận trong năm 2024 khoảng 4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,2% trong cơ cấu và nhóm chi phí này cũng giảm gần 4 tỷ đồng so với thời điểm cùng kỳ.

ĐẢM BẢO THU NHẬP ỔN ĐỊNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

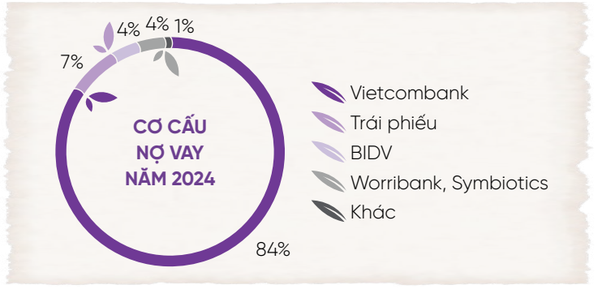
Năm 2024, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới dần hồi phục, thương mại toàn cầu vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự gây ra biến động về giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, giá cước vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và giao hàng, tạo áp lực lên lạm phát, tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan, tình hình mùa vụ không thuận tại các vùng sản xuất lương thực chủ yếu dẫn tới giá lương thực thế giới tăng liên tiếp trong nhiều tháng, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động. Hiểu được sự khó khăn cũng như nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ CBNV - vốn là tài sản quý giá nhất của công ty, GEC luôn nỗ lực thực hiện các chính sách tiền lương linh hoạt và hiệu quả để đảm bảo đời sống và quyền lợi cho CBNV.

Tổng Quỹ lương và thưởng năm 2024 của GEC đạt 138,4 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2023 (144 tỷ đồng), do Công ty liên tục tối ưu bộ máy quản lý, vận hành. Thu nhập bình quân của CBNV vẫn đạt 20,3 triệu đồng/người/tháng, tăng nhẹ so với 2023 (19,7 triệu đồng/người/tháng). Đây là minh chứng cho nỗ lực của BLĐ GEC trong việc đảm bảo thu nhập ổn định cho CBNV trong bối cảnh hoạt động SXKD còn nhiều khó khăn và biến động.

ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐÚNG HẠN

GEC luôn chú trọng phát triển và duy trì mối quan hệ hợp tác với các định chế tài chính, tổ chức tín dụng uy tín trong và ngoài nước. Nổi bật trong số đó là Vietcombank (chiếm 84% cơ cấu nợ vay), BIDV (4% cơ cấu nợ vay), Wooribank (2% cơ cấu nợ vay), Symbiotics (2% cơ cấu nợ vay), còn lại là Trái phiếu (7%) và các Ngân hàng khác chiếm tỷ trọng 1% trong cơ cấu nợ.

Tổng dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2024 ghi nhận 9.193 tỷ đồng, giảm 903 tỷ đồng so với thời điểm cùng kỳ năm trước do GEC luôn đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính đúng hạn. Trong năm qua, Công ty đã hoàn tất tất toán đúng thời hạn hai gói trái phiếu riêng lẻ và phát hành ra công chúng lần lượt vào tháng 08/2024 và tháng 10/2024 với tổng giá trị 821 tỷ đồng theo các điều khoản đã cam kết với trái chủ. Đồng thời, cũng trong năm 2024, GEC phát hành thêm 3 gói trái phiếu mới lần lượt vào tháng 06 và tháng 08 với chi phí cạnh tranh hơn, góp phần tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn cho Công ty.



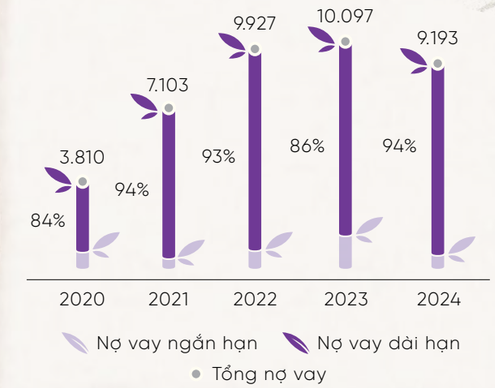
Nguồn: GEC

Trong bối cảnh tỷ giá chịu nhiều sức ép từ các yếu tố kinh tế trong và ngoài nước, năm vừa qua, Ngân hàng Nhà nước vẫn giữ nguyên các mức lãi suất điều hành và tạo cơ hội cho ngành ngân hàng giảm lãi suất cho vay 0,44%/năm so với cuối năm 2023 nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm trong năm 2024 nhờ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành và chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay. Nhờ đó, tổng chi phí lãi vay GEC chi trả trong năm cũng đã có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ là 56 tỷ đồng, ghi nhận 786 tỷ đồng lãi vay chi trả. Bên cạnh việc thanh toán lãi vay đầy đủ và đúng hạn, GEC đã chi trả gần 1.986 tỷ đồng cho các khoản nợ gốc vay các DA, nợ thuê tài chính và trái phiếu trong năm 2024. Khả năng chi trả lãi vay của GEC luôn được đảm bảo với chỉ số thanh toán lãi vay EBIT/Lãi vay là 1,2 lần.

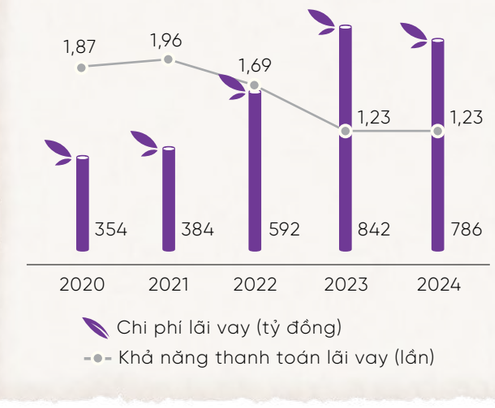
Bên cạnh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính đúng hạn với các nhà tài trợ vốn, GEC cũng đảm bảo tối đa hóa lợi ích của CĐ thông qua hoạt động chi trả cổ tức. Năm 2024, GEC cũng đã hoàn thành nghĩa vụ với CĐ khi thực hiện chi trả cổ tức 5% bằng cổ phiếu đối với các CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông và thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho DEG với tỷ lệ 6,2424% giá trị phát hành là 642 tỷ đồng vào cuối năm. DEG là Định chế Tài chính phát triển lớn nhất Châu Âu thuộc Tập đoàn Ngân hàng Phát triển KfW của Chính phủ Đức hoạt động cùng sứ mệnh hỗ trợ phát triển các Doanh nghiệp hoạt động theo Chuẩn mực ESG về Môi trường, Xã hội và Quản trị, đặc biệt là tập trung vào phát triển Ngành NLTT với tiêu chí tiếp cận các Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động QTCT theo thông lệ quốc tế về Môi trường và Xã hội theo tiêu chuẩn IFC. Tại thời điểm đầu tư, GEC là Công ty NLTT đầu tiên tại Việt Nam được DEG lựa chọn để thực hiện đầu tư Vốn Cổ phần nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của GEC cũng như hoàn thành sứ mệnh đầu tư của DEG tại thị trường Việt Nam về ESG.

CƠ CẤU NỢ VAY 2020-2024

ĐVT: Tỷ đồng



CHI PHÍ LÃI VAY VÀ KHẢ NĂNG CHI TRẢ LÃI VAY 2020-2024



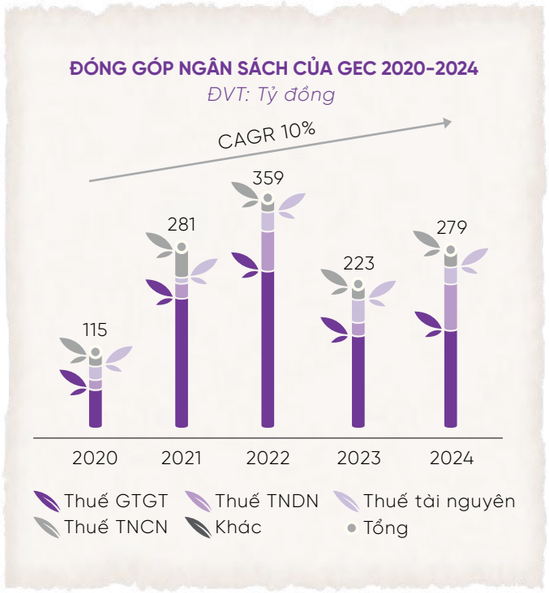
Nguồn: GEC

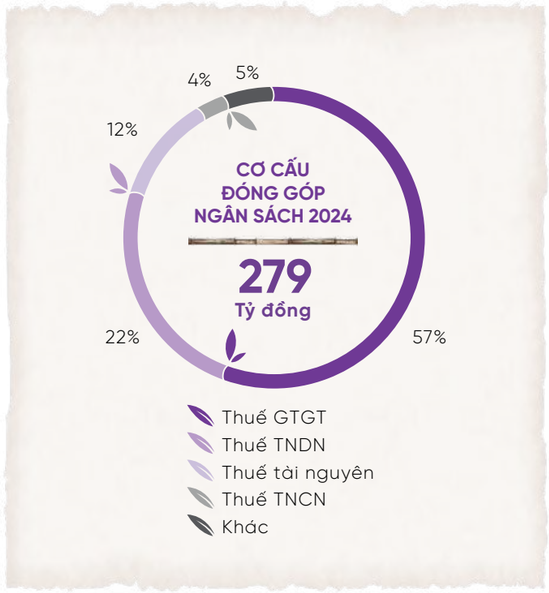
TUÂN THỦ NGHĨA VỤ ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mang trong mình sứ mệnh đáp ứng nhu cầu Năng lượng với tầm nhìn chiến lược và giải pháp PTBV, đồng thời hướng đến mục tiêu trở thành tổ chức hàng đầu phát triển tối ưu các loại hình NLTT, GEC luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước, đặc biệt tại các địa phương nơi có các NM GEC đang hoạt động. Cụ thể, năm 2024, GEC đã đóng góp hơn 279 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, tăng hơn 56 tỷ đồng so với năm 2023 và gấp 2,43 lần so với mức đóng góp tại thời điểm năm 2020. Lũy kế 5 năm từ năm 2020 đến năm 2024, tổng giá trị đóng góp ngân sách của GEC đạt gần 1.258 tỷ đồng với CAGR là 19%.

Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất đến từ Thuế GTGT 158 tỷ đồng - 57% tỷ trọng, kế đến là Thuế TNDN với 61 tỷ đồng - 22% tỷ trọng, Thuế Tài nguyên 34 tỷ đồng - 12% tỷ trọng, còn lại là Thuế Thu nhập cá nhân và Khác lần lượt ghi nhận 10 tỷ đồng và 15 tỷ đồng, tương ứng 4% và 5% tỷ trọng.

Với những đóng góp thiết thực này, GEC đã và đang khẳng định vị thế là một doanh nghiệp Năng lượng uy tín, đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng và địa phương.





Nguồn: GEC

ĐÓNG GÓP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Bên cạnh việc thể hiện trách nhiệm với các BLQ gồm CĐ/NĐT tiềm năng, Cơ quan Nhà nước, Cộng đồng Xã hội, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA và Người lao động, GEC cũng tích cực đóng góp cho các Địa phương nơi mà GEC đang hoạt động. Trong năm 2024, GEC đã chung tay thực hiện nhiều hoạt động ý nghĩa như: Tài trợ các trẻ em mồ côi do ảnh hưởng của dịch Covid-19; Học bổng tiếp sức đến trường cho con em CBNV hiếu học; Ủng hộ đồng bào miền Bắc lũ lụt, Áo trắng yêu thương cùng em đến trường, Ủng hộ các hoạt động liên quan đến tài trợ nước sạch... GEC đã tài trợ 1,9 tỷ đồng cho Cộng đồng Xã hội trong năm 2024, nâng tổng số tiền lũy kế 2020-2024 lên 11,5 tỷ đồng.



ĐA DẠNG HÓA CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG NHẰM GIẢM TỐI THIỂU HÓA RỦI RO DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Theo báo cáo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn, năm 2024 là một năm có diễn biến thời tiết, thiên tai phức tạp do nửa đầu năm, thời tiết và khí hậu nước ta chịu ảnh hưởng của hiện tượng ENSO ở trạng thái El Nino, sau đó chuyển dần sang trạng thái trung tính (nghiêng về pha lạnh) trong những tháng cuối năm. Theo thống kê, tổng cộng đã xảy ra 18/22 loại hình thiên tai trên phạm vi cả nước. Đáng chú ý, các cơn bão, hoàn lưu bão, đợt mưa lớn kéo dài và mưa lớn cục bộ đã gây ra chuỗi thiên tai đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến lũ quét và sạt lở đất. Bên cạnh đó, thống kê cho thấy tổng cộng đã có 18 đợt không khí lạnh, 19 đợt nắng nóng trên phạm vi cả nước; tình trạng hạn mặn diễn ra sớm ở đồng bằng sông Cửu Long, thiếu nước nghiêm trọng tại Trung Bộ và Tây Nguyên... Nhiều đợt mưa dông trên diện rộng kèm các hiện tượng dông, lốc, sét gây thiệt hại về người và tài sản. Mưa lớn cục bộ gây ngập lụt tại các vùng trũng, thấp và các đô thị nhiều vùng trên cả nước.

Với những yếu tố thời tiết bất thường và bất định trong suốt thời gian, việc đa dạng hóa các loại hình Năng lượng đã giúp GEC giảm thiểu các thiệt hại đáng kể bị ảnh hưởng thời tiết. Đồng thời, GEC cũng tiếp tục sứ mệnh của mình trong việc phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng, góp phần vào cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

CHỈ TIÊU	2024 – HIỆN TRẠNG	2024 – CƠ HỘI	2023
TÁC ĐỘNG	**Thủy điện:** 316 triệu kWh, giảm 11% so với cùng kỳ **Điện Mặt trời:** 343 triệu kWh, tăng 5% so với cùng kỳ **Áp Mái:** 47 triệu kWh, tăng 17% so với cùng kỳ **Điện Gió:** 646 triệu kWh, tăng 27% so với cùng kỳ	❖ Đa dạng hóa hoạt động giúp giảm tác động đáng kể bởi các điều kiện bất lợi như hạn hán hoặc bão lũ. ❖ Tối đa hóa nguồn thu từ các loại hình, tận dụng được tình hình thời tiết trong năm để tạo nguồn thu ổn định và bù đắp thiệt hụt nếu có. ❖ Nghiên cứu và tiến hành triển khai các DA NLTT khác như Điện Rác, Hydrogen, Thủy điện tích năng... để tiếp tục chiến lược đa dạng hóa nguồn thu, giảm thiểu sự ảnh hưởng rủi ro khí hậu.	**Thủy điện:** 356 triệu kWh **Điện Mặt trời:** 328 triệu kWh **Áp Mái:** 40 triệu kWh **Điện Gió:** 509 triệu kWh
PHƯƠNG PHÁP QLRR SỬ DỤNG	❖ Giám sát hoạt động sản xuất và vận hành các NM điện đảm bảo tuân thủ các quy định của Công ty và Ngành điện. ❖ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, chủ động trong công tác sửa chữa các thiết bị dự phòng, giảm thời gian dừng máy. ❖ Triển khai các giải pháp công nghệ mới nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động: tập trung thông tin, tập trung vận hành, tập trung hình ảnh giúp BLĐ có cái nhìn tổng quan về các thuận lợi/ bất lợi do thời tiết; đánh giá "sức khỏe" NM; từ đó xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng phù hợp với tình hình hoạt động từng NM	❖ Tăng cường đào tạo và cập nhật các quy định, quy trình liên quan đến việc vận hành/bảo trì/bảo dưỡng các NM Năng lượng đảm bảo công tác vận hành xuyên suốt. ❖ Tiếp tục nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp Công nghệ mới ứng dụng vào hoạt động bảo trì bảo dưỡng nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu suất. ❖ Tiến hành nghiên cứu các công nghệ mới như Hydrogen, Điện Rác,... nhằm phát triển các loại hình Năng lượng mới	❖ Phối hợp cùng với đơn vị bảo hành các trụ Tuabin gió để đảm bảo hiệu quả vận hành và chuẩn hóa hoạt động bảo trì bảo dưỡng theo thông lệ Quốc tế. ❖ Phối hợp thực hiện đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành các NM về các kiến thức kỹ thuật, an toàn điện, xử lý sự cố... đảm bảo đội ngũ nhân sự chất lượng, sẵn sàng cho các NM GEC
ẢNH HƯỞNG TÀI CHÍNH SAU KHI QLRR	**Nguồn thu bán điện đạt 2.298 tỷ đồng, +7% cùng kỳ** **Điện Gió:** 1.058 tỷ đồng - chiếm 46% **Điện Mặt trời:** 776 tỷ đồng - chiếm 34% **Áp mái:** 87 tỷ đồng - chiếm 4% **Thủy điện:** 378 tỷ đồng - chiếm 16%	❖ Cơ cấu Doanh thu có sự chuyển dịch tích cực trong mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, phân bổ các rủi ro đến từ thời tiết.	**Nguồn thu bán điện đạt 2.148 tỷ đồng** **Điện Gió:** 918 tỷ đồng - chiếm 43% **Điện Mặt trời:** 729 tỷ đồng - chiếm 34% **Áp mái:** 80 tỷ đồng - chiếm 3% **Thủy điện:** 420 tỷ đồng - chiếm 20%

SỰ QUAN TÂM VÀ HỖ TRỢ TỪ CHÍNH PHỦ

Ngành NLTT luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ mạnh mẽ từ Chính phủ Việt Nam. Sự hỗ trợ này thể hiện qua nhiều chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư và phát triển của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó có GEC.

THUẾ GTGT

Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và cung cấp dịch vụ, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành. Công ty áp dụng thuế suất 8% cho các HĐKD được quy định tại 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 cho khoản thời gian từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 và NĐ 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 cho khoảng thời gian từ 1/7/2024 đến 31/12/2024.

THUẾ TNDN

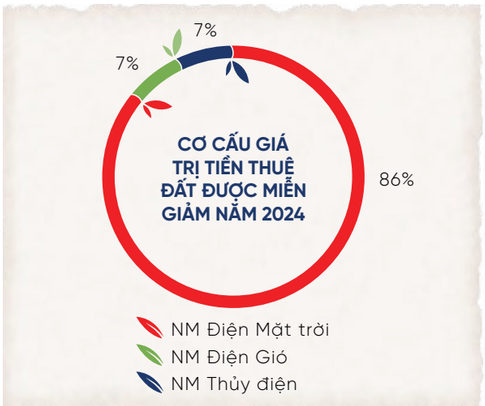
Áp dụng mức Thuế suất Thuế TNDN là 20% theo TT 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và TT 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính. Riêng các DA đầu tư, GEC được hưởng ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng DA và theo quy định tại TT 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành NĐ 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN và CV số 11684/BTC-TCT ngày 16/9/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN.

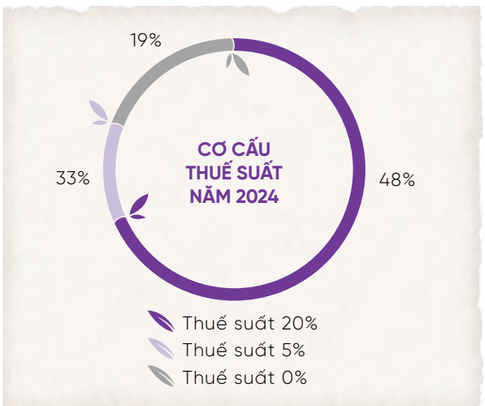
Tính đến cuối năm 2024, với hệ thống 21 NM, có 4 NM được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 0%, chiếm tỷ trọng 19%; 7 NM được hưởng thuế suất ưu đãi 5%, chiếm tỷ trọng 33% và 10 NM còn lại chịu thuế suất 20%, chiếm tỷ trọng 48% trong cơ cấu. Cơ cấu đã có sự dịch chuyển đáng kể sau 4 năm khi các NM Điện Mặt trời đã hết thuế suất ưu đãi 0% và chuyển sang mức thuế 5%. Như vậy, có thể thấy GEC đang được hưởng nhiều ưu đãi thuế cho các DA đầu tư. Điều này giúp giảm gánh nặng thuế cho doanh nghiệp và khuyến khích GEC tiếp tục đầu tư, phát triển SXKD.

Hầu hết, các NM NLTT tại GEC đều thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư khi được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo cơ chế ưu đãi của Luật Đầu tư do các NM tại GEC đều hoạt động tại Khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Tính đến cuối năm 2024, hầu hết các NM đang hoạt động tại GEC đều được miễn, giảm tiền thuê đất trong suốt thời hạn từ 1-50 năm tùy theo các quy định hiện hành. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu miễn giảm đến từ các NM Điện Mặt trời với tỷ trọng 86% do loại hình Năng lượng mặt trời đều cần diện tích đất lớn, còn lại là các NM Thủy điện và NM Điện Gió đều chiếm 7% tỷ trọng trong cơ cấu giá trị tiền thuê đất được miễn giảm.

Những ưu đãi trên của Chính phủ đối với NLTT nói chung và các hoạt động sản xuất của GEC nói riêng đã hỗ trợ tích cực về mặt tài chính, góp phần tạo nên một nên một hình ảnh cân bằng lợi ích về mối tương giao giữa GEC và Chính phủ.





Nguồn: GEC

ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG LINH HOẠT PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, CÔNG BẰNG VÀ HỢP LÝ

GEC luôn đảm bảo chính sách tiền lương linh hoạt phù hợp với yêu cầu khách quan của môi trường kinh doanh, quy chế, quy định của Pháp luật, công bằng và hợp lý thông qua các tiêu chí:

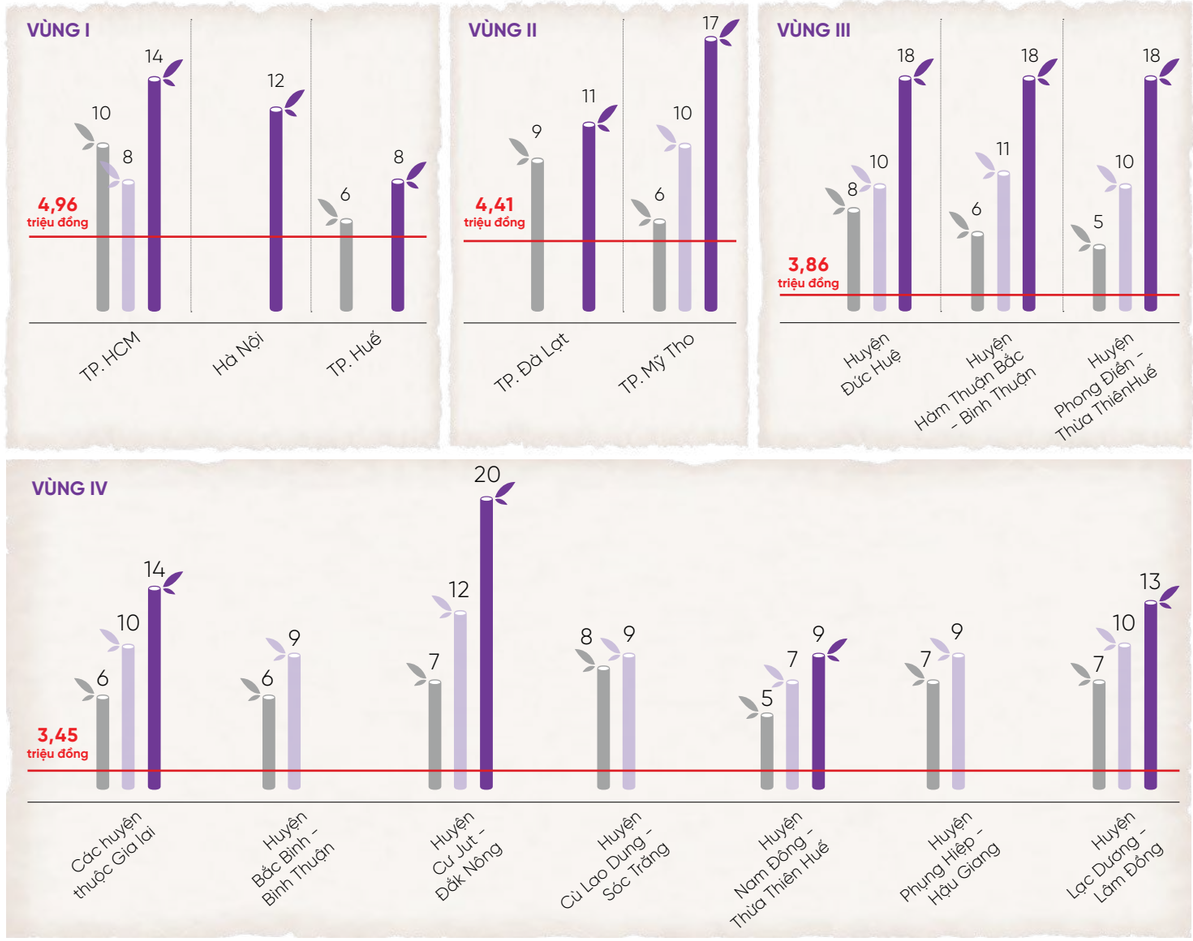
- Chính sách Tiền lương chi trả theo thực tế Doanh thu tại các Đơn vị Sản xuất, khuyến khích tinh thần làm việc, gắn liền giữa trách nhiệm và thu nhập được hưởng
- Mức lương khởi điểm cho CBNV Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ người lao động có thu nhập ổn định

TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Với hệ thống NM sản xuất điện và hệ thống Áp mái trải dài rộng khắp kéo dài từ Miền Trung đến các Tỉnh Nam Bộ, GEC luôn đảm bảo cuộc sống của từng CBNV tại mỗi Địa phương GEC đang hoạt động. Công ty cập nhật và cải tiến phù hợp với trung bình Ngành, mức sống từng Khu vực, đảm bảo tối thiểu chi phí trong cuộc sống cho CBNV dựa trên các chính sách lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV GEC với mức lương tối thiểu Vùng dao động cao hơn từ 13% trở lên tùy theo vị trí và khu vực.

THU NHẬP BÌNH QUÂN GEC SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG THEO CHỨC DANH CÔNG VIỆC NĂM 2024

ĐVT: triệu đồng/người



Nguồn: GEC

Trong đó, đối với vị trí Lao động phổ thông, mức lương bình quân của GEC sẽ dao động ở ngưỡng 5-10 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 13% đến 124%. Đối với chức danh Nhân viên, mức lương bình quân dao động 7-11 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 62% đến 235%. Chức danh Chuyên viên, mức lương bình quân sẽ dao động 8-20 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 58% đến 484%.

ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỊA PHƯƠNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tích cực đóng góp vào sự phát triển của địa phương và cộng đồng thông qua các hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp đoạn đường giao thông xung quanh khu vực NM GEC đang hoạt động

Bên cạnh hoạt động phát triển kinh doanh, GEC song hành, chú trọng quan tâm và phát triển Cộng đồng Địa phương (nơi những DA mang thương hiệu GEC được triển khai và vận hành), góp phần chung tay cải thiện đời sống người dân tại đây. Do đặc thù Ngành nghề hoạt động các DA của GEC thường phát triển tại các Khu vực vùng sâu vùng xa, kinh tế đặc biệt khó khăn, do đó GEC cũng chú trọng cải thiện cũng như có các hành động tích cực để góp phần cải thiện cảnh quan, hạ tầng và cuộc sống nơi đây. Tính từ năm 2020 đến nay, tổng chi phí liên quan đến việc bê tông hóa đường giao thông, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đoạn đường nối vào NM/rãnh mương thoát nước đường giao thông gần 5 tỷ đồng.

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ

GEC luôn đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, đầy đủ và kịp thời của tất cả các công việc thuộc nghiệp vụ kế toán - tài chính đúng Chuẩn mực kế toán và Pháp luật hiện hành, đồng thời tuân thủ các quy định về Thuế, đảm bảo công tác kê khai, lập và nộp báo cáo thuế tuân thủ theo quy định hiện hành thông qua các phương pháp:

- Thực thi, bám sát, rà soát các công tác triển khai tài chính, kế toán.
- Thường xuyên cập nhật các Chính sách, Luật, NĐ, TT... về Thuế để đảm bảo tính kịp thời và đúng đủ

Tuân thủ các quy định về Thuế tại tất cả Công ty trực thuộc hệ thống GEC, đảm bảo công tác kê khai nộp thuế chính xác, đầy đủ và kịp thời

Hàng năm GEC và các CTTV đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước thông qua các khoản Thuế như Thuế TNDN, Thuế GTGT, Thuế Tài nguyên, Thuế TNCN và các loại Thuế khác với giá trị ngày càng tăng dần qua các năm. Để bảo đảm và làm rõ vai trò của các Bộ phận liên quan nhằm hoàn thành nghĩa vụ nộp Thuế được đúng hạn, GEC đã ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản lý Tài chính được rà soát điều chỉnh phù hợp từng thời kỳ với nội dung chính như sau:

BỘ PHẬN	CHỨC NĂNG	NHIỆM VỤ
Kế toán	Quản lý những công việc thuộc nghiệp vụ kế toán và thuế theo đúng quy định Pháp luật.	Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hồ sơ liên quan đến thủ tục kế toán, thuế đảm bảo phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán và quy định của Công ty. Lập và nộp các báo cáo thuế và các báo cáo số liệu kế toán tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
Hành chính	Giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.	Thực hiện các công tác nộp thuế nhà đất, thuế cho thuê liên quan đến HĐKD.

Việc tiếp cận các chính sách liên quan đến Thuế sẽ được các Bộ phận phụ trách triển khai và cập nhật định kỳ dựa trên các NĐ, TT, Hướng dẫn... để đảm bảo tuân thủ đúng theo Quy định của Pháp luật về Thuế. Khi có các thay đổi liên quan đến chính sách hoặc NĐ về Thuế, Bộ phận liên quan cũng sẽ cập nhật thông tin và đề xuất BLĐ phương hướng triển khai thực hiện nhằm đảm bảo công tác hạch toán, quản lý nghiệp vụ nhằm tổ chức hạch toán kế toán thống kê đúng với Quy định hiện hành.

Theo Tổng cục Thuế Việt Nam từ ngày 1/1/2024 đến 31/12/2024, đã có 636 văn bản liên quan đến thuế tại mọi lĩnh vực, ngành nghề được ban hành trong năm nay nhằm hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện và triển khai theo quy định Thuế hiện hành. Trong đó, tại CV 11631/BTC-CST năm 2024 do Bộ Tài chính ban hành thì từ đầu năm 2024 đến nay, Bộ Tài chính đã tiếp tục chủ động nghiên cứu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền cũng như ban hành theo thẩm quyền các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, trong đó có các chính sách thuế, phí, gia hạn nộp thuế áp dụng trong năm 2024 có ảnh hưởng trực tiếp hoạt động SXKD của GEC gồm có:

- (1) Chính sách giảm thuế GTGT 2%: Tiếp tục thực hiện giảm (2%) thuế suất thuế GTGT như đã áp dụng năm 2023 đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% từ ngày 1/1/2024 đến hết ngày 31/12/2024.
- (2) Chính sách gia hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2024: theo NĐ 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ.

CHUYÊN NGHIỆP HÓA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THÔNG QUA BỘ MÁY KIỂM TOÁN

UBKT thông qua Phòng KTNB sẽ thực hiện giám sát, đánh giá tính trung thực, hợp lý của các thông tin tài chính của Công ty, từ đó có những yêu cầu, kiến nghị đảm bảo Công ty tuân thủ tất cả các quy định Pháp luật, cũng như hoàn thành các nghĩa vụ về thuế, các đóng góp cho Ngân sách, cộng đồng được thực hiện đúng theo chính sách và chủ trương của Công ty.

GIÁM SÁT

Tính trung thực của thông tin tài chính, đặc biệt xem xét sự phù hợp và nhất quán của các chuẩn mực kế toán được sử dụng bởi Công ty và CTTV (ở cấp độ Báo cáo Hợp nhất).

RÀ SOÁT

Các BCTC hàng năm, đánh giá tính đầy đủ và sự nhất quán với các thông tin về hoạt động và thông tin khác mà các Thành viên UBKT đã biết trước đó và thảo luận với BĐH và Kiểm toán độc lập.

ĐÁNH GIÁ

Trường hợp cần thiết những ước lượng và đánh giá quan trọng trong các BCTC thông qua việc phỏng vấn BĐH, KTNB và Kiểm toán độc lập về cơ sở họ đưa ra kết luận về tính hợp lý của các ước lượng của BĐH.

Các giải thích của BĐH về các giao dịch bất thường hoặc các khác biệt đáng kể từ kết quả của năm trước hoặc Ngân sách của năm hiện tại.

Thông tin từ KTNB và Kiểm toán độc lập có ảnh hưởng đến chất lượng của các BCTC (ví dụ điều chỉnh kiểm toán mang tính chất lượng trọng yếu tiềm năng và thực tế, công bố BCTC, sự không tuân thủ Pháp luật và Quy định, các vấn đề về KSNB).

THIẾT LẬP

Các chính sách rủi ro, tiêu chí và công cụ kiểm soát rủi ro cho tất cả các hoạt động của Công ty liên quan đến tất cả các loại rủi ro và trình HĐQT phê duyệt.

Nhằm đảm bảo chuyên nghiệp hóa trong công tác Kiểm soát và QLRR, UBKT đã trình HĐQT phê duyệt các VBLQ làm cơ sở thực hiện các chức năng, nhiệm vụ:

(i) Quy chế KTNB mã số KTNB/QC-1 ngày 18/6/2021;
(ii) Quy chế đánh giá tuân thủ mã số KTNB/QC-2 ngày 13/5/2024;
(iii) Quy trình KTNB mã số KTNB/QT-1 ngày 12/6/2019;
(iv) Cẩm nang KTNB mã số KTNB/CN-1 ngày 15/12/2022.

Với trách nhiệm và vai trò của mình, Phòng KTNB triển khai các cuộc kiểm toán theo kế hoạch được duyệt bởi UBKT nhằm thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của GEC và các CTTV, trong đó bao gồm mục tiêu giám sát hoàn thành các nghĩa vụ thuế và tuân thủ các quy định Pháp luật khác. Trường hợp phát hiện ra các điểm bất hợp lý, Phòng KTNB sẽ trao đổi và tương tác với đơn vị đồng thời yêu cầu điều chỉnh, hạn chế các rủi ro sai sót.

Hoạt động phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế

Tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong năm 2025 dự báo đạt khoảng 7-7,5%, phấn đấu cố gắng đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 10% từ năm 2026 trở đi, vì vậy công tác cung ứng điện hàng năm của Việt Nam phải đảm bảo đạt trên 11%. Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng sạch ngày càng gia tăng, GEC cam kết PTBV, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Môi trường - Xã hội - Kinh tế. Để đạt được mục tiêu này, GEC tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm 17 Mục tiêu PTBV (SDGs) của Liên Hợp Quốc, 8 Tiêu chuẩn hoạt động (PS) Môi trường - Xã hội của IFC, 4 Tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội (SPS) của ADB. GEC đã tích hợp IFC, ADB, SDGs, SASB, TCFD vào chiến lược phát triển của mình với các hoạt động cụ thể:

TIÊU CHUẨN IFC	TIÊU CHUẨN ADB	17 MỤC TIÊU PTBV	TUÂN THỦ TẠI GEC
PS1 - Đánh giá và QLRR và tác động Môi trường và Xã hội	SPS1 - Các biện pháp bảo vệ Môi trường SPS2 - Các biện pháp bảo vệ tái định cư không tự nguyện	M3 - Sức khỏe và có cuộc sống tốt M10 - Giảm bất bình đẳng	❖ Sàng lọc rủi ro về E&S DA ❖ Đánh giá rủi ro sơ bộ về E&S DA trước khi có quyết định chủ trương đầu tư ❖ Đánh giá tác động E&S cho DA mới ❖ Kế hoạch quản lý E&S cho DA mới ❖ Đánh giá chi tiết E&S cho DA M&A ❖ Kế hoạch hành động về E&S cho DA M&A ❖ CBTT ❖ Tham vấn các BLQ ❖ Cơ chế khiếu nại bên ngoài
PS2 - Lao động và điều kiện làm việc	SPS1 - Các biện pháp bảo vệ Môi trường	M4 - Chất lượng giáo dục M8 - Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế	❖ Chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực ❖ Các điều kiện và điều khoản làm việc quy định tại hợp đồng lao động ❖ Tổ chức Công đoàn ❖ Chính sách tuyển dụng (không phân biệt, bình đẳng; tuyển dụng, học việc, đào tạo, thử việc, thăng tiến công việc, thôi việc,..) ❖ QCUX ❖ Hợp đồng lao động ❖ Bảo hiểm ❖ Phúc lợi ❖ Đào tạo ❖ Quyền con người ❖ Cơ chế khiếu nại nội bộ ❖ Cơ chế khiếu nại bên ngoài ❖ Thực hiện quan trắc môi trường lao động, đo kiểm các yếu tố có hại tại nơi làm việc. ❖ Thực hiện khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần, khám bệnh nghề nghiệp ❖ Thực hiện phân tích chất lượng nước uống cho người lao động
PS3 - Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm	SPS1 - Các biện pháp bảo vệ Môi trường	M7 - Năng lượng sạch với giá thành hợp lý M12 - Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm M13 - Hành động về khí hậu M14 - Tài nguyên và Môi trường biển M15 - Tài nguyên và Môi trường trên đất liền	❖ Quản lý chất thải: Phân loại, thu gom, bàn giao xử lý và tái sử dụng ❖ Tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên liệu ❖ Tiết kiệm tài nguyên nước ❖ Thực hiện quan trắc Môi trường định kỳ ❖ Thực hành ứng phó sự cố khẩn cấp định kỳ hàng năm
PS4 - An toàn, sức khỏe và an ninh cộng đồng	SPS1 - Các biện pháp bảo vệ Môi trường	M3 - Sức khỏe và cuộc sống tốt đẹp M11 - Các thành phố và cộng đồng bền vững	❖ Tham vấn các BLQ ❖ Cơ chế khiếu nại bên ngoài ❖ Ràng buộc các điều khoản về EHSS đối với nhà thầu và nhà thầu phụ đối với công tác thi công trên công trường và đường vận chuyển ❖ Công bố thông tin DA
PS4 - An toàn, sức khỏe và an ninh cộng đồng	SPS2 - Các biện pháp bảo vệ tái định cư không tự nguyện SPS3 - Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân bản địa	M16 - Hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh	❖ Hàng rào, biển báo khu vực nguy hiểm bằng tiếng địa phương ❖ Vận hành an toàn đập, hồ chứa ❖ Đo tiếng ồn Tuabin Gió ❖ Đánh giá an toàn văng cánh ❖ Đánh giá hiện tượng bóng nhấp nháy
PS5 - Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện	SPS2 - Các biện pháp bảo vệ tái định cư không tự nguyện	M11 - Các thành phố và cộng đồng bền vững	❖ Đánh giá tác động của DA (phần liên quan đến giải phóng mặt bằng và thu hồi đất) ❖ Kế hoạch phục hồi sinh kế ❖ Kế hoạch tái định cư (nếu có)
PS6 - Bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên	SPS1 - Các biện pháp bảo vệ Môi trường	M6 - Nước sạch và vệ sinh M13 Hành động về khí hậu M14 - Tài nguyên và môi trường biển M15 - Tài nguyên và môi trường trên đất liền	❖ Sàng lọc và phân loại DA từ bước lựa chọn vị trí DA ❖ Đánh giá tác động của DA (phần liên quan đến đa dạng sinh học) ❖ Giám sát chim, dơi tại NM Điện Gió Ia Bang ❖ Thực hiện đánh giá thành phần loài cá đối với NM Thủy điện Thượng Lộ ❖ Quản lý xói lở trong quá trình xây dựng và vận hành DA NLTT
PS7 - Người bản địa	SPS3 - Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân bản địa	M10 - Giảm bất bình đẳng M16 - Hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh	❖ Đánh giá tác động của DA (phần liên quan đến Người bản địa) và thực hiện các biện pháp khắc phục (nếu có) ❖ Thực hiện tham vấn, thực hiện Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (Free, Prior, and Informed Consent - FPIC) đối với người bản địa ❖ CBTT DA
PS8 - Di sản văn hóa	SPS4 - Yêu cầu bảo vệ đối với các phương thức tài chính khác nhau	M11 - Các thành phố và cộng đồng bền vững M16 - Hòa bình, công bằng và các thể chế vững mạnh	❖ Hướng dẫn quản lý di sản văn hóa

17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC

17 MỤC TIÊU PTBV	CHÍNH SÁCH, MỤC TIÊU PTBV GEC 2024	2023	2024
3.4. Đến 2030, giảm 1/3 tỷ lệ tử vong sớm do các bệnh không lây nhiễm thông qua phòng ngừa và điều trị, đồng thời tăng cường sức khỏe tinh thần và hạnh phúc	Chính sách thúc đẩy hạnh phúc, đa dạng và hòa nhập của nhân viên	❖ Chi phí bảo hiểm: **13 tỷ đồng** ❖ Bồi dưỡng công việc nặng nhọc độc hại: **0,5 tỷ đồng** ❖ Chế độ phúc lợi: **7,1 tỷ đồng** ❖ Quan trắc môi trường lao động: **100% NM NLTT** ❖ Bảo hiểm bắt buộc: **100% CBNV** ❖ Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ: **100% CBNV**	❖ Chi phí bảo hiểm: **11 tỷ đồng** ❖ Bồi dưỡng công việc nặng nhọc độc hại: **0,3 tỷ đồng** ❖ Chế độ phúc lợi: **6 tỷ đồng** ❖ Quan trắc môi trường lao động: **100% NM NLTT** ❖ Bảo hiểm bắt buộc: **100% CBNV** ❖ Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ: **100% CBNV**
4.7. Đến 2030, đảm bảo tất cả người học có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy PTBV, bao gồm thông qua giáo dục vì sự PTBV và lối sống bền vững, nhân quyền, bình đẳng giới, thúc đẩy văn hóa hòa bình và bất bạo động, toàn cầu quyền công dân và đánh giá cao sự đa dạng văn hóa và sự đóng góp của văn hóa cho sự PTBV	Nâng cao năng lực của CBNV nhằm đáp ứng nhu cầu chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý luôn là điều cần thiết để PTBV cũng như bắt kịp với xu thế	❖ Giờ đào tạo: **1.469 giờ** ❖ Lượt học viên tham dự: **2.566 lượt** ❖ Chi phí đào tạo: **0,3 tỷ đồng**	❖ Giờ đào tạo: **1.326 giờ** ❖ Lượt học viên tham dự: **2.349 lượt** ❖ Chi phí đào tạo: **0,6 tỷ đồng**

17 MỤC TIÊU PTBV	CHÍNH SÁCH, MỤC TIÊU PTBV GEC 2024	2023	2024
5.1. Chấm dứt hình thức phân biệt đối xử với tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở khắp mọi nơi 5.c. Áp dụng và tăng cường các chính sách hợp lý và luật pháp có hiệu lực nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở mọi cấp độ	Không khoan nhượng đối với mọi hình thức phân biệt đối xử, bao gồm phân biệt đối xử về giới, bóc lột và vi phạm được quy định trong quy tắc ứng xử	❖ Vi phạm: **0 lần**	❖ Vi phạm: **0 lần**
6.3. Đến 2030, cải thiện chất lượng nước bằng cách giảm ô nhiễm, loại bỏ việc đổ rác và giảm thiểu phát thải các hóa chất và vật liệu độc hại, có tỷ lệ nước thải chưa qua xử lý và tăng đáng kể khả năng tái chế và tái sử dụng an toàn trên toàn cầu 6.4. Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trên tất cả các lĩnh vực và đảm bảo khai thác và cung cấp nước ngọt bền vững để giải quyết tình trạng khan hiếm nước và giảm đáng kể số người bị khan hiếm nước	Quản lý lượng nước tiêu thụ và chất lượng nước sau xử lý.	❖ NM NLTT sử dụng nước đạt tiêu chuẩn và có nhà vệ sinh đầy đủ, sử dụng nước dưới đất, nước mặt đúng lưu lượng được cấp phép: **21 NM** ❖ Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm tại các NM: **4 lần** ❖ Quan trắc chất lượng nước dưới đất, lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng sử dụng: **4 NM Điện Mặt trời**	❖ NM NLTT sử dụng nước đạt tiêu chuẩn và có nhà vệ sinh đầy đủ, sử dụng nước dưới đất, nước mặt đúng lưu lượng được cấp phép: **21 NM** ❖ Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm tại các NM: **4 lần** ❖ Quan trắc chất lượng nước dưới đất, lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng sử dụng: **4 NM Điện Mặt trời**
7.2. Đến 2030, tăng đáng kể tỷ trọng NLTT trong cơ cấu Năng lượng toàn cầu	Duy trì thực hiện chiến lược và mục tiêu "Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng"	❖ Điện thương phẩm: **1.232 tỷ kWh** ❖ Công suất vận hành: **665 MWp** ❖ Tín chỉ: **963.185 REC và 133.497 Tín chỉ Cacbon**	❖ Điện thương phẩm: **1,4 tỷ kWh** ❖ Công suất vận hành: **672 MWp** ❖ Tín chỉ: **715.765 REC và 117.519 Tín chỉ Cacbon**
8.7. Thực hiện các biện pháp ngay lập tức và hiệu quả để xóa bỏ lao động cưỡng bức, chấm dứt chế độ nô lệ hiện đại và buôn bán người, đảm bảo cấm và xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm tuyển dụng và sử dụng binh lính trẻ em; đến 2025 chấm dứt lao động trẻ em dưới mọi hình thức 8.8 Bảo vệ quyền lao động và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn và bảo đảm cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ di cư và những người có việc làm bấp bênh	Cấm lao động trẻ em và lao động vị thành niên trong các hướng dẫn về nhân quyền Quy định quyền người lao động chẳng hạn giờ làm việc và tiền lương, chế độ phúc lợi trong hợp đồng lao động Tuân thủ quy trình tuyển dụng	❖ **100% Người lao động** có hợp đồng lao động	❖ **100% Người lao động** có hợp đồng lao động
9.1 Phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng, đáng tin cậy, bền vững và linh hoạt, bao gồm cơ sở hạ tầng khu vực và xuyên biên giới, để hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi con người, tập trung vào khả năng tiếp cận công bằng và hợp lý cho tất cả mọi người	Nâng cao hiệu quả CNTT	❖ Kết nối dịch vụ Internet: **21 NM**	❖ Kết nối dịch vụ Internet: **21 NM**
10.2. Đến 2030, trao quyền và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội, kinh tế và chính trị cho tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc, tôn giáo, kinh tế hoặc các địa vị khác	Nguyên tắc nhân quyền, chính sách đa dạng nhân viên, tiêu chuẩn đa dạng HĐQT	Tỷ lệ Nữ giới: ❖ HĐQT: **29%** ❖ BĐH: **33%** ❖ Quản lý: **19%** ❖ Nhân viên: **18%**	Tỷ lệ Nữ giới: ❖ HĐQT: **29%** ❖ BĐH: **38%** ❖ Quản lý: **17%** ❖ Nhân viên: **16%**

17 MỤC TIÊU PTBV	CHÍNH SÁCH, MỤC TIÊU PTBV GEC 2024	2023	2024
11.a Hỗ trợ các liên kết tích cực về kinh tế, xã hội và môi trường giữa các khu vực đô thị, ven đô và nông thôn bằng cách tăng cường quy hoạch phát triển quốc gia và khu vực	Tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho Cộng đồng địa phương xung quanh DA	❖ Chương trình CSR: **1,9 tỷ đồng** ❖ Số lượng CBNV (không bao gồm kiêm nhiệm): **526 người** ❖ Thu nhập bình quân CBNV: **19,7 triệu đồng/tháng**	❖ Chương trình CSR: **1,88 tỷ đồng** ❖ Số lượng CBNV (không bao gồm kiêm nhiệm): **501 người** ❖ Thu nhập bình quân CBNV: **20,2 triệu đồng/tháng**
12.2. Đến 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên 12.4. Đến 2020, đạt được sự quản lý hợp lý về mặt môi trường đối với hóa chất và tất cả chất thải trong suốt vòng đời của chúng, phù hợp với các khuôn khổ quốc tế đã được thống nhất và giảm đáng kể việc thải chúng vào không khí, nước và đất nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của chúng đối với sức khỏe con người và môi trường 12.5. Đến 2030, giảm đáng kể việc phát sinh chất thải thông qua phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng 12.6. Khuyến khích các Công ty, đặc biệt là các Công ty lớn và xuyên quốc gia, áp dụng các thông lệ bền vững và tích hợp thông tin bền vững vào chu kỳ báo cáo của họ 12.8. Đến 2030, đảm bảo người dân khắp mọi nơi có thông tin và nhận thức phù hợp về PTBV và lối sống hài hòa với thiên nhiên	Bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các loại tài nguyên, năng lượng Giảm thiểu và quản lý các chất gây ô nhiễm không khí, tỷ lệ tái chế rác thải, xử lý nước thải Công bố báo cáo PTBV, quản lý toàn diện và CBTT về hoạt động ESG	❖ Thu gom và xử lý chất thải: **18 tấn chất thải sinh hoạt và 5,9 tấn chất thải nguy hại** ❖ Tiêu thụ điện: **8.144 MWh**	❖ Thu gom và xử lý chất thải: **20,7 tấn chất thải sinh hoạt và 8,38 tấn chất thải nguy hại** ❖ Tiêu thụ điện: **8.402 MWh**
13.1. Tăng cường khả năng phục hồi và thích ứng với các hiểm họa và thiên tai liên quan đến khí hậu ở tất cả các quốc gia 13.2. Lồng ghép các biện pháp biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược và quy hoạch quốc gia 13.3. Cải thiện giáo dục, nâng cao nhận thức và năng lực con người và thể chế về giảm thiểu, thích ứng, giảm tác động và cảnh báo sớm biến đổi khí hậu	Chương trình giáo dục về năng lượng xanh và thân thiện với môi trường Đào tạo ESG cho CBNV của Công ty Đào tạo nâng cao kiến thức về E&S cho Người lao động	❖ Đào tạo ESMS cho: **125 người**	Đào tạo các nội dung liên quan đến EHSS: ❖ Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: **466 người** ❖ Đào tạo nội bộ: Luật Tài nguyên nước 2023 và Luật Bảo vệ môi trường 2020: **51 người** ❖ Đào tạo nội bộ: Công tác PCCC theo NĐ 50/2024/NĐ-CP: **206 người**
15.1. Đến 2020, đảm bảo bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái nước ngọt trên cạn và nội địa cũng như các dịch vụ của chúng, đặc biệt là rừng, vùng đất ngập nước, vùng núi và vùng đất khô, phù hợp với các nghĩa vụ theo các thỏa thuận quốc tế 15.5. Thực hiện hành động khẩn cấp và quan trọng để giảm sự suy thoái môi trường sống tự nhiên, ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học và đến năm 2020, bảo vệ và ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài bị đe dọa	Bảo tồn đa dạng sinh học tại các NM, DA	❖ Giám sát chim, dơi: **1 NM Điện Gió Ia Bang** ❖ Đánh giá về cá: **1 NM Thủy điện Thượng Lộ**	❖ Giám sát chim, dơi: **1 NM Điện Gió Ia Bang** ❖ Đánh giá về cá: **1 NM Thủy điện Thượng Lộ** ❖ Đánh giá đa dạng sinh học: **1 DA Thủy điện Ea Tih**

17 MỤC TIÊU PTBV	CHÍNH SÁCH, MỤC TIÊU PTBV GEC 2024	2023	2024
16.5 Giảm đáng kể tham nhũng và hối lộ dưới mọi hình thức 16.7 Thúc đẩy và thực thi các luật và chính sách không phân biệt đối xử để PTBV	Tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định khác liên quan Thực hiện cơ chế khiếu nại của Người lao động Tham gia của các BLQ	❖ Lấy ý kiến Người lao động: **1 lần/năm** ❖ Bộ QCƯX: **1 bộ** ❖ Báo cáo về công tác phòng chống tham nhũng: **1 lần**	❖ Lấy ý kiến Người lao động: **1 lần/năm** ❖ Bộ QCƯX: **1 bộ** ❖ Báo cáo về công tác phòng chống tham nhũng: **1 lần**
17.16 Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu vì sự PTBV, được bổ sung bởi quan hệ đối tác nhiều bên nhằm huy động và chia sẻ kiến thức, chuyên môn, công nghệ và nguồn lực tài chính để hỗ trợ đạt được các Mục tiêu PTBV ở tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển	Hợp tác toàn cầu, PTBV	❖ NĐT, CĐ chiến lược nước ngoài: **4 NĐT, CĐ** ❖ Quốc gia: **Nhật, Đức, Thụy Sĩ, Hàn Quốc**	❖ NĐT, CĐ chiến lược nước ngoài: **4 NĐT, CĐ** ❖ Quốc gia: **Nhật, Đức, Thụy Sĩ, Hàn Quốc**

TIÊU CHUẨN SASB

TIÊU CHUẨN	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MÃ SỐ	2024
Phát thải khí nhà kính và lập kế hoạch tài nguyên năng lượng	Tổng lượng phát thải CO_2e	Tấn CO_2e	IF-EU-110a.1	5.963,85
Quản lý nước	Tổng lượng nước sử dụng trong sản xuất điện (đặc biệt quan trọng cho thủy điện)	Triệu m^3	IF-EU-140a.1	2.203
	Số vụ việc không tuân thủ liên quan đến giấy phép, tiêu chuẩn và quy định về chất lượng nước	Số vụ	IF-EU-140a.2	0
	Mô tả các rủi ro quản lý nước và thảo luận về các chiến lược và thực hành để giảm thiểu những rủi ro đó	n/a	IF-EU-140a.3	Chương 4: Thân thiện với môi trường
An toàn lao động và cộng đồng	(1) Tổng tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận (TRIR), (2) tỷ lệ tử vong và (3) tỷ lệ tần suất suýt xảy ra tai nạn (NMFR) đối với (a) nhân viên trực tiếp và (b) nhân viên hợp đồng	%	IF-EU-320a.1	Tổng tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận (TRIR): 0 Tỷ lệ tử vong: 0 Tỷ lệ tần suất suýt xảy ra tai nạn (NMFR): 0
Khả năng phục hồi của lưới điện	Số lượng các sự cố không tuân thủ các tiêu chuẩn hoặc quy định về vật lý hoặc an ninh mạng	Số lượng	IF-EU-550a.1	0
Quản lý Năng lượng trong Sản xuất	(1) Tổng năng lượng tiêu thụ	MWh	RR-ST-130a.1	8.402
Quản lý Chất thải Nguy hại	(1) Khối lượng chất thải nguy hại tạo ra, (2) phần trăm tái chế	Tấn (t), Phần trăm (%)	RR-ST-150a.1	8,38 tấn 0% tái chế, 100% chuyển giao đơn vị đủ năng lực xử lý
	(1) Số lượng và tổng khối lượng các vụ tràn đổ, (2) khối lượng đã thu hồi	Số lượng, Kilogam (kg)	RR-ST-150a.2	0 vụ tràn đổ
Tác động Sinh thái của Phát triển DA	(1) Số lượng và (2) thời gian trì hoãn DA liên quan đến tác động sinh thái	Số lượng, Ngày	RR-ST-160a.1	0 vụ trì hoãn nào liên quan đến tác động sinh thái của DA

NHÓM NHIỆM VỤ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU - TCFD

TRỤ CỘT CÔNG BỐ	NỘI DUNG CÔNG BỐ	BÀI VIẾT TRONG BCTN 2024
QUẢN TRỊ Vai trò và trách nhiệm của BLĐ và đội ngũ điều hành trong việc QLRR và cơ hội liên quan đến khí hậu	a) Mô tả sự giám sát của HĐQT đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu	Chương 4: Sơ đồ Quản trị bền vững
	b) Mô tả vai trò của BĐH trong việc đánh giá và quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu	Chương 4: Sơ đồ Quản trị bền vững
CHIẾN LƯỢC Tiết lộ những tác động thực tế và tiềm ẩn của các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với HĐKD, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức	a) Mô tả các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu mà tổ chức đã xác định trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
	b) Mô tả tác động của các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với HĐKD, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
	c) Mô tả tác động tiềm tàng của các kịch bản khác nhau, bao gồm kịch bản 2°C, đối với HĐKD, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
QUẢN LÝ RỦI RO Tiết lộ cách tổ chức xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu	a) Mô tả các quy trình của tổ chức để xác định và đánh giá các rủi ro liên quan đến khí hậu.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
	b) Mô tả các quy trình của tổ chức để quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
	c) Mô tả cách các quy trình để xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu được tích hợp vào QLRR tổng thể của tổ chức	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
SỐ LIỆU VÀ MỤC TIÊU Công bố số liệu và mục tiêu được sử dụng để đánh giá và quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu	a) Công bố các số liệu được tổ chức sử dụng để đánh giá các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu theo chiến lược và quy trình QLRR của tổ chức.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
	b) Công bố Phạm vi 1, Phạm vi 2 và nếu phù hợp, Phạm vi 3 phát thải khí nhà kính và các rủi ro liên quan.	Chương 4: Thân thiện với Môi trường
	c) Mô tả các mục tiêu được tổ chức sử dụng để quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu và hiệu suất so với các mục tiêu	Chương 4: Chiến lược PTBV đến 2030



Cam kết Tuân thủ EHSS

Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến PTBV, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng các DA công nghiệp khai thác tài nguyên quá mức có thể dẫn đến cạn kiệt, tổn hại môi trường và làm suy yếu nền tảng PTBV. Trong bối cảnh đó, quản lý EHSS là trọng tâm trong chiến lược PTBV của GEC. Chúng tôi tin rằng việc phát triển và duy trì các thực hành EHSS tốt không những bảo vệ môi trường mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và dài lâu.

Với sự hỗ trợ từ các đối tác quốc tế, GEC đã xây dựng hệ thống quản lý tích hợp, đảm bảo rằng tất cả các NM và DA đều đáp ứng tiêu chuẩn về EHSS. Đi cùng với trách nhiệm là các cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật, các yêu cầu từ CĐ và NĐT và góp phần vào quá trình chuyển đổi năng lượng xanh trên toàn cầu.

Để làm được điều này, GEC đặc biệt chú trọng đào tạo thường xuyên nhằm nâng cao nguồn nhân lực về EHSS để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ pháp luật và giảm thiểu tối đa rủi ro cho môi trường và cộng đồng. Chúng tôi cam kết:

Kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường:

Thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, xử lý chất thải một cách bền vững để bảo vệ môi trường. Hồ sơ môi trường luôn được tuân thủ đầy đủ theo pháp luật hiện hành.

Đồng hành cùng người lao động:

Tuân thủ các quy định về Luật Lao động đảm bảo về nhân quyền, công bằng về lương thưởng và phúc lợi Người lao động, giờ làm việc, nghỉ ngơi, đảm bảo an toàn và điều kiện làm việc tốt cho Người lao động, cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại cho Người lao động. Đồng thời, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội công bằng trong việc tiếp cận giáo dục, công việc và phát triển cá nhân mà không phân biệt về giới tính, tuổi tác, sắc tộc, đặc biệt là không kỳ thị hay phân biệt đối xử dựa trên các đặc điểm cá nhân.

Tuân thủ EHSS trong suốt vòng đời DA:

Nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi, thiết kế DA, thi công DA, vận hành và tháo dỡ DA.

Cập nhật văn bản pháp luật và đánh giá tuân thủ EHSS định kỳ hàng năm:

Cập nhật các văn bản pháp luật về EHSS định kỳ và phổ biến áp dụng phù hợp với các hoạt động SXKD của GEC. Công tác đánh giá tuân thủ EHSS được tiến hành định kỳ hàng năm theo các quy trình EHSS đã được ban hành.

Tuân thủ công tác báo cáo đến các BLQ:

Tuân thủ việc báo cáo các cơ quan chức năng và NĐT về thực hiện công tác EHSS tại các địa điểm SXKD của GEC theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CÁC TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN VÀ KHUNG BÁO CÁO ĐƯỢC ÁP DỤNG

GEC luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, bao gồm Luật bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước, Luật Lao động, Luật PCCC và các NĐ, TT liên quan đến pháp luật Việt Nam theo yêu cầu của CĐ JERA. Các biện pháp quản lý môi trường được triển khai đầy đủ, từ Đánh giá tác động Môi trường (ĐTM)/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường, giám sát môi trường đến quản lý chất thải nguy hại. Song song đó là các tiêu chuẩn thực hành của IFC theo yêu cầu của NĐT DEG, SYM được thực hiện xuyên suốt trong quá trình phát triển DA và vận hành tại các NM.

LOẠI HÌNH	TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VIỆT NAM; THEO YÊU CẦU CỦA JERA	TUÂN THỦ TIÊU CHUẨN IFC; THEO YÊU CẦU DEG, SYM
THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ	1 Đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường cho các NM, DA 2 Báo cáo định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, PCCC, y tế và bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật 3 Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, Sơ cấp cứu định kỳ 4 Kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn 5 Kiểm định các thiết bị Khí tượng thủy văn 6 Cập nhật dữ liệu khai thác Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn 7 Kiểm tra, đánh giá định kỳ về EHSS tại các NM 8 Nạp sạc, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị PCCC và hệ thống PCCC 9 Bàn giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho các Đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý 10 Quan trắc các thông số môi trường 11 Giám sát, đo đạc môi trường lao động 12 Giám sát chất lượng nước sinh hoạt, ăn uống 13 Thực tập ứng phó sự cố khẩn cấp: PCCC - cứu nạn cứu hộ tại các NM định kỳ hàng năm 14 Cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hàng năm 15 Khám sức khỏe cho người lao động	1 Bố trí cán bộ bán chuyên trách về EHSS tại các NM, DA 2 Bố trí cán bộ liên lạc cộng đồng tại các NM, DA 3 Thống kê các chỉ số liên quan đến EHSS tại các NM hàng tháng: Điện tự dùng, lượng nước sử dụng, lượng dầu, nhớt sử dụng 4 Cập nhật khiếu nại và giải quyết khiếu nại của Cộng đồng vào sổ khiếu nại (khi có phát sinh) 5 Tuân thủ danh sách loại trừ của Tổ chức Tài chính phát triển Châu Âu 6 Tuân thủ theo Tiêu chuẩn IFC và Hướng dẫn Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) của World Bank. 7 Báo cáo đánh giá tác động EHSS và biện pháp quản lý EHSS các DA mà DEG trực tiếp đầu tư 8 Gửi các tài liệu về EHSS của các DA mới cho DEG khi có quyết định chủ trương đầu tư 9 Tuân thủ và hoàn thành kế hoạch hành động EHSS 10 Tuân thủ kế hoạch quản lý EHSS tại các DA 11 Áp dụng hệ thống quản lý ESMS đối với các NM, DA 12 Đánh giá tuân thủ EHSS định kỳ hàng năm
ĐIỆN MẶT TRỜI		
ĐIỆN GIÓ		

HỆ THỐNG QUẢN LÝ ESMS

Hệ thống ESMS của GEC được xây dựng dựa trên Luật pháp Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các tiêu chuẩn thực hành của IFC và ISO 14001:2015. Hệ thống này bao gồm 37 Văn bản, trong đó bao gồm các chính sách, quy trình và công cụ giám sát, đảm bảo rằng mọi hoạt động của công ty đều được thực hiện một cách có trách nhiệm và bền vững. ESMS không chỉ giúp GEC QLRR mà còn tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm giải trình. Định kỳ hàng năm, hệ thống ESMS được rà soát và cải tiến để đáp ứng các yêu cầu mới, tạo sự tin cậy cho các BLQ.

Hệ thống được xây dựng dựa trên những nội dung sau:

	NỘI DUNG	VBLQ TƯƠNG ỨNG TẠI GEC
1	**Chính sách Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội** ❖ GEC xây dựng một chính sách cam kết tuân thủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn quốc tế, và các mục tiêu bền vững. ❖ Cam kết giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xung quanh các DA.	❖ Chính sách EHSS (Phụ lục 1 tại EHSS/ST-1 Sổ tay Quản lý hệ thống EHSS) ❖ EHSS/ST-2 Sổ tay mô tả Phạm vi hệ thống theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2015

NỘI DUNG	VBLQ TƯƠNG ỨNG TẠI GEC
2 Nhận diện và Đánh giá Rủi ro ❖ GEC thực hiện đánh giá tác động EHSS (ESIA) cho các DA mới. ❖ Xác định các rủi ro chính liên quan đến: • Chất thải thể rắn và thể lỏng • Nước thải • Đa dạng sinh học • Tiếng ồn, bụi, và ô nhiễm ❖ Tác động đến cộng đồng (quyền sử dụng đất, tái định cư, lao động trẻ em, v.v.).	❖ EHSS/ST-1 Sổ tay quản lý Hệ thống EHSS ❖ EHSS/QT-4 Quy trình vòng đời DA ❖ EHSS/QT-6 Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro khía cạnh Môi trường, an toàn lao động ❖ EHSS/QT-10 Quy trình đánh giá tác động EHSS (ESIA) ❖ EHSS/QĐ-2 Quy định mục tiêu môi trường ❖ EHSS/HD-8 Hướng dẫn sàng lọc và đánh giá trách nhiệm EHSS cho DA ❖ EHSS/ST-7 Sổ tay EHSS của GECG ❖ EHSS/ST-3 Sổ tay sơ cấp cứu ❖ EHSS/QĐ-4 Quy định An toàn, Vệ sinh lao động, Môi trường, Sức khỏe và PCCC
3 Cơ cấu Tổ chức và Trách nhiệm ❖ GEC cần thiết lập một nhóm quản lý ESMS chuyên biệt, với các vị trí chịu trách nhiệm về: • EHSS • An toàn và sức khỏe	❖ EHSS/QĐ-3 Quy định chức danh và Mô tả công việc về EHSS
4 **Chương trình Quản lý và Giám sát** ❖ Thiết lập kế hoạch chi tiết để giảm thiểu và kiểm soát các rủi ro. ❖ Các chương trình cụ thể: • Quản lý chất thải: Xử lý chất thải rắn và lỏng theo quy định • Bảo vệ đa dạng sinh học: Hạn chế ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh các DA Thủy điện, Điện Gió ❖ Giám sát sức khỏe và an toàn lao động: Thực hiện kiểm tra định kỳ và huấn luyện nhân viên.	❖ EHSS/ST-4 Sổ tay Môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội cho NM Điện Mặt trời ❖ EHSS/ST-5 Sổ tay Môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội cho NM Thủy điện ❖ EHSS/ST-6 Sổ tay Môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội cho NM Điện Gió ❖ **Môi trường:** • EHSS/QT-8 Quy trình quản lý ô nhiễm môi trường • EHSS/QT-13 Quy trình quản lý chất thải • EHSS/HD-1 Hướng dẫn quản lý đa dạng sinh học • EHSS/HD-2 Hướng dẫn quản lý di sản văn hóa • EHSS/HD-10 Hướng dẫn quản lý xói lở ❖ **Xã hội:** • EHSS/HD-6 Hướng dẫn về người bản địa • EHSS/HD-9 Hướng dẫn thu hồi đất ❖ **Sức khỏe và an toàn cộng đồng:** • EHSS/QT-16 Quy trình sức khỏe và an toàn cộng đồng ❖ **Sức khỏe và an toàn lao động:** • EHSS/QT-2 Quy trình kiểm định các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động • EHSS/QT-18 Quy trình trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân ❖ **Quản lý bên thứ ba:** • EHSS/QT-9 Quy trình đánh giá rủi ro EHSS chuỗi cung ứng • EHSS/HD-3 Hướng dẫn quản lý nhà thầu
5 **Tham vấn và Gắn kết Cộng đồng** ❖ GEC thiết lập cơ chế tham vấn cộng đồng minh bạch trong suốt vòng đời DA. ❖ Xử lý khiếu nại (Grievance Mechanism): Hệ thống thu nhận và giải quyết ý kiến từ cộng đồng hoặc công nhân.	**BLQ bên ngoài:** ❖ EHSS/QT-5 Quy trình quản lý các báo cáo gửi Cơ quan Nhà nước ❖ EHSS/HD-4 Hướng dẫn tham gia của các BLQ ❖ EHSS/HD-5 Hướng dẫn Cán bộ liên lạc cộng đồng ❖ EHSS/HD-7 Hướng dẫn trao đổi thông tin **BLQ nội bộ:** ❖ EHSS/QT-14 Quy trình cơ chế khiếu nại của người lao động liên quan đến EHSS
6 Giám sát, Đánh giá và Báo cáo ❖ Thực hiện các chương trình giám sát định kỳ (hàng quý, hàng năm) để đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu. ❖ Báo cáo minh bạch về hiệu quả quản lý EHSS.	❖ EHSS/QT-11 Quy trình đánh giá nội bộ về EHSS ❖ EHSS/QT-12 Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo về hệ thống quản lý EHSS ❖ EHSS/QĐ-5 Quy định tương tác, hỗ trợ EHSS
7 Đào tạo và Nâng cao Năng lực ❖ GEC tổ chức các chương trình đào tạo cho nhân viên, nhà thầu, và các BLQ về: • Nhận thức về EHSS • Chính sách và quy trình ESMS • Ứng phó khẩn cấp và quản lý sự cố	❖ Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Công ty
8 Cải tiến liên tục ❖ Đánh giá hiệu quả của ESMS và cải tiến dựa trên: • Kết quả giám sát • Phản hồi từ cộng đồng • Các thay đổi trong chính sách hoặc pháp luật	❖ EHSS/QT-3 Quy trình xác định nghĩa vụ tuân thủ ❖ EHSS/QT-1 Quy trình quản lý sự không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa

THỰC HÀNH EHSS TẠI CÁC NM VÀ DA CỦA GEC

Tại GEC, các NM và DA đều được quản lý theo các tiêu chuẩn EHSS cao nhất. Chúng tôi triển khai các biện pháp giám sát môi trường định kỳ, bao gồm kiểm tra chất lượng nước, không khí và đất. Các chương trình quản lý chất thải cũng được thực hiện chặt chẽ, với sự hợp tác từ các đơn vị xử lý chất thải được cấp phép.

TUÂN THỦ EHSS CHO DA

GIAI ĐOẠN	TUÂN THỦ EHSS ĐỐI VỚI CÁC NM/DA THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ TẠI GEC
Tiền khả thi	❖ Đánh giá Sơ bộ tác động Môi trường
Chuẩn bị	❖ Đánh giá tác động Môi trường ❖ Giấy phép Môi trường/Đăng ký Môi trường ❖ Phân công Nhân sự phụ trách EHSS ❖ Xem xét và phê duyệt các kế hoạch quản lý EHSS của nhà thầu
Xây dựng	❖ Quản lý chất thải, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại ❖ Quản lý nước thải ❖ Quản lý xói lở ❖ Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước dưới đất ❖ Giấy phép sử dụng khu vực biển ❖ Lắp đặt trạm khí tượng thủy văn (đo mưa, đo mực nước, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, xả qua nhà máy, xả qua tràn) ❖ Lắp đặt cột thủy chí ❖ Quản lý An toàn vệ sinh lao động ❖ Quản lý phòng chống cháy nổ
Vận hành	❖ Duy trì dòng chảy tối thiểu ❖ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường ❖ Báo cáo tình hình khai thác sử dụng nước mặt, nước dưới đất ❖ Báo cáo sử dụng khu vực biển ❖ Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại ❖ Quản lý Đa dạng sinh học: Thực vật phù du, tảo, động vật đáy, thành phần cá, giám sát chim dơi. ❖ Quản lý chất lượng Môi trường lao động, Môi trường làm việc ❖ Quản lý an toàn vệ sinh lao động ❖ Quản lý phòng chống cháy nổ

TUÂN THỦ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG TẠI NM VÀ DA

Bên cạnh các công tác môi trường thực hiện định kỳ hàng năm, trong năm 2024, GEC thực hiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường cho toàn bộ các NM của GEC căn cứ theo khối lượng chất thải, nước thải phát sinh. Công tác này nhằm đảm bảo Các NM của GEC tuân thủ Luật bảo vệ môi trường 2020.

HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

LOẠI HÌNH	THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG/ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
Thủy điện vừa và nhỏ	**12 NM Thủy điện:** Ayun Thượng 1A, Đa Khai, Đắk Pi Hao 1, Đắk Pi Hao 2, H'Chan, H'Mun, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Meur 3, Ia Puch 3, Thượng Lộ
	1 DA Thủy điện: Ea Tih
Điện Mặt trời	**5 NM Điện Mặt trời:** Đức Huệ 1, Hàm Phú 2, Krông Pa, Phong Điền, Trúc Sơn
Điện Gió	**4 NM Điện Gió:** Ia Bang 1, V.P.L 1, Tân Phú Đông 1 và 2

TUÂN THỦ AN TOÀN LAO ĐỘNG TẠI NM

An toàn lao động tại các NM và DA là yếu tố then chốt nhằm bảo vệ người lao động, thiết bị và đảm bảo vận hành liên tục. Người lao động tại GEC bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình an toàn, sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ và tuân thủ quy trình thao tác khi vận hành và bảo trì thiết bị. Việc tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn giúp GEC giảm thiểu rủi ro cho con người và tài sản, đồng thời nâng cao hiệu suất làm việc.

DANH MỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG	HỒ SƠ AN TOÀN LAO ĐỘNG TUÂN THỦ
Hồ sơ an toàn lao động và y tế	1 Báo cáo chấp hành các quy định Pháp luật
	2 Giấy phép đăng ký kinh doanh
	3 Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế dân chủ
	4 Sổ quản lý lao động
	5 Hợp đồng lao động
	6 Bảng chấm công, tính lương
	7 Danh sách Nhân sự làm việc thuộc ngành nghề độc hại
	8 Hồ sơ phân loại lao động - phân loại người lao động làm các công việc (Văn phòng, NM) có thuộc công việc nặng nhọc độc hại theo TT29/2021 - TT/BLĐ TBXH
	9 Danh sách Nhân sự làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về công tác An toàn vệ sinh lao động
	10 VBLQ về An toàn: ❖ Quy định An toàn, Vệ sinh lao động, Môi trường, Sức khỏe và PCCC ❖ Quy trình kiểm định các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 ❖ Quy trình quản lý các báo cáo gửi Cơ quan nhà nước ❖ Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro – khía cạnh môi trường, an toàn lao động theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 ❖ Quy trình/Biện pháp đảm bảo An toàn vệ sinh lao động (tự kiểm tra) ❖ Quy trình ứng phó với sự cố khẩn cấp về An toàn Môi trường
	11 Phiếu khai báo sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (khai báo lần đầu/khi có thay đổi tăng hoặc giảm thiết bị)
	12 Hồ sơ máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động (hồ sơ kỹ thuật Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ - Certificate of Original, Chứng nhận chất lượng - Certificate of Quality, lý lịch máy; sổ theo dõi các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; quyết định cử người quản lý, sử dụng và theo dõi các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; checklist kiểm tra máy, thiết bị định kỳ hàng tháng/quý)
	13 Kết quả kiểm định định kỳ hàng năm các NM, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; sổ theo dõi kiểm định thiết bị nghiêm ngặt

DANH MỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG	HỒ SƠ AN TOÀN LAO ĐỘNG TUÂN THỦ
Hồ sơ an toàn lao động và y tế	14 Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hàng năm
	15 Quyết định phân công nhiệm vụ các Nhân sự làm công tác chuyên trách/bán chuyên trách An toàn vệ sinh lao động, Sơ cấp cứu, An toàn vệ sinh viên; Quy chế hoạt động của đội An toàn vệ sinh viên, Sơ cấp cứu; Biên bản họp đội An toàn vệ sinh viên; Sổ theo dõi các kiến nghị và thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro tại nơi làm việc
	16 Chứng chỉ đào tạo: An toàn vệ sinh lao động, an toàn điện; PCCC; Sơ cấp cứu; Vận hành máy, thiết bị nghiêm ngặt
	17 Sổ theo dõi liên quan hoạt động đào tạo/huấn luyện: An toàn vệ sinh lao động; Sơ cấp cứu; PCCC; An toàn điện; Vận hành các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn
	18 Hồ sơ về Nhân viên Y tế tại Công ty/Hợp đồng dịch vụ y tế (Chăm sóc sức khỏe và cấp cứu)
	19 Hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động (file theo dõi có ký hàng năm); Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp; Hồ sơ khám sức khỏe người lao động mới tuyển
	20 Hồ sơ về việc cấp phát phương tiện bảo hộ cá nhân (Chứng nhận hợp quy bảo hộ lao động - PPE; Danh sách cấp phát và ký nhận cấp phát về PPE; Kiểm định các dụng cụ, phương tiện bảo hộ về an toàn điện: Ủng cách điện, thảm cách điện, sào cách điện...)
	21 Kết quả quan trắc Môi trường lao động định kỳ
	22 Hồ sơ về bồi dưỡng bằng hiện vật (quyết định bồi dưỡng bằng hiện vật; danh sách bồi dưỡng bằng hiện vật và ký nhận hiện vật)
	23 Tất cả các báo cáo theo quy định Luật An toàn Vệ sinh lao động: Báo cáo tổng hợp tình hình Tai nạn Lao động - 2 lần/năm; Báo cáo Y tế Lao động - 2 lần/năm; Báo cáo Hưởng ứng tháng an toàn vệ sinh lao động - Nếu có yêu cầu; Báo cáo Tình hình thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động - 1 lần/năm; Báo cáo Tuân thủ Pháp luật lao động - 1 lần/năm
	24 Phiếu tự kiểm tra EHSS tại các NM
	25 Kiểm tra các Biển báo về: An toàn điện; An toàn cơ khí, máy, thiết bị; An toàn làm việc trên cao; An toàn làm việc gần mép nước; An toàn vận hành bình áp lực, khí nén; An toàn làm việc trong không gian hạn chế; An toàn về vận hành thiết bị nâng (cần trục, cầu trục)...
	26 Sổ theo dõi về các Nhà thầu, khách vào làm việc, tham quan NM và ký nhận đã được phổ biến về an toàn khi làm việc/tham quan tại NM
	27 Hồ sơ vệ sinh lao động, giấy phép hoạt động của đơn vị kiểm định; hồ sơ kiểm định/hiệu chuẩn của thiết bị sử dụng để kiểm định; chứng chỉ kiểm định viên
Hồ sơ PCCC	1 Hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu hệ thống PCCC của Công ty
	2 Chứng nhận huấn luyện về PCCC và cứu nạn cứu hộ
	3 Phương án PCCC của Công an PCCC
	4 Phương án PCCC, cứu nạn cứu hộ của Công ty
	5 Tổ chức thực tập PCCC hàng năm
	6 Bộ hồ sơ về PCCC (hồ sơ nạp sạc PCCC; hồ sơ bảo dưỡng hệ thống PCCC; hồ sơ đo điện trở tiếp địa, nối đất; bảo hiểm cháy nổ bắt buộc)
	7 Báo cáo công tác PCCC: Báo cáo công tác PCCC định kỳ - 2 lần/năm; Báo cáo về trang thiết bị PCCC - 1 lần/năm
	8 Biên bản tự kiểm tra PCCC, Biên bản kiểm tra định kỳ của CQNN
	9 Sổ theo dõi hoạt động của các thiết bị PCCC, cứu nạn cứu hộ
	10 Tem kiểm tra PCCC tại các thiết bị PCCC
	11 Nội quy về an toàn PCCC; Biển báo, biển cấm về PCCC, tiêu lệnh PCCC; Biển chỉ dẫn/sơ đồ thoát nạn
	12 Quyết định thành lập đội PCCC Công ty

DANH MỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG	HỒ SƠ AN TOÀN LAO ĐỘNG TUÂN THỦ
An toàn đập	1. Quy trình vận hành hồ chứa
	2. Phương án phòng chống lụt bão hạ du đập
	3. Phương án phòng chống lụt bão an toàn đập
	4. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa
	5. Phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa
	6. Phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ đập
	7. Thu thập số liệu quan trắc đập hàng năm
	8. Báo cáo kiểm định an toàn đập - định kỳ 5 năm/lần
	9. Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước - 1 lần/năm
	10. Báo cáo đánh giá an toàn đập, hồ chứa - 1 lần/năm
Ứng phó sự cố khẩn cấp về EHSS	1. Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp
	2. Phương án ứng phó thiên tai
	3. Danh mục các trang thiết bị ứng phó sự cố khẩn cấp về EHSS tại Công ty
	4. Chuẩn bị ứng phó với tình huống khẩn cấp bão, lũ:
	❖ Chuẩn bị về lương thực, thực phẩm
	❖ Chuẩn bị các trang thiết bị vật tư y tế
	❖ Chuẩn bị phương tiện thông tin liên lạc
	❖ Kiểm tra và xác nhận tình hình chuẩn bị và ứng phó tại cơ sở trước khi có sự cố

THỰC HÀNH EHSS TẠI CÁC NM VÀ DA CỦA GEC

Năm 2024, Công ty đã ký kết hợp đồng với Đơn vị bên ngoài để tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho 466 người. Bên cạnh đó, được sự phân công của BLĐ, trong năm 2024, Phòng EHSS đã tổ chức 2 chương trình đào tạo nội bộ liên quan đến quy định chấp hành về Luật bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước và Luật PCCC cho 257 người theo hình thức trực tuyến nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng cho CBNV và các BLQ về quản lý EHSS. Những nỗ lực này ngày càng giúp GEC xây dựng được một đội ngũ nhân lực mạnh mẽ, đáp ứng các cam kết về mục tiêu PTBV.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	THÀNH PHẦN THAM GIA	SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN
Cập nhật các nội dung cần lưu ý của Luật bảo vệ môi trường 2020 và Luật Tài nguyên nước 2023	GĐ chi nhánh, GĐ NM, Kỹ sư trưởng NM, Trạm trưởng NM, Nhân viên vận hành	**51 người**
Đào tạo nội bộ Công tác PCCC theo NĐ 50/2024/NĐ-CP	GĐ chi nhánh, GĐ NM, Kỹ sư trưởng NM, Trạm trưởng NM, Nhân viên vận hành	**206 người**
Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động 35 khóa	GĐ chi nhánh, GĐ NM, Kỹ sư trưởng NM, Trạm trưởng NM, Nhân viên vận hành, Nhân sự làm việc tại văn phòng	**466 người**



Chỉ số về Môi trường và Lao động

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024
Tổng năng lượng tiêu thụ (MWh)	6.400	8.144	**8.403**
Tiêu thụ dầu Diesel (lít)	Không thống kê	56.566	**41.807**
Tiêu thụ Xăng (lít)	Không thống kê	36.573	**42.085**
Sử dụng Gas (kg)	Không thống kê	503	**669**
Xăng sử dụng để di chuyển của CBNV (lít)	Không thống kê	48.385	**58.508**

TIÊU THỤ ĐIỆN

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024
Tổng năng lượng tiêu thụ (MWh)	6.400	8.144	**8.403**

SẢN XUẤT ĐIỆN TỪ CÁC NM NLTT

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024
Sản xuất điện (kWh)	1.054.351.279	1.232.684.941	**1.507.770.130**

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

PHÁT THẢI KNK THEO 3 PHẠM VI	2022	2023	2024
Phạm vi 1 (tấn CO_2e)	Không thống kê	370,5	**252,5**
Phạm vi 2 (tấn CO_2e)	4.621	5.880,8	**5.539,2**
Phạm vi 3 (tấn CO_2e)	Không thống kê	395,9	**239,5**
Hấp thụ phát thải KNK (tấn CO_2e)	Không thống kê	67,4	**67,4**
Bù trừ phát thải cho Phạm vi 2 bằng sản lượng điện không bán Tín chỉ REC	0	5.880,8	**5.539,2**
Tổng phát thải theo 3 Phạm vi (tấn CO_2e) (1+2+3-4-5)	**4.621**	**699,1**	**424,6**

TIÊU THỤ NƯỚC

TIÊU THỤ NƯỚC	2022	2023	2024
Nước mặt (m^3)	2.555.000.000	2.481.162.494	**2.203.438.334**
Nước ngầm (m^3)	22.906	20.348	**13.441**
Nước máy (m^3)	1.426	8.656	**8.788**

CHẤT THẢI

CHẤT THẢI	2022	2023	2024
Chất thải nguy hại (tấn)	11,9	5,9	**8,4**
Chất thải sinh hoạt (tấn)	13,2	18	**17,5**
Chất thải thu gom giao cho đơn vị bên ngoài xử lý (tấn)	18,7	12,1	**18,1**
Chất thải tự xử lý (tấn)	6,4	11,8	**7,8**
Tổng (tấn)	**25,1**	**23,9**	**25,9**

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024
Lao động BO/FO	**533**	**513**	**488**
Trong Sản xuất	326	324	316
Ngoài Sản xuất	207	189	172
Lao động theo Độ tuổi	**533**	**513**	**488**
< 30 tuổi	103	84	71
Từ 30 đến 50 tuổi	392	389	377
> 50 tuổi	38	40	40
Lao động theo Giới tính	**533**	**513**	**488**
Nam	433	420	409
Nữ	100	93	79
Lao động theo Trình độ	**533**	**513**	**488**
Trên Đại học	24	23	21
Đại học	229	214	202
Cao đẳng	110	115	116
Trung cấp	98	82	73
Lao động phổ thông, Sơ cấp	72	79	76
Lao động theo thâm niên công tác	**533**	**513**	**488**
Thâm niên dưới 3 năm	177	132	81
Thâm niên từ 3 năm đến dưới 5 năm	110	95	94
Thâm niên từ 5 năm đến dưới 10 năm	79	92	119
Thâm niên từ 10 năm trở lên	167	194	194
Lao động theo Cấp bậc	**533**	**513**	**488**
Quản lý Cấp cao	9	10	9
Quản lý Cấp trung	83	86	83
Chuyên viên/Nhân viên	441	417	396
Lao động Khuyết tật	**0**	**0**	**0**
Lao động người cao tuổi	**2**	**2**	**1**
Lao động trẻ em	**0**	**0**	**0**

VÒNG QUAY LAO ĐỘNG	2022		2023		2024	
	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG
Tuyển mới theo nhu cầu Sản xuất	**73**	**100%**	**47**	**100%**	**34**	**100%**
Trong Sản xuất	30	41%	16	34%	12	35%
Ngoài Sản xuất	43	59%	31	66%	22	65%
Tuyển mới theo Cấp bậc						
Quản lý cấp cao	0	0%	0	0%	0	0%
Quản lý Cấp trung	5	7%	2	4%	1	3%
Chuyên viên/Nhân viên	68	93%	45	96%	33	97%
Tuyển mới theo Độ tuổi						
Từ 18 đến 25 tuổi	30	41%	8	17%	12	35%
Trên 25 đến 35 tuổi	29	40%	20	43%	14	41%
Trên 35 đến 45 tuổi	11	15%	12	26%	6	18%
> 45 tuổi	3	4%	7	15%	2	6%
Tuyển mới theo Giới tính						
Nam	39	53%	34	72%	25	74%
Nữ	34	47%	13	28%	9	26%
Giảm Lao động	**81**	**15%**	**56**	**11%**	**57**	**11%**
Nghỉ việc định biên	23	4%	21	4%	31	6%
Nghỉ việc tự nguyện	58	11%	35	7%	26	5%
Nghỉ việc do sa thải	0	0%	0	0%	0	0%
Luân chuyển Lao động nội bộ	**21**	**3,8%**	**14**	**2,7%**	**5**	**1%**
Bổ nhiệm Nội bộ	**21**	**72%**	**13**	**81%**	**19**	**90%**
Tạm hoãn Hợp đồng lao động	**0**	**0%**	**0**	**0%**	**0**	**0%**
Nghỉ thai sản	**8**	**100%**	**9**	**100%**	**5**	**100%**
Quay lại làm việc sau thai sản	**5**	**63%**	**8**	**89%**	**4**	**80%**

ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG	2022	2023	2024
Tổ chức Hội nghị, Đối thoại định kỳ/ đột xuất	**1**	**2**	**3**
Định kỳ	1	1	1
Đột xuất	0	1	2
Khám sức khỏe định kỳ			
Số Nhân sự tham gia khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp	533	513	488
Tỷ lệ tham gia khám sức khỏe	100%	100%	100%
Tỷ lệ tham gia khám bệnh nghề nghiệp	100%	100%	100%
Số Nhân sự mắc bệnh nghề nghiệp	**0**	**0**	**0**
Số Nhân sự bị Tai nạn lao động	**0**	**0**	**0**
Chế độ, Chính sách dành cho Người lao động			
Tổng Quỹ lương + Thưởng (tỷ đồng) (Lương + Phụ cấp + Bảo hiểm bắt buộc)	156	144	138,4
Chế độ phúc lợi (tỷ đồng)	8,7	10,3	6
Thu nhập Bình quân (triệu đồng)	19,5	19,7	20,3
Thu nhập Bình quân nam (triệu đồng)	19,9	18,9	20,1
Thu nhập Bình quân nữ (triệu đồng)	22,7	23,3	20,5

ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN	2022	2023	2024
Số khóa đào tạo (khóa)	**145**	**103**	**76**
Chi phí đào tạo (tỷ đồng)	**1,6**	**0,32**	**0,60**
Số lượt học viên (lượt học viên)	**2.959**	**2.591**	**2.349**
Tổng Số giờ đào tạo (giờ)	**1.860**	**1.469**	**1.326**
Số giờ đào tạo trung bình (giờ):			
Nam giới	3,6	3,0	3,1
Nữ giới	8,2	7,2	7,2
Cấp Quản lý	12	10,4	9,7
Cấp Nhân viên	3,8	3,14	2,8
Số khóa Huấn luyện An toàn	**45**	**33**	**35**
Số học viên tham gia Huấn luyện An toàn	**494**	**486**	**466**

CHƯƠNG 5

Tinh tấn Tương lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	247
Báo cáo của Ban TGĐ	248
Báo cáo kiểm toán độc lập	249
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)	251
Báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)	253
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)	254
Thuyết minh BCTC hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN/HN)	256

Thông tin về doanh nghiệp

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9 tháng 9 năm 2010, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 24) số 5900181213 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập
Ông Toshihiro Oki	Thành viên không điều hành
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên không điều hành
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên không điều hành

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Thái Hà	TGĐ
Ông Lê Thanh Vinh	Phó TGĐ Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó TGĐ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban TGĐ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") chịu trách nhiệm lập BCTC hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả HĐKD hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập BCTC hợp nhất này, Ban TGĐ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập BCTC hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban TGĐ của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập BCTC hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của BCTC hợp nhất. Ban TGĐ của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho TGĐ của Công ty để phê duyệt và ký BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, căn cứ theo QĐ số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2024.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn BCTC hợp nhất đính kèm từ trang 251 đến trang 305. BCTC hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả HĐKD hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Tỉnh Gia Lai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Báo cáo kiểm toán độc lập Gửi các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán BCTC hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban TGĐ Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2025. BCTC hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh BCTC hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 251 đến trang 305.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGĐ của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý BCTC hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất và chịu trách nhiệm về KSNB mà Ban TGĐ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày BCTC hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về BCTC hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu BCTC hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên BCTC hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong BCTC hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét KSNB của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của KSNB của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban TGĐ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể BCTC hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, BCTC hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả HĐKD hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16574
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Thái Bá Bảo Khoa
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5621-2021-006-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.381.711.542.204**	**1.458.483.967.428**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**163.717.707.072**	**229.105.088.949**
111	Tiền		99.909.204.892	71.899.510.569
112	Các khoản tương đương tiền		63.808.502.180	157.205.578.380
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**239.400.000.000**	**233.227.700.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	239.400.000.000	233.227.700.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**823.295.838.075**	**829.253.577.813**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	414.935.591.105	473.901.746.212
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	20.528.704.499	15.966.266.230
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	242.320.000.000	229.320.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	146.329.251.106	110.774.766.053
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(817.708.635)	(709.200.682)
140	**Hàng tồn kho**	**9**	**118.822.621.030**	**126.615.321.929**
141	Hàng tồn kho		155.571.782.030	126.615.321.929
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(36.749.161.000)	-
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**36.475.376.027**	**40.282.278.737**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	21.465.141.796	10.892.515.079
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(a)	14.876.028.582	28.788.627.746
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(a)	134.205.649	601.135.912
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**13.791.844.798.232**	**14.673.886.939.540**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**29.387.889.833**	**40.706.085.155**
215	Phải thu về cho vay dài hạn		-	20.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	29.539.599.675	20.857.794.997
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(151.709.842)	(151.709.842)
220	**Tài sản cố định**		**13.296.243.774.856**	**14.067.796.955.275**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	13.208.513.709.407	14.019.492.297.141
222	*Nguyên giá*		16.881.576.550.705	16.908.639.318.236
223	*Giá trị khấu hao lũy kế*		(3.673.062.841.298)	(2.889.147.021.095)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	66.309.267.107	23.106.531.676
225	*Nguyên giá*		74.767.112.572	28.086.588.959
226	*Giá trị khấu hao lũy kế*		(8.457.845.465)	(4.980.057.283)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	21.420.798.342	25.198.126.458
228	*Nguyên giá*		39.381.555.527	39.366.555.527
229	*Giá trị khấu hao lũy kế*		(17.960.757.185)	(14.168.429.069)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**268.369.957.402**	**358.893.849.428**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	268.369.957.402	358.893.849.428
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**173.517.461.623**	**168.150.343.624**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	173.517.461.623	168.150.343.624
260	**Tài sản dài hạn khác**		**24.325.714.518**	**38.339.706.058**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	24.325.714.518	29.859.287.242
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20	-	8.480.418.816
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**15.173.556.340.436**	**16.132.370.906.968**

Các thuyết minh từ trang 256 đến trang 305 là một phần cấu thành BCTC hợp nhất này.

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**9.409.067.317.958**	**10.365.048.514.986**
310	**Nợ ngắn hạn**		**785.159.808.730**	**1.679.163.688.421**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	32.283.866.757	74.935.697.190
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.490.511.247	1.930.007.663
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	47.951.063.315	58.180.592.288
314	Phải trả người lao động		785.066.665	637.738.211
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	24.317.673.288	50.007.562.902
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		93.185.392	117.512.892
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	9.480.430.736	9.956.056.446
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18(a)	596.947.078.982	1.414.512.464.303
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	71.810.932.348	68.886.056.526
330	**Nợ dài hạn**		**8.623.907.509.228**	**8.685.884.826.565**
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		277.272.726	423.040.722
337	Phải trả dài hạn khác		14.850.000	1.399.800.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**18(b)**	8.596.078.933.882	8.681.996.151.843
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20	25.605.398.335	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		1.931.054.285	2.065.834.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.764.489.022.478**	**5.767.322.391.982**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**5.764.489.022.478**	**5.767.322.391.982**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	4.225.083.710.000	4.054.494.010.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.583.083.710.000*	*3.412.494.010.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*		*642.000.000.000*	*642.000.000.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	20.700.057.484	20.700.057.484
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	96.180.413.885	96.354.085.823
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	83.075.403.683	178.508.233.688
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*9.111.150.106*	*100.847.336.311*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*73.964.253.577*	*77.660.897.377*
429	Lợi ích CĐ không kiểm soát	22	1.339.449.437.426	1.417.266.004.987
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**15.173.556.340.436**	**16.132.370.906.968**

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 256 đến trang 305 là một phần cấu thành BCTC hợp nhất này.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mã số		Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.325.314.422.750**	**2.163.456.147.696**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**25**	**2.325.314.422.750**	**2.163.456.147.696**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**26**	**1.252.130.796.010**	**1.042.528.569.954**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**		**1.073.183.626.740**	**1.120.927.577.742**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	38.028.122.572	100.599.754.753
22	Chi phí tài chính	28	801.100.868.886	870.734.223.835
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*28*	*785.725.023.247*	*841.733.441.926*
24	Phần lãi trong công ty liên kết	4(b)	5.367.117.999	5.210.379.437
25	Chi phí bán hàng		25.000.000	985.267.357
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	135.489.654.026	158.479.036.896
30	**Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)**		**179.963.344.399**	**196.539.183.844**
31	Thu nhập khác		4.866.550.788	5.140.742.377
32	Chi phí khác		3.299.299.015	6.666.182.497
40	**Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)**	**30**	**1.567.251.773**	**(1.525.440.120)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**		**181.530.596.172**	**195.013.743.724**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	**31**	**55.371.388.939**	**46.864.367.463**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**31**	**34.085.817.151**	**4.825.429.149**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)**		**92.073.390.082**	**143.323.947.112**
	Phân bổ cho:			
61	**Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**114.823.028.545**	**137.243.674.272**
62	**Lợi nhuận sau thuế của CĐ không kiểm soát**		**(22.749.638.463)**	**6.080.272.840**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**23(a)**	**174**	**197**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**23(b)**	**174**	**197**

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 256 đến trang 305 là một phần cấu thành BCTC hợp nhất này.

MẪU SỐ B 03 – DN/HN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐKD			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**181.530.596.172**	**195.013.743.724**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		804.297.740.099	697.158.468.900
03	Các khoản dự phòng		36.722.889.238	263.661.851
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(47.340.658)	(1.955.339.040)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(41.203.805.966)	(92.030.681.923)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		789.660.456.230	851.087.920.188
08	**Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.770.960.535.115**	**1.649.537.773.700**
09	Giảm các khoản phải thu		20.157.535.979	325.420.062.063
10	Giảm hàng tồn kho		21.454.988.635	25.480.839.525
11	Giảm các khoản phải trả		(12.126.088.473)	(40.580.212.811)
12	Tăng chi phí trả trước		(5.130.188.043)	(2.860.621.887)
14	Tiền lãi vay đã trả		(804.255.448.226)	(853.528.257.522)
15	Thuế TNDN đã nộp		(61.496.640.337)	(17.837.233.836)
17	Tiền chi khác từ HĐKD		(16.900.045.619)	(22.446.182.099)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD**		**912.664.649.031**	**1.063.186.167.133**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(102.100.056.932)	(1.580.177.742.503)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		39.836.836.420	1.712.915.828
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(14.520.211.262)	(250.152.700.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		15.347.911.262	524.205.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và mua công ty con		-	(141.642.331.172)
26	Tiền thu từ thanh lý công ty con		58.170.262.912	56.935.944.462
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		15.645.187.801	26.283.544.867
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**12.379.930.201**	**(1.362.835.368.518)**

Mã số		Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của công ty con từ CĐ thiểu số		200.000.000	113.883.080.000
33	Tiền thu từ đi vay		1.057.809.183.019	2.365.726.854.461
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.963.830.390.300)	(2.196.460.215.564)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(8.460.291.486)	(4.095.691.380)
36	Tiền chi trả cổ tức cho CĐ		(76.197.803.000)	(84.295.256.500)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(990.479.301.767)**	**194.758.771.017**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(65.434.722.535)**	**(104.890.430.368)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**3**	**229.105.088.949**	**333.840.180.277**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		47.340.658	155.339.040
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**3**	**163.717.707.072**	**229.105.088.949**

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 34.

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 256 đến trang 305 là một phần cấu thành BCTC hợp nhất này.

Các thuyết minh từ trang 256 đến trang 305 là một phần cấu thành BCTC hợp nhất này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo QĐ số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của UBND Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2024 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM ("HOSE") theo QĐ số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG.

Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là năng lượng, thương mại và dịch vụ.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; và cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

Chu kỳ SXKD thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày cuối năm, Tập đoàn có 501 nhân viên (tại ngày đầu năm: 526 nhân viên).

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty có trụ sở chính tại Số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam, 5 chi nhánh độc lập và 2 văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăk Pi Hao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam; và

Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 9, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

Tại ngày cuối năm, Công ty có 12 công ty con trực tiếp, 1 công ty con gián tiếp và 2 công ty liên kết (tại ngày đầu năm: 12 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp và 2 công ty liên kết) như sau:

		Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. CÔNG TY CON TRỰC TIẾP							
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53	62,53	62,53
2	Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Long An	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92	99,92	99,92
3	Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93	54,93	54,93
4	Công ty Cổ phần NM Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Đắk Nông	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96	99,96	99,96
5	Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Tỉnh Bến Tre	Sản xuất và phân phối điện	88,84	88,84	99,98	99,98
6	Công ty Cổ phần Điện gió la Bang	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	84,72	99,53	99,53
7	Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất và phân phối điện	100	100	100	100
8	Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi-Ja	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99	99	99	99
9	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang (*)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và phân phối điện	99,99	99,99	99,99	99,99
10	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100	100	100	100
11	Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau (*)	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,93	99,93	99,93	99,93
12	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành (*) (i)	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và phân phối điện	99,90	99,90	99,90	99,90

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

		Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
B. CÔNG TY CON GIÁN TIẾP							
1	Công ty Cổ phần Điện gió Lavi (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	-	94,38	-	99,99
2	Công ty Cổ phần Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,99	99,99	99,99	99,99
C. CÔNG TY LIÊN KẾT							
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	25,09	25,09	25,09	25,09
2	Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99	49,99	49,99

(i) Vào ngày 23 tháng 10 năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành ("TTR") với số tiền là 5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 99,99% của TTR.

(ii) Trong năm, thông qua Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và Công ty Cổ phần Năng lượng VPL, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 9.999.980 cổ phần, tương đương 94,38% tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Điện gió Lavi ("Lavi") cho Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind - một công ty liên kết. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Lavi không còn là công ty con thuộc Tập đoàn.

(*) Tại ngày cuối năm, Tập đoàn chưa góp đủ vốn vào các công ty con này. Chi tiết cam kết góp vốn được trình bày tại Thuyết minh 36(c).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập BCTC hợp nhất

BCTC hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất. BCTC hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

BCTC hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả HĐKD hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên BCTC hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hay "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất BCTC

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của CĐ không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất .

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

BCTC của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. BCTC sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của năm tài chính và sự khác nhau về thời điểm lập BCTC phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nghiệp vụ và lợi ích của CĐ không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với CĐ không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích CĐ không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của CĐ không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp VCSH kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp VCSH và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản tổn thất lũy kế.

Sau đó, phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất tương ứng với tăng hoặc giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cổ tức hoặc lợi nhuận được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Ngoài ra việc điều chỉnh giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi VCSH của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên kết quả HĐKD trong năm tài chính của đơn vị được đầu tư. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.10 Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban TGĐ thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp VCSH trong BCTC hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban TGĐ thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản cho vay còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí SXKD trong năm tài chính.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên BCTC hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

TSCĐ hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-48 năm
Máy móc, thiết bị	3-25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-30 năm
Thiết bị quản lý	3-15 năm
Khác	2-20 năm

TSCĐ vô hình

Quyền sử dụng đất (*)	22-50 năm
Phần mềm máy tính	3-8 năm
Khác	1-20 năm

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý DA; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; các chi phí liên quan khác đến đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành TSCĐ, và chi phí vay được vốn hóa phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo chính sách kế toán số 2.12 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.16 Vay và nợ thuê tài chính và chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí SXKD của năm tài chính.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí SXKD trong năm tài chính.

2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.20 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm doanh thu từ cho thuê. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các CĐ và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là VCSH nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả HĐKD lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo và sau khi đã trích các quỹ được ĐHĐCĐ phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.22 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong BCTC hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại ĐHĐCĐ.

LNST TNDN có thể được chia cho các CĐ sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các CĐ phê duyệt tại ĐHĐCĐ.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các CĐ phê duyệt tại ĐHĐCĐ. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các BCTC hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại ĐHĐCĐ hoặc theo nghĩa vụ thỏa thuận với CĐ sở hữu cổ phiếu ưu đãi.

2.23 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.24 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các DA xây dựng và tỷ suất lãi gộp ước tính theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.28 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào VCSH trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên BCTC hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các CĐ và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với:

- Ảnh hưởng sau thuế của lãi vay và các chi phí tài chính khác liên quan đến các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, và
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành nếu tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển đổi.

2.30 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các BLQ. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm HĐQT, Ban TGĐ, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là BLQ.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các BLQ, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo HĐKD), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban TGĐ của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

2.32 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập BCTC hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày BCTC hợp nhất yêu cầu Ban TGĐ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC hợp nhất của Tập đoàn và được Ban TGĐ đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	31.086.305	51.985.772
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	99.878.118.587	71.847.524.797
Các khoản tương đương tiền (*)	63.808.502.180	157.205.578.380
	163.717.707.072	**229.105.088.949**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng, hưởng lãi suất từ 1,5%/năm đến 4,5%/năm (tại ngày đầu năm hưởng lãi suất: từ 2,3%/năm đến 3,4%/năm).

Tại ngày cuối năm, Tập đoàn có các khoản tương đương tiền với giá trị là 12,1 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 31,3 tỷ Đồng) được sử dụng để đảm bảo cho các cho các khoản vay, lãi vay đến hạn thanh toán và bảo lãnh thực hiện các DA của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn	239.400.000.000	239.400.000.000	233.227.700.000	233.227.700.000

Tại ngày cuối năm, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng và không quá 12 tháng bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 1,8%/năm đến 4,5%/năm (tại ngày đầu năm, hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 6%/năm).

Tại ngày cuối năm, bao gồm trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn có 233 tỷ đồng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh thực hiện DA của Tập đoàn (tại ngày đầu năm: 232,3 tỷ đồng) (Thuyết minh 18).

Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	121.026.987.133	(*)	-	117.551.016.658	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind	52.490.474.490	(*)	-	50.599.326.966	-	-
	173.517.461.623		**-**	**168.150.343.624**		**-**

(*) Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên BCTC hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính có thể khác giá trị ghi sổ.

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	168.150.343.624	112.949.964.187
Tăng đầu tư vào công ty liên kết trong năm	-	49.990.000.000
Phần lãi thuần của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của các công ty liên kết	5.367.117.999	5.210.379.437
Số dư cuối năm	**173.517.461.623**	**168.150.343.624**

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba (*)	412.415.831.021	473.133.320.042
BLQ (Thuyết minh 33(b))	2.519.760.084	768.426.170
	414.935.591.105	**473.901.746.212**

(*) Chi tiết của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua Bán Điện	311.033.382.648	377.493.365.971
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	85.605.001.322	75.693.456.552
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7.240.190.682	7.499.323.740

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 817,7 triệu đồng.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba (*)	20.329.154.499	15.201.909.715
BLQ (Thuyết minh 33(b))	199.550.000	764.356.515
	20.528.704.499	**15.966.266.230**

(*) Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trong tổng trả trước cho người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sao Tháng Bảy Việt Nam	6.773.103.060	6.773.103.060
Công ty TNHH Thiết bị điện Đông Nam	3.234.686.000	3.234.686.000

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
BLQ (Thuyết minh 33(b)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (i)	180.900.000.000	-	180.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (ii)	54.420.000.000	-	44.420.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận (iii)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Điện Gió LaVi (iv)	3.000.000.000	-	-	-
	242.320.000.000	**-**	**229.320.000.000**	**-**

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Trường Phú") bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn, hưởng lãi suất là 8,5%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động cho bên đi vay. Các khoản cho vay này bao gồm 12 tỷ đồng có thời hạn thanh toán ban đầu vào tháng 5 năm 2022; và 168,9 tỷ đồng có thời hạn thanh toán ban đầu vào tháng 1 và tháng 3 năm 2024. Các khoản cho vay này đã được gia hạn đến tháng 11 năm 2025 đối với khoản vay 12 tỷ đồng; tháng 7 và tháng 9 năm 2025 đối với khoản vay 168,9 tỷ đồng. Để đảm bảo khả năng thu hồi, các khoản cho vay này và phải thu từ lãi cho vay với giá trị là 21,8 tỷ đồng (Thuyết minh 8(a)) được bên đi vay thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do một số cá nhân là bên liên quan của Tập đoàn sở hữu, theo các Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ký ngày 20 tháng 3 năm 2025. Ngoài ra, sau ngày kết thúc năm tài chính, Trường Phú đã thanh toán 10 tỷ đồng cho các khoản cho vay và 14 tỷ đồng cho các khoản phải thu từ cho vay.

(ii) Phải thu về cho vay đối với Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng Hóa Sơn Tín ("Sơn Tín") bao gồm các khoản cho vay hưởng lãi suất từ 9,5%/năm đến 10%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động cho bên đi vay. Các khoản cho vay này có thời hạn thanh toán ban đầu vào tháng 4, tháng 11 năm 2019 và tháng 10 năm 2022. Để đảm bảo khả năng thu hồi, các khoản cho vay này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan, bảo lãnh sẽ thanh toán nếu Sơn Tín không có khả năng thanh toán đến hết tháng 12 năm 2025. Ngoài ra, căn cứ Biên bản Cam kết ngày 1 tháng 3 năm 2023, Sơn Tín đã cam kết trả nợ tối thiểu theo lịch thanh toán từng năm. Sau ngày kết thúc năm tài chính, Sơn Tín đã thanh toán thêm cho Tập đoàn 35 tỷ đồng, hoàn tất thanh toán theo cam kết trả nợ tối thiểu của năm 2024. Số dư còn lại của khoản cho vay này được Sơn Tín cam kết sẽ thanh toán trong năm 2025.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận bao gồm các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn, hưởng lãi suất là 9%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động của bên đi vay. Sau ngày kết thúc năm tài chính, các khoản cho vay này và lãi cho vay đã được thu hồi đầy đủ.

(iv) Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Điện gió Lavi bao gồm các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn, hưởng lãi suất 6%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động của bên đi vay. Khoản cho vay này đến hạn vào tháng 5 năm 2025.

Ban TGĐ đánh giá khả năng thu hồi các khoản cho vay này là cao.

8 PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(a) Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên (i)	90.996.449.331	-	46.899.177.479	-
Phải thu từ cá nhân	-	-	30.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	42.772.244.238	-	20.503.311.611	-
Ký quỹ thực hiện DA (ii)	5.795.000.000	-	2.498.897.018	-
Khác	6.765.557.537	-	10.873.379.945	-
	146.329.251.106	**-**	**110.774.766.053**	**-**
(b) Dài hạn				
Ký quỹ thực hiện DA (ii)	10.087.800.000	-	18.957.800.000	-
Ký quỹ thuê tài chính (iii)	8.362.575.000	-	-	-
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo hành (iv)	6.412.676.704	-	-	-
Ký quỹ khác	629.166.262	-	-	-
Khác	4.047.381.709	(151.709.842)	1.899.994.997	(151.709.842)
	29.539.599.675	**(151.709.842)**	**20.857.794.997**	**(151.709.842)**
Trong đó				
BLQ (Thuyết minh 33(b))				
❖ Ngắn hạn	38.491.723.297	-	16.106.339.272	-
❖ Dài hạn	498.204.382	-	498.204.382	-
Bên thứ ba	136.878.923.102	(151.709.842)	115.028.017.396	(151.709.842)
	175.868.850.781	**(151.709.842)**	**131.632.561.050**	**(151.709.842)**

(i) Tạm ứng cho cho nhân viên để phục vụ hoạt động phát triển kinh doanh của Tập đoàn.

(ii) Các khoản ký quỹ để bảo đảm thực hiện các DA của Tập đoàn được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo theo đánh giá của Ban TGĐ về thời gian hoàn tất DA và thu hồi các khoản ký quỹ này.

(iii) Ký quỹ thuê tài chính căn cứ theo Hợp đồng thuê tài chính ngày 25 tháng 6 năm 2024 và ngày 15 tháng 12 năm 2020 với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản ký quỹ này sẽ được hoàn lại cho Tập đoàn khi hết thời hạn thuê.

(iv) Ký quỹ bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành bởi Công ty cổ phần Hợp tác Phát triển Tái tạo Năng lượng Vi-Ja theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị số 01/2024/HĐKT/VIJA-LAVI ngày 18 tháng 1 năm 2024 và 14/2023/HĐKT/VIJA-LAVI ngày 28 tháng 9 năm 2023 giữa Công ty cổ phần Hợp tác Phát triển Tái tạo Năng lượng Vi-Ja và Công ty Cổ phần Điện gió Lavi. Khoản ký quỹ này sẽ được hoàn lại cho Tập đoàn khi hết thời hạn bảo lãnh vào ngày 26 tháng 6 năm 2026.

9 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	92.719.287.760	(36.749.161.000)	62.195.267.031	-
Nguyên vật liệu	42.849.825.249	-	45.309.196.621	-
Công cụ, dụng cụ	16.494.763.094	-	16.450.766.170	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.422.041.356	-	2.574.227.536	-
Thành phẩm	85.864.571	-	85.864.571	-
	155.571.782.030	**(36.749.161.000)**	**126.615.321.929**	**-**

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa	12.919.727.062	1.397.768.210
Bảo hiểm	5.629.920.836	5.437.093.547
Khác	2.915.493.898	4.057.653.322
	21.465.141.796	**10.892.515.079**

(b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí cải tạo NM và sửa chữa TSCĐ	8.068.268.865	12.339.098.675
Tiền thuê đất trả trước	6.915.901.109	7.161.883.781
Bảo hiểm	5.165.416.689	6.395.404.826
Công cụ dụng cụ và thiết bị văn phòng	1.217.950.391	2.020.859.763
Khác	2.958.177.464	1.942.040.197
	24.325.714.518	**29.859.287.242**

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	40.751.802.321	37.891.180.434
Tăng trong năm	94.791.522.125	79.955.938.548
Phân bổ trong năm	(89.661.334.082)	(77.095.316.661)
Chuyển nhượng công ty con	(91.134.050)	-
Số dư cuối năm	**45.790.856.314**	**40.751.802.321**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày đầu năm	3.945.253.174.450	10.027.382.805.605	2.537.047.529.449	241.588.945.473	157.366.863.259	**16.908.639.318.236**
Mua trong năm	34.594.000	2.354.616.501	644.165.374	2.113.457.879	1.099.638.000	**6.246.471.754**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	9.780.668.525	74.026.963.266	-	-	-	**83.807.631.791**
Thanh lý	-	(50.910.687.953)	(6.426.590.637)	(48.400.000)	(1.069.181.800)	**(58.454.860.390)**
Khác	-	(313.277.834)	-	-	-	**(313.277.834)**
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(58.348.732.852)	-	-	-	**(58.348.732.852)**
Tại ngày cuối năm	3.955.068.436.975	9.994.191.686.733	2.531.265.104.186	243.654.003.352	157.397.319.459	**16.881.576.550.705**
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày đầu năm	813.882.648.274	1.652.409.012.171	264.780.701.249	70.425.704.095	87.648.955.306	**2.889.147.021.095**
Khấu hao trong năm	161.083.092.496	507.458.223.275	103.802.321.136	22.656.750.391	2.016.247.262	**797.016.634.560**
Thanh lý	-	(9.803.163.233)	(1.785.954.724)	(48.400.000)	(136.818.820)	**(11.774.336.777)**
Khác	-	(23.523.903)	-	-	-	**(23.523.903)**
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(1.302.953.677)	-	-	-	**(1.302.953.677)**
Tại ngày cuối năm	974.965.740.770	2.148.737.594.633	366.797.067.661	93.034.054.486	89.528.383.748	**3.673.062.841.298**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.131.370.526.176	8.374.973.793.434	2.272.266.828.200	171.163.241.378	69.717.907.953	**14.019.492.297.141**
Tại ngày cuối năm	2.980.102.696.205	7.845.454.092.100	2.164.468.036.525	150.619.948.866	67.868.935.711	**13.208.513.709.407**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 106 tỷ đồng).

Tại ngày cuối năm, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 13.130 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 13.972 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (Thuyết minh 18).

(b) TSCĐ thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Tại ngày đầu năm	28.086.588.959
Tăng trong năm	46.680.523.613
Tại ngày cuối năm	**74.767.112.572**
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày đầu năm	4.980.057.283
Khấu hao trong năm	3.477.788.182
Tại ngày cuối năm	**8.457.845.465**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	23.106.531.676
Tại ngày cuối năm	**66.309.267.107**

TSCĐ thuê tài chính tại ngày cuối năm và ngày đầu năm phản ánh các máy móc, thiết bị mà Tập đoàn đã bán và thuê lại từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh TP. HCM và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam (Thuyết minh 18).

(c) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày đầu năm	25.619.130.441	13.575.685.902	171.739.184	**39.366.555.527**
Mua trong năm	-	50.000.000	-	**50.000.000**
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(35.000.000)	-	**(35.000.000)**
Tại ngày cuối năm	25.619.130.441	13.590.685.902	171.739.184	**39.381.555.527**
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày đầu năm	4.058.781.578	9.937.908.307	171.739.184	**14.168.429.069**
Khấu hao trong năm	906.183.689	2.897.133.668	-	**3.803.317.357**
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(10.989.241)	-	**(10.989.241)**
Tại ngày cuối năm	4.964.965.267	12.824.052.734	171.739.184	**17.960.757.185**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.560.348.863	3.637.777.595	-	**25.198.126.458**
Tại ngày cuối năm	20.654.165.174	766.633.168	-	**21.420.798.342**

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 10,54 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 813,2 triệu đồng).

Tại ngày cuối năm, các quyền sử dụng đất của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 12,98 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 13,97 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (Thuyết minh 18).

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng DA như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
DA Đức Huệ - Long An 2 (i)	236.077.171.149	286.155.516.200
DA Thủy điện Ea Tih (ii)	18.292.250.117	6.152.661.287
DA VPL Bến Tre	2.964.384.993	2.964.384.993
DA Điện mặt trời mái nhà TTCIZ	-	38.324.163.937
DA Tỉnh Salavan Lào	-	14.657.996.225
Các DA khác	11.036.151.143	10.639.126.786
	268.369.957.402	**358.893.849.428**

(i) Thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ số 5/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An ngày 4 tháng 1 năm 2019, HĐQT của Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư DA Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An 2 với công suất thiết kế 49MWp và tổng mức đầu tư ước tính trước thuế là 947 tỷ đồng. Theo CV của TTCP số 1632/TTg-CN ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc bổ sung danh mục các DA Điện Mặt trời vào quy hoạch phát triển điện lực, DA Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An 2 đã được bổ sung vào danh mục các DA Điện Mặt trời và lưới điện đấu nối vào quy hoạch điện VIII điều chỉnh để triển khai thực hiện theo cơ chế đấu thầu/đấu giá phát triển Điện Mặt trời được cấp có thẩm quyền ban hành. Theo QĐ số 857/QĐ-UBND ngày 27 tháng 1 năm 2022, UBND tỉnh Long An chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Theo đó, DA NM Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An 2 sẽ do Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An làm chủ đầu tư (trước đây là Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ - Long An làm chủ đầu tư).

(ii) Thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ số 5/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái Tạo Vi-Ja ngày 14 tháng 7 năm 2023, HĐQT của Công ty đã thông qua chủ trương thực hiện DA Thủy Điện Ea Tih với công suất quy hoạch 8,6Mw và tổng mức đầu tư dự kiến là 290 tỷ đồng. Theo QĐ số 907/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 và QĐ điều chỉnh số 981/QĐ-UBND, UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư và đồng thời chấp thuận NĐT mới. Theo đó, DA NM Thủy Điện Ea Tih sẽ do Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên làm chủ đầu tư.

Không có chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm (năm trước: 89 tỷ đồng).

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	358.893.849.428	4.876.665.739.511
Tăng trong năm	65.712.218.682	280.491.496.970
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(83.807.631.791)	(4.785.213.928.359)
Chuyển sang hàng tồn kho	(50.411.448.736)	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(21.989.757.454)	-
Khác	(27.272.727)	(13.049.458.694)
Số dư cuối năm	**268.369.957.402**	**358.893.849.428**

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Số đầu năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba (*)	31.683.866.757	74.862.703.190
BLQ (Thuyết minh 33(b))	600.000.000	72.994.000
	32.283.866.757	**74.935.697.190**

(*) Chi tiết của người bán có số dư chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba như sau:

	Số cuối năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Số đầu năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	**20.454.366.566**	**50.000.000.000**

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	53.148.260	-
BLQ (Thuyết minh 33(b))	1.437.362.987	1.930.007.663
	1.490.511.247	**1.930.007.663**

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày đầu năm VND	Số phải nộp/ phát sinh trong năm VND	Số thực nộp được hoàn trong năm VND	Cấn trừ/ phân loại lại trong năm VND	Giảm do chuyển nhượng công ty con VND	Khác VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu							
Thuế GTGT được khấu trừ	28.788.627.746	39.113.624.018	-	(47.557.843.276)	(5.468.379.906)	-	**14.876.028.582**
Thuế TNDN	71.045.591	-	-	(71.045.591)	-	-	**-**
Các loại thuế và phí khác	530.090.321	(265.994.736)	-	(129.889.936)	-	-	**134.205.649**
	29.389.763.658	38.847.629.282	-	(47.758.778.803)	(5.468.379.906)	-	**15.010.234.231**
Phải nộp							
Thuế TNDN	35.936.325.108	55.371.388.939	(61.496.640.337)	(71.045.591)	(339.977.468)	52.069.024	**29.452.119.675**
Thuế GTGT	13.312.575.560	205.439.219.107	(158.233.844.339)	(47.557.843.276)	-	-	**12.960.107.052**
Thuế tài nguyên	5.734.405.755	32.290.011.470	(34.483.221.752)	-	(28.714.135)	-	**3.512.481.338**
Thuế thu nhập cá nhân	2.441.735.113	9.824.050.721	(10.239.520.352)	-	-	-	**2.026.265.482**
Các loại thuế và phí khác	755.550.752	14.336.640.881	(14.962.211.929)	(129.889.936)	-	-	**89.768**
	58.180.592.288	317.261.311.118	(279.415.438.709)	(47.758.778.803)	(368.691.603)	52.069.024	**47.951.063.315**

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay	16.320.635.404	34.851.060.383
Khác	7.997.037.884	15.156.502.519
	24.317.673.288	**50.007.562.902**

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	4.135.191.402	4.161.364.602
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.580.070.208	1.561.721.796
Khác	3.765.169.126	4.232.970.048
	9.480.430.736	**9.956.056.446**

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày đầu năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đáo hạn lại trong vòng một năm VND	Giảm do chuyển nhượng công ty con VND	Tại ngày cuối năm VND
Vay ngân hàng (i)	115.675.846.838	195.880.784.270	(273.337.056.968)	-	-	**38.219.574.140**
Trái phiếu phát hành đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b))	848.615.235.831	-	(848.615.235.831)	60.000.000.000	-	**60.000.000.000**
Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b))	446.044.410.255	-	(839.071.333.332)	669.181.333.332	(1.923.076.923)	**274.231.333.332**
Nợ thuê tài chính đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b))	4.095.691.380	-	(8.460.291.486)	17.189.491.617	-	**12.824.891.511**
Vay bên thứ ba (ii)	-	-	-	211.590.000.000	-	**211.590.000.000**
Khác	81.279.999	-	-	-	-	**81.279.999**
	1.414.512.464.303	195.880.784.270	(1.969.483.917.617)	957.960.824.949	(1.923.076.923)	**596.947.078.982**

(i) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank ") - Chi nhánh Gia Lai	10.000.000	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ SXKD.	Kỳ hạn trả gốc của khoản vay này là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Vietcombank.	Toàn bộ máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất đã hình thành và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai và Quyền tài sản phát sinh của NM Điện Gió VPL Bến Tre giai đoạn 1, NM Điện Mặt trời Krông Pa, NM Thủy điện Ayun Thượng 1A, NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2, NM Điện Gió la Bang (Thuyết minh 11(a)), cổ phần của Tập đoàn tại Công Ty Cổ phần Năng Lượng VPL.
Ngân hàng đầu tư và Phát Triển - ("BIDV")	38.109.574.140	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất điện.	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2025 đến 13 tháng 5 năm 2025.	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của BIDV.	Tài sản gắn liền trên đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 1 Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế và máy móc thiết bị (Thuyết minh 11(a)).
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	100.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất điện.	Kỳ hạn trả gốc của khoản vay này là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Vietcombank.	Quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất thuê tại 114 Trường Chinh thành phố Pleiku Gia Lai và quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc NM Thủy điện Ayun Thượng 1A (Thuyết minh 11(a)).
	38.219.574.140				

(ii) Chi tiết số dư cuối năm của khoản vay bên thứ ba ngắn hạn như sau:

	Ngày hợp đồng	Số cuối năm VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất	Các giao ước tài chính
Micro, Small & Medium Enterprises Bonds SA	21 tháng 11 năm 2022	211.590.000.000	Đầu tư vào các DA xanh đủ điều kiện bao gồm DA Tân Phú Đông I và các DA xanh đủ điều kiện khác	Đến tháng 11 năm 2025	Lãi suất cố định 9,5%/năm. Bên cho vay sẽ thông báo ngay khi có sự thay đổi về lãi suất.	Không có

(b) Dài hạn

	Tại ngày đầu năm VND	Tăng VND	Cấn trừ VND	Vay dài hạn đáo hạn lại trong vòng một năm VND	Giảm do chuyển nhượng công ty con VND	Tại ngày cuối năm VND
Vay bên thứ ba	211.590.000.000	-	-	(211.590.000.000)	-	**-**
Vay ngân hàng (i)	8.301.172.305.748	368.088.398.749	-	(669.181.333.332)	(34.659.461.550)	**7.965.419.909.615**
Phát hành trái phiếu (ii)	163.517.700.000	494.968.668.814	-	(60.000.000.000)	-	**598.486.368.814**
Nợ thuê tài chính (iii)	5.716.146.095	51.348.575.975	(7.702.575.000)	(17.189.491.617)	-	**32.172.655.453**
	8.681.996.151.843	914.405.643.538	(7.702.575.000)	(957.960.824.949)	(34.659.461.550)	**8.596.078.933.882**

(i) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	492.600.000.000	Đầu tư vào DA NM Điện Mặt trời Krông Pa	Đến tháng 11 năm 2030	Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai cộng biên lãi suất 2,6%/năm	NM Điện Mặt trời Krông Pa các NM Thủy điện bao gồm Ayun Thượng 1A và Đắk Pi Hao 1 (Thuyết minh 11(a)) và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công - một BLQ
BIDV - Chi nhánh Gia Định	206.500.000.000	Đầu tư vào DA NM Điện Mặt trời Phong Điền	Đến tháng 4 năm 2029	Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 2,3%/năm	NM Điện Mặt trời Phong Điền bao gồm tài sản gắn liền với đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 01 Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế và máy móc thiết bị (Thuyết minh 11(a))
Ngân hàng TM TNHH E.Sun - CN Đồng Nai	75.833.333.335	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Gió Tiền Giang dưới dạng vốn góp cho mục đích phát triển DA Điện Gió Tân Phú Đông 1	Đến tháng 8 năm 2026	Lãi suất biên được tính dựa trên bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng (Vietinbank, Vietcombank, BIDV và Agribank) cộng biên lãi suất 3,6%/năm	NM Thủy điện Thượng lộ bao gồm công trình có tổng diện tích xây dựng 3.291.5m^2 trên khu đất có diện tích 44.283,9m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 567 và 424, xã Thượng Lộ, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (Thuyết minh 11(a))
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	378.500.000.000	Đầu tư vào DA NM Điện Mặt trời TTC - Hàm Phú 2	Đến tháng 1 năm 2030	Lãi suất 7,8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau đó, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm với thời hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm	Tài sản và/hoặc quyền tài sản thuộc DA NM Điện Mặt trời TTC-Hàm Phú 2 (Thuyết minh 11(a))
BIDV - Chi nhánh Gia Định	14.025.000.000	Đầu tư vào DA Điện Mặt trời Áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2 và Đại Ân 3	Đến tháng 3 năm 2029	Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo mức lãi suất công bố của BIDV - Chi nhánh Gia Định	Tài sản cố định hữu hình của các DA Điện Mặt trời trên mái nhà Hậu Giang 3, Đại Ân 3, Bàu Cạn 2, quyền sử dụng đất của DA Bàu Cạn 2 (Thuyết minh 11(a)) và tài sản của các đối tác kinh doanh của Tập đoàn

	Số cuối năm VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	1.511.000.000.000	Thanh toán cho chi phí hợp lý liên quan đến DA NM Điện Gió Tân Phú Đông 2 công suất 50 MW	Đến tháng 6 năm 2035	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ tiếp theo được tính bằng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - chi nhánh Gia Lai và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với mức biên là 3%/năm	Tài sản thế chấp của khoản vay này là toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác thuộc về hoặc liên quan đến NM Điện Gió Tân Phú Đông 2 (công suất 50 MW) (Thuyết minh 11(a)) và bảo đảm bằng các khoản tiền gửi (Thuyết minh 4(a))
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	2.960.012.234.953	Thanh toán cho chi phí hợp lý liên quan đến DA NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 công suất 100 MW	Đến tháng 3 năm 2036	Lãi suất cho vay được áp dụng là lãi suất cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,9%/năm. Lãi suất từ năm thứ 3 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - chi nhánh Gia Lai công bố cộng với mức biên là 3,1%/năm	Tài sản thế chấp của khoản vay này là toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác thuộc về hoặc liên quan đến NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 (công suất 100 MW) (Thuyết minh 11(a)) và bảo đảm bằng các khoản tiền gửi (Thuyết minh 4(a))
Vietcombank - Chi nhánh HCM	288.700.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý liên quan đến DA NM Điện Mặt trời TTC - Đức Huệ 1	Đến tháng 3 năm 2031	Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - Chi nhánh TP. HCM và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với biên lãi suất 1,7%/năm cho năm đầu tiên và 3%/năm cho các năm tiếp theo	DA NM Điện Mặt trời TTC - Đức Huệ 1 và các tài sản hình thành trong tương lai của DA, quyền tài sản phát sinh từ PPA giữa Tập đoàn và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, DA Thủy điện Ayun Thượng 1A (Thuyết minh 11(a)), quyền sở hữu và thư bảo lãnh của Tập đoàn cho việc thanh toán nợ vay của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An
BIDV - Chi nhánh Gia Định	41.078.248.293	Đầu tư vào các DA NM Điện Mặt trời Áp mái kết hợp nông nghiệp dưới 1MWp	Đến tháng 8 năm 2029	Lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Gia Định được xác định và thông báo định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất vay của 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,0%-9,2%/năm, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng với biên lãi suất 3%/năm	Toàn bộ tài sản, các tài khoản và các quyền theo hợp đồng thuộc các DA Điện Mặt trời Áp mái kết hợp nông nghiệp (Thuyết minh 11(a))

	Số cuối năm VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	1.078.500.000.000	Đầu tư vào DA NM Điện Gió la Bang 1	Đến tháng 2 năm 2035	Lãi suất 8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3%/năm	Quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của NM Điện Gió la Bang 1, NM Điện Mặt trời Krông Pa, NM Thủy điện Ayun Thượng 1A, NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2, cổ phần của Tập đoàn tại Công Ty Cổ phần Điện Gió la Bang và bảo đảm bằng các khoản tiền gửi (Thuyết minh 4(a))
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	138.361.320.000	Để thanh toán khoản vay với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	Đến tháng 12 năm 2026	Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần và áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ tính bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng (dành cho cá nhân) của các ngân hàng quốc doanh với biên độ lãi suất là 3,2%/năm	Tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất thuộc Dự án Điện mặt trời Trúc Sơn
BIDV - Chi nhánh Gia Định	47.202.118.657	Đầu tư vào DA NM Điện Mặt trời kết hợp với nông nghiệp Trúc Sơn	Đến tháng 3 năm 2029	Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo mức lãi suất công bố của BIDV - Chi nhánh Gia Định	Toàn bộ tài sản và quyền sử dụng đất thuộc các DA Điện Mặt trời Áp mái kết hợp nông nghiệp (Thuyết minh 11(a))
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	1.007.338.987.709	Thanh toán cho các chi phí hợp lý liên quan đến DA đầu tư NM Điện Gió VPL Bến Tre giai đoạn 1	Đến tháng 8 năm 2035	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ tiếp theo được tính bằng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - chi nhánh Gia Lai và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với mức biên là 3,1%/năm	Toàn bộ máy móc thiết bị bao gồm móng trụ turbine, tài sản gắn liền trên đất đã hình thành và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai và Quyền tài sản phát sinh của NM Điện Gió VPL Bến Tre giai đoạn 1, NM Điện Mặt trời Krông Pa, NM Thủy điện Ayun Thượng 1A, NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2, NM Điện Gió la Bang (Thuyết minh 11(a)), cổ phần của Tập đoàn tại Công Ty Cổ phần Năng Lượng VPL và bảo đảm bằng các khoản tiền gửi (Thuyết minh 4(a))
	8.239.651.242.947				
	(274.231.333.332)				
	7.965.419.909.615				

(ii) Trái phiếu phát hành

Chi tiết số dư cuối năm của trái phiếu phát hành như sau:

	Số cuối năm VND
Trái phiếu không chuyển đổi, bảo đảm bằng tài sản thanh toán, có bảo lãnh của bên thứ ba và được phát hành dưới hình thức ghi sổ (a)	165.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (b)	200.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (c)	300.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(6.513.631.186)
	658.486.368.814
Đáo hạn trong vòng 1 năm	(60.000.000.000)
	598.486.368.814

(a) Thực hiện theo NQ số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2018 và NQ số 18/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2018 của HĐQT Công ty về việc phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp, Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai làm đại lý phát hành, đại lý đăng ký và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 900 tỷ đồng được chia làm ba giai đoạn để đầu tư vào các DA của Tập đoàn.

Trong đợt 1 phát hành ngày 20 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã phát hành 300 trái phiếu với mã trái phiếu GEG_BOND_2018_1, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu và thời gian đáo hạn là trong vòng 10 năm, chia làm 10 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Tập đoàn có nghĩa vụ mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 7,8%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu là để đầu tư vào DA NM Điện Mặt trời Phong Điền và DA NM Điện Mặt trời Krông Pa. Cho đến ngày cuối năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc mua lại 135 trái phiếu và sẽ hoàn thành việc mua lại 165 trái phiếu còn lại từ ngày 27 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này bao gồm DA Điện Mặt trời Krông Pa, các DA Thủy điện của Tập đoàn bao gồm Ayun Thượng 1A và Đắk Pi Hao 1 (Thuyết minh 11(a)).

(b) Thực hiện theo NQ số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của HĐQT về phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, hỗ trợ tư vấn đăng ký, lưu ký trái phiếu với tổng số trái phiếu phát hành là 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2427002. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100 triệu đồng/trái phiếu, là loại TPDN không chuyển đổi. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,5%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 9%/năm. Thời gian đáo hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành và sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2027.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hợp tác phát triển NLTT Vi-ja và DA NM Thủy điện H'Chan của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("GHC") (Thuyết minh 11(a)).

(c) Theo NQ số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2024, HĐQT đã phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị trái phiếu phát hành tối đa là 300 tỷ đồng chia làm hai (2) đợt phát hành, cụ thể 100 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 6 năm 2024 và 200 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 8 năm 2024. Mục đích phát hành trái phiếu để tái cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành.

Trong đợt 1 phát hành ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn đã phát hành 1.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429001 và mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, trong đợt 2 phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã phát hành 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429003 và mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, trong cả hai đợt phát hành đều là loại TPDN không chuyển đổi và Tập đoàn đã chỉ định Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là đại lý phát hành. Thời gian đáo hạn trái phiếu trong vòng 5 năm kể từ ngày phát hành, chia làm 5 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Công ty có nghĩa vụ phải mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo từ thứ 2 đến thứ 4) được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,9%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 10%/năm, kỳ tính lãi thứ 5 là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 5,4%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 11,5%/năm.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này bao gồm 61 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và 20,8 triệu cổ phiếu GHC mà Tập đoàn sở hữu.

(iii) Nợ thuê tài chính

	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Dưới 1 năm	15.672.732.825	2.847.841.314	12.824.891.511	4.778.620.760	682.929.380	4.095.691.380
Từ 1 - 5 năm	36.161.158.726	3.988.503.273	32.172.655.453	6.156.324.057	440.177.962	5.716.146.095
	51.833.891.551	**6.836.344.587**	**44.997.546.964**	**10.934.944.817**	**1.123.107.342**	**9.811.837.475**

Thuê tài chính bao gồm các khoản thuê máy móc thiết bị với Công ty TNHH Một thành viên Cho Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM và Công ty TNHH Thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam.

Chi tiết các hợp đồng thuê tài chính được thể hiện như sau:

Hợp đồng	Hình thức	Giá trị	Nợ gốc VND	Lãi suất	Thời hạn	Giá trị mua lại
88.20.01/CTTC ngày 26 tháng 6 năm 2020	Bán và thuê lại	7,14 tỷ đồng (80% giá trị tài sản thuê)	2.483.130.059	(*)	84 tháng kể từ ngày hợp đồng	9 triệu đồng
92.20.09/CTTC ngày 15 tháng 12 năm 2020	Bán và thuê lại	6,98 tỷ đồng (57% giá trị tài sản thuê)	1.535.517.315	(*)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	11.2 triệu đồng
77.20.05/CTTC ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bán và thuê lại	7,57 tỷ đồng (70% giá trị tài sản thuê)	1.697.498.721	(*)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	11 triệu đồng
2024-00139-000 ngày 25/06/2024	Bán và thuê lại	15,2 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê)	11.637.491.377	(**)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	76 triệu đồng
2024-00140-000 ngày 25/06/2024	Bán và thuê lại	16 tỷ (85% giá trị tài sản thuê)	12.291.096.238	(**)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	80 triệu đồng
2024-00141-000 ngày 25/06/2024	Bán và thuê lại	20 tỷ (85% giá trị tài sản thuê)	15.352.813.254	(**)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	100 triệu đồng
		Đáo hạn trong vòng 1 năm	44.997.546.964			
			(12.824.891.511)			
			32.172.655.453			

(*) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM công bố trong từng thời kỳ cộng với mức biên là 2,7%/năm.

(**) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của ba ngân hàng bao gồm Ngân Hàng Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín cộng với lãi suất chỉ định là 2,3%/năm.

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	68.886.056.526	61.021.010.701
Tăng trong năm (Thuyết minh 22)	19.824.921.441	30.311.227.924
Số chi trong năm	(16.900.045.619)	(22.446.182.099)
Số dư cuối năm	**71.810.932.348**	**68.886.056.526**

20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	17.084.880.540	25.820.127.860
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả sau 12 tháng	(42.690.278.875)	(17.339.709.044)
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần)/ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	**(25.605.398.335)**	8.480.418.816

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm tài chính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	8.480.418.816	13.305.847.965
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 31)	(34.085.817.151)	(4.825.429.149)
Số dư cuối năm	**(25.605.398.335)**	8.480.418.816

Chi tiết thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	17.084.880.540	25.820.127.860
Dự phòng đầu tư tài chính	(42.690.278.875)	(17.339.709.044)
	(25.605.398.335)	8.480.418.816

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả cho năm 2024 và năm 2023 là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi (*)	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi (*)
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, phát hành và đang lưu hành	358.308.371	64.200.000	341.249.401	64.200.000

(*) CĐ sở hữu các cổ phiếu ưu đãi này - Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG) có quyền chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông với giá thỏa thuận sau thời điểm 24 tháng và trước thời điểm 72 tháng kể từ thời điểm phát hành là ngày 22 tháng 12 năm 2022.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Jera Asia Vietnam Holdings Pte.Ltd.	125.756.637	35,10	119.768.226	35,10
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	60.161.979	16,79	57.297.125	16,79
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	22.668.931	6,33	21.589.459	6,33
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	39.376.509	10,99	37.501.438	10,99
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	18.912.980	5,28	18.012.363	5,28
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	13.740.838	3,83	13.086.514	3,83
Các CĐ khác	77.690.497	21,68	73.994.276	21,68
	358.308.371	**100,00**	341.249.401	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	386.136.902	3.219.369.020.000	642.000.000.000	**3.861.369.020.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	19.312.499	193.124.990.000	-	**193.124.990.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	405.449.401	3.412.494.010.000	642.000.000.000	**4.054.494.010.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	17.058.970	170.589.700.000	-	**170.589.700.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	422.508.371	3.583.083.710.000	642.000.000.000	**4.225.083.710.000**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích CĐ không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.861.369.020.000	25.866.057.484	98.024.005.628	292.430.636.129	1.352.045.552.715	**5.629.735.271.956**
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	113.883.080.000	**113.883.080.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	193.124.990.000	-	-	(193.124.990.000)	-	**-**
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(39.290.400.000)	(44.787.168.400)	**(84.077.568.400)**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	137.243.674.272	6.080.272.840	**143.323.947.112**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.877.054.641)	(5.434.173.283)	**(30.311.227.924)**
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.166.000.000)	-	-	-	**(5.166.000.000)**
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	4.584.677.746	(4.584.677.746)	**-**
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.288.151.865)	1.288.151.865	-	**-**
Khác	-	-	(381.767.940)	253.538.317	63.118.861	**(65.110.762)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.054.494.010.000	20.700.057.484	96.354.085.823	178.508.233.688	1.417.266.004.987	**5.767.322.391.982**
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	200.000.000	**200.000.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	170.589.700.000	-	-	(170.589.700.000)	-	**-**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	114.823.028.545	(22.749.638.463)	**92.073.390.082**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**) (Thuyết minh 19)	-	-	-	(15.006.528.380)	(4.818.393.061)	**(19.824.921.441)**
Chia cổ tức bằng tiền (***)	-	-	-	(30.522.176.434)	(45.649.453.366)	**(76.171.629.800)**
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(941.462.752)	941.462.752	**-**
Chuyển nhượng công ty con	-	-	-	6.804.009.016	(5.740.545.423)	**1.063.463.593**
Khác	-	-	(173.671.938)	-	-	**(173.671.938)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.225.083.710.000	20.700.057.484	96.180.413.885	83.075.403.683	1.339.449.437.426	**5.764.489.022.478**

(*) Theo NQ của ĐHĐCĐ thường niên số 5/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, ĐHĐCĐ đã thông qua hình thức chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 5%, nguồn chi trả được lấy từ lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2023. Vào ngày 17 tháng 9 năm 2024, Công ty đã hoàn tất phát hành 17.058.970 cổ phiếu để chia cho các CĐ sở hữu cổ phần phổ thông.

(**) Theo các NQ của ĐHĐCĐ của Công ty và các công ty con, quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích từ LNST chưa phân phối của năm nay và thực trích từ LNST chưa phân phối của năm trước.

(***) Thực hiện theo NQ HĐQT số 25/2024/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2024, Tập đoàn tiến hành chi trả cổ tức cổ phiếu ưu đãi năm 2024 bằng tiền là 40.076.208.000 Đồng và thực hiện theo NQ HĐQT số 22/2024/NQ- HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai - một công ty con về việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá cổ phiếu.

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	Năm nay	Năm trước (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các CĐ (VND)	114.823.028.545	137.243.674.272
Cổ tức cho cổ phần ưu đãi	(40.076.208.000)	(39.290.400.000)
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(12.381.585.926)	(27.501.997.095)
	62.365.234.619	**70.451.277.177**
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	358.308.371	358.308.371
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	**174**	**197**

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến năm nay dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận của Tập đoàn.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được tính lại để điều chỉnh cho việc chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Báo cáo Kết quả đợt Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Số 1741/TB-SGDHCM ngày 1 tháng 10 năm 2024 và điều chỉnh số thực tế trích quỹ khen thưởng theo các NQ của Tập đoàn như sau:

	Năm trước		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các CĐ (VND)	137.243.674.272	-	137.243.674.272
Cổ tức cho cổ phần ưu đãi	(39.290.400.000)	-	(39.290.400.000)
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(24.877.054.641)	(2.624.942.454)	(27.501.997.095)
	73.076.219.631	(2.624.942.454)	**70.451.277.177**
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	341.249.401	17.058.970	358.308.371
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	214		197

Tập đoàn có cổ phiếu phổ thông tiềm năng liên quan đến quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của cổ phần ưu đãi mà quyền chuyển đổi này có tác động suy giảm ngược trong năm tài chính và đến ngày lập BCTC hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số tiền tệ khác là 18.245 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: 1.882 Đô la Mỹ).

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 36.

25 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán điện	2.297.665.425.496	2.147.820.922.776
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	13.415.983.021	11.837.671.170
Doanh thu thuần từ hợp đồng xây dựng	13.858.014.233	3.038.303.749
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	375.000.000	759.250.001
	2.325.314.422.750	**2.163.456.147.696**

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của điện đã bán	1.193.280.464.925	1.029.261.488.257
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.952.867.761	10.564.272.110
Giá vốn hợp đồng xây dựng	10.861.148.324	2.074.451.619
Giá vốn của hàng hóa đã bán	287.154.000	628.357.968
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36.749.161.000	-
	1.252.130.796.010	**1.042.528.569.954**

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi và cho vay	37.914.120.428	40.631.203.487
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	52.668.927	2.060.973.589
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	47.340.658	1.955.339.040
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần	-	55.080.000.000
Khác	13.992.559	872.238.637
	38.028.122.572	**100.599.754.753**

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	785.725.023.247	841.733.441.926
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	3.935.432.983	9.354.478.262
Lỗ từ chuyển nhượng công ty con	2.061.205.803	-
Chi phí mua lại trái phiếu và thanh toán khoản vay trước hạn	-	15.446.421.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.322.427	763.903.031
Khác	9.356.884.426	3.435.978.996
	801.100.868.886	**870.734.223.835**

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	60.686.318.539	73.100.386.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.498.651.031	22.192.610.281
Công cụ dụng cụ	9.820.591.104	6.647.151.971
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.242.992.772	8.367.496.282
Khác	31.241.100.580	48.171.391.619
	135.489.654.026	**158.479.036.896**

30 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Bồi thường từ công ty bảo hiểm	4.115.968.988	-
Lãi thuần từ thanh lý TSCĐ	273.527.273	630.930.134
Khác	477.054.527	4.509.812.243
	4.866.550.788	**5.140.742.377**
Chi phí khác		
Phạt	1.713.355.009	2.873.463.593
Khác	1.585.944.006	3.792.718.904
	3.299.299.015	**6.666.182.497**

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các DA đầu tư (Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió) sẽ áp dụng mức thuế suất và ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng DA và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, TT số 78/2014/TT-BTC ("TT 78") - Hướng dẫn thi hành NĐ số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN, cụ thể như sau:

DA thuộc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

- Đối với NM Thủy điện Đắk Pi Hao 1: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do DA đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).
- Đối với NM Điện Mặt trời Phong Điền: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do DA đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với NM Điện Mặt trời Krông Pa: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do DA đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với các NM Thủy điện Ayun Thượng 1A, Đa Khai, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông - Trà Bá, Ia Đrăng 3, Ia Meur 3, Đắk Pi Hao 2 và Ia Puch 3: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20% do các DA đã hết thời gian ưu đãi thuế.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

DA thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

- Đối với DA Thủy điện H'Mun và H'Chan: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20% do các DA đã hết thời gian ưu đãi thuế.
- Đối với DA Điện Mặt trời TTC - Hàm Phú 2, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do DA đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

DA thuộc Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ

- Đối với DA NM Thủy điện Thượng Lộ, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi DA bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do DA đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).

DA thuộc Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An

- Đối với DA NM điện TTC Đức Huệ 1 - Long An, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi doanh nghiệp hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do DA đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

DA thuộc Công ty Cổ phần NM Điện Mặt trời Trúc Sơn

- Tuy nhiên, đối với DA NM Điện Mặt trời Trúc Sơn, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi DA bắt đầu hoạt động (từ năm 2019 đến năm 2033), được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do DA đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

DA thuộc Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang

- Thuế suất thuế TNDN áp dụng của Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với DA đầu tư điện gió sẽ áp dụng mức thuế suất và ưu đãi miễn giảm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN theo NĐ 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN, cụ thể: NM Điện Gió Ia Bang 1 được công nhận COD toàn bộ ngày 26 tháng 10 năm 2021, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất TNDN 20% cho năm tài chính 2021. Tập đoàn đăng ký áp dụng mức thuế suất TNDN 10% (từ năm 2022 đến năm 2036), được miễn 4 năm (từ năm 2022 đến năm 2025) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034).

DA thuộc Công ty Cổ phần Năng lượng VPL

- Đối với DA NM Điện Gió VPL Bến Tre, NM Điện Gió bắt đầu COD trong năm 2021 và Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính 2021. Tập đoàn đăng ký áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% (từ năm 2022 đến năm 2036), được miễn bốn (4) năm năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do DA đầu tư mang lại (từ năm 2022 đến năm 2025) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034).

DA thuộc Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang

- Đối với NM Điện Gió Tân Phú Đông 2, NM Điện Gió bắt đầu COD trong năm 2021 và Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính 2021. Tập đoàn đăng ký áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% (từ năm 2022 đến năm 2036), được miễn bốn (4) năm năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do DA đầu tư mang lại (từ năm 2022 đến năm 2025) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034).
- Đối với NM Điện Gió Tân Phú Đông 1, được công nhận COD ngày 31 tháng 5 năm 2023, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất TNDN 20% cho năm tài chính 2023. Tập đoàn đăng ký áp dụng mức thuế suất TNDN 10% (từ năm 2024 đến năm 2038) trong vòng mười lăm (15) năm, được miễn 4 năm (từ năm 2024 đến năm 2027) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2028 đến năm 2036).

Thuế TNDN tại các DA năng lượng thuộc các công ty con khác đang được áp dụng bằng thuế suất phổ thông (20%) do các DA còn lại chưa có doanh thu từ HĐKD năng lượng. Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	181.530.596.172	195.013.743.724
Điều chỉnh		
Chi phí không được khấu trừ	134.510.643.527	118.280.353.717
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (*)	278.882.729.689	136.160.058.821
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	33.972.319.497	(30.859.474.040)
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(222.450.625)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	**628.673.838.260**	418.594.682.222
Thuế tính ở thuế suất 20%	84.841.663.716	56.434.954.410
Thuế tính ở thuế suất 10%	20.446.551.968	14.446.071.971
	105.288.215.684	70.881.026.381
Thuế được miễn hoặc giảm	(21.539.071.258)	(19.191.229.769)
Dự phòng thiếu của các năm trước	5.708.061.664	-
Chi phí thuế TNDN (**)	**89.457.206.090**	51.689.796.612
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	55.371.388.939	46.864.367.463
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 20)	34.085.817.151	4.825.429.149
Chi phí thuế TNDN	**89.457.206.090**	51.689.796.612

(*) Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong BCTC hợp nhất.

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

(**) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của quan thuế.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí SXKD theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ HĐKD của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	804.297.740.099	697.158.468.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.222.779.315	247.120.843.288
Chi phí nhân viên	131.783.632.462	139.953.087.131
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.265.670.558	55.288.061.746
Chi phí khác	129.157.875.420	61.844.055.174
	1.387.727.697.854	**1.201.364.516.239**

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh 1. Ngoài ra, các BLQ khác và mối quan hệ của các BLQ này với Công ty như sau:

CĐ lớn

Jera Asia Vietnam Holdings Pte.Ltd.
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công

CĐ nắm giữ cổ phiếu ưu đãi

Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)

CĐ của công ty con

Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Mới Số 1

Công ty con của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Điện gió Lavi (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024)

BLQ khác (*)

- Công ty Cổ phần Năng lượng TTC
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công
- Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình
- Công ty Cổ phần Thành Thành Nam
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tân Định
- Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA
- Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
- Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận
- Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
- Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân
- Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công
- Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long
- Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần Hoàn hữu cơ TTC
- Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

BLQ khác (*)	
Công ty TNHH DHA Cosmetics	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách Sạn Ngọc Lan
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách Sạn TTC Imperial
Công ty TNHH MTV Mía Đường Attapeu	Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch TTC - TTC Resort Premium - Dốc Lết
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch TTC - TTC Palace Bình Thuận
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ - Khách Sạn TTC
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín	Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch TTC - TTC Hotel Premium - Phan Thiết
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	
Công ty TNHH Du lịch TTC	
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	
Viện Nghiên cứu và Đào tạo Quốc tế TTC	

(*) Các BLQ này là các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công - một CĐ có ảnh hưởng đáng kể với Tập đoàn và có chung một số nhân sự chủ chốt.

(a) Giao dịch với các BLQ

BLQ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.765.073.358	48.903.903.445
	Cổ tức	5.230.500	10.461.000
	Nhận góp vốn	-	44.750.000
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.107.581.600	1.475.547.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Lãi cho vay	16.164.530.139	13.625.663.688
	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	720.991.444	271.138.036
	Chi hộ	40.025.304	-
	Phân loại lại phải thu khác thành cho vay	-	6.400.000.000
	Cho vay	-	57.400.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	61.900.000.000
	Lãi cho vay nhập gốc	-	9.672.623.730
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Thu hồi khoản cho vay	10.000.000.000	12.000.000.000
	Lãi cho vay	5.547.019.175	7.203.369.863
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.980.362.630	5.979.010.366
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.647.983.181	1.135.278.203
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.714.148.767	4.369.282.876
	Mua hàng hóa và dịch vụ	424.080.109	512.517.611
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	755.411.111
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	Lãi cho vay	360.986.304	360.000.004
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa và dịch vụ	176.693.551	165.022.921
Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	66.720.000	66.720.000
Công ty TNHH MTV Mía Đường Attapeu	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	57.000.000	–
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.812.312.691	3.888.147.709
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín	Mua hàng hóa và dịch vụ	19.828.000	18.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa và dịch vụ	797.176.482	753.985.000
Công ty TNHH DHA Cosmetics	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.621.818	-
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	23.672.727
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách Sạn Ngọc Lan	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.670.539	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.100.000	167.220.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.100.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch TTC - TTC Hotel Premium - Phan Thiết	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.175.926	-
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch TTC - TTC Resort Premium - Dốc Lết	Mua hàng hóa và dịch vụ	29.777.778	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.100.000	-

BLQ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.100.000	31.500.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua hàng hóa và dịch vụ	143.403.704	352.330.034
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch TTC tại Lâm Đồng	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.148.148	-
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách sạn TTC Imperial	Mua hàng hóa và dịch vụ	42.589.815	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần hoàn hữu cơ TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	136.363.632	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Mua hàng hóa và dịch vụ	11.960.721.073	9.820.724.565
Công ty Cổ Phần Điện Gió Lavi	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.887.306.513	-
	Lãi cho vay	13.808.219	-
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	28.191.078
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	35.280.320	38.838.856
Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)	Chia và chi trả cổ tức cổ phần ưu đãi	40.076.208.000	39.290.400.000
	Phí dịch vụ	860.314.299	6.429.497.864
	Nhận chi phí hỗ trợ	453.640.775	972.532.305
Jera Asia Vietnam Holdings Pte. Ltd	Thu hộ, chi hộ	-	22.827.381.818
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.240.741	7.381.819
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch TTC-TTC Palace Bình Thuận	Mua hàng hóa và dịch vụ	13.786.070	-
Viện Nghiên cứu và Đào tạo Quốc tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.500.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ - Khách Sạn TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	10.482.407	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	36.469.697

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

BLQ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind	Chi hộ	3.471.199	-
	Góp vốn	-	49.990.000.000
	Đi vay	-	20.000.000.000
	Chi trả nợ gốc vay	-	20.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	184.109.589
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Mới số 1	Đi vay	-	294.503.000.000
	Chi trả nợ gốc vay	-	334.503.000.000
	Chi phí lãi vay	-	18.987.234.851
	Nhận góp vốn	-	112.500.000.000
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.409.196.254	1.331.468.800
	Mua hàng hóa và dịch vụ	27.837.400	
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	51.878.400

Thù lao của Thành viên HĐQT và tiền lương và thưởng của nhân sự chủ chốt như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	650.000.000	650.000.000
Ông Toshihiro Oki	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	390.000.000	390.000.000
Lương và thưởng của Chủ tịch HĐQT và Ban TGĐ			
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	1.698.224.000	1.698.399.000
Bà Nguyễn Thái Hà	TGĐ	2.716.986.000	2.716.706.000
Ông Lê Thanh Vinh	Phó TGĐ thường trực	2.142.174.000	2.142.314.000
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó TGĐ	1.592.319.000	1.592.284.000
Bà Trần Thị Hồng Thắm	GĐ tài chính kiêm Kế toán trưởng	1.086.569.000	1.086.569.000

(b) Số dư cuối năm tài chính với các BLQ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Điện Gió LaVi	1.998.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC	180.452.016	390.191.472
Công ty Cổ phần Khai Thác và Quản Lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	161.056.068	174.417.098
Công ty TNHH MTV Mía Đường Attapeu	57.000.000	-
Công Ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Agris Ninh Hòa	37.908.000	180.597.600
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần hoàn Hữu cơ TTC	37.500.000	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	30.348.000	23.220.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	8.748.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa	8.748.000	-
	2.519.760.084	**768.426.170**
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tân Định	199.550.000	-
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	-	764.356.515
	199.550.000	**764.356.515**
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	180.900.000.000	180.900.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	54.420.000.000	44.420.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	4.000.000.000	4.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió LaVi	3.000.000.000	-
	242.320.000.000	**229.320.000.000**
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	-	20.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	21.785.884.931	5.308.506.385
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	14.759.947.948	9.212.928.773
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	1.945.890.418	1.584.904.114
	38.491.723.297	**16.106.339.272**
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8(b))		
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	**498.204.382**	**498.204.382**

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	600.000.000	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	-	72.994.000
	600.000.000	**72.994.000**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	1.437.362.987	1.437.362.987
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	-	492.644.676
	1.437.362.987	**1.930.007.663**

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")

Các giao dịch ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	170.589.700.000	193.124.990.000
Mua tài sản cố định chưa thanh toán tại ngày cuối năm	20.989.611.566	51.080.978.062
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	19.824.921.441	30.311.227.924
Cấn trừ nợ thuê tài chính và phải thu từ thanh lý TSCĐ	7.702.575.000	-
Cấn trừ ký quỹ và phải thu từ thanh lý TSCĐ	7.702.575.000	-
Thanh lý TSCĐ nhưng chưa thu tiền	2.072.600.000	5.692.483.172
Phân loại lại cho vay ngắn hạn sang dài hạn	-	20.000.000.000
Phân loại lại phải thu khác thành cho vay	-	6.400.000.000
Phân loại lại đầu tư vào công ty con thành phải thu khác	-	6.400.000.000
Chuyển từ hàng tồn kho sang TSCĐ	-	4.464.887.704
Lãi cho vay nhập gốc	-	9.672.623.730

35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các HĐKD của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Hoạt động sản xuất và bán điện: sản xuất và phân phối điện;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cung cấp các dịch vụ tư vấn bảo trì, vận hành các DA Thủy điện;
- Hoạt động bán hàng hóa: mua bán, nhập khẩu pin mặt trời và phụ tùng thiết bị ngành điện; và
- Hoạt động xây lắp: xây dựng các công trình thủy điện và công trình dân dụng vừa và nhỏ.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động sản xuất và bán điện VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.297.665.425.496	13.858.014.233	13.415.983.021	375.000.000	-	**2.325.314.422.750**
Trong nội bộ Tập đoàn	-	22.008.820.922	27.258.683.237	22.504.413.010	(71.771.917.169)	**-**
Tổng doanh thu	**2.297.665.425.496**	**35.866.835.155**	**40.674.666.258**	**22.879.413.010**	**(71.771.917.169)**	**2.325.314.422.750**
Chi phí khấu hao TSCĐ	800.249.672.861	4.048.067.238	-	-	-	**804.297.740.099**
Kết quả HĐKD						
LNG của bộ phận	1.034.280.551.920	2.834.456.026	29.721.798.497	1.135.955.001	5.210.865.296	**1.073.183.626.740**
Chi phí không phân bổ						**(135.514.654.026)**
Doanh thu hoạt động tài chính						**38.028.122.572**
Chi phí tài chính						**(801.100.868.886)**
Lãi từ hoạt động liên kết						**5.367.117.999**
Lỗ khác						**1.567.251.773**
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN						**181.530.596.17**
Chi phí thuế TNDN hiện hành						**(55.371.388.939)**
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						**(34.085.817.151)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN						**92.073.390.082**
Tài sản và công nợ tại ngày 31.12.2024						
Tài sản bộ phận	14.178.864.443.827	56.541.439.899	124.746.198.333	90.439.838.576		**14.450.591.920.635**
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-		**722.964.419.801**
Tổng tài sản						**15.173.556.340.436**
Công nợ bộ phận	9.185.167.318.371	29.729.469.012	122.055.152.951	71.744.919.506		**9.408.696.859.840**
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-		**370.458.118**
Tổng công nợ						**9.409.067.317.958**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động sản xuất và bán điện VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.147.820.922.776	3.038.303.749	11.837.671.170	759.250.001	-	**2.163.456.147.696**
Trong nội bộ Tập đoàn	-	38.546.566.434	39.571.458.900	31.709.218.000	(109.827.243.334)	**-**
Tổng doanh thu	**2.147.820.922.776**	**41.584.870.183**	**51.409.130.070**	**32.468.468.001**	**(109.827.243.334)**	**2.163.456.147.696**
Chi phí khấu hao TSCĐ	692.949.560.024	4.208.908.876	-	-	-	**697.158.468.900**
Kết quả HĐKD						
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	1.089.652.736.380	2.156.468.548	36.102.607.182	1.873.142.811	(8.857.377.179)	**1.120.927.577.742**
Chi phí không phân bổ						**(159.464.304.253)**
Doanh thu hoạt động tài chính						**100.599.754.753**
Chi phí tài chính						**(870.734.223.835)**
Lãi từ hoạt động liên kết						**5.210.379.437**
Lỗ khác						**(1.525.440.120)**
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN						**195.013.743.724**
Chi phí thuế TNDN hiện hành						**(46.864.367.463)**
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						**(4.825.429.149)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN						**143.323.947.112**
Tài sản và công nợ tại ngày 31.12.2023						
Tài sản bộ phận	14.918.828.285.076	63.309.950.157	165.014.217.717	105.415.321.445		**15.252.567.774.395**
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-		**879.803.132.573**
Tổng tài sản						**16.132.370.906.968**
Công nợ bộ phận	10.028.410.429.477	23.115.400.542	189.922.912.508	123.059.218.845		**10.364.507.961.372**
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-		**540.553.614**
Tổng công nợ						**10.365.048.514.986**

Tập đoàn không có HĐKD ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Tập đoàn không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

36 CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	7.462.489.414	9.692.607.449
Từ 1 đến 5 năm	18.085.950.352	23.124.670.009
Trên 5 năm	99.073.008.275	98.836.152.577
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**124.621.448.041**	**131.653.430.035**

Cam kết đầu tư tài sản cố định

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào BCTC hợp nhất như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	**416.164.193.719**	**423.043.402.346**

Cam kết góp vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này, Tập đoàn có cam kết góp vốn vào một số công ty như sau:

	Số tiền cam kết sẽ góp VND	Số tiền đã thực góp VND	Số tiền còn phải góp VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	249.990.000.000	3.400.000.000	246.590.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành	199.800.000.000	5.000.000.000	194.800.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau	149.900.000.000	1.900.000.000	148.000.000.000
	599.690.000.000	**10.300.000.000**	**589.390.000.000**

Theo quy định tại khoản 1, Điều 113 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, chủ sở hữu phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Tại ngày của BCTC hợp nhất này,Tập đoàn đang trong quá trình hoàn tất góp đủ VĐL đã đăng ký cho các công ty này.

37 NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các DA năng lượng của Tập đoàn. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày BCTC hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các DA năng lượng là chưa chắc chắn bởi vì căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành, Tập đoàn chưa xác định được liệu rằng Tập đoàn sẽ chịu chi phí tháo dỡ tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Nhà nước hay Nhà nước sẽ thu hồi đất cùng với tài sản gắn liền với đất và có quyền sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thuê tiếp theo.

BCTC hợp nhất đã được Ban TGĐ duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban TGĐ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") chịu trách nhiệm lập BCTC riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả HĐKD riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập BCTC riêng này, Ban TGĐ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập BCTC riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban TGĐ của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập BCTC riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của BCTC riêng. Ban TGĐ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho TGĐ của Công ty để phê duyệt và ký BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, căn cứ theo QĐ số 131/2024/QĐ-CT. HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2024.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn BCTC riêng đính kèm từ trang 309 đến trang 313. BCTC riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả HĐKD riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng.

Người sử dụng BCTC riêng của Công ty nên đọc cùng với BCTC hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả HĐKD hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 5900181213 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
P. PLEIKU - T. GIA LAI

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Tỉnh Gia Lai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Báo cáo kiểm toán độc lập Gửi các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán BCTC riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban TGĐ của Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2025. BCTC riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả HĐKD riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh BCTC riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 309 đến trang 313.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGĐ của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý BCTC riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng và chịu trách nhiệm về KSNB mà Ban TGĐ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày BCTC riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về BCTC riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu BCTC riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên BCTC riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong BCTC riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét KSNB của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của KSNB của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban TGĐ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể BCTC riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, BCTC riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả HĐKD riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16573
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Thái Bá Bảo Khoa
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5621-2021-006-1

Bảng cân đối riêng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**433.125.666.833**	**512.338.373.585**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**49.319.466.094**	**76.037.343.337**
111	Tiền		38.319.466.094	39.131.764.957
112	Các khoản tương đương tiền		11.000.000.000	36.905.578.380
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**6.400.000.000**	**-**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.400.000.000	-
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**316.452.879.543**	**362.370.546.178**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	90.539.112.334	94.597.462.709
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.576.756.423	2.614.057.118
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	168.900.000.000	241.900.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	54.254.719.421	23.968.227.033
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(817.708.635)	(709.200.682)
140	**Hàng tồn kho**	**9**	**59.261.895.124**	**71.135.211.603**
141	Hàng tồn kho		59.261.895.124	71.135.211.603
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**1.691.426.072**	**2.795.272.467**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	1.691.426.072	2.668.382.531
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16(a)	-	126.889.936
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.107.774.578.490**	**6.369.315.479.246**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**472.456.420**	**500.456.420**
216	Phải thu dài hạn khác		624.166.262	652.166.262
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(151.709.842)	(151.709.842)
220	**Tài sản cố định**		**1.781.683.220.016**	**1.921.707.342.803**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	1.774.042.849.330	1.911.833.480.243
222	*Nguyên giá*		3.031.718.247.863	3.029.774.563.663
223	*Giá trị khấu hao lũy kế*		(1.257.675.398.533)	(1.117.941.083.420)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	7.640.370.686	9.873.862.560
228	*Nguyên giá*		18.742.439.944	18.742.439.944
229	*Giá trị khấu hao lũy kế*		(11.102.069.258)	(8.868.577.384)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**4.129.772.728**	**4.129.772.728**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	4.129.772.728	4.129.772.728
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**4.311.778.221.792**	**4.433.531.070.953**
251	Đầu tư vào công ty con	13(a)	4.381.439.616.172	4.376.439.616.172
252	Đầu tư vào công ty liên kết	13(b)	143.790.000.000	143.790.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13(c)	(213.451.394.380)	(86.698.545.219)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**9.710.907.534**	**9.446.836.342**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	9.710.907.534	9.446.836.342
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**6.540.900.245.323**	**6.881.653.852.831**

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**2.114.312.537.274**	**2.487.129.932.898**
310	**Nợ ngắn hạn**		**847.402.991.446**	**1.269.218.520.109**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.795.077.386	1.174.239.883
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.052.108.800	5.385.224.800
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16(b)	6.071.501.591	14.121.475.560
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	9.810.930.717	35.801.063.175
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	5.004.100.821	5.392.481.855
320	Vay ngắn hạn	19(a)	811.614.187.471	1.193.256.032.261
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	12.055.084.660	14.088.002.575
330	**Nợ dài hạn**		**1.266.909.545.828**	**1.217.911.412.789**
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		277.272.726	404.545.454
337	Phải trả dài hạn khác		14.850.000	-
338	Vay dài hạn	19(b)	1.264.686.368.817	1.215.441.033.335
342	Dự phòng phải trả dài hạn	21	1.931.054.285	2.065.834.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.426.587.708.049**	**4.394.523.919.933**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**4.426.587.708.049**	**4.394.523.919.933**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	4.225.083.710.000	4.054.494.010.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.583.083.710.000*	*3.412.494.010.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*		*642.000.000.000*	*642.000.000.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	20.700.057.484	20.700.057.484
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	53.742.765.946	53.916.437.884
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	127.061.174.619	265.413.414.565
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*94.823.714.565*	*172.744.514.829*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*32.237.460.054*	*92.668.899.736*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**6.540.900.245.323**	**6.881.653.852.831**

Trần Anh Tú
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mã số		Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**587.263.122.066**	**617.773.919.700**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp (10 = 01 - 02)**	**25**	**587.263.122.066**	**617.773.919.700**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**26**	**276.325.648.265**	**276.069.022.590**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**		**310.937.473.801**	**341.704.897.110**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	229.792.536.299	296.241.612.606
22	Chi phí tài chính	28	359.422.135.386	369.659.375.805
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*28*	*219.866.767.192*	*276.986.036.155*
25	Chi phí bán hàng		-	285.672.564
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	104.976.051.505	124.511.282.387
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)**		**76.331.823.209**	**143.490.178.960**
31	Thu nhập khác		1.749.223.930	734.039.179
32	Chi phí khác		1.248.039.780	884.161.323
40	**Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)**	**30**	**501.184.150**	**(150.122.144)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**		**76.833.007.359**	**195.013.743.724**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	**31**	**713.356.776**	**4.118.389.665**
52	**Thuế TNDN hoãn lại**	**31**	**-**	**-**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)**		**76.119.650.583**	**139.221.667.151**

Trần Anh Tú
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐKD			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**76.833.007.359**	**143.340.056.816**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		142.686.939.981	146.657.975.118
03	Các khoản dự phòng		126.726.577.399	62.895.329.779
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.402.387)	(1.814.007.843)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(229.717.137.439)	(292.280.909.258)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		223.802.200.175	286.340.514.417
08	**Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động**		**340.287.185.088**	**345.138.959.029**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(15.559.604.825)	54.225.841.024
10	Giảm hàng tồn kho		11.873.316.479	28.795.848.864
11	Giảm các khoản phải trả		(17.099.894.133)	(16.764.133.875)
12	Giảm chi phí trả trước		712.885.267	6.631.416.811
14	Tiền lãi vay đã trả		(239.126.450.824)	(274.223.743.905)
15	Thuế TNDN đã nộp		(3.084.884.635)	(1.084.343.794)
17	Tiền chi khác từ HĐKD		(5.838.900.444)	(13.110.272.862)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD**		**72.163.651.973**	**129.609.571.292**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.648.326.125)	(4.494.668.405)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		3.892.610.445	1.000.000.000
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(106.400.000.000)	(57.400.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		173.000.000.000	113.840.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con và công ty liên kết		(5.000.000.000)	(293.290.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con		-	63.335.944.462
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		214.637.934.368	229.092.626.068
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**277.482.218.688**	**52.083.902.125**

Mã số		Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn		1.290.206.271.924	867.056.518.365
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.626.538.214.215)	(1.085.215.012.940)
36	Tiền chi trả cổ tức cho CĐ		(40.076.208.000)	(39.338.796.400)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(376.408.150.291)**	**(257.497.290.975)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(26.762.279.630)**	**(75.803.817.558)**
60	**Tiền đầu năm**	**3**	**76.037.343.337**	**151.827.153.052**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		44.402.387	14.007.843
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**3**	**49.319.466.094**	**76.037.343.337**

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày tại Thuyết minh 31.

Trần Anh Tú
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Trụ sở chính Gia Lai: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Văn phòng Hồ Chí Minh: Lầu 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
026 9382 3604 / 028 3999 8822
ir@geccom.vn www.geccom.vn